

CHƯƠNG TRÌNH VIẾT TIỂU SỬ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

LÊ DUẨN² TIỂU SỬ²



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LÊ DUẨN

TIỂU SỬ

CHƯƠNG TRÌNH VIẾT TIỂU SỬ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

LÊ DUẨN[?] TIỂU SỬ[?]

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2009

BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH

TRƯỜNG TẤN SANG	Trưởng ban
PHAN ĐIỂN	Ủy viên
HỒ ĐỨC VIỆT	Ủy viên
TÔ HUY RỬA	Ủy viên
LÊ HỮU NGHĨA	Ủy viên

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

LÊ HỮU NGHĨA	Chủ nhiệm
NGUYỄN KHÁNH BẬT	Phó Chủ nhiệm
LÊ VĂN TÍCH	Thư ký

BAN BIÊN SOẠN

ĐẶNG VĂN THÁI	Chủ biên
PHẠM VĂN BÌNH	
PHÙNG ĐỨC THẮNG	
TRẦN VĂN HẢI	
TRẦN MINH TRƯỜNG	
BÙI ĐÌNH PHONG	
PHẠM NGỌC ANH	
HOÀNG ĐỨC CƯỜNG	



Đōng chí Lê Duōn
(1907 - 1986)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đồng chí Lê Duẩn là một trong những chiến sĩ cách mạng tiên bối của Đảng, một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với những bước ngoặt lịch sử hào hùng của dân tộc ta trong thế kỷ XX. Gần sáu mươi năm hoạt động cách mạng liên tục, đồng chí đã có nhiều đóng góp to lớn đối với cách mạng Việt Nam và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế; cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Với tư duy mãi tiếp, ý chí kiên cường, nhiệt tình cách mạng cháy bỏng và tấm lòng cộng sản trong sáng, đồng chí được nhân dân và cách mạng tin tưởng giao phó nhiều trọng trách quan trọng của Đảng và Nhà nước ta: Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ; Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ, Bí thư Trung ương Cục miền Nam; Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam; Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cùng với tổng kết thực tiễn cách mạng phong phú, đồng chí Lê Duẩn không ngừng nghiên cứu lý luận nhằm góp phần làm sáng tỏ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và đóng góp tích cực vào kho tàng lý luận của phong trào cộng sản quốc tế. Đồng chí đã cùng với Trung ương Đảng, đứng đầu là

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, xác định đường lối và phương sách cách mạng đúng đắn, sáng tạo đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành nhiều thắng lợi huy hoàng, giải phóng miền Nam, đưa cả nước thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của đồng chí Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn (7-4-1907 - 7-4-2007), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách **Lê Duẩn Tiểu sử**, do Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng biên soạn, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo Chương trình viết tiểu sử các đồng chí Lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, do đồng chí Trương Tấn Sang - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư - làm Trưởng Ban.

Nội dung cuốn sách thể hiện một cách có hệ thống và sinh động về thân thế và sự nghiệp cách mạng, cũng như những đóng góp to lớn của Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước ta trong hơn nửa thế kỷ hào hùng và oanh liệt. Nhà xuất bản hy vọng cuốn sách sẽ cung cấp cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân những tư liệu quý về một nhà lãnh đạo cách mạng kiệt xuất của dân tộc và qua đó rút ra những bài học bổ ích, tích cực học tập, noi theo tấm gương của các anh hùng, liệt sĩ và các bậc cách mạng tiền bối đã cống hiến trọn đời vì tương lai tươi sáng của dân tộc. Do nhiều yếu tố khách quan, chắc chắn cuốn sách khó tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với đồng bào, đồng chí trong cả nước.

Tháng 3 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng chí Lê Duẩn là một trong những chiến sĩ cách mạng thuộc lớp đảng viên đầu tiên của Đảng, một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Đồng chí đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cho tự do, hạnh phúc của nhân dân.

79 tuổi đời, 56 tuổi Đảng, gần 60 năm hoạt động cách mạng liên tục ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam, đồng chí Lê Duẩn được Đảng, nhân dân tin cậy, giao phó nhiều trọng trách: Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ (1937), Uỷ viên Thường vụ Trung ương Đảng (1939), Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ, Bí thư Trung ương Cục miền Nam (1946-1954), Uỷ viên Bộ Chính trị (1951), Bí thư thứ nhất, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1960-1986). Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với quá trình cách mạng hào hùng của dân tộc ta, từ những năm 20 đến những năm 80 của thế kỷ XX.

Là nhà lãnh đạo kiệt xuất, nhà lý luận sắc bén, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam, người chiến sĩ quốc tế trong sáng được kính trọng trong phong

trào cộng sản và quốc tế và là một tấm gương sáng ngời ý chí đấu tranh của một nhà yêu nước lớn, đồng chí Lê Duẩn đã có nhiều cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân.

Cuốn sách *Lê Duẩn Tiểu sử* là kết quả của sự tham khảo, kế thừa thành tựu của những người đi trước cùng với sự cộng tác, giúp đỡ của nhiều vị lão thành cách mạng và gia đình đồng chí Lê Duẩn.

Mặc dù đã rất cố gắng, song chắc chắn công trình còn nhiều khiếm khuyết. Rất mong nhận được những ý kiến góp ý, bổ sung để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn chỉnh hơn.

Nhân dịp cuốn sách ra mắt bạn đọc, nhóm tác giả trân trọng cảm ơn sự chỉ đạo sát sao và thiết thực của Ban Chỉ đạo và Ban Chủ nhiệm chương trình; cảm ơn Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh; Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; các đồng chí lão thành cách mạng và gia đình đồng chí Lê Duẩn đã nhiệt tình cộng tác, giúp đỡ chúng tôi hoàn thành công trình này.

NHÓM TÁC GIẢ

Chương I

QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - TUỔI TRẺ (1907 - 1927)

Đồng chí Lê Duẩn sinh ngày 7-4-1907 tại làng Bích La Đông, tổng Bích La, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (nay là làng Bích La Đông, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị).

Quảng Trị - quê hương đồng chí Lê Duẩn là một tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ, có diện tích đất tự nhiên 450.200 ha; phía Đông giáp biển, phía Tây giáp nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào; phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế và phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình. Quảng Trị tựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ và ngoảnh mặt ra biển Đông bao la, phóng khoáng. Địa hình Quảng Trị, thấp dần từ Tây sang Đông, có sự đan xen giữa vùng gò đồi, thung lũng, miền nội đồng và cồn cát ven biển.

Núi rừng Quảng Trị chiếm 80% diện tích đất tự nhiên. Trước đây, phần lớn địa hình Quảng Trị được bao phủ bởi rừng rậm. Đây là một phần của dải Trường Sơn chạy dọc phía Tây thuộc toàn bộ miền Trung.

Trường Sơn là biên giới giữa hai quốc gia Lào - Việt với đặc điểm khí hậu “Đông nắng, Tây mưa”, nhưng chưa bao giờ trở thành biên giới tộc người, biên giới văn hoá đối với người Bru - Vân Kiều, Tà Ôi (Vân Kiều, Pa Cô) cũng như người Việt; mà là gạch nối liên tục trong lịch sử thông qua cửa khẩu Lao Bảo. Phía trước các dãy núi cao là vô số đồi đất đỏ lan toả từ Vĩnh Linh, Do Linh đến Cam Lộ, từ Trường Sơn đến mép biển Cửa Tùng. Ở vùng Đông Vĩnh Linh, các đồi đất đỏ badan nhô ra phía trước, tạo thành những mũi đất lẫn đá trông giống như những con khủng long trườn mình ra biển. Xen kẽ với địa hình vùng đất đỏ badan là thung lũng, bồn địa và các dòng suối nhỏ ngang, dọc hợp thành các con sông lớn mà tiêu biểu là *Nguồn Hàn* - con sông bao đời nay đã trở thành biểu tượng ăn sâu vào tiềm thức người Quảng Trị. Từ lâu, trong dân gian đã lưu truyền câu ca:

Chẳng thơm cũng thể hương đàn,

Không trong cũng nước Nguồn Hàn chảy ra.

Những dải đồng bằng hẹp hay thung lũng lớn thuộc lưu vực các sông chảy từ phía Tây xuống biển Đông như: sông Hiền Lương, sông Hiếu, sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Định, sông Ô Lâu, sông Lai Phước là những dải ruộng nước và bãi đất hoa màu. Dọc ven các triền sông là những dải đất cao, trên đó là những làng xóm khá trù phú. Diện tích đồng bằng Quảng Trị nhỏ, chỉ chiếm

khoảng 20% đất tự nhiên, có độ cao trung bình 1,5 - 2,5m so với mực nước biển.

Do địa hình Quảng Trị có độ ngắn cách hẹp, sông ngắn nên mặc dù mật độ sông ngòi dày nhưng lòng sông có độ dốc cao, nhiều thác ghềnh nên lượng phù sa ít, độ phì nhiêu kém xa vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. Chính vì vậy, ưu thế của Quảng Trị xưa nay không thuộc về cây lúa nước, nhưng lúa chiêm chịu hạn là một thành quả của cư dân cổ vùng này nói riêng, của miền Trung nói chung.

Đọc theo bờ biển Quảng Trị từ phía Nam kéo dài tới vùng ven biển Nam Trung Bộ là những dải cồn cát trắng xen kẽ giữa nội đồng và ven biển. Những cồn cát này không ổn định, thường di động vào mùa gió Tây Nam và có xu hướng lấn dần đồng ruộng.

Thêm lục địa Quảng Trị mang nặng những đặc điểm của bán đảo. Chạy dài theo bờ biển là các bãi cát mịn, độ thoát lớn, mực nước không quá sâu. Có hai con sông lớn chảy từ Tây sang Đông ra biển đã tạo thành hai cửa biển: Cửa Tùng và Cửa Việt vốn đã trở thành hai cảng sông, cảng biển từ khá sớm trong lịch sử. Ngoài khơi có đảo ven bờ là Cồn Cỏ, nằm cách Cửa Tùng hơn một dặm, đứng vững một mình trấn giữ cửa biển.

Cũng như các địa phương khác của Việt Nam, Quảng Trị nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng lắm, mưa nhiều, nền nhiệt cao. Nhưng Quảng Trị

lại thuộc tiểu vùng khí hậu Trung Trung Bộ, có một mùa mưa lệch pha với hai đầu Nam-Bắc. Mưa đi liền với rét, nắng đi liền với khô nóng. So với các vùng khác thì Quảng Trị một năm có một mùa nắng khá gay gắt. Nắng đi liền khô nóng với đặc trưng là gió Tây Nam mà dân gian quen gọi là *gió Lào* làm cho tháng Ba, tháng Tư trở thành “tháng khốn, tháng nạn”. Sự khắc nghiệt của thời tiết đã từng làm cho con người Quảng Trị phải chịu lắm nỗi gian truân, vất vả. Chính điều đó đã tạo nên những nét rất riêng được coi là bản sắc của một vùng văn hoá đậm tính khu biệt.

Địa danh Quảng Trị xuất hiện từ đầu thời Gia Long, nhưng đất này vốn có một quá trình lịch sử rất dài từ hàng vạn năm trước. Đến thời Hán thì thuộc quận Nhật Nam, sau là đất châu Ô và châu Ma Linh của vương quốc Chăm-pa cổ. Đời Lý lấy châu Ma Linh đặt lại là châu Minh Linh. Đời Trần lấy châu Ô đặt thành châu Thuận và đặt thêm 4 huyện là: Thạch Lan, Ba Lãng, Lợi Điều và An Nhân thuộc vào châu Thuận. Thời thuộc Minh, hợp cả 4 huyện vào châu Thuận thuộc phủ Thuận Hoá. Đầu đời Hậu Lê, chính quyền phong kiến đặt châu Minh Linh thuộc phủ Tân Bình còn châu Thuận chia đặt thành hai huyện Võ Xương và Hải Lăng thuộc phủ Triệu Phong và nằm trong Thuận Hoá thừa tuyên. Đời Gia Long lấy châu Minh Linh thuộc phủ Quảng Bình và hai huyện Đăng Xương, Hải Lăng thuộc phủ Triệu Phong

đặt thành dinh Quảng Trị. Năm Minh Mệnh thứ 8 đổi dinh Quảng Trị thành trấn Quảng Trị. Năm Minh Mệnh thứ 13, đổi trấn Quảng Trị thành tỉnh Quảng Trị. Năm Tự Đức thứ 6 đặt là đạo Quảng Trị thuộc phủ Thừa Thiên bao gồm huyện Hải Lăng, huyện Đăng Xương, huyện Minh Linh, huyện Địa Linh, huyện Thành Hoá. Đến năm Tự Đức thứ 29, đạo Quảng Trị không thuộc Kinh sư nữa mà trở thành một tỉnh độc lập như trước¹.

Trong lịch sử tồn tại và phát triển, Quảng Trị đã từng được coi là *trọng trấn*, là *trấn biên* phía Nam của Tổ quốc, là *tiêu điểm* ác liệt nhất của các cuộc kháng chiến chống xâm lăng; là thủ phủ chính trị và cũng từng là ranh giới của các cuộc chia cắt Bắc - Nam. Ít có một mảnh đất nào lại phải chịu nhiều xáo trộn, biến động, chia cắt, phân ly và là chiến trường khốc liệt của nhiều cuộc chiến tranh kéo dài, sinh tử, cũng như phải đương đầu với bao cơn đại hạn, đại hồng thủy như ở Quảng Trị. Điều kiện sống như vậy đã hình thành trong con người Quảng Trị truyền thống lao động cần cù, chịu thương, chịu khó, bản lĩnh không bao giờ chịu khuất phục và lùi bước trước khó khăn, gian khổ để vượt lên, chiến thắng thiên tai, địch họa. Quá trình tồn tại và

1. Theo sách *Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Trị*, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Quảng Trị xuất bản năm 2004, tr. 14.

phát triển của mảnh đất này là quá trình con người tự chinh phục, đấu tranh và sáng tạo để khẳng định mình. Ý thức tin tưởng về ngày mai “*còn da lông mọc, còn chồi nảy cây*” đã trở thành nền tảng tinh thần cho người dân Quảng Trị phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức.

Quảng Trị - mảnh đất nghèo khó nhưng giàu truyền thống yêu nước. Với truyền thống cần cù, thông minh, chịu thương chịu khó và tinh thần lạc quan tự tin vào chính mình, con người Quảng Trị đã luôn vững vàng trước mọi thử thách, vượt qua mọi hoàn cảnh để không ngừng vươn lên và lập nên những kỳ tích trong đấu tranh và xây dựng, đã sản sinh ra những con người người tài hoa, lỗi lạc làm rạng danh cho quê hương, đất nước, xứng đáng là vùng đất “*địa linh nhân kiệt*”.

Suốt nhiều thế kỷ (từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XIX), Quảng Trị luôn nằm trong sự giao tranh ác liệt của các thế lực phong kiến và các thế lực ngoại xâm. Đó là vùng đất luôn luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Sông Ái Tử gắn với tên tuổi Đặng Dung từng làm cho tướng nhà Minh là Trương Phụ phải kinh hoàng vào năm 1413. Thành Tân Sở gắn với vị vua yêu nước Hàm Nghi và nhóm chủ chiến triều đình Huế dựng cờ nghĩa Cần Vương chống Pháp. Dinh Hà Thượng nổi danh một thời bởi cuộc tụ nghĩa của Đốc Đồng Trương Đình Hội Năm 1885, Pháp đánh chiếm Huế, Tôn Thất Thuyết đưa Hàm Nghi ra Tân Sở, các sĩ phu yêu

nước ra hiệu triệu Bình Tây, nhân dân Quảng Trị giúp đỡ xây dựng cơ sở cho nghĩa quân chống Pháp. Phong trào kéo dài từ năm 1885 đến năm 1886.

Năm 1908, ở Quảng Trị xuất hiện phong trào chống thuế, hàng ngàn dân nghèo biểu tình tại bãi cát An Tiêm đòi giảm sưu thuế, bị thực dân Pháp và Nam Triều đàn áp, bốn người bị chúng xử tử.

Năm 1916, nhân dân Quảng Trị chuẩn bị lực lượng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Vua Duy Tân do Lê Thế Vỹ (Tuồng Vân), Trần Hoàn (Phương Sơn), Khoá Bảo (Cam Lộ) cầm đầu.

Mặc dù không giành được thắng lợi, nhưng các phong trào nói trên đã khơi dậy tinh thần yêu nước của đông đảo nhân dân Quảng Trị, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Làng Bích La, quê hương đồng chí Lê Duẩn là một làng có lịch sử lâu đời. Tộc họ Lê Văn là một trong 15 tộc họ đồng khai khẩn đã góp phần không nhỏ vào truyền thống tốt đẹp trong lịch sử dựng nghiệp ở làng ngay từ buổi ban đầu. Gần 5 thế kỷ, kể từ ngày khai hoang lập làng, lập xã, vừa chống chọi với thiên tai địch họa, vừa tạo dựng cơ đồ, người dân Bích La nói chung, các thế hệ con cháu trong tộc họ Lê Văn nói riêng đã vun đắp nên nhiều truyền thống tốt đẹp được lưu giữ và phát triển từ đời này qua đời khác. Đặc biệt, nổi bật là truyền thống trọng nghĩa, trọng tình, đoàn kết tương ái, tương thân, yêu nước, thương dân. Nền tảng của truyền

thống đó là cái tâm, cái đức được các thế hệ luôn luôn gìn giữ và phát triển.

Cùng với truyền thống trọng đức, trọng nghĩa, truyền thống hiếu học của các con cháu tộc họ Lê Văn cũng góp phần làm rạng danh cho quê hương, làng xóm, họ tộc. Mảnh đất Bích La từ xưa đã nổi tiếng là “Lò sinh quan, nôi sinh sĩ tử”.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, con cháu tộc họ Lê Văn đã tích cực hưởng ứng phong trào Cần Vương và các phong trào chống Pháp khác ở Quảng Trị. Năm 1882, nhiều con cháu của tộc họ Lê Văn cùng bà con trong làng theo Lê Hữu Thường - Thượng Thư Bộ Công của triều đình, ra xây dựng Sơn Phòng (vùng Cù - Quảng Trị) theo chủ trương của Tôn Thất Thuyết để chuẩn bị chống Pháp. Điển hình có cụ Chánh Vệ uý Lê Văn Thống, cụ Đề đốc Lê Văn Tạng. Các cụ đã từng cùng với cụ Suất đội Phan Cư (làng Nại Cù) đem quân đánh chiếm thành Quảng Trị.

Ông nội đồng chí Lê Duẩn là cụ Lê Văn Thống có 9 người con. Thân phụ đồng chí - ông Lê Văn Hiệp - là con út. Ông Hiệp học chữ nho và đỗ khoá sinh. Thấy làng Hậu Kiên là nơi có vị trí làm ăn thuận lợi, ông chuyển cả gia đình sang chợ Sãi¹, làng Hậu Kiên làm

1. Theo tục truyền, thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, làng Ái Tử có phong cảnh đẹp trên bến dưới thuyền, chúa Sãi cho là nơi buôn bán được, đã lập chợ ở đó, về sau gọi là chợ Sãi.

nghề thợ mộc. Thân mẫu đồng chí Lê Duẩn, bà Võ Thị Đạo, quê ở xã Đầu Kênh, làng Bích La. Gia đình bà làm ruộng. Bà Khoá Hiệp được nhiều người yêu quý vì hiền lành, phúc hậu, hay giúp đỡ người nghèo.

Chợ Sãi nằm gần ngã ba sông Thạch Hãn và sông Vĩnh Định là nơi thuận tiện cho việc giao lưu hàng hoá giữa vùng rừng núi phía Tây với đồng bằng ven biển. Vì vậy, dưới thời Pháp thuộc, chợ Sãi rất sầm uất, luôn tấp nập kẻ mua người bán, trên bến, dưới thuyền.

Ông Hiệp có một xưởng mộc nhỏ và cửa hàng bán đồ gỗ ở chợ Sãi. Ông Hiệp được giáo dục trong một gia đình có nề nếp, luôn chăm lo cuộc sống của gia đình. Tuy vậy, mặc dù ông đã cố gắng làm hết sức mình, nhưng gia đình cũng chỉ đủ ăn. Hậu Kiên là một làng nhỏ cách Bích La khoảng ba, bốn kilômét. Mặc dù là người tứ xứ tập hợp về đây làm ăn sinh sống, nhưng dân làng Hậu Kiên rất thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Cũng như phần lớn người dân Hậu Kiên, các gia đình sinh sống ở chợ Sãi chủ yếu làm nghề thủ công và sống bằng gạo chợ, nước sông. Tuy ở phố chợ, nhưng cuộc sống của bà con rất cơ cực, quanh năm chạy ăn mà vẫn đói. Nét nổi bật của con người Hậu Kiên là sống thuỷ chung, tình nghĩa, nhà ai có việc gì, tất cả cùng lo chung. Thời kỳ đồng chí Lê Duẩn bị đày ở Côn Đảo lần thứ nhất (trong những năm 1933 - 1936), bọn giặc vây ráp, khủng bố chung quanh nhà, không cho gia đình làm ăn sinh sống. Thấy

tình cảnh như vậy, dân làng kẻ ít người nhiều lén giấu giặc tiếp tế tiền và gạo qua máng nước, trên mái nhà, giúp cho gia đình đồng chí qua lúc gian nan. Cả làng Hậu Kiên chở che cho đồng chí trong suốt thời kỳ đồng chí hoạt động ở Trung Kỳ, những năm 1936 - 1939.

Ông Hiệp và bà Đạo sinh được năm người con. Sau khi hai người con đầu bị bệnh chết sớm, bà Đạo sinh người con thứ tư là con trai, cả nhà đều mừng. Năm 1907 là năm nhuận, cậu bé được đặt tên là Lê Văn Nhuận.

Ông Hiệp rất quý con trai, giữ không cho ra khỏi nhà. Trước nhà ông là dòng sông Thạch Hãn, sợ con chết đuối, ông cấm con bơi lội, nghịch nước. Trẻ con rủ cậu Nhuận tập đá bóng, ông cũng cấm, sợ ảnh hưởng đến sức khỏe. Cùng với mấy trẻ hàng xóm, cậu Ba¹ thường thích những trò chơi nhẹ nhàng như bắt chuồn chuồn, moi dế, các cậu chơi với nhau rất vui vẻ, không bao giờ cãi cọ hoặc đánh nhau. Tuổi thơ của cậu Ba cứ thế trôi đi cùng với cuộc sống nghèo khổ của gia đình, bạn bè và bà con Hậu Kiên.

Khi theo cha sang làng Hậu Kiên, cậu bé Lê Văn Nhuận mới khoảng 5 - 6 tuổi. Thấy con trai thông minh, hiếu học, ông Hiệp đặt rất nhiều hy vọng vào con mình. Cuộc sống gia đình có nhiều khó khăn, công việc thợ

1. Sau khi hai người con đầu chết, đồng chí Lê Duẩn là con thứ hai trong gia đình, ở quê gọi là Ba.

mộc vất vả, nhưng ông cố gắng cho con ăn học. Ông đưa con đến ông Bộ Hoà, người cùng làng học chữ Hán. Mặc dù muốn học chữ Quốc ngữ, nhưng Lê Văn Nhuận vâng lời cha, chăm chỉ học hành.

Ít lâu sau, gia đình họ Cao là hàng xóm nhà ông bà Hiệp thuê thầy về dạy riêng cho các con và rủ Lê Văn Nhuận sang cùng học cho vui. Ông Hiệp thấy thầy Tú Trăm là người mực thước, đồng ý cho con theo học. Thời gian này Lê Văn Nhuận vừa học chữ quốc ngữ, vừa học chữ Hán ở làng Hậu Kiên.

Năm 1914, Lê Văn Nhuận bảy tuổi. Khi đó ở phủ Triệu Phong đã có trường học. Nhuận cùng nhóm chuyển học ở trường phủ, cách chợ Sãi hơn một kilômét. Hằng ngày, học sinh đến lớp học buổi sáng và chiều. Ngay từ khi còn nhỏ, Nhuận không thích mặc đồ tây. Khi đi học, Nhuận thường mặc áo dài đen, quần trắng, đi đôi guốc gỗ. Những ngày nghỉ học, cậu thường theo mẹ đi chùa quanh khu vực làng Hậu Kiên như: Chùa Hậu Kiên, chùa Xuân An, chùa Tỉnh Hội... Vào chùa cậu bắt chước mẹ lạy Phật kính cẩn và cậu thích ngắm những ông tượng đầy vẻ từ bi, bác ái. Nhuận có thể ngồi hàng buổi nghe tụng kinh, gõ mõ. Các sư ở chùa Hậu Kiên mến cậu bé gầy gò có đôi mắt nhân hậu, thường mời cậu ăn chè. Khi đến tuổi thành niên, Nhuận rất thích đọc các sách về kinh Phật.

Học cùng lớp, cùng làng, nhóm Lê Văn Nhuận, Cao

Anh, Cao Phiệt, Cao Thị Tuyết rất thân nhau, chiều chiều các bạn trẻ thường rủ nhau đi moi dế, bắt chuồn chuồn. Tuyết ít tuổi nhất lại là con gái nên được cả nhóm cưng chiều. Mỗi khi trong nhóm ai bắt được con chuồn chuồn đẹp lại cho Tuyết, Tuyết có kẹo ngon mẹ cho không ăn, giấu trong tay áo để phần các anh. Trong nhóm có Lê Văn Nhuận được mọi người quý và nể vì cậu học giỏi lại khiêm tốn. Được khen cậu xấu hổ, đỏ mặt bẽn lẽn như con gái. Bao nhiêu giấy khen thời gian học ở trường phủ Triệu Phong cậu đều giấu không cho gia đình biết.

Do ảnh hưởng của quê hương, làng xóm và nhất là tình thương vô hạn của người mẹ mẫu mực, ngay từ thuở thiếu niên, Lê Văn Nhuận đã tỏ ra là một người trung thực, giàu lòng nhân ái. Cạnh nhà ông Hiệp có bà cụ Mỹ sống cô đơn. Thỉnh thoảng cậu Ba vẫn bưng biếu bà tô canh, đĩa cơm và không quên bỏ bớt phần khoai độn. Đôi khi cậu còn lén xúc gạo của nhà mang sang cho bà cụ. Đối với cha mẹ, cậu Ba là một người con hiếu thảo, nhà thiếu gạo, cơm thường thiếu ít, cả nhà nhường cho cậu Ba nhưng không bao giờ cậu chịu ăn riêng. Cậu Ba rất thương chị, thương em. Đối với em gái, cậu là một người anh mẫu mực. Vì nhà nghèo chỉ có một mình cậu được cấp sách đến trường, thương em gái không được học, cậu dành nhiều thời giờ dạy em học ở nhà.

Làng Hậu Kiên nằm kề bên sông Thạch Hãn. Đây là

con sông nổi tiếng nước trong xanh, nhưng cũng rất hung dữ trong những ngày mưa lũ. Nhiều người đã chết đuối ở dòng sông này. Năm 12 tuổi, một lần đi học về nóng nực, người anh họ cùng tuổi rủ Nhuận lén xuống sông tắm. Người anh họ không biết bơi bị dòng nước cuốn trôi. Không chần chừ, Nhuận lao ra cứu anh và cả hai cùng bị chìm ngấm. May nhờ có anh Thí và anh Khương đi qua trông thấy xuống cứu được hai anh em. Sau này, khi đi làm anh Nhuận đã dành trọn cả tháng tiền công đầu tiên mua vải biếu anh Khương may áo. Sau ngày giải phóng, mỗi lần về quê, đồng chí Lê Duẩn cũng tìm về thăm ông Thí ở An Mỹ và những bạn bè thời thơ ấu. Mọi người gặp gỡ, thường nhắc lại những kỷ niệm tuổi thơ.

Hồi ấy, học trò trường phủ hầu hết là con nhà khá giả, Lê Văn Nhuận là một trong số ít những học trò nghèo, nhưng cậu rất chăm học và quyết tâm học giỏi. Ngoài giờ học, Nhuận tận dụng thời gian rảnh rỗi dạy em gái học và phụ giúp công việc lật vật trong gia đình.

Nhuận thường được mẹ kể cho nghe cuộc sống khổ cực của ông bà ngoại, của bà con xóm làng; cảnh người dì ruột của cậu đã lớn mà không có áo quần che kín thân, cảnh cả gia đình nhiều ngày không có bát cơm lót bụng. Mỗi lần nghe mẹ kể như thế, cậu thường gục mặt vào lòng mẹ chan hoà dòng lệ. Những câu chuyện của người mẹ đã dần dần bồi đắp nên tình yêu thương con người, yêu quê hương, làng xóm trong con người cậu bé Lê Văn Nhuận.

Lên 9-10 tuổi, cậu bé Nhuận thường được bố cho ngồi hầu nước trong các cuộc đàm đạo của các cụ cao tuổi trong làng. Nhuận được nghe kể chuyện về ông Đề Núc (làng Linh Yên, xã Triệu Trạch) với khẩu hiệu “Bình Tây” đã lôi kéo được đông đảo nhân dân nổi dậy đấu tranh chống Pháp, đánh dấu sự phát triển đến đỉnh cao của phong trào Văn thân ở Quảng Trị, chuyện Vua Duy Tân chống Pháp bị đi đày; vua Hàm Nghi ra Tân Sở (Quảng Trị) hạ chiếu Cần Vương kêu gọi kháng chiến; chuyện những “quốc sự phạm” ở nhà đày Lao Bảo nổi dậy đã để lại nhiều ấn tượng trong lòng cậu thời niên thiếu. Cậu hy vọng một ngày nào đó đi đánh Tây cứu nước, cứu dân.

Sáng sáng Nhuận ăn qua loa rồi mang theo vài củ khoai đến trường học. Năm sau, gia đình cho anh trọ học ngay tại trường; trường học ở thành cổ Quảng Trị, cách nhà khoảng ba kilômét. Ở trường cũng có nhiều học trò trọ học. Học trò ăn cơm hết ba đồng một tháng. Riêng với anh Nhuận, bà Đội Nam cho trọ nhờ, chỉ lấy tiền ăn đồng rưỡi một tháng. Về sau thấy anh là một học trò chăm chỉ, ngoan ngoãn, bà Đội Nam không lấy tiền ăn nữa. Bà có cảm tình với anh, định gả con gái cho anh. Biết ý định của bà Đội Nam, anh Nhuận không trọ học ở đó nữa.

Năm năm trôi qua trong tuổi thơ đẹp đẽ. Năm 1920, cả huyện Triệu Phong có khoảng bốn, năm chục người thi sơ học yếu lược (lớp ba hiện nay). Kỳ thi này khó, chỉ có khoảng một nửa số thí sinh dự thi được đỗ. Cả nhóm

học sinh Hậu Kiên đều đỗ, riêng Lê Văn Nhuận đỗ vào loại khá, được lên học trường tỉnh Quảng Trị.

Đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp cho mở Trường Tiểu học Pháp - Việt ở các tỉnh. Trường Tiểu học Pháp - Việt Quảng Trị ra đời. Lúc đó, cả tỉnh Quảng Trị mới có một trường tiểu học với khoảng 50 học sinh. Trường có năm lớp, mỗi lớp chỉ khoảng chục trò. Học sinh bắt đầu vào học lớp ba. Sau một năm thì lên lớp nhì. Học lớp nhì cũng một năm, trò nào thi đỗ được lên lớp nhất. Thời gian đó sách học rất thiếu, khi học thầy viết lên bảng, trò phải chép tay vào vở.

Trường Tiểu học Pháp - Việt Quảng Trị lúc đầu chỉ có người Việt dạy, sau có cả người Pháp. Thầy hiệu trưởng người Việt tên là Cung Quang Mậu. Ở trường, học sinh phải học các môn: toán, vạn vật, lịch sử, địa lý... những năm đầu bằng tiếng Việt, sau bằng tiếng Pháp. Trong năm đầu Nhuận học không giỏi, những năm sau khá dần. Anh chăm chỉ học tập tất cả các môn học, nhưng say mê hơn là môn lịch sử và văn học. Anh rất thích và thuộc nhiều thơ văn của Phan Bội Châu. Những vần thơ đầy hào khí và dạt dào tình yêu quê hương đất nước của cụ Phan đã để lại trong tâm trí anh những ấn tượng sâu sắc.

Ở trường Tiểu học, Lê Văn Nhuận được bạn bè yêu mến vì anh sống tình cảm, hay giúp đỡ người khác. Thầy dạy lớp nhất của anh là Thanh Trọng Thực cũng có cảm tình với người học trò nghèo mà chăm chỉ ở làng Hậu Kiên.

Năm 1923, Lê Văn Nhuận thi tiểu học. Hồi đó ở Hậu Kiên chỉ có bốn người học ở trường tỉnh¹. Lê Văn Nhuận là người học trò đầu tiên ở Hậu Kiên tốt nghiệp Trường Tiểu học Pháp - Việt Quảng Trị. Hôm đó, các bạn Cao Anh, Cao Phiệt, Hoàng Hữu Thước thông tin về làng, bà con hàng xóm kéo đến đầy nhà chúc mừng. Ông Hiệp hết lời khoe về người con "đỗ đạt". Nhuận bực mình nói với bố: Con được học vài chữ để biết, để khỏi phải bưng nước hấu hạ người ta, chứ có gì mà cha phải khoe. Nói rồi, anh lánh mặt trong suốt ngày hôm đó.

Sau khi thi đậu bằng tiểu học, nhóm học sinh Hậu Kiên mỗi người đi học một nghề: Cao Anh thi vào trường công nghệ thực hành, Cao Phiệt học trường bưu điện. Lê Văn Nhuận vào Huế chuẩn bị thi vào trường Quốc học.

Trường Quốc học Huế được xây dựng vào năm 1896². Lúc đầu trường có các lớp: Tôn ấm, Tuần tú, Khoa mục, Hành nhân. Về sau có Ban Quan viên tứ đệ gồm 1 lớp nhất, 2 lớp nhì, 2 sơ đẳng và 4 lớp dự bị. Trước cổng trường có trồng bia đá chạm hình tượng con ngựa hoá rồng. Hình tượng này có ý nghĩa: ngựa là con

1. Bốn người học ở trường tỉnh là: Lê Văn Nhuận, Cao Phiệt, Cao Anh và Hoàng Hữu Thước (Hoàng Hữu Thước là em ruột đồng chí Hoàng Thị Ai).

2. Trường Quốc học Huế được thành lập theo Sắc dụ ngày 17-9 năm Thành Thái thứ 8 và Nghị định ngày 18-11-1896 của Phủ Toàn quyền Đông Dương.

vật thông minh, có tình nghĩa được hoá rồng là hình tượng linh thiêng của đất nước. Trường có hai dãy lớp học, mỗi dãy có hai tầng, tầng trên có 8 phòng học, tầng dưới cũng có 8 phòng học, mỗi phòng là một giảng đường lớn, có thể chứa được nhiều người. Phía cuối trường có một phòng lớn để học sinh chơi thể thao. Nhà trường có bốn nhà ăn và hai kho cạnh bếp.

Khoá học năm 1924 - 1925, Trường Quốc học Huế chỉ tuyển 20 học sinh. Những ai đỗ từ thứ 21 đến thứ 24 sẽ được học dự thính khoảng 6 tháng. Sau 6 tháng, nếu trong số 20 học sinh thi đỗ chính thức không ai đau ốm hoặc vì lý do chính trị buộc phải thôi học thì những học sinh dự thính cũng sẽ buộc phải nghỉ học. Sau kỳ thi tuyển, phần lớn những con nhà giàu, có thể lực đã trúng tuyển. Trong thời gian chuẩn bị thi, Lê Văn Nhuận mắc bệnh thương hàn, mọi người khuyên anh không nên đi thi nữa. Không nản chí, tuy mới ốm dậy, sức khoẻ còn kém, thời gian ôn thi không được nhiều, nhưng anh vẫn dự thi nên không đỗ chính thức và chỉ được học dự thính. Hết thời gian học dự thính, không được chuyển lên chính thức, anh tiếp tục ở lại Huế để ôn luyện, chuẩn bị cho kỳ thi sau.

Tháng 11-1925, thực dân Pháp mở phiên toà xử cụ Phan Bội Châu. Cụ Phan bị toà tuyên án tử hình. Cả nước dậy lên phong trào đòi giảm án cho cụ Phan Bội Châu. Học sinh Huế tích cực hưởng ứng. Lê Văn Nhuận hoà mình vào phong trào chung của tuổi trẻ. Sau phong

trào đấu tranh đòi giảm án cho cụ Phan Bội Châu, anh trở về quê để chuẩn bị cho những chuyến đi xa.

Giã từ cuộc đời học sinh, trở về quê hương, anh suy ngẫm mãi về những ngày sôi động ở Huế với những cuộc hội thảo, những ngày xuống đường, những gương mặt bạn bè trẻ trung, rạng rỡ và tràn đầy nhựa sống. Một lần nữa những vần thơ đầy tâm huyết và dạt dào tình yêu quê hương đất nước của cụ Phan Bội Châu lại xốn xang trong lòng. Anh đã thấy những học sinh thành Huế, những trí thức tương lai với con đường công danh rộng mở, vẫn sẵn sàng chới bỏ để lao vào cuộc đấu tranh. Đây cũng là khuynh hướng chung của tuổi trẻ học đường khắp mọi miền đất nước: "Năm 1924 - 1925 đến năm 1930, giới học sinh tiểu tư sản phát triển theo hai khuynh hướng: tư sản và vô sản. Họ có một đặc điểm chung là ý thức dân tộc rất mạnh. Họ không bị ràng buộc bởi quyền lợi giai cấp. Họ là lớp người có khả năng tiếp thu nhanh những trào lưu tư tưởng tiến bộ và dễ cuốn hút vào phong trào yêu nước"¹.

Trở về quê hương, hằng ngày tiếp xúc với cuộc sống vất vả của bà con lối xóm, nỗi thương dân lại càng thêm nhức nhối. Phải làm gì để thay đổi cuộc đời, cho mọi

1. *Đồng chí Lê Duẩn nói về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Tài liệu lưu trữ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu 102B.

người đỡ khổ? Nỗi day dứt cứ lớn dần trong anh, đeo đuổi, giày vò và thúc giục không nguôi.

Thấy con trở về, ông Hiệp thoáng buồn. Từ cội lòng, ông vẫn chưa hoàn toàn dứt bỏ được những tơ vương với chốn quan trường. Ông thực lòng mong con mình thành đạt. Cũng như chồng, bà Đạo thương con với cả tấm lòng của người mẹ, nhưng bà là người biết chế ngự được tình cảm của mình. Người con trai là cả cuộc đời bà, nhưng bà cũng là người hiểu con hơn ai hết. Bà đã dồn nén tình thương của người mẹ, khuyến khích con mình thực hiện những lý tưởng đã chọn.

Với tám bằng tiểu học còn khá hiếm hoi lúc bấy giờ. Lê Văn Nhuận có thể dễ dàng xin làm một nhân viên thư ký ở Quảng Trị và yên phận với cuộc sống gia đình. Nhưng rồi quê hương, gia đình và khát vọng tuổi xuân đã thúc giục anh ra đi, tìm đến những chân trời rộng mở. Nhưng đi đâu và làm gì? Cũng như nhiều thanh niên có tri thức và giàu lòng yêu nước lúc bấy giờ, anh chưa thể lý giải và định hướng được rõ ràng, nhưng không thể ở lại Quảng Trị, một vùng quê hẻo lánh, không có bến tàu, xưởng máy, hầm mỏ hay những hãng buôn lớn. Mỗi ngày chỉ có một chuyến tàu chợ từ Đông Hà vào Huế rồi lại quay ra. Sự giao lưu với bên ngoài rất hạn chế.

Anh đã chọn Đà Nẵng làm nơi tạm dừng chân vì trong những năm này ngành thương mại Đà Nẵng đang phát triển, cần tuyển nhiều công nhân kỹ thuật. Những

người có bằng tiểu học có thể dễ dàng xin việc làm ở các công sở của Pháp.

Lê Văn Nhuận xin vào làm "gia sư" cho gia đình ông thông Tuân, người Quảng Trị, làm y tá tại Nhà thương Đà Nẵng. Hàng ngày, anh trông nom, dạy dỗ hai đứa con ông thông Tuân rồi đưa chúng đi dạo chơi các bãi biển, bến tàu, phố chợ. Quan sát cuộc sống, sinh hoạt của người dân Đà Nẵng anh nhận ra rằng, người lao động ở đâu cũng khổ, quyền sống bị chà đạp, nhân phẩm bị xúc phạm. Anh thường lui tới các hiệu sách, quầy báo hay đi gặp gỡ bạn bè. Gia đình ông thông Tuân rất mến người thanh niên hiền lành ít nói. Biết anh đã đậu bằng tiểu học, ông thông Tuân xin cho anh vào làm nhân viên ở ga Đà Nẵng.

Được sự giới thiệu của ông thông Tuân và qua kỳ thi tuyển, tháng 5-1926, Lê Văn Nhuận được tuyển vào làm ở Hỏa xa Đà Nẵng.

Ở Đà Nẵng, anh Nhuận gặp nhiều thanh niên cũng như anh đang có chí hướng và hoài bão được góp sức mình làm thay đổi cuộc sống của những người dân lao động.

Phong trào yêu nước ở Quảng Nam - Đà Nẵng trong những năm 1925 - 1926 phát triển khá mạnh mẽ. Trung tâm tuyên truyền cách mạng là nhóm ở Bưu điện Đà Nẵng. Nhóm này gồm các anh: Lê Văn Hiến, Nguyễn Sơn Trà, anh Trị, anh Mỹ... Ở đây thường nhận được sách báo, bí mật và công khai từ trong Nam, ngoài

Bắc và cả từ Pháp gửi tới. Mỗi lần có báo *Việt Nam hôn, Tân thế kỷ*... hoặc sách của Đidơrô, Rômanh Rôlăng, Víchto Huygô là anh em cùng nhau đọc đi, đọc lại.

Đồng chí Phan Văn Định kể: "Lúc đầu nhóm chúng tôi toàn là anh em lái xe, gồm các anh Nguyễn Hữu Tri (Thanh Hoá), Nguyễn Bình (Nghệ An), Phan Hữu Mỹ (Thừa Thiên), Ba Hồng (Đà Nẵng) và tôi (Phan Văn Định). Chúng tôi quen nhau hay họp nhóm chuyện trò, trao đổi, chưa thành lập tổ chức gì và thường xuyên liên hệ với nhóm anh Hiến để mượn sách báo.

Một thời gian sau đó có một thanh niên với đôi mắt sắc, nét mặt cương nghị, da bánh mật, trạc 19 tuổi tới. Anh tự giới thiệu là Lê Nhuận và bảo thầy Tuân cho biết ở đây có phong trào thanh niên ái quốc, anh tìm đến để làm quen. Mấy tuần sau anh Nhuận tìm được việc ở nhà ga Đà Nẵng. Từ đó nhóm lái xe chúng tôi sinh hoạt sôi nổi hơn"¹.

Thời gian này, trước sự phản đối mạnh mẽ của cả nước, thực dân Pháp buộc phải ân xá cụ Phan Bội Châu và đưa về giam lỏng ở Huế. Trong một lần vào Đà Nẵng, cụ nghỉ lại nhà bác sĩ Phạm Doãn Đĩnh. Nhóm thanh niên ái quốc đến thăm cụ Phan. Trong khi tiếp chuyện, cụ hơi buồn, nói giọng phẫn kích: Anh em làm nghề gì bây giờ cũng là làm nô lệ. Ngay bác sĩ Đĩnh ở đây cũng

1. *Buổi đầu gieo hạt*, (tập hồi ký), tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

là nô lệ của chúng, anh em trẻ sức dài vai rộng nên tìm cách thoát cho được ách nô lệ này. Những lời nói đầy tâm huyết của cụ Phan càng hun đúc thêm quyết tâm của anh em trong nhóm ái quốc: Pháp là kẻ thù không đội trời chung với nhân dân ta. Phải thoát khỏi ách nô lệ, phải đánh Pháp.

Ở nhà ga Đà Nẵng, công việc tuy mới mẻ nhưng vốn ham hiểu biết lại cần cù, chịu khó nên Lê Văn Nhuận nhanh chóng được mọi người quý mến. Công việc khá ổn định nhưng anh vẫn âm thầm ôm ấp những hoài bão lớn. Người đầu tiên được anh Nhuận giác ngộ tinh thần yêu nước là Võ Nghiêm, tổ trưởng tổ kế toán của nhà ga Đà Nẵng. Hàng ngày, sau giờ làm việc, hai anh em thường đi dạo trên bến Bạch Đằng. Qua tâm sự, anh biết anh Nghiêm hơn anh hai tuổi, hồi nhỏ cũng phải đi ỏ. Sau này anh Nghiêm kể lại: “Một lần đang đi trên bờ sông Hàn, anh Nhuận xúc động nắm tay tôi, nói:

- Dân mình cực khổ quá. Bọn Tây cai trị làm trời, làm đất.

Biết anh nói đúng, nhưng tôi vẫn hỏi:

- Dân mình yếu đuối, làm gì nổi?

Anh nhìn thẳng vào mắt tôi, giọng danh thép:

- Chỉ có cách đánh đuổi nó đi.

Rồi anh kể về ông Nguyễn Ái Quốc đi tìm đường cứu nước, giọng anh sôi nổi, tha thiết và có sức cuốn hút lạ thường. Anh kể về mẹ anh, về quê hương chợ Sãi

nghèo khổ. Cứ dần dà anh đã giác ngộ cách mạng cho tôi từ lúc nào. Tôi hỏi:

- Bây giờ phải làm gì?

Anh nói:

- Phải tuyên truyền, vận động anh chị em. Một mình làm không được, đông người làm mới nổi. Những người lao động phải hiệp lực lại đấu tranh để có tự do, không đói khổ nữa.

Từ đấy chúng tôi cùng anh Nhuận đi vận động công nhân, móc nối kíp gác ghi, tuyên truyền cách mạng cho anh em"¹.

Đời sống anh em thợ ở ga Đà Nẵng rất khó khăn. Tàu bộ chạy suốt ngày mà chỉ có một trưởng ga, một phó ga, một thư ký, một bốc vác và người kiểm soát quanh tàu. Tất cả anh em công nhân chỉ có 55 người, trong khi ở các nước với số lượng công việc trên phải có 150 đến 200 người mới làm nổi. Vì công việc nhiều, người ít, anh công nhân phải làm quần quật suốt ngày không được nghỉ ngơi, ai ngơi tay một chút là bị roi vọt tới tấp. Lương thấp, lại bị bọn chủ hà hiếp nên anh em công nhân rất phẫn uất, chỉ cần có tổ chức, có người lãnh đạo là phong trào cách mạng bùng lên mạnh mẽ.

1. *Hồi ký* của đồng chí Võ Nghiêm, lúc đó là Tổ trưởng Tổ Kế toán ở Hoả xa Đà Nẵng. Tài liệu lưu tạo Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

Các nhóm ái quốc ở Đà Nẵng hoạt động mạnh. Ngoài những buổi trao đổi tình hình thời sự trong và ngoài nước qua sách báo, anh em kể cho nhau nghe những chuyện xảy ra hàng ngày trong công nhân lái xe, các loại hành khách, tin tức các vùng mình đến, tin tức trong ngành xe lửa. Anh em nói về bọn chủ người Pháp và đồng bào ta. Vì thế anh em trong các nhóm ái quốc biết khá rõ về những diễn biến hằng ngày của đất nước.

Nhóm ái quốc lúc này đã có chín người, trong đó có bốn là lái xe: Nguyễn Hiền làm ở hãng dầu Shell, Ba Hồng làm ở nhà băng, Nguyễn Nghị ở Phi-a (hãng xuất nhập khẩu), Phan Văn Định ở Nhà thương Đà Nẵng và mấy anh em làm ở các hãng Staca (vận tải Nam Trung Bộ), Đêcua (hãng sắt), Đơni (hãng vải). Lúc này Nhóm đang phát động anh em công nhân hưởng ứng phong trào tẩy chay hàng ngoại và nhiều phong trào chống ngoại lai khác.

Để tập hợp anh em cùng nghề trong phạm vi rộng rãi, năm 1926, Nhóm ái quốc bàn bạc với nhau vận động lập *Hội ái hữu lái xe Trung Kỳ*; nhờ thầy kiện thảo chương trình, điều lệ, xin phép lập hội. Hội có gần 200 lái xe tại Đà Nẵng và Nha Trang. Mục đích của Hội là giúp nhau khi có tai nạn bất thường. Để nắm các hoạt động của Hội theo điều lệ, dần dần hướng Hội vào những hoạt động có ích, thực tế hơn, anh em cử anh Tri làm Hội phó, anh Mỹ làm Thư ký. Ngoài hoạt động thông thường của Hội, anh em thường hội họp tại nhà chùa (trước nhà

thương) và ở ngay trong xưởng Xtaca để đọc sách, báo bí mật. Thực chất Hội ái hữu lái xe là một hình thức tổ chức của công nhân lái xe nhằm thắt chặt tình đoàn kết và thương yêu nhau trong cùng nghề nghiệp. Trong Hội có nhiều người có xu hướng chính trị tốt, Lê Văn Nhuận cùng những anh em lãnh đạo Hội tìm mọi hình thức để tuyên truyền, giác ngộ và dần dần lập ra Hội ái hữu của công sở mình. Chẳng bao lâu, Hội ái hữu phát triển nhanh chóng trong các ngành nghề. Số hội viên có đến mấy nghìn người. Một số nơi không lập được Hội nhưng đều ủng hộ và hưởng ứng phong trào này.

Đến năm 1925, cụ Phan Châu Trinh về nước. Năm 1926, cụ tạ thế đột ngột tại Sài Gòn. Lễ truy điệu cụ được tổ chức rất trọng thể trong cả nước. Mười bốn vạn đồng bào Sài Gòn xuống đường đưa cụ Phan đến nơi an nghỉ cuối cùng. Lễ truy điệu được tổ chức khắp nơi trong nước. Hàng chục vạn người bỏ cả công sở, chợ búa, trường học và công việc làm ăn để hưởng ứng. Bà con Việt Kiều ở Lào, Campuchia, Thái Lan, Pháp cũng tổ chức lễ truy điệu. Cùng với việc đòi trả lại tự do cho cụ Phan Bội Châu, phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh đã đạt đến đỉnh cao của phong trào dân chủ và yêu nước giữa những năm hai mươi. Nhưng tự nó cũng biểu hiện sự bất lực của giới sĩ phu yêu nước đối với vai trò lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc. Quần chúng cách mạng đòi hỏi phải có đội tiên phong chiến đấu có trình

độ, lý luận và bản lĩnh chính trị để dẫn dắt phong trào. Ở Đà Nẵng, hàng mấy ngàn người kéo nhau về trụ sở hội đồng thành phố để dự lễ truy điệu cụ Phan. Trong lễ truy điệu, ai ai cũng thương tiếc nhắc tới nhà ái quốc khảng khái chống lại bọn vua quan phong kiến tay sai và bọn Pháp. Lợi dụng tình hình đó, Lê Văn Nhuận cùng Nhóm ái quốc công khai tổ chức những hoạt động chống bọn chủ hăng người Pháp, chống bọn thực dân Pháp, đòi cải thiện đời sống. Thời kỳ này ở nước ta đã xuất hiện một số tổ chức cách mạng và yêu nước: ở miền Trung có hội *Phục Việt*, sau đổi thành *Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đảng*, miền Nam có *Việt Nam Cao Vọng Đảng*, *Đảng Thanh niên*... Mặc dù chưa có chính cương, đường lối và phương hướng hoạt động rõ ràng, cơ sở lại tản mạn, phân tán khắp nơi, nhưng những tổ chức trên đã góp phần thức tỉnh tinh thần yêu nước cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên trí thức. Tổ chức *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập với chương trình hành động cụ thể và nguyên tắc tổ chức khoa học đã khơi dậy niềm khát vọng hành động của lớp trẻ đang say mê tìm lý tưởng. Nhiều tài liệu, sách báo mới về những trào lưu tư tưởng tiến bộ trên thế giới được phổ biến rộng rãi tại các vùng đô thị. Báo *Tiếng Dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng xuất bản ở Huế vẫn phát hành đều đặn vào Đà Nẵng. Qua cơ quan ngôn luận của mình, cụ Huỳnh đã góp phần mang

lại cho các tỉnh miền Trung một luồng sinh khí mới trong đời sống văn hoá. Báo *Tiếng chuông rè* của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh xuất bản ở Sài Gòn còn đăng cả "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*" của C.Mác và Ph.Ăngghen. Những cái tên C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Nguyễn Ái Quốc với Lê Nhuận có sức cuốn hút lạ thường. Từ thành phố cửa biển này, anh đã tự trang bị cho mình vốn kiến thức về chính trị, xã hội và sự rung cảm sâu sắc về cuộc sống con người.

Năm 1927, đoạn đường sắt Vinh - Đông Hà được khánh thành nối liền Đà Nẵng với Hà Nội. Là nhân viên nhà ga, thời gian này Lê Nhuận có dịp đến nhiều địa phương thuộc các tỉnh miền Bắc. Một lần, chủ nhà ga Đà Nẵng là Virolét gọi anh và một nhân viên nhà ga lên nói: "Chúng tôi cần có người ra Hà Nội. Các anh phải đi vì các anh là thanh niên, còn số người ở đây cao tuổi rồi, thu xếp để chuẩn bị đi"¹.

Lê Văn Nhuận coi đây là một dịp tốt để mở rộng tầm nhìn và hoà vào phong trào cách mạng sôi động của công nhân và các phong trào yêu nước ở Hà Nội. Để làm vui lòng cha mẹ, anh đồng ý xây dựng gia đình riêng với chị Lê Thị Sương, con gái một gia đình khá giả ở thôn Bích La Đông. Chị Sương có người chị gái là Lê Thị Sung đã làm dâu tại làng Hậu Kiên; gia đình muốn chị

1. *Hồi ký* của đồng chí Võ Nghiêm, tài liệu đã dẫn.

em được gần nhau và nhất là vẫn mến tiếng gia đình ông Hiệp cho nên đã đánh tiếng muốn kết thân. Tâm trạng ngổn ngang, nổi lòng trần trở, mãi đến ngày cưới chú rể mới kịp về. Lúc đó anh Nhuận mới biết mặt vợ mình. Ở nhà được ba ngày, anh xin phép gia đình trở lại Đà Nẵng để làm các thủ tục, giấy tờ chuyển ra Hà Nội.

Trước khi ra Hà Nội, anh dặn lại anh em trong Hội ái hữu: Các cậu ở Đà Nẵng có phong trào tốt, điều đó quan trọng lắm. Mình tin thế nào các cậu cũng mãn ăn được. Điều sống còn là phải đoàn kết, thương yêu nhau.

Nhóm ái quốc ở Đà Nẵng lưu luyến chia tay Lê Văn Nhuận. Cũng vào thời điểm đó, anh lấy tên là Lê Duẩn.

Chương II

TRƯỞNG THÀNH TRONG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG (1928 -1945)

1. Đi theo con đường cách mạng vô sản

Tại Hà Nội, đồng chí Lê Duẩn làm nhân viên thư ký депo thuộc Sở Hoả xa Đông Dương. Hà Nội trong những năm cuối của thập kỷ 20 là một trong những trung tâm sôi động của phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Thông qua tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chủ nghĩa Mác-Lênin đã thâm nhập vào Việt Nam. Giai cấp công nhân đã nhận thức được sứ mệnh vinh quang của mình trong sự nghiệp đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp và dân tộc. Từ năm 1928, phong trào công nhân bắt đầu chịu ảnh hưởng và dần dần phong trào đã do chính tổ chức tiền thân của Đảng lãnh đạo. Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã xây dựng cơ sở ở khắp ba miền đất nước. Số hội viên lên đến hàng nghìn người và hàng chục nghìn quần chúng cảm tình. Chịu ảnh hưởng trực tiếp của Hội Việt

Nam Cách mạng Thanh niên, tháng 7-1928, những hội viên của tổ chức Phục Việt cũ đã thành lập Tân Việt Cách mạng Đảng. Tân Việt Cách mạng Đảng đã xây dựng được nhiều cơ sở ở các tỉnh Trung Kỳ, Nam Trung Kỳ và một phần Bắc Kỳ. Cùng với sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, cuộc đấu tranh về hệ tư tưởng giữa giai cấp công nhân và các giai cấp khác cũng diễn ra quyết liệt. Những biểu hiện của hệ tư tưởng tư sản như chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, dần dần biến chất và trở nên lỗi thời. Lập trường cách mạng giải phóng dân tộc của công nhân đã thắng lập trường giải phóng dân tộc của tư sản". "Điều ta có thể khẳng định là sau cuộc bạo động Yên Bái, giai cấp vô sản trở thành *lực lượng duy nhất* lãnh đạo cách mạng Việt Nam, là ngọn cờ lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc đã nằm *trọn vẹn trong tay giai cấp vô sản*"¹. Đồng chí Lê Duẩn cùng hai người bạn quê ở Quảng Nam - Đà Nẵng thuê nhà tại ngõ Gạch đường Yên Phụ và ngày ngày đi bộ đến nhiệm sở, nay là khu vực ga Hà Nội. Một nhân viên thư ký lúc bấy giờ đã được coi như trí thức. Khác với những đồng nghiệp thường ăn mặc theo kiểu Âu phục, Lê Duẩn vẫn mặc áo dài đen, đi guốc mộc. Nhưng bên trong sự giản dị về trang phục đang chứa đựng những khát khao

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr. 20.

cháy bỏng về tìm tòi và hành động. Công việc hàng ngày của một nhân viên thư ký депô là làm sổ sách và ghi chép phiếu xuất nhập các loại trang thiết bị, vật tư sửa chữa. Đồng chí Lê Duẩn đã nhanh chóng làm quen với công việc và môi trường sống mới. Phố phường Hà Nội vừa mang dáng dấp cổ kính kiểu cố đô Huế, vừa đầy vẻ náo nhiệt của một đô thị tập trung nhiều công xưởng, hiệu buôn...

Một sáng chủ nhật, đồng chí Lê Duẩn tình cờ bước vào hiệu sách Văn Khê thư quán ở phố Hàng Gai và bắt gặp lại những cuốn sách của Nhà xuất bản Quan Hải từng thư của Đào Duy Anh ở Huế như: *Dân tộc là gì? Tôn giáo là gì? Lịch sử các học thuyết kinh tế...* và nhiều cuốn mới lạ. Đồng chí đọc say mê, thích thú. Người chủ quán là đồng chí Nguyễn Tạo cũng là một thanh niên miền Trung. Lúc này, tổ chức Tân Việt Cách mạng Đảng đang phát triển các cơ sở ra miền Bắc, đồng chí Nguyễn Tạo được giao nhiệm vụ mở hiệu sách để làm nơi liên lạc, tuyên truyền, gây dựng cơ sở cho tổ chức. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, những thanh niên cùng chí hướng thường dễ đến với nhau. Đồng chí Lê Duẩn nhanh chóng trở thành người khách gần gũi và thân thiết của hiệu sách Văn Khê. Đồng chí được đọc Đảng chương và Điều lệ của tổ chức Tân Việt Cách mạng Đảng. Cuối năm 1928, đồng chí Lê Duẩn chính thức gia nhập Tân Việt Cách mạng

Đảng và sinh hoạt cùng tiểu tổ với các đồng chí Nguyễn Tuân Thúc, Nguyễn Hữu Phước ở khu vực ga. Như nhiều thanh niên giàu hoài bão và ước mơ, cứ nghe nói đến cách mạng đánh đuổi thực dân, xoá bỏ áp bức bóc lột, giải phóng người lao động là đồng chí hăng hái tin theo. Sau này đồng chí kể lại: "Đối với thanh niên không có gì làm họ say mê bằng cách mạng. Khi còn trẻ, mỗi lần được ngồi ba, bốn người nói chuyện về cách mạng, chúng tôi thấy lòng phấn khởi như muốn bay, muốn nhảy, tưởng muốn đem sức mình lay chuyển cả đất trời mới hả dạ"¹.

Đồng chí được phân công tuyên truyền, vận động thanh niên khu vực các ga Hà Nội, Gia Lâm. Vừa hoạt động, đồng chí vừa say mê tìm đọc thêm tài liệu, sách báo để mở rộng tầm nhìn. Đồng chí được tiếp xúc với những tài liệu của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, được đọc *Đường cách mệnh*, báo *Thanh niên*, được gặp gỡ với nhiều khuôn mặt mới. Dần dần đồng chí tự lý giải được nhiều điều trần trở và tích lũy thêm những tri thức, kinh nghiệm về phương pháp vận động quần chúng. Đầu năm 1929, những người phụ trách Tổng bộ của tổ chức Tân Việt Cách mạng Đảng bị bắt. Phần lớn những người phụ trách các Kỳ bộ và liên tỉnh

1. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1978, tr. 17.

không tán thành chủ trương của Tổng bộ Tân Việt Cách mạng Đảng đề nghị thành lập *Khối quốc gia*. Trong khi đó ảnh hưởng của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ngày càng lan rộng. Nhiều hội viên của Tân Việt Cách mạng Đảng chuyển sang hoạt động cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Trong hoàn cảnh đó, các đồng chí Trần Học Hải và Mai Lập Đôn đang hoạt động trong phong trào công nhân Hà Nội đã giới thiệu đồng chí Lê Duẩn gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tổ chức vẫn phân công đồng chí Lê Duẩn phụ trách công tác vận động, tuyên truyền anh em công nhân ngành đường sắt. Do tính chất công việc, đồng chí có dịp đi lại nhiều nơi dọc tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Lào Cai, tiếp xúc với mọi tầng lớp quần chúng lao động. Đồng chí tích cực tham gia gây dựng thêm nhiều cơ sở trong giới thợ thuyền, thanh niên, bà con lao động và phát động đấu tranh. "Một số đoàn viên ở ga Hàng Cỏ được đồng chí Lê Văn Nhuận trực tiếp giác ngộ. Những đoàn viên ở những cơ sở nói trên đã hoạt động rất hăng hái, táo bạo. Tổ chức kỷ niệm lần thứ 12 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại, đoàn viên ga Hàng Cỏ rải truyền đơn kêu gọi đồng bào ủng hộ Liên bang Xôviết"¹.

1. Ban Chấp hành Thành đoàn Hà Nội: *Lịch sử Đoàn Thanh niên cộng sản Thành phố Hà Nội*, Hà Nội, 1987, tr. 29.

Hoà mình trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Hà Nội, đồng chí Lê Duẩn càng tin ở sức mạnh đoàn kết của quần chúng lao động và khả năng đánh đổ cường quyền và bạo ngược, giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào đấu tranh cách mạng ở Hà Nội có thêm những nhân tố mới - chuẩn bị tiến tới cao trào cách mạng sôi động trong cả nước trong những năm 1930 - 1931, mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh. Đồng chí Nguyễn Ngọc Vũ, Bí thư Thành uỷ Hà Nội, đã tiếp nhận đồng chí Lê Duẩn về sinh hoạt tại Đảng bộ thành phố. Từ một thanh niên giàu lòng yêu quê hương đất nước và mang nặng nỗi đau đồng loại, đồng chí Lê Duẩn đã sớm trở thành một chiến sĩ cộng sản.

Thời gian này đồng chí Lê Duẩn đã đưa vợ ra Hà Nội. Chị Sương vừa sinh con đầu lòng. Đồng chí đã chuyển về ở Ngõ Chợ Khâm Thiên. Bé trai mang tên Lê Hãn, để gợi nhớ con sông quê hương. Tuy mới chỉ hiểu biết qua về công việc của chồng, chị Sương cũng ráng sức làm tròn bổn phận người vợ để anh yên tâm hoạt động. Thấy anh đi về khi sớm, lúc muộn, có khi vắng nhà đến vài ngày, chị mong chờ, phấp phỏng, lo âu nhưng không bao giờ gạn hỏi. Hiểu và tin vợ, đôi khi đồng chí nhờ vợ cất hộ bọc truyền đơn, tập tài liệu, chuyển giúp lá thư. Ngõ Chợ Khâm Thiên chật hẹp, nằm sâu hun hút trong dãy phố đầy rẫy tiệm hút, nhà

hàng, cũng xác xơ, nghèo khó như xóm nghèo chợ Sãi, nơi đồng chí Lê Duẩn sinh ra, lớn lên rồi từ đó quyết chí ra đi. Bà con ở đây cũng quý đồng chí như mọi viên chức nghèo tốt bụng. Cơ sở quần chúng cách mạng trong xóm Chợ Khâm Thiên dần dần được gây dựng và lan rộng. Khi chị Sương mang thai lần thứ hai thì hai vợ chồng lại chuyển đến chỗ ở mới tại phố Huế.

Sau Hội nghị Trung ương Đảng tháng 10-1930, một số cơ quan chuyên môn của Trung ương và Xứ uỷ được củng cố lại. Đồng chí Lê Duẩn được phân công làm Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ uỷ Bắc Kỳ, do đồng chí Trịnh Đình Cửu phụ trách. Từ đó đồng chí Lê Duẩn rời Sở Hoả xa Đông Dương và bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Đồng chí đưa gia đình về quê để có điều kiện cống hiến hết sức mình cho cách mạng.

Cơ quan tuyên huấn Xứ uỷ Bắc Kỳ đặt trụ sở hoạt động ở Hải Phòng. Phong trào cách mạng đang lên mạnh, công việc càng bề bộn. Đồng chí Lê Duẩn được phân công phổ biến *Luận cương chính trị* cho các địa phương, biên soạn tài liệu, phát hành báo chí, truyền đơn và vận động phong trào quần chúng đấu tranh cách mạng. Đồng chí có nhiều dịp làm việc với các lãnh đạo của Đảng như: Trần Văn Lan, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Phong Sắc. Được tôi luyện trong thực tiễn cách mạng, đồng chí Lê Duẩn đã trở thành một cán bộ cách mạng trẻ tuổi, gan góc, dạn dày kinh nghiệm.

Tháng 4-1931, Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ chủ

trương phát động phong trào quần chúng đấu tranh mạnh mẽ ở Hà Nội, Hải Phòng trong dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1931. Cán bộ các Ban công tác của Trung ương như Tài chính, Công vận, Tuyên huấn khẩn trương chuẩn bị nội dung, phối hợp lực lượng phát động quần chúng đấu tranh. Đồng chí Lê Duẩn chịu trách nhiệm lãnh đạo và tổ chức cuộc đấu tranh tại các xí nghiệp sản xuất công nghiệp và các khu lao động ở Hải Phòng.

Công việc đang tiến hành thuận lợi thì Nghiêm Thượng Biền, Quyền Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ bị bắt. Không chịu được đòn, Biền đã khai báo tất cả những đầu mối liên lạc do hắn phụ trách và biết rõ. Chiều ngày 20-4-1931, Sở Mật thám Pháp ở Hà Nội cho hai tên cầm cáo giả là Dugion và Rinê chỉ huy hai xe chở đầy cảnh sát và mật thám về Hải Phòng phối hợp với lực lượng tại chỗ lùng sục. Cuộc vây ráp kéo dài đến nửa đêm. Bảy cơ quan của Trung ương và Xứ uỷ tan vỡ, 36 đồng chí bị sa vào tay giặc. Đồng chí Lê Duẩn cùng với các đồng chí trong Ban Tuyên huấn Xứ uỷ Bắc Kỳ như: Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Thị Lệ, Triệu Thị Đĩnh, bị bắt tại ngôi nhà số 8 ngõ Quảng Lạc. Cùng thời gian này, địch mở các cuộc lùng sục, bắt bớ nhiều chiến sĩ cộng sản ở Thái Bình, Nam Định, Hòn Gai - Cẩm Phả, Nghệ An, Hà Tĩnh, Sài Gòn - Chợ Lớn..., trong đó có nhiều chỉ huy của Đảng như: Trần Phú, Trần Văn Lan, Nguyễn Đức Cảnh... Thực dân Pháp quyết định phong trào cách mạng Đông Dương trong biển máu.

2. Trưởng thành trong nhà tù đế quốc

Sau khi bị bắt, đồng chí Lê Duẩn bị tạm giam ở Sở Mật thám Đông Dương rồi Nhà tù Hoả Lò Hà Nội. Bọn mật thám Pháp triệt để khai thác những người mới bị bắt với hy vọng lần thêm được những đầu mối của tổ chức cách mạng. Địch dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ và tra tấn dã man để lung lạc tinh thần và ý chí chiến đấu của các đồng chí ta. Đồng chí Nguyễn Hoàng Tôn, một đoàn viên thanh niên mới 17 tuổi liên lạc của Trung ương và Xứ uỷ bị đòn thù tàn ác nhất. Địch đã dùng đủ mọi cực hình tra tấn để tìm ra các cơ quan đầu não và lùng bắt những người lãnh đạo của Đảng. Chúng tra tấn anh chết đi sống lại nhiều lần, nhưng Nguyễn Hoàng Tôn vẫn tỏ rõ khí phách hiên ngang trước quân thù, căm rắng chịu đựng để giữ vững khí tiết người chiến sĩ cộng sản. Noi gương bạn trẻ, Lê Duẩn cũng bất chấp xiềng xích và roi vọt của quân thù. Mácty, trùm mật thám Pháp ở Đông Dương, rồi Ácnu, Chánh Mật thám Pháp ở Bắc Kỳ, thay nhau hỏi cung Lê Duẩn. Bị bắt giữa lúc đang họp nên địch biết khá rõ về công việc đồng chí đang làm. Trước sau như một, đồng chí chỉ trả lời chúng bằng sự im lặng.

Địch đưa nhiều người bị bắt đến để đồng chí nhận diện, nhưng đồng chí chỉ một mực lắc đầu. Dụ dỗ, tra hỏi không kết quả, chúng dùng roi da lòi đồng, roi cá đuối đánh tới tấp lên người. Sau mỗi buổi hỏi cung,

mình mảy sưng vù, các khớp xương đau nhức. Về đến phòng giam, trong vòng tay, ánh mắt của đồng chí, bạn bè, nỗi đau thể xác như vơi dần, sức mạnh tinh thần như lại được nhân lên. Không khai thác được gì thêm, địch lập hồ sơ khép Nguyễn Hoàng Tôn tội tử hình và xếp Lê Duẩn vào loại tù nguy hiểm.

Nhà tù Hoả Lò cũng như Khám Lớn ở Sài Gòn và Nhà lao Thừa Phủ ở Huế là nơi tạm giam những tù nhân chưa thành án và cũng là nơi luân chuyển người tù. Nhà tù Hoả Lò ra đời cùng với sự thiết lập ách thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà tù có các dãy phòng giam tù chính trị, tù thường phạm, phụ nữ và trẻ em. Sức giam giữ của Nhà tù Hoả Lò trên thiết kế là 400 người tù, trong đó có tới 40 xà lim án chém, nhưng mới tính đến ngày 4-10-1931, địch đã dồn vào địa ngục này tới 1.451 người. Chiếc máy chém đứng sừng sững bên cổng chính Nhà tù Hỏa Lò tượng trưng cho "sức mạnh" và nền "văn minh" của nước Pháp. Tại đây, Lê Duẩn gặp lại nhiều đồng chí, bạn bè đã từng gắn bó trong buổi đầu đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng con người như các đồng chí: Nguyễn Tạo, Nguyễn Tuân Thúc, Ngô Đình Mẫn, Trần Học Hải và các đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Trần Văn Lan, Trịnh Đình Cửu, Khuất Duy Tiến, Đặng Xuân Khu, Trần Văn Cung, Bùi Vũ Trụ, Vũ Trọng Đàm, Phạm Quang Lịch, Vũ Thiệp Chân ... Một tháng sau có thêm đồng chí Nguyễn Lương

Bằng bị mật thám Pháp bắt từ Trung Quốc đưa về. Bọn thực dân muốn giết hại tù chính trị, giết hại những người cộng sản để tiêu diệt phong trào cách mạng Việt Nam"¹. Cùng với toà án và bộ máy cảnh sát đồ sộ, chúng muốn dùng nhà tù để làm công cụ nô dịch nhân dân ta. Người tù phải nằm chen chúc trên sàn ximăng. Mùa đông lạnh thấu xương, mùa hè thì oi nồng, ngột ngạt. Thức ăn chủ yếu là gạo mục và cá mắm thối. Tuy nằm giữa phố phường đông hội mà trong lao tù cách biệt hẳn với bên ngoài. Thân nhân đến thăm phải đứng bên hàng rào sắt cách người tù một khoảng sân hẹp, nên cứ phải gào to lên mới nghe được nhau. Hằng tuần, người tù phải thay phiên nhau lội xuống thùng vệ sinh mức phân chuyển lên xe. Nhiều người yếu quá có khi ngã gục hoặc chết dưới thùng phân. Bọn cai ngục mặc sức đánh đập, ức hiếp người tù.

Không tìm được chứng cứ luận tội, ngày 15-11-1931, Hội đồng đề hình thực dân Pháp kết án 102 tù nhân, trong số đó có 86 chiến sĩ cộng sản. Phiên toà kéo dài suốt ba ngày. Khu vực xét xử nằm kế bên Nhà tù Hoả Lò, gần ngay Sở Mật thám. Tù nhân bị đánh thức dậy từ sáng sớm, bị xích tay và do lính Pháp áp giải sang toà án. Bọn sen đầm súng cấm lối lê đứng gác thành

1 Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1978, tr. 366.

hai hàng ngay giữa sân. Tên thực dân Busê, Giám đốc chính trị Đông Dương làm chánh án. Đốc lý là Ghilơmanh, chủ trương lý là Môrô, bồi thẩm là đại úy Buốcgiao. Phiên tòa chỉ có kẻ xét xử và những người bị xử. Vài nhà báo được đến đưa tin theo ý của nhà cầm quyền. Lính Pháp canh gác nghiêm ngặt cả vòng trong, vòng ngoài. Trong số người bị đưa ra xét xử có các đồng chí: Nguyễn Đức Cảnh, Trần Văn Lan, Trịnh Đình Cửu, Khuất Duy Tiến, Vũ Trọng Đàm, Lê Duẩn, Vũ Thiệu Chân, Phạm Quang Lịch... Bọn quan tòa cho gọi từng người lên để luận tội. Trước đó, chỉ bộ Đảng trong Nhà tù Hỏa Lò đã đề ra chủ trương biến tòa án đế quốc thành diễn đàn đấu tranh. Mỗi đồng chí có trách nhiệm phải lên án chế độ thực dân, bênh vực quyền lợi cho giai cấp, cho đồng bào mình. Đồng chí nào xuất thân từ học sinh thì tố cáo chính sách giáo dục ngu dân, đồng chí nào là nông dân thì phản đối chế độ sưu cao, thuế nặng. Đến lượt mình, đồng chí Lê Duẩn vạch trần những thủ đoạn áp bức, bóc lột của bọn chủ Pháp đối với thợ thuyền ngành đường sắt và nói lên cuộc sống cực nhọc của anh chị em công nhân các bến tàu, xưởng thợ. Bọn quan tòa kết tội chung đối với các chiến sĩ cộng sản là đã âm mưu "xúi giục dân nổi loạn" và tuyên án hàng loạt mức phạt tù. Đồng chí Lê Duẩn bị kết án 20 năm cầm cố. Các đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Hồ Ngọc Lân bị tử hình. Bọn quan tòa chưa dứt lời, Vũ

Thiện Chân, bí thư chi bộ nhà tù, giương cao cờ đỏ búa liềm. Tất cả những người tù nhất loạt đứng dậy hô vang các khẩu hiệu:

- Đả đảo thực dân Pháp !
- Đả đảo Hội đồng đế hình !
- Đả đảo án tử hình !

Đồng chí Lê Duẩn cũng ngẩng cao đầu hoà theo tiếng hô danh thép và căm hờn của các đồng chí thân yêu.

Một buổi sáng giữa tháng 12-1931, thực dân Pháp chở 75 tù nhân, phần lớn là những chiến sĩ cộng sản, xuống Hải Phòng để đày ra Côn Đảo. Đồng chí Lê Duẩn cùng đi với các đồng chí Khuất Duy Tiến, Lê Thanh Nghị, Trần Quý Kiên, Nguyễn Tuân Thúc. Khi anh em đến Hải Phòng, trên các nóc nhà thờ đang được chăng đèn kết hoa để chuẩn bị kỷ niệm ngày Chúa giáng sinh. Định đưa cả đoàn tù vào giam trong Nhà lao Hải Phòng. Nhà lao Hải Phòng nằm giữa khu phố đông người. Trong đoàn tù có đồng chí Nguyễn Thành Long, nguyên là một học sinh quê ở Thái Bình. Nguyễn Thành Long có biệt hiệu Long tàu bay vì đồng chí rất giỏi nghề cơ khí và có tài mở được các loại khoá. Được anh em ủng hộ, Long quyết định sẽ vượt ngục. Long xé chăn lấy sợi bện dây thừng và chuẩn bị móc sắt. Đêm 20-12-1931, các đồng chí ta đứng chồng lên vai nhau làm thang cho Long trèo lên mái đỡ ngói và dùng dây thừng, móc sắt leo qua sân thoát ra ngoài. Sáng hôm sau, phát hiện có

người trốn, bọn cai ngục liền cùm chân tất cả tù nhân. Anh em bàn nhau phải tổ chức đấu tranh phản đối. Lê Duẩn đề nghị tuyệt thực để chống lệnh cùm chân. Khuất Duy Tiến, Nguyễn Tuân Thúc, Vũ Thiện Chân... cũng chủ trương không nên manh động, nhưng số tù Quốc dân Đảng muốn tỏ ra hăng hái, đề nghị phải dùng vũ lực để đánh trả bọn cai ngục. Gạch đá, thanh sắt, gậy gộc được chuẩn bị. Sau giờ ăn cơm chiều ngày 21-12-1931, những tiếng hò la vang dội trong nhà giam mở đầu cho cuộc đấu tranh. Bọn cai ngục và lính gác xông vào các phòng giam đe dọa, khủng bố. Những người khoẻ mạnh như Trần Quý Kiên, Trần Bảo, Lê Thanh Nghị... cầm gậy đứng trấn giữ cửa ra vào; Lê Duẩn, Khuất Duy Tiến, Nguyễn Tuân Thúc, Vũ Thiện Chân đứng hỗ trợ phía sau. Bọn cai ngục và lính gác không sao vào được. Tiếng hò la phản đối khủng bố, phản đối cùm chân càng dữ dội. Địch hoảng sợ cho xe phun nước tới đàn áp. Các đồng chí ta vẫn giữ chặt cửa ra vào. Đến lúc đó số tù Quốc dân Đảng hoảng sợ đã lùi cả lại phía sau, chỉ còn một mình anh Dương vẫn sát cánh cùng những người tù cộng sản chiến đấu đến cùng. Một đơn vị lính khố xanh được tăng cường tới đàn áp, nhưng binh lính không chịu nổ súng vào những người tù. Địch phải dùng một trung đội lính Pháp đến xả trung liên bắn vô hồi về phía trại giam. Bảy chiến sĩ cộng sản hy sinh. Anh Dương, một tù nhân Quốc dân Đảng rất có

cảm tình với các đồng chí ta, cũng trúng đạn tử thương. Chưa có tàu đi Côn Đảo, cả đoàn tù bị cùm chân suốt một tháng, rồi lại bị đưa về Hoả Lò.

Sau cuộc đấu tranh lưu huyết tại Hải Phòng, chi bộ nhà tù tổ chức rút kinh nghiệm về phương pháp đấu tranh. Lê Duẩn phân tích tác hại của tư tưởng mạnh động của những người tù Quốc dân Đảng.

Từ năm 1932, sau khi tổ chức chi bộ được củng cố, phong trào học tập, đấu tranh trong Nhà tù Hoả Lò dần dần đi vào nền nếp và ngày càng phát triển mạnh. Chi bộ bắt tay xây dựng một số tổ chức quần chúng như Lao tù hội, Đoàn thanh niên, Đội hồng thập tự, Ban trật tự... để thông qua đó tập hợp quần chúng, tổ chức đấu tranh. Nhiều cuộc đấu tranh liên tiếp nổ ra, bắt đầu từ những cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù tàn bạo. Hình thức đấu tranh chủ yếu là hò la và tuyệt thực. Nhờ đoàn kết và có tổ chức, địch dần dần phải nhượng bộ. Chúng phải cho máy đến hút phân, phải cho người tù ra sân chơi, sưởi nắng, tù nhân bớt phải ăn gạo mục, cá mắm thối, khi ăn được tháo xiềng xích, ăn uống được dọn bằng mâm. Hàng tuần có thợ cạo vào cắt tóc. Ngày 5 hàng tháng, thân nhân được vào thăm người tù.

Cùng với các đồng chí trong chi bộ Đảng, đồng chí Lê Duẩn hăng hái tham gia ý kiến tổ chức lãnh đạo đấu tranh và tuyên truyền, vận động quần chúng trong nhà tù. Từ những yêu sách đòi cải thiện chế độ lao tù, anh

em tổ chức những cuộc đấu tranh mang ý nghĩa chính trị và tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản. Mở đầu cho những phong trào như thế là cuộc kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1932. Các đồng chí ta đã có kế hoạch tổ chức ngày lễ này từ rất sớm. Hình thức kỷ niệm chính là diễn thuyết, ca hát và diễn kịch về ngày truyền thống của những người lao động trên toàn thế giới.

Đồng chí Lê Duẩn đóng vai diễn trong vở kịch có nội dung ca ngợi giá trị cao quý của tầng lớp thợ thuyền, lên án bất công và bạo ngược, kêu gọi những người lao động đoàn kết đấu tranh cho quyền lợi giai cấp. “Sau buổi diễn kịch trong nhà lao, đồng chí Lê Duẩn và một số anh em khác diễn kịch bị bọn cai ngục cho là cầm đầu, kiếm có bắt đem vào xà lim cùm một tháng”¹.

Do đã phán đoán được tình hình và được chuẩn bị từ trước, chỉ bộ kịp thời chuyển hướng lãnh đạo cuộc đấu tranh vận động bằng một cuộc hò la, hô khẩu hiệu vang dội khắp các dãy phòng giam. Rút kinh nghiệm những cuộc đấu tranh trước, lực lượng đấu tranh được tổ chức khá chặt chẽ để đối phó với sự khủng bố của địch. Những người trẻ, khoẻ được bố trí đứng ngoài để đỡ đòn, bảo vệ cho các đồng chí già yếu. Cả trại giam thay nhau hò la, hô khẩu hiệu. Nếu giặc khủng bố trại này, trại

1. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 44-45.

kia lên tiếng hỗ trợ để phân tán lực lượng đàn áp. Cuộc đấu tranh ngày 1-5-1932 kéo dài từ chập tối tới nửa đêm, với các khẩu hiệu:

- Tinh thần ngày Quốc tế Lao động 1-5 muôn năm !
- Ủng hộ Liên bang Xôviết !
- Ủng hộ cách mạng Trung Quốc !
- Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm !

Ngồi trong xà lim cách biệt, đồng chí Lê Duẩn vẫn thấy ấm áp tình đồng chí, bạn bè. Trong gian khổ hy sinh, tình yêu đồng loại càng thêm sâu nặng. Tình đoàn kết gắn bó giữa những con người cùng chung chí hướng đã nhân lên thành sức mạnh chiến thắng kẻ thù.

Cuộc đấu tranh đêm 1-5-1932 đã tạo ra một luồng sinh khí mới trong đời sống lao tù, củng cố niềm tin tất thắng đối với sự nghiệp cách mạng. Cuộc đấu tranh thể hiện vai trò và năng lực tổ chức, lãnh đạo và sự đoàn kết nhất trí của các chiến sĩ cộng sản. Cuộc đấu tranh tuy bị địch đàn áp, nhưng buộc chúng phải cải thiện một phần chế độ lao tù và bữa ăn hàng ngày cho tù nhân. Địch vẫn cho Lê Duẩn là phần tử nguy hiểm và dày đoạ một tháng ròng trong xà lim. Trở lại phòng giam chung với các đồng chí khác, Lê Duẩn lại hăng hái lao vào những đợt sinh hoạt, những cuộc đấu tranh mới.

Trong thời gian địch khủng bố trắng, biết bao nhiêu người con ưu tú của dân tộc, của giai cấp đã sa vào tay giặc và đã anh dũng hy sinh. Nhiều đồng chí bị lưu đầy

biệt xứ. Ngày 25-5-1931, đồng chí Nguyễn Phong Sắc, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng bị xử bắn tại Cửa Hội, Nghệ An. Ngày 6-9-1931, đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, bị đòn thù tra tấn và bệnh tật hành hạ đã hy sinh tại Bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn. Đồng chí Nguyễn Ngọc Vũ, Bí thư Thành uỷ Hà Nội, đã hy sinh tại Nhà tù Hoả Lò từ đầu năm 1932.

Người thanh niên ưu tú Lý Tự Trọng cũng hy sinh trong thời gian này. Các đồng chí Phạm Hùng, Lê Văn Lương bị giam ở xà lim án chém. Và còn bao nhiêu đồng chí khác đang bị giết dần giết mòn. Cán bộ là vốn quý của Đảng. Trong Nhà tù Hoả Lò, đồng chí Lê Duẩn đã bàn với các đồng chí trong chi bộ tổ chức đấu tranh ngăn chặn những tội ác dã man của địch, bảo vệ bạn bè, đồng chí. Đầu năm 1932, thực dân Pháp tuyên án tử hình 13 chiến sĩ yêu nước đã tham gia cuộc bạo động Yên Bái. Chi bộ đảng đã lãnh đạo cuộc đấu tranh tuyệt thực với khẩu hiệu: "Đả đảo án tử hình 13 chiến sĩ Yên Bái", "Đả đảo đế quốc Pháp dã man". Cuộc đấu tranh thu hút đông đảo thường phạm và tù Quốc dân Đảng tham gia. Những cuộc đấu tranh như thế diễn ra sôi nổi, liên tục với nội dung cụ thể như đấu tranh phản đối án dày tù chính trị di Guyan, đấu tranh phản đối án tử hình các đồng chí: Nguyễn Đức Cảnh, Hồ Ngọc Lâm và Nguyễn Hoàng Tôn. Đồng chí Lê Duẩn đã xúc động mạnh mẽ trước tấm gương chiến đấu hy sinh của đồng

chí Nguyễn Đức Cảnh. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh là một trong những người tham gia sáng lập Đảng và tổ chức Công hội đỏ Bắc Kỳ, là một trí thức cách mạng, người con ưu tú của giai cấp công nhân. Biết chẳng còn sống được bao lâu, đồng chí đã tranh thủ thời gian hiếm hoi còn lại của đời mình để làm việc cho Đảng: tuyên truyền, giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản cho quần chúng trong tù; phổ biến, trao đổi với các đồng chí trong chi bộ kinh nghiệm đấu tranh. Đọc lại những tài liệu do đồng chí Nguyễn Đức Cảnh biên soạn như cuốn *Công nhân vận động*, đồng chí Lê Duẩn đau nỗi đau xé ruột và như được tiếp thêm dũng khí trong cuộc chiến đấu sống còn với kẻ thù của dân tộc, của giai cấp.

Ngày 31-7-1932, thực dân Pháp đưa Nguyễn Đức Cảnh và Hồ Ngọc Lâm ra xử chém ở Hải Phòng. Suốt cả ngày hôm ấy, đồng chí Lê Duẩn bỏ cơm. Biết trước rồi đồng chí Nguyễn Đức Cảnh sẽ phải hy sinh, nhưng sự ra đi của người đồng chí lớp đàn anh ấy đã để lại cho đồng chí những khoảng trống vắng không thể bù đắp được.

Những cuộc đấu tranh của tù nhân trong Nhà tù Hoả Lò đã gây tiếng vang lớn trong nhân dân Hà Nội. Đó cũng là nguồn động viên, khích lệ mạnh mẽ những đồng chí đang lặn lội gây dựng lại các cơ sở bị tan vỡ.

Trong Nhà tù Hoả Lò, nơi gương đồng chí Nguyễn Đức Cảnh và nhiều đồng chí đã hy sinh, các chiến sĩ cộng sản vẫn sống lạc quan, tiếp tục cuộc đấu tranh vì

sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và sự toàn thắng của chủ nghĩa cộng sản. Nhà tù Hoả Lò là nơi tạm giam những người chưa thành án hoặc án nhẹ. Ngoài những chiến sĩ cộng sản còn hàng trăm tù thường phạm gồm đủ các hạng người. Sau cuộc bạo động Yên Bái, hàng loạt những người trong tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng bị bắt và giam giữ trong Hoả Lò. Số tù thường phạm hay bị quan, chán nản, còn tù chính trị thì tỏ ra yếm thế, bế tắc, nhưng cũng có người mưu nổi loạn. Chi bộ nhà tù đã tổ chức tuyên truyền, giác ngộ cách mạng cho các tù nhân. Bằng thái độ chân thành, cởi mở, tình hữu ái giai cấp, niềm lạc quan yêu cuộc sống và nhất là bằng tấm gương chiến đấu hy sinh của những người cộng sản chân chính, các đồng chí ta đã cảm hoá được nhiều tù thường phạm và tù Quốc dân Đảng. Các đồng chí Đặng Xuân Khu, Vũ Trọng Đàm, Nguyễn Lương Bằng... là những diễn giả thu hút được sự chăm chú lắng nghe của mọi người. Đồng chí Lê Duẩn nói tiếng Quảng Trị nặng, khó nghe, ít khi tham gia diễn thuyết. Đồng chí thích trò chuyện, tâm tình. Với tác phong giản dị, mộc mạc cùng tấm lòng nhân hậu và tình yêu đối với con người, đồng chí được nhiều người quý mến.

Ra báo trong tù là nét đặc sắc trong cuộc đấu tranh của các chiến sĩ cộng sản và cũng là nét đặc sắc trong lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam. Trong Nhà tù Hoả

Lò, những tờ *Lao tù tạp chí*, *Đuốc đưa đường*, *Con đường chính*... lần lượt ra đời. Các đồng chí Đặng Xuân Khu, Vũ Trọng Đàm là những cây bút xuất hiện thường xuyên trên các báo. Đồng chí Lê Duẩn cũng tham gia viết bài, cất giấu tài liệu và tổ chức tuyên truyền. Đồng chí đã cùng một số anh em khác cạy gạch ở góc tường phòng giam, khoét sâu thành "thư viện" để giấu tài liệu, báo chí. Một tờ báo đăng bài viết về tính chất, đặc điểm và nguyên nhân thất bại của cuộc bạo động Yên Bái đã làm xôn xao dư luận trong số người tù Quốc dân Đảng. Bất chước những chiến sĩ cộng sản, họ cũng ra tờ *Con đường cách mạng*. Sau bài báo của đồng chí ta, một cuộc bút chiến sôi nổi và quyết liệt xảy ra giữa những người cộng sản và Quốc dân Đảng. Ta có hai tờ báo tham gia cuộc bút chiến này là tờ *Đuốc đưa đường* do đồng chí Lê Duẩn làm chủ bút và tờ *Con đường chính* do đồng chí Trường Chinh làm chủ bút. Bằng những bài viết của mình và trong những cuộc tranh luận sôi nổi, đồng chí Lê Duẩn đã đả phá chủ nghĩa tam dân nửa vơi của những người cầm đầu Quốc dân Đảng, lên án tư tưởng dân tộc hẹp hòi và trình bày mục tiêu, lý tưởng của những người cộng sản là thực hiện cách mạng tư sản dân quyền kiểu mới do giai cấp công nhân lãnh đạo, giải phóng người lao động, giành lại độc lập cho đất nước... Đồng chí bác bỏ sự vu cáo của Quốc dân Đảng cho rằng cộng sản là những người theo chủ nghĩa *tam vô*: không

tôn giáo, không gia đình và không tổ quốc. Những cuộc bút chiến và tranh luận đó đã tạo nên sự phân hoá hàng ngũ tù nhân Quốc dân Đảng, nhiều người bắt đầu có cảm tình với những người cộng sản, một số đã gia nhập Đảng Cộng sản.

Bằng nhiệt tình cách mạng và khả năng phân tích, nhận định tình hình, đồng chí Lê Duẩn tích cực góp phần làm thất bại hệ tư tưởng tư sản đã lỗi thời của nhóm tù Quốc dân Đảng, khẳng định tính chất đúng đắn của chủ nghĩa cộng sản, bảo vệ đường lối cách mạng triệt để của Đảng ta đã được trình bày trong các văn kiện của Đảng.

Càng hiểu biết sâu sắc về mục đích cuộc sống mình đang theo đuổi, đồng chí Lê Duẩn càng khao khát được cống hiến nhiều hơn cho Đảng và cách mạng. Thời kỳ này, phong trào cách mạng đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Chi bộ đảng trong tù luôn luôn động viên giáo dục đảng viên giữ vững niềm tin ở sự nghiệp cách mạng, phải tận dụng thời gian, tích cực học tập lý luận về chủ nghĩa cộng sản, về phương pháp cách mạng và tìm cách vượt ngục trở về đội ngũ chiến đấu. Chi bộ mở nhiều đợt sinh hoạt, học tập và các lớp huấn luyện ngay trong các trại giam. Trong những ngày bị tù đầy, đồng chí Lê Duẩn có điều kiện nghiên ngẫm kỹ hơn các văn kiện của Đảng. Đồng chí cũng bắt đầu nghiên cứu về triết học và các học thuyết kinh tế. Cũng thời gian này đồng chí được nghe nói kỹ hơn về Nguyễn Ái Quốc. Qua những mẫu

chuyện giản dị và xúc động của đồng chí Nguyễn Lương Bằng, người học trò gần gũi của Nguyễn Ái Quốc, Lê Duẩn càng cảm phục người chiến sĩ lỗi lạc của cách mạng Việt Nam, và đau xót khi biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc cũng đang bị cầm tù ở Hồng Công.

Được chỉ bộ đảng phân công chuẩn bị kế hoạch vượt ngục, nhưng đồng chí tình nguyện ở lại. Nhiệm vụ tổ chức phân công, đồng chí đã gắng sức làm tròn. Đồng chí đã cùng với các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Tạo, Bùi Xuân Mẫn, Vũ Trọng Đàm họp bàn, thảo luận và vạch kế hoạch tổ chức cuộc vượt ngục một cách chu đáo, tỉ mỉ. Đêm Nôen 1932, bảy chiến sĩ cộng sản đã thoát khỏi Nhà tù Hoả Lò. Đó là các đồng chí: Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Tạo, Vũ Như Cương, Phạm Quang Lịch, Bùi Xuân Mẫn, Vũ Trọng Đàm, Lê Đình Tuyển.

Cuộc vượt ngục đêm Nôen 1932 là một đòn choáng váng đánh vào chế độ nhà tù tàn bạo của thực dân Pháp và bọn cai ngục trong Nhà tù Hoả Lò. Tiếp đó là các cuộc tuyệt thực đòi nói rộng chế độ ăn uống và tiếp tục đòi cải thiện đời sống trong nhà tù. Địch càng thấy phải sớm di chuyển số tù nhân mà chúng cho là "bướng bỉnh" đi nơi khác.

Tết năm 1933 là cái tết thứ hai của đồng chí Lê Duẩn ở trong tù. Đã năm mùa xuân qua đi, đồng chí xa nhà. Sau khi chồng bị bắt, chị Lê Thị Sương đưa con trở về Quảng Trị. Chị sinh cháu gái trong lúc cách biệt tin

chồng. Sở Mật thám Đông Dương cho người về thôn Hậu Kiên tra hỏi, dọa nạt về mối quan hệ của đồng chí Lê Duẩn với gia đình, với bạn bè, đồng chí. Cảnh nhà thêm sa sút. Bọn hào lý trong xã được lệnh phải giám sát những người trong gia đình. Hàng gỗ ế ẩm, rổ thuốc cao dán không đủ nuôi sống gia đình. Con vừa đầy tháng, chị Sương phải gửi lại cho ông bà, rồi lặn lội khắp các chợ quê buôn bán. Về làm dâu tại thôn Hậu Kiên, lúc này chị Sương mới có dịp hiểu hết cái nghĩa tình làng xóm quê chồng. Vốn kính trọng ông bà Hiệp, lại cũng hiểu được phần nào việc làm của người con trai, bà con hàng xóm vẫn tìm đến gia đình với tấm lòng đầy tình thương cảm của những người cùng chung cảnh ngộ. Dưới sự yêu thương đùm bọc của cha mẹ chồng và bà con hàng xóm, chị Sương đã đứng vững và tần tảo thay chồng nuôi con.

Cùng thời gian đó, giữa Thống sứ Bắc Kỳ Tôlăng và Công sứ kiêm chúa ngục Sơn La Xanh Pulốp đang có cuộc trao đổi, bàn giao một số tù chính trị tại Nhà tù Hoà Lò. Pulốp báo cáo trả lời Tôlăng: "Xin ngài cứ tiếp tục giải chính trị phạm lên Sơn La. Bọn này, nếu ở Hoà Lò Hà Nội là những loại hung hăng khó trị, tới đất Sơn La chỉ trong vòng sáu tháng, vì trúng sốt rét sẽ làm cho chúng suy nhược và trở nên hiền hoà"¹.

1. Vũ Thiện Chân: *Hồi ký*, bản chép tay. Lưu trữ tại Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ Đảng, ký hiệu LQ3/3.

Đoán trước được ý đồ bọn thực dân, chi bộ Nhà tù Hoả Lò kịp thời thông báo cho quần chúng và chuẩn bị tinh thần cho chuyển đầy ải lên Sơn La. Một số đồng chí liên lạc với gia đình xin thuốc men, giấy viết. Các đồng chí Đặng Xuân Khu, Lê Duẩn được phân công chuẩn bị tài liệu mở lớp huấn luyện. Tài liệu được ghi chép trên những mảnh giấy nhỏ, phân tán cho từng người giữ. Các đồng chí khâu giấu trong vạt áo, gấu quần. Đồng chí Vũ Thiện Chân còn nhờ một đồng chí khéo tay khoét rỗng đôi đũa tre để đựng tài liệu.

Nửa đêm về sáng một ngày tháng 2-1933, 210 tù nhân ở Nhà tù Hoả Lò bị dựng dậy. Những chiếc xe tải bịt kín chở họ ra bến phà Đen để lên tàu thuỷ đi Sơn La. Đoàn tù bị chia làm hai nhóm. Nhóm những chiến sĩ cộng sản bị xích tay, nhóm tù thường phạm và tù Quốc dân Đảng bị buộc bằng dây thừng. Phần lớn những đồng chí cán bộ của Trung ương, Xứ uỷ, Tỉnh uỷ đã sa vào tay địch đều có mặt trong đoàn tù phát văng lên Sơn La như các đồng chí: Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Lan, Bùi Vũ Trụ, Đặng Xuân Khu, Lê Duẩn, Khuất Duy Tiến... Những người tù phải ngồi dưới hầm tàu buôn. Trời đang giá lạnh nhưng ai cũng thấy nóng bức, ngột ngạt. Khoảng ba giờ chiều, tàu đến Chợ Bờ. Đoàn tù đi bộ ngay lên thị trấn Suối Rút. Một cảnh tượng xúc động đã diễn ra tại thị trấn Suối Rút. Thân nhân người tù được thông báo trước đã lên đây cùng bà con thị trấn đổ

ra đường chào đón. Buổi tối hôm đó đồng chí Lê Duẩn ngủ trong ngôi chùa ở thị trấn. Lâu lắm rồi, đồng chí mới lại nghe tiếng tụng kinh niệm Phật. Nhà chùa đang cầu trời phù hộ độ trì cho những kẻ bị đoạ dày. Đồng chí chưa có dịp tìm hiểu sâu về tôn giáo này nhưng triết lý từ bi, bác ái của đạo Phật qua người mẹ đã ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành trong tâm hồn đồng chí tình thương bao la đối với con người và nỗi đau đồng loại. Sáng hôm sau, bà con thị trấn Suối Rút và thân nhân, phần lớn là những bà mẹ và vợ của người tù lại đứng dọc hai bên đường tiễn đưa. Người đưa quả trứng, người biếu nắm xôi. Bà con nói: cầu mong cho các ông đi đường được mạnh khỏe, bình an; bao nhiêu ốm đau, bệnh tật để lại hết cho chúng tôi. Nhiều người khóc. Những người tù cộng sản đã dày dạn trong ngọn lửa đấu tranh cũng không cầm được nước mắt. Xa gia đình và xứ sở quê hương, lao vào con đường đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng con người, lúc này đồng chí Lê Duẩn càng thấy thấm thía trước những tấm lòng thương yêu của quần chúng đối với cách mạng. Dân mình ở đâu cũng khổ và ở đâu cũng tốt, lẽ nào cứ phải chịu mãi cảnh đói nghèo, tủ nhục. Thương mẹ, thương cha và bà con xóm nghèo chợ Sãi, từ ngày dán thân vào con đường đấu tranh, bị tù đầy, đồng chí tự nguyện gắng chịu mọi gian khó, hy sinh, cố gắng không làm phiền đến gia đình. Trong nhà tù, đồng chí là một trong số ít người

hầu như không có thân nhân đến thăm. Xa người mẹ sinh thành nhưng vẫn có những người mẹ của các đồng chí, bạn bè truyền cho hơi ấm tình thương. Đồng chí kể lại: "Trong tù tôi nhận thấy rằng tất cả các đồng chí cùng bị giam với tôi đều có những bà mẹ rất tốt. Mẹ tốt sinh ra những đứa con tốt. Những bà mẹ Việt Nam anh hùng đã cống hiến cho Tổ quốc Việt Nam những đứa con anh hùng"¹. Bước chân đi đầy mà đồng chí vẫn vững tin ở ngày mai chiến thắng.

Con đường từ Suối Rút lên Sơn La mới được khai thông nhưng vẫn còn lởm chởm đá tai mèo. Những đợt mưa dầm, gió bắc càng làm đường lầy lội. Đa số tù nhân không giày, không dép, mặc cho sỏi đá cửa nát bàn chân. Người đi sau thấy máu của đồng chí mình loang trong vũng nước. Anh em phải xé chăn lấy giẻ bọc chân. Con đường bộ dài chưa đầy 200 kilômét, đoàn tù phải đi vất vả, cực nhọc trong 13 ngày.

Nhà tù Sơn La nằm trên một quả đồi cao; nó thực sự là một nhà mồ trong hang núi. Cũng như Lao Bảo, Côn Đảo, đây là nơi địa ngục trần gian đã huỷ hoại cuộc đời của bao nhiêu chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước khác. Nói đến Sơn La không ít người đã thấy rừng rợn, "nước Sơn La, ma Vạn Bú". Nhà tù Sơn La được xây

1. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1978, tr. 372.

theo hình thuốc thợ. Những người tù cộng sản bị giam trong dãy nhà dài. Từ nhà lao phải qua cả dãy đôi mới tới suối nước. Tù nhân được xuống suối tắm giặt mỗi tuần một lần. Người tù nằm trên sàn gỗ ghép. Đây là thế giới của loài rận, rệp và chuột bọ. Rệp hút máu làm kiệt sức người. Hàng đàn chuột mập ú chuyên rình rập để gặm mắt, mũi người chết. Nhà tù Sơn La đứng chờ vợ, cô độc, tách biệt với cuộc sống con người. Không sợ tù trốn, bọn cai ngục không cùm xích phạm nhân. Ở đây, tù nhân nếu không bị roi vọt, gông xiềng hành hạ thì bị âm khí của rừng sâu huỷ hoại thân xác họ. Lúc mới đến Sơn La, các đồng chí đã tổ chức ngay những lớp huấn luyện chính trị và học tập văn hoá. Đồng chí Đặng Xuân Khu chủ trì một lớp học bồi dưỡng về chủ nghĩa duy vật biện chứng. Đến tháng thứ hai đã bắt đầu có người bị sốt rét. Sang tháng thứ năm thì một trong những đồng chí khoẻ nhất là Nguyễn Tuân Thúc biệt hiệu Thúc Voi cũng bị sốt rét quật ngã. Hầu như chẳng còn ai đủ sức lê bước xuống suối tắm được nữa. Cùng với chứng sốt rét là kiết lỵ, thương hàn, ỉa chảy tràn lan khắp các phòng giam. Các lớp học phải đình lại. Dã man và vô nhân đạo hơn là bọn cai ngục ở đây còn lấy thân xác người tù để thí nghiệm một loại thuốc mới dùng để chữa bệnh lậu cho lính Pháp. Nhiều đồng chí đã chết oan vì thứ thuốc này. Sống trong tù ngục ghê rợn như vậy, đồng chí Lê Duẩn càng thấy sự vô giá của tình

thương giữa những người cùng chung chí hướng. Là người sống rất điều độ, đồng chí đã bàn với các đồng chí khác, nhắc nhở, động viên mọi người gắng giữ gìn sức khỏe, ăn nhiều ớt, không ngủ ngày để chống sốt rét ác tính, chịu khó vận động thân thể để chống mỏi mệt. Sau này đồng chí kể lại: "Hồi ở Nhà tù Sơn La, tôi bị giam cùng anh Trường Chinh và nhiều đồng chí khác. Chúng tôi đã chứng kiến cảnh gần hai trăm anh em tù ở đây, do bị giam cầm, hành hạ mà chín tháng đã chết mất năm mươi người, còn bao nhiêu thì ốm đau, vỡ vàng cả. Trong cảnh tù đầy, chết chóc như vậy, không có tình cảm nào thiêng liêng, cao cả bằng tình đồng chí"¹.

Những cuộc bắt bớ, giam cầm và chế độ nhà tù tàn bạo của thực dân Pháp ở Đông Dương đã gây xúc động lớn trong nhân dân lao động Pháp. Trong năm 1933, cùng với những hoạt động của tổ chức Cứu tế đỏ, Đảng Cộng sản Pháp đã lãnh đạo nhân dân Pháp tổ chức 98 cuộc biểu tình trong cả nước đòi ân xá cho 10.000 tù chính trị ở Đông Dương và nhất là đòi phải huỷ bỏ những bản án tử hình và vận động quyền góp giúp những người bị giam giữ trong các nhà tù. Tờ báo của giới địa chủ Pháp ở Đông Dương *Volonté Indochinoise* "Ý chí Đông Dương" cũng phải lên tiếng than phiền về những điều

1. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1978, tr. 369.

ghê rợn ở Nhà tù Sơn La. Tháng 11-1933, bọn Pháp buộc phải đưa đoàn tù từ Sơn La về Hoà Lò, Hà Nội.

Đoàn tù đi từ Sơn La về Hoà Lò chia làm hai nhóm. Ba mươi người quá ốm yếu đi bộ ra Tà Bú rồi lên thuyền xuôi sông Đà về Chợ Bờ. Số còn lại vẫn đi bộ theo con đường cũ rồi gặp nhau tại đó. Các đồng chí Đặng Xuân Khu, Lê Duẩn, Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Tuân Thúc... trong đoàn tù đi bộ. Những người đi bộ cũng chẳng hơn gì những người phải đi thuyền. Đoàn tù đi bộ ra Tà Bú mỗi người phải chống hai tay hai gậy, rờn rã hai ngày mới vượt được đoạn đường 30 kilômét. Anh em đi đường bộ cũng phải dìu nhau suốt dọc đường. Đồng chí Nguyễn Văn Sơ và mấy người yếu quá phải nằm trên cáng tre do phu người Thái khiêng như khiêng đồ vật. Đồng chí Lê Duẩn gậy ốm, nhưng vẫn rắn rỏi đi trong đội ngũ. Đôi mắt đã kém tinh nhanh, nhưng vẫn ánh lên những tia vui và nét nhìn cương nghị.

Bọn địch đưa đoàn tù về Hà Nội cũng chỉ là để đối phó với dư luận. Mười ngày sau chúng chuyển anh em xuống Hải Phòng để đày ra Côn Đảo. Các đồng chí Đặng Xuân Khu, Bùi Vũ Trụ, Trần Văn Lan... yếu quá phải ở lại. Đoàn tù đi Côn Đảo có thêm một số anh em khác. Tất cả đúng 200 người.

Khi biết chắc chắn chỉ ít ngày nữa là sẽ phải ra Côn Đảo, chi bộ nhà tù nhắc nhở anh em tích cực chuẩn bị những thứ cần thiết. Rút kinh nghiệm những chuyến đi

trước, mọi việc chuẩn bị phải khẩn trương và giữ bí mật. Ngoài những thứ cần thiết cho sinh hoạt cá nhân, nhiều đồng chí được phân công chuẩn bị truyền đơn, cờ đỏ để tổ chức tuyên truyền, đấu tranh trên dọc đường. Đồng chí Lê Duẩn chủ động đề xuất nhiều ý kiến cho công việc chung. Đồng chí Vũ Thiện Chân kể lại: "Đêm đã khuya, đồng chí Bùi Vũ Trụ còn lần đến chỗ tôi rủ tai: "Búa¹ ơi, anh Duẩn có ý kiến nếu kiếm được một cờ đỏ búa liềm, như cái cậu đã tung ra trước Hội đồng đề hình hồi ấy thì hay quá ! Để làm gì? Để chúng mình phát lên trên đường "hành quân" ra Côn Lôn"².

Mới 3 giờ sáng một ngày cuối năm 1933, trời lạnh thấu xương, những người tù đã bị gọi dậy. Chúng bắt anh em xếp hàng hai giữa sân, khám xét kỹ từng người rồi xích tay hai người một, dồn tất cả lên xe hơi bịt kín. Xe vừa lăn bánh ra đường phố, những người tù, những chiến sĩ cộng sản bị dày đã đồng thanh hát vang:

Bớ công nông ! Phất cờ lên !

Đồng tâm lướt tới diệt loài sói lang

Theo ngọn cờ Mác - Lênin ...

Tiếng hát chào tạm biệt đồng chí, bạn bè ở lại và bà con Hà Nội. Những người tù bị đưa lên các toa tàu. Xích

1. Đồng chí Vũ Thiện Chân có biệt hiệu là Chân Búa.

2. Vũ Thiện Chân: *Hồi ký*, bản chép tay. Lưu trữ tại Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ Đảng, ký hiệu LQ 3/3.

tay được tháo nhưng lại bị cùm chân vào một thanh sắt dài suốt dọc toa tàu; trong toa có lính khố xanh ôm súng ngồi canh, im lìm bất động. Thân phận họ cũng chẳng hơn gì những người tù. Họ không được rời khỏi vị trí của mình. Hai đầu toa có lính Pháp đứng gác. Tàu qua cầu sông Cái¹ vào lúc trời mờ sáng. Mỗi lần tàu dừng lại các ga, bài ca *Bố công nông* lại vang lên hào hùng, lôi cuốn. Gần trưa tàu đến Hải Phòng. Trở lại thành phố của biển, đồng chí Lê Duẩn thấy bồi hồi, xúc động. Chính nơi đây đồng chí đã sống những tháng ngày sôi nổi của tuổi thanh xuân trong khí thế rầm rộ của cao trào cách mạng 1930 - 1931. Và cũng tại đây đồng chí sa vào tay giặc. Mối đó mà đã trở thành kỷ niệm.

Bọn Pháp cũng rút ra được bài học năm xưa, chúng đưa thẳng đoàn tù lên tàu biển. Chiếc tàu khách Colốt Sáp chuyên chạy đường Hải Phòng - Sài Gòn được thuê chở tù nhân vào Ô Cấp. Những người tù lại chen chúc dưới hầm tàu. Cùm chân được tháo nhưng tay lại bị xích. Ốm đau, bệnh tật, lại qua một ngày tranh đấu nên ai cũng thấm mệt. Tàu càng ra khơi càng lắc mạnh, nhiều đồng chí nôn cả ra mật xanh, mật vàng. Sau bốn ngày đêm lênh đênh trên biển, tàu cập bến Ô Cấp. Đoàn tù chuyển sang tàu nhỏ ra Côn Đảo. Khoảng 9 giờ tối ngày 25-12-1933, canô chở tù nhân từ tàu vào bến. Đói và

1. Sông Cái: sông Hồng.

mệt, anh em bước đi trong bóng đêm chập choạng. Bọn giám thị dùng dùi cui quất tới tấp lên người thúc giục đoàn tù đi nhanh. Vào phòng giam lại bị đánh. Chúng đánh để đếm người. Mỗi người tù được phát một bộ quần áo màu xanh và một chiếc chiếu. Đồ dùng cá nhân mang theo chúng bắt để cả ngoài sân. Tấm áo tù của đồng chí Lê Duẩn in đậm hàng số 3114. Vừa ra khỏi âm ty trong lòng đất, những người tù lại rơi vào địa ngục trần gian.

Côn Đảo là một nhà tù lớn nhất Đông Dương. Thực dân Pháp xây dựng nhà tù từ năm 1862. Côn Đảo là một quần đảo nhỏ, trong đó lớn nhất là đảo Côn Lôn rộng 51,52 km², chiếm hai phần ba diện tích quần đảo. Côn Đảo cách Vũng Tàu 179 km. Chỉ mới năm năm sau, năm 1867, Nhà tù Côn Đảo đã có 500 tù nhân. Nhiều người ra Côn Đảo từ lúc tóc còn xanh đến khi đầu bạc vẫn chưa được trở về. Cho đến những năm 30 của thế kỷ XX, Nhà tù Côn Đảo có 3 đề lao chính. Đề lao I chuyên giam giữ tù khổ sai, kể cả số lưu manh và can án giết người. Đề lao II chuyên giam giữ tù chính trị. Đề lao III, cách đó chừng cây số dùng để giam giữ những người bị bệnh phong, mù lòa hoặc tàn phế... Nhưng thực tế nhiều tù chính trị cũng bị giam chung với tù khổ sai. Từ năm 1930, số người bị dày ra Côn Đảo tăng lên nhanh chóng:

Năm 1930: 1.992 người

Năm 1931: 2.146 người

Năm 1932: 2.276 người

Năm 1933: 2.483 người

Năm 1934: 2.818 người.

Nhà tù Côn Đảo nằm giữa trùng khơi, nước sâu, sóng dữ. Ở đây chỉ có bọn cai ngục, chúa đảo và tù nhân. Dân trên đảo đã bị đưa hết về đất liền. Những cuộc đấu tranh, những cuộc phản kháng của người tù chỉ là những tiếng vang giữa biển cả. Họ bị đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo nhưng chẳng mấy ai biết đến. Thức ăn chủ yếu là gạo hẩm và cá khô mục. Bệnh tật, roi vọt, xiềng xích, xà lim, sự bi quan... ngày ngày huỷ diệt cuộc sống của người tù. Từ lâu ở Côn Đảo đã lưu truyền những câu ca ai oán:

Cảnh nào bằng cảnh Côn Lôn,

Sống nhờ gạo lứt thóc chôn bao hàng.

Cũng như những người tù bị đày ra Côn Đảo, số người chết ở đây cũng ngày càng tăng lên. Năm 1931, trong số 2.146 tù nhân đã có 209 người chết. Từ năm 1930 đến năm 1933, ở Côn Đảo có 708 người tù bỏ mạng. Thân phận người tù khi sống đã khổ, lúc chết càng khổ hơn. Người tù phải chết trong thân xác trần trụi, không quan tài, bia mộ.

Tại Nhà tù Côn Đảo, đồng chí Lê Duẩn bị giam tại phòng giam số 3 bên đề lao II. Phần đông tù chính trị đều bị giam ở đề lao II. Tại đây, đồng chí Lê Duẩn được tiếp xúc với những đồng chí ưu tú, những cán bộ xuất sắc của phong trào cách mạng đã bị đày ra từ trước như các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Giáp, Nguyễn

Văn Linh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng... Bên đề lao I, nhiều đồng chí ta cũng bị đày đoạ chung với những người tù khổ sai đủ các loại trọng án. Đó là các đồng chí: Nguyễn Hối, Tống Văn Trân, Ngô Gia Tự, Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trinh, v.v.. Chi bộ Nhà tù Côn Đảo đã được thành lập từ trước do các đồng chí Nguyễn Hối, Ngô Gia Tự, Tôn Đức Thắng lần lượt phụ trách. Chỉ một ngày sau đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí cùng ra trên chuyến tàu đi đày đã liên lạc ngay với chi bộ Đảng nhà tù bên đề lao I. Đồng chí Lê Thanh Nghị là liên lạc của đề lao II, đồng chí Tôn Đức Thắng, người có điều kiện đi lại nhiều hơn phụ trách công tác liên lạc của đề lao I. Các đồng chí như được tiếp thêm sức mạnh trong cuộc chiến đấu mới mà ai cũng biết rằng sẽ lâu dài, gian khổ và ác liệt hơn nhiều. Đề lao II gồm hai dãy phòng giam cách nhau một khoảng sân rộng có hàng rào kẽm gai. Mỗi dãy gồm 6 phòng. Mấy năm trước tù cộng sản và tù Quốc dân Đảng bị giam giữ chung trong khu vực đề lao II. Do bất đồng chính kiến cho nên giữa các đồng chí ta và những người tù Quốc dân Đảng thường xuyên xung khắc. Trong lao tù đế quốc, những người cộng sản vẫn lạc quan, yêu đời và giữ vững niềm tin vào sự toàn thắng của sự nghiệp cách mạng. Một số người tù Quốc dân Đảng dần dần có cảm tình với các đồng chí ta và đã đến với cách mạng từ chủ nghĩa yêu nước. Nhưng nhiều người vẫn bảo vệ chủ thuyết của mình. Nhưng rồi chế độ

lao tù khắc nghiệt của đế quốc làm cho họ nhụt chí. Tư tưởng bi quan, yếm thế lan tràn ngày càng bào mòn tâm trí và sức lực của họ. Họ lẩn tránh đấu tranh, không chịu nổi cuộc sống chung với các đồng chí ta. Về sau, bọn chúa ngục phải dồn những người tù Quốc dân Đảng giam riêng trong dãy phòng giam thứ hai.

Sau đó, các đồng chí ở đề lao II tổ chức trao đổi ý kiến có nên thành lập chi bộ Đảng hay không? Đồng chí Lê Duẩn nêu ý kiến: tất cả các đồng chí chúng ta đều là những cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện và thử thách trong đấu tranh cách mạng, vẫn giữ vững khí tiết của người cộng sản. Vì vậy, chỉ nên thành lập Ban phụ trách để tổ chức đấu tranh và duy trì nền nếp sinh hoạt, học tập trong đề lao. Các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Cừ, Phạm Văn Đồng... là những người trong nhiều năm đã tham gia Ban phụ trách tại đề lao II. Đồng chí Phạm Văn Đồng là một nhà giáo lịch duyệt, kiến thức rộng được phân công làm công tác đối ngoại giao dịch với bọn cai ngục và nhất là xây dựng đường dây liên lạc với các đồng chí Pháp qua những người thuỷ thủ tiến bộ. Nhờ vậy, đường dây liên lạc với các đồng chí Pháp được duy trì thường xuyên. Ban phụ trách đề lao II thường xuyên liên lạc với chi bộ nhà tù ở đề lao I để phối hợp đấu tranh đòi cải thiện đời sống trong tù, được làm những công việc vặt như: trồng rau, vá quần áo, chăn nuôi gà... Cuộc đấu tranh tiêu biểu là đợt tuyệt thực tháng 8-1934 với những nội dung cụ thể như sau:

- Không ăn cá khô mục;
- Tù nhân được tự nấu ăn;
- Được ra sân chơi hai giờ một ngày;
- Được gửi và nhận thư từ, quà cáp.

Cuộc tuyệt thực kéo dài chín ngày. Tù nhân ở đề lao I nhiệt liệt hưởng ứng bằng những cuộc hò la vang động cả khu trại giam. Thống đốc Nam Kỳ Pagét phải ra tận nơi giải quyết. Địch đã phải nhượng bộ trước tinh thần phản kháng kiên quyết của tập thể người tù và sự lên án của dư luận. Thời kỳ đó, Hội Cứu tế đỏ và Đảng Cộng sản Pháp vẫn tiếp tục phát động phong trào đấu tranh phản đối chế độ lao tù tàn bạo ở các thuộc địa. Theo sáng kiến của Đảng Cộng sản Pháp, Ủy ban vận động đại xá tù chính trị Đông Dương được thành lập tại Pari. Tháng 1-1934, phái đoàn công nhân điều tra do đồng chí Gaborien Pêri, nghị sĩ cộng sản trong Quốc hội Pháp, đã sang Đông Dương. Nhiệm vụ của phái đoàn này là xác minh những đơn kêu cứu của thân nhân những người yêu nước bị bắt bớ, giam cầm và điều tra phạm vi, quy mô của sự khủng hoảng kinh tế và tình cảnh giai cấp công nhân và nhân dân Đông Dương. Nhưng tại Đông Dương, chính quyền thực dân tìm mọi cách đe dọa gây khó khăn đối với phái đoàn điều tra. Chúng ngăn cấm quần chúng không được tiếp xúc với phái đoàn. Các đồng chí và những người bạn Pháp vẫn kiên trì làm nhiệm vụ của mình. Trở về Pari, phái đoàn

tổ chức họp báo phơi bày thực trạng chế độ lao tù tàn bạo ở Đông Dương, nhất là tình cảnh những người tù tại Côn Đảo. Phái đoàn đề nghị phải đại xá 10.000 tù chính trị đang bị giam giữ tại các nhà lao ở Đông Dương. Báo chí tiến bộ và nhân dân Pháp tiếp tục lên án chế độ lao tù tàn bạo ở Đông Dương, đòi đại xá chính trị phạm ở các thuộc địa của Pháp. Hoảng sợ trước sự lên án của công luận, bọn thực dân Pháp ở Đông Dương buộc phải nhượng bộ thêm một số yêu sách của người tù.

Tại Nhà tù Côn Đảo, anh em tù ở đề lao II đã khéo tổ chức lại đời sống, đào giếng, trồng rau, nuôi gà. Tỷ lệ tù nhân chết hàng năm giảm dần: Năm 1934, số tù nhân bị chết là 3%; năm 1935 giảm còn 1%. Đồng chí Hoàng Quốc Việt kể lại: "Côn Đảo chính là trường học rèn luyện tinh thần đấu tranh bất khuất. Nhờ đoàn kết và có tổ chức, chúng tôi đã đi dần từng bước, đấu tranh thay đổi cả chế độ nhà tù hà khắc. Mới đầu, đấu tranh đòi mở cửa khám để giành lấy thêm một ít không khí. Đấu tranh đòi lấy được ngọn đèn dầu tù mù ban đêm. Rồi từ cuối năm 1933, đầu năm 1934, Tây phải để cho chúng tôi ra ngoài làm. Từ đấy anh em phát huy năng lực tổ chức đời sống, chuẩn bị sức lực cho những đợt đấu tranh mới"¹.

Hoạt động tiêu biểu nhất của các đồng chí ta tại đề

1. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 164.

lao II là tổ chức học tập, *biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng*. Anh em tổ chức học văn hoá, học ngoại ngữ, diễn kịch, thi thơ, thi đấu bóng, học tập lý luận. Đồng chí Lê Duẩn là một tấm gương về tinh thần chịu đựng gian khổ và ý chí vươn lên trong học tập, tự trang bị cho mình vốn tri thức cần thiết. Đồng chí tham gia đóng kịch trong trại giam. Những vở kịch: *Đề Thám*, *Trưng nữ vương*, *Trưởng giả học làm sang*, *Napôlêông Bônápácơ* đã thu hút đông đảo người xem, kể cả lính canh. Vai hoàng đế Napônêông qua diễn xuất của đồng chí Nguyễn Kim Cương và vai nữ quận chúa qua diễn xuất của đồng chí Nguyễn Văn Linh được người xem nhiệt liệt hoan nghênh. Lính canh trên đảo có nhiều người quê ở đảo Coócơ, tính thô bạo, sau khi xem kịch, tiếp xúc với những người cộng sản, họ tỏ ra hiểu biết hơn. Đồng chí Lê Duẩn thường nói chuyện với họ về nền văn hoá lâu đời của dân tộc Pháp, về lịch sử nước Pháp, về nước Nga Xôviết..., nhiều người tỏ ra tự lự. Đồng chí dành phần lớn thời gian trong tù để học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và bồi dưỡng cho anh em khác. Những người bạn Pháp thường xuyên gửi các loại sách báo cho những người cộng sản Đông Dương đang bị giam giữ ngoài Côn Đảo. Báo *Lire* (Độc), báo *Vue* (Nhìn) cung cấp kịp thời cho các đồng chí ta những thông tin cần thiết về tình hình thế giới, những dự báo về một cuộc chiến tranh mới, dũng khí của đồng chí Đimitơrốp

trước toà án phátxít... Cũng qua báo chí, các đồng chí ta thấy rõ phong trào đấu tranh đòi ân xá tù chính trị ở Đông Dương đang lan rộng ở Pháp. Tên chúa ngục khét tiếng gian ác Buvie bị gọi về nước. Phần khởi trước thắng lợi ban đầu, các đồng chí ta càng lao vào đấu tranh và học tập, hy vọng có ngày được trở về đội ngũ chiến đấu. Đồng chí Hoàng Quốc Việt kể lại: "Từ năm 1934, trừ anh em nào ốm quá thì thôi, còn ai cũng tham gia học hết. Anh Nguyễn Văn Cừ, anh Lê Duẩn, anh Bùi Công Trừng giúp anh em học lý luận. Anh Phạm Văn Đồng, anh Hà Huy Giáp, anh Nguyễn Kim Cương dạy anh em văn hoá"¹. Các đồng chí: Bùi Lâm, Bùi Công Trừng, Trần Văn Giàu là những học sinh Trường Đại học phương Đông của Quốc tế Cộng sản được phân công chuẩn bị chương trình học tập lý luận. Chương trình chung gồm những bài chính như: *Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng vô sản, Chuyên chính vô sản, Vấn đề nông dân trong cách mạng vô sản, Vấn đề dân tộc và thuộc địa, Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Chiến tranh và cách mạng...*

Lúc đầu, đồng chí Lê Duẩn thường nhờ các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương hướng dẫn đọc sách tiếng Pháp. Bằng nghị lực của mình và đức tính kiên trì trong học tập, chỉ qua một thời gian ngắn, đồng

1. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 167.

chí đã có thể tự mình nghiên cứu những tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin như: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tư bản, Chống Duyrinh, Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Làm gì?, Nhà nước và cách mạng, Bệnh ấu trĩ "tả khuynh" trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*. Nét đặc sắc trong phong cách học tập và nghiên cứu của đồng chí Lê Duẩn là sự suy nghĩ sâu về những nguyên lý được trình bày trong sách, và liên hệ với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Giữa đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Phạm Văn Đồng, Bùi Công Trừng thường diễn ra những cuộc tranh luận sôi nổi. Ngoài sách kinh điển, đồng chí Lê Duẩn cũng chịu khó tìm đọc một số tác phẩm của các nhà văn Xôviết và các nhà văn tiến bộ trên thế giới. Những tập ký sự và tiểu thuyết như *Mười ngày rung chuyển thế giới* của Giôn Rít và *Suối thép* của Xêraphimovich để lại cho đồng chí những ấn tượng sâu sắc. Nghiêm túc và miệt mài trong học tập và rèn luyện, ngoài vốn tri thức phong phú về lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng chí đã biết chất lọc trong kho tàng kiến thức đồ sộ của nhân loại những điều bổ ích: những trào lưu tư tưởng tiến bộ ở phương Tây dạy con người phải hành động, triết lý đạo Phật trọng tình thương và lẽ phải... Sau này đồng chí kể lại những năm tháng đáng ghi nhớ ấy: "Vào tù, anh em đồng chí khắp Bắc, Trung, Nam được dịp gặp nhau là chỉ lo suy nghĩ, tính toán, bàn

bạc cách đấu tranh để thắng bọn đế quốc thực dân. Lúc đầu, chúng tôi quyết biến nhà tù thành trường học. Khi còn ở ngoài đi làm cách mạng là do tình cảm thôi thúc, do yêu nước và căm ghét địch. Vào tù, nhờ biết tổ chức, chúng tôi được học, được đọc, do đó, mới hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin và càng tin chắc cách mạng Việt Nam nhất định thắng"¹. Đồng chí Lê Duẩn vừa học tập, nghiên cứu vừa hướng dẫn các đồng chí khác học tập. Đồng chí thích nghe những ý kiến trái ngược nhau. Giữa giảng viên và học viên thường có những cuộc tranh luận sôi nổi, bổ ích về những vấn đề lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam, về tình hình thế giới, về chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh cách mạng... Đồng chí có lối lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc sảo, phân tích sâu, giàu kinh nghiệm thực tiễn.

Phong trào học tập ngày càng lan rộng khắp các khu trại giam. Ngoài những lớp học chính trị, còn có những lớp học văn hoá, ngoại ngữ, lịch sử, văn học, nghệ thuật, các cuộc thi thơ, bình văn... Nhiều anh em tù Quốc dân Đảng, tù thường cũng hăng hái tham gia học tập. Có lớp học thu hút hàng trăm người tham gia. Có lớp học lý luận, nhà trí thức Nghiêm Toàn, một trong những thủ lĩnh Quốc dân Đảng cũng ngồi nghe.

1. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1978, tr. 366.

Nhà tù Côn Đảo là địa ngục trần gian, nhưng các chiến sĩ cộng sản đã biến nó thành trường học cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá cao những trường học như thế: "Biến cái rủi thành cái may, các đồng chí ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó lại chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng, mà trái lại nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng thêm cứng rắn. Mà kết quả là cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua"¹.

Các đồng chí ta phát hành báo chí để làm phương tiện học tập và tranh đấu. Nhiều tạp chí và báo có uy tín lần lượt ra đời như *Ý kiến chung*, *Người tù đỏ*, *Tiếng sóng bể*, *Hòn Cau*, *Trên đường tranh đấu...* *Ý kiến chung* là tạp chí lý luận phục vụ học tập và nghiên cứu, do đồng chí Bùi Công Trừng phụ trách. *Tờ Người tù đỏ* có nội dung dễ hiểu phù hợp với trình độ chung, do đồng chí Nguyễn Văn Cừ phụ trách. Qua những cuộc tranh luận trong các lớp học, trong các phòng giam và những bài viết trên báo chí, hệ tư tưởng của giai cấp vô sản ngày càng thâm nhập vào đời sống người tù. Nó giúp các đồng chí ta lý giải được những vấn đề lý luận cách mạng. Nhiều nội dung quan trọng trong các văn kiện:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr. 3-4.

Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt, trong *Luận cương chính trị* của Đảng được giải quyết thấu đáo hơn. Nhiều tù nhân Quốc dân Đảng, tù thường dân dần dần cũng nhận thấy chỉ có những người cộng sản mới làm trọn được sứ mệnh lịch sử là dẫn dắt quần chúng lao động làm cách mạng giải phóng dân tộc. Với những kinh nghiệm và sự hiểu biết của mình, đồng chí Lê Duẩn đã tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh trên báo chí để tuyên truyền lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản. Đồng chí Hoàng Quốc Việt kể lại: "Banh II của chúng tôi có tờ *Ý kiến chung*, có những cây bút cừ như anh Nguyễn Văn Cừ, anh Lê Duẩn, anh Bùi Công Trừng viết nhiều"¹.

Phong trào đấu tranh của tù nhân ngoài Côn Đảo bắt đầu có tiếng vang. Một số đồng chí thoát khỏi cảnh lao tù trở về đất liền lên tiếng tố cáo chế độ nhà tù tàn bạo. Các đồng chí Trần Huy Liệu, Nguyễn Văn Nguyễn viết loạt bài ký sự Côn Lôn đăng trên các báo ở Hà Nội và Sài Gòn gây xôn xao dư luận ở Đông Dương và Pháp. Để xoa dịu dư luận, tháng 1-1936, Toàn quyền Đông Dương phải tuyên bố tha 6 tù chính trị ở Côn Đảo và giảm nhiều án chung thân xuống 15-20 năm. Một mặt, chúng lại tìm cách tiếp tục đàn áp cuộc đấu tranh của người tù. Tên thực dân gian ác Buvie lại được cử sang làm chúa ngục Nhà tù Côn Đảo. Hấn thẳng tay tước bỏ những quyền lợi

1. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 165.

mà những người tù đã đấu tranh giành được. Đồng chí Lê Duẩn bàn với các đồng chí trong Ban phụ trách và chỉ bộ nhà tù phát động những đợt đấu tranh mới. Từ Nhà tù Côn Đảo, đường dây liên lạc với các đồng chí Pháp vẫn được duy trì. Các đồng chí ta vẫn nhận được đều đặn thư từ, sách báo, tài liệu qua con đường biển, kể cả những văn kiện của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII. Nhiều tài liệu quan trọng đến Côn Đảo rồi mới về đất liền. Nhảy bén trước sự chuyển biến của tình hình, các đồng chí ta đề ra những yêu sách đấu tranh cao hơn. Bên cạnh những yêu sách đòi cải thiện chế độ lao tù, còn đòi phải thả hết tù chính trị. Cuộc đấu tranh được tổ chức chặt chẽ và trên quy mô toàn đảo. Toàn đảo thành lập Ủy ban tranh đấu có các đội thông tin, tuyên truyền, trật tự, tự vệ... để chỉ đạo thống nhất cuộc đấu tranh. Các đề lao có Ban tranh đấu. Đồng chí Lê Duẩn thường xuyên đóng góp những ý kiến thiết thực và hăng hái đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh. Ngày 27-5-1936, cuộc đấu tranh bắt đầu. Đồng chí Phạm Hùng thay mặt những người tù đưa yêu sách. Bọn chúa ngục từ chối và bắt đồng chí Phạm Hùng giam xà lim. Theo kế hoạch đã định, toàn đảo nhất loạt hò la, hô vang các khẩu hiệu: "Đả đảo khủng bố!", "Đả đảo Buviê". Chúa đảo ra lệnh cho cai ngục thẳng tay đàn áp. Chúng dùng roi mây loại lớn đánh tới tấp người tù. Ủy ban tranh đấu quyết định tuyệt thực để phản đối và tiếp tục đấu tranh. Tù nhân

nhất loạt bỏ cơm. Những người đang lao động tại các sở tù cũng bỏ việc để hưởng ứng. Cuộc tuyệt thực đến ngày thứ tư thì mọi người lả dần, không còn thấy cái đói hành hạ như hai hôm đầu nữa. Bọn cai ngục khiêng vào các phòng giam những thùng sữa nóng hổi. Mùi sữa nóng thơm lừng, hấp dẫn. Nằm trên sànximăng, các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng đưa mắt động viên anh em kiên trì chịu đựng, đấu tranh đến cùng. Ánh mắt ấm áp của những người bạn tù vốn được anh em quý mến, tin tưởng đã tiếp thêm sức mạnh cho mọi người. Mấy hôm sau báo chí Sài Gòn bắt đầu đưa tin về cuộc đấu tranh. Sau 13 ngày tuyệt thực, cuộc đấu tranh thắng lợi, địch phải đáp ứng phần lớn những yêu sách của người tù. Về yêu sách đòi thả hết tù chính trị, chúng hứa sẽ chuyển lên Thống đốc Nam Kỳ và Toàn quyền Đông Dương.

Giữa những năm ba mươi, tình hình thế giới đang có những biến động lớn. Nhân loại đang đứng trước nguy cơ chiến tranh phátxít. Phong trào đấu tranh bảo vệ hoà bình cũng đang phát triển mạnh ở châu Âu. Tháng 10-1936, Mặt trận Nhân dân Pháp vừa thành lập đã công bố cương lĩnh tranh cử của mình. Trong cương lĩnh tranh cử của Mặt trận, nội dung đại xá chính trị phạm chiếm vị trí quan trọng. Tháng 5-1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp được thành lập do ông Lêông Bòlum, người của Đảng Xã hội, làm Thủ tướng và ông Mutê, cũng là người của Đảng Xã hội, làm Bộ trưởng Thuộc địa. Bọn phản

động thuộc địa buộc phải thực hiện chỉ thị của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Trong bốn tháng cuối năm 1936 có 500 tù chính trị ở Côn Đảo được trả lại tự do, trong số đó một nửa là các chiến sĩ cộng sản. "Nhà tù là nơi thử thách ý chí của những chiến sĩ cách mạng Việt Nam, là nơi diễn ra cuộc chiến đấu một mất một còn giữa cách mạng và bọn cướp nước. Bè lũ thực dân muốn giết hại những người cộng sản để tiêu diệt phong trào cách mạng Việt Nam, nhưng chúng không làm được. Những người cộng sản Việt Nam đã thắng"¹. Ngọn lửa đấu tranh đã rèn luyện các đồng chí trở thành những con người gang thép. Đây là vốn quý để gây dựng lại phong trào đấu tranh trong giai đoạn mới của cách mạng. Bọn thực dân Pháp biết vậy, nhưng không còn cách gì ngăn cản được. Đồng chí Hoàng Quốc Việt đã kể lại: "Mãi gần cuối năm, vào một buổi sáng chúa ngục gọi chúng tôi ra bắt xếp hàng rồi nhìn chúng tôi từ đầu đến chân, nhìn anh Lê Duẩn, nhìn anh Phạm Văn Đồng, tiu nghỉu nói:

- Các anh mà cũng được về à ?

Chúng tôi đáp:

- Anh tiếc à ? Anh phải nhớ rằng các anh bắt chúng tôi không có chúng có gì hết"²?

1. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1978, tr. 366.

2. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, 1960, tr. 170.

Một ngày cuối tháng 10-1936, chiếc tàu biển mang tên viên Toàn quyền Đông Dương Pátxkiê nhổ neo đưa 200 tù chính trị từ Côn Đảo trở về đất liền. Buổi chia tay với các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh và những người còn phải ở lại thật là cảm động. Người đồng chí già tóc bạc, người lính thủy nổi tiếng trên biển Đen năm xưa, nét mặt phong sương, quắc thước, nắm chặt tay từng người, dặn dò, trao gửi nhiệm vụ. Tiếng còi rúc vang. Tàu rời bến. Đồng chí Lê Duẩn vẫy tay chào tạm biệt các đồng chí thân yêu và đưa mắt nhìn toàn cảnh Nhà tù Côn Đảo: những dãy nhà xám xịt, mốc xanh, những bót gác đứng thoi loi, nghĩa địa Hàng Keo¹ quanh vắng, Núi Chúc xanh mờ và xa xa là Hòn Cau bông bênh trong khói sóng. Tất cả còn in đậm dấu ấn của một thời đau thương mà oanh liệt.

Tàu Pátxkiê cập bến Ô Cấp để các đồng chí quê ở Nam Kỳ lên bờ rồi chạy thẳng ra Đà Nẵng. Cuộc chia tay vội vàng diễn ra trên cầu tàu và sân ga. Các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Lương Khánh Thiện, Hoàng Quốc Việt đi tiếp ra Hải Phòng. Đồng chí Phạm Văn Đồng về Quảng Ngãi, đồng chí Hà Huy Giáp về Vinh. Các đồng chí Nguyễn Chí Diểu, Lê Duẩn về Huế và Quảng Trị.

Đúng mười năm cách xa biệt, đồng chí Lê Duẩn mới lại trở về xóm nghèo Chợ Sãi năm xưa, người xạm đen, gầy guộc, trên lưng áo còn in đậm số tù. Ngày sum

1. Nay là Nghĩa trang Hàng Dương.

họp với gia đình cũng là ngày buồn thương, đau đớn trong đời người chiến sĩ cách mạng. Bà Võ Thị Đạo, một người mẹ mẫu mực, điểm tựa tinh thần của các con, qua đời. Bà đã dồn nén tình thương mãnh liệt của người mẹ, động viên con ra đi thực hiện lý tưởng của mình để rồi ngày ngày chờ ngóng tin con. Nỗi đau bất tận cũng ngày ngày thiêu đốt tâm can người mẹ. Sức lực kiệt dần. Bà mất ngày 13-3-1936 để lại tình thương cho bà con làng xóm. Cả làng xã đưa bà đến nơi an nghỉ cuối cùng. Bé gái Lê Minh Cừ lên 5 tuổi nay mới được gọi tiếng "Ba".

3. Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ

Năm 1936, chủ nghĩa phátxít đã trở thành mối đe dọa đối với nhân dân thế giới. Các nước đế quốc quân phiệt Đức, Italia, Nhật Bản liên kết thành một khối quân sự. Chúng tuyên bố mục tiêu hàng đầu của chúng là tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản. Nhân loại đứng bên bờ vực của thảm họa chiến tranh. Trước tình hình đó, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII đã họp tại Mátxcơva (7-1935). Đại hội đã phân tích tình hình và vạch rõ những mâu thuẫn, xác định kẻ thù trước mắt của giai cấp công nhân, của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phátxít. Nhiệm vụ đấu tranh trước mắt trong giai đoạn này của phong trào cộng sản và công nhân thế giới, của các dân tộc là chống chủ nghĩa phátxít, chống chiến tranh, đòi dân chủ, gìn giữ hòa bình.

Xuất phát từ nhận định đó, Quốc tế Cộng sản chủ

trương thành lập Mặt trận Nhân dân trên thế giới rộng rãi nhằm ngăn chặn và chống chủ nghĩa phátxít. Đó là nhiệm vụ chủ yếu cấp bách của tất cả các đảng cộng sản và các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới.

Tại Pháp, tháng 1-1936, Mặt trận Nhân dân chống phátxít được thành lập. Mặt trận đề ra cương lĩnh đòi thả hết tù chính trị, giải tán và tước vũ khí của bọn phátxít, thực hiện tuần lễ làm việc 40 giờ và tăng thêm trợ cấp cho người thất nghiệp. Mặt trận Nhân dân đã giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử mùa hè năm 1936.

Nhận thấy một số điểm nêu trong Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất của Đảng không còn phù hợp với tình hình trong nước và thế giới, tháng 7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp nhằm thảo luận và điều chỉnh đường lối của Đảng. Hội nghị xác định, kẻ thù của cách mạng Đông Dương chủ yếu và nguy hiểm nhất cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và tay sai. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương, sau đổi thành *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*. Mặt trận thu hút tất cả các đảng phái, các đoàn thể chính trị tán thành cải cách dân chủ.

Trước cuộc đấu tranh của nhân dân ta và nhân dân Pháp, chính quyền thực dân phải trả tự do (chúng gọi là ân xá) cho một số tù chính trị. Để dễ quản lý, chúng chỉ định nơi cư trú và thực hiện chế độ kiểm soát nghiêm ngặt.

Tháng 8-1936, từ các nhà tù Buôn Ma Thuột, Côn

Đảo, các đồng chí Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu trở về Huế bắt đầu khôi phục phong trào cách mạng. Tháng 10-1936, đồng chí Lê Duẩn từ Côn Đảo về Quảng Trị. Vừa về đến quê hương, nén nỗi đau vô hạn trước cái chết của mẹ, đồng chí nhanh chóng liên lạc với các đảng viên và quần chúng cách mạng như: Hoàng Hữu Cháp, Trần Mạnh Quỳ, Phú (thợ may chợ Sãi) và Hồ Xuân Lưu¹ để tiếp tục hoạt động.

Đồng chí Hoàng Thị Ái làm liên lạc của Trung ương và Xứ uỷ trong những năm 1929, 1930, là người cùng quê với đồng chí Lê Duẩn, cũng vừa từ Nhà tù Vinh trở về. Đồng chí Lê Duẩn bàn với chị Ái và vợ anh Phú cùng buôn sắn, cá khô, vừa hoạt động cách mạng.

Đồng chí Lê Thế Tiết² ở Tường Vân, xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, có điều kiện kinh tế khá giả được Đồng chí Lê Duẩn giao nhiệm vụ vận động tài chính cho Đảng. Lê Thế Tiết bán tài sản của gia đình mình lấy tiền bỏ vào quỹ Đảng.

Cầm ít tiền ủng hộ của đồng chí Lê Thế Tiết làm vốn, đồng chí Lê Duẩn cùng Hoàng Thị Ái lên vùng núi Ba Lòng, một huyện miền núi buôn bán sắn khô và tìm cách gây dựng cơ sở. Từ Ba Lòng, các đồng chí mở rộng địa bàn hoạt động đến Gio Linh. Ở Gio Linh, đồng chí

1. Sau đổi tên là Trần Quốc Thảo, Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn.

2. Bí thư đầu tiên của Tỉnh uỷ Quảng Trị.

Lê Duẩn được gia đình ông Vũ, một gia đình có truyền thống cách mạng giúp đỡ, cho ở nhờ. Ông Vũ có con đi hoạt động cách mạng đã hy sinh ở Nhà tù Buôn Ma Thuột. Sau khi gây dựng được cơ sở ở Gio Linh, đồng chí vào Cam Lộ, gặp Hồ Xuân Lưu cùng gây dựng lại cơ sở đảng ở Cam Lộ. Đồng chí Lê Duẩn đi tới đâu thì phần lớn các cơ sở đảng ở đó được khôi phục. Những chiến sĩ cộng sản ở Vĩnh Linh vừa từ các nhà tù trở về được đồng chí Lê Duẩn tập hợp lại cùng nhau xây dựng phong trào. Phần lớn các vùng Gio Linh, Cam Lộ, Vĩnh Linh trong những năm 1936 - 1937, các cơ sở đảng đều được xây dựng lại.

Bước vào năm 1936, nhiều cán bộ, đảng viên do bị giam cầm lâu ngày, mới ra khỏi nhà tù đế quốc, chưa liên lạc được với cấp trên, nên chưa nắm vững chủ trương, chính sách, phương thức hoạt động của Đảng trong tình hình mới. Một số vẫn giữ quan điểm hoạt động theo phương thức cũ, không theo đường lối công khai hợp pháp; một số tuy nhạy bén với tình hình nhưng chưa tiếp thu được chủ trương mới nên lúng túng trong hoạt động. Vì vậy, trong nội bộ cán bộ, đảng viên ở địa phương chưa thống nhất được phương thức đấu tranh cho phù hợp với thực tế lúc bấy giờ. Trước tình hình đó, đồng chí Lê Duẩn chỉ đạo cho cán bộ, đảng viên nhanh chóng bắt liên lạc với các cơ sở cũ, đồng thời đi khắp các địa bàn nắm tình hình và tổ chức truyền đạt cho các đảng viên cộng sản về tinh thần của Nghị quyết

Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất; Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng ngày 26-7-1936; giải thích ý nghĩa của Mặt trận Nhân dân đối với cách mạng nước ta, chỉ rõ sự chuyển hướng chỉ đạo và hình thức, phương pháp đấu tranh trong tình hình mới. Đồng chí tập hợp lực lượng thanh niên ở các huyện Triệu Phong, Hải Lăng và Cam Lộ để tuyên truyền, giác ngộ, đưa họ vào tổ chức, tham gia hoạt động cách mạng. Đặc biệt, trước thực tiễn cách mạng trong nước và Quảng Trị, đồng chí nhấn mạnh: Phải triệt để lợi dụng những khả năng hoạt động công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp để lãnh đạo quần chúng, song không được quên việc duy trì và phát triển các tổ chức bí mật của Đảng, phòng khi bất trắc.

Với tư duy năng động, nhạy bén, cùng với lòng nhiệt tình và trình độ lý luận sắc bén, đồng chí Lê Duẩn đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng vào tình hình cụ thể ở Quảng Trị, đề ra những chủ trương mới, sát đúng, tạo được uy tín lớn trong đông đảo đảng viên và quần chúng. Đồng chí nhanh chóng tập hợp được cán bộ cốt cán làm hạt nhân lãnh đạo phong trào, chấp nối được các cơ sở đảng, đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân trong Mặt trận Dân chủ để đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ. Nhờ vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, các tổ chức cơ sở đảng đã được khôi phục và đến cuối năm 1936, Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Trị được

thành lập gồm các đồng chí: Lê Duẩn, Hồ Xuân Lưu, Nguyễn Hữu Khiếu, Trần Mạnh Quý.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn, phong trào hưởng ứng Đông Dương đại hội phát triển rầm rộ ở Vĩnh Linh, các cựu chính trị phạm chia nhau về các địa phương vận động quần chúng sưu tập dân nguyện, lập Ủy ban vận động Đông Dương đại hội từ xã lên. Phong trào Mặt trận Dân chủ phát triển lan rộng khắp các phủ, huyện và được tổ chức công khai, rộng rãi trong toàn tỉnh. Các Ủy ban vận động hướng dẫn quần chúng lập bản dân nguyện, tổ chức các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Bên cạnh Ủy ban hành động, một số xã còn thành lập được Ủy ban cải cách hương thôn thu hút đông đảo quần chúng nhân dân, trong đó có cả một số hào lý hưởng ứng. Cuộc vận động trù bị Đông Dương đại hội đã mở đầu cho phong trào Mặt trận Dân chủ ở Quảng Trị.

Do ảnh hưởng của phong trào Đông Dương đại hội, bất chấp lệnh quản thúc và sự canh gác nghiêm ngặt của địch, đồng chí Lê Duẩn và các cựu tù chính trị đã tranh thủ thế hợp pháp đẩy mạnh hoạt động, không quản ngày đêm gian khổ về các làng xã vận động, giác ngộ, tổ chức quần chúng vào các hội tương tế, ái hữu. Phong trào cách mạng trong tỉnh, nhất là ở Cam Lộ, Triệu Phong, Vĩnh Linh phục hồi nhanh chóng. Thấy phong trào quần chúng lên mạnh, bọn cầm quyền phản

động ở tỉnh và các phủ tìm cách làm giảm uy tín và hạn chế hoạt động của các cựu chính trị phạm. Điển hình là ngày 16-12-1936, khi xét xử vụ kiện ở làng Vệ Nghĩa, tên tri phủ Triệu Phong đã dùng roi mây đánh cụ Hồ Ngọc Thâm, một cựu chính trị phạm ngay giữa công đường, khiến cụ tự cắn lưỡi để phản kháng. Nhân cơ hội đó, đồng chí Lê Duẩn chủ trương cho con trai cụ Hồ Ngọc Thâm kiện tên tri phủ lên Công sứ Quảng Trị, Khâm sứ Trung Kỳ và Bộ Thuộc địa Pháp, đồng thời trực tiếp lãnh đạo Đảng bộ Triệu Phong phát động quần chúng đứng lên đấu tranh chống bọn quan lại đàn áp các cựu chính trị phạm. Kết quả, tên tri phủ Triệu Phong buộc phải xin lỗi cụ Hồ Ngọc Thâm. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của quần chúng, mở ra phong trào đấu tranh công khai hợp pháp, tạo cơ hội để ta đưa ra những yêu sách đấu tranh về chính trị sau này.

Đầu năm 1937, trước cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Dương và áp lực của dư luận tiến bộ Pháp, Chính phủ Bình dân Pháp phải cử một phái bộ sang Đông Dương điều tra, nắm tình hình, và qua đó, điều chỉnh một số chủ trương mở rộng phần nào các quy chế về dân chủ ở Việt Nam và Đông Dương.

Trung ương Đảng chủ trương phát động một phong trào đấu tranh mới, đẩy mạnh các hình thức tổ chức hoạt động công khai, hợp pháp để tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân vào mặt trận thống nhất, tập

trung mũi nhọn đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, cô lập, phân hoá nội bộ kẻ thù.

Tháng 2-1937, được tin phái viên của Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp là Gôđa được cử sang Đông Dương điều tra tình hình sẽ đến Quảng Trị, các cựu chính trị phạm trong tỉnh, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Duẩn, chủ trương nhân cơ hội này phát động phong trào quần chúng rộng rãi biểu dương lực lượng trong toàn tỉnh, lấy cớ thu thập nguyện vọng nhân dân để chuyển tới Gôđa. Thực hiện chủ trương đó, Đảng bộ Quảng Trị đã phát động một phong trào quần chúng rầm rộ đưa thỉnh nguyện cho Gôđa.

Tháng 2-1937, các tù chính trị cũ ở Quảng Trị gửi điện cho Toàn quyền Đông Dương Brêviê đòi thả hết tù chính trị và đòi ban hành tự do dân chủ. Nội dung bức điện như sau:

"Gửi quan Toàn quyền Đông Dương, Sài Gòn.

Hân hạnh kính chào quan Toàn quyền mới do Chính phủ Mặt trận Nhân dân cử sang. Chúng tôi bày tỏ nguyện vọng sau đây của chúng tôi: toàn xá chính trị phạm, tự do báo chí, tự do nghiệp đoàn. Ban hành các luật xã hội, bãi bỏ thuế thân, thành lập chính phủ duy nhất chịu trách nhiệm trước Viện do phổ thông bầu phiếu bầu ra...

Ký tên: Các chính trị phạm Quảng Trị vừa được thả"¹.

1. Những sự kiện Lịch sử Đảng Bình Trị Thiên. Tài liệu của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Bình Trị Thiên biên soạn.

Nhằm ngăn chặn hoạt động của các cựu chính trị phạm lợi dụng cuộc đón tiếp Gôđa để thúc đẩy phong trào cách mạng quần chúng trong tỉnh, chính quyền phản động Pháp và Nam Triều ở Quảng Trị giao nhiệm vụ cho tên Nguyễn Đình, tri phủ Triệu Phong mời các cựu chính trị phạm nổi tiếng trong tỉnh vào phủ đường Triệu Phong bày tỏ thảo luận dân nguyện, nhằm giam chân họ trong thời gian Gôđa đến Quảng Trị.

Tri phủ Triệu Phong gửi giấy mời các chính trị phạm Lê Duẩn, Trần Công Khanh và nhiều người khác đến phủ đường. Nhận rõ âm mưu của địch, đồng chí Lê Duẩn gửi thư cho Trần Công Khanh (Vĩnh Linh) bàn việc phải gấp rút tổ chức một cuộc biểu tình quần chúng vào Triệu Phong, lấy cớ là theo thư mời của tri phủ Triệu Phong để thảo nguyện vọng chuyển tới ông Guyttxanh Gôđa. Nhận được thư của đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Trần Công Khanh đã triệu tập một cuộc họp có đông đủ đại biểu các làng đến dự. Sau khi thảo luận, cuộc họp nhất trí với kế hoạch của đồng chí Lê Duẩn và bầu ban chỉ huy gồm 4 đồng chí, do đồng chí Trần Công Khanh đứng đầu.

Theo kế hoạch, rạng sáng ngày 20-2-1937, khoảng 4.000 người đủ các tầng lớp nhân dân trong phủ chia làm ba đoàn đã kéo đến địa điểm tập trung tại Quảng Xá: một đoàn đi bằng thuyền, một đoàn đi bộ và một đoàn đi bằng tàu hoả. Sáng ngày 21-2-1937, đoàn biểu

tình đã tập trung tại chợ Sãi. Nhân dân Triệu Phong tập trung chờ sẵn rầm rập kéo đến cùng với đồng bào Vĩnh Linh hợp thành một đoàn biểu tình đông chưa từng có tiến lên thị xã tỉnh lỵ. Đoàn biểu tình bị tên Công sứ cùng tùy tùng và một đại đội lính khố xanh chặn lại. Tên tri phủ Triệu Phong đe dọa bắt những người cầm đầu. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, chúng không dám bắt đồng chí Lê Duẩn. Thừa thắng, đoàn biểu tình đòi kéo lên chỗ có bóng cây để tránh nắng, mục đích là để tiến gần toà sứ. Lúc đó đoàn biểu tình của nhân dân Hải Lăng đã cùng hoà nhập. Nhân dân tham gia cuộc mít tinh cử đồng chí Trần Công Khanh làm chủ toạ, điều khiển cuộc thảo luận và cử đồng chí Hoàng Hữu Cháp làm thư ký

Sau cuộc đấu tranh thảo dân nguyện thắng lợi, tại chợ Sãi, ban vận động đón tiếp Gôđa được thành lập do đồng chí Lê Duẩn làm trưởng ban. Hưởng ứng phong trào, hàng vạn quần chúng nhân dân khắp nơi trong tỉnh đã biểu dương lực lượng, biểu tình đòi thả tù chính trị, bỏ thuế thân, giảm thuế điền thổ, đòi ban hành các quyền tự do dân chủ.

Sau khi Uỷ ban vận động đón tiếp Gôđa của tỉnh được thành lập, các phủ, huyện, thị và cơ sở (tổng, xã) trong tỉnh cũng thành lập Uỷ ban vận động. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn, ngoài Uỷ ban vận động (gồm một số đại biểu công khai hoạt động) còn có một bộ phận dự bị, hoạt

động bí mật, không tham gia các cuộc biểu tình, chuẩn bị kế hoạch tuyên truyền và tổ chức sau khi cuộc vận động đón tiếp Gôđa kết thúc để nuôi dưỡng phong trào.

Ủy ban vận động tỉnh đã đề ra kế hoạch hành động sau cuộc đón tiếp Gôđa với các nội dung chủ yếu:

- Giải thích cho quần chúng hiểu rằng: không chỉ đưa yêu sách và đề đạt nguyện vọng là xong, mà phải tiếp tục đấu tranh buộc bọn thống trị phải thực hiện các yêu sách và nguyện vọng đã đề đạt.

- Khi cuộc đón tiếp Gôđa ở tỉnh, huyện kết thúc thì quần chúng biểu tình dưới sự lãnh đạo của Ủy ban vận động kéo về làng, xã, tổng hợp mítting, giải thích các khẩu hiệu đấu tranh.

- Đoàn kết nông dân lao động, tranh thủ sự đồng tình của tầng lớp trên, đấu tranh buộc địch thực hiện các quyền lợi thiết thực hàng ngày, bãi bỏ đời phong bại tục, hoãn nộp thuế, lập hương ước

- Đưa quần chúng vào sinh hoạt trong các tổ chức công khai hợp pháp và nửa hợp pháp như tổ đọc sách báo và các hội biến tướng khác

Nhờ có kế hoạch cụ thể, định rõ các công việc phải làm trước, trong và sau khi đón Gôđa, nên phong trào đón Gôđa ở Quảng Trị thu được kết quả lớn.

Ngày 25-2-1937, hơn 15.000 đồng bào Vĩnh Linh và Gio Linh đại diện cho các tầng lớp nhân dân với hàng ngũ chỉnh tề sắp hàng từ bến đò Hiền Lương đến ngã ba rẽ về Cửa Tùng chờ đón Gôđa.

Khoảng 8 giờ ngày 26-2-1937, khi đoàn xe của Gôđa vừa tiến lên khỏi ngã ba thì đoàn biểu tình chào đón ông ta bằng các khẩu hiệu:

"Hoan hô Gôđa!"

"Mặt trận Nhân dân Pháp muôn năm!"

"Tự do dân chủ!"

"Bỏ thuế thân, giảm thuế điền thổ!"

"Đại xá chính trị phạm!"

Gôđa xuống xe, bắt tay đồng chí Trần Công Khanh, nhận bản dân nguyện, hứa hẹn rồi lên xe đi tiếp.

Ở địa điểm thị xã tỉnh Quảng Trị, thực hiện chủ trương của Ủy ban vận động đón Gôđa của tỉnh, Ủy ban vận động đón Gôđa của phủ Triệu Phong đã chọn địa điểm thuận lợi để tập trung quần chúng

Khi Gôđa sắp đến, đoàn biểu tình ở chợ Sãi (phủ Triệu Phong) đến tập trung ở nhà ga để đón Gôđa thì bị bọn thống trị cho lính ra chặn lại, nhằm cản trở sự tiếp xúc của quần chúng với phái viên của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Trước lý lẽ đấu tranh có lý, có tình của đoàn biểu tình, chúng phải đồng ý để những người biểu tình cử một đoàn khoảng 600 người kéo lên ga, sáp nhập với lực lượng quần chúng của Hải Lăng và tổng An Đông tổ chức đón Gôđa do đồng chí Lê Duẩn làm trưởng đoàn.

Đoàn biểu tình của hai phủ Triệu Phong, Hải Lăng và thị xã Quảng Trị khoảng gần một vạn người, xếp

hàng đứng trên đường trước nhà ga Quảng Trị đợi sẵn. Khi thấy Gôđa và đoàn tùy tùng xuất hiện từ phía cầu Ga, quần chúng biểu tình đã giương cao băng, biểu ngữ và hô vang các khẩu hiệu: *Ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp; Ban hành luật tự do dân chủ; Bỏ thuế thân, Thả hết tù chính trị...* Đến trước nhà ga, xe của Gôđa dừng lại, đồng chí Lê Duẩn thay mặt đoàn biểu tình, tỏ lời chào mừng Gôđa và những người cùng đi. Đồng chí phát biểu ý kiến, nói lên tình cảnh khổ cực của nhân dân Quảng Trị sống dưới chế độ bảo hộ của thực dân Pháp, đồng thời nêu lên những yêu sách, nguyện vọng bức thiết của mọi tầng lớp nhân dân lao động. Trước khi kết thúc, đồng chí và một số đại biểu khác đã đưa cho Gôđa các bản thỉnh nguyện nêu rõ các yêu cầu của quần chúng. Đó là các yêu cầu về tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do đi lại, lập hội, tự do ứng cử và bầu cử, thực hiện các luật lao động và bảo hiểm xã hội, giảm thuế và ân xá tù chính trị. Phái đoàn điều tra của Chính phủ Pháp buộc phải tiếp nhận các bản thỉnh nguyện và hứa hẹn sẽ đề đạt những nguyện vọng của nhân dân Việt Nam lên Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Sau khi Gôđa đi, các đoàn biểu tình kéo về tập trung ở bãi cát giữa thị xã Quảng Trị và chợ Sãi họp mítting. Thay mặt Ủy ban vận động đón Gôđa của tỉnh, đồng chí Lê Duẩn nói chuyện với quần chúng dự mítting, giải thích ý nghĩa việc tổ chức đón Gôđa. Sau đó, đồng chí nói về

tình hình thế giới, trong nước và nhiệm vụ của nhân dân Quảng Trị trong giai đoạn mới.

Phong trào đón Gôđa ở Quảng Trị đã có tiếng vang lớn trong cả xứ, ảnh hưởng chính trị sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, khiến bọn thống trị phải lo sợ. Bản báo cáo của Bộ Lại gửi lên Vua Bảo Đại ngày 27-3-1937 đã thú nhận: “Chúng tôi kính cẩn báo cáo để Hoàng thượng biết rằng theo báo cáo chính trị tháng 2-1937 của các tỉnh Trung Kỳ, tình hình chính trị trong xứ nói chung yên tĩnh, trừ hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên là các nơi xảy ra những sự kiện chính trị quan trọng mà chúng tôi xin kể ra dưới đây:

Quảng Trị, các cựu chính trị phạm và những kẻ tình nghi, hưởng ứng lời kêu gọi của Lê Duẩn, Trần Công Khanh đã xúi giục dân chúng đi đón ông Gôđa và đưa nguyện vọng cho ông ấy.

Đến giờ đây bọn họ đang tuyên truyền lập các hội buôn, các nhóm đọc sách, báo và chuẩn bị cuộc biểu tình để đón phái đoàn điều tra sắp sang Đông Dương. Họ xúi giục những người buôn bán ở chợ Quảng Trị đòi giảm thuế patăng ”

Sau cuộc biểu tình đón Gôđa, mặc dù bọn thống trị tìm mọi cách hạn chế hoạt động của các cựu chính trị phạm, song dưới sự chỉ đạo sâu sát và khôn khéo của đồng chí Lê Duẩn, phong trào cách mạng ở Quảng Trị vẫn phát triển sâu rộng. Các tổ chức hợp pháp, nửa hợp

pháp như tổ làm vườn, hội hiếu, tổ đọc sách, báo phát triển nhiều nơi. Đặc biệt là các tổ đọc sách, báo đã có tác dụng lớn trong việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng.

Tháng 3-1937, đồng chí Lê Duẩn đã đi về các huyện: Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh kiểm tra tình hình, kịp thời góp ý với các cán bộ lãnh đạo các địa phương những ý kiến quan trọng về chủ trương công tác, về giữ gìn bí mật, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng. Nhờ đó, các biểu hiện lệch lạc như: công khai hợp pháp bộc lộ hết lực lượng hoặc rút rè, cố thủ ở một số cán bộ đã được khắc phục.

Nhờ hoạt động tích cực của đồng chí Lê Duẩn, phong trào đấu tranh của nhân dân Quảng Trị ngày càng phát triển mạnh mẽ, nhiều tổ chức đảng được khôi phục. Trong ba ngày từ 28 đến 30-6-1937, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị được tổ chức tại làng Phú Long (Hải Lăng) dưới sự chủ toạ của đồng chí Lê Duẩn. Hội nghị khẳng định qua phong trào cách mạng Quảng Trị từ năm 1936 đến thời gian này, cơ sở đảng được phục hồi nhiều nơi, các tổ chức quần chúng phát triển. Hội nghị quyết định xây dựng lại Đảng bộ từ chi bộ đến huyện uỷ theo hướng bí mật, bất hợp pháp; đẩy mạnh xây dựng các tổ chức quần chúng, đưa quần chúng ra hoạt động công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng. Hội nghị bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 7 uỷ viên: Hoàng Thị

Ái, Hoàng Hữu Cháp, Hồ Xuân Lưu, Trần Mạnh Quỳ, Nguyễn Mực, Nguyễn Vức, Dương Đậu. Đồng chí Hoàng Hữu Cháp được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Khi đồng chí Hoàng Hữu Cháp bị bắt (9-1937), đồng chí Trần Mạnh Quỳ được cử làm Bí thư.

Từ sau Hội nghị Đảng bộ, phong trào cách mạng của nhân dân Quảng Trị lên cao, tổ chức đảng và tổ chức quần chúng phát triển mạnh.

Tháng 9-1937, dân chúng các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ biểu tình đưa nguyện vọng lên dân biểu Trần Đăng Hiến.

Tháng 10-1937, dân chúng Triệu Phong biểu tình đưa nguyện vọng của dân đến dân biểu Phan Triệu Khanh.

Tháng 12-1937, nhân dân Quảng Trị đấu tranh đòi cải cách nông thôn và phát triển phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ. Nhiều nơi thành lập được *hương ước*, quy định quyền của dân làng được tham gia giải quyết công việc của làng xã. Nông dân đòi thêm được quyền lợi về ruộng đất. Ở Ngô Xá (Triệu Phong), một suất đình được chia thêm một sào năm thước ruộng. Ở Huỳnh Công (Vĩnh Linh), phụ nữ cũng được chia ruộng công. Bà con còn mở nhiều lớp học chữ Quốc ngữ, nhất là lớp học cho phụ nữ.

Hoạt động của đồng chí Lê Duẩn không chỉ trong phạm vi tỉnh Quảng Trị, mà đồng chí còn cùng các đồng chí Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu tích cực hoạt động xây dựng lại Đảng bộ Trung Kỳ. Tháng 3-1937,

đồng chí Lê Duẩn từ Quảng Trị vào Huế làm việc với các đồng chí Nguyễn Chí Diểu, Phan Đăng Lưu, đi khảo sát tình hình ở Huế, Thừa Thiên, Đà Nẵng, Quảng Nam. Sau khi đi xem xét tình hình phong trào địa phương, đồng chí trở lại Huế cùng với các đồng chí Nguyễn Chí Diểu, Phan Đăng Lưu triệu tập Hội nghị cán bộ một số tỉnh Trung Kỳ vào ngày 20-3-1937. Hội nghị yêu cầu các tổ chức đảng phát động phong trào đấu tranh trong quần chúng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản: chống chiến tranh đế quốc, lập mặt trận rộng rãi, đòi các quyền dân sinh, dân chủ. Hội nghị quyết định thành lập Xứ uỷ lâm thời gồm các đồng chí: Nguyễn Chí Diểu, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, do đồng chí Nguyễn Chí Diểu làm Bí thư. Khoảng cuối tháng 8 đầu tháng 9-1937, do bị bệnh nặng, đồng chí Nguyễn Chí Diểu đã uỷ quyền cho đồng chí Lê Duẩn thay mình làm Bí thư Xứ uỷ lâm thời.

Tháng 3-1938, Xứ uỷ Trung Kỳ chính thức được lập lại. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư. Cũng trong khoảng thời gian này, Xứ uỷ cử Lê Thế Tiết và Lê Thị Quế vào Huế, thuê nhà và mở hiệu buôn nước mắm An Long ở 83 đường Gia Long làm cơ quan tài chính của Xứ uỷ Trung Kỳ. Bán hàng có Lê Thị Quế là chủ hiệu, Lê Công Bé, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Thị Quả, Lê Thị Nụ¹.

1. Con gái đồng chí Lê Thế Tiết.

Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Huế là nơi tập trung nhiều thanh niên, học sinh. Trong các phong trào cách mạng, tuổi trẻ thành phố đã có những đóng góp xứng đáng. Nhận thức đầy đủ vai trò và vị trí của thanh niên, các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Bùi San đã trực tiếp tổ chức giác ngộ thanh niên, học sinh trong các trường học. Ngày 26-3-1938, Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Huế được thành lập.

Cuối tháng 3-1938, Xứ uỷ cử đồng chí Lê thị Quế đến gặp ông Châu Tùng Cẩm và bà Tôn Nữ Thị Huệ, chủ căn nhà 95C đường Gia Long (Huế) để thuê nhà và giao cho đồng chí Lê Kim Thuyên mở "Thư quán Thuận Hoá". Chỉ trong thời gian ngắn, "Thư quán Thuận Hoá" đã thành nơi hội tụ của thanh niên, học sinh. Các phong trào truyền bá chữ quốc ngữ, phong trào đọc sách báo tiến bộ, phong trào bài trừ hủ tục trong đời sống văn hoá... thu hút đông đảo thanh niên. Đây chính là nơi liên lạc và tổ chức các lớp huấn luyện. Tại căn nhà này, các đồng chí Lê Duẩn và Phan Đăng Lưu thường xuyên làm việc với các cán bộ lãnh đạo các tỉnh, phổ biến nhiều Nghị quyết quan trọng của Xứ uỷ.

Căn nhà mở "Thư quán Thuận Hoá" sâu bên trong và hợp kiểu nhà cổ ở thành phố. Phòng ngoài kê một chiếc tủ kính trong bày các loại sách. Sát cửa vào buồng trong kê một chiếc bàn nhỏ và chiếc ghế gỗ. Hồ Xuân Lưu thường ngồi trên chiếc bàn này đóng vai người bán hàng

thuê cho hiệu sách, nhưng nhiệm vụ chính là gác cơ quan. Phòng trong hẹp hơn chỉ đủ kê một chiếc chõng tre. Đồng chí Lê Duẩn cùng ngồi trên chõng tre với các đồng chí dự lớp huấn luyện. Những người dự huấn luyện không biết nhau và thường chỉ từ một đến hai người. Chương trình huấn luyện ngắn gọn. Nhiều đồng chí được trưởng thành qua những lớp huấn luyện này như: Tố Hữu, Hoàng Anh, Nguyễn Chí Thanh, Trần Quỳnh...

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của báo chí hợp pháp, tháng 7-1938, Xứ uỷ quyết định xuất bản tờ báo *Dân*¹, cơ quan ngôn luận hợp pháp của Đảng do đồng chí Phan Đăng Lưu chỉ đạo. Tờ báo sử dụng tên của các nghị viên tiến bộ như Nguyễn Đăng Quế, Nguyễn Xuân Các với danh nghĩa chủ bút và thư ký toà soạn, nhưng thực tế điều hành công việc của toà soạn là Phan Đăng Lưu, Hải Thanh, Lâm Mộng Quang, Hải Triều, Nguyễn Cửu Thạch, Hà Thế Hạnh. Kế thừa sự nghiệp của báo *Nhàn húa* và báo *Sông Hương* (tục bản), báo *Dân* đấu tranh đòi cải cách dân chủ. Báo phản ánh nguyện vọng của nhân dân, kêu gọi các tầng lớp nhân dân đấu tranh đòi cải cách chế độ thuế khoá, đòi tự do dân chủ, đòi thả chính trị phạm. Trong cuộc đấu tranh chống dự án tăng thuế ở Trung Kỳ, báo *Dân* thường xuyên nhận được nhiều thư từ, điện tín của nhân dân khắp nơi gửi về.

1. Số 1 ra ngày 6-7-1938.

Tòa soạn nhận và công bố các bản nguyện vọng của các đoàn biểu tình, tiếp đại biểu của các ngành, các giới và các nghị viện. Dù chỉ tồn tại trong ba tháng, báo *Dân thực sự* là vũ khí tư tưởng sắc bén¹.

Từ giữa năm 1937, tình hình thế giới có nhiều thay đổi theo chiều hướng xấu. Bọn quân phiệt Nhật Bản tiến công Bắc Kinh, mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Nước Pháp cũng phải chuẩn bị đối phó với chiến tranh. Bọn thực dân tuyển thêm hai vạn lính ở Đông Dương, phát hành công trái, thực hiện nhiều biện pháp vơ vét của cải, tăng hàng loạt thuế.

Xứ uỷ Trung Kỳ chủ trương chống dự án tăng thuế. Ngày 5-2-1938, Trung ương Đảng ra thông báo: *Bầu cử và Thuế*. Thực hiện chủ trương đó, khắp Trung Kỳ, các cơ quan tỉnh uỷ đã vận động các tầng lớp nhân dân tổ chức những cuộc đấu tranh liên tục, quy mô lớn với nhiều hình thức phong phú như: biểu tình, bãi công, gửi thư, gửi các bản dân nguyện và đấu tranh nghị trường. Chiều ngày 10-9-1938, Thành phố Huế liên tiếp nổ ra ba cuộc

1. Sau khi ra được 17 số, Toàn quyền Đông Dương viện có báo *Dân* đăng tin thất thiệt, rút giấy phép và truy tố người phụ trách tờ báo, thực chất là để trả thù vụ chống dự án tăng thuế. Tại phiên toà ngày 13-10-1938, hai ông Nguyễn Đăng Quế và Nguyễn Xuân Các bị phạt 5 tháng tù treo và mất chức vụ trong Viện dân biểu.

đấu tranh lớn. Mở đầu là đoàn biểu tình của 40 người đại diện cho thợ thuyền, dân nghèo, tiểu thương, phụ nữ và thanh niên. Ngày 16-9-1938, trong lúc Viện dân biểu đang họp, nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân tiếp tục nổ ra trong thành phố. 500 người họp mítting trước chợ An Cựu phản đối dự án tăng thuế. Viện dân biểu đã nhận được 297 bản thỉnh nguyện của nhân dân các tỉnh, huyện gửi đến. Để đẩy mạnh các hoạt động công khai, hợp pháp, Thông cáo của Trung ương Đảng ngày 20-3-1937 nêu rõ: “Vô luận là cuộc tuyển cử gì, Đảng ta có thể tham gia được là tham gia”. Ở Trung Kỳ, ngày 8-8-1937, diễn ra cuộc bầu cử Viện dân biểu Trung Kỳ. Đồng chí Lê Duẩn chỉ đạo cho các đảng bộ trong xứ tiến hành vận động quần chúng tham gia cuộc tuyển cử để tuyên truyền những khẩu hiệu của Đảng, đồn phiếu cho các ứng cử viên của Mặt trận Dân chủ, phối hợp cuộc đấu tranh của quần chúng bên ngoài nghị viện với cuộc đấu tranh của những dân biểu tiến bộ trong nghị viện để bênh vực quyền lợi cho quần chúng, đồng thời liên lạc với một số người tiến bộ trong giới trí thức, địa chủ, tư sản dân tộc, vận động họ ra ứng cử. Dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy, các tổ chức đảng ở Trung Kỳ đã mở rộng thêm các hình thức đấu tranh hợp pháp. Các đảng viên và quần chúng tích cực đã về các cơ sở tuyên truyền, giải thích cho quần chúng hiểu rõ chủ trương của Đảng, vận động tập trung bỏ phiếu cho các ứng cử viên do Đảng giới

thiệt như: Trần Đăng Hiến và Phan Triệu Khanh ở Quảng Trị; Hoàng Đức Trạch và Nguyễn Đình Diễn ở Huế; Phan Đăng Lưu và Hoàng Chánh Đông ở Quảng Bình; Phan Thanh ở Quảng Nam. Các ứng cử viên được Đảng ủng hộ đều đắc cử trong cuộc bầu cử này.

Trên đà phát triển của phong trào cách mạng, Xứ uỷ lâm thời Trung Kỳ do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư chủ trương tăng cường công tác xây dựng đảng, thành lập chi bộ Đảng trong các giới, các ngành, đẩy mạnh các hình thức đấu tranh công khai, nửa công khai trên quy mô rộng lớn hơn.

Ở Quảng Trị, dân chúng các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ biểu tình đưa nguyện vọng đến dân biểu Trần Đăng Hiến (tháng 9, 10-1937). Nhân dân Triệu Phong biểu tình đưa nguyện vọng đến dân biểu Phan Triệu Khanh (10-1937). Tại nghị trường, các dân biểu tiến bộ sử dụng diễn đàn công khai lên án tính bất công, phi lý của dự án thuế mới.

Tháng 10-1938, nông dân Quảng Trị rầm rộ đấu tranh phản đối chế độ thuế khoá mới. Ngày 17-10-1938, hàng nghìn nông dân Vĩnh Linh biểu tình phản đối thuế thân, thuế điền thổ. Ngày 3-11-1938, hơn 3.000 người ở Triệu Phong lại biểu tình. Ngày 5-11-1938, hơn 800 người biểu tình tại Cam Lộ. Cuộc đấu tranh chống dự án tăng thuế thắng lợi.

Từ tháng 11-1938, tại Pháp, phái hữu ngày càng

lũng đoạn chính phủ và Mặt trận Nhân dân. Ở Đông Dương, bọn phản động thuộc địa cũng ra tay đàn áp phong trào cách mạng. Mở đầu chiến dịch khủng bố ở Trung Kỳ, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa tờ báo *Dân*. Tiếp đó là cuộc lùng bắt các đảng viên và quần chúng cách mạng.

Là một chiến sĩ cộng sản dày dạn kinh nghiệm trong đấu tranh và tổ chức hoạt động bí mật, đồng chí Lê Duẩn cùng với tập thể Xứ uỷ kịp thời chỉ đạo các cấp bộ đảng ở Trung Kỳ nhanh chóng chuyển vào hoạt động bất hợp pháp, tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh trong tình hình mới.

Phong trào cách mạng ở Trung Kỳ trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Duẩn đã đạt tới mức phát triển rất cao và qua đó đào tạo, rèn luyện được nhiều cán bộ có đức, có tài đóng góp cho phong trào cách mạng của toàn xứ và cả nước sau này.

Thời kỳ Mặt trận Dân chủ ở miền Trung trong những năm 1936-1939 là thời kỳ đồng chí Lê Duẩn thể hiện tài năng sáng tạo và nhạy bén trong lãnh đạo phong trào cách mạng. Đồng chí đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo về phương thức đấu tranh cách mạng, kết hợp việc xây dựng, phát triển các tổ chức quần chúng rộng rãi để giữ vững và phát triển phong trào với việc xây dựng đảng làm nòng cốt để phát triển lực lượng

cách mạng; đề ra các hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú, uyển chuyển; kết hợp hoạt động công khai hợp pháp và nửa hợp pháp với hoạt động bí mật, bất hợp pháp; đấu tranh ở nông thôn với đấu tranh ở thành thị; kết hợp đấu tranh của quần chúng ngoài nghị viện với đấu tranh trong nghị viện. Đó còn là sự sáng tạo, nhạy bén trong chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, gắn vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc, nêu cao ngọn cờ dân chủ để tập hợp rộng rãi mọi giai tầng trong xã hội, trong dân tộc, kể cả giai cấp tư sản dân tộc, những thành phần dân chủ, những cá nhân có tư tưởng tiến bộ đứng về phía nhân dân chống lại bọn phản động thuộc địa và vua quan Nam Triều thối nát; thông qua phong trào dân chủ mạnh mẽ cả bề rộng lẫn chiều sâu mà tiến hành một cuộc tập dượt lớn nhằm tiến tới cao trào cứu nước 1940-1945, giành trọn vẹn chính quyền về tay nhân dân trong Cách mạng Tháng Tám.

4. Kiên định con đường đã chọn

Ngay sau khi phái hữu trở lại cầm quyền ở Pháp, bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương liền thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Những cuộc bắt bớ lại xảy ra hàng ngày, hàng giờ. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, chính quyền Pháp ở Đông Dương ra lệnh tổng động viên và ban hành hàng loạt nghị định, sắc lệnh phản động nhằm bảo vệ quyền lợi của bọn thực

dân. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ký lệnh giải tán các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn và tịch thu giấy phép và tài sản của các tổ chức đó. Ngày 5-10-1939, vua bù nhìn Bảo Đại ra dụ cấm các cuộc hội họp, cấm tuyên truyền, vận động cách mạng ở Trung Kỳ. Chỉ trong thời gian ngắn, tại Bắc Kỳ đã xảy ra hàng nghìn vụ khám xét, bắt bớ. Tại Nam Kỳ, 14 tờ báo bị đình bản. Toàn bộ nhân viên toà soạn báo *Dân chúng*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Sài Gòn, bị bắt giam. Tình hình trong nước và trên thế giới đang đứng trước những biến động dữ dội. Bọn phát xít âm mưu xô đẩy loài người vào cuộc chiến tranh huỷ diệt. Nhưng chiến tranh cũng hé mở cho phong trào cách mạng thế giới điều kiện phát triển mới và thời kỳ đấu tranh cách mạng sôi nổi. Phong trào đấu tranh cho hoà bình, dân chủ và phong trào giải phóng dân tộc sẽ có những bước phát triển nhảy vọt. Nhiều dân tộc bị áp bức sẽ đứng dậy đấu tranh giành độc lập. Phong trào đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta sẽ trải qua những thử thách, hy sinh lớn lao, nhưng cũng hứa hẹn những triển vọng tốt đẹp.

Bản thông cáo của Trung ương Đảng ngày 29-9-1939, nhận định “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.756.

Trước những biến cố mau lẹ và phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo phong trào cách mạng. Các cấp bộ đảng đã nhận được chỉ thị phải sớm chuyển vào hoạt động bí mật.

Theo yêu cầu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu từ Trung Kỳ vào Sài Gòn công tác. Đồng chí Phan Đăng Lưu được Trung ương phân công phụ trách phong trào các tỉnh Nam Kỳ, giúp đồng chí Võ Văn Tần, Bí thư Xứ uỷ nhanh chóng xây dựng các cơ sở đảng và cơ sở quần chúng bí mật. Đồng chí Lê Duẩn cùng với đồng chí Nguyễn Văn Cừ trực tiếp chuẩn bị những văn kiện để sớm triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ngôi nhà số 312 đường Nguyễn Tấn Nghiệp cũ kỹ rêu phong như bao ngôi nhà khác nằm lọt giữa khu đồng bào theo đạo Thiên chúa là nơi các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn thường lui tới họp bàn công việc. Công việc soạn thảo văn kiện cho sát với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi phải tập trung cao độ trí tuệ tập thể của lãnh đạo cao nhất của Đảng, nhưng cũng buộc ta phải hạn chế những cuộc họp hành, hội thảo đông người để tránh sự chú ý của bọn mật thám. Sài Gòn đang là nơi tập trung cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, thực dân Pháp huy động một lực lượng cảnh sát và mật thám đông đảo, có những tên

khét tiếng tàn ác như Badanh, dễ lòng sục, bắt bớ và đàn áp phong trào. Thâm độc hơn, bọn chúng còn dụ dỗ, mua chuộc và triệt để sử dụng một số tên tay sai đã một thời tham gia hoạt động trong các tổ chức của ta, nhưng không chịu được đòn thù và sự căm dỗ của địch đã phản bội lại lý tưởng, bán rẻ đồng chí mình cho giặc. Các đồng chí Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong lần lượt sa vào tay địch. Vốn là người thận trọng và giàu kinh nghiệm tổ chức hoạt động bí mật, đồng chí Lê Duẩn thường ít xuất hiện giữa đám đông và hạn chế những cuộc tiếp xúc không cần thiết. Tại Bắc Kỳ, địch tăng cường khủng bố. Báo *Tin tức*, cơ quan ngôn luận của Đảng tại Hà Nội đã đình bản, các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt đã rút vào bí mật. Tại Nam Kỳ, đồng chí Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Tạ Uyên, Nguyễn Thị Minh Khai phải lặn lội khắp các tỉnh, thành để tổ chức lại các cơ sở bí mật trong quần chúng. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương và Xứ uỷ, phong trào đấu tranh cách mạng ở Nam Kỳ đã tránh được những tổn thất đáng tiếc. Chỉ trong thời gian ngắn, hệ thống tổ chức đảng ở Nam Kỳ được tổ chức lại với những hình thức hoạt động kín đáo, phù hợp với tình hình mới. Các cơ quan tuyên truyền, vận động quần chúng được xây dựng và củng cố như các ban công vận, nông vận, thanh vận, binh vận ; 19 trong số 21 tỉnh, thành ở Nam Kỳ thành lập được cấp uỷ chính thức. Hai tỉnh còn lại là Bà Rịa và Hà

Tiên cũng có ban cán sự. Thực tế công tác xây dựng đảng và phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng ở Nam Kỳ là những bài học sinh động và bổ ích để các đồng chí lãnh đạo của Đảng tổng kết kinh nghiệm, xác định tính chất và những mục tiêu cụ thể của cách mạng trong giai đoạn mới. Công việc chuẩn bị nội dung Hội nghị Trung ương dồn cả lại cho hai đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Lê Duẩn. Các đồng chí nhiều đêm thức trắng để trao đổi ý kiến, phân tích tình hình thế giới, xu hướng phát triển của cuộc chiến tranh đế quốc, khả năng đấu tranh để bảo vệ hoà bình của các lực lượng tiến bộ do Liên Xô làm trụ cột. Các đồng chí dành nhiều thời giờ thảo luận tình hình trong nước và tính chất cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Đồng chí Lê Duẩn nhận thức rõ trọng trách lớn lao mà Đảng và nhân dân giao phó. Những quyết định sáng suốt và đúng đắn trong một thời điểm quan trọng của sự nghiệp cách mạng sẽ tạo ra được những chuyển biến căn bản. Giữa đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Nguyễn Văn Cừ thường có những cuộc tranh luận sôi nổi, nhiều khi khá gay gắt. Đồng chí Vũ Văn Hiếu, Bí thư đầu tiên của đặc khu mỏ Hòn Gai, người bạn tù thuỷ chung ở Nhà tù Côn Đảo, chăm lo, giúp đỡ các đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Lê Duẩn tận tình như những người ruột thịt. Tuy bận tham gia soạn thảo văn kiện của Hội nghị Trung ương, đồng chí Lê Duẩn vẫn

sắp xếp thời gian đi về những vùng cơ sở cách mạng, giúp đỡ các đồng chí chỉ đạo phong trào. Đồng chí rất quan tâm công tác xây dựng các tổ chức bí mật và phong trào quần chúng ở đô thị, trọng điểm là Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí cảm phục nghị lực và sự hiểu biết sâu sắc của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, lúc đó là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ, kiêm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ lớn. Đồng chí thường quan tâm giúp đỡ đồng chí Minh Khai trong công tác và cả trong cuộc sống hàng ngày. Chính sự chăm sóc ân cần của những người anh em, người đồng chí đã giúp Minh Khai vượt lên mọi gian khổ, cống hiến trọn đời cho Đảng, cho cách mạng. Sau này, đồng chí Lê Duẩn kể lại: “Tôi đã gặp và làm việc với nhiều cán bộ phụ nữ, nhưng chưa thấy ai có ý thức quyết vượt lên gánh vác vai trò lãnh đạo cách mạng như đồng chí Minh Khai”¹.

Trong cuộc chiến đấu một mất một còn, có một số người đã thoái hóa, đầu hàng, làm tay sai cho địch. Trong số đó có Đinh Văn Di, nguyên là một cán bộ khá sắc sảo trong phong trào cách mạng thời kỳ 1930-1931, đã từng bị giam giữ cùng với các đồng chí Nguyễn Văn Cừ,

1. Theo bút tích của đồng chí Lê Duẩn trong cuốn *Chị Minh Khai*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1980, tr.1.

Lê Duẩn tại Nhà tù Côn Đảo. Không chịu được đòn thù, bị địch cảm dỗ, Đinh Văn Di đã không giữ vững được khí tiết và đã trở thành kẻ phản bội. Sau khi được trả lại tự do và trở về quê quán, Di nhận làm mật thám cho Pháp. Vì khéo che đậy bộ mặt thật, Di đã được cử làm Bí thư Liên Tỉnh uỷ Thanh - Nghệ - Tĩnh. Tháng 3-1938, Di đi dự Hội nghị Trung ương tại Sài Gòn. Sau khi Liên tỉnh uỷ Thanh - Nghệ - Tĩnh trở lại trực thuộc Xứ uỷ Trung Kỳ, đồng chí Lê Duẩn có dịp ra Vinh để chỉ đạo phong trào, đã phát hiện những điều không bình thường trong công tác tổ chức đấu tranh tại địa phương. Khi Đinh Văn Di được triệu tập dự Hội nghị Trung ương, đồng chí Lê Duẩn báo cáo với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ về những điều mình biết về Đinh Văn Di. Theo đề nghị của đồng chí Lê Duẩn, một cuộc “Hội nghị Trung ương” đã khai mạc và kết thúc nhanh nhằm đánh lạc hướng Đinh Văn Di. Hắn ra về và báo cáo ngay với mật thám Pháp¹.

Sau khi gạt bỏ tên phản bội, Hội nghị Trung ương họp từ ngày 6 đến ngày 8-11-1939 tại nhà ông Hai My, một cơ sở quần chúng cách mạng thuộc 18 thôn Vườn Trầu, ngoại thành Sài Gòn. Dự Hội nghị có các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần.

1. Bị lộ mặt, Đinh Văn Di công khai hoạt động chống cách mạng. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, y đã bị chính quyền cách mạng kết án tử hình tại Vinh.

Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 phân tích và nhận định tình hình thế giới và trong nước lúc đó đang có nhiều biến động. Cuộc chiến tranh đế quốc đang đặt ra trước nhân loại một nguy cơ lớn, nhưng nó cũng tạo điều kiện cho phong trào cách mạng nhiều nước phát triển. Đối với phong trào cách mạng nước ta, mục tiêu giành độc lập dân tộc đã được đặt ra. Đồng chí Lê Duẩn viết: “Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp quỳ gối dâng Đông Dương cho phát xít Nhật, dân ta một cổ hai tròng, Đảng nhận định đây là thời kỳ mà áp bức, bóc lột và chiến tranh làm cho nhân dân ngày càng cách mạng hoá, thời kỳ mà cách mạng nhất định sẽ nổ ra”¹.

Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 họp giữa lúc phong trào cách mạng nước ta đang đứng trước những khó khăn, thử thách khắc nghiệt. Bọn đế quốc đang thẳng tay khủng bố, nhiều đồng chí trung kiên đã sa vào tay giặc hoặc phải lẩn tránh những cuộc bắt bớ. Hội nghị Trung ương quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của phong trào cách mạng nước ta, mở ra một cao trào mới - cao trào vận động cách mạng giành chính quyền trong cả nước.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu ra đời đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình chuyển

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr. 446.

hướng chiến lược của Đảng đối với phong trào cách mạng. Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, và phải tuyệt đối giữ bí mật để tránh sự lùng sục của kẻ thù, anh chị em công nhân đã làm ngày làm đêm in xong các văn kiện của hội nghị để sớm đưa đến với đồng bào, đồng chí. Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến, một nhà giáo, quê ở Hà Nam, đã dâng hiến tất cả sức lực của mình cho công việc âm thầm và khó khăn đó. Nhiều đồng chí cán bộ trung kiên của phong trào được phân công về các địa phương để truyền đạt nghị quyết mới và tổ chức chuyển hướng hoạt động. Đồng chí Võ Văn Tần, Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ, đã lặn lội khắp vùng lục tỉnh. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, nén nỗi đau của người mẹ trẻ phải xa con, luôn luôn bám sát các cơ sở vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, người trẻ nhất của cơ quan Xứ uỷ Nam Kỳ được cử ra miền Trung công tác, chẳng may bị địch bắt. Đồng chí Lê Duẩn phải thường xuyên làm việc tại cơ quan Trung ương ở số nhà 312 đường Nguyễn Tấn Nghiệp¹ (Sài Gòn) để giúp đồng chí Tổng Bí thư điều hành công việc chung. Giúp việc đồng chí Nguyễn Văn Cừ và đồng chí Lê Duẩn vẫn là đồng chí Vũ Văn Hiếu, người đã để lại cho đồng chí Lê Duẩn những ấn tượng sâu sắc, cảm động nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi và đầy gian khổ

1. Nay là đường Bùi Thị Xuân

của mình. Ba người con của những miền đất nước xa xôi tụ họp tại vùng quê mới đang là điểm nóng của phong trào cách mạng cả nước. Người xa vợ con, người chưa một lần biết hương vị hạnh phúc gia đình, tự nguyện gắn bó như anh em ruột thịt trong lúc cuộc sống đang khấn trương và cạm bẫy của quân thù giăng khắp mọi nơi.

Vào một ngày đầu năm 1940, đồng chí Hoàng Thị Ái và đồng chí Bùi San, trong vai hai chị em từ miền Trung vào kiếm sống, tìm đến trụ sở cơ quan Trung ương Đảng nằm lọt giữa vùng bà con theo đạo Thiên chúa. Bất gặp ánh mắt khác thường của một con chiên ngoan đạo đang quảy đôi thùng nước, biết có dấu hiệu bất trắc, các đồng chí liền rẽ sang ngã khác. Sau này các đồng chí được thông báo cho biết, trụ sở cơ quan đã bị khám xét, các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn và Vũ Văn Hiếu đã bị bắt. Đó là ngày 18-1-1940.

Hai năm về trước, trong hồ sơ của mật thám Pháp có ghi rõ: “Vai trò Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Đông Dương đã chuyển giao từ Hà Huy Tập cho người có đôi mắt không đều”. Kẻ thù đã biết rõ vai trò của đồng chí Nguyễn Văn Cừ trong Đảng, mặc dù đồng chí Vũ Văn Hiếu đã nhận hết những tài liệu tìm thấy tại trụ sở cơ quan là của mình. Đồng chí Lê Duẩn bị đưa về giam giữ tại Khám Lớn Sài Gòn để chờ ngày ra toà. Trong những cuộc tra hỏi, những lần tra tấn của kẻ thù, trước sau như một, đồng chí Lê Duẩn chỉ nhận mình đã từ bỏ mọi

hoạt động cách mạng và đang từ miền Trung vào Sài Gòn - Chợ Lớn tìm việc làm để kiếm sống.

Những cuộc lùng sục của mật thám vẫn tiếp tục diễn ra liên miên. Các đồng chí: Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Tạ Uyên, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Hữu Tiến đã sa vào tay địch. Ngày 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ. Phong trào đấu tranh của quần chúng cách mạng đã làm rung chuyển cả hệ thống chính quyền của địch tại Nam Kỳ. Nhưng, chưa đủ những điều kiện chín muồi để giành thắng lợi, cuộc khởi nghĩa sớm bị dập tắt và bị chìm trong biển máu. Hàng trăm làng mạc bị triệt hạ, hàng nghìn chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước khác bị xử bắn hoặc bị xâu tay thả xuống biển, trong đó có các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến. Các đồng chí Lê Duẩn, Vũ Văn Hiếu trong đoàn người bị đưa xuống tàu đày ra Côn Đảo.

Trong những năm 1940-1945, Nhà tù Côn Đảo mang cái tên địa ngục trần gian với nghĩa đầy đủ nhất của nó. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, chỉ trong vòng hai năm, 1941-1942, thực dân Pháp đã đày ra Côn Đảo gần 4.000 tù nhân thuộc đủ các hạng người, phần lớn là những chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước khác. Cũng trong thời gian đó, kẻ thù tiến hành khủng bố những người tù dã man chưa từng thấy. Cứ mỗi

chuyến tàu chở tù nhân cập bến, bọn cai ngục xếp hàng hai từ cầu tàu đến cổng trại giam cầm roi vọt tới tấp lên người họ. Những người tù tay bị xiềng xích, mình mẩy gầy gò, thâm tím và loang lổ máu tươi. Nhiều người đi không vững phải lê lết trong vòng tay bạn bè.

Giữa năm 1941, Thống đốc Nam Kỳ cử Bơruonnê ra làm chúa đảo thay Buvie. Bơruonnê thực hành chế độ nhà tù rất tàn bạo. Một số quyền lợi tối thiểu trước đây người tù giành được nay bị xoá bỏ. Chúng cấm tù nhân không được nhận thư từ, quà cáp, không được hội họp, đọc sách báo. Ra vào khám phải tự lột trần truồng ra cho chúng khám xét. Điều kiện ăn ở lại càng khắc nghiệt hơn. Người tù thì nhiều, số trại giam thì có hạn, mọi người phải ở chật như nêm trong sự ngột ngạt, nóng bức đến cùng cực. Các loại bệnh tả, ỉa chảy, kiết lỵ, thương hàn, ghẻ hằm mặc sức hoành hành, tàn phá cơ thể và cướp đi sinh mạng nhiều người. Đồng chí Lê Duẩn kể lại: “Hồi đó, mỗi buồng khoảng sáu mươi mét vuông, địch nhốt đến trăm bốn mươi, trăm năm mươi đồng chí. Chật chội và ngột ngạt đến khủng khiếp; muốn thở, phải thay phiên nhau nằm gần cửa ra vào. Chất tươi thì thiếu thốn vô cùng, bởi ngày nào cũng cơm hầm, cá mực, cho nên được ăn một quả ớt, hay một cọng rau xanh là sung sướng lắm rồi. Khi được tắm thì mỗi người chỉ vền vện một lon nước. Đó là không kể chuyện bị đánh đập hằng ngày. Bọn địch đối xử với người tù hà

khắc không sao kể hết được. Từ năm 1940 đến năm 1945, trong số một trăm mấy chục anh chị em bị giam cùng phòng với tôi, phần lớn đã chết dần, chết mòn, cuối cùng, chỉ còn mười lăm đồng chí”¹. Những cái chết vì đòn roi, vì bệnh tật và kiệt sức diễn ra hằng ngày, hằng giờ. Có ngày, vài chục người chết như vậy. Đồng chí Lê Hồng Phong, nhà yêu nước nổi tiếng Nguyễn An Ninh cũng từ trần trong những năm đó. Trong điều kiện cuộc sống cực khổ và chế độ nhà tù tàn bạo như vậy, *chi bộ đặc biệt* ở Côn Đảo vẫn được thành lập và hoạt động. Trong nhà tù, sách báo và tài liệu vô cùng hiếm hoi, điều kiện mở các lớp huấn luyện và học tập càng khó khăn hơn, chi bộ nhà tù chủ trương tổ chức đấu tranh chống khủng bố, đòi cải thiện điều kiện sinh hoạt và phải giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cách mạng.

Đầu những năm bốn mươi, cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới và sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Phátxít Đức mở cuộc tiến công quy mô lớn và ồ ạt vào đất nước Xôviết. Quân đội Hítle áp sát cửa ngõ Mátxcova. Tại châu Á, phátxít Nhật đã đánh chiếm những vùng đất đai rộng lớn. Ở trong nước, cơ sở đảng

1. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1978, tr. 367.

tại nhiều địa phương bị tan vỡ; nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng bị giam giữ, đầy đoạ trong các nhà tù. Tại Nam Kỳ, sau đợt khủng bố đẫm máu của kẻ thù, phong trào cách mạng của quần chúng chưa kịp khôi phục. Trong điều kiện như vậy, để giữ vững được niềm tin ở thắng lợi cuối cùng, những chiến sĩ cộng sản phải có một ý chí gang thép. Mặc dù hằng ngày phải đối mặt với sự tàn bạo của kẻ thù, chứng kiến sự ra đi của bạn bè, đồng chí, Lê Duẩn vẫn giữ vững niềm tin và động viên đồng đội kiên định con đường đã chọn. Trong những ngày đó, đồng chí càng thấm thía sâu sắc hơn tình đồng chí cao cả và thiêng liêng giữa những người cộng sản. Đồng chí Rum Bảo Việt¹ làm y tá trong nhà tù đã tận tình chăm lo sức khỏe cho đồng chí Lê Duẩn qua khỏi những căn bệnh đơn giản nhưng hiểm nghèo. Và cũng tại đây, đồng chí Lê Duẩn mới thấy hết một tình thương bao la đối với con người, đối với cách mạng của đồng chí Vũ Văn Hiếu. Đồng chí Lê Duẩn kể lại: “Trong số những đồng chí đã hy sinh, hình ảnh đồng chí Vũ Văn Hiếu làm cho tôi xúc động hơn cả. Đồng chí Hiếu là một đồng chí sống vì Đảng và chết cũng không rời Đảng. Đồng chí ấy bị bắt cùng một lúc với anh Nguyễn Văn Cừ

1. Đồng chí Rum Bảo Việt (viết tắt của cụm từ *Rừng U Minh bảo vệ Việt Nam*) sau này là một nhà báo cách mạng, được nhiều người biết đến.

và tôi. Vào tù, đồng chí bảo với anh Cừ và tôi rằng: “Tôi đã nhận tài liệu địch lấy được là của tôi, địch có đánh, thì tôi chịu, tôi không khai cho các anh đâu. Các anh cứ chối hết đi. Tôi chịu đòn, chịu chết thay cho các anh để các anh sống và hoạt động cho Đảng”. Ở Côn Đảo, đồng chí Hiếu bị địch đánh đập, hành hạ nhiều quá. Biết mình kiệt sức không thể sống được, một hôm nhân lúc bên ngoài gửi vào cho một cái áo, đồng chí Hiếu không mặc mà đưa áo cho tôi và nói: “Tôi sắp chết rồi, tôi nghĩ mãi mà không biết làm cái gì để phục vụ cho Đảng đến phút cuối cùng, tôi chết có trần truồng cũng không sao, áo đây anh mặc lấy để sống mà làm việc cho Đảng”. Tôi từ chối nhưng đồng chí Hiếu vẫn khẳng khái không chịu. Đồng chí bảo: “Tôi đã nghĩ kỹ rồi, chỉ có việc này là tôi còn cống hiến được cho Đảng, sao anh không nhận?”¹.

Sự điên cuồng và tàn bạo của kẻ thù cũng chính là những dấu hiệu báo trước sự sụp đổ của chúng. Trên thế giới, chủ nghĩa phát xít bị đánh gục. Ở trong nước, công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền đang sôi sục khắp cả ba miền Trung, Nam, Bắc. Trong những ngày tháng Tám mùa thu lịch sử, cùng với nhân dân cả nước, đồng bào Nam Bộ đồng loạt nổi dậy, lật đổ ách

1. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 1978, tr. 370.

thống trị của chủ nghĩa thực dân, lập ra chính quyền cách mạng.

Ngày 17-9-1945, đồng chí Lê Duẩn cùng với các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Lê Thanh Nghị, Phan Trọng Tuệ ứa nước mắt dự cuộc mít tinh chào đón phái đoàn của Ủy ban nhân dân Nam Bộ ra đón các chiến sĩ cộng sản vừa thoát khỏi địa ngục tù Côn Đảo, trở về đất liền chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới.

Chương III

NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG Ở NAM BỘ (1946 - 1957)

1. Tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ

Nước nhà vừa giành được độc lập. Khát vọng tự do và hạnh phúc lớn lao đang trào dâng và lan toả khắp mọi nhà. Nhưng ngày vui không trọn vẹn và cũng thật ngắn ngủi. Nửa đêm về sáng ngày 23-9-1945, được sự giúp sức của quân Anh, quân Nhật, thực dân Pháp nổ súng tấn công vào sân bay, bến tàu và các công sở của ta ở Sài Gòn. Xứ uỷ lâm thời và Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ họp hội nghị cán bộ mở rộng khẩn cấp tại ấp Cây Mai (Chợ Lớn) bàn kế hoạch kháng chiến. Hội nghị quyết định lập Uỷ ban Kháng chiến để lo việc quân sự; hạ lệnh tổng đình công và bất hợp tác với người Pháp; lệnh cho các tỉnh Nam Bộ thi hành kế hoạch phá hoại đường giao thông tiếp tế, bao vây quân địch... Đồng thời, gửi điện khẩn báo cáo tình hình và xin ý kiến Trung ương. Khoảng một giờ sau, khu thu phát Đa Kao (Sài Gòn)

nhận được và dịch xong Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng đồng ý với quyết tâm của Xứ uỷ và Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ về chủ trương phát động cuộc kháng chiến. Ngay chiều hôm đó, Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ ra lệnh tổ chức nhân dân đấu tranh vũ trang chống quân xâm lược, bảo vệ những thành quả cách mạng đã giành được.

Ngày 23-9-1945, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn thực sự bắt đầu cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Cả thành phố tẩy chay người Pháp, chợ búa không họp, xe cộ ngừng chạy, các công sở, trường học đóng cửa. Bàn ghế, giường tủ, quây hàng được khuân ra đường, cột đèn, cây to được hạ xuống làm vật chướng ngại cản xe cơ giới của địch. Cầm thù trút lên nòng súng, lưỡi lê, các chiến sĩ tự vệ đường phố, tự vệ công nhân, công an xung phong, cảnh sát chiến đấu cùng với các đơn vị Vệ quốc đoàn, với mọi thứ vũ khí có trong tay, nhanh chóng chiếm lĩnh các vị trí chiến đấu, đánh trả bọn gây chiến. Nhiều đồn lính, kho tàng của địch bị tiến công; điện, nước bị cắt. Các đội vũ trang của ta đột nhập vào sân bay, bến tàu tiêu diệt quân Pháp. Một tàu chiến địch vừa cập bến Sài Gòn bị đốt cháy ngay. Quân Pháp bị bao vây trong thành phố.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ được đồng bào cả nước hết lòng ủng hộ. Trong Thư gửi đồng bào Nam Bộ ngày 26-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc

rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng”¹.

Cán bộ là vốn quý của phong trào cách mạng. Trong những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám thành công ở Nam Bộ, các đồng chí trong Xứ uỷ lâm thời và Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ đã nghĩ ngay đến việc giải phóng cấp bách Nhà tù Côn Đảo, tổ chức tàu thuyền đưa các cán bộ cách mạng về đất liền. Hàng nghìn người gầy ốm đã được đưa về bến Đại Ngãi, tỉnh Sóc Trăng. Các đồng chí vừa từ ngục tù Côn Đảo trở về như quên hết mọi dấu vết của địa ngục, đòn roi, bệnh tật, hăng hái lao vào cuộc chiến đấu mới. Đồng chí Tôn Đức Thắng, sau hơn 15 năm bị tù đầy ở Côn Đảo, chỉ qua Long Xuyên ghé thăm nhà được một giờ rồi lại tiếp tục ra đi. Với đồng chí Lê Duẩn, vùng đất Nam Bộ từ lâu đã trở nên gần gũi, thân thương. Cũng như các đồng chí Tôn Đức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 4, tr. 27.

Thắng, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh, Lê Văn Lương, đồng chí Lê Duẩn không có một ngày nghỉ ngơi. Các đồng chí quê ở Nam Bộ được Xứ uỷ và Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ cử về quê tham gia xây dựng tổ chức đảng và củng cố chính quyền cách mạng. Lúc này, Nam Bộ đang là nỗi lo âu, niềm hy vọng của đồng bào cả nước. Nhiều đồng chí quê ở miền Bắc và miền Trung đã tình nguyện ở lại sát cánh chiến đấu cùng đồng bào Nam Bộ. Đồng chí Lê Duẩn được phân công công tác tại Sài Gòn.

Trong những ngày đầu kháng chiến, cuộc chiến đấu của quân dân ta ở Nam Bộ gặp rất nhiều khó khăn. Quân dân ta đã nêu cao ý chí quyết thắng, chiến đấu ngoan cường, hy sinh anh dũng. Nhưng chúng ta chưa có kinh nghiệm tổ chức kháng chiến và vũ khí quá ít. Tại nhiều nơi, quân ta phải bắn cầm chừng, vừa bắn vừa hò reo, gõ phèng la, trống ếch để làm cho địch hoảng sợ phải bỏ chạy. Suốt trong tháng 10-1945, quân ta vây địch trong thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn theo ba hướng chính: mặt trận Tham Lương, Bà Quẹo; mặt trận Chợ Đệm, Bình Điền; mặt trận Cầu Bông, Cầu Kiệu. Sau một tháng các mặt trận dần dần tan vỡ. Các cơ quan Xứ uỷ và Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ rút về Mỹ Tho. Không thể kể hết chính sách đàn áp hết sức dã man của giặc Pháp: càn quét liên miên, đến đâu là triệt hạ làng mạc, giết sạch, đốt sạch, cướp sạch, bày ra đủ các trò khủng bố rùng rợn nhất. Những đầu người bị bêu trên đầu cọc tre, những xác trẻ em bị thả trôi bập bênh trên sông,

những phụ nữ bị hãm hiếp, rách bụng xem thai, hoặc bị cắm cọc tre vào âm hộ bên xác chồng không còn đầu. Ở Mỹ Tho, chúng còn mở quán bán thịt người. Những gia đình có người theo kháng chiến đi ngang bị chúng bắt phải mua và luộc thịt người ăn ngay tại chỗ.

Ngày 25-10-1945, Hội nghị cán bộ Xứ uỷ Nam Bộ họp tại Thiên Hộ, Cái Bè, Mỹ Tho. Tham dự Hội nghị có các đồng chí: Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Nguyễn Thị Thập, Trần Văn Giàu, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Linh... Đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng dự Hội nghị. Hội nghị thảo luận kế hoạch và biện pháp tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Bằng những tri thức đã tích lũy được trong những năm tháng bị giam giữ ngoài Côn Đảo, và bằng sự mẫn cảm do nắm bắt tình hình thực tế nhanh chóng, đồng chí Lê Duẩn trình bày trước Hội nghị những ý kiến của mình về tương quan lực lượng giữa ta và địch ở Nam Bộ. Nước Pháp vừa ra khỏi cuộc chiến tranh, bị tổn thất nặng nề nhưng vẫn là một cường quốc, đang cố chiếm lại các thuộc địa để bù đắp lại những thua thiệt cả về kinh tế và danh dự. Chiến tranh với Pháp là điều khó tránh khỏi và cuộc chiến sẽ lâu dài, gian khổ. Cuộc kháng chiến của ta sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng chúng ta có lực lượng đông đảo của toàn dân. Phải dựa vững chắc vào dân để tổ chức kháng chiến. Hội nghị quyết định phải xây dựng cả Nam Bộ thành một chiến trường chung chống giặc.

Các mặt trận miền Đông (bao gồm cả Sài Gòn - Chợ Lớn), miền Trung và miền Tây Nam Bộ đang dần dần được hình thành. Những cán bộ dày dạn kinh nghiệm, có khả năng về quân sự được tăng cường cho mặt trận này. Hội nghị bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Bí thư Xứ uỷ lâm thời. Đồng chí đã khiêm tốn từ chối và đề cử đồng chí Lê Duẩn đảm nhiệm trách nhiệm này. Đồng chí Tôn Đức Thắng được phân công phụ trách Uỷ ban Hành chính Kháng chiến và chỉ đạo các lực lượng vũ trang¹.

Để tổ chức lãnh đạo kháng chiến, Xứ uỷ Nam Bộ chủ trương phải đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng và thống nhất các lực lượng vũ trang. Ngay sau khi giành được chính quyền ở Nam Bộ, chúng ta đã thành lập 4 sư đoàn cộng hoà vệ binh gồm phần lớn là những sĩ quan, binh lính đã tham gia quân đội Nhật, Pháp, lực lượng Bình Xuyên, Hoà Hảo và một số thanh niên giàu lòng yêu nước nhưng chưa được tuyên truyền, giáo dục về lý tưởng chiến đấu. Sau khi cuộc kháng chiến nổ ra, 4 “sư đoàn” tan rã. Chủ trương của ta là phải tranh thủ lôi kéo những người còn có ý thức dân tộc, có tâm huyết gia nhập đội ngũ kháng chiến của toàn dân; hạn chế, cô lập những lực lượng phá hoại. Trong đám quân tan rã đó, Nguyễn Hoà Hiệp -

1. Xem: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, tập 1 (1930-1954)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr.221-222.

một thủ lĩnh Quốc dân Đảng, chỉ huy Đệ tam sư đoàn - nổi lên như một người hùng. Đã từng theo học Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc), Nguyễn Hoà Hiệp có chút ít kiến thức về quân sự. Để dẹp yên đám tàn quân này, với lòng tự tin và sự can đảm, đồng chí Lê Duẩn đã trực tiếp gặp và thuyết phục, cảm hóa Nguyễn Hoà Hiệp. Hoà mình vào cuộc sống chiến đấu ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn đã chiếm được lòng tin yêu, sự mến phục của đồng bào, đồng chí. Đồng chí dành nhiều thời gian về các địa phương, các cơ sở tham gia xây dựng, củng cố tổ chức đảng, chính quyền cách mạng, xây dựng các đoàn thể quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang.

Đồng chí rất coi trọng công tác mặt trận, chăm lo xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Với bộ bà ba đen giản dị, tấm khăn rằn vắt vai, đồng chí len lỏi khắp các kênh rạch chằng chịt, ăn cơm mắm cá và bông bí luộc với các bà con nông dân để hàng ngày theo dõi các bước tiến quân của địch và cuộc chiến đấu của nhân dân ta. Sau này, đồng chí nhận xét: “Ở Nam Bộ, chính quyền vừa giành được lại mất ngay vào tay thực dân Pháp. Hơn nữa, chính quyền ta giành được thông qua cuộc quật khởi của nhân dân chứ chưa gắn liền với cuộc chiến đấu của mặt trận dân tộc. Do đó, muốn bảo vệ chính quyền thì phải chăm lo xây dựng, củng cố và siết chặt đội ngũ của mặt trận dân tộc.

Mặt trận Việt Minh lãnh đạo cuộc khởi nghĩa lại chia thành hai phe cũ, mới. Đảng Cộng sản lại không

nắm được trọn vẹn quyền lãnh đạo. Hai phe trong Việt Minh xung đột nhau, Cao Đài hẳn học nuôi tiếc cái bánh vẽ độc lập của Nhật Bản tưởng như bánh đã đưa vào miệng rồi lại rơi ra, Hoà Hảo hung hăng muốn làm vương làm tướng. Tình hình ấy gây khó khăn cho việc xây dựng, củng cố mặt trận đoàn kết dân tộc”¹.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Bộ nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ và có hiệu lực của đồng bào cả nước. Khắp các địa phương, đâu đâu cũng bừng bừng khí thế, một lòng một dạ hướng về Nam Bộ đau thương và anh dũng. Những *Ngày Nam Bộ*, *Phòng Nam Bộ* xuất hiện khắp nơi để động viên sức người, sức của cho Nam Bộ đánh giặc. Những đoàn quân "Nam tiến" rầm rập lên đường vào Nam chiến đấu. Vượt lên muôn ngàn khó khăn, gian khổ, cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Bộ đã làm thất bại kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp. Trong khoảng ba tháng, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn quân địch. Cuộc kháng chiến của ta ở Nam Bộ tìm chân giặc Pháp tại vùng phía Nam đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cho cả nước có thời gian củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Bộ làm

1. Lê Duẩn: *Phong trào cách mạng và Mặt trận dân tộc Nam Bộ*, năm 1952. Tư liệu lưu tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu 2B.

sáng tỏ một chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Một đạo quân dù tối tân, làm trò trống gì được trước thái độ cương quyết của cả một dân tộc”¹. Tháng 2-1946, Người đã thay mặt Chính phủ tạm Nam Bộ danh hiệu "Thành đồng Tổ quốc".

Ngày 6-1-1946, đồng bào cả nước nô nức tham gia bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Tại Nam Bộ và một số tỉnh khác do tình hình chiến sự căng thẳng nên cuộc tổng tuyển cử được tổ chức sớm hơn đúng vào ngày được ấn định cũ là 23-12-1945. Nhiều nơi ở Nam Bộ, cuộc bầu cử thực sự là một cuộc chiến đấu quyết liệt. Đồng bào dũng cảm đi bỏ phiếu, bất chấp họng súng và lưỡi lê của quân thù. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, 45 chiến sĩ hy sinh. Đồng bào cả nước bầu ra 333 đại biểu Quốc hội. Hoà mình trong dòng người cầm lá phiếu đi làm nghĩa vụ công dân, đồng chí Lê Duẩn vui cái vui chung của những người dân từ cuộc đời nô lệ đứng lên làm chủ đất nước. Nhưng cũng hơn lúc nào hết, đồng chí hiểu rõ cuộc chiến đấu của nhân dân ta còn phải lâu dài, dân tộc sẽ phải chịu nhiều thử thách, cam go. Cha mẹ, vợ chồng sẽ còn phải chia ly. Lúc này chưa thể nghĩ đến hạnh phúc riêng tư. Mới mấy tháng từ địa ngục trần gian Côn Đảo trở về, nhưng cũng nhiều hơn thế từng ấy năm đồng chí biên biệt xa cách quê

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, , 2002, t.4, tr. 88.

hương, gia đình. Dòng sông Thạch Hãn nước vẫn trong xanh và xóm nghèo chợ Sãi chắc vẫn xơ xác như xưa, rồi những người thân, ai còn ai mất. Sau ngày Huế, Quảng Trị giành chính quyền, bà Lê Thị Sương đã tất tả xuôi ngược các nơi để hỏi thăm tin chồng và được cho hay đồng chí Lê Duẩn vẫn sống và hoạt động cách mạng ở Nam Bộ.

Giữa lúc cuộc kháng chiến của quân dân ta ở Nam Bộ đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng thì các đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở Nam Bộ nhận được chỉ thị ra Trung ương học tập và công tác. Trung ương Đảng và Bác Hồ đã thấy ngay trong những ngày khó khăn gian khổ đó, việc chuẩn bị cho Nam Bộ một đội ngũ cán bộ đủ sức làm tròn nhiệm vụ là một yêu cầu bức thiết. Đồng chí Lê Duẩn nhận nhiệm vụ lên đường ra Hà Nội. Đồng chí Phạm Hùng được phân công phụ trách Xứ uỷ lâm thời. Bác Tôn đã đi trước cùng đoàn với đồng chí Hoàng Quốc Việt mang theo số vàng mà bà con ở Nam Bộ đã quyên góp trong Tuần lễ vàng. Các đại biểu Quốc hội ở Nam Bộ cũng lần lượt lên đường ra Hà Nội họp phiên đầu tiên¹.

1. Trong điều kiện đất nước đang gặp nhiều khó khăn và phức tạp: Thực dân Pháp gây chiến ở miền Nam, Quân đội Tưởng Giới Thạch và tay sai phá hoại ở miền Bắc, Quốc hội khoá I đã khẩn trương họp phiên đầu tiên từ 9 giờ sáng đến 1 giờ chiều ngày 2-3-1946. Các đại biểu Nam Bộ không kịp dự họp.

Đồng chí Lê Duẩn và anh em trong đoàn lên đường vào một ngày cuối tháng 1-1946. Lúc này cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Bộ đang ở vào thế phải giữ gìn lực lượng. Đồn bốt giặc giăng mắc khắp nơi. Tiếng súng kháng chiến chỉ còn nổ thưa thớt trong các bưng biển và các cánh rừng miền Đông. Từ Đồng Tháp Mười, các đồng chí trong đoàn phải lượn qua hệ thống đồn bốt của giặc đến miền Đông. Tại đây, đồng chí Lê Duẩn có dịp gặp lại tướng Nguyễn Bình - Nguyễn Phương Thảo, một trong những thủ lĩnh Quốc dân Đảng ở Nhà tù Côn Đảo năm xưa. Nguyễn Bình vừa rời Chiến khu Đông Triều vào Nam Bộ nhận nhiệm vụ làm Phân khu trưởng miền Đông.

Đầu năm 1946, từ Nam Bộ, thực dân Pháp đánh chiếm các trục đường giao thông, thị xã, thị trấn các tỉnh miền Nam Trung Bộ. Đồng chí liên lạc dẫn đường phải dựa vào kinh nghiệm của đồng bào địa phương để định hướng, đưa đoàn băng rừng, vượt suối, đi giữa những cánh rừng đại ngàn âm u, không dấu chân người. Mọi người đi trong những quang sáng nhạt nhoà dưới những vòm lá kín bưng. Đêm đến là màn đen dày đặc không một ánh sao trời. Để tránh đồn bốt địch, có những ngày anh em trong đoàn phải vòng lên vùng đồng bào Thượng để tiếp tục cuộc hành trình. Rong rã hàng tháng trời mới ra khỏi vùng kiểm soát của giặc. Không còn liên lạc nữa, lại tự hỏi dân để tìm đường mà

đi. Đến Tuy Hoà, cả đoàn được bố trí đi tàu hoả ra Hà Nội. Ngồi trên tàu xuyên Việt, đồng chí Lê Duẩn như được sống lại những ngày gian khổ, cùng đồng chí, đồng đội lặn lội khắp nơi để chắp nối lại các cơ sở cách mạng khi bị địch tiến hành khủng bố trắng sau thời kỳ Mặt trận Dân chủ 1936-1940. Những địa danh quen thuộc lùi mãi lại phía sau, những Tháp Chàm rêu phong, đèo Cù Mông ngoạn mục, dãy Hải Vân uy nghi...

Chuyến đi bằng rừng, vượt suối, cuộc hành trình dài ngày bằng tàu hoả làm cho người cán bộ lãnh đạo thấy rõ sự cần thiết phải thiết lập lại và duy trì bằng được hệ thống giao thông liên lạc dọc theo chiều dài đất nước. Mãi đến khi tàu kéo còi chuẩn bị vào ga Huế, đồng chí mới kịp thấy xốn xang, rạo rực tình cảm quê hương, gia đình. Tại Huế, đồng chí gặp lại bạn bè, đồng chí những năm tháng sôi động của thời kỳ Mặt trận Dân chủ ở miền Trung. Đồng chí Tố Hữu đã ra Hà Nội nhận công tác mới. Các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Trần Hữu Dực thông báo với đồng chí Lê Duẩn về cuộc đấu tranh giành chính quyền ở quê hương và những công việc bề bộn hôm nay. Còn chút ít thời gian, đồng chí dành cho gia đình, người thân sau 7 năm xa cách. Thật mừng vui và cũng thật xót xa khi bé Hồng, bé Muội cứ ngượng ngập gọi tiếng “Ba”. Lúc chia tay, ông Hiệp lại khóc. Quảng Trị trong những tháng đầu năm vẫn còn se lạnh nhưng đã bớt mưa. Đồng chí Lê Duẩn cởi tấm áo dạ ấm

áp, món quà kỷ niệm thân thiết của đồng chí Phạm Ngọc Thạch, khoác vào vai cha.

Tàu qua Quảng Bình, Vinh rồi kéo còi vào ga Thanh Hoá. Dù chưa gặp Bác Hồ và đồng chí Trường Chinh nhưng đồng chí Lê Duẩn đã hình dung thấy những khó khăn chồng chất mà cách mạng phải vượt qua. Bóng lam y dơ bẩn của đội quân ô hợp Tưởng Giới Thạch bốc mùi xú khí khắp các ngã đường miền Bắc. Mưa xuân rắc bụi trên những dây đồi trơ sỏi đá, trên những cánh đồng phơ phất lúa chiêm xuân.

Đồng chí Lê Duẩn ra Hà Nội đứng vào dịp Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 vừa được ký kết, quân Tưởng đang hần học chuẩn bị rút về nước. Những chiếc xe nhà binh Pháp nghênh ngang trên đường phố như muốn chứng tỏ sự hiện diện của uy quyền thực dân đã một thời vang bóng. Trở lại Hà Nội lần này, một vinh dự lớn đối với đồng chí Lê Duẩn là được gặp Bác Hồ. Đây là lần đầu tiên đồng chí được gặp Người, hơn nữa lại được Người giữ ở lại và làm việc luôn trong Bắc Bộ phủ. Trong những ngày Bác chuẩn bị đi công tác xa, đồng chí thường xuyên được làm việc bên Người. Cũng như các đồng chí Tôn Đức Thắng, Nguyễn Thị Thập và những người con của chiến trường Nam Bộ, đồng chí được Người dành cho những tình cảm triu mến và sự quan tâm, chăm sóc ân cần. Đồng chí trình bày với Bác và Trung ương nhận định của mình về âm mưu thâm độc

của thực dân Pháp là thôn tính toàn bộ đất nước ta. Thực tiễn cuộc kháng chiến ở Nam Bộ cho thấy vì chưa đủ lực lượng để giành thắng lợi về quân sự, Pháp buộc phải thương lượng với ta. Nhưng rồi sớm muộn cuộc kháng chiến sẽ bùng nổ trong phạm vi cả nước. Chiến tranh sẽ xảy ra ác liệt. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta sẽ lâu dài và gian khổ. Bác và Trung ương đồng ý với những nhận định của đồng chí Lê Duẩn. Nhưng chúng ta cũng cần phải tận dụng mọi khả năng, dù nhỏ, kéo dài thời gian hoà hoãn để chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu mới. Ngày 31-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường sang Pháp thực hiện chuyến thăm và công tác dài ngày. Nét lo âu hiện lên từng khuôn mặt những người đưa tiễn Bác. Nhưng rồi ai cũng tin vào uy tín và tài ứng xử của Người.

Trong tháng 4-1946, khoảng 50 cán bộ và các đại biểu Quốc hội Nam Bộ đang có mặt tại Thủ đô Hà Nội. Đồng chí Lê Duẩn được giao nhiệm vụ tổ chức lớp học cấp tốc cho anh chị em ngay tại Bắc Bộ Phủ. Đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng trực tiếp giảng bài. Đồng chí Lê Duẩn vừa làm nhiệm vụ học viên vừa hướng dẫn anh chị em học tập. Lớp học ngắn hạn nhưng ai cũng thu hoạch được những điều quý giá. Cũng từ ngày 25 đến ngày 27-5-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp hội nghị với các cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở Nam Bộ để bàn về công tác củng cố lại Đảng bộ

Nam Bộ. Hội nghị chỉ rõ vị trí quan trọng của chiến trường Nam Bộ và trách nhiệm nặng nề của tổ chức đảng trong công tác lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Hội nghị quyết định: “Ba đồng chí Duẩn, Thập, Châu được hội nghị cử vào Ủy ban cải tổ Đảng bộ Nam Bộ. Các đồng chí này phải về Nam Bộ cùng các đồng chí hiện hoạt động trong Nam lập thành Ủy ban cải tổ Đảng bộ Nam Bộ”¹. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương đã chỉ định đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ ủy Nam Bộ lâm thời.

Giữa năm 1946, thực dân Pháp đánh chiếm Tây Nguyên và lấn dần ra các tỉnh Nam Khu V. Chiến sự ngày càng lan rộng. Bọn thực dân ngày càng phơi bày bộ mặt cướp nước. Đồng chí Lê Duẩn được Trung ương phân công hướng dẫn phái đoàn Quốc hội và Mặt trận Liên - Việt, do Linh mục Phạm Bá Trực làm trưởng đoàn đi thăm tiền tuyến. Đoàn đã đến tận mặt trận cực Nam Trung Bộ, đến với đồng bào các dân tộc khắp dải Tây Nguyên. Đến đâu, đoàn cũng cảm nhận rõ sức nổi dậy mạnh mẽ của đồng bào mình, và tiếp cận nguồn nhựa sống tràn trề của một cao trào yêu nước. Công tác chuẩn bị kháng chiến được thấu suốt đến tận các thôn xóm, bản làng. Ụ chiến đấu được dựng lên khắp nơi.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 8, tr. 67.

Hào lũy chạy dọc ngang các trục đường giao thông. Đêm đêm, sau lũy tre làng vang lên tiếng búa rèn vũ khí. Bà con góp cả đỉnh đồng, lư hương cho công cuộc cứu nước.

Khi đồng chí Lê Duẩn trở lại Hà Nội thì các đại biểu Nam Bộ đã lần lượt lên đường về địa phương.

Hội nghị Phôngtenơblô tan vỡ. Thực dân Pháp đã hoàn toàn để lộ ý đồ thôn tính toàn bộ đất nước ta. Chúng đánh chiếm Tuy Hoà, kiểm soát chặt các con đường giao thông đường thuỷ và đường bộ vào các tỉnh phía Nam. Thủ đô Hà Nội đã hoàn thành công việc chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu quyết liệt. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng, người học trò gần gũi của Bác Hồ, đã được cử lên Việt Bắc chuẩn bị xây dựng căn cứ địa cho cuộc kháng chiến. Nam Bộ đang thiếu cán bộ, nhưng do yêu cầu của cách mạng, các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Ngọc Thạch, Dương Bạch Mai, Trần Văn Giàu và một số đồng chí khác được điều động về Trung ương nhận nhiệm vụ mới. Đồng chí Lê Duẩn lặng lẽ lên đường. Những chuyến tàu vào Nam vẫn chở đầy các chiến sĩ tình nguyện chiến đấu vì miền Nam ruột thịt. Tàu dừng lại ở các ga, đồng bào ùa lên tiếp tế cơm nước, tặng quà bánh và động viên bộ đội. Càng đi nhiều, tiếp xúc nhiều, đồng chí Lê Duẩn càng thấy rõ hơn sức mạnh quật khởi của đồng bào ta. Đồng chí xúc động mạnh khi tàu về đến Quảng Trị. Cũng như ở khắp nơi trên mọi miền đất nước, đồng bào, đồng chí ở quê nhà đang khẩn

trường chuẩn bị chiến trường đánh giặc. Chiến lũy được dựng lên khắp nơi. Trước các cơ quan, công sở, những chiến sĩ sao vuông cầm lựu đạn, súng cầm lưỡi lê đứng gác, gương mặt đầy quả quyết. Đồng chí rất vui khi được biết trung đoàn chiến đấu của Quảng Trị mang tên vị anh hùng Nguyễn Thiện Thuật đã được triển khai đội hình chiến đấu, sẵn sàng đánh địch từ mọi hướng. Ghé thăm nhà được một đêm, đồng chí lại vội vã ra đi. Tại Huế, đồng chí tranh thủ làm việc với đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Bí thư Tỉnh uỷ Thừa Thiên về kế hoạch chuẩn bị kháng chiến. Giã từ Huế, cố đô cổ kính đầy ắp những kỷ niệm của một thời sôi động, đồng chí vào Quảng Ngãi. Thời gian này, Quảng Ngãi là trung tâm chỉ đạo công tác kháng chiến của miền Nam và cũng là đầu mối giao thông liên lạc với Nam Bộ. Đồng chí Cao Hồng Lãnh, phái viên của Tổng bộ Việt Minh vừa từ Nam Bộ trở về được giao nhiệm vụ tổ chức chi viện cho chiến trường cực Nam của Tổ quốc. Do những cố gắng vượt bậc của các đồng chí, nhiều chuyến hàng, chủ yếu là vũ khí đã vượt biển trót lọt để gửi vào Nam Bộ. Đồng chí Nguyễn Thị Định từ quê hương Bến Tre cũng vượt cả ngàn cây số ra tận Hà Nội nhận vũ khí. Công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ càng trở nên cấp bách. Tướng Nguyễn Sơn, hoạt động cách mạng ở Diên An, Trung Quốc vừa về nước, được cử làm Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam đang mở những lớp huấn

luyện cấp tốc về chính trị và quân sự cho cán bộ các tỉnh. Đồng chí Lê Duẩn cũng tham gia giảng bài cho các lớp huấn luyện này. Tài liệu chính thức không có, nhưng bằng sự hiểu biết của mình và theo tinh thần chỉ đạo của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương, đồng chí đã trình bày cô đọng về đường lối kháng chiến của Đảng ta là phải đánh lâu dài, đánh địch toàn diện trên các mặt quân sự, chính trị, văn hoá, kinh tế, giáo dục... Và điều cốt yếu là phải huy động sức mạnh của cả dân tộc để đánh giặc. Đồng chí Nguyễn Thị Thập chưa về Nam Bộ cũng tham gia tổ chức những lớp huấn luyện cho chị em phụ nữ.

Sau ba tháng thăm Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về nước an toàn. Do yêu cầu cấp thiết của mặt trận, trước khi trở lại miền Nam đồng chí Lê Duẩn đã không được gặp lại Chủ tịch Hồ Chí Minh để nghe Người khuyên bảo, dặn dò. Đó là điều đồng chí cảm thấy nuối tiếc nhất. Thời gian được sống bên Bác thật ngắn ngủi, nhưng hình ảnh lãnh tụ đã được khắc ghi trong tâm hồn đồng chí. Thay mặt Người lãnh đạo cuộc kháng chiến ở chiến trường xa, đồng chí hiểu rõ rằng hàng ngày Bác vẫn dõi theo và cổ vũ mỗi bước đi lên của mặt trận Nam Bộ.

Lúc này, tại Quảng Trị, màn mưa trắng bạc lại giăng mắc triền miên khắp dải đồi núi dọc đôi bờ sông Thạch Hãn. Bà Lê Thị Sương được cơ quan Tỉnh uỷ

Quảng Trị mời lên để “lo giúp một số công việc của đoàn thể phụ nữ”. Chiếc xe con đưa bà Sương với một kiện hàng vải rời thành cổ, qua Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi. Bà đã hiểu được tấm lòng của các đồng chí đưa bà đến thăm chồng. Một tuần lễ trôi qua nhanh chóng, đó cũng là thời gian dài nhất hai vợ chồng được gần nhau sau bao năm cách biệt. Lúc bà Sương lên xe về Quảng Trị cũng là lúc đồng chí Lê Duẩn đi mãi về phía Nam. Bà Sương mang thai lần cuối. Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra trên phạm vi cả nước. Chiến tranh lại tiếp tục xáo trộn những cuộc đời. Trong những ngày “Bình Trị Thiên khói lửa”, bé trai Lê Tùng đã ra đời bên cửa sông cùng tên với bé. Bà Sương tiễn con trai đầu lòng¹ vào bộ đội rồi đưa bố chồng và ba con xô dạt theo dòng người tản cư.

Đầu năm 1947, đồng chí Lê Duẩn đặt chân đến núi Chúa Chan thuộc Bà Rịa, địa đầu của miền Đông Nam Bộ trong nỗi mong chờ của đồng bào, đồng chí. Đồng chí Trần Bạch Đằng kể lại: “Năm 1947, một hôm đồng chí Bính, Thư ký chấp ủy Đoàn Thanh niên Cứu quốc, chạy vào cơ quan tôi lú lười : “Anh Ba Duẩn vô Nam”. Bính từng ở tù chung với anh Ba. Anh Ba theo một chiến sĩ giao liên đến cơ quan Xứ ủy Nam Bộ trong bộ quần áo

1. Đồng chí Lê Hân, con trưởng của đồng chí Lê Duẩn sau này là Đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam.

lụa đen, hành trang chỉ có chiếc túi vải và chiếc nón. Dong dỏng cao, da ngăm đen, đôi mắt không đều - con to, con nhỏ - giọng nói khó nghe không chỉ vì anh quê Quảng Trị, mà còn vì anh nói nhanh. Đó, tất cả những gì tôi thu nhận về anh trong buổi gặp gỡ đầu tiên. Các đồng chí khác - các anh Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kính, Hoàng Dư Khương có vẻ quen biết anh từ trước hoặc cũng nghe tiếng anh. Tôi được các anh giới thiệu: Đồng chí Lê Duẩn, đại diện Trung ương Đảng. Điều khiến tôi kinh ngạc là ngay hôm đó, sau bữa cơm chiều anh hỏi thăm gia đình tôi, anh nhắc ông nội và ông chú tôi, nhắc người dựng thứ năm của tôi, nhắc nhà sách Tân văn hoá, đường Nguyễn Tấn Nghiệp, Sài Gòn.

Từ từ nhưng sâu sắc, anh chinh phục tôi. Có lẽ đó cũng là trường hợp của anh đối với nhiều người khác, tôi muốn nói đến các trí thức trong Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, bấy giờ hầu hết là người ngoài Đảng. Và tôi hiểu vì sao đồng chí Bính lú lỏi báo tin anh vào Nam Bộ. Cuộc kháng chiến đang trải qua thời kỳ gay go. Pháp chiếm lại hầu hết các khu dân cư, lực lượng chúng ta chưa hồi phục, nội bộ kháng chiến, cả nội bộ mặt trận Việt Minh chưa thống nhất, nạn cát cứ khá phổ biến”¹.

1. Trần Bạch Đằng: "Vĩnh biệt anh Ba", báo *Nhân Dân*, ngày 17-7-1986.

Cũng trong năm 1947, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ ra Chỉ thị số 4/NV kêu gọi mọi tầng lớp trong những vùng địch tạm chiếm ra vùng tự do tham gia kháng chiến. Hưởng ứng chỉ thị này, hàng ngàn, hàng vạn người, đủ mọi tầng lớp: tư sản, trí thức, công nhân, lao động thành thị, công chức cao cấp của ngụy quyền đã rời bỏ gia đình yên ấm vào bưng biển, chịu gian khổ đi theo cách mạng. Căn cứ Vườn Thơm của tỉnh Chợ Lớn, một cửa ngõ vào Đồng Tháp Mười, đã trở thành nơi đón tiếp làn sóng người từ thành phố Sài Gòn đi theo cách mạng. Nhiều người đã tham gia công tác ở tỉnh Chợ Lớn. Số đông được đưa vào các cơ quan Nam Bộ, được phân công nhiều công tác khác nhau tùy theo năng lực.

Nhưng tại Nam Bộ, tổ chức đảng ở cấp Xứ chưa được củng cố. Xứ ủy vẫn là Xứ ủy lâm thời. Đảng chưa làm trọn nhiệm vụ lãnh đạo các mặt công tác kháng chiến. Đường lối kháng chiến chưa được quán triệt trong các cấp bộ đảng, các ngành và đoàn thể quần chúng.

Hồi đầu kháng chiến, cơ quan Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đóng tại miền Đông rồi chuyển về tỉnh Kiến Phong trung tâm Đồng Tháp Mười mệnh mang sông nước và bạt ngàn lau sậy. Dòng kênh Nam Ngàn thẳng băng chia đôi dòng nước. Cắt ngang dòng chính là những con kênh xáng, kênh ngang trải dài theo những hàng cây so đũa, những rặng trâm

bầu. Thỉnh thoảng vài cây ô môi soi bóng bên dòng kênh với những chùm hoa đỏ ngọt. Những mái nhà dân và những lán trại của cơ quan kháng chiến lợp lá dừa nước núp kín dưới màu xanh bất tận của cỏ cây, sông nước. Căn cứ Đồng Tháp Mười đã chứng kiến sự kiện quan trọng ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào kháng chiến ở Nam Bộ: Đại hội đại biểu Đảng bộ Nam Bộ đã được triệu tập và thành công tốt đẹp.

Từ giữa năm 1946, tình hình chiến sự ở Nam Bộ đã có những thay đổi đáng kể. Sau khi ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, thực dân Pháp phải rải quân ra ở khắp cả ba miền Trung, Nam, Bắc. Tướng Locléc, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương dẫn 18.000 binh lính Pháp ra Bắc Bộ để làm nhiệm vụ thay thế quân Tưởng. Một số đơn vị cơ động của Pháp phải rút khỏi Nam Bộ. Lực lượng vũ trang của ta được gây dựng lại. Chiến trường Nam Bộ được chia thành ba chiến khu: Khu VII, Khu VIII và Khu IX. Bộ đội địa phương đứng chân được ở nhiều nơi làm nòng cốt và giúp đỡ phong trào chiến tranh du kích. Thanh niên hăng hái tham gia Vệ quốc quân và dân quân tự vệ. Đồng bào ta ở Thái Lan và Lào cũng gửi về hai chi đội với đầy đủ trang bị tích cực góp phần với phong trào kháng chiến ở Nam Bộ. Trong những ngày chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc, quân dân Nam Bộ đã hai lần nhận được Chỉ thị của Trung ương: “Nhiệm vụ của Nam Bộ là không để cho

Pháp đem hết tài sản chiếm được ở Nam Bộ đánh ra Trung, Bắc”¹. Trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, quân dân ta ở Nam Bộ đã chiến đấu ngoan cường, góp phần tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, ngăn chặn các bước tiến công của thực dân Pháp, tiêu biểu là các trận Tầm Vu (tháng 2-1947), Ô Môn (tháng 3-1947), Giồng Dứa (tháng 5-1947). Hội nghị quân sự các khu được triệu tập. Trên cơ sở những chi đội cũ, chúng ta đã xây dựng được một số trung đoàn. Bộ đội Bình Xuyên làm chủ khu rừng Sác ở miền Đông Nam Bộ như một cái gai nhúc nhối trước mắt địch. Chiến khu Đồng Tháp Mười, chiến khu Đ, chiến khu rừng U Minh trở thành những căn cứ địa vững chắc cho phong trào kháng chiến ở Nam Bộ.

Trở lại Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn hiểu rõ hơn ai hết trách nhiệm nặng nề mà Trung ương và Bác Hồ giao phó, hiểu rõ niềm tin mà đồng bào, đồng chí gửi gắm nơi mình. Đồng chí vui đầu vào công việc. Trước tiên là xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức đảng trong toàn xứ vì đó là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng và kháng chiến tại Nam Bộ. Sau khi có thư của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và các cán bộ Nam Bộ từ Hà Nội trở về, hệ thống tổ chức đảng đang được xây

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr. 156.

dựng lại và củng cố thêm một bước. Cơ sở đảng ở các địa phương được khôi phục đã đóng vai trò tích cực lãnh đạo các mặt công tác kháng chiến. Đồng chí Nguyễn Thị Thập kể lại: “Nói chung ở Mỹ Tho, Sa Đéc, Long Xuyên, Bến Tre... tôi đã đọc bức thư của Trung ương bằng tất cả tấm lòng và tình cảm, và mỗi lần đọc thư xong, tôi đã kể lại Trung ương và đồng bào miền Bắc đối với Nam Bộ đang đứng mũi chịu sào trong này như thế nào. Từ những chuyện như sáng nào miền Bắc cũng để một phút hướng về Nam, nhà nào cũng tự nguyện lập “hũ gạo miền Nam”. Tôi nói với tình cảm rất xúc động, anh em đồng chí ngồi nghe đều khóc, đều hối hận, nhận ra khuyết điểm”¹.

Sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, cuối năm 1947, Đại hội đại biểu Xứ Đảng bộ Nam Bộ họp tại căn cứ của Quân khu VIII, trên kinh Năm Ngàn, xã Nhơn Ninh, huyện Mộc Hoá, tỉnh Kiến Phong thuộc Đồng Tháp Mười. Hội nghị nghiên cứu đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đấu tranh ở nông thôn và đấu tranh ở thành thị, xây dựng lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng, xây dựng đảng, đào tạo cán bộ, xây dựng vùng giải phóng, đẩy mạnh công tác dân

1. Nguyễn Thị Thập: *Một chặng đường*, Nxb. Hà Nội, 1982, tr. 306.

vận, công tác xây dựng chính quyền từ xã đến tỉnh, khu..., củng cố Mặt trận Việt Minh. Đại hội Đảng bộ chỉ rõ phải vận dụng đường lối sát với thực tế, giải quyết các mối quan hệ nhạy cảm giữa dân tộc, các tôn giáo, giữa công nông với nhân sĩ trí thức. Đảng lãnh đạo và chỉ đạo giải quyết đúng đắn cái gọi là “Mặt trận Quốc gia Liên hiệp” do địch nặn ra, đập tan chính sách “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” của địch. Giải quyết nhuần nhuyễn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, trên cơ sở đó thực hiện chính sách mặt trận lâu dài và nhất quán. Đây là lần đầu tiên các đồng chí ở Nam Bộ có dịp gặp gỡ nhau để cùng thấu suốt chủ trương và đường lối kháng chiến. Ở một chiến trường xa xôi mãi tận cực Nam của Tổ quốc, thực tế cuộc chiến đấu đòi hỏi người lãnh đạo cao nhất của tổ chức đảng phải có tầm nhìn xa trông rộng, có tư duy năng động, sáng tạo và một niềm tin sắt đá. Trở lại Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn không phụ lòng tin của đồng bào, đồng chí. Những ý kiến đồng chí trình bày trước Đại hội Đảng bộ là những định hướng quan trọng cho cuộc kháng chiến. Đại hội đã bầu đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ. Đồng chí Nguyễn Văn Kinh là Phó Bí thư Thường trực Xứ uỷ. Đồng chí Trần Bạch Đằng kể lại: “Đại hội đại biểu Xứ Đảng bộ lần thứ nhất được triệu tập, bầu Xứ uỷ chính thức và anh Ba được Đại hội trực tiếp bầu làm Bí thư. Đã gần 40 năm

rồi, tôi không còn nhớ thật đầy đủ nội dung của Đại hội nhưng đó là đại hội chấm dứt tình trạng phân tán trong lãnh đạo kháng chiến, đồng thời đề ra một loạt chủ trương quan trọng: mở rộng chiến tranh nhân dân, thực hiện dân chủ ở nông thôn, chỉ đạo phong trào ở thành thị, theo sát đặc điểm của vùng bị chiếm đóng, tăng cường mặt trận thống nhất, xây dựng các đoàn thể quần chúng và xây dựng đảng”¹.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Nam Bộ khai mạc trong âm hưởng của khúc tráng ca chiến thắng tại núi rừng Việt Bắc đang dậy khắp non sông. Chiến thắng Việt Bắc Thu Đông năm 1947 là nguồn động viên khích lệ lớn lao đối với các đại biểu dự Đại hội. Nhưng cũng từ sau thất bại tại Việt Bắc, thực dân Pháp đã thay đổi chủ trương đánh nhanh, thắng nhanh bằng lối đánh lâu dài mà chúng gọi là “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Để thực hiện chủ trương đó, địch quay về củng cố và bình định những vùng đã chiếm đóng mà trọng tâm là đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ. Đồn bốt địch lại mọc lên như nấm. Những làng “tề” ra đời. Hàng vạn thanh niên bị bắt lính hay lừa vào dân vệ. Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ lại đứng trước những thử thách mới.

Sau những chuyến đi dọc theo chiều dài đất nước và

1. Trần Bạch Đằng: "Vĩnh biệt anh Ba", báo *Nhân dân*, ngày 17-7-1986.

qua thực tế những năm tháng kháng chiến, đồng chí Lê Duẩn càng thấy được tầm quan trọng của mạch máu giao thông giữa các chiến khu, giữa mọi miền với Chiến khu Việt Bắc. Dù phải băng rừng, vượt suối, phải luôn lách qua đồn bốt giặc, hệ thống giao thông liên lạc của ta vẫn không bị gián đoạn. Từ chiến trường xa xôi mãi tận cực Nam của Tổ quốc, đồng bào, đồng chí vẫn thấy như có Bác Hồ và Trung ương gần gũi bên mình. Ngay từ năm 1948, nhiều đoàn cán bộ Đảng, cán bộ quân sự, đoàn thể quần chúng được cử ra Việt Bắc báo cáo với Trung ương và Bác Hồ về cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Thiếu tướng Lê Hiến Mai (Dương Quốc Chính), Chính ủy Quân khu Việt Bắc, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Thứ trưởng Bộ Nội vụ và nhiều đồng chí khác cũng từ Chiến khu Việt Bắc vượt Trường Sơn vào sát cánh chiến đấu với đồng bào, đồng chí ở Nam Bộ. Thư của Tổng Bí thư Trường Chinh gửi đồng chí Lê Duẩn và Xứ ủy Nam Bộ, ngày 23-10-1948, viết: "Đồng chí Thọ, đại biểu cho Trung ương vào lần này là cốt xem xét tại chỗ để hiểu rõ vấn đề Nam Bộ, học lấy kinh nghiệm Nam Bộ, cùng đồng chí Duẩn thảo định mọi việc, đặng giúp các đồng chí chấn chỉnh Đảng bộ và giải quyết mọi vấn đề trong phạm vi có thể.

Cụ và Trung ương tin rằng với tinh thần hy sinh phấn đấu, chí công vô tư của các đồng chí, những chỉ thị

của Trung ương sẽ được thi hành một cách tích cực, những khuyết điểm sai lầm của Đảng bộ trong này sẽ được sửa chữa nhanh chóng và kịp thời, và nhiệm vụ Trung ương trao cho các đồng chí Thọ và Duẩn sẽ được làm tròn"¹.

Lên đường từ căn cứ địa Việt Bắc và giữa tháng 9-1948, phái đoàn đồng chí Lê Đức Thọ đã vượt ngàn dặm đường, khi "xẻ dọc Trường Sơn", khi vượt sóng biển Đông, xuyên qua nhiều vùng địch tạm chiếm. Tới đầu năm 1949, phái đoàn đặt chân đến Đồng Tháp Mười, căn cứ địa nổi tiếng của Xứ uỷ và Uỷ ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ. Đảng bộ và quân dân Nam Bộ, trước hết ở vùng căn cứ địa, phấn khởi chào đón phái đoàn đầu tiên của Trung ương Đảng và Chính phủ. Trong những cuộc mít tinh và hội nghị cán bộ do Xứ uỷ và Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ triệu tập, đồng chí Lê Đức Thọ với giọng sôi nổi, trình bày những nhận định của Trung ương về tình hình nhiệm vụ đất nước, phân tích những thắng lợi bước đầu của kháng chiến, biểu dương ý chí, sự sáng tạo của Đảng bộ và quân dân Nam Bộ. Đường lối, chính sách, đặc biệt là về đường lối đại đoàn kết dân tộc của Đảng, những ý kiến của Trung ương Đảng và Bác Hồ về phong trào kháng chiến Nam

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.9, tr.386.

Bộ được đồng chí Lê Đức Thọ truyền đạt căn kẽ, sinh động cùng với bài phát biểu tiếp thu, quán triệt sâu sắc của đồng chí Bí thư Xứ uỷ Lê Duẩn thực sự đem đến một luồng sinh khí mới, một sức mạnh trí tuệ mới trong cán bộ, đảng viên và các nhân sĩ, trí thức Nam Bộ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Chiến khu Việt Bắc hàng ngày, hàng giờ dõi theo và kịp thời biểu dương những thành tích kháng chiến của quân dân ta ở Nam Bộ. Người gửi điện biểu dương Trung tướng Nguyễn Bình, Tư lệnh chiến trường Nam Bộ về những chiến công mà quân dân Nam Bộ và Tướng Nguyễn Bình đã giành được; đồng thời Người cũng nghiêm khắc phê bình những khuyết điểm cần sửa chữa. Trung tướng Nguyễn Bình điện gửi lên Chủ tịch Hồ Chí Minh những dòng chữ như viết từ máu thịt của mình: "Nhận được điện đả thông từ lời ban khen của Cha già cho các bộ đội. Lời khuyên dỗ con rất cảm động. Xin vâng theo. Cha tin cậy lời hứa của một đứa con xa Cha, song rất tin tưởng và kính mến Cha để sửa chữa những chỗ sai lầm vì hoàn cảnh hay vô tình mắc phải"¹.

Sau thất bại nặng nề tại chiến trường Việt Bắc, địch nhận thấy đồng bằng Nam Bộ là một vùng trọng điểm

1. *Mật điện của Trung tướng Nguyễn Bình gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh*, ngày 8-5-1948. Lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, ký hiệu A.HIO, 0004.

của kế hoạch bình định, chứa đựng nhiều tiềm năng cung ứng cho cuộc chiến tranh xâm lược. Chúng mở rộng những cuộc tấn công càn quét liên tục vào căn cứ Đồng Tháp Mười và các tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Tân An, Vĩnh Long. Đờ Latua được cử thay Nyô chỉ huy quân đội Pháp ở Nam Bộ. Đờ Latua cho xây dựng một hệ thống tháp canh dày đặc, 5 km một tháp mẹ, 2 km một tháp con. Hệ thống tháp canh Đờ Latua được xây dựng kiên cố nhằm kiểm soát các làng ven đô thị và dọc các trục đường giao thông. Nhưng lực lượng địch cũng do đó mà bị phân tán, xé nhỏ, không chống đỡ được sức tấn công mạnh mẽ của lực lượng kháng chiến toàn dân. Nhiều cuộc hành quân càn quét của địch đã bị bẻ gãy, đặc biệt là cuộc càn quét với quy mô lớn bắt đầu từ ngày 2-6-1949. Địch huy động 11 tiểu đoàn bộ binh và lính nhảy dù mở cuộc hành quân mang tên Vêga vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Một lần địch nhảy dù đúng căn cứ của Xứ uỷ. Hàng trăm chiếc dù từ từ rơi xuống và tiếng súng nổ ran. Tài liệu, giấy tờ, đồ dùng cần thiết được nhanh chóng đưa xuống xuống đi sơ tán. Các đồng chí Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Kính và các đồng chí văn phòng tạm thời sơ tán qua kinh Bùi ẩn giữa những đám lau sậy rậm rạp... Các cơ quan đầu não của Nam Bộ và Xứ uỷ đã khẩn trương sơ tán khỏi vùng Đồng Tháp Mười.

Quân dân ta đã chiến đấu ngoan cường, tiêu diệt

nhiều sinh lực địch, loại khỏi vòng chiến đấu 1.300 quân, bảo vệ an toàn căn cứ địa và cơ quan đầu não kháng chiến ở Nam Bộ. Quân dân ta còn đánh thắng địch nhiều trận giòn giã như trận Tầm Vu (lần thứ hai), trận La Bang, trận Láng Le, trận La Ngà... Hàng trăm tháp canh và đồn bốt bảo an bị tiến công, tiêu diệt. Thanh niên hăng hái xung phong vào bộ đội, tham gia dân quân du kích chiến đấu bảo vệ quê hương. Nhiều tàu thuyền của địch trên các kênh rạch bị đánh chìm. Nhiều xã ấp được giải phóng. Niềm lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của công cuộc kháng chiến thấm sâu trong quần chúng. Đúng như niềm tin và mong ước của đồng chí Lê Duẩn, căn cứ kháng chiến ở Nam Bộ đã được xây dựng trong lòng người.

Địch hoàn toàn thất bại, không đạt được mục đích của chúng. Xứ uỷ và Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ lại trở về căn cứ Đồng Tháp Mười làm việc. Xứ uỷ nhận định không thể yên ổn làm việc lâu dài ở căn cứ Đồng Tháp Mười được, vì địa hình trống trải sẽ bị địch thường xuyên uy hiếp. Xứ uỷ quyết định dời toàn bộ các cơ quan đầu não kháng chiến của Nam Bộ về miền Tây, nơi có vùng tự do rộng lớn, dân cư đông đúc và có truyền thống cách mạng lâu đời. Địa bàn chiến lược này bao gồm các tỉnh: Bạc Liêu, Cà mau, Rạch Giá, Hà Tiên, Sóc Trăng, Cần Thơ. Đây là vùng sông nước mênh mông, kênh rạch chằng chịt với nhiều sông ngòi

lớn như các sông Cái Lớn, Cái Bé, sông Ông Đốc. Đây cũng là vùng có diện tích rừng ngập mặn khá lớn, chủ yếu là rừng tràm, rừng đước chạy dọc ven biển phía Tây. Dựa vào hình thế hai khối rừng lớn là U Minh Thượng, U Minh Hạ và đặc biệt là lòng yêu nước sâu sắc của nhân dân các tỉnh kể trên, ta đã từng bước xây dựng miền Tây thành căn cứ địa vững chắc cho nửa sau cuộc kháng chiến chống Pháp tại Nam Bộ và cho cả cuộc kháng chiến chống Mỹ sau này.

Tại căn cứ miền Tây, tháng 9-1949, Hội nghị cán bộ quân sự Nam Bộ đã được triệu tập nhằm tổng kết kinh nghiệm ba năm kháng chiến và đề ra những nhiệm vụ cụ thể nhằm kịp thời đối phó với những âm mưu, thủ đoạn đánh phá mới của địch. Tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn đã đọc bản báo cáo quan trọng. Nhận định tình hình quân sự của ta và địch, đồng chí chỉ rõ gần 3 năm qua, thực dân Pháp chỉ kiểm soát được các đô thị và một số vùng lân cận. Những cuộc hành quân lớn của giặc trong năm phần lớn diễn ra trong các vùng tạm bị chiếm. Tình hình ấy biểu lộ sự khủng hoảng quân số của chúng và chính sách quân sự của giặc Pháp không thu được kết quả nào về chính trị, đồng thời nói lên sức chiến đấu mạnh mẽ của ta trong vùng chiếm đóng của giặc. Mặc dầu ta còn gặp nhiều khó khăn do bọn phản động quốc tế tăng viện cho thực dân Pháp, nhưng tình hình quân sự của ta ngày một tiến triển tốt. Chúng ta đang tạo ra

những điều kiện cần thiết để chuyển sang giai đoạn mới.

Về tình hình quân sự của Pháp ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn vạch rõ: Tuy giặc Pháp đã thu được một số kết quả như mở rộng phạm vi chiếm đóng, chế ngự giao thông tiếp tế của ta, nhất là ở Khu VII và Khu VIII, nhưng chúng cũng bị nhiều tổn thất nặng nề. Thất bại lớn nhất là chính sách quân sự của chúng không gây được một uy tín nào cho chính phủ bù nhìn Bảo Đại.

Sau khi phân tích sâu sắc những điều kiện cụ thể của Nam Bộ và nêu lên những hoạt động quân sự của ta, đồng chí Lê Duẩn nhận xét: Tình hình quân sự của ta ở Nam Bộ trong thời gian qua vẫn trong trạng thái hoàn toàn là du kích chiến. Khả năng đưa du kích chiến lên vận động chiến cũng đã có, nhưng bộ đội ta vẫn chưa tận dụng được, chưa đánh được những trận lớn tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Sở dĩ có tình trạng ấy là vì bộ đội còn chưa thoát ra khỏi tư tưởng tuyệt đối hóa "du kích chủ nghĩa". Đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh, đi vào con đường hoàn toàn du kích chiến, dấn chân tại chỗ với những hình thức tác chiến du kích sẽ không nâng được trình độ tác chiến lên vận động tiêu diệt chiến.

Kiểm điểm tình hình tổ chức các lực lượng vũ trang ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn nêu lên mấy khuyết điểm lớn như: các khu chưa tổ chức xong ba thứ quân, tổ chức lực lượng vũ trang chưa sát với nhiệm vụ chiến lược, chiến thuật của toàn chiến trường Nam Bộ nói chung và

cho từng khu, từng tỉnh, huyện nói riêng; trình độ lý luận về quân sự của cán bộ còn kém, óc địa phương và chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ còn nặng, gây trở ngại không ít cho việc xây dựng bộ đội chủ lực, cho việc kiện toàn các cấp chỉ huy. Những khuyết điểm đó đưa đến hậu quả là chiến tranh du kích không phát triển được.

Sau khi chỉ rõ những khuyết điểm về các mặt quân giới, quân nhu, quân báo, kỹ thuật và kỷ luật trong bộ đội, đồng chí Lê Duẩn phân tích sâu sắc mục đích, ý nghĩa của công tác chính trị, trong đó đồng chí nhấn mạnh phải đặt địch vận, nguy vận thành một nhiệm vụ chiến lược mà ngành chính trị trong quân đội phải phụ trách. Để hoàn thành nhiệm vụ chiến lược mới, đồng chí nêu lên mấy nhiệm vụ căn bản trước mắt:

1. Chỉnh đốn bộ máy chỉ huy quân sự các cấp.
2. Xây dựng lại ba thứ quân theo yêu cầu của nhiệm vụ chiến lược, chiến thuật trong điều kiện cụ thể của ta.
3. Đẩy mạnh việc rèn luyện cán bộ, xây dựng bộ đội về mặt kỹ thuật và kỷ luật.
4. Tổ chức lại bộ máy quân giới, sửa đổi lại chính sách quân nhu.
5. Tăng cường công tác chính trị, nhất là công tác địch vận, vũ trang tuyên truyền.
6. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước để tiến kịp tình hình chung cả nước.

Phần cuối bản báo cáo, đồng chí Lê Duẩn phân tích

vị trí quan trọng của Nam Bộ, đề ra chính sách quân sự của ta ở Nam Bộ:

- Phá chính sách quân sự của địch, cụ thể là triệt phá chính quyền bù nhìn của chúng, củng cố và phát triển chính quyền của ta; phá hoại kinh tế, tài chính và giao thông, tiếp tế của địch; bảo vệ kinh tế, tài chính và giao thông, tiếp tế của ta...

- Phát động mạnh chiến tranh du kích; đưa du kích chiến tiến dần lên vận động chiến để vận động chiến có thể ngang bằng với du kích chiến.

- Ra sức xây dựng các căn cứ, vì nếu không có nó, chiến tranh du kích không biết nương tựa vào đâu để chấp hành nhiệm vụ của mình.

Về công tác đảng, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: Phải ra sức củng cố các tổ chức đảng trong các lực lượng vũ trang, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, thực hiện đầy đủ quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với ba thứ quân, coi đó là một trong những yếu tố quyết định sự thành bại của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Bản báo cáo của đồng chí Lê Duẩn có ý nghĩa rất lớn đối với việc xác định nhiệm vụ, phương châm chiến lược, chiến thuật của quân và dân ta ở Nam Bộ. Từ đó, cuộc kháng chiến Nam Bộ có những bước phát triển mới vững chắc hơn, góp phần rất quan trọng vào thắng lợi chung của cả nước.

Sau khi chuyển căn cứ về miền Tây Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn cùng tập thể Ban Thường vụ Xứ uỷ tổ chức triển khai hàng loạt những công việc cấp bách. Hệ thống tổ chức đảng được củng cố thêm một bước. Cán bộ, đảng viên được tổ chức học tập có hệ thống hơn về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính. Mối quan hệ giữa tổ chức đảng và quần chúng được tăng cường, cán bộ Đảng thực sự được dân yêu dân mến. Hiểu rõ sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân, đồng chí Lê Duẩn rất chú trọng công tác xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để động viên đến mức cao nhất sức người, sức của cho kháng chiến. Các tổ chức cứu quốc được mở rộng thu hút đông đảo quần chúng, thanh niên, phụ nữ yêu nước và tất cả những ai có tinh thần dân tộc tham gia công tác kháng chiến và hoạt động ủng hộ cách mạng.

Nam Bộ là vùng đất thích hợp cho sự phô trương thế lực của các giáo phái. Bên cạnh những chùa chiền, nhà thờ của các phật tử, con chiên, đạo Cao Đài và Hoà Hảo đã nổi lên như hai thế lực hùng hậu với hàng triệu tín đồ, có lực lượng vũ trang riêng và từ lâu đã hùng cứ một số vùng nông thôn quan trọng. Việc tranh thủ lực lượng của các giáo phái là một công việc rất khó khăn và phức tạp. Thực dân Pháp ra sức lôi kéo các giáo phái chống lại lực lượng kháng chiến. Thấu suốt quan điểm quần chúng và đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, đồng chí Lê

Duẩn và Ban Thường vụ Xứ uỷ chủ trương phải đoàn kết với các giáo phái để mở rộng mặt trận toàn dân đánh giặc. Phân tích nguồn gốc phát sinh của tôn giáo nói chung, của đạo Cao Đài và Hoà Hảo nói riêng, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ tính nhân đạo của những vị khai đạo từ Thích Ca Mâu Ni đến Giêsu, Môhamét là muốn cứu chúng sinh khỏi trầm luân khổ ải. Nhưng điều đó chỉ thực hiện được sau khi con người qua đời, linh hồn họ được lên cõi niết bàn, lên thiên đàng hoặc hạnh phúc sẽ được bù đắp khi con người tái sinh ở kiếp sau trong vòng luân hồi. Và muốn được như thế thì trong cuộc sống hiện tại phải cam phận, nhẫn nhục, ăn hiền ở lành, tu nhân tích đức, không được dùng bạo lực để giải quyết mọi sự đã an bài do Trời, Phật đặt ra. Đồng chí Lê Duẩn khẳng định, mặt tiêu cực của các tôn giáo đã bị các giai cấp thống trị lợi dụng để ru ngủ, xoa dịu tinh thần đấu tranh chống áp bức của quần chúng nhân dân. Qua nghiên cứu tình hình tôn giáo ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn thấy rằng đa số tín đồ các tôn giáo đều là quần chúng nhân dân lao động. Sở dĩ họ sùng đạo, tôn thờ đạo giáo chính là do họ bị bế tắc bất lực trước thiên nhiên cũng như các tai họa do đời sống kinh tế - xã hội đưa đến. Họ không hy vọng đạt được hạnh phúc trong cuộc sống trần thế nên cố tìm ở các đạo giáo sự giải thoát cho mình sau khi chết, hoặc hy vọng hạnh phúc cho con cháu mình sau này nhờ sự tu nhân tích đức của chính mình.

Vấn đề đặt ra cho những người cộng sản, theo đồng chí là phải thống nhất nhận thức rằng tôn giáo vẫn còn sức sống, vẫn còn người theo đạo chừng nào chúng ta chưa giải phóng quần chúng nhân dân khỏi mọi đau khổ do thiên tai và những bất công xã hội gây ra. Không thể duy ý chí, chủ quan muốn nhanh chóng xoá bỏ tôn giáo, làm như thế sẽ rơi vào âm mưu của địch. Cần phải làm cho quần chúng nhận rõ: cuộc sống ấm no hạnh phúc có thể tìm được trong cuộc đấu tranh hiện tại, chứ không phải là ở kiếp sau. Hạnh phúc có thể giành được bằng chính hai bàn tay và khối óc của mình. Trên cơ sở những quan niệm của đồng chí Lê Duẩn về vấn đề tôn giáo, Xứ uỷ Nam Bộ và sau đó là Trung ương Cục miền Nam đã đề ra chính sách tôn giáo đúng đắn, thu hút được đông đảo đồng bào có đạo cùng với đồng bào không theo đạo vào Mặt trận đại đoàn kết dân tộc ở Nam Bộ. Nhờ vậy, mặc dù ở xa Trung ương nhưng Nam Bộ vẫn thực hiện thành công chính sách đại đoàn kết mà Bác Hồ và Đảng ta đã đề ra, góp phần quan trọng làm thất bại âm mưu chia để trị của thực dân Pháp.

Nhiều cán bộ, đảng viên đã được đưa vào hoạt động, vận động quần chúng ở các vùng có đạo. Đồng chí Huỳnh Văn Trí (Mười Trí), người đảng viên cộng sản kỳ cựu từ năm 1936 đã trở thành sư thúc cầm đầu đạo Hoà Hảo ở miền Tây, nguyện xả thân vì đạo pháp và cách mạng: “Rạng ngày nghiền ngẫm kinh sấm giảng, ban

đêm đọc *Kháng chiến nhất định thắng lợi*”. Ông Cao Triều Phát, một đại diện chủ, một nhân sĩ tiết tháo đứng đầu 18 giáo phái Cao Đài thống nhất, cảm phục chí lớn và tấm lòng nhân hậu của đồng chí Lê Duẩn, đã coi đồng chí như một người bạn thân thiết. Và những làng Cao Đài kháng chiến, làng Hoà Hảo kháng chiến xuất hiện ở nhiều nơi tại Nam Bộ.

Đồng chí Lê Duẩn ngày đêm suy nghĩ làm sao thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc của Bác Hồ và Trung ương Đảng, làm sao đoàn kết được phần lớn tín đồ Kitô giáo, Phật giáo, tín đồ các đạo Cao Đài, Hoà Hảo; đoàn kết các dân tộc thiểu số trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, kể cả người Hoa và người Khơme; đoàn kết tất cả các giai tầng xã hội, trong đó chú ý phát huy vai trò quan trọng của nhân sĩ trí thức Nam Bộ. Đây là những lực lượng cần đoàn kết vì phần đông là những người có tinh thần dân tộc chống đế quốc thực dân, những người có lòng yêu nước thương dân, kính trọng Bác Hồ. Trong họ cũng có một số ít có đầu óc quốc gia dân tộc hẹp hòi, không thích cộng sản, thậm chí có người có đầu óc chống cộng do bị giặc tuyên truyền xuyên tạc. Trong quá trình xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, chúng ta còn phải làm nhiều việc: vạch trần những âm mưu và luận điệu chia rẽ của kẻ thù, tranh thủ những người lầm đường như những người cầm súng trong lực lượng Bình Xuyên và các giáo phái khác, trung

lập hóa những người lừng chừng, cô lập những phần tử xấu, cố tình theo giặc chống lại Tổ quốc.

Một trong những nét đặc trưng của cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Bộ chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ là đã quy tụ được rất đông đảo các nhân sĩ trí thức tham gia. Trong tài liệu *Một số ý kiến về kiểm điểm chính sách của Đảng và về các dự án, chủ trương của Trung ương* viết năm 1950 góp ý với Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, đồng chí Lê Duẩn viết: "Không thấy sự biến chuyển đó trong hàng ngũ trí thức là không hiểu rõ sức mạnh của chủ nghĩa Mác, khoa học cách mạng đang hướng dẫn sự suy nghĩ và làm giàu trí tuệ của loài người. Và do đó, chúng ta sẽ đặt không đúng mức việc sử dụng các tầng lớp trí thức và phát huy vai trò của họ trong sự nghiệp cách mạng dân chủ mới nói chung và trong việc phát triển sản xuất nói riêng"¹.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn, ta đã sẵn sàng đón tiếp và trọng dụng đội ngũ trí thức vào những chức vụ cao ngay từ khi mới thành lập Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ cũng như về sau này. Điển hình như các luật sư: Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần, Nguyễn Thành Vĩnh, Diệp Ba; kỹ sư Kha Vạng Cân; các bác sĩ: Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Hưởng;

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr. 71.

các luật sư: Nguyễn Hữu Thọ, Trịnh Đình Thảo; các giáo sư: Ca Văn Thỉnh, Phạm Thiều cùng nhiều nhà trí thức tên tuổi khác như: Lưu Hữu Phước, Huỳnh Văn Tiểng, Mai Văn Bộ, Trần Bửu Kiếm, Nguyễn Việt Nam, Ung Ngọc Kỳ, Ngô Tấn Nhơn... Ngay cả một số quan chức cao cấp làm việc cho Pháp lúc bấy giờ như các đốc phủ sứ, mà người tiêu biểu là đốc phủ sứ Phan Văn Chương, cựu Đô trưởng Sài Gòn đã từ bỏ địa vị, tài sản và tạm biệt gia đình để đi theo kháng chiến. Luật sư Diệp Ba được cử làm Giám đốc Sở Công an Nam Bộ, Phó Giám đốc là đồng chí Phạm Hùng. Giáo sư Hoàng Xuân Nhị làm Viện trưởng Viện Văn hoá miền Nam. Bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng làm Giám đốc Sở Y tế Nam Bộ. Ông Cao Triều Phát làm Chủ tịch Mặt trận Liên - Việt Nam Bộ ...

Đồng đảo các nhà trí thức ở lại Sài Gòn, bất chấp sự đe dọa và mua chuộc của thực dân Pháp, nhất quyết không chịu theo giặc, cũng đã được Xứ uỷ Nam Bộ đánh giá cao và tạo điều kiện cho họ quan hệ với cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Sự kiện hàng trăm trí thức Sài Gòn - Chợ Lớn ra tuyên ngôn và ký tên đòi Chính phủ Pháp phải thương lượng với Chính phủ Hồ Chí Minh để chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam cùng với các sự kiện khác như biểu tình thị uy, đã làm sôi sục phong trào đấu tranh của các tầng lớp trí thức và nhân dân Sài Gòn chống đế quốc xâm lược.

Ở Nam Bộ còn có rất đông người Hoa sinh sống. Xứ uỷ chủ trương thành lập Hoa kiều vụ để động viên người Hoa tham gia kháng chiến và chăm sóc quyền lợi người Hoa đúng theo chính sách, coi người Hoa như công dân Việt Nam. Trong chiến tranh, người Hoa cũng gặp những khó khăn, nguy hiểm như người Việt, nên họ tích cực tham gia vào nhiều mặt công tác, kể cả tham gia các lực lượng vũ trang. Nhiều hoạt động thiết thực được tổ chức để đoàn kết, quy tụ đông đảo bà con người Hoa tham gia kháng chiến như lập đoàn văn công diễn cả những vở nổi tiếng như *Bạch mao nữ*. Một đội võ trang tuyên truyền còn được cử sang giúp bạn ở những nơi nhiều người Hoa sinh sống ở Tây Nam Campuchia. Vùng giải phóng xuất bản báo *Giải phóng* chữ Hoa, tập san *Tài liệu Tân Trung Hoa* bằng tiếng Việt ra định kỳ in bằng giấy sếp là những sản phẩm được độc giả yêu mến đón đọc. Người Hoa ở Nam Bộ được tập hợp vào các tổ chức như Hội Giải liên, Hội Việt - Hoa hữu nghị... Phong trào và lực lượng cách mạng người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn cũng phát triển mạnh. Các đồng chí Ngô Liên và Trang Dung, Phó ban Hoa vận Trung ương Cục được cử về chỉ đạo phong trào người Hoa ở Chợ Lớn. Trần Bội Cơ (người Hoa) đã hy sinh oanh liệt trong cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên.

Ở các đô thị miền Nam có một số đảng viên cộng sản đến từ Trung Quốc hoặc Malaixia tham gia cuộc kháng

chiến của nhân dân ta. Về nhiệm vụ, phương hướng vận động người Hoa thì các đảng viên này hoàn toàn nhất trí với ta, nhưng về đảng tịch thì họ muốn giữ đảng tịch Trung Quốc, không muốn mang đảng tịch Việt Nam. Đó là một vướng mắc mà các đồng chí làm công tác Hoa vận của ta chưa tháo gỡ được. Điều đó đã được đưa lên xin chỉ thị của Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ. Đồng chí Lê Duẩn đã giải thích: Điều trọng yếu nhất là làm sao vận động được đông đảo người Hoa hăng hái cùng với người Việt tham gia kháng chiến, còn đảng tịch là chuyện thứ yếu. Hãy nói với các đồng chí ấy rằng là đảng viên cộng sản, các đồng chí ấy hãy vào cuộc đi, hãy hành động cách mạng đi, còn về đảng tịch thì các đồng chí muốn đảng tịch nào cũng được, không có gì phải băn khoăn suy nghĩ cả. Lời giải thích đó đã có tác động rất tích cực đến thái độ công tác của các đồng chí cộng sản người Hoa ở Nam Bộ.

Là người đã hoạt động nhiều năm tại các đô thị ngay từ buổi đầu dựng Đảng qua thời kỳ Mặt trận dân chủ đến những năm đầu của Chiến tranh thế giới thứ hai (1937 - 1940), đồng chí Lê Duẩn sớm nhận rõ tầm quan trọng của phong trào cách mạng tại các thành phố lớn. Từ Côn Đảo về, được phân công ở lại Nam Bộ và công tác tại Sài Gòn, đồng chí Lê Duẩn đã dành tất cả tâm huyết cùng sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình, thông cảm, sẻ chia những gian nan, vất vả của hàng

chục vạn đồng bào, phần lớn là bà con lao động, đang đối mặt hằng ngày với sự tàn bạo của giặc Pháp và bè lũ tay sai, tận tình hướng dẫn, cổ vũ từng bước đi, nhịp thở của phong trào kháng chiến tại Sài Gòn - Chợ lớn ngay từ khi thành phố đứng lên chiến đấu chống giặc giữ nước.

Sài Gòn - Chợ Lớn, “Hòn ngọc Viễn Đông” là đô thị lớn nhất nước, nơi tập trung tới phần nửa số thợ thuyền của cả miền Nam, lại có sự gắn bó mật thiết với vùng nông thôn rộng lớn. Từ đầu kháng chiến, các cơ sở của Đảng, của các đoàn thể quần chúng, các căn cứ du kích đã sớm được xây dựng ở một số vùng ngoại ô, một số khu lao động, xóm ấp ven đô và trong nội thành. Nhờ vậy, cơ quan Thành ủy và Ủy ban kháng chiến thành phố đã bám sát địa bàn để chỉ đạo phong trào kháng chiến. Ngay tại sào huyệt quân thù, tờ báo *Chống xâm lăng* đã được phát hành và phổ biến khá rộng rãi. Trong thành phố, chúng ta đã lợi dụng được thế công khai để xây dựng lực lượng và tổ chức đấu tranh chống địch. Phong trào đấu tranh chính trị từng bước lớn lên và trở thành thế mạnh của Sài Gòn - Chợ Lớn. Ngay từ năm 1948, cả thành phố đã đẩy lên phong trào tẩy chay việc Pháp đưa Bảo Đại về nước lập chính phủ bù nhìn. Khi Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương, hàng chục vạn thợ thuyền, học sinh, sinh viên, bà con lao động và trí thức đã xuống đường biểu dương lực lượng, hô vang các khẩu hiệu chống chiến tranh, chống đàn áp, chống

khủng bố của thực dân Pháp, chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Từ khi Sài Gòn còn bị tạm chiếm, ngày đưa tang Trần Văn Ôn (9-1-1950) trở thành ngày học sinh, sinh viên toàn quốc đấu tranh chống Pháp và ngày 19-3-1950, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đuổi tàu chiến Mỹ rút chạy khỏi thành phố cũng đã trở thành ngày toàn quốc chống Mỹ. Anh chị em công nhân liên tiếp tổ chức bãi công đòi tăng lương, cải thiện đời sống và điều kiện làm việc, đòi quyền tự do dân chủ. Phong trào bãi công tiêu biểu là ở các hãng xe hơi Xitorôen, Pho, các hãng sửa chữa và đóng tàu Pax, Caric, các hãng thuốc lá Mic, Batto, Cotap, nhà máy đèn Chợ Quán...

Bên cạnh phong trào đấu tranh công khai, lực lượng vũ trang bí mật của ta ở Sài Gòn đã ra đời và lập được thành tích xuất sắc trong chiến đấu. Trong thành phố nhiều đồn bốt lẻ bị tiêu diệt; nhiều nhà hàng, khách sạn có bọn Pháp ở bị nổ tung. Nhiều tên thực dân khét tiếng gian ác và bọn Việt gian bán nước bị đền tội như Phó Giám đốc Sở Mật thám Đông Dương, Chánh mật thám Nam Kỳ Badin, Bộ trưởng ngục quyền Vương Quang Nhường, thủ lĩnh Thanh niên Bảo quốc đoàn Đỗ Văn Năng...

Đồng chí Lê Duẩn đánh giá cao vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân, vị trí quan trọng của bà con lao động thành phố, của giới trí thức, học sinh, sinh viên, nhưng trái tim của người cộng sản vẫn hoà

nhịp đập với cuộc đời của hàng triệu quần chúng nông dân, đồng chí càng thấu hiểu Tổ quốc và con người Việt Nam, và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Đem lại ruộng đất cho nông dân là nội dung cơ bản của cách mạng dân chủ, đồng thời cũng là xuất phát từ chính ngay yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc, bởi vì “vấn đề dân tộc thuộc địa thực chất là vấn đề nông dân”¹. Từ năm 1949, có *Thông tư giảm tô* của Chính phủ và Chỉ thị của Trung ương về việc tạm cấp ruộng đất của các chủ đồn điền Pháp và Việt gian cho nông dân. Chủ trương của Xứ uỷ Nam Bộ đối với việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ cũng là một nét đặc sắc, sáng tạo về đường lối chiến lược cách mạng của Đảng ta, đã quy tụ được lực lượng quần chúng nông dân đông đảo tham gia kháng chiến. Đồng chí Lê Duẩn viết: “Đối với nông dân, phải có cái gì thiết thực đối với đời sống của họ, phải có cái gì xác thực, rõ ràng hợp với ý thức dân tộc của họ, phải có cái gì cao cả, lớn lao hợp với tâm hồn của họ. Từ chủ trương cách mạng đến thành phần cấu tạo, với người sáng lập và vị lãnh tụ anh minh là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Đông Dương đã làm thoả mãn những ước vọng của nông dân. Do đó, nông dân đã ủng hộ Đảng, đi theo Đảng và cùng với công

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr. 422.

nhân đẩy lên những làn sóng đấu tranh dân tộc dân chủ cực kỳ mãnh liệt mà đỉnh cao là cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945"¹.

Việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ không có sự tranh chấp, đấu tố, vu oan, đổ máu. Chính quyền cách mạng đã tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và bọn Việt gian bán nước, đồng thời thuyết phục địa chủ kháng chiến hiến ruộng cho cách mạng; nhờ đó chính quyền mới có hàng vạn ha đất chia cấp cho nông dân cày cấy. Bà con nông dân phấn khởi, hăng hái đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Bộ mặt cuộc sống ở nông thôn Nam Bộ dần dần thay đổi. Nhiều tiểu nông đoàn sản xuất đã ra đời. Trừ miền Đông gian khổ, miền Trung và miền Tây Nam Bộ đã tụt tụt được lương thực và có phần dư trữ.

Về vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn nhận xét: Nông dân Nam Bộ nói chung gắn bó với ruộng đất rất sâu sắc; họ sẵn sàng bảo vệ miếng đất do chính ông bà, cha mẹ và bản thân họ khai phá tạo dựng nên. Chính xuất phát từ cách nhìn đó mà Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã kiên quyết thi hành chính sách tạm cấp đất ruộng ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp và ngay trước khi rút quân tập kết theo Hiệp định Giơnevơ, ta kịp thời giao phần lớn

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr. 38.

ruộng đất trong vùng ta kiểm soát cho nông dân và cấp giấy công nhận quyền sở hữu ruộng đất cho họ. Việc làm này đã tạo một nền tảng vững chắc cho cách mạng miền Nam trong những năm khó khăn gian khổ nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ sau này.

Đối với giai cấp địa chủ, đồng chí Lê Duẩn đặt vấn đề nên phân biệt và phân hoá họ. Địa chủ Việt Nam trước hết là người Việt bị mất nước. Đồng bằng Nam Bộ có những nét đặc thù do lịch sử để lại. Một số ít địa chủ là tay sai đế quốc đã bỏ chạy vào thành, tiếp tục con đường bán nước. Những tiểu điền chủ thường vẫn trực tiếp tham gia cấy cày, trồng trọt, nhiều con em họ tham gia lực lượng kháng chiến. Họ được thực dân Pháp sử dụng nhưng bị khinh miệt. Trong họ còn có người có tinh thần dân tộc, yêu nước, nên mở lối ra cho họ. Cách nhìn rộng mở này của đồng chí Lê Duẩn đã đưa đến phong trào hiến điền ở miền Tây Nam Bộ; nhiều nghiệp chủ, điền chủ và cả con cái họ đã thoát ly gia đình theo kháng chiến.

Lúc này trong kháng chiến, Đảng đã giữ quyền lãnh đạo tuyệt đối. Trong đường lối cách mạng, để động viên tính tích cực của giai cấp nông dân là tầng lớp chiếm đa số ở nông thôn, Đảng chủ trương nâng cao tính chất dân chủ, cụ thể là tập trung giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân cày. Chính sách của ta lúc này là giải quyết quyền lợi ruộng đất cho nông dân, nhưng vẫn

tranh thủ sự đồng tình của địa chủ có quan hệ với cách mạng. Do vậy, phải tăng cường công tác giáo dục quần chúng để bảo đảm đoàn kết trong hàng ngũ cách mạng. Đây là một công việc khó khăn, phức tạp, nhưng với sự chỉ đạo thường xuyên của các cấp bộ đảng, Đảng ta từng bước giải quyết thành công vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp .

Song song với chính sách về ruộng đất là chính sách thuế nông nghiệp. Đây là một cuộc vận động chính trị rộng lớn trong toàn Đảng bộ và trong nông dân. Thực hành chính sách phải qua các bước phân khoảnh, định hạng ruộng đất, bình sản lượng, bình biểu thuế, bình mức đóng góp, bảo đảm công bằng, dân chủ, hợp lý để cho người nông dân qua thực hiện nghĩa vụ thuế mà thấy được vị trí của mình đối với cách mạng. Cán bộ được phân công đi phát động thuế phải biết hướng dẫn cho tập thể nông dân thảo luận quyết định các mức bình nghị công bằng và dân chủ. Chi bộ Đảng lãnh đạo nông dân bình đúng, phân khoảnh đúng, định hạng đúng, định sản lượng đúng, định biểu thuế đúng và cuối cùng là mức đóng góp công bằng, hợp lý. Công bằng, chính xác, không thiên vị, không để ai tính toán, tự tư tự lợi, gian dối, qua mặt. Còn hợp lý là cùng diện tích, cùng hạng ruộng, cùng sản lượng, cùng biểu thuế, nhưng sự đóng góp nhiều ít lệ thuộc vào số nhân khẩu trong gia đình. Hộ nhiều nhân khẩu sẽ phải đóng góp ít

hơn hộ ít nhân khẩu. Như vậy, đảm bảo sau khi làm nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho kháng chiến, cho cách mạng, nhà nào cũng còn lúa đảm bảo mức sống cho gia đình mình. Cán bộ, đảng viên đã lãnh đạo hoặc trực tiếp làm công tác thuế. Nếu vì tự tư tự lợi, tiêu cực trong công tác, như lèo lái nông dân bình mức thấp để bản thân mình cũng được lợi bất chính thì tùy mức độ sai phạm mà xử lý, nếu vi phạm nặng có thể bị khai trừ. Ai làm tốt được tuyên dương, khen thưởng. Qua đó mà củng cố Đảng, đoàn thể, nông hội. Đảng mạnh, nông dân phấn khởi, tin tưởng cách mạng, hăng hái tham gia kháng chiến. Những chính sách về nông thôn của Đảng đã nhanh chóng biến đổi bộ mặt vùng căn cứ và ảnh hưởng mạnh đến phong trào đấu tranh ở vùng du kích và vùng tạm chiếm. Hình ảnh của một vùng căn cứ cách mạng với cuộc sống tốt đẹp đã thuyết phục được đông đảo quần chúng. Chính sách của Đảng đã làm cho Đồng Tháp Mười từ một vùng đất hoang dã, người dân sống rời rạc, nghèo đói trước kia, từ một cánh đồng hoang vu “muỗi kêu như sáo thổi, đỉa lèn như bánh canh” nay đã mọc lên những cánh đồng lúa xanh tốt, những xóm làng trù phú, rộn rã tiếng hò, câu hát, tiếng cười. Nhiều nơi dọc theo các con kênh chính như kênh Dương Văn Dương, Nguyễn Văn Tiếp hình thành nên những thị tứ. Có nơi như Thiên Hộ, Mỹ An trên kênh Nguyễn Văn Tiếp một thời được mệnh danh là

“Sài Gòn mới”. Nhưng nét đặc biệt đáng nói nhất là nếp sống lành mạnh, lịch sự, văn minh.

Chỉ thị 4/NV năm 1947 của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ tuy có đưa đến một số phức tạp, phải giải quyết do địch cài người xấu vào hàng ngũ kháng chiến gây nên, nhưng không thể phủ nhận tác dụng lớn lao của nó trong việc đoàn kết dân tộc, cung cấp nhân tài cho kháng chiến. Trong cuộc sống hoà đồng với người nông dân Đồng Tháp Mười, những người trí thức được cách mạng dẫn dắt đã góp phần nâng cao trình độ đời sống văn hoá của nông dân Đồng Tháp Mười, từ những điều thông thường như lời ăn tiếng nói, cách thức ăn mặc đến những cái lớn lao hơn như xoá mù chữ, phòng bệnh, vệ sinh... Những bác sĩ được đào tạo từ những nhà trường của Pháp ra căn cứ kháng chiến đã hướng dẫn cho nông dân ăn dưa hai đầu để tránh lây bệnh, bỏ hẳn tập tục lạc hậu đi tiêu xuống sông rạch mà làm các hố xí hai ngăn, đổ tro có nắp đậy. Những mê tín dị đoan cũng được dứt bỏ, không còn bói toán, thầy bùa, thầy pháp. An ninh trật tự được đảm bảo, không có đi điếm, nhậu nhẹt say sưa, trộm cắp, cờ bạc. Có nơi như các xã Nhơn Hoà Lập, Hậu Thạch trên kênh Dương Văn Dương, người dân tự giác sống theo những quy định do mình đặt ra và chấp hành rất nghiêm túc. Đó là những là tiền đề của chính quyền tự quản ở nông thôn trong vùng giải phóng thời kháng chiến chống Mỹ sau này.

Thực hiện đường lối kháng chiến toàn diện của Đảng, đồng chí Lê Duẩn và tập thể Ban Thường vụ Xứ uỷ Nam Bộ cũng rất chú trọng nâng cao trình độ văn hoá, giáo dục cho cán bộ quần chúng cách mạng. Hệ thống trường tiểu học được xây dựng ở các vùng giải phóng. Toàn miền có các trường trung học Nguyễn Văn Tố, Thái Văn Lung, Huỳnh Phan Hộ, có Viện Văn hoá miền Nam, Tiểu ban Văn Nghệ Nam Bộ... Hàng ngày bề bộn với bao công việc của người Bí thư Xứ uỷ, đồng chí Lê Duẩn vẫn dành thời gian tìm hiểu về văn học nghệ thuật, chăm lo đời sống và công việc sáng tác của các văn nghệ sĩ. Mặc dù trong điều kiện kháng chiến ở Nam Bộ hết sức khó khăn, các văn nghệ sĩ vẫn sáng tác được những tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Những khúc ca nổi tiếng như *Lên ngàn*, *Nhạc rừng*, *Con kênh xanh xanh*, *Tiểu đoàn 307*... ra đời và chấp cánh bay xa. Nghệ sĩ Khương Mễ cặm cùi với kịch bản và những thước phim đầu tiên đặt nền móng cho ngành điện ảnh Nam Bộ... Đồng chí Lê Duẩn thích đọc Truyện Kiều, yêu thơ Nguyễn Bính và thường có những ý kiến nhận định sâu sắc về nghệ thuật. Họa sĩ Huỳnh Văn Gấm, lúc đó là đại biểu Quốc hội, Tỉnh uỷ viên tỉnh Tân An kể lại: "Anh Duẩn nói về nghệ thuật. Anh nhắc đến cuộc tranh luận giữa Hoài Thanh và Hải Triều. Theo anh, nghệ thuật có thể phản ánh gián tiếp. Không nhất thiết bức tranh nào cũng trình bày những hình ảnh công nông. Một bông hồng rung rinh dưới ánh nắng

mặt trời trong sương sớm sao lại không được xem là nghệ thuật vị nhân sinh”¹. Đồng chí chỉ cho các nhà văn thấy được đồng tiền trong xã hội Nguyễn Du không hoàn toàn như bản. Bên cạnh mặt xấu xa, đồng tiền còn có tác dụng thúc đẩy nền sản xuất hàng hoá phát triển. Đồng chí viết: "Cụ Nguyễn Du muốn kéo xã hội trở lại. Vì bản chất giai cấp của cụ, cụ chỉ thấy mặt xấu của đồng tiền mà không thấy mặt tốt của nó"².

Trong sự phát triển chung của kháng chiến, ngành y tế ở Nam Bộ cũng không ngừng phát triển cả bề rộng và bề sâu, cả về tổ chức mạng lưới, về chuyên môn, kỹ thuật, về khám, chữa bệnh, về vệ sinh phòng dịch, về sản xuất thuốc men và đào tạo cán bộ. Trong vùng giải phóng, tỉnh nào, huyện nào cũng có bệnh xá. Cấp khu và xứ có quân y viện và dân y viện. Nhiều xã có nhà hộ sinh. Một số chuyên khoa được hình thành và phát triển như khoa răng do bác sĩ Nguyễn Văn Thủ, khoa mắt và tai mũi họng do bác sĩ Lý Văn Thân phụ trách. Khoa phẫu thuật chiến thương được nâng lên rất cao. Phương pháp cấy Philatốp trở thành niềm tự hào của ngành y tế kháng chiến. Đặc biệt, một số dịch bệnh như bệnh tả, đậu mùa đã được thanh toán ở vùng giải phóng. Đội ngũ

1. Báo Văn nghệ, ngày 2-4-1988.

2. Lê Duẩn: *Phong trào cách mạng và Mặt trận dân tộc Nam Bộ*, năm 1952. Tư liệu lưu tại Học viện Chính trị quốc gia, Hồ Chí Minh, ký hiệu 2B.

cán bộ chuyên môn không ngừng lớn mạnh, được bổ sung nhiều cán bộ trẻ.

Theo số liệu của người Pháp, trong những năm kháng chiến trên các kênh rạch sông nước ở đồng bằng Nam Bộ có tới 10 vạn tàu, xuồng các loại. Chiếc xuồng tam bản của đồng chí Lê Duẩn cũng giống như trăm nghìn chiếc xuồng cùng loại với nó đang ngày đêm len lỏi trên đồng nước Nam Bộ. Đồng chí Lê Duẩn thường làm việc trong nhà dân, trong “cứ”, nhưng cũng hay ở luôn trên xuồng để tiện đi công tác và đề phòng bắt trắc. Đồng chí Nguyễn Chánh, phụ trách công tác bảo vệ của cơ quan Xứ uỷ, có sáng kiến may cho đồng chí Lê Duẩn chiếc mùng thật lớn trùm kín cả khoang xuồng để chống muỗi. Những ngày chém vè, lội đìa, băng rừng, vượt suối, bệnh thấp khớp lại gây nhức nhối chân tay. Có những ngày thiếu gạo phải ăn củ chụp, củ mì với măng le chấm muối, hút thuốc rê Gò Vấp. Nhưng cũng từ đó, hình ảnh đồng chí Bí thư Xứ uỷ càng trở nên gần gũi, thân thiết với đồng bào Nam Bộ với cái tên giản dị: anh Ba, chú Ba và cả thằng Ba nữa. Sinh ra và lớn lên ở miền quê Quảng Trị, giọng nói ấm nặng của miền Bắc Trung Bộ, nhưng cuộc đời đồng chí đã gắn bó máu thịt với đồng bào, đồng chí Nam Bộ. Hình ảnh anh Ba đã xoá nhoà mọi mặc cảm, định kiến do lịch sử để lại và bị bọn thực dân khoét sâu để tuyên truyền, xuyên tạc. Đồng bào, đồng chí Nam Bộ hiểu Anh, thương mến và tin tưởng Anh. Được đoàn thể cho

phép, đồng chí đã xây dựng gia đình với chị Nguyễn Thuỵ Nga, người con gái đất Đồng Nai sum xuê cây trái. Chị đã làm trọn vẹn vai trò người bạn đời, người đồng chí bên chồng.

Một nét đặc trưng trong tính cách con người đồng chí Lê Duẩn là rất say mê học tập, nghiên cứu và sinh hoạt lý luận, chăm lo đến công tác đào tạo cán bộ về mặt lý luận. Ngay sau Đại hội Đảng bộ Nam Bộ, đồng chí đã giao cho Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức - Kiểm tra cùng Văn phòng Xứ uỷ chuẩn bị chương trình huấn luyện, tuyển chọn cán bộ đi học, chuẩn bị địa điểm, lo cơ sở vật chất cho các lớp học lý luận. Năm 1949, trường huấn luyện cán bộ mang tên đồng chí Trường Chinh khoá I đã khai giảng. Hàng trăm học viên của các tỉnh, thành từ Bình Thuận trở vào tận mũi Cà Mau đã lần lượt đến học.

Qua học tập, bồi dưỡng, học viên đều trưởng thành về lý luận chính trị, nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ trong kháng chiến chống thực dân Pháp, trau dồi thêm phẩm chất cách mạng và nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn sát với hoàn cảnh và điều kiện chiến trường Nam Bộ. Sau khoá học, cán bộ trở về các khu, các tỉnh, cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể tích cực góp phần đẩy tới sự nghiệp kháng chiến. Một số đồng chí trưởng thành vượt bậc đã được phân công đảm nhận những chức vụ chủ chốt ở các ngành, các cấp.

Thời gian này cơ quan Xứ uỷ và Uỷ ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ đóng tại vùng Chấn Bông thuộc U Minh. Từ một góc rừng nhiệt đới, giữa những cây tràm, cây đước mọc ken dày, đan chéo vào nhau, những vấn đề lý luận và thực tiễn của cuộc kháng chiến Nam Bộ tiếp tục được làm sáng tỏ. Trong các bài nói tại các lớp học chính trị, những bài giảng tại Trường Đảng Trường Chinh, những bài viết đăng trên báo *Nhân dân miền Nam*, báo *Thống nhất*, *Tạp chí mácxít...*, đồng chí Lê Duẩn đã trình bày có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc giải phóng dân tộc. Nội dung những vấn đề đó được đồng chí viết cô đọng lại trong cuốn sách *Cách mạng dân chủ mới*.

Đồng chí Lê Duẩn rất chăm lo khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng; đặc biệt chú trọng đến công tác tư tưởng. Vì vậy, giai đoạn đầu kháng chiến, đồng chí Lê Duẩn trực tiếp phụ trách công tác tuyên huấn, xây dựng tờ báo Đảng, chăm lo sinh hoạt đảng, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình. Trong công tác chỉnh đảng, đồng chí nói chỉnh huấn phải làm cho mọi người như được tắm rửa sạch sẽ, phấn khởi, tin tưởng, đem hết sức mình để xây dựng đảng. Về sự rèn luyện của người đảng viên cộng sản, đồng chí đặt yêu cầu rất cao. Mỗi đảng viên phải luôn suy nghĩ, mỗi ngày phải nghĩ đến Đảng, làm việc có lợi cho Đảng, phải gắn bó mật thiết với quần chúng, phải luôn xứng đáng là đảng viên cộng sản, suốt đời hy sinh phấn đấu vì lợi ích của dân tộc, của đất

nước. Ngày nào, giờ phút nào không nghĩ đến Đảng thì coi như chính mình đã ly khai Đảng. Phải tránh bệnh lười suy nghĩ, thụ động làm việc theo ý kiến chỉ đạo của cấp trên. Tránh việc tụng niệm các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin như tụng kinh thánh hoặc hành động theo lối mòn của những kinh nghiệm cũ.

Nhưng chính Đảng theo hình thức "đèn mờ, nửa đêm thức dậy phản tỉnh để thấy sai lầm khuyết điểm của mình" là không phù hợp. Đảng viên cũng là con người, có cả ưu điểm và khuyết điểm. Phải tự phê bình và phê bình, thấy ưu điểm để tự hào và phát huy, thấy rõ khuyết điểm để ngăn ngừa, sửa chữa. Đề cao quang minh, đả phá u tối, tránh cách phê bình chỉ thấy toàn khuyết điểm dẫn tới các đảng viên ai cũng thấy mình xấu quá, nhiều lỗi lầm quá, rồi sinh ra bi quan, giảm sút ý chí chiến đấu.

Người gia nhập hàng ngũ Đảng trong thời kỳ bí mật hay trong kháng chiến, dám chịu đựng hy sinh gian khổ là ưu điểm rất cơ bản. Do đó, đứng về bản chất mà xét, các đảng viên ta đều tốt, ưu điểm là mặt chủ yếu chứ không phải khuyết điểm, sai lầm là mặt chủ yếu, trừ một số ít kẻ phản bội cách mạng, đã biến chất. Hình thức ôn nghèo khổ trong sinh hoạt nội bộ là cần thiết để giúp hiểu nhau, thương yêu nhau hơn. Nó có tính giáo dục đối với những đồng chí xuất thân từ tầng lớp khá giả, từ ghế nhà trường tham gia cách mạng, chưa hiểu rõ sự nhọc nhãi của cuộc đời của người dân mất

nước, chưa hiểu được sự áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và địa chủ phong kiến như thế nào. Nghe kể khổ có tác dụng củng cố thêm tinh thần cách mạng.

Việc ôn nghèo kể khổ và thực hiện "ba cùng" có tác dụng vạch rõ cuộc đời tăm tối đã qua để mọi người thêm căm thù địch, nung nấu thêm quyết tâm đấu tranh xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột. Điều đó đúng nhưng chưa đủ. Phải phác họa cuộc sống đẹp của tương lai, một chế độ xã hội mới: được vui chơi giải trí sau những giờ lao động, được phát huy hết tài năng của mình để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đây mới là điểm chính, góp phần hình thành lý tưởng cao đẹp cho quần chúng cách mạng, hướng về tương lai tươi sáng mà phấn đấu.

Về phụ nữ Việt Nam, đồng chí nói: Phụ nữ nước ta hay lắm, tốt lắm, rất cách mạng, yêu nước, trung hậu, chung thủy, hết lòng thương yêu chồng con, đảm đang mọi việc trong gia đình. Pháp có một Giang Đà, Việt Nam ta có hàng nghìn phụ nữ anh hùng cứu nước. Mở đầu lịch sử chống xâm lược là Hai Bà Trưng, rồi Bà Triệu. Phụ nữ nước ta không những mưu trí dũng lược trong đánh giặc mà còn khôn khéo trong nhiếp chính quản lý việc nước như Thái hậu Dương Vân Nga, Vương phi Ý Lan, uyên bác, sắc sảo trong văn học như Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương...

Đồng chí còn nói về những người mẹ Việt Nam nhân hậu, đảm đang, về vai trò của người mẹ trong giáo dục con cái, ca ngợi hình ảnh cao đẹp của người phụ nữ Việt

Nam không nơi nào sánh nổi. Có lần đồng chí kể về chuyện Tống Khánh Linh với Tôn Trung Sơn, nói về Minh Khai với Lê Hồng Phong, nhắc nhiều về người mẹ của mình với một ý ngắn gọn mà tình thương thật bao la: Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con nằm...

Năng lực tư duy ở đồng chí Lê Duẩn gần như bao trùm tất cả mọi lĩnh vực. Đồng chí Võ Văn Kiệt kể lại: "Tôi cũng được nghe nhiều đồng chí lãnh đạo trong Khu uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ nói về Anh. Mọi người, kể cả các nhà trí thức Nam Bộ tâm cỡ như Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần, Nguyễn Thành Vĩnh, Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Văn Hưởng, Ngô Tấn Nhơn... đều nói về Anh Ba với một thái độ kính phục và quý mến, gọi Anh bằng biệt danh "Ông deux cents bougies" (nghĩa là Ông hai trăm bugi) để diễn tả sức làm việc, sự sáng suốt, uyên bác của Anh. Bất cứ về vấn đề gì, ở tầm nào, Anh Ba cũng đều có thể thuyết phục được bên đối thoại"¹.

Từ năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ bước sang giai đoạn mới. Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân đã công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sau chiến dịch

1. *Lê Duẩn - một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 56.

Biên giới tháng 10-1950, chúng ta đã phá vỡ thế bao vây của chủ nghĩa đế quốc đối với cách mạng Việt Nam. Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng khai mạc tại Chiến khu Việt Bắc. Vì không ra dự Đại hội được, đồng chí Lê Duẩn đã viết tập văn kiện quan trọng góp ý với Đại hội Đảng. Văn kiện đã được đồng chí khởi thảo từ năm 1948, các đồng chí Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp mang trình Đại hội. Tài liệu góp ý với Đại hội Đảng là một bản tổng kết sâu sắc những bài học kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh cách mạng của Đảng ta qua các thời kỳ lịch sử: cuộc vận động thành lập Đảng, cao trào cách mạng 1930-1931, thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936-1939), cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám. Đồng chí đầu tư trí tuệ nhiều cho những vấn đề cụ thể về đường lối kháng chiến và thực tiễn cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Những ý kiến trình bày trong văn kiện là một đóng góp quý giá vào kho tàng lý luận của Đảng ta về cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam. Đại hội đã bầu vắng mặt đồng chí Lê Duẩn làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị. Các đồng chí đang công tác tại Nam Bộ được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương gồm có Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm là Ủy viên chính thức; Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kinh là Ủy viên dự khuyết. Đại hội quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ ủy Nam Bộ.

Đồng chí Lê Duẩn được phân công làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Phó Bí thư là đồng chí Lê Đức Thọ. Ủy viên là các đồng chí Nguyễn Văn Kinh (Thường trực), Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, toàn Đảng, toàn dân ta đứng trước một khối lượng công việc đồ sộ phải làm để đẩy mạnh phong trào kháng chiến, đi tới thắng lợi quyết định. Thực hiện chủ trương của Đảng, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong vùng địch tạm chiếm, làm tê liệt nhiều hệ thống tháp canh, xây dựng những khu du kích ngay trong hậu phương quân địch. Trên mặt trận quân sự, ta mở liên tiếp những chiến dịch lớn đánh mạnh vào nơi địch sơ hở, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai và dân cư như các chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung và nhất là chiến dịch Tây Bắc.

Năm 1951, do yêu cầu chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, cần đẩy mạnh việc củng cố cơ sở, phát động cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, bồi dưỡng sức dân theo chỉ đạo của Trung ương, Trung ương Cục miền Nam đã tổ chức trên toàn Nam Bộ thành hai phân khu miền Tây và miền Đông, lấy sông Tiền làm ranh giới. Các khu VII, VIII, IX được giải thể. Các tỉnh, huyện sáp nhập lại lấy tên ghép như Long Châu Hà, Long Châu Sa, Gia Ninh, Thủ Biên... Trung ương Cục phân tán chỉ đạo sát hai phân khu.

Đồng chí Lê Duẩn trực tiếp phụ trách phân khu miền Đông, đồng chí Lê Đức Thọ trực tiếp phụ trách phân khu miền Tây. Bộ tư lệnh Nam Bộ không còn. Tư lệnh Nguyễn Bình được điều động về Trung ương. Bộ Tư lệnh miền Tây gồm có các đồng chí Dương Quốc Chính, Tư lệnh; Phan Trọng Tuệ, Chính uỷ; Nguyễn Chánh, Phó Tư lệnh; còn miền Đông do đồng chí Trần Văn Trà làm Tư lệnh; đồng chí Phạm Hùng làm Chính uỷ; đồng chí Nguyễn Văn Vịnh làm Phó Tư lệnh. Tháng 10-1952, một trận bão lụt lớn đã tàn phá các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Nhà cửa, kho tàng, hoa màu, gia súc của nhân dân và bộ đội bị bão lũ quét sạch, nhiều người chết. Nước sông, suối dâng cao đột ngột, có nơi cao hơn 10m, cuốn phăng mọi vật mà bão còn để lại. Dịch lợi dụng sự thiệt hại to lớn của ta, tiến hành càn quét ác liệt. Ta vừa phải chống dịch, vừa lo cho đồng bào. Nạn đói trong dân và trong bộ đội là một tai hoạ tiếp theo, làm giảm sức chiến đấu của lực lượng kháng chiến. Tiêu chuẩn gạo của bộ đội có lúc chỉ còn 2,5kg/tháng, thậm chí không đủ gạo nấu cháo cho thương binh. Một số cán bộ và chiến sĩ dao động, bỏ ngũ. Một số dân vùng giải phóng chạy ra vùng địch. Tình hình miền Đông vô cùng khó khăn. Các tỉnh miền Trung, miền Tây đã nhiệt liệt hưởng ứng cuộc vận động giúp đỡ miền Đông Nam Bộ.

Đầu năm 1951, đồng chí Lê Duẩn chuẩn bị đi về miền Đông Nam Bộ. Miền Đông Nam Bộ gần Sài Gòn, có

điều kiện chỉ đạo thuận tiện hơn đối với phong trào kháng chiến trên bình diện toàn miền Nam. Đường lên miền Đông phải đi qua các tỉnh Tà Keo, Prayviêng và Svayriêng của nước bạn Campuchia để đến Tây Ninh và Chiến khu Đ. Đường đi rất gian nan, vất vả, có đoạn đi xuống, đoạn phải đi bộ. Đến Chiến khu Đ thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Thủ Biên (do hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hoà nhập lại), cơ quan đóng ở khu rừng Nhà Nai, từ đó ra đất Cuốc và Dương Hoà cũng không xa lắm, có làng xóm, có thể mua bán vài thứ thực phẩm cần thiết. Tháng 9-1951, đồng chí dự hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh Thủ Biên gồm hơn 100 đại biểu. Hội nghị vừa kết thúc, đại biểu chưa về hết thì máy bay địch đến bắn phá. Do mất cảnh giác nên chúng ta đã để gián điệp của Pháp là Mai Văn Hạo trà trộn vào làm tới Tỉnh uỷ viên Đảng Dân chủ, Uỷ viên Mặt trận Liên Việt tỉnh Thủ Biên. Mai Văn Hạo bị bắt và phải đền tội. Để củng cố ngành công an, đồng chí đề nghị triệu tập hội nghị công an miền Đông Nam Bộ. Hội nghị công an miền Đông Nam Bộ được triệu tập vào tháng 11-1951. Đồng chí Lê Duẩn đã đến dự và phát biểu ý kiến về xây dựng lực lượng công an.

Một hôm bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ở khu Sài Gòn - Chợ Lớn đến làm việc và báo cáo tình hình với đồng chí Lê Duẩn. Buổi trưa đồng chí Lê Duẩn mời cơm. Trước khi về, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch biếu 10 hộp sữa để đồng chí Lê Duẩn bồi dưỡng. Vài ngày sau, đồng chí bảo cấp

duỡng nấu một nồi nước sôi, mọi người đều ngạc nhiên. Khi nước đã sôi, cấp duỡng lên báo cáo, đồng chí bảo lấy số sữa đem ra pha cho toàn thể anh em văn phòng và trung đội bảo vệ uống. Đồng chí muốn chia đều gian khổ và cả những niềm vui nho nhỏ với tất cả mọi người.

Cuối năm 1951, đồng chí Lê Duẩn bàn với các đồng chí lãnh đạo miền Đông chuyển về Chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) để thuận tiện làm việc. Căn cứ mới đã được chuẩn bị mọi điều kiện làm việc, nhưng về đời sống vẫn còn nhiều khó khăn. Tại đây, đồng chí Lê Duẩn luôn nhắc nhở mọi người tăng gia sản xuất để phòng đói. Đồng chí cùng anh em lo trồng trọt, chăn nuôi để có thêm nguồn thực phẩm. Riêng lúa nước thì không trồng tại chỗ được nên phải đi rất xa tải từng ký gạo mang về.

Về Chiến khu Dương Minh Châu không bao lâu, đồng chí Lê Duẩn triệu tập Hội nghị các cấp để quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, tổ chức lại các tỉnh. Tỉnh Gia Định cùng với Tây Ninh và một phần Chợ Lớn nhập lại thành tỉnh Gia - Định - Ninh. Đồng chí Tô Ký được cử làm Bí thư Tỉnh uỷ. Tại Hội nghị này, đồng chí Lê Duẩn để lại cho mọi người một ấn tượng tốt đẹp bằng sự lập luận sắc bén có sức thuyết phục mạnh mẽ, đã đưa Hội nghị đến thành công tốt đẹp, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với miền Đông Nam Bộ nói chung, đáp ứng tình hình nhiệm vụ mới trên chiến trường lúc bấy giờ.

Chiến khu Việt Bắc đang cần tập trung trí tuệ để định hướng cho dân tộc những bước đi quyết định trên chặng đường dài của cuộc kháng chiến. Đồng chí Lê Duẩn chuẩn bị lên đường ra Việt Bắc công tác. Cùng đi với đồng chí Bí thư Trung ương Cục có đồng chí Nguyễn Văn Linh. Người bạn tù trẻ tuổi của đồng chí Lê Duẩn năm xưa nay đã thành người cộng sự gần gũi. Am hiểu sâu sắc cuộc sống và con người Nam Bộ, dày dạn kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tích cực giúp đồng chí Lê Duẩn lo toan những công việc hàng ngày.

Tháng 6-1952, các đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh và một số cán bộ ra Việt Bắc theo đường Trường Sơn. Đồng chí Lê Duẩn cũng như các anh em trong đoàn đều mang theo một ít đồ dùng cá nhân. Xuất phát từ Chiến khu Dương Minh Châu, rồi cứ từ trạm này đến trạm khác phải đi cả ngày, thường đi từ sáng sớm tới xế chiều. Đồng chí Lê Duẩn tự mang lấy đồ dùng cá nhân.

Đến vùng Nam Trung Bộ thì bị địch phát hiện. Chúng tung gián điệp đi dò la và tăng cường lùng sục. Nhờ những kinh nghiệm hoạt động bí mật và nhất là nhờ sự che chở, đùm bọc của đồng bào, đồng chí Lê Duẩn quyết định không đi theo con đường qua các trạm giao thông liên lạc mà ngược lên miền rừng núi, qua vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đoàn đi ngày này qua ngày khác, vượt núi, trèo đèo cho tới vùng tự do Liên khu V. Đoàn dừng lại tại An Lão, Bình Định.

Qua Thừa Thiên, Quảng Trị, đến Chiến khu Ba Lòng, đồng chí Lê Duẩn lại gặp lại bạn bè, đồng chí và những cơ sở cách mạng mà đồng chí đã gây dựng năm xưa. Tình cảm quê hương, gia đình lại xót thương da diết, nhưng không còn thời gian để gặp lại người thân, đồng chí gửi lời chào cảm ơn những đồng chí ở địa phương đã quan tâm, giúp đỡ đưa gia đình đến vùng tự do sinh sống. Đồng chí vui và cũng ứa nước mắt khi nghe tin cô con gái lớn Lê Minh Cừ đã trở thành một chiến sĩ giao thông và đã có lần sa vào tay giặc. Qua vùng Đúc Thọ, Hà Tĩnh, đồng chí nhận được một niềm vui bất ngờ, được các đồng chí cơ sở bố trí ghé thăm người em gái, chị Lê Thị Châu. Anh em hàn huyên chỉ được nửa đêm về sáng đã phải chia tay. Qua vùng tự do Liên khu IV, đoàn dừng lại Nghệ An, Thanh Hoá. Ở mỗi nơi, đồng chí Lê Duẩn nghỉ khoảng 4-5 ngày vừa để dưỡng sức, vừa để có thì giờ trao đổi với ban lãnh đạo các liên khu về tình hình và kinh nghiệm kháng chiến. Ngày 20-11-1952, đồng chí Lê Duẩn và đoàn cán bộ Nam Bộ tới An toàn khu (ATK), nơi đặt trụ sở Văn phòng Trung ương Đảng. Đoàn được Bác Hồ đến thăm. Bác Hồ ôm hôn đồng chí Lê Duẩn. Bác hỏi thăm cả đoàn và dặn dò mọi người giữ gìn sức khoẻ vì núi rừng Việt Bắc lạnh lẽo bất thường. Sau đó, Bác nói chuyện với từng người trong đoàn.

Đồng chí Lê Duẩn báo báo với Bác Hồ và Trung ương

về phong trào kháng chiến ở Nam Bộ. Từ chiến trường xa, đồng bào, đồng chí vẫn một lòng một dạ hướng về Việt Bắc, quê hương của cách mạng, về Bác Hồ kính yêu. Đồng chí dành nhiều thời gian cùng Trung ương thảo luận về chủ trương tiến hành cải cách ruộng đất. Đồng chí trình bày những kinh nghiệm và những công việc đã làm ở Nam Bộ để đem lại ruộng đất cho nông dân. Bà con nông dân phấn khởi, tin tưởng và hăng hái đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Sau này, đồng chí viết: “Đến năm 1953, khi cuộc kháng chiến bước vào thời kỳ quyết liệt nhất, Đảng chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô và tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”. Nhờ đó, tinh thần và lực lượng kháng chiến của hàng triệu nông dân được động viên mạnh mẽ, khối liên minh công nông được tăng cường, chính quyền nhân dân và mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố, sức chiến đấu của quân đội nhân dân tăng lên chưa từng thấy, mọi mặt hoạt động kháng chiến đều được đẩy mạnh”¹.

Thời gian ở Việt Bắc, đồng chí Lê Duẩn đã đóng góp nhiều ý kiến với Trung ương về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, công tác tuyên huấn và dân vận. Đồng chí được mời giảng bài tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc và các lớp huấn luyện dành cho

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr. 423.

nhân sĩ, trí thức kháng chiến. Từ cuối năm 1952 đến đầu năm 1954, đồng chí Lê Duẩn làm việc ở Chiến khu Việt Bắc, phía Quảng Nạp, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Hai mùa đông ở núi rừng Việt Bắc trời lạnh đến thấu xương. Nhà ở là vách nứa, đêm đêm gió lùa vào rất lạnh, nhưng đồng chí Lê Duẩn vẫn thấy ấm lòng vì được ở bên Bác Hồ vô vàn kính yêu.

Đến nơi làm việc của Bác Hồ và Ban Tuyên huấn Trung ương ở Tân Trào phải qua đèo De, mỗi lần đi mất vài giờ. Vì vậy, Văn phòng Trung ương có giao cho một con ngựa để đồng chí Lê Duẩn đi lại trong An toàn khu cho đỡ mệt nhọc.

Đồng chí Lê Duẩn không thạo cưỡi ngựa. Anh em thường nói đùa là ngựa của Đường Tam Tạng, chỉ đi từng bước một, không biết kiệu, không biết phi. Ngựa là con vật rất thích ăn lá máng, lá này to như lá sakê và có vị ngọt. Cây máng lại cao nên thường phải chặt cả cây cho đổ xuống để lấy lá. Có lần cây bị vướng chằng chịt trên ngọn nên người phục vụ phải trèo lên để chặt, nhưng mới leo lên thì cây đổ, người bị cây đè ngất xỉu. Ít phút sau, người phục vụ cố gượng về đến nhà. Đồng chí Lê Duẩn biết chuyện liền bảo đem ngựa trả lại, không đi ngựa nữa.

Tháng 6-1953, đồng chí Lê Duẩn sang Bắc Kinh để chữa bệnh, đến tháng 9-1953 về nước. Sau khi từ Trung Quốc trở về Việt Bắc, đồng chí Lê Duẩn thường xuyên làm việc bên cạnh Bác Hồ. Đầu năm 1954, Bác Hồ mời

đồng chí sang nhà Bác ở Tân Trào làm việc với Người và Bộ Chính trị, từ sáng đến 22 giờ đêm. Bác mời ngủ lại cùng với các đồng chí trong Bộ Chính trị. Giường ngủ là sạp lát bằng cây bương, chỉ có chiếu lót lưng, không có nệm. Đêm lạnh thấu xương, phải đốt lửa sưởi ấm. Sáng sớm hôm sau, đồng chí Lê Duẩn chia tay Bác Hồ và các đồng chí trong Bộ Chính trị để trở về Nam Bộ công tác.

Đoàn về miền Nam cùng đồng chí Lê Duẩn gồm có thư ký, bác sĩ, bảo vệ, cần vụ, cơ yếu và điện đài, tất cả 15 người. Lần này được đi xe ô tô commăngca từ Việt Bắc đến cuối Hà Tĩnh, có đoạn đi ngày, có đoạn phải đi đêm. Đến đầu tỉnh Quảng Bình thì đoàn không đi ô tô được nữa. Từ đây, đoàn lại đi bộ theo dãy Trường Sơn, đoạn đường mà hai năm trước đã từng đi qua. Qua Quảng Trị, Thừa Thiên, đoàn dừng lại ở Chiến khu Ba Lòng, Chiến khu Dương Hoà để nghỉ ngơi và làm việc với địa phương.

Khoảng đầu tháng 3-1954, đồng chí Lê Duẩn vào đến vùng tự do Liên khu V. Sau khi làm việc với Ban Thường vụ Liên khu uỷ, đồng chí Lê Duẩn ở lại Quảng Ngãi để tham gia phụ trách lớp chỉnh huấn chính trị cho cán bộ trung cao cấp của Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Tình hình tại các chiến trường đang có những biến động mau lẹ. Nhiều đơn vị cơ động của Pháp ở Nam Bộ được điều động lên Tây Nguyên. Quân dân ta ở Nam Bộ đang đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích. Các tiểu đoàn chủ lực và bộ đội địa phương tiến sâu vào

vùng tạm chiếm tiêu diệt địch ở Lộ Mới, Tân Thuận (Long Châu Sa), Bến Tranh, Cầu Địch (Thủ Biên), Ông Tân, Hiệp Thạch (Mỹ Tho), Chắc Tú, Bầu Gòn (Sóc Trăng), An Biên (Rạch Giá)... Phong trào đào ngũ, rã ngũ trong ngũ quân đang lan tràn. Nhiều đại đội Hoà Hảo, Cao Đài trong quân đội Pháp bỏ về quê quán.

Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi. Hiệp nghị Giơnevơ đang họp bàn biện pháp giải quyết cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Phối hợp với mặt trận Điện Biên Phủ và các chiến trường khác, quân dân khu V đã đánh bại chiến dịch Átlăng của địch, tiến công dồn dập ở Tây Nguyên, giải phóng thị xã Kon Tum và một dải đất rộng lớn 16.000 km² với 200.000 dân. Vùng tự do Liên khu V kiên cường trong những năm kháng chiến chống Pháp đã đón đưa bao nhiêu đoàn cán bộ ra Bắc vào Nam được mở rộng, vươn dài bao gồm phần lớn cả khúc ruột miền Trung. Không có niềm vui nào lớn lao hơn niềm vui của những người chiến thắng đã giải phóng quê hương mình bằng những chuỗi ngày gian khổ, ác liệt với tấm lòng bền gan, quyết chí, không tiếc máu xương. Nhưng cũng không có nỗi đau nào sánh được nỗi đau này khi biết rằng ngày mai kẻ thù sẽ lại tràn đến. Hiệp định Giơnevơ đã được ký kết. Dòng sông Bến Hải vẫn trong xanh và hiền hoà như bao dòng sông khác đang ngày đêm đổ nước về biển cả đã trở thành lưỡi dao oan nghiệt tạm thời chia cắt hai miền đất nước.

Đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí trong Ban Thường vụ Liên Khu uỷ vội đầu vào công việc.

Nhận Chỉ thị của Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đi gấp vào Nam Bộ. Trong vòng tay siết chặt của các đồng chí Nguyễn Chánh¹, Nguyễn Duy Trinh, đồng chí Lê Duẩn nghẹn ngào dặn lại: "Phải chôn giấu vũ khí, đưa người và vũ khí lên xây dựng một số căn cứ ở Tây Nguyên, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu mới"². Tại Khu V, nhiều đồng chí đã được phân công ở lại bám đất, bám dân để duy trì lực lượng và gây dựng phong trào, sẵn sàng đón nhận nhiệm vụ mới.

Theo sự thu xếp của Uỷ ban Liên hiệp đình chiến, máy bay vận tải Đacôta của Pháp từ Hà Nội vào đổ xuống sân bay Quy Nhơn để đón Phái đoàn liên lạc hiệp thương của ta từ Khu V vào Nam Bộ. Trưởng đoàn là một sĩ quan quân sự đứng tên Trương Bân (tức đồng chí Lê Duẩn). Trong đoàn còn có các đồng chí Nguyễn Thị Thập, Nguyễn Chánh³ và một số cán bộ quân đội, công an, tuyên huấn, tổ chức, giúp việc.

1. Đồng chí Nguyễn Chánh, Nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng khóa II, Bí thư Khu uỷ Khu V trong kháng chiến chống Pháp .

2. Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.35.

3. Đồng chí Nguyễn Chánh, nguyên là Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ sông Vệ, Quảng Ngãi vào đập Đá, Bình Định, đoàn di bằng ô tô ray. Dọc đường vào Nam, nhân dân khắp các địa phương từng bừng đón chào hoà bình lập lại. Người ra đi tập kết giờ hai ngón tay vẫy chào người ở lại như nhả một lời hẹn ước: Chỉ hai năm sau sẽ trở về! Xót xa và thấu hiểu sâu sắc tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ miền Nam khi biết chắc rằng kẻ thù sẽ rắp tâm chia cắt đất nước ta, đồng chí nhắc nhở các cấp đảng bộ phải tích cực đối phó với tình hình xấu nhất vì địch có thể xé bỏ Hiệp định Giơnevơ, thẳng tay đàn áp cách mạng miền Nam.

Chiếc Đacôta C47 cất cánh từ sân bay Gia Lâm ghé lại Quy Nhơn để đưa phái đoàn vào Nam Bộ. Máy bay tạm dừng ở sân bay Dầu Tiếng nửa giờ rồi bay tiếp về Sóc Trăng. Một chiếc tàu chạy đường sông đưa phái đoàn về ngã bảy Phụng Hiệp, nơi đặt trụ sở của Phái đoàn liên lạc hiệp thương của ta ở Nam Bộ do đồng chí Phạm Hùng phụ trách.

Đồng chí Phạm Hùng báo cáo với đồng chí Lê Duẩn tình hình Nam Bộ sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký. Sau chín năm kháng chiến, thực dân Pháp đã buộc phải thừa nhận nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Nhưng Hiệp định Giơnevơ cũng gây xao xuyến lớn trong đồng bào, cán bộ và chiến sĩ miền Nam. Kẻ thù hung bạo lắm. Sẽ lại có cảnh máu chảy đầu rơi. Nhưng chưa thể nói cho mọi người hiểu

được. Điện của Trung ương trả lời đã chấp thuận đề nghị của đồng chí xin ở lại Nam Bộ.

Nỗi thống khổ và tiếng kêu đau thương, oán hờn của đồng bào cũng là nỗi đau thương, trăn trở của những người lãnh đạo. Từ ngày 5 đến ngày 7-9-1954, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp Hội nghị bàn về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng. Hội nghị chỉ rõ: *"Kẻ thù cụ thể trước mắt của ta: đế quốc Mỹ, hiếu chiến Pháp và tay sai của chúng (cụ thể là chính phủ Ngô Đình Diệm)"*¹... *"Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn hiện tại là: lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hoà bình, thực hiện tự do dân chủ (tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do đi lại, v.v.), cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quân chúng cách mạng, chống những hành động tiến công của địch, nguy, giữ lấy quyền lợi quân chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, nhất là ở những vùng căn cứ địa và vùng du kích cũ của ta"*². Căn cứ vào đặc điểm tình hình trong giai đoạn mới của cách mạng miền Nam, Bộ

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.15, tr. 273, 308.

Chính trị quyết định giải thể cơ quan Trung ương Cục, thành lập lại Xứ uỷ Nam Bộ.

2. Đấu tranh bảo toàn lực lượng - Xây dựng Đề cương cách mạng miền Nam

Thực hiện Nghị quyết ngày 7-9-1954 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về chuyển hướng công tác xây dựng đảng trong tình hình mới ở miền Nam, tháng 10-1954, tại căn cứ Chấn Bông trong rừng U Minh, Vĩnh Thuận, tỉnh Cà Mau, Hội nghị thành lập Xứ uỷ Nam Bộ được tiến hành.¹ Dự Hội nghị có các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam (cũ), đại diện các khu uỷ, tỉnh uỷ, cán bộ chỉ huy quân sự, lãnh đạo một số ban, ngành, đoàn thể của Trung ương Cục và Uỷ ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ. Hội nghị kéo dài hơn một tháng. Đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Lê Đức Thọ chủ trì Hội nghị.

Hội nghị nghe báo cáo về hoạt động chuyển quân tập kết và tình hình miền Nam; nghiên cứu, thảo luận kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu (khoá II), Nghị quyết tháng 9-1954 của Bộ Chính trị Đảng, và thông qua báo cáo của Trung ương Cục trước

1. Tuy Xứ uỷ Nam Bộ đã được thành lập, song trong thời gian tập kết quân đội, cán bộ từ miền Nam ra miền Bắc, Trung ương Cục miền Nam vẫn chỉ đạo hoạt động của các cấp bộ đảng tại Nam Bộ.

khi kết thúc nhiệm vụ. Hội nghị đề ra những nhiệm vụ cụ thể cho các cấp uỷ đảng ở Nam Bộ.

Về nhiệm vụ cụ thể của cách mạng miền Nam, Hội nghị nêu rõ: giữ gìn và củng cố hoà bình, đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, tiến tới thực hiện thống nhất, độc lập trong cả nước... Phương châm công tác của cách mạng miền Nam là: kết hợp công tác bí mật với công tác công khai và nửa công khai. Tổ chức và hoạt động của Đảng phải hết sức bí mật để lãnh đạo phong trào. Tổ chức và hoạt động của phong trào quần chúng thì cần lợi dụng các hình thức công khai và nửa công khai để mở rộng phong trào. Phải khôn khéo, không chủ quan khinh địch, tránh địch khiêu khích, đề phòng mật thám, luôn luôn giữ gìn và củng cố lực lượng. Ta chuyển hình thức đấu tranh từ quân sự sang đấu tranh chính trị, vì vậy phải củng cố phát triển cơ sở nông thôn, đẩy mạnh công tác đô thị, phối hợp chặt chẽ công tác đô thị với nông thôn.

Mục đích công tác của chúng ta không phải là trực tiếp đánh đổ chính quyền của đối phương mà bắt buộc chính quyền của đối phương phải thực hiện các quyền tự do dân chủ, trong đó có quyền tham gia trực tiếp vào chính quyền đối phương. Vì vậy, phải biết phối hợp công tác trong quần chúng với công tác trong các cơ quan chính quyền của đối phương.

Về tên của mặt trận, không lấy tên là Mặt trận Liên - Việt mà lấy tên là Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt

Nam, gọi tắt là Mặt trận Thống nhất. Mặt trận phải dựa trên cơ sở quảng đại quần chúng, các cơ quan ngôn luận, văn hoá, cả trong các tổ chức chính quyền của đối phương. Vì tình hình mới, nhiệm vụ và hình thức đấu tranh mới, nên khả năng đấu tranh của các giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo có sự thay đổi. Hội nghị đã phân tích vị trí, thái độ, khả năng đấu tranh của các giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo trong quá trình đấu tranh của Mặt trận. Từ đó đề ra đường lối chủ trương, chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, trí thức, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, các đảng phái, tôn giáo kháng chiến, công tác đối với đồng bào Khơme, Hoa kiều, đồng bào thiểu số và đồng bào miền Bắc di cư vào Nam.

Về công tác đảng, Hội nghị vạch rõ đặc điểm tình hình Đảng bộ miền Nam là từ một đảng có chính quyền, quân đội trở thành một đảng bị đặt vào tình thế phải hoạt động bất hợp pháp, bí mật, đối lập với chính quyền và quân đội địch. Đảng bộ miền Nam từ lãnh đạo đấu tranh vũ trang chuyển sang lãnh đạo đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ chuyển hướng công tác xây dựng đảng về tư tưởng tổ chức, phương hướng công tác đều xuất phát từ đặc điểm đó. Cần phải củng cố tư tưởng, tác phong của toàn Đảng bộ để đảm bảo công tác lãnh đạo.

Hội nghị chỉ rõ một số biểu hiện tư tưởng lệch lạc cần khắc phục là:

1. Tư tưởng cầu an, dao động, sợ gian khổ, sợ nguy hiểm đến sinh mạng của mình.

2. Tư tưởng phiêu lưu, khinh thường khủng bố của địch, thiếu cảnh giác.

3. Tư tưởng công thần, cá nhân anh hùng trong Đảng.

Những tác phong cần phải sửa chữa là:

- Thiếu bí mật.

- Thiếu báo cáo, điều tra, nghiên cứu học tập chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

- Kém ý thức cảnh giác, đề phòng mật thám.

Nhiệm vụ củng cố đảng theo phương châm trọng chất lượng hơn số lượng. Cần phát triển thêm chi bộ ở các thành phố, thị xã. Công tác củng cố, xây dựng chi bộ, kiện toàn cấp uỷ, điều chỉnh cán bộ theo yêu cầu của phong trào trong hoàn cảnh bí mật.

Hội nghị thành lập Xứ uỷ Nam Bộ tháng 10-1954 cũng là cuộc họp để chia tay. Các đồng chí Ung Văn Khiêm, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kính... đã từng hoạt động nhiều năm ở Nam Bộ ra miền Bắc nhận nhiệm vụ mới. Nhiều đồng chí khác tiếp tục ở lại Nam Bộ để xây dựng cơ sở, lãnh đạo phong trào. Hội nghị đã xác định rõ: việc đi hay ở đều là nhiệm vụ cách mạng cao cả, từ đó coi việc chuyển quân tập kết là sự bố trí lại lực lượng, chuẩn bị cho một thế trận đấu tranh mới.

Xứ uỷ Nam Bộ gồm các đồng chí: Lê Duẩn, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Xứ uỷ; Phạm Hữu Lầu, Phó Bí thư;

Hoàng Dư Khương, Thường trực Xứ uỷ. Các đồng chí trong Ban Thường vụ Xứ uỷ là: Phan Văn Đáng, Lê Toàn Thư, Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Văn Linh, Phạm Thái Bường, Nguyễn Minh Đường. Các đồng chí Xứ uỷ viên là Phạm Văn Xô, Phan Đức, Văn Viên. Các đồng Uỷ viên dự khuyết là: Võ Văn Kiệt, Võ Văn Khánh, Mai Chí Thọ.

Hội nghị thành lập Xứ uỷ Nam Bộ mở đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ là Hội nghị lần thứ nhất và cũng là kết thúc nhiệm vụ của Trung ương Cục miền Nam trong kháng chiến chống Pháp để chuẩn bị về tư tưởng, chủ trương và biện pháp chuyển hướng hoạt động của Đảng bộ Nam Bộ bước vào giai đoạn mới. Với bộ máy tổ chức gọn nhẹ, Xứ uỷ Nam Bộ đã bám trụ hoạt động kiên cường trong điều kiện bí mật để nắm sát tình hình cách mạng miền Nam, báo cáo kịp thời những diễn biến tình hình cho Trung ương để quán triệt và cụ thể hoá mọi chủ trương của Đảng trong chỉ đạo cách mạng miền Nam.

Tại Hội nghị, Xứ uỷ Nam Bộ còn quyết định chia Nam Bộ thành ba liên Tỉnh uỷ và Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn.

Liên Tỉnh uỷ miền Tây Nam Bộ bao gồm các tỉnh: Bạc Liêu, Long Châu Hà, Vĩnh Trà, Rạch Giá, Sóc Trăng, Cần Thơ. Đồng chí Phạm Thái Bường làm Bí thư.

Liên Tỉnh uỷ miền Trung Nam Bộ bao gồm các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Sa Đéc, Bến Tre, Gò Công, Long Xuyên, Châu Đốc, Kiến Phong, Kiến Tường. Đồng chí Nguyễn Minh Đường làm Bí thư.

Liên Tỉnh uỷ miền Đông Nam Bộ gồm các tỉnh: Gia

Định, Tây Ninh, Tân An, Thủ Biên, Bà Rịa. Đồng chí Phan Đức làm Bí thư, sau đó đồng chí ra Bắc chữa bệnh, đồng chí Mai Chí Thọ làm Bí thư.

Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư.

Việc kiện toàn tổ chức đảng ở Nam Bộ đã giúp Trung ương nắm vững hơn tình hình ở các địa phương, đồng thời tạo điều kiện để các đảng bộ tăng cường hơn nữa tính chủ động trong công tác.

Ngay sau Hội nghị thành lập Xứ uỷ, Đảng bộ Nam Bộ rút vào hoạt động bí mật và tập trung giải quyết hàng loạt công việc phải làm.

Mỹ sẽ hất cẳng Pháp và can thiệp trực tiếp vào miền Nam. Nhân dân ta sẽ phải đương đầu với tên đế quốc khổng lồ mà uy lực của nó bao trùm cả thế giới tư bản. Cách mạng miền Nam sẽ phải trải qua thời kỳ gian khổ và ác liệt hơn nhiều. Xứ uỷ xác định bằng mọi cách phải duy trì lực lượng chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới. Những cán bộ chưa bị lộ được phân công ở lại, nhanh chóng chuyển vào hoạt động bí mật. Vũ khí đạn dược được công khai chuyển lên tàu để đưa ra miền Bắc rồi đêm đến lại được bí mật chuyển xuống xuống nhỏ đưa vào bờ rồi phân tán và chôn giấu các nơi. Nhiều đồng chí sẽ trở lại thành phố tìm cách luồn sâu vào các cơ quan chính quyền của địch. Mọi việc đều đòi hỏi người lãnh đạo cao nhất và tập thể cấp uỷ phải quyết định nhanh chóng, thông minh và táo bạo. Những ngày

tháng bộn bề bao công việc phải lo toan đó, đồng chí Lê Duẩn vẫn không quên đề nghị chuyển 50.000 tấn gạo ra ủng hộ đồng bào miền Bắc đang bị nạn đói đe dọa và 10.000 tấn gạo giúp đỡ nhân dân Campuchia. Trong những chuyến tàu chuyển quân tập kết đó cũng đã có không ít những cán bộ, chiến sĩ an ninh, tình báo bí mật chuyển từ Bắc vào Nam để luôn sâu vào hậu phương quân địch chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài. Trong những năm đen tối dưới ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm, đồng chí Lê Duẩn đã nhìn thấy sự bức xúc vùng lên của quần chúng bị đàn áp, khủng bố và khả năng giành thắng lợi. Theo đồng chí, tinh thần yêu nước của người dân quyết tâm nổi dậy giành quyền làm chủ, trình độ giác ngộ của người lính cầm súng chiến đấu vì độc lập tự do là nhân tố quyết định sức mạnh tất thắng của chiến tranh cách mạng.

Lúc này, chính quyền ta quản lý một số vùng tự do cũ, ngoài ra còn giải phóng thêm thị trấn Cà Mau. Đồng chí Lê Duẩn và Thường vụ Xứ uỷ chỉ đạo các cấp nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định đình chiến, bố trí chuyển quân tập kết an toàn ở các điểm như: Hàm Tân, Cao Lãnh và Chác Bông. Cơ quan lãnh đạo được chuyển về Huyện Sở gần Thới Bình để tiện cho việc chỉ đạo. Những chuyến tàu chuyển quân tập kết kéo còi ròi bến như kéo theo cả nỗi đau xé ruột của kẻ ở, người đi. Những người ra đi giơ hai ngón tay vẫy chào người ở lại kèm theo lời hẹn ước: chúng tôi ra đi hai năm nữa

sẽ trở về¹. Đồng chí Lê Duẩn thấy lòng quặn đau và trào nước mắt. Một lần nữa đồng chí lại phải chia tay với những người thân. Chị Nga, cháu Vũ Anh và cả con trai, Lê Kiên Thành còn đang nằm trong bụng mẹ đã lên tàu tập kết ra Bắc. Từ ngày chuyển về Huyện Sử, đồng chí Lê Duẩn làm việc rất nhiều, nhất là về đêm. Đồng chí thường xuyên triệu tập nhiều hội nghị với các đồng chí lãnh đạo quân, dân, chính, đảng để bàn chuyển hướng về mọi mặt hoạt động cách mạng; triển khai những việc cụ thể như ai đi, ai ở; sắp xếp lại bộ máy cấp uỷ, tổ chức cơ sở của Đảng; tăng cường bộ máy tình báo để kịp gài người của ta vào hàng ngũ địch; chỉ đạo chôn giấu vũ khí như thế nào cho thuận lợi, khi cần có thể sử dụng được ngay. Bằng nhãn quan chính trị nhạy cảm, đồng chí lường trước kẻ thù sẽ phá hoại Hiệp định Giơnevơ nên đã tính tới khả năng phải kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang...

Vấn đề xây dựng và duy trì sự lãnh đạo của các tổ chức đảng và bảo tồn lực lượng có ý nghĩa sống còn đối với phong trào cách mạng. Gần 10.000 khẩu súng, điện đài đã được chôn giấu. Ngay từ tháng 8-1954, Tỉnh uỷ Tây Ninh đã được thành lập lại. Tỉnh uỷ Tây Ninh đã họp hội nghị tại ấp Lợi Hoà Đông thuộc xã An Tịnh, huyện Trảng

1. Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ, sau hai năm, hai miền Việt Nam sẽ tổ chức tổng tuyển cử chung để thống nhất đất nước.

Bảng. Hội nghị đã quán triệt chủ trương của Trung ương Cục về nhanh chóng chuyển hướng tổ chức, sắp xếp lại lực lượng cán bộ; lãnh đạo đấu tranh chính trị đòi địch thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ, quyết định đòi căn cứ của Tỉnh uỷ từ vùng rừng Cây Cầy xuống vùng nông thôn Trảng Bàng và Châu Thành.

Đảng bộ tỉnh lúc này có khoảng 3.000 đảng viên, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Khu uỷ miền Đông và tỉnh uỷ mới. Một số đồng chí tập kết ra Bắc, số đồng chí còn lại được phân công bố trí hoạt động trong các tổ chức hợp pháp, nửa hợp pháp và bí mật để tiếp tục lãnh đạo phong trào. Tỉnh uỷ đã củng cố các Huyện uỷ Châu Thành, Trảng Bàng, Dương Minh Châu, củng cố các chi bộ xã ấp, tiến hành chôn giấu vũ khí (trong đó có cả súng cối) như ở Dương Minh Châu chôn 105 khẩu, Trảng Bàng chôn 80 khẩu, Gia Lộc chôn 17 khẩu, Hiệp Thạch và Phước Trạch chôn 27 khẩu.

Ở Tây Ninh, đồng bào theo đạo Cao Đài chiếm tới trên nửa dân số. Trước âm mưu tiêu diệt giáo phái của địch, Tỉnh uỷ đã chủ trương đưa cán bộ vào hoạt động trong Toà thánh, tranh thủ các tầng lớp bên trên của Hội Toà thánh và chỉ cho họ biết kẻ thù chính là Mỹ - Diệm. Do có chủ trương chuyển hướng tổ chức kịp thời, Tỉnh uỷ và các cơ quan huyện uỷ vẫn kiên cường bám trụ trong dân. Các vùng căn cứ cũ ở Dương Minh Châu, Chiến khu Đ, Trảng Bàng, Bến Cầu và Tân Biên vẫn tồn tại và củng cố ngay trong vòng vây của địch.

Ở Khu VIII, nhiều cán bộ chính quyền, quân sự và công an có điều kiện bám dân đã được bố trí ở lại nhận nhiệm vụ mới. Lúc đó, số cán bộ thoát ly ở Khu VIII có tới 40.000 người. Số đi tập kết 10.000 người, số còn lại 30.000 người, trong đó có 12.000 là đảng viên (trong đó đảng viên xã, ấp đã chiếm tới 2/3). Số cán bộ đảng viên đã được các cấp uỷ bố trí ở khắp các vùng sâu, vùng tôn giáo, dân tộc, thị xã, thị trấn. Các cơ sở đảng được tổ chức gọn nhẹ, đề cao ý thức tổ chức kỷ luật. Một số khác sinh hoạt đơn tuyến, một số bí mật trong các cơ quan huyện uỷ, tỉnh uỷ.

Thời gian 300 ngày cho kế hoạch chuyển quân tập kết cứ trôi dần. Chỉ còn khu tập kết cuối cùng ở thị trấn Sông Đốc. Một buổi tối quăng tháng 1-1955, trước sự chứng kiến của Uỷ ban Giám sát quốc tế, đồng chí Lê Duẩn cùng các đồng chí Lê Đức Thọ, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Hưởng, Phạm Văn Bạch... lên chiếc tàu Ba Lan Kilinxki neo ở vàm Sông Đốc (Cà Mau) để tập kết ra Bắc. Đó là chuyến tập kết áp chót. Một cuộc tiễn đưa long trọng và cảm động được tổ chức trên cầu tàu. Đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Lê Đức Thọ tươi cười vẫy chào đồng bào, đồng chí ở lại. Một cụ già nói trong nước mắt: Các chú ra đi hãy để cò và Béc ở lại cho bà con. Theo nguyện vọng của đồng bào, các đồng chí ta đã gỡ cò và ảnh Béc để lại. Một nắm đất miền Nam cũng được chuyển lên tàu để mang ra kính dâng Bác Hồ. Đông đảo bà con đến dự lễ tiễn đưa, người nào nét mặt cũng đượm

buồn, nhiều người không cầm được nước mắt. Tàu kéo còi chuẩn bị rời bến. Khi màn đêm buông xuống, đồng chí Lê Duẩn ôm hôn đồng chí Lê Đức Thọ và căn dặn rằng: “Anh ra thưa với Bác là tất cả đồng bào, đồng chí ở trong này đều mong Bác sống lâu, mạnh khỏe. Cho tôi gửi lời chào Bác, anh Trường Chinh và tất cả các anh ngoài đó. Tình thế này thì dễ đến mười tám, hai mươi năm nữa anh em ta mới lại gặp nhau”¹.

Khoảng 12 giờ đêm, khi tàu chuẩn bị nhổ neo, các đồng chí Cao Đăng Chiếm và Văn Viên dùng tàu dò bí mật đón đồng chí Lê Duẩn trở lại đất liền. Xuống tàu trở về Thới Bình, rồi đến nhà cơ sở ở rạch Bà Đặng thì đã gần sáng. Ăn sáng xong, con gái bà chủ nhà khoảng 14 tuổi nhận ra và nói với ba của cháu: “Bác này là bác Lê Duẩn, con đã thấy hình ở Đập Đá, Huyện Sủ”. Thế là tối hôm đó, đồng chí Lê Duẩn xuống xuống đi theo hướng huyện Cái Nước về cơ sở nhà ông Mười Đỏ ở Tân Quảng, xã Tân Hưng Tây vào lúc nửa đêm. Chủ nhà bước ra chào: “Anh Ba!”. Đồng chí Lê Duẩn đổi tên là ông Chín và bắt đầu để râu.

Sau Hiệp định Giơnevơ, một lần nữa Nam Bộ lại đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Tháng 6-1954, bị Mỹ thúc ép, Quốc trưởng bù nhìn Bảo Đại phải đồng ý đưa Ngô Đình Diệm về miền Nam làm Thủ tướng ngự

1. *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.57.

quyền. Sau mấy chục năm, khi thu mình dưới bóng từ bi của Đức Chúa Trời, khi nương nhờ thế lực đồng đôa, Ngô Đình Diệm đã trở lại sân khấu chính trị miền Nam. Là một nhà độc tài với những tham vọng lớn, Ngô Đình Diệm đã đề ra một kế hoạch thu tóm quyền hành và củng cố thế lực.

Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, các thế lực phản động theo chân Pháp và Mỹ tràn vào Đồng Tháp Mười thả sức trả thù những người kháng chiến. Chúng đã liên tiếp gây ra cảnh đầu rơi máu chảy đối với đồng bào ta với âm mưu, mục đích là tiêu diệt nhanh Việt Minh và cộng sản để hoàn toàn chiếm giữ và kiểm soát chặt chẽ vùng Đồng Tháp Mười, xoá ảnh hưởng của cách mạng, của kháng chiến ở nơi đây. Tại huyện Mộc Hoá trong vòng một tuần đầu sau đình chiến, kẻ thù đã bắt 200 đồng bào, trong đó 72 người bị chúng tra khảo rồi thủ tiêu bằng cách xâu dây kẽm gai ném xác trôi trên kênh Dương Văn Dương và sông Vàm Cỏ Tây. Ở Thoại Sơn, quân của Hoà Hảo Cụt (tức Ba Cụt) tràn vào chiếm các xã Lương Phi, An Túc, Châu Lăng vùng Bảy Núi và tuyên bố xây dựng căn cứ chống cộng tại đây. Tháng 8-1954, Tỉnh trưởng Gò Công ra lệnh cho tay sai bắn vào đoàn biểu tình của quần chúng tay không kéo vào thị xã hoan hô hoà bình, hưởng ứng Hiệp định Giơnevơ, làm chết 20 người. Ngày 19-8-1954, bọn ác ôn ở huyện Bình Đại tỉnh Bến Tre đã xả súng bắn vào đoàn biểu tình của 15.000 người, làm chết hàng chục đồng

bào ta. Ở xã Thạch Tân, huyện Mỏ Cày, địch đã nổ súng vào đoàn người kéo lên quận làm 45 người chết, bắt giam 2.000 người. Ở các xã Bình Thạnh, Phong Thạnh, Long Xuyên, ngày nào chúng cũng kéo quân vây bắt cán bộ, khủng bố đồng bào, bắt 600 người, thủ tiêu 24 người. Ở quận lỵ Cao Lãnh, khi lực lượng tập kết vừa rút khỏi, địch đưa quân tới phá mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng còn tháo dỡ nhà hộ sinh, tượng đài liệt sĩ, các lớp học bình dân...

Cũng như nhiều địa phương khác trên khắp miền Nam, từ Quảng Trị, Thừa Thiên- Huế tới Nam Bộ, đồng bào, cán bộ ta bị Mỹ - Diệm tàn sát, khủng bố, gây nên nhiều cảnh thương tâm. Điều đó càng bộc lộ rõ âm mưu phá hoại Hiệp định đình chiến của chúng. Tình hình trên đã buộc Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ phải khẩn trương chuyển hướng hoạt động đấu tranh cho phù hợp với tình hình mới để bảo tồn lực lượng.

Dựa vào quan thầy Mỹ, được một số đơn vị quân đội và những giáo dân bị lừa gạt ủng hộ, Ngô Đình Diệm đã mở hàng loạt chiến dịch loại trừ những thế lực thân Pháp có ý định chống đối như: Cao Đài, Hoà Hảo, lực lượng Bình Xuyên. Vốn thâm thù với chủ nghĩa cộng sản, gia đình họ Ngô coi lực lượng kháng chiến của nhân dân ta như những kẻ tử thù. Hiệp định Giơnevơ vừa ký chưa ráo mực, chúng đã gây ra những vụ thảm sát đẫm máu đối với đồng bào ta ở Hướng Điền, Vĩnh Trinh, Chợ Đước... Nhiều người dân yêu

nước bị giết hại dã man. Khi những chuyến tàu chuyển quân tập kết cuối cùng kéo còi rời bến, những cuộc lùng sục, bắt bớ, giam cầm diễn ra suốt ngày đêm trên khắp miền Nam. Nhiều đồng chí ta chưa kịp chuyển vùng để rút vào bí mật đã sa vào tay giặc. Không ít đồng bào, đồng chí đã hy sinh. Binh lính địch tràn cả vào bưng biển Đồng Tháp và các cánh rừng U Minh. Chúng chiếm đóng lại các đồn bốt cũ của Pháp. Chúng lùng sục bắt thanh niên đi lính chống lại đồng bào. Chúng hù dọa, mua chuộc người tham gia các tổ chức gián điệp, các tổ chức chính trị phản động ở nông thôn như “Lực lượng bảo vệ hương thôn”, “Phong trào cách mạng quốc gia”, “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ đồng phục”... Đêm đêm, khắp các thôn cùng xóm vắng, tiếng mõ giục mọi người đi họp “tổ cộng” nghe nhói buốt trong tim. Xã hội miền Nam khắp thành thị, nông thôn, từ các vùng chài lưới ven biển đến cao nguyên đất đỏ xa xôi như trong cơn hoảng loạn. Người Pháp buộc phải tính đến chuyện tìm người thay thế Ngô Đình Diệm. Nhưng rồi ma lực của đồng đôla và của cơ quan tình báo CIA của Mỹ đã giúp đỡ Ngô Đình Diệm tồn tại. Ngày 23-10-1955, chúng dựng màn kịch “trưng cầu dân ý” rồi “bầu cử Quốc hội” chính thức phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống. Chưa đầy một năm, Mỹ đã căn bản đạt được mục đích biến miền Nam thành vùng đất thuộc địa kiểu mới với công thức đồng đôla cộng với bộ máy ngục quyền tay sai.

Nhận nhiệm vụ mới và sau khi chia tay với đồng chí, đồng bào cùng với người thân trong gia đình, đồng chí Lê Duẩn lại lặn lội khắp các tỉnh miền Tây để sắp xếp lại bộ máy tổ chức đảng, tiếp tục phát động quần chúng đấu tranh chống âm mưu của địch. Không quản ngại khó khăn, gian khổ và sẵn sàng chấp nhận sự hy sinh, đồng chí lại đến với đồng bào cùng chia sẻ nỗi đau mất mát và xây dựng lại lực lượng cách mạng. Đồng chí thường ở trần, để râu dài với chiếc khăn rằn quấn khắc trên đầu như một ông già Nam Bộ làm nghề buông câu trên sông nước. Thực hiện nghị quyết của Hội nghị Xứ uỷ, đồng chí Lê Duẩn trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng lại hệ thống các cơ quan của Đảng. Theo đề nghị của đồng chí, các nơi thực hiện kế hoạch “điều lắng”: những cán bộ công tác ở địa phương đã lộ mặt cần chuyển ngay đến nơi khác. Những đồng chí ít bị lộ mặt hơn phải nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật.

Thời gian này, đồng chí Cao Đăng Chiếm phụ trách an ninh liên tỉnh miền Tây cùng với một số đồng chí ở căn cứ Bạc Liêu chịu trách nhiệm bảo vệ vòng ngoài cho đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Xứ uỷ. Để giữ bí mật, đồng chí Lê Duẩn thường xuyên phải thay đổi chỗ ở từ Tân Hưng Tây đến Rạch Vộp, kênh Đồn Đông, kênh 5 Khai Long, Rạch Gốc rồi về U Minh Hạ, Thới Bình, Kênh Ngang, Rạch Ruộng, Rạch Cui... Nơi ở lâu là Rạch Vộp, nhà ông Năm Diêm vì căn cứ này

thuận tiện và kín đáo hơn cả. Các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Hữu Lầu, Hoàng Dư Khương, Võ Văn Kiệt thường đến làm việc với đồng chí Lê Duẩn tại đây.

Khoảng tháng 5-1955, đồng chí Lê Duẩn đến kênh 5 Khai Long gần sát biển để chữa bệnh. Vì vậy, đồng chí Phạm Văn Xô cũng đưa từ Sông Đốc xuống Khai Long một ghe lưới làm điểm gặp gỡ đồng chí Lê Duẩn, đồng thời tham gia vào việc cảnh giới. Cứ vài ba ngày đồng chí Phạm Văn Xô lại đưa đồng chí Lê Duẩn ra nghỉ tại đảo Hòn Khoai. Anh em nhổ một số cây thuốc tại đây đem về chữa bệnh thông thường cho dân. Đồng chí Lê Duẩn đóng vai thầy lang để giao thiệp công khai với một số gia đình tốt ở vùng này. Khoảng cuối năm 1955, "ông Chín" nhận được mật báo: Địch đã biết đồng chí Lê Duẩn ở lại miền Nam, chúng đang truy tìm, bằng cách lần dò theo bước chân của những người đi theo.

Thực hiện chủ trương của Đảng về công tác củng cố và xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam, đồng chí Lê Duẩn và Xứ uỷ đã khẩn chương chỉ đạo công tác xây dựng, sắp xếp lại các cơ quan tỉnh uỷ ở Nam Bộ. Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, tại các tỉnh Nam Bộ, hàng chục nghìn cán bộ, đảng viên và chiến sĩ quân đội được bố trí ở lại, chiếm hơn phân nửa số lượng chung. Đó là những hạt nhân quy tụ quần chúng cách mạng. Tại Bến Tre, 2.000 đồng chí ở lại bám dân. Tại Tây Ninh, hầu hết cán bộ, chiến sĩ ngành an ninh đều ở lại.

Tại Bạc Liêu, Cà Mau, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ uỷ, từ giữa năm 1955 đã xây dựng được những đơn vị vũ trang dưới danh nghĩa những *Đội bảo vệ hoà bình*. Quần chúng cách mạng ở nông thôn được tập hợp lại trong các hội biến tướng như *Hội đá banh*, *Hội múa lân*, *Hội đồn ca*, *Hội đình*, *Hội chùa*, *Hội hiếu*, *hội hỷ*, *Hội vận cày*, *Hội vận cấy*... Tổ chức đảng ở cơ sở được chia thành chi bộ A ở vùng địa hình và chi bộ B ở trong quần chúng. Cán bộ, đảng viên được phân công bám sát địa bàn công tác, dựa chắc vào dân, phân loại quần chúng để tuyên truyền, vận động cách mạng theo phương thức “xâu chuỗi”. Nhiều cán bộ, đảng viên được phân công thâm nhập vào các cơ quan thuộc hệ thống bộ máy nguy quyền. Nhờ mưu trí và lòng can đảm, nhiều đồng chí của ta đã nắm giữ những cương vị quan trọng trong hàng ngũ địch như trong các tổ chức dân vệ, bảo an, cảnh sát, từ hội đồng hương xã ở nông thôn đến cấp huyện, tỉnh. Tại Bến Tre, chúng ta đã xây dựng được 2.000 cơ sở binh vận trong quân đội Sài Gòn.

Trong bối cảnh lịch sử mới, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở Nam Bộ từng bước được gây dựng lại. Những cuộc mít tinh, biểu tình, gửi thư từ kiến nghị đòi hoà bình, đòi phải thực hiện những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ liên tiếp diễn ra. Hiệp định ký ngày 20-7-1954 thì ngày 1- 8 năm đó, hơn 5.000 trí thức và đồng bào lao động Sài Gòn - Chợ Lớn

rầm rộ xuống đường đấu tranh nêu cao ý chí và nguyện vọng hoà bình, đòi thi hành những điều khoản của Hiệp định và vạch trần bộ mặt phátxít của bè lũ Ngô Đình Diệm. Phong trào hoà bình ở Sài Gòn - Chợ Lớn đã diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như biểu tình, mítting, kiến nghị, hội thảo, ra báo, bầu ban chấp hành ở bên trên và hàng trăm uỷ ban hoà bình ở cơ sở. Phong trào đã lôi kéo đông đảo quần chúng tham gia, kéo dài đến hết năm 1954 và gây được tiếng vang lớn. Đồng chí Lê Duẩn viết: “Nguyện vọng thiết tha của nhân dân miền Nam là giữ gìn hoà bình, thực hiện thống nhất đất nước. Chúng ta phải thấy rõ nguyện vọng hoà bình ấy của nhân dân. Chính phong trào cách mạng miền Nam có thể phát động lên và đi đến thành công được căn bản là do ta nắm chặt ngọn cờ hoà bình hợp với lòng dân”¹.

Sau khi đã củng cố được thế lực, chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm công khai xé bỏ Hiệp định Giơnevơ. Tại Nam Bộ, chúng o ép quần chúng vào những khu dinh điền, mở hàng loạt chiến dịch “diệt cộng” như: Thoại Ngọc Hầu, Bình Minh, Nguyễn Huệ, Đinh Tiên Hoàng, Trương Tấn Bửu... Chúng không từ một thủ đoạn nào để đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng. Ở miền Tây Nam Bộ, Nguyễn Lạc Hoá cầm đầu đám tàn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 17, tr. 799.

quân của Tưởng Giới Thạch nổi lên như một bầy ác quỷ với những tội ác rùng rợn: hút máu, cắt tai, móc mắt, mổ bụng, moi tim gan đồng loại.

Thời gian này, đồng chí Lê Duẩn vẫn thường đi lại giữa hai tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau. Do yêu cầu công việc, công tác bí mật không giữ được kín mãi, nhiều người đã nhận ra sự xuất hiện của đồng chí Bí thư Xứ uỷ. Nhưng rồi chính sự có mặt của đồng chí giữa lúc phong trào đang trong cơn giông bão đã giữ vững và củng cố niềm tin vào thắng lợi và là nguồn động viên, khích lệ lớn lao cho tất cả mọi người. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng sôi động của mình, đồng chí đã trải qua biết bao ngày trần trở, bao nỗi lo toan, nhưng chắc chưa bao giờ thấy trĩu nặng như lúc đó. Sau này đồng chí thường nhắc lại: nước Việt Nam lúc ấy như hình ảnh của một thế giới thu hẹp lại. Nơi đây sẽ diễn ra một cuộc đụng đầu lịch sử giữa những lực lượng cách mạng tiên tiến nhất với một tên đế quốc khổng lồ. Đồng chí Lê Duẩn vừa lặn lội khắp nơi để chỉ đạo phong trào, vừa trần trở suy nghĩ đến những bước đi lâu dài của cách mạng miền Nam.

Dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta phát triển thêm những nội dung mới. Từ chủ trương đấu tranh bảo vệ hoà bình đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, quần chúng đã tham gia đấu tranh chống những hành động của chính quyền Ngô Đình Diệm trả thù, đàn áp bằng các chiến dịch “tố

cộng”, “diệt cộng”. Những cuộc mít tinh, biểu tình có tổ chức tự vệ đã mang tính bạo lực cách mạng. Tại nhiều nơi, đồng bào đã dùng gậy gộc, gạch đá chống lại sự đàn áp của binh lính, cảnh sát. Những tổ chức tự vệ công khai được thành lập dưới nhiều hình thức như đội phòng cháy chữa cháy, các đội “dân canh chống cướp”. Đây là những lực lượng nòng cốt ban đầu của những tổ chức vũ trang ở địa phương. Ở nhiều nơi nhân dân công khai đập phá các bàn phiếu của địch phản đối các trò hề bầu cử, đập phá trụ sở tề xã, xé bỏ cờ ngụy. Để tránh sự khủng bố của địch, nhiều cán bộ, đảng viên, bộ đội cũ và những quần chúng trung kiên đã bỏ vào bưng biển, vào các miền rừng núi lập ra những “làng rừng”, những “căn cứ lồi”, vừa sản xuất tự túc, vừa đánh địch để tự vệ. Những “làng rừng”, “căn cứ lồi” như vậy cứ tồn tại và lớn dần cho đến ngày đồng khởi. Tại các vùng có đạo, thanh niên bí mật thu gom súng đạn của bọn lính các lực lượng Cao Đài, Hoà Hảo vứt bỏ. Nhiều đồng chí lén khai lại những kho vũ khí, máy móc đã chôn trước đây với lòng căm thù nung nấu, sục sôi. Đến năm 1955, về cơ bản, bộ máy chỉ đạo của Đảng từ Xứ uỷ đến liên tỉnh uỷ, huyện uỷ, chi bộ được sắp xếp lại. Các chi bộ được phân thành loại A và B. Để duy trì hoạt động trong tình hình mới, những đồng chí bị lộ thì thực hiện “điều lắng”, chuyển sang địa phương khác, hoặc tạm ngừng hoạt động. Việc đưa người của ta vào hoạt động trong các tổ

chức dịch cũng được chú ý. Xứ uỷ còn chủ trương lợi dụng danh nghĩa các giáo phái để duy trì lực lượng vũ trang chống Mỹ - Diệm, tránh để dịch viện có phá hoại Hiệp định Giơnevơ.

Đúng vào thời điểm đó, đồng chí Lê Duẩn quyết định chuyển địa bàn công tác vào giữa lòng thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Theo quyết định của Trung ương, Sài Gòn - Chợ Lớn đã sáp nhập với Gia Định. Số cán bộ, đảng viên của đặc khu lúc đó đã lên tới con số 3.000 người. Phong trào đấu tranh công khai đang phát triển sâu trong thành phố. Sài Gòn - Chợ Lớn đã là quê hương của phong trào học sinh, sinh viên, phong trào toàn quốc chống Mỹ trong những ngày kháng chiến chống Pháp, nay lại đi đầu trong những cuộc đấu tranh vì hoà bình và cứu trợ nạn nhân chiến tranh. Hàng chục vạn người rầm rộ xuống đường biểu dương lực lượng trong những ngày Quốc tế Lao động 1-5, ngày kỷ niệm ký kết Hiệp định Giơnevơ... Nhưng cũng do thiếu sự chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời nên phong trào cũng bộc lộ những nhược điểm của tư tưởng chủ quan, sớm phô trương lực lượng, thiếu cảnh giác đối với những âm mưu, thủ đoạn của địch.

Tháng 11-1955, cải trang thành một ngư dân Nam Bộ trong bộ bà ba đen, tấm khăn rằn và bộ râu dài chấm ngực, đồng chí Lê Duẩn rời vùng căn cứ địa rừng U Minh lên ghe lưới về Bến Tre bằng con đường công

khai. Vì nguyên tắc bảo vệ cán bộ, đồng chí ít có dịp thực hiện những chuyến đi như vậy. Vững tin ở sự dày dặn của bản thân mình và sự chí cốt của đồng bào, đồng chí như thấy mình đang đi giữa lòng dân. Mỗi lần xuống ghé bến nghỉ để mua đồ ăn thức uống, đồng chí lại lên bờ hoà nhập vào dòng người xa lạ mà gần gũi đang vất vả lo toan cuộc sống.

Đồng chí Lê Duẩn đã chọn Bến Tre - một tỉnh có vị trí khá thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở cách mạng, để dừng chân khảo sát thực tiễn phong trào cách mạng. Bến Tre nằm thu mình giữa hai dòng sông lớn là Tiền Giang và Hàm Luông, đất đai màu mỡ thích hợp với các loại cây ăn quả nhiệt đới. Rừng cây trái bốn mùa tươi xanh trải dài ngút tầm mắt theo những kênh rạch đỏ phù sa. Quân dân Bến Tre có truyền thống kiên cường trong kháng chiến chống Pháp. Sau Hiệp định Giơnevơ, phong trào cách mạng ở đây đã được khôi phục và phát triển. Những ngày ở Bến Tre, đồng chí Lê Duẩn thường làm việc và ăn ở tại xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày. Đồng chí dành nhiều thời gian trao đổi với các đồng chí Nguyễn Văn Khuốc, Bí thư Tỉnh uỷ và Lê Văn Chót, Phó Bí thư Tỉnh uỷ về phương hướng xây dựng và phát triển phong trào cách mạng. Đồng chí nhấn mạnh vai trò quan trọng mang tính chất quyết định của tư tưởng bạo lực cách mạng trong phương pháp đấu tranh giành chính quyền. “Đồng chí đã giúp Tỉnh

uỷ nhận rõ định hướng phát triển của phong trào, vấn đề xây dựng và gom tích thực lực, quan điểm giải quyết những vấn đề cơ bản của cách mạng trong điều kiện ta không có chính quyền để nắm quần chúng, duy trì phong trào đấu tranh, tạo điều kiện chuyển lên khi xuất hiện thời cơ cách mạng. Những vấn đề trên đồng chí đã suy nghĩ và thể hiện trong bản *Đề cương cách mạng miền Nam* mà đồng chí bắt đầu khởi thảo trong thời gian ở Bến Tre¹.

Thực hiện chủ trương của Xứ uỷ và chỉ thị của đồng chí Lê Duẩn, Đảng bộ Bến Tre đã xây dựng được một lực lượng chính trị đông đảo, trong đó chị em phụ nữ chiếm tới 80%. Cùng với lực lượng đấu tranh chính trị, những đội vũ trang bí mật cũng được xây dựng đã hỗ trợ tích cực trong các cuộc đấu tranh chống khủng bố, bảo vệ các cơ sở cách mạng. Từ thực tiễn phong trào đấu tranh của nhân dân Bến Tre, tháng 12-1956, đồng chí Lê Duẩn đã cùng tập thể Xứ uỷ Nam Bộ phác thảo phương hướng đi lên của cách mạng miền Nam: "...Do nhu cầu của cách mạng miền Nam, trong một chừng mực nào đó cần phải có lực lượng vũ trang tự vệ tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau

1. Lê Duẩn - một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 944.

này dùng lực lượng vũ trang đó làm cách mạng lật đổ Mỹ - Diệm, con đường tiến lên cách mạng miền Nam là phải dùng bạo lực khởi nghĩa giành chính quyền”¹.

Cũng từ thế đứng của phong trào đấu tranh cách mạng ở Bến Tre, đồng chí Lê Duẩn đã phác thảo ra những nét chấm phá đầu tiên cho bước đi cơ bản của sự nghiệp đấu tranh giải phóng toàn miền Nam. Sứ mệnh lớn lao đó là sự nghiệp của đồng bào cả nước. Phải xây dựng miền Bắc vững mạnh thành hậu phương lớn và chi viện có hiệu quả cho cách mạng miền Nam. Ngày ngày len lỏi giữa những rừng dừa, những bãi sù, bãi bần bạt ngàn và kín đáo ven sông, trong nếp nghĩ của đồng chí Bí thư Xứ uỷ đã hiện lên những tính toán táo bạo về việc xây dựng một con đường xuyên biển từ Bắc vào Nam và từ Nam ra Bắc, bất chấp gió bão và bom đạn của kẻ thù. Sang đầu tháng 5-1956, địch bắt đầu đánh phá mạnh cơ sở của ta ở Bến Tre. Để bảo đảm an toàn, ngày 14-7-1956, đồng chí Lê Duẩn rời Bến Tre lên Sài Gòn .

Sau 10 năm, đồng chí mới trở lại thành phố vừa thân thiết vừa xa lạ. Sài Gòn - Chợ Lớn vừa ồn ào, náo nhiệt, vừa căng thẳng đến nhức nhối. Ngô Đình Diệm đã kịp loại trừ các lực lượng chống đối, thiết lập một bộ máy cai trị độc tài. Nhưng gia đình họ Ngô cũng kịp

1. *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr. 33.

nhận thấy phong trào cách mạng của quần chúng không những không bị tiêu diệt mà đã khôi phục và ngày càng phát triển. Diệm lựa chọn những tay chân thân tín để đưa vào bộ máy công an, mật vụ. Những con mắt cú vọ của bọn phản bội xoi mói khắp các bến xe, chợ búa, đường phố, công viên. Các đồng chí trong Thành uỷ bí mật đã bố trí cho đồng chí Lê Duẩn ở tại số nhà 29, Huỳnh Khương Ninh, phường Đa Kao, quận 1. Đồng chí Lê Duẩn đã cắt bỏ bộ râu dài và trở thành người dân thành phố chính hiệu, nhàn tản như một bậc cha chú đứng tuổi từ miền Trung vào thăm con cháu. Nhưng trong nội tâm con người đồng chí lúc nào cũng nung nấu những ý nghĩ sục sôi. Những nét đại cương của đường lối cách mạng miền Nam đã hình thành. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đang hoạt động trong nội thành thường xuyên đến làm việc với đồng chí Lê Duẩn. Niềm vui bởi sự khởi sắc của phong trào với nỗi đau của những hy sinh, mất mát cứ chồng chéo vào nhau. Đồng chí chưa kịp đến điểm hẹn gặp đồng chí Nguyễn Đức Thuận để bàn về việc triệu tập hội nghị Xứ uỷ thì đã nhận được tin đau buồn: người cộng sự gần gũi của mình đã sa vào tay giặc.

Số nhà 29 Huỳnh Khương Ninh, phường Đa Kao, quận 1 là địa điểm mới của Văn phòng Xứ uỷ do đồng chí Lê Toàn Thư lãnh đạo. Căn hộ này thuê của một người Ấn Độ, ngang 4m dài 20m, có cửa hậu, phía sau là

con hẻm chạy song song với đường Huỳnh Khương Ninh. Nghi trang bên ngoài là gia đình một viên chức bậc trung, có già, có trẻ con, có nam, có nữ, có người đi dạy học. Về mặt bảo vệ người, có giường hai ngăn, có cửa hậu trên trần nhà ăn thông với con hẻm chạy song song với đường Huỳnh Khương Ninh. Về bảo vệ tài liệu, có một hầm nhỏ phía dưới bếp nơi để than, tủ ăn có ngăn bí mật cất giấu tài liệu hàng ngày, lúc cấp bách có hầm cầu, nhà vệ sinh, cống thoát nước để thủ tiêu tài liệu. Nơi đây không đào hầm bí mật để giấu người được. Tại căn nhà này, tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn đã hoàn thành cơ bản văn kiện *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam* (gọi tắt là *Đề cương cách mạng miền Nam*).

Mở đầu bản *Đề cương* nhắc lại những nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải thực hiện là xây dựng hậu phương lớn miền Bắc vững mạnh, đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam và tranh thủ sự giúp đỡ của cách mạng thế giới. Cách mạng miền Nam sẽ trực tiếp đánh đổ chế độ độc tài, phátxít Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ. Cách mạng miền Nam gắn chặt với công cuộc xây dựng miền Bắc vững mạnh và là một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hoà bình và chủ nghĩa xã hội. Tình hình trong nước và trên thế giới lúc đó rất phức tạp, không ít

người còn trông chờ vào xu hướng hoà hoãn và nuôi ảo tưởng hoà bình, việc xác định con đường phát triển cách mạng miền Nam có nhiều khó khăn. Từ sự phân tích sâu sắc về bản chất của kẻ thù và qua những năm tháng trực tiếp chỉ đạo phong trào quần chúng, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: “Để chống lại Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có một con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác”¹.

Bản *Đề cương* vạch rõ, chính quyền miền Nam lúc đó chính là chủ nghĩa thực dân kiểu mới do đế quốc Mỹ nặn ra và nuôi dưỡng. Chế độ Mỹ - Diệm đã chà đạp thô bạo lên mọi quyền lợi của quần chúng lao động từ quyền sống, tự do, dân chủ, quyền được bảo vệ tính mạng và tài sản đến những quyền lợi thiêng liêng như hoà bình, thống nhất Tổ quốc. *Đề cương* chỉ rõ: “Mục đích cách mạng của miền Nam còn phải đánh đổ chính quyền độc tài, phátxít Mỹ - Diệm, thực hiện một chính quyền liên hiệp dân chủ có tính chất dân tộc độc lập, để giải phóng nhân dân miền Nam ra khỏi ách đế quốc phong kiến độc tài phátxít Mỹ - Diệm để cùng với toàn quốc thực hiện hoà bình, thống nhất, độc lập dân tộc”². *Đề cương* trình bày những bài học kinh nghiệm quý giá được rút ra từ

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.17, tr. 785, 787.

quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng:

1. Phải có một thực lực cách mạng bên trong thì mới kịp thời sử dụng được có hiệu quả thời cơ bên ngoài.

2. Phải có một đảng cách mạng đứng trên lập trường giai cấp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, theo chủ nghĩa Mác-Lênin, lãnh đạo phong trào cách mạng dân tộc giải phóng thì cách mạng mới thành công.

3. Phải xây dựng khối công - nông liên minh sâu rộng vững chắc.

4. Xây dựng, củng cố, phát triển mặt trận dân tộc thật rộng rãi.

5. Phải biết khai thác những mâu thuẫn nội bộ địch, để làm yếu địch, để gây lực lượng của ta ngay trong lòng địch, để cô lập địch.

Đề cương *Đường lối cách mạng miền Nam* đã được Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ thảo luận và được phổ biến cho các cấp uỷ đảng.

Cách mạng miền Nam đang trải qua những thử thách gay go. Quân thù còn chưa phơi bày hết bộ mặt đao phủ tàn bạo. Hướng đi lên của phong trào vẫn đang cần được định hướng. Bản *Đề cương* đã giúp cho cán bộ, đảng viên ở miền Nam khắc phục được những tư tưởng mơ hồ, thấy rõ được trách nhiệm nặng nề của người chiến sĩ cách mạng, nhìn nhận rõ bản chất của kẻ thù và nhất là thấy được hướng đi lên của phong trào cách mạng, vững tin ở Đảng, ở thắng lợi cuối cùng. Bản *Đề*

cương là một văn kiện quan trọng góp phần chuẩn bị cơ sở lý luận và tư tưởng chính trị để hình thành Nghị quyết Trung ương 15 theo tinh thần của Đề cương, các đảng bộ miền Nam đã có ý thức chuẩn bị lực lượng và khả năng vũ trang cách mạng trong khi chờ đợi khả năng chính thức của Trung ương.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 6-1956, tư tưởng của bản Đề cương cách mạng miền Nam, cuối tháng 12-1956 đến tháng 1-1957, Xứ uỷ Nam Bộ đã họp Hội nghị lần thứ hai để nhận định tình hình và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trước mắt cho toàn Đảng bộ. Trước sự lung sục gắt gao của Mỹ - Diệm, nhiều đảng viên bị sa vào tay giặc, vì vậy Hội nghị không có điều kiện họp ở trong nước mà phải họp ở Phnôm Pênh, (Campuchia). Dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Duẩn, Hội nghị đã thảo luận, phân tích, đánh giá tình hình miền Nam và bàn một số chủ trương đấu tranh trước mắt. Hội nghị nhận định: “Cách mạng miền Nam đang bị chìm trong bể máu cho nên đã đến lúc miền Nam phải tổ chức lực lượng vũ trang, trước hết là vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để chống lại bạo lực của kẻ thù”. Hội nghị đã đề ra ba nhiệm vụ cần kíp trước mắt của Đảng bộ:

1. Chống chính sách phátxít của Mỹ-Diệm về chính trị và kinh tế, đòi tự do cơm áo.
2. Chống chính sách gây chiến, đòi hoà bình thống nhất, trước hết đòi lập lại quan hệ hai miền Nam - Bắc.

3. Xây dựng thực lực của ta, chủ yếu là củng cố đảng, tăng cường uy thế và vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố khối công - nông liên minh, mở rộng Mặt trận Dân tộc Thống nhất; đi sâu vào cơ sở quân đội và chính quyền Ngô Đình Diệm.

Căn cứ vào tương quan lực lượng giữa cách mạng miền Nam và Mỹ - Diệm, Xứ uỷ Nam Bộ nêu phương hướng tranh đấu hiện tại là chặn bàn tay phát xít, chặn âm mưu gây chiến của Mỹ - Diệm để đòi một số quyền lợi thiết thực, cấp bách của quần chúng. Trả lời câu hỏi đặt ra về phương thức đấu tranh, đồng chí Lê Duẩn và một số đồng chí trong Thường vụ Xứ uỷ nêu phương thức đấu tranh "tương đối hoà bình" để giữ vững và phát triển phong trào, chống địch khủng bố. Xứ uỷ nêu ra các công tác và nhiệm vụ của năm 1957:

- Các tỉnh uỷ phải tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhận thức rõ đây là một công tác cách mạng căn bản nhất, là một vũ khí căn bản nhất để đấu tranh đánh quân thù, trong giai đoạn hiện tại: tổ chức đảng các cấp, cho đến các đảng viên đều phải không ngừng tuyên truyền cách mạng.

Công tác tuyên truyền chủ yếu là hình thức tuyên truyền miệng. Xứ uỷ ngừng ra báo *Hoà bình thống nhất*, bản *Tin tức miền Nam* mà ra những tập sách tuyên truyền nhỏ. Tỉnh bỏ tờ báo tỉnh, ra tờ thông tin ngắn gọn để phản tuyên truyền của địch.

- Đảng viên phải nắm vững quần chúng, phải mở rộng

công tác Mặt trận Dân tộc thống nhất, củng cố liên minh công - nông, chú ý vận động phụ nữ tham gia cách mạng.

- Về phương thức đấu tranh: Xứ uỷ yêu cầu các địa phương trong từng lúc, từng địa phương mà đưa ra khẩu hiệu và mức độ đấu tranh cho thích hợp.

- Công tác đảng năm 1957 nhằm thực hiện ba yêu cầu lớn: *một là*, xây dựng tư tưởng cho đảng viên; *hai là*, giáo dục đường lối, chính sách và chủ nghĩa Mác-Lênin cho cán bộ, đảng viên; *ba là*, xây dựng tác phong và phương pháp công tác cách mạng, chỉnh đốn tổ chức và lề lối làm việc, tăng cường đoàn kết, đề cao kỷ luật.

Công tác đảng tập trung nhằm xây dựng lòng tin vào tiền đồ cách mạng, tinh thần chiến đấu, khí tiết, kiến thức về đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ kết luận: Với đế quốc Mỹ, phátxít Diệm không thể trông mong cầu xin mà phải đấu tranh, muốn đấu tranh phải có thực lực.

Tại Hội nghị này, đồng chí Lê Duẩn đã trình bày dự thảo *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam* để lấy ý kiến đóng góp, chuẩn bị báo cáo với Trung ương.

Tranh thủ trao đổi với các đồng chí dự Hội nghị về nhiều vấn đề quan trọng, trong đó điều đồng chí tâm đắc nhất là phải dựa chắc vào nhân dân để xây dựng thực lực cách mạng. Chỉ có trận địa lòng dân mới đảm bảo thắng lợi cuối cùng. Đồng chí nhận định âm mưu và thủ đoạn

của địch sẽ còn thâm độc và tàn ác hơn nhiều. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống Mỹ - Diệm sẽ còn khó khăn, gian khổ nhiều hơn nữa. Sau khi phân tích tương quan lực lượng giữa ta và địch, căn cứ vào phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, đồng chí chỉ rõ: phải đẩy mạnh phong trào đấu tranh công khai chống âm mưu và những thủ đoạn phản dân hại nước của chính quyền Ngô Đình Diệm trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, đòi tự do, cơm áo, bảo vệ quyền lợi về dân sinh, dân chủ cho nhân dân; đẩy mạnh phong trào đấu tranh đòi hoà bình thống nhất Tổ quốc, lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc; đẩy mạnh mọi hoạt động để xây dựng thực lực cho phong trào cách mạng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng khối liên minh công - nông, mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân, thức tỉnh lòng yêu nước và tinh thần dân tộc của những người trong bộ máy ngụy quân, ngụy quyền.

Sau Hội nghị, khoảng tháng 2-1957, tại cơ quan Xứ uỷ gần biên giới Campuchia, đồng chí Lê Duẩn và một số đồng chí trong Xứ uỷ Nam Bộ đã có hai đợt làm việc với các đồng chí lãnh đạo Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí đã nghe báo cáo và góp nhiều ý kiến về hoạt động của Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và gợi ý một số nhiệm vụ cho Khu uỷ là phải phát triển thực lực, xây dựng lực lượng nòng cốt cho cách mạng; phải khéo giữ bí mật, tránh bộc lộ lực lượng, đề phòng địch phá hoại.

Cuối tháng 4-1957, đồng chí Lê Duẩn ra Bắc nhận nhiệm vụ mới, đồng chí Phạm Hữu Lầu được cử thay làm Quyền Bí thư Xứ uỷ.

Cuộc đời hoạt động cách mạng đầy gian truân và sóng gió của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với những chuyến ra đi, những cuộc chia tay với bạn bè, đồng chí, người thân.

Năm xưa, trên đường qua Campuchia để ra Việt Bắc công tác, Tướng Nguyễn Bình đã hy sinh vì vô tình lọt vào ổ phục kích của địch. Lần này, chuyến đi của đồng chí Lê Duẩn bằng đường bộ cũng không thành vì thời gian đã xoá nhoà đi những dấu vết của đường cũ. Tổ chức chưa nối lại được những cơ sở bí mật giữa một dải núi rừng dân cư thưa thớt.

Khoảng đầu tháng 5-1957, nữ đồng chí Hồ Anh, một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc đã hoạt động tại Việt Nam, qua đường Băng Cốc vào Phnôm Pênh, chuyển cho đồng chí Lê Duẩn mật thư có chữ ký của đồng chí Phạm Hùng viết từ Hà Nội. Đồng chí Lê Duẩn sẽ đi bí mật bằng tàu thủy từ Phnôm Pênh tới Hồng Công để về Hà Nội. Đồng chí Q.M, một cán bộ của Hoa kiều vụ đóng vai người cháu, đưa ông cậu về quê ở Trung Hoa đại lục. Từ lúc xuống tàu đến khi vượt qua địa giới Hồng Công, đồng chí Lê Duẩn phải giả làm người câm để khỏi lộ tung tích.

Đồng chí Lê Duẩn phải ở dưới hầm kho của tàu rất

chật chội, nóng nực. Mỗi khi có nhà đoàn xuống khám hàng lậu lại phải chui xuống tận đáy tàu. Ở đây chỉ có một lỗ thông hơi nên mồ hôi vã như tắm. Sau 5 ngày xuôi sông vượt biển, tàu đến bến cảng Hồng Công vào ban đêm. Đón đồng chí Lê Duẩn tại Hồng Công là nữ đồng chí Hồ Anh. Đến quá trưa, cán bộ lễ tân của các bạn Trung Quốc đưa đồng chí Lê Duẩn về Quảng Châu.

Các đồng chí lãnh đạo Trung Quốc mời đồng chí Lê Duẩn đến khách sạn cao cấp để nghỉ dưỡng sức trước khi về Việt Nam. Khi tới Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, gặp thời tiết xấu chuyến bay phải lùi lại mấy hôm nhưng lại là dịp may. Các đồng chí bạn đã đưa con gái Tuyết Hồng đang học ở Quế Lâm đến thăm cha.

Ngày 4-6-1957, máy bay hạ cánh xuống sân bay Gia Lâm. Đồng chí Lê Duẩn bước xuống cầu thang máy bay trong vòng tay xiết chặt của các đồng chí: Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm...

Chương IV

LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1957 -1975)

1. Tiến hành xây dựng miền Bắc, củng cố, phát triển lực lượng, đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam

Sau khi ra Hà Nội, đồng chí Lê Duẩn báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị về tình hình cách mạng miền Nam, trình bày những đề xuất của đồng chí và Đảng bộ miền Nam về con đường của cách mạng miền Nam - những vấn đề mà đồng chí đã quan tâm suy nghĩ trong những ngày hoạt động ở Nam Bộ. Đồng chí được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương phân công làm nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh giải quyết các công việc chung của Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Tại Hội nghị Bộ Chính trị họp ngày 25-7-1957, khi bàn về vấn đề chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, nhiều ý kiến đề nghị phân công đồng chí Lê Duẩn chủ trì Ban chuẩn bị Báo cáo chính trị.

Thấy rõ đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của Đảng, đòi hỏi có sự gánh vác của những đồng chí am hiểu tình hình cách mạng cả nước, đồng chí Lê Duẩn đã xin phép Bộ Chính trị không cử đồng chí làm nhiệm vụ nói trên. Đồng chí nói: "Đã 10 năm nay tôi không ở miền Bắc, chủ trì chuẩn bị Báo cáo chính trị e rằng có khó khăn. Vì vậy, đề nghị hai đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp tham gia Ban chuẩn bị Báo cáo chính trị. Muốn chuẩn bị tốt, phải có thời giờ nghiên cứu, có bộ phận chuyên trách và tập thể Bộ Chính trị phải quan tâm đến vấn đề này"¹.

Ý kiến của đồng chí Lê Duẩn được Hội nghị chấp nhận. Bộ Chính trị đã nhất trí cử Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng Ban, đồng chí Lê Duẩn làm Phó Trưởng Ban chuẩn bị Báo cáo chính trị. Bộ phận thư ký, biên tập gồm có các đồng chí Trần Quang Huy, Hoàng Tùng và một số cán bộ giúp việc.

Sau cuộc họp này, đồng chí Lê Duẩn đã trực tiếp gặp gỡ cán bộ các ngành, các cấp, đi thăm một số địa phương cơ sở để tìm hiểu tình hình, thường xuyên làm việc với Tiểu ban soạn thảo Báo cáo chính trị, nghe báo cáo về kế hoạch 3 năm 1958 - 1960 và đề cương về công tác tư tưởng. Đồng chí đã dành nhiều thời gian suy nghĩ

1. *Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, ký hiệu ĐVBQ.97, tr. 8-9.

và chuẩn bị ý kiến về cả những công việc trước mắt và lâu dài của Đảng.

Để đưa công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương từng bước đi vào nền nếp và giảm bớt công việc cho Bác Hồ, nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị đề nghị: ngoài việc chăm lo chuẩn bị Báo cáo chính trị, đồng chí Lê Duẩn chủ trì công việc của Bộ Chính trị, giúp Bác theo dõi chỉ đạo chung, đồng thời trực tiếp tham gia nắm lĩnh vực kinh tế, tài chính và công tác miền Nam. Về chủ trì công việc Bộ Chính trị, đồng chí Lê Duẩn nói: “Tôi có nhược điểm chưa nắm rõ tình hình, do đó, giải quyết công việc có thể thiếu chín chắn. Đề nghị trong mấy tháng trước mắt, để anh Năm chủ trì công việc thay Bác. Hơn nữa, xưa nay tôi làm việc bí mật nhiều, nay làm việc công khai, quan hệ đối ngoại mở rộng, cần chú ý chọn người quen và thạo hơn, do đó nên để anh Năm làm”¹.

Ngày 7-10-1957, Bộ Chính trị đã họp phiên đặc biệt để quyết định cử người giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh phụ trách công việc chung của Đảng. Các đồng chí trong Bộ Chính trị đã phân tích những mặt mạnh và những mặt chưa mạnh của đồng chí Lê Duẩn. Đa số các đồng chí trong Bộ Chính trị đều thống nhất ý kiến rằng, tuy đồng chí Lê Duẩn mới ở miền Nam ra, chưa nắm được

1. *Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, ký hiệu DVBQ 97, tr. 30.

tình hình cụ thể mọi mặt miền Bắc, nhưng có thể khắc phục nhờ sự lãnh đạo tập thể. Tình hình hiện nay không cho phép chờ đợi nắm đầy đủ tình hình rồi mới bắt tay vào việc. Nhiều công tác phải làm ngay như chỉnh đốn đảng, đề cao kỷ luật; đánh thông tư tưởng cán bộ, đảng viên, sửa đổi lối làm việc. Bộ Chính trị nhất trí cử đồng chí Lê Duẩn làm người chủ trì Bộ Chính trị, giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh điều hành công việc hàng ngày của Ban Bí thư.

Nhằm tăng cường hơn nữa sức mạnh của bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, trong các ngày 8, 10 và 14-10-1957, dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Duẩn, Bộ Chính trị đã họp bàn về công tác kiện toàn tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cơ quan của Đảng và Chính phủ. Để giúp Bộ Chính trị nắm chắc các khối công tác quan trọng, Bộ Chính trị quyết định tăng cường các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh vào Ban Bí thư và phân công đồng chí Trường Chinh phụ trách khối công tác tư tưởng; kiện toàn bộ phận thường trực của Chính phủ; lập ra Ban kinh tế - tài chính do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách, có các đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Văn Trân, Bùi Công Trừng tham gia. Bộ Chính trị xác định rõ: Ban kinh tế - tài chính có nhiệm vụ giúp Ban Bí thư và Thường trực Chính phủ chỉ đạo công tác cải tạo và xây dựng kinh tế, tài chính trong tình hình mới; cần tăng

cường bộ máy Văn phòng Chính phủ, giao trách nhiệm cho Văn phòng Ban Bí thư và Văn phòng Chính phủ phối hợp và phân công nhau để nắm tình hình; Ban Thống nhất, Ban Tôn giáo, Ban Dân tộc trước trực thuộc Thường trực Chính phủ nay chuyển sang trực thuộc Ban Bí thư. Ban Thống nhất được tăng cường vì công việc của lĩnh vực này ngày càng tăng .

Sau khi cùng với Bộ Chính trị kiện toàn một bước các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nhằm tạo ra sự thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng, toàn dân, đồng chí Lê Duẩn đã chủ trì nhiều Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về công tác tư tưởng.

Tình hình trong nước và trên thế giới lúc này đang có những biến chuyển phức tạp, mang lại cho cách mạng nước ta nhiều thuận lợi, nhưng cũng tạo ra không ít khó khăn. Nhân dân ta vừa đánh thắng thực dân Pháp, nửa nước được giải phóng, có lực lượng vũ trang hùng mạnh; đồng bào miền Nam anh dũng đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai phá hoại Hiệp định Giơnevơ, chia cắt đất nước. Đồng bào miền Bắc hăng hái hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, văn hoá, giữ vững ổn định chính trị và kiên quyết sát cánh cùng đồng bào miền Nam chống Mỹ - Diệm. Cuộc đấu tranh của nhân dân cả nước ta vì hoà bình, độc lập, thống nhất Tổ quốc được các lực lượng cách mạng và tiến bộ khắp thế giới đồng tình ủng hộ.

Bên cạnh những thuận lợi nói trên, Đảng và nhân dân ta phải đối mặt với những khó khăn rất lớn: Đất nước bị chiến tranh tàn phá, kinh tế, kỹ thuật thấp kém, cải cách ruộng đất phạm sai lầm, phải sửa sai. Ở miền Nam, Mỹ - Diệm thẳng tay đàn áp, khủng bố; ta chưa chuyển hướng đấu tranh kịp thời nên lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng. Tình hình thế giới có mặt thuận lợi, có mặt phức tạp. Phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế bị chia rẽ. Từ sau Đại hội lần thứ XX Đảng Cộng sản Liên Xô và Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Trung Quốc, giữa ban lãnh đạo của hai đảng, hai nước này phát sinh mâu thuẫn. Đối với tình hình Việt Nam, cả Liên Xô, Trung Quốc đều muốn tránh đụng đầu với Mỹ. Hai khuynh hướng nói trên của Liên Xô, Trung Quốc đã tác động không nhỏ đến tình hình tư tưởng của nhiều cán bộ, đảng viên và nhân dân ta.

Nhìn chung, tinh thần phấn khởi sau chiến thắng Điện Biên Phủ có phần lắng xuống. Đời sống của nhân dân, cán bộ chưa được cải thiện, anh chị em miền Nam tập kết có nhiều khó khăn. Một bộ phận nhân dân bị quan; một bộ phận cán bộ, đảng viên xao xuyến.

Trước tình hình đó, trong các hội nghị bàn về công tác tư tưởng, đồng chí Lê Duẩn luôn khẳng định: cần phải hết sức coi trọng công tác tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân. Trước mắt cần thông qua tổng kết thực

tiền, như tổng kết cải cách ruộng đất, tổng kết việc khôi phục kinh tế, tổng kết bước đầu phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm, mà tiến hành công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên thấy rõ thành tựu, hiểu đúng khó khăn, nhận rõ tình hình, nhiệm vụ, nâng cao ý chí cách mạng, tăng cường đoàn kết, nhất trí, phục tùng đường lối chủ trương của Trung ương. Mặt khác, phải đề cao cảnh giác đối với các hoạt động phá hoại và chiến tranh tâm lý của địch, để giữ gìn an ninh, trật tự và củng cố đoàn kết trong nhân dân.

Đồng chí yêu cầu, công tác tư tưởng phải gắn liền với củng cố tổ chức, chấn chỉnh chi bộ, củng cố các cấp uỷ, tiến hành tự phê bình và phê bình để phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm. Về xây dựng đảng, trước mắt coi trọng củng cố hơn phát triển; thực hiện phân loại đảng viên, loại bớt số đảng viên quá kém, cải tiến sinh hoạt, nâng cao sức chiến đấu của chi bộ. Phát triển đảng phải làm vững chắc, coi trọng chất lượng; chú ý phát triển đảng ở các xí nghiệp, công trường, nông trường để bảo đảm lãnh đạo sản xuất.

Qua tổng kết cải cách ruộng đất, đồng chí Lê Duẩn có nhiều ý kiến đối với công tác tư tưởng. Đồng chí chỉ rõ cần phải khẳng định những thành công của cải cách ruộng đất. Đồng chí nhấn mạnh, cải cách ruộng đất đã mang lại kết quả lớn là dân cày có ruộng, Đảng được củng cố. Ta làm Cách mạng Tháng Tám là làm một cuộc

cách mạng chính trị; về kinh tế, ta mới thực hiện từng bước; đến cải cách ruộng đất mới xoá bỏ hẳn nền tảng kinh tế phong kiến. Có giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân, củng cố liên minh công - nông, trên cơ sở đó, xây dựng vững chắc mặt trận đại đoàn kết dân tộc rộng rãi, vững chắc, Đảng ta mới đủ sức mạnh để lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, kéo dài 9 năm. Cái sai chính trong cải cách ruộng đất là về phương pháp, không nắm vững mục đích hoàn thành cách mạng ruộng đất là để đẩy mạnh kháng chiến; trong khi phát động quần chúng thì nặng về mặt đấu tố, gây căm thù mà xem nhẹ mặt tích cực là giáo dục và đoàn kết giai cấp, đoàn kết dân tộc. Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các nước là rất cần thiết đối với Đảng ta nhưng không thể tiếp thu một cách giáo điều, máy móc. Phải có quan điểm độc lập tự chủ mới giải quyết đúng những vấn đề của cách mạng nước ta. Có độc lập tự chủ mới kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế cách mạng.

Tình hình miền Bắc trong thời kỳ khôi phục kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn. Đời sống nhân dân ở mức thấp, còn thiếu thốn; lương của công nhân, viên chức không đảm bảo mức sống bình thường, trong khi giá sinh hoạt mấy năm liên sau giải phóng tiếp tục tăng lên. Đồng chí Lê Duẩn cho rằng đó là hai vấn đề lớn Trung ương cần bàn bạc giải quyết; cấp bách nhất là vấn đề lương, để

chậm sẽ phát sinh tiêu cực, ảnh hưởng đến chính trị. Đồng chí nhận xét: tiền lương ở miền Bắc hình thành trên cơ sở điều chỉnh mức phụ cấp của cán bộ, công nhân viên chức thời kháng chiến, chưa có chính sách tiền lương đúng và có cơ sở đầy đủ. Tuy vậy, trước mắt tình hình chỉ cho phép cải tiến một bước chế độ tiền lương hiện hành, giúp công nhân viên chức giảm bớt khó khăn trong đời sống và có điều kiện cần thiết tối thiểu để làm việc.

Sau nhiều lần họp bàn, Bộ Chính trị đã đồng ý Chính phủ ban hành chế độ lương mới bắt đầu từ ngày 1-3-1958. Mặt bằng lương tối thiểu được nâng lên 28.000 đồng/tháng cho cả nông thôn, thành thị, công nhân, viên chức có phụ cấp để nuôi con thứ ba trở lên; ở thành thị có phụ cấp khu vực. Tuy tiền lương mới chỉ được nâng lên một mức nhất định, song bước cải tiến này đã mang lại một không khí làm việc mới trong các cơ quan đảng, Nhà nước, đoàn thể, quân đội.

Đối với công tác báo chí, đồng chí cho rằng Trung ương cần nắm báo chí để lãnh đạo công tác tư tưởng và triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Cần có ba loại báo: Thứ nhất là loại giáo dục thời sự, chính trị và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; loại thứ hai là giáo dục về lý luận, nghiệp vụ trong công tác; loại thứ ba là giáo dục về nghiệp vụ của các ngành chuyên môn.

Loại thứ nhất có nhiều đối tượng như: phụ nữ, công nhân, thanh niên, đảng viên, quần chúng... Phải tùy theo từng đối tượng mà xác định nội dung cho thích hợp.

Báo *Nhân dân* là tờ báo hàng ngày của Đảng, đối tượng là toàn thể đảng viên, các tổ chức đảng cho đến chi bộ; cán bộ, đảng viên phải đọc báo Đảng; phải lấy báo Đảng làm công cụ để hoạt động, để làm việc.

Các báo *Lao động*, *Tiền phong*, *Phụ nữ* có nhiệm vụ động viên, tổ chức, chỉ đạo quần chúng của giới mình thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; tránh viết lý luận dài dòng.

Một trong những công việc cực kỳ quan trọng trong thời kỳ này mà đồng chí Lê Duẩn tập trung nhiều công sức, trí tuệ cùng với Bộ Chính trị suy nghĩ, bàn bạc và giải quyết là tìm ra giải pháp cơ bản về cách mạng miền Nam để trình Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II.

Khi còn ở miền Nam, đồng chí đã khởi thảo *Đề cương cách mạng miền Nam*. Đề cương nhận định đúng âm mưu của đế quốc Mỹ, phân tích đúng bản chất phản động của chính quyền Ngô Đình Diệm, khẳng định đúng quan điểm cách mạng bạo lực và vạch rõ nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm. Song trong Đề cương có nhiều suy tư chưa nói hết. Trong bối cảnh quốc tế lúc bấy giờ, vấn đề bảo vệ hoà bình và chung sống hoà bình được nhấn mạnh. Đồng chí đã nghĩ nhiều đến

khả năng đưa cách mạng miền Nam tiến lên theo con đường của Cách mạng Tháng Tám, nghĩa là có khởi nghĩa bộ phận, lập căn cứ địa, có chiến tranh du kích. Khi nói về phương pháp tiến hành cách mạng ở miền Nam, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: chủ yếu phải dựa vào bạo lực cách mạng của quần chúng để đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Khi nói về thực lực cách mạng, đồng chí nói đến Đảng lãnh đạo, đến liên minh công - nông, đến mặt trận dân tộc thống nhất, đến lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ địch, nhưng không nói lực lượng vũ trang, mặc dù trên thực tế, từ tháng 12 -1956, đồng chí cùng với Xứ uỷ Nam Bộ đã chủ trương xây dựng các đội vũ trang tự vệ, vũ trang tuyên truyền, xây dựng một số đơn vị lực lượng vũ trang cách mạng quy mô trung đội, đại đội, có nơi đến tiểu đoàn.

Nhiều vấn đề đồng chí đã nghĩ đến, đã làm ngay từ những ngày còn ở miền Nam, nhưng chưa có điều kiện trình bày với Trung ương. Hơn nữa, đồng chí cho rằng, đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là sự nghiệp của cả nước, một công việc hệ trọng của toàn Đảng, có quan hệ đến cách mạng thế giới, đến chiến lược của toàn phe xã hội chủ nghĩa, cho nên nó phải được giải quyết tại Hà Nội và chỉ có Bộ tham mưu tối cao của Đảng mới có đủ thẩm quyền quyết định.

Là người được phân công chủ trì việc soạn thảo đề án về cách mạng miền Nam, đồng chí đã cùng với

những người cộng sự bước đầu tổng kết thực tiễn đấu tranh cách mạng đầy khó khăn gian khổ của đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nghiên cứu những kiến nghị khẩn thiết của một số cán bộ và cấp uỷ đảng, tham khảo kinh nghiệm của một số nước, trao đổi ý kiến với các nhà lãnh đạo một số đảng anh em, đồng chí thấy rõ trong Trung ương cũng như trong cán bộ chủ chốt còn có ý kiến khác nhau nhiều. Đặc biệt trong vấn đề này, đường lối và quan điểm của Đảng ta với quan điểm mà các đảng anh em gợi ý có khoảng cách khá lớn. Do vậy, để tạo ra một sự nhất trí cao, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị công phu. Đồng chí Lê Duẩn đã dành nhiều thời gian và trí tuệ suy nghĩ, trao đổi, thảo luận nhiều lần với các đồng chí tham gia công việc dự thảo và trong các cuộc họp Bộ Chính trị. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Duẩn, đề án được bắt đầu soạn thảo từ cuối năm 1957. Sau nhiều lần sửa chữa bổ sung đến đầu năm 1959 đã cơ bản hoàn chỉnh, đủ điều kiện trình Ban Chấp hành Trung ương.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (khóa II) bàn về đường lối cách mạng miền Nam đã được triệu tập vào tháng 1-1959. Tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn đã trình bày bản đề án và nêu ra các vấn đề cần thảo luận. Sau hai tuần thảo luận sôi nổi, Hội nghị Trung ương đã cơ bản nhất trí về chiến lược cách mạng và mối quan hệ giữa cách mạng ở hai miền, về con

đường đi lên của cách mạng ở miền Nam là phải đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Nhưng đấu tranh vũ trang ở mức độ nào, có chấp nhận đấu tranh vũ trang trường kỳ hay không và có giành được thắng lợi hay không thì vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Vì vậy, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đợt 1 chỉ có biên bản chứ chưa ra được nghị quyết. Trong cuộc nói chuyện chia tay một số đại biểu trở lại chiến trường Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn căn dặn: “Vấn đề tự vệ phải chủ động một chút. Có nghĩa là khi địch lòng bất, có súng trong người phải rút ra bắn nó trước”.

Từ những kinh nghiệm thực tế chiến trường, nhất là sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm tiếp tục đẩy mạnh những hoạt động chống phá phong trào cách mạng miền Nam, tàn sát dã man đồng bào yêu nước, Hội nghị Trung ương 15 họp đợt 2 từ ngày 10 đến ngày 15-7-1959, đã nhất trí thông qua Nghị quyết và các văn bản của Hội nghị.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 là “sản phẩm trí tuệ của toàn Đảng, của tập thể Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khoá II, xuất phát từ những định hướng chiến lược đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh” và yêu cầu của thực tiễn cách mạng miền Nam, là một mốc quan trọng trong việc xác định đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta.

Nghị quyết xác định phương hướng phát triển của

cách mạng miền Nam là "khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng, thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân". Nghị quyết còn dự kiến: "Cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành một cuộc đấu tranh trường kỳ giữa ta và địch" "Đảng ta phải thấy trước khả năng ấy để chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó với mọi tình thế".

Nghị quyết Hội nghị vạch rõ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền Bắc, Nam là xuất phát từ đặc điểm, tính chất xã hội miền Nam, bản chất và âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ, từ thực tiễn cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam hơn 4 năm từ giữa 1954 - 1958, đã đề ra nhiệm vụ của cách mạng miền Nam như sau: "Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và tay sai, thực hiện độc lập dân tộc, người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh". Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình

Diệm, tay sai của Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam, thực hiện các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 là cuộc tháo gỡ vĩ đại. Nghị quyết đã bắt mạch nhạy bén tình hình chiến trường, tạo ra cho cách mạng miền Nam một hướng đi đúng đắn nhất, phù hợp nhất. “Nghị quyết đã phản ánh đúng nguyện vọng của đồng bào, đồng chí trong cả nước, đặc biệt là khát vọng nóng bỏng của đồng bào, đồng chí ở miền Nam nước ta lúc đó”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 là một mẫu mực chủ trương *đưa thực tiễn cuộc sống chiến trường vào Nghị quyết*. Nghị quyết mang hơi thở của cuộc sống chiến trường nên nó đã nhanh chóng trở thành sức mạnh vật chất to lớn. Nắm vững nguyên tắc *bạo lực cách mạng* của Nghị quyết 15, khắp miền Nam dấy lên phong trào Đồng khởi lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm ở cơ sở, giành quyền làm chủ.

Để đi đến những kết luận quan trọng của Đảng thể hiện trong các văn kiện của Hội nghị Trung ương 15, trong quá trình chuẩn bị đề án cũng như trong quá trình diễn ra Hội nghị, nhiều vấn đề quan trọng đã được đưa ra thảo luận. Với cương vị là người trực tiếp phụ

trách công tác miền Nam của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã có những đóng góp trực tiếp quan trọng cho sự ra đời Nghị quyết của Hội nghị.

Trước hết là việc vạch ra hai chiến lược cách mạng ở hai miền và mối quan hệ giữa hai chiến lược ấy. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 13 tháng 12-1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Ta đang đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng: Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ cách mạng nói trên đều quan trọng, coi nhẹ một nhiệm vụ nào cũng đều sai lầm. Tuy vậy, nhiệm vụ củng cố miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội có tính chất quyết định cho toàn bộ thắng lợi của cách mạng trong giai đoạn mới..., lực lượng cách mạng ở miền Nam được duy trì và phát triển thì đó là nhân tố trực tiếp quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam"¹. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15, vấn đề này lại được nêu ra, và Hội nghị có nhiều ý kiến khác nhau. Có người nhấn mạnh nhiệm vụ chiến lược chủ yếu là tập trung sức của cả nước để giải phóng miền Nam, chưa nói tới xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Ngược lại, có người cho rằng phải coi xây dựng chủ nghĩa xã hội ở

1. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước: Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 40.

miền Bắc là nhiệm vụ chính cốt và nhấn mạnh cần làm như vậy để "nêu gương" cho miền Nam.

Về vấn đề quan trọng này, trong suốt quá trình chỉ đạo chuẩn bị đề án cũng như trong các cuộc thảo luận tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15, đồng chí Lê Duẩn đã phân tích tỉ mỉ, toàn diện tình hình thực tiễn trong nước và quốc tế, xác định rõ vai trò, vị trí của cách mạng ở mỗi miền, mối quan hệ biện chứng của cách mạng hai miền. Đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: Phải đặt cách mạng miền Nam trong cách mạng cả nước và trong bối cảnh quốc tế đã có thay đổi sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời. Từ sau Hiệp nghị Giơnevơ, phải thừa nhận một thực tế là đất nước ta tạm thời bị chia làm hai miền có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, "nhân dân ta đã bước vào một thời kỳ lịch sử mới. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng đang tiến lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam chưa được giải phóng đang tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc - dân chủ"... "Hai nhiệm vụ ấy là căn cứ vào quy luật khách quan của xã hội Việt Nam trong tình hình hiện tại"¹.

Phân rõ hai chiến lược cách mạng không có nghĩa là cách mạng ở miền nào chỉ lo cho miền ấy. Trái lại, cách mạng ở hai miền có quan hệ hữu cơ và tác động lẫn

1. Lê Duẩn: *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963, tr. 147.

nhau. Miền Nam làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đẩy mạnh đấu tranh chống Mỹ và tay sai là để tự giải phóng đồng thời để bảo vệ miền Bắc, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; bảo vệ miền Bắc cũng là vì sự nghiệp giải phóng miền Nam. Có đặt rõ sự nghiệp giải phóng miền Nam trong mối quan hệ chặt chẽ với công cuộc bảo vệ và xây dựng miền Bắc thì mới nhận thức đúng việc phải tìm ra biện pháp, bước đi thích hợp để đưa cách mạng miền Nam tiến lên, đặc biệt trong giai đoạn đầu. Miền Bắc làm cách mạng xã hội chủ nghĩa chẳng những là lo xây dựng cuộc sống mới cho mình đồng thời tạo cơ sở cho sự phát triển của đất nước trong tương lai, mà còn nhằm củng cố căn cứ địa chung của cách mạng cả nước, làm chỗ dựa cho cuộc chiến đấu ở miền Nam. Điều này không phải là việc lâu dài về sau mà là yêu cầu cấp bách để phục vụ cho công cuộc cứu nước ở miền Nam, miền Bắc phải làm việc vì sự nghiệp giải phóng miền Nam chứ không phải là "nêu gương" cho miền Nam. Bởi vì giải phóng miền Nam thực hiện thống nhất nước nhà là mục tiêu chung, nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước.

Đồng chí Lê Duẩn viết: "Trong nước ta hiện nay, mặc dù đế quốc Mỹ chỉ ở miền Nam, nhưng mâu thuẫn giữa đế quốc và thuộc địa không phải chỉ là mâu thuẫn riêng của miền Nam, là mâu thuẫn chung của cả nước. Nhiệm vụ giải phóng miền Nam không phải là nhiệm vụ của

nhân dân miền Nam mà còn là nhiệm vụ chung của nhân dân cả nước, ở miền Nam cũng như miền Bắc. Nhân dân miền Bắc không giờ phút nào xao lãng nhiệm vụ của mình đối với nửa nước chưa giải phóng.

Nhưng trong tình hình thế giới có khả năng duy trì hoà bình lâu dài, và tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc trên thế giới tiến lên, chúng ta có thể và cần phải hướng dẫn, hạn chế việc giải quyết mâu thuẫn giữa đế quốc và thuộc địa ở nước ta trong phạm vi miền Nam"¹.

Chỉ nhấn mạnh một chiều vấn đề bảo vệ hoà bình và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, từ đó không dám đẩy mạnh đấu tranh để giải phóng miền Nam là phạm sai lầm cơ hội chủ nghĩa, hữu khuynh. Mặt khác chỉ nhấn mạnh đấu tranh giải phóng miền Nam không chú ý bảo vệ hoà bình và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc, không biết đề ra mục tiêu, phương pháp, bước đi thích hợp cho cách mạng miền Nam, là phạm sai lầm cơ hội chủ nghĩa "tả" khuynh.

Sau này trao đổi thêm ý kiến với các đồng chí lãnh đạo miền Nam, đồng chí viết: *"Điều quan trọng là trong khi đề ra yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, chúng ta phải tính đến lợi ích của toàn phe xã hội chủ*

1. Lê Duẩn: *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963, tr. 154.

nghĩa. Chúng ta vừa phải bảo vệ hoà bình để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa kiên quyết đấu tranh chống Mỹ và tay sai để giải phóng miền Nam, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà. Nhiệm vụ đó phù hợp với chiến lược và sách lược cách mạng trên phạm vi thế giới.

Nếu không đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai để giải phóng miền Nam, thì không thể bảo vệ vững chắc hoà bình ở miền Bắc. Ngược lại, nếu không bảo vệ được hoà bình, bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thì cách mạng ở cả hai miền sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp.

Nếu lãnh đạo cách mạng miền Nam mà không thấy rõ, thấy đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, đẩy phong trào quá mức cần thiết trong giai đoạn hiện nay thì sẽ phát sinh những hậu quả xấu, khiến chúng ta không thực hiện được mục đích, yêu cầu của cách mạng đề ra cho từng miền và chung cho cả nước. Nghệ thuật lãnh đạo cũng như sự khó khăn, phức tạp của cách mạng miền Nam chính là ở việc phải đo lường cho đúng mức độ đó¹.

Để định ra đường lối, quyết tâm chiến lược đúng đắn, một vấn đề rất quan trọng nhưng cũng rất khó khăn là phải đánh giá đúng kẻ thù.

Trong cách mạng, trong chiến tranh, đánh giá đúng kẻ thù không phải là việc đơn giản. Đánh giá đế quốc

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 55.

Mỹ càng khó hơn. Lúc bấy giờ bầu bạn ta đánh giá Mỹ khác, tư tưởng phục Mỹ, sợ Mỹ lan tràn. Điều đó đã có ảnh hưởng nhất định đến cách suy nghĩ của cán bộ ta.

Muốn nhận định đúng kẻ thù, trước hết phải có phương pháp đánh giá đúng. Khi kháng chiến chống Pháp, lực lượng ta và địch so le nhiều cho nên lúc đó có người cho rằng cuộc kháng chiến của ta là "châu chấu đá voi". Bác Hồ đã nói một câu nổi tiếng:

*"Nay tuy châu chấu đá voi,
Nhưng mai voi sẽ bị lòì ruột ra".*

Phương pháp đánh giá chung so sánh địch ta của Bác là không chỉ nhìn vào hiện tượng, mà phải nhìn rõ bản chất, không nhìn vào hiện tại mà nhìn vào tương lai, không chỉ nhìn vào vật chất mà tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc, không nhìn bằng con mắt hẹp hòi mà nhìn sự vật theo quan điểm biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Đồng chí Lê Duẩn đã vận dụng phương pháp của Bác Hồ để đánh giá đế quốc Mỹ. Không đánh giá thấp âm mưu và sức mạnh của Mỹ, đồng chí Lê Duẩn viết: "Chúng ta biết rõ phải đương đầu với một tên đế quốc ngoan cố và hung bạo, có nhiều lực lượng và khả năng nhất để chống lại các lực lượng cách mạng"¹. Tuy nhiên, theo đồng chí, nói đến mạnh, yếu là nói về lực lượng so

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 55- 56.

sánh cụ thể trong thời gian, không gian nhất định chứ không phải là làm một bài tính đơn giản, máy móc. Đồng chí Lê Duẩn cho rằng, nếu không có cách nhìn nhận và đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch một cách khoa học thì đứng trước sức mạnh của Mỹ, ta dễ bị loá mắt, choáng ngợp, sinh ra do dự, lừng chừng không dám hạ quyết tâm chấp nhận đụng đầu với Mỹ. Đồng chí khẳng định: "Chúng ta phải thắng và có thể thắng được Mỹ nếu biết điều khiển cuộc cách mạng một cách kiên quyết và khôn khéo"¹.

Ở miền Nam Việt Nam, sau Hiệp nghị Giơnevơ, *lực lượng so sánh đã thay đổi bất lợi cho ta*. "Phần đông lực lượng của ta tập kết ra Bắc, còn lực lượng địch thì dồn hết vào Nam. Kẻ thù thì giương súng lên, thiết lập nên thống trị dựa hoàn toàn vào quân đội và cảnh sát. Còn chúng ta thì phải hạ súng, từ chỗ Đảng, chính quyền, quân đội hoạt động công khai, đánh địch, nay phải chuyển vào bí mật". Về quân sự, Mỹ - ngụy có ưu thế tuyệt đối so với nhân dân miền Nam chỉ có hai bàn tay trắng. Nhưng về chính trị thì ưu thế lại thuộc về cách mạng miền Nam. Chủ nghĩa thực dân mới mà Mỹ áp đặt ở miền Nam là sản phẩm của một chiến lược bị động, phản ánh thế suy yếu của đế quốc Mỹ. Ở miền Nam, chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ không có cơ sở xã

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.56.

hội trong nhân dân. Nó đã bị phá sản ngay từ đầu khi đế quốc Mỹ và tay sai dùng những thủ đoạn phátxít trắng trợn nhất để đánh vào nhân dân, đánh vào chính những lực lượng mà chúng cần tranh thủ, lừa mị. Đây là *chỗ yếu cơ bản của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, đồng thời cũng là chỗ yếu của bọn tay sai*. Mỹ Diệm càng đẩy mạnh hành quân cảnh sát, càng dùng bom đạn bắn giết đồng bào, tiêu diệt những người yêu nước, thì chúng càng lún vào thế yếu, mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với Mỹ - ngụy sẽ càng bị khoét sâu. Ưu thế chính trị; lòng yêu nước, căm thù địch; tình đoàn kết đấu tranh của nhân dân là một sức mạnh to lớn. Cố nhiên trong cuộc đấu tranh cách mạng này, cách mạng miền Nam còn có những nguồn lực lớn cả về vật chất và tinh thần do gắn liền với miền Bắc, với thế tiến công của các lực lượng cách mạng trên thế giới.

Với lực lượng so sánh như vậy, cuộc đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước nhất định phải lâu dài gian khổ, phải chuẩn bị tinh thần chiến đấu 15, 20 năm mới thắng lợi được hoàn toàn. Đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh: "Không thấy hết tính chất lâu dài, gian khổ của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tức là không đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, là đánh giá thấp âm mưu và khả năng của đế quốc Mỹ và bọn tay sai. Điều đó cũng có nghĩa là không đánh giá tình hình ta, không thấy hết nhược điểm, khó

khẩn của phong trào cách mạng, không nắm được quy luật của cách mạng và chiến tranh cách mạng; do đó, có thể phạm sai lầm trong lãnh đạo và chỉ đạo kháng chiến... Phải làm cho đảng viên và quần chúng nhận rõ rằng sự nghiệp giải phóng miền Nam dù lâu dài, gian khổ đến mấy, cuối cùng cũng nhất định thắng lợi hoàn toàn và trong bất cứ tình thế nào, nhân dân ta cũng phải thắng. Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ không bao giờ chịu mất nước, không bao giờ chịu đầu hàng"¹.

Trong quá trình cùng tập thể Bộ Chính trị và Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sau này, đồng chí Lê Duẩn còn nhiều lần trở lại vấn đề đánh giá lực lượng so sánh địch ta. Đồng chí đã đưa ra nhận định: "*Lãnh đạo cách mạng, giỏi lắm chỉ có thể phán đoán, dự kiến tình hình được 70-80%, nhưng cứ làm đi, rồi qua thực tiễn mà tiếp tục tìm hiểu, bổ sung thêm*"². Bởi vì nhận thức của con người không phải ngay một lúc có thể nắm bắt được đầy đủ thực tế khách quan. "Trên cơ sở phương hướng chiến lược đúng, hãy làm đi rồi thực tiễn sẽ cho phép ta hiểu rõ sự vật hơn nữa"³.

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.47-48.

2. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 177.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.489.

Sau khi đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng đúng thì phương pháp cách mạng là một vấn đề lớn có ý nghĩa quyết định thắng lợi. Theo đồng chí Lê Duẩn, một phương pháp cách mạng tốt nhất, đặc biệt trong giai đoạn đầu này, phải đạt một lúc cả ba yêu cầu chiến lược: Chuyển được cách mạng miền Nam lên thế tiến công một cách vững chắc; bảo vệ và củng cố được căn cứ địa miền Nam; giữ gìn được hoà bình cho phe ta và cho thế giới. Có chuyển được cuộc đấu tranh ở miền Nam lên thế tiến công vững chắc, thời mới cứu được nhân dân miền Nam ra khỏi cảnh nước sôi lửa bỏng; đồng thời tạo cơ sở thuận lợi để đưa công cuộc cứu nước phát triển lên những bước cao hơn. Có bảo vệ, củng cố được miền Bắc thì mới có chỗ dựa mạnh mẽ, bảo đảm phát triển cách mạng miền Nam tiến lên không ngừng và giành được thắng lợi cuối cùng. Có giữ gìn hoà bình thế giới thì mới được các lực lượng cách mạng thế giới, trước hết là Liên Xô, Trung Quốc đồng tình, ủng hộ.

Phương pháp tốt nhất, có lợi nhất không phải khởi sự cuộc chiến tranh giải phóng từ miền Bắc vào mà phải khởi động nó ngay tại miền Nam, dựa vào lực lượng tại chỗ, vào bạo lực cách mạng của nhân dân miền Nam, chủ yếu dùng lực lượng chính trị, dùng đấu tranh chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang và đấu tranh quân sự để khởi nghĩa từng phần, phát động chiến tranh du kích cục bộ từ đó phát triển thành

chiến tranh cách mạng để đánh đổ đế quốc Mỹ và tay sai. Đó là bài học của Cách mạng Tháng Tám vận dụng vào hoàn cảnh của miền Nam.

"Địch yếu về chính trị nên đẩy mạnh đấu tranh chính trị là đánh vào chỗ yếu cơ bản của chúng. Song thấy rõ là địch thống trị chủ yếu dựa vào lực lượng quân sự, nên cuối cùng phải đập tan lực lượng quân sự của chúng thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"¹.

Con đường của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực để giành lấy chính quyền. Bạo lực không chỉ là quân sự mà là đánh địch bằng cả hai lực lượng: lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, bằng cả hai hình thức đấu tranh: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. "Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, ta có thể động viên 14 triệu nhân dân miền Nam đánh địch bằng mọi phương tiện, mọi hình thức, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn"².

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 đã đề ra một giải pháp tối ưu, đáp ứng được cả ba yêu cầu chiến lược nói trên, giải quyết được điều vướng mắc trong tư tưởng chỉ đạo suốt mấy năm liền mà nghị quyết các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị trước đó chưa tháo gỡ được.

1, 2. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 179-180, 179.

Từ cuối năm 1954 đến giữa năm 1959, cách mạng miền Nam trải qua những tháng ngày vô cùng khó khăn gian khổ. Cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp chống Mỹ - Diệm diễn ra hết sức quyết liệt, đặc biệt trong phong trào nông dân chống tổ cộng, diệt cộng, bảo vệ thành quả cách mạng. Cuối năm 1959 đầu năm 1960, chế độ thống trị ở miền Nam bắt đầu lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Tuy ở thành thị địch còn tương đối mạnh nhưng trong nhiều vùng nông thôn rộng lớn, địch không thể cai trị nhân dân một cách bình thường được nữa. Bộ máy ngụy quyền ở cơ sở đã bắt đầu suy yếu, bất lực. Còn quần chúng nhân dân, đặc biệt là đông đảo nông dân, thì sức sôi khí thế cách mạng đã tỏ ra kiên quyết và sẵn sàng đọ sức với quân thù.

Trong tình thế bức xúc đó, từ giữa năm 1959, nhân dân một số vùng cả đồng bằng và rừng núi ở miền Nam, được các Đảng bộ địa phương lãnh đạo đã dấy lên những cuộc khởi nghĩa cục bộ bằng bạo lực quần chúng có lực lượng nửa vũ trang hoặc vũ trang tham gia với mức độ khác nhau, xoá bỏ ngụy quyền ở thôn ấp; ở một số nơi những trận tiến công quân sự nổ ra đã mở màn và thúc đẩy các cuộc nổi dậy của quần chúng. Nghị quyết Trung ương 15 ra đời phản ánh đúng yêu cầu của lịch sử, đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam trong tình thế thực sự chín muồi, đã thổi bùng ngọn lửa cách mạng bốc cao thành cuộc "Đồng

khởi" trên quy mô rộng lớn ở miền Nam trong những năm 1959, 1960.

Với thắng lợi to lớn của cao trào "Đồng khởi", cuộc chiến đấu cứu nước đã được khởi động một cách khéo léo phù hợp với năng lực cách mạng của nhân dân miền Nam, gây bất ngờ lớn cho kẻ địch và làm yên lòng bạn bè quốc tế. Cách mạng miền Nam đã chuyển lên thế tiến công vững chắc, giáng trả đích đáng những hành động chiến tranh đơn phương của Mỹ - Diệm, đồng thời bảo đảm cho ta giành chủ động hoàn toàn, nêu cao được chính nghĩa của ta, duy trì được cơ sở pháp lý của Hiệp định Giơnevơ. Trái lại, Mỹ bị đặt vào thế bị động ngay từ đầu và buộc phải kiềm chế sự phản ứng của chúng nhằm đối phó với một cuộc chiến tranh ở miền Nam, do nhân dân miền Nam khởi phát, với sự giúp đỡ có mức độ của miền Bắc.

Đương đầu với một tên đế quốc mạnh nhất trong phe đế quốc chủ nghĩa, nhân dân ta không thể một lúc mà quật ngã được Mỹ - Diệm, nên phải biết đánh từng bước và thắng từng bước cả về chính trị và quân sự. Về chính trị, cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã nêu ra phương châm thực hiện từng bước sự tái thống nhất đất nước. Khi mới ở miền Nam ra, đồng chí Lê Duẩn đã nghĩ tới bước quá độ hoà bình, trung lập. Trong cuộc nói chuyện với một số cán bộ miền Nam tập kết, đồng chí nhận xét: "Thắng lợi lớn nhất của ba năm nay là phong

trào đấu tranh của nhân dân miền Nam đã nêu cao được chính nghĩa dân tộc và giành lại chính nghĩa đó về mình"¹. Trên cơ sở một phong trào quần chúng chống Mỹ - Diệm mạnh mẽ ở thành thị đã nảy sinh xu hướng hoà bình trung lập và một phong trào hoà bình, trung lập ở miền Nam là một phong trào dân tộc tiến bộ bởi vì nó mang tính chất chống Mỹ, chống xâm lược, chống chiến tranh, nó có thể trở thành một bộ phận của Mặt trận dân tộc chống Mỹ - Diệm”.

Trên thế giới cũng có tình hình gần giống như vậy. Cuộc đấu tranh giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và các lực lượng đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội với hệ thống đế quốc chủ nghĩa và các thế lực phản động khác chống chủ nghĩa xã hội đã trở nên ngày càng gay gắt. Nhân dân các nước thuộc thế giới thứ ba đang có xu hướng nổi dậy chống chủ nghĩa đế quốc. Tranh thủ được các nước này đi chung với phe xã hội chủ nghĩa sẽ có lợi cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên phạm vi thế giới.

Để tiến tới thống nhất nước nhà, trước mắt miền Nam cần thực hiện mục tiêu hoà bình, trung lập coi như một bước quá độ. Đồng chí Lê Duẩn phân tích: đế quốc Mỹ xâm chiếm miền Nam nhằm ba mục đích: *Một là,*

1. Lê Duẩn: *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963, tr. 32.

biển miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ; *Hai là*, biến miền Nam thành căn cứ quân sự làm bàn đạp để tiến công miền Bắc và phe xã hội chủ nghĩa. *Ba là*, lập một phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản lan xuống Đông Nam Á. Trước mắt đưa miền Nam quá độ qua con đường hoà bình, trung lập có nghĩa là trước mắt ta chỉ nhằm đánh bại hai mục đích một và hai của Mỹ, còn mục đích thứ ba thì cách mạng tạm thời nhân nhượng, chưa đụng tới. Làm như thế cũng tức là tập trung lực lượng của miền Nam cũng như của cả nước giải quyết mâu thuẫn giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa đế quốc Mỹ, còn mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản thì chưa giải quyết. Chủ trương đó là một sách lược đúng đắn, đề ra một yêu cầu thích hợp, đúng mức cho cách mạng miền Nam trong giai đoạn này. Việc Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đưa vào cương lĩnh của mình mục tiêu độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập đã góp phần phân hoá được kẻ thù, cô lập được đế quốc Mỹ và tay sai, khoét sâu mâu thuẫn trong nội bộ bọn cầm quyền ở miền Nam, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ, chí ít là thái độ trung lập, thiện cảm của nhiều nước dân tộc chủ nghĩa ở Á - Phi và Đông Nam Á, vô hiệu hoá từng bước khối SEATO do Mỹ lập ra để chống lại cách mạng Việt Nam¹.

1. Xem Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 177, 178.

Đồng chí Lê Duẩn cho rằng ở miền Nam, mặt trận phải hết sức rộng rãi; khối đại đoàn kết toàn dân phải bao gồm các dân tộc thiểu số, các tôn giáo, các phe, nhóm, các cá nhân không tán thành chế độ độc tài phátxít, chính sách xâm lược, chính sách chiến tranh của Mỹ - Diệm; mặt trận phải có chính sách mềm dẻo để phân hoá, tranh thủ, lôi kéo cả những người trong hàng ngũ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Mặt khác, cần đoàn kết sâu rộng các lực lượng cơ bản, trước hết thường xuyên xây dựng, củng cố *liên minh công - nông*, chẳng những vì đó là cơ sở của mặt trận, là nhân tố thắng lợi của cách mạng dân chủ mà còn vì phương pháp cách mạng đòi hỏi phải liên kết chặt chẽ thành thị với nông thôn. Phát huy vai trò to lớn của thanh niên, phụ nữ là những giới phải gánh chịu hậu quả chiến tranh nặng nề hơn ai hết. Phải nắm *thanh niên*, thu hút họ tham gia vào đội quân chính trị và các lực lượng vũ trang, đồng thời để phá tan nguồn dự trữ của địch, chuẩn bị điều kiện để làm tốt công tác binh vận. Coi trọng vận động *phụ nữ*, một lực lượng cách mạng mạnh mẽ và hùng hậu đã đi đầu trong đấu tranh chính trị và binh vận, những "đội quân tóc dài" mà địch phải kiêng nể. Chú trọng đúng mức công tác vận động *trí thức*, trước hết là nắm được học sinh, sinh viên, qua đó lôi cuốn các tầng lớp trí thức khác (nhà giáo, nhà báo, văn nghệ sĩ, nhà khoa học) hình thành Mặt trận *công-*

nông-trí bằng nhiều hình thức tổ chức và phương thức hoạt động thích hợp. Đẩy mạnh hơn nữa công tác binh vận không chỉ trong binh lính mà cố gây được cơ sở trong hàng ngũ sĩ quan¹.

Đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh cần chú trọng *lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ địch*. Chế độ Mỹ - Diệm chẳng những đối lập với nhân dân mà luôn luôn mâu thuẫn trong hàng ngũ tay sai. Mấy năm trước đây, Ngô Đình Diệm đã dùng quân sự diệt lực lượng vũ trang của Cao Đài, Hoà Hảo, Bình Xuyên. Sau đó nổi lên mâu thuẫn giữa phe cánh Trần Chánh Thành với tập đoàn gia đình trị họ Ngô.

Về các giáo phái, đồng chí chỉ rõ: mâu thuẫn giữa các giáo phái với Diệm không phải là mâu thuẫn giữa tôn giáo với tôn giáo mà là mâu thuẫn giữa dân tộc và phản dân tộc. Trước kia, chỉ có các nhóm quân sự của các giáo phái ly khai chống Diệm, nay thì đông đảo tín đồ đi chung với nhân dân, chống lại chế độ độc tài phátxít của Diệm. Lợi dụng mâu thuẫn này, ta đã đẩy mạnh hoạt động tranh thủ quần chúng tín đồ, lấy vũ khí của tàn quân địch xây dựng một số đơn vị vũ trang của ta, đồng thời tìm cách lôi kéo số chức sắc còn giữ thái độ chống Diệm.

1. Xem Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 164-168.

Những năm sau này, sự phân hoá trong chính giới Mỹ và chính sách sử dụng tay sai của Mỹ càng làm cho bọn Việt gian thêm mâu thuẫn, xâu xé lẫn nhau, khiến cho thế lực thống trị ở miền Nam chia năm, xẻ bảy.

Đồng chí Lê Duẩn khẳng định: "Biết lợi dụng mâu thuẫn đó, chúng ta không chỉ có thể nhanh chóng xây dựng và xúc tích được lực lượng cách mạng, mà còn tạo ra khả năng lực lượng cách mạng liên hiệp hành động với các tầng lớp trung gian, với cánh tả trong các phe phái, các tổ chức tôn giáo, với các nhóm ly khai, hoặc trung lập hoá một bộ phận trong hàng ngũ địch"¹.

Đối với cách mạng ở miền Bắc, đồng chí Lê Duẩn thường xuyên quan tâm vấn đề phát triển kinh tế. Bàn về kế hoạch 3 năm (1958-1960), đồng chí chỉ rõ, mục tiêu chính là hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là cải tạo nông nghiệp; đồng thời bước đầu phát triển sản xuất nông, công nghiệp để cải thiện một bước đời sống nhân dân. Nông nghiệp có vai trò rất quan trọng. Sau này nếu có chiến tranh trong cả nước, miền Bắc phải là hậu phương lớn cho cuộc chiến đấu ở miền Nam, thì mặt trận nông nghiệp lại càng quan trọng. Phải xúc tiến nghiên cứu các chương trình phục vụ nông nghiệp như thuỷ lợi, thuỷ điện, phân bón, cải tiến nông cụ... Thuỷ lợi là biện pháp hàng đầu; phải bảo

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 181.

đảm đủ nước cho vụ chiêm, hạn chế úng lụt cho vụ mùa. Phấn đấu tăng năng suất là chính, bảo đảm đạt 2 tấn/ha. Phải có chính sách thoả đáng về thuế và cho vay vốn, giải quyết kịp thời vấn đề thu mua, giá cả, để ổn định tư tưởng cho nông dân. Ta đang gặp khó khăn về lương thực nhưng mức độ khó khăn ở từng vùng có khác nhau. Trước mắt, cần vận động đẩy mạnh trồng các loại màu ngắn ngày và tương trợ trong dân; nơi khó khăn nhiều, Chính phủ phải trợ giúp. Trong kế hoạch 3 năm, phải chấm dứt được nạn đói.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, làm theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14. Phát triển các tổ đổi công, rồi đưa dần tổ đổi công lên hợp tác xã; bảo đảm cho hợp tác xã sản xuất tốt hơn tổ đổi công. Phải đảm bảo ba nguyên tắc: Tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ.

Về công nghiệp, ngoài một số công trình về điện, về công nghiệp nhẹ, cần nghiên cứu kế hoạch để có thể sớm triển khai công nghiệp đóng tàu và gang thép. Phải có kế hoạch phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở thành thị cũng như ở nông thôn để giải quyết nhân lực thừa. Chú ý các ngành sản xuất vật liệu xây dựng như: gỗ, ngói, gạch, vôi, đá...

Đồng chí chú ý nhiều đến công tác phát triển giao thông vận tải như làm đường sắt Thanh Hoá - Vinh; làm các đường 21, 41; nhắc nhở việc nâng cấp một số

đoạn chính trên Quốc lộ số 1 và trên các tuyến từ Việt Bắc, Tây Bắc về Hà Nội.

Đồng chí thường xuyên quan tâm đến việc xây dựng Hà Nội, Vinh, Việt Trì thành những thành phố công nghiệp. Đồng chí nhắc nhở nghiên cứu quy hoạch toàn diện; việc xây dựng sẽ thực hiện từng bước, có trọng tâm, chú ý huy động nhân dân tham gia làm những công trình lợi ích công cộng. Ở Hà Nội, ngoài cơ sở công nghiệp, nên bắt đầu xây nhà Quốc hội, Trường Đại học Bách khoa và một số khu nhà ở cho công nhân, viên chức. Đối với các thị xã ở Việt Bắc, Tây Bắc, cần dành ngân sách xây dựng một số công trình dân dụng cấp thiết nhất, giao cho địa phương khôi phục từng bước các nơi nghỉ mát, khu du lịch. Đối với nông thôn, cần có kế hoạch xây dựng các cơ sở y tế, trường học, nhà văn hoá, đường giao thông; phải động viên sức của dân cùng làm với chính quyền cơ sở.

Đối với thương nghiệp, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: *Thương nghiệp* là một vấn đề lớn - Nhà nước cần nắm chắc bán buôn. Tỷ trọng bán lẻ nên tính toán lại. Phải có chủ trương cụ thể gắn thương nghiệp với công nghiệp và nông nghiệp, dùng thương nghiệp để thúc đẩy công, nông nghiệp phát triển. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư nhân, phải có lập trường rõ ràng: cải tạo không phải để cải tạo mà để phát triển sản xuất và bảo đảm đời sống của nhân dân lao

động. Phải phân biệt rõ tư sản, tiểu chủ với người sản xuất nhỏ, buôn bán nhỏ. Đối với tiểu, thủ công nghiệp, ngành nghề gì tổ chức hợp tác xã có lợi cho phát triển sản xuất thì mới cải tạo, không nên bắt ép ai cũng vào hợp tác xã khiến người ta phải bỏ nghề. Những người lao động từ nông thôn ra thành phố buôn gánh, bán bưng là do thiếu việc làm chứ không phải là hiện tượng tự phát tư bản chủ nghĩa.

Về lãnh đạo phát triển kinh tế, cần nắm vững phương châm *tích cực, vững chắc, chống bảo thủ, chủ quan*. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải làm tích cực, vững chắc, tránh gò ép, mệnh lệnh, máy móc.

Để thực hiện kế hoạch 3 năm, cần thiết phải phát động phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, vì đây là một cuộc cách mạng, phải có đông đảo quần chúng hăng hái tham gia thì mới thành công được. Song, khác với thời kháng chiến, thi đua phải gắn với lợi ích thiết thực của người lao động, dân có làm thì có hưởng. Trong kháng chiến trước đây, nhân dân hiểu rõ độc lập của Tổ quốc là lợi ích tối cao nên hăng hái, hy sinh. Bây giờ, trong công tác tuyên truyền cũng như trong mọi công tác khác, phải gắn nghĩa vụ với quyền lợi, gắn giác ngộ xã hội chủ nghĩa với bảo đảm lợi ích của nhân dân. Phải làm cho dân hiểu rõ nghĩa vụ, hiểu rõ lợi ích chung của tập thể, của toàn xã hội, song phải giải quyết rõ ràng, thoả đáng lợi ích của bản thân

người lao động thì mới động viên được quần chúng thi đua xây dựng, sáng tạo.

Cùng với Bác Hồ và Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã đóng góp trí tuệ vạch ra một đường lối đối ngoại đúng đắn, có nguyên tắc, tranh thủ được cả Liên Xô, Trung Quốc đồng tình, ủng hộ ta đánh Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời vẫn giữ vững độc lập tự chủ trong việc lãnh đạo cuộc kháng chiến đầy khó khăn gian khổ ngay từ lúc khởi sự.

Tư tưởng độc lập tự chủ vốn là nguyên tắc chỉ đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam do Bác Hồ khởi xướng và được tiếp tục trong quá trình cách mạng nước ta. Đến thời kỳ chống Mỹ, tư tưởng tự chủ của Bác càng được đồng chí Lê Duẩn và Bộ Tham mưu tối cao của Đảng nêu cao.

Từ giữa những năm 50, Liên Xô, Trung Quốc có quan điểm bất đồng về nhiều vấn đề quốc tế quan trọng. Sau Điện Biên Phủ, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta càng được nhiều nước đồng tình ủng hộ. Liên Xô, Trung Quốc một mặt tiếp tục đoàn kết với ta, tích cực giúp ta hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới ở miền Bắc và ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân ta đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ. Song mặt khác, xuất phát từ chiến lược của mỗi nước, cả Liên Xô, Trung Quốc đều muốn giữ nguyên trạng chính trị ở Việt Nam, tức là kéo dài tình trạng đất nước ta bị chia cắt để tránh

đụng đầu với Mỹ. Họ không muốn, thậm chí ngăn cản ta đẩy mạnh cách mạng miền Nam, khởi động công cuộc giải phóng miền Nam bằng bạo lực. Trung Quốc thuyết phục ta "giữ vĩ tuyến 17", ở miền Nam phương châm thích hợp nhất là "trường kỳ mai phục... chờ đợi thời cơ". "Tình trạng nước Việt Nam bị chia cắt không thể giải quyết trong một thời gian ngắn, mà cần phải trường kỳ. Nếu 10 năm chưa được thì phải 100 năm". Liên Xô khuyên ta đừng để "một đốm lửa cháy cả rừng", cú phẩn đấu giành thắng lợi trong xây dựng miền Bắc và giải quyết vấn đề miền Nam bằng thương lượng.

Những quan điểm, ý kiến trên đây đã gây không ít phân vân do dự trong cán bộ ta, có tác động tiêu cực đến việc vạch ra con đường đúng đắn để đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

Đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ, cuộc đấu tranh chống Mỹ của nhân dân ta tuy là nhiệm vụ dân tộc, nhưng có ý nghĩa quốc tế và tính chất quốc tế này sẽ ngày càng tăng lên. Muốn giành được thắng lợi, trong bất cứ hoàn cảnh nào ta cũng phải thực hiện cho được sự đoàn kết liên minh với các lực lượng cách mạng của thời đại, phải giữ vững sự đoàn kết giữa nước ta với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, trước hết với Liên Xô, Trung Quốc, tranh thủ sự đồng tình giúp đỡ của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, trước hết là sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, hai nước trụ cột của hệ

thống xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ. Đó là nền tảng chính sách đối ngoại của ta. Mặt khác, phải thấy rằng trong giai đoạn này lợi ích chiến lược của Liên Xô, của Trung Quốc không hoàn toàn giống với lợi ích chiến lược của ta. Bạn muốn tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để xây dựng chủ nghĩa xã hội, muốn hoà hoãn với Mỹ, tránh mọi cuộc đụng đầu. Còn ta thì yêu cầu bức bách lúc này phải đánh bại chính sách xâm lược, chính sách chiến tranh của Mỹ; không làm như thế thì phong trào yêu nước ở miền Nam sẽ bị đánh quỵ khó bề gượng dậy. Ta sẽ mất nửa nước ở miền Nam mà hoà bình cho cả nước cũng không bao giờ có được. Đồng chí nhấn mạnh: Ta muốn đánh Mỹ thì không được sợ Mỹ, đồng thời không lệ thuộc vào đường lối của Liên Xô, Trung Quốc. Trái lại, hơn lúc nào hết, phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, Đảng ta là người chịu trách nhiệm trước sự mất còn của dân tộc, sự hưng vong của nước nhà, chiến lược, sách lược cách mạng nước ta phải do Đảng ta định ra thì mới phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm, điều kiện và khả năng của nước mình. Song độc lập tự chủ không có nghĩa là xa rời chủ nghĩa Mác-Lênin, xa rời chủ nghĩa quốc tế. Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta có muôn nghìn mối dây liên hệ với sự nghiệp cách mạng thế giới, với sứ mệnh lịch sử của hệ thống xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn này. Vì thế, chúng ta phải tính đến lợi ích của phe ta, lợi ích của cách mạng thế

giới, phải biết gắn mục tiêu trước mắt của cách mạng nước ta với nhiệm vụ bảo vệ hoà bình, giữ gìn an ninh cho hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Vì lợi ích của cách mạng nước ta cũng như lợi ích của cách mạng thế giới, Đảng ta và Bác Hồ đã cố gắng góp phần giữ gìn sự đoàn kết giữa các đảng và các nước anh em. Kiên trì đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí Lê Duẩn đã phản đối việc tập hợp các đảng theo Đảng Cộng sản Liên Xô để lên án và cô lập Đảng Cộng sản Trung Quốc; đồng chí cũng đã từ chối tham gia một số cuộc hội nghị mà nội dung chứa đựng mầm mống phân liệt do Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập để tranh giành ảnh hưởng với Đảng Cộng sản Liên Xô.

Việc Đảng ta vạch ra được đường lối cơ bản đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, nhất là tìm ra một giải pháp tối ưu vào giai đoạn đầu của sự nghiệp cứu nước của dân tộc, có một ý nghĩa vô cùng to lớn trong bối cảnh trong nước và quốc tế lúc bấy giờ. Đó là một bước mở đầu đúng đắn và cực kỳ quan trọng. Quá trình đẩy mạnh kháng chiến từ đó về sau là quá trình tiếp tục quán triệt tư tưởng độc lập tự chủ vào toàn bộ sự chỉ đạo chiến lược của Đảng ta, không ngừng phấn đấu vượt qua những sức ép từ nhiều phía, chẳng những từ phía Mỹ mà cả từ phía hai nước đồng minh chiến lược của ta qua các giai đoạn khác nhau. Cùng với Bác Hồ và Bộ

Chính trị, đồng chí Lê Duẩn đã giải quyết một cách có nguyên tắc và êm thấm một số nhóm chống đối trong nội bộ Đảng ta.

Chính nhờ nêu cao tư tưởng độc lập tự chủ trong việc hoạch định và hoàn chỉnh đường lối, chính sách cũng như trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo kháng chiến, đồng thời kiên trì thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế với tinh thần trong sáng "có lý có tình", không ích kỷ vụ lợi, không thiên vị bè phái, Đảng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đồng thời thực hiện được mặt trận đoàn kết rộng rãi của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ, hoà bình trên thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ.

Sự đoàn kết và ủng hộ quốc tế, đặc biệt là sự giúp đỡ to lớn, toàn diện và có hiệu lực của Liên Xô, Trung Quốc là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Đồng chí Lê Duẩn là thành viên đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do Bác Hồ dẫn đầu tham dự Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân họp tại Mátxcơva năm 1960. Tại diễn đàn Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn cùng đoàn đại biểu Đảng ta nêu ra một số luận điểm quan trọng:

1- Trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, trong điều kiện thế giới đã hình thành hai

hệ thống đối lập thì chung sống hoà bình và thi đua hoà bình là một sự cần thiết khách quan. Đó là một hình thức quan trọng của cuộc đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới. Đồng thời, cũng cần thấy rằng "chủ nghĩa đế quốc không bao giờ tự nguyện rút lui khỏi vũ đài lịch sử, nhường chỗ một cách dễ dàng cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đó là do bản chất của chúng quy định. Muốn cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản giành được thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới, không có con đường nào khác ngoài con đường kiên quyết tiến hành đấu tranh giai cấp chống chủ nghĩa đế quốc, làm cho chủ nghĩa đế quốc ngày càng suy yếu và cuối cùng bị tiêu diệt hoàn toàn. Sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội sẽ tiếp tục diễn ra bằng những cuộc cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, bằng những cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc"¹.

2- Hiện nay không phải là thời kỳ chủ nghĩa tư bản tạm thời ổn định, không phải là thời kỳ đấu tranh cách mạng tạm thời hoà hoãn, càng không phải là thời kỳ chủ nghĩa tư bản dần dần "tiến" vào chủ nghĩa xã hội một cách hoà bình. Đấu tranh thực hiện chung sống hoà

1. Lê Duẩn: *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963, tr. 168.

bình giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa và đẩy mạnh phong trào cách mạng ở các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa không hề mâu thuẫn nhau, mà trái lại gắn liền nhau. Hiện nay, trong thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống đối lập, *"cuộc đấu tranh chung của phong trào cộng sản quốc tế bao gồm hai mặt: một là, phải tiến hành mạnh mẽ cuộc đấu tranh để thực hiện chung sống hoà bình giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa, làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng được tăng cường vững chắc; hai là, đi đôi với cuộc đấu tranh ấy, cần ra sức phát triển phong trào cách mạng ở các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa, sử dụng triệt để những khả năng cách mạng để đánh đổ chủ nghĩa đế quốc"*¹. Chỉ nhấn mạnh một chiều vấn đề hoà bình và chung sống hoà bình, mà không quan tâm đến việc đẩy mạnh phong trào cách mạng ở các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa, hoặc là vì muốn bảo vệ hoà bình và giành chung sống hoà bình mà hạn chế phong trào cách mạng thì sẽ gây thiệt hại không nhỏ cho chính phong trào hoà bình và làm chậm bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3- Cùng với phe xã hội chủ nghĩa, các dân tộc đang đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội đã kết thành một lực lượng hùng hậu và

1. Lê Duẩn: *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, 1963, tr.169.

ngày càng có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của lịch sử. Tình hình đó có nghĩa là *"về mặt chiến lược, các lực lượng cách mạng rõ ràng đang ở thế công, còn các lực lượng phản động của chủ nghĩa đế quốc thì đang ở thế thủ..."* Song cần nhận rõ rằng hiện nay chủ nghĩa đế quốc còn thống trị một bộ phận quan trọng của quả đất, lực lượng của chúng còn lớn và không hề giảm bớt nguy hiểm... Vì vậy, khi tiến hành chiến lược thế công, phải rất thận trọng, phải tiến từng bước, phải có mức độ thích hợp với tình hình cụ thể, tức là phải áp dụng *phương thức đấu tranh đẩy lùi từng bước và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc*"¹.

4- Tăng cường sức mạnh về mọi mặt của phe xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với sự phát triển của thế giới hiện đại. Sự đoàn kết giữa các nước trong phe xã hội chủ nghĩa là nền tảng của sự đoàn kết trong phong trào cộng sản quốc tế. Sự đoàn kết giữa Liên Xô và Trung Quốc, giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc có tầm quan trọng đặc biệt đối với vận mệnh của phe xã hội chủ nghĩa và của phong trào cộng sản quốc tế. *Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam sẽ tiếp tục góp phần tích cực bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong phe*

1. Lê Duẩn: *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963, tr. 176.

xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chúng ta sẽ không ngừng tăng cường sự đoàn kết và tình hữu nghị không gì lay chuyển nổi giữa nước ta với Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em khác, giữa Đảng ta với Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Cộng sản Trung Quốc và các đảng anh em khác¹.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta chứng tỏ sự đúng đắn của những luận điểm trên đây. Thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam góp phần làm suy yếu Mỹ, giúp Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác giảm bớt căng thẳng trong quan hệ với Mỹ và các nước đế quốc khác, thúc đẩy sự phát triển của phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình trên thế giới.

Đó là thành công to lớn của tư tưởng độc lập tự chủ, kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế cách mạng.

2. Lãnh đạo xây dựng miền Bắc và đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ và tay sai

Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, xây dựng miền Bắc vững mạnh

Gần 7 năm sau khi cuộc kháng chiến chống thực

1. Xem: Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 197.

dân Pháp thắng lợi, tình hình cách mạng trên cả hai miền Nam - Bắc có nhiều thay đổi, cách mạng Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn mới với những bước ngoặt quan trọng.

Ở miền Bắc, sau kế hoạch 3 năm cải tạo và xây dựng, nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội - đã từng bước chuyển từ nền kinh tế nhiều thành phần sang nền kinh tế mới với hai hình thức sở hữu chủ yếu là sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể. Trong ba năm ấy (1958-1960), giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân 4,4% năm, công nghiệp 22,6% năm. Cùng việc tổ chức các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, một số cơ sở công nghiệp mới bắt đầu được xây dựng. Đó là cơ sở củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước dân chủ nhân dân.

Ở miền Nam, với thắng lợi của phong trào Đồng khởi, cách mạng miền Nam đã chuyển "từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công", hình thái của một cuộc chiến tranh cách mạng dần dần hình thành.

Tình hình cách mạng trên cả hai miền Nam - Bắc đòi hỏi Đảng phải khẳng định đường lối chiến lược, những chính sách nhằm đáp ứng yêu cầu của đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (họp từ ngày 5 đến 10 - 9 - 1960) diễn ra trong thời điểm lịch sử đó.

Độc Diễn văn khai mạc Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Đại hội này là Đại hội xây dựng chủ

nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà"¹. Những văn kiện mà Đại hội đã thảo luận và thông qua đều nhằm vào thực hiện chiến lược của hai cuộc cách mạng trên hai miền đất nước.

Ngày 5-9-1960, đồng chí Lê Duẩn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội. Sau khi phân tích tình hình cách mạng ở mỗi miền, Báo cáo chính trị nêu rõ: Nhiệm vụ cách mạng ở hai miền thuộc hai chiến lược khác nhau, nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể của mỗi miền, nhưng đều nhằm một mục tiêu chung là thực hiện thống nhất Tổ quốc; trong đó, nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là *nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta*.

Nhiệm vụ cách mạng miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Tổng kết kinh nghiệm của Đảng ta qua 30 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt là 10 năm kể từ Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, Báo cáo chính trị đã nêu lên những bài học kinh nghiệm rất quý báu về việc hoạch định đường lối, xây dựng và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr. 198.

củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất; về đoàn kết quốc tế; về xây dựng đảng, v.v..

Về công tác xây dựng đảng, Báo cáo chính trị nêu rõ: trong giai đoạn mới của cách mạng phải nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, tức là phải tăng cường tính chất giai cấp và tính chất tiên phong của Đảng, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, nâng cao năng lực về mọi mặt cho đảng viên và chi bộ.

Về đặc điểm của miền Bắc khi tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, Báo cáo chính trị đã chỉ ra rằng: với một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chủ yếu dựa trên nền sản xuất nhỏ cá thể, cơ sở vật chất kém cỏi và non yếu. Tuy nhiên, thuận lợi rất cơ bản là miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội khi các nước xã hội chủ nghĩa đã thành một hệ thống thế giới và sự giúp đỡ là rất to lớn. Đó là điều kiện bảo đảm để miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc tiến hành trong hoàn cảnh nước ta bị chia làm hai miền. Vì vậy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc phải nhằm trước hết xây dựng miền Bắc trở thành căn cứ địa của cả nước, thành hậu phương bảo đảm chi viện thắng lợi cho cách mạng miền Nam.

Báo cáo chính trị nhấn mạnh, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, sâu sắc nhằm đưa miền Bắc từ

nền sản xuất nhỏ lạc hậu lên nền sản xuất lớn, tiên tiến và xã hội chủ nghĩa, làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Muốn đạt được mục tiêu đó không có con đường nào khác là phải tiến hành công nghiệp hoá. Vì vậy, "Công nghiệp hoá là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Điều kiện để thực hiện công nghiệp hoá là phát triển nông nghiệp, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp và nông nghiệp, phải coi đó là một cuộc cách mạng về kinh tế.

Báo cáo chính trị của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng là trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta, trong đó đồng chí Lê Duẩn đóng góp một phần rất quan trọng, kể từ khi đồng chí được cử vào ban chuẩn bị Đại hội (1957). Các văn kiện đó phản ánh ý chí quyết tâm và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân tộc Việt Nam quyết giành thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc; quyết đi theo con đường chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đã bầu đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, củng cố các thành quả đã đạt được đồng thời chi viện cho nhân dân miền Nam tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng là mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc. Để đạt mục tiêu đó, Đại

hội III của Đảng đã đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất gồm những nhiệm vụ cơ bản như sau:

“a. Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện một bước việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển công nghiệp thực phẩm và công nghiệp nhẹ, phát triển giao thông vận tải, tăng cường thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, chuẩn bị cơ sở để tiến lên biến nước ta thành một nước công nghiệp và nông nghiệp xã hội chủ nghĩa.

b. Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, tăng cường mối quan hệ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

c. Nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng kinh tế và công nhân lành nghề, nâng cao năng lực quản lý kinh tế của cán bộ, công nhân và nhân dân lao động; xúc tiến công tác khoa học và kỹ thuật, xúc tiến thăm dò tài nguyên tự nhiên và tiến hành điều tra cơ bản, nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế và văn hoá xã hội chủ nghĩa.

d. Cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và văn

hoá của nhân dân lao động, làm cho nhân dân ta được ăn no, mặc ấm, tăng thêm sức khoẻ, có thêm nhà ở và được học tập, mở mang sự nghiệp phúc lợi công cộng, xây dựng đời sống mới ở nông thôn và thành thị.

e. Đi đôi và kết hợp với phát triển kinh tế, cần ra sức củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự an ninh, bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc”¹.

Để cụ thể hoá chủ trương đường lối của Đại hội lần thứ III của Đảng, tháng 7-1961, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ năm để bàn về phát triển nông nghiệp.

Thực tiễn và kinh nghiệm trong nhiều năm qua cho thấy, lấy nông nghiệp làm cơ sở để phát triển công nghiệp là đường lối đúng đắn. Từ một nước nông nghiệp lên chủ nghĩa xã hội, phải dựa vào nông nghiệp để phát triển công nghiệp là một trong những biện pháp có hiệu quả thiết thực. Với nhận định như vậy, Hội nghị Trung ương 5 đã xác định: phải thấu suốt hơn nữa phương châm phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, tập trung sức phấn đấu làm cho sản xuất lương thực chuyển biến tốt hơn. Phải chú trọng phát triển vùng cây công nghiệp và xuất khẩu; xây dựng nông thôn trở thành thị trường cho công nghiệp; phải

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 21, tr. 566-567.

hết sức coi trọng thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, đồng thời tích cực khai hoang và phát triển các ngành nghề, xúc tiến bước đầu phân vùng nông nghiệp, dựa vào đó mà xác định đúng đắn phương hướng sản xuất của từng địa phương, thực hiện một cách có hiệu quả các biện pháp kỹ thuật, cải tiến công cụ, coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu; phải tiến hành một cuộc cách mạng rất sâu rộng trong nông thôn. Phải tổ chức và phân công lại lao động trong nông nghiệp.

Phát biểu kết luận Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn nhận định: "Nông nghiệp miền Bắc nước ta có đủ khả năng bảo đảm được lương thực cho nhu cầu của nhân dân và làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp. Tất nhiên đó là một vấn đề khó khăn, phải phấn đấu gian khổ. Đó là một cửa ải trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có quyết tâm đầy đủ thì mới có thể vượt qua được cửa ải đó, nhưng nhất định ta có đủ điều kiện để vượt qua"¹. Đồng chí cho rằng điểm mấu chốt là phải phát triển được lực lượng sản xuất trong nông nghiệp. Để đạt được điều đó "phải dựa vào hợp tác xã và nông trường quốc doanh, trước hết là dựa vào hợp tác xã"².

Về vấn đề cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, đồng chí Lê Duẩn nêu rõ: cải tạo xã hội chủ

1, 2. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 99, 100-101.

nghĩa đối với nông nghiệp ở nước ta "chủ yếu không phải cải tạo quan hệ bóc lột, vì giai cấp địa chủ đã bị đánh đổ, phú nông tuy còn, nhưng bình quân chiếm hữu ruộng đất không nhiều". Vấn đề chính là cải tạo toàn bộ phương thức sản xuất, biến nền sản xuất cá thể, phân tán, thành nền sản xuất tập thể, tập trung sức lao động, tư liệu sản xuất của nông dân cá thể lại để xây dựng một phương thức sản xuất mới, hình thành một tổ chức lao động mới, một sự phân công lao động mới.

Từ kinh nghiệm tập thể hoá nông nghiệp của các nước anh em, đồng chí Lê Duẩn cho rằng trong điều kiện kỹ thuật còn lạc hậu, trình độ quản lý còn non kém, với tình hình và kinh nghiệm thực tế của ta, trước mắt nên mở rộng hợp tác xã quy mô thôn, từ 150 đến 200 hộ. Đó là quy mô vừa phải, có thể tạo ra sự phân công lao động mới, do đó có lực lượng để tăng vụ, khai hoang, làm công tác thuỷ lợi, cải tiến kỹ thuật, phát triển ngành nghề, làm cho tính ưu việt của hợp tác xã biểu hiện rõ và sẽ đưa tới một cao trào cách mạng mới trong việc phát triển nông nghiệp.

Nhắc nhở cán bộ đảng viên phải chú ý tránh bệnh ấu trĩ "tả" khuynh trong công tác xây dựng và quản lý hợp tác xã nông nghiệp, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh: "Trong nền kinh tế quốc dân của chúng ta có ba hình thức sở hữu: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu cá thể... Hợp tác xã thuộc sở hữu tập thể. Trong việc

quản lý hợp tác xã, chúng ta *phải nắm vững tính chất sở hữu tập thể của hợp tác xã*, đồng thời phải biết kết hợp kinh tế tập thể của hợp tác xã với kinh tế phụ của gia đình xã viên... cần duy trì nó để bổ sung cho kinh tế tập thể của hợp tác xã, tăng thêm sản phẩm hàng hoá và thu nhập của xã viên. Chúng ta không nên sợ nó đẻ ra chủ nghĩa tư bản"¹.

Đồng chí yêu cầu các hợp tác xã phải thực hiện tốt cả ba mặt quản lý sản xuất, lao động và tài vụ; phải nắm vững và thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động; đồng thời phải thực hiện đúng nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Phải làm thế nào cho mỗi xã viên, nông dân thấy rõ mục đích sản xuất, thấy rõ lợi ích của chính bản thân mình, từ đó tạo động lực làm cho họ hăng hái sản xuất, tin tưởng vào đường lối chính sách, tích cực thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đồng chí Lê Duẩn cho rằng phát triển thủy lợi, tăng cường cải tiến nông cụ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật là những biện pháp có hiệu quả nhất để quản lý hợp tác xã; phải coi đây là một cuộc cách mạng kỹ thuật ở nông thôn.

Thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta là "xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 103.

nghĩa cân đối và hiện đại, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp thành một nước có công nghiệp hiện đại và nông nghiệp hiện đại". Đó là đường lối mà Đại hội III của Đảng đã đề ra. Cụ thể hoá đường lối này, tháng 6-1962, Hội nghị Trung ương 7 (mở rộng) bàn về phương hướng và phát triển công nghiệp đã được triệu tập.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn nêu rõ: "Điểm mấu chốt của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng là xuất phát từ yêu cầu khách quan phải xây dựng nền kinh tế tự chủ của nước ta"¹. Mục đích phát triển công nghiệp nặng là "thoả mãn những nhu cầu của nhân dân về ăn, ở, mặc, thuốc men, học tập, đi lại và đảm bảo quốc phòng"². Mục tiêu của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là "tiến lên cơ khí hiện đại", "đưa nền sản xuất từ thủ công lên nửa cơ khí trong bước đầu là rất quan trọng", quy mô phát triển là "đi đôi với việc xây dựng xí nghiệp lớn, phải rất coi trọng những xí nghiệp vừa và nhỏ, đi đôi với việc xây dựng xí nghiệp mới, phải hết sức coi trọng

1, 2. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 189-190, 207.

sử dụng tốt và phát huy những xí nghiệp đã có"¹.

Tích lũy vốn cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là vấn đề mà đồng chí Lê Duẩn rất quan tâm. Đồng chí khẳng định: "Không giải quyết được vấn đề tích lũy vốn thì không thể nói đến công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa". Theo đồng chí Lê Duẩn, cùng với nguồn viện trợ và cho vay ưu đãi của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, biện pháp tích lũy vốn có hiệu quả nhất là tăng năng suất lao động và thực hành tiết kiệm. Muốn thực hiện được điều đó, các địa phương, các ngành, các cơ sở sản xuất phải nâng cao trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật cho người lao động; phải tổ chức và quản lý sản xuất cho tốt; phải phấn đấu để "mỗi nhà máy, hợp tác xã... đều kinh doanh có lãi".

Trong quá trình cùng Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, đồng chí Lê Duẩn đã nhiều lần phân tích, cụ thể hoá đường lối do Đại hội III của Đảng đề ra, giải thích những chủ trương, biện pháp về phát triển nông nghiệp và công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Phát biểu tại Hội nghị cán bộ Tuyên giáo toàn miền Bắc (4 -1962), đồng chí Lê Duẩn phân

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 208.

tích rõ: "Cuộc cách mạng của chúng ta là cuộc cách mạng sâu sắc nhất trong lịch sử dân tộc ta. Cuộc cách mạng đó là một quá trình bao gồm nhiều cuộc cách mạng. Chúng ta đã làm cách mạng chính trị. Chúng ta đã và đang làm cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, đồng thời đang làm cuộc cách mạng kỹ thuật... Đi kèm với cách mạng kỹ thuật phải làm cuộc cách mạng tư tưởng, văn hoá"¹. Đồng chí Lê Duẩn đã lưu ý: Trong cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất "phải chú ý đến tình hình thực tế rất đặc biệt của Việt Nam"; phải nhớ "trong cải tạo có những vấn đề thuộc về chính trị tư tưởng". Đồng chí đặc biệt nhấn mạnh: "Cải tạo xã hội chủ nghĩa là đấu tranh giai cấp, thủ tiêu giai cấp bóc lột, đồng thời là một cuộc cách mạng chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cải tạo của ta gồm hai nội dung đó, chứ không phải chỉ có một nội dung đấu tranh giai cấp, hơn nữa nội dung chủ yếu lại là đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn"².

"Xây dựng miền Bắc, chiếu cố miền Nam" là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc cách mạng ở hai miền Nam - Bắc. Đồng chí Lê Duẩn thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên: Trong khi làm cách mạng cải tạo quan hệ sản xuất "chúng ta

1, 2. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 118, 120.

không phải chỉ nghĩ đến miền Bắc, mà còn phải nghĩ đến cả miền Nam... phải quán triệt tình hình chung là một dân tộc đang làm hai nhiệm vụ cách mạng"¹. Xuất phát từ quan điểm khoa học và thực tiễn trong quan hệ giai cấp ở Việt Nam, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: "Làm cách mạng xã hội chủ nghĩa có nghĩa là xoá bỏ giai cấp tư sản, biến sở hữu tư bản thành sở hữu của toàn dân. Nhưng vì giai cấp tư sản của ta yếu và đã từng đi với chúng ta chống đế quốc, đồng thời ở miền Nam nhân dân ta còn phải chống đế quốc, ở đó có Mặt trận Dân tộc Giải phóng, trong đó có giai cấp tư sản; vì giai cấp tư sản ở miền Bắc và giai cấp tư sản ở miền Nam là giai cấp trong một nước, cho nên việc làm ở miền Bắc đối với giai cấp tư sản có ảnh hưởng tới giai cấp tư sản ở miền Nam"². Vấn đề quan trọng trong cải tạo xã hội chủ nghĩa là phải xử lý những quan hệ giai cấp đó cho thoả đáng, nhằm mục tiêu chống đế quốc Mỹ, thực hiện hoà bình thống nhất đất nước.

Về cuộc cách mạng kỹ thuật, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: trọng tâm của toàn bộ cuộc cách mạng kỹ thuật hiện nay là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đồng chí nói: "Chúng ta tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua

1, 2. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 127,128.

giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đó sẽ lấy công nghiệp nặng làm nền tảng. Nội dung cơ bản của việc tiến lên sản xuất lớn đó là chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí hoá... Nhiệm vụ trước mắt của ta là cơ khí hoá. Muốn cơ khí hoá, phải có điện và sắt thép... Muốn có cơ khí thì phải có công nghiệp nặng, tức là công nghiệp làm ra máy móc. Nhưng làm công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo máy móc để làm gì? Chính là để trang bị cho nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, giao thông vận tải và xây dựng. Trước tiên, phải trang bị cho nông nghiệp"¹.

Đồng chí cho rằng, muốn thay thế lao động thủ công bằng lao động sử dụng máy móc phải hết sức coi trọng khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật; phải làm thế nào để khoa học kỹ thuật ngày càng đi sát sản xuất, phục vụ đắc lực cho các ngành kinh tế quốc dân, phục vụ tốt đời sống và sức khoẻ của nhân dân. Để thực hiện được điều đó trước hết phải tạo nên sự chuyển biến tư tưởng nhận thức trong Đảng về tầm quan trọng của khoa học kỹ thuật; phải chú ý đào tạo bồi dưỡng và sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đồng thời phát động một phong trào cách mạng mạnh mẽ của quần chúng tiến công vào khoa học kỹ thuật. Đồng chí

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 133-134.

đặc biệt lưu ý "phải chú ý đầy đủ đến các ngành khoa học cơ bản" vì đây là cơ sở cho các môn khoa học khác; trong khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật phải "rất coi trọng các ngành khoa học ứng dụng", trong các ngành khoa học xã hội "cần đặc biệt coi trọng khoa học kinh tế" vì đó là điều kiện để thực hiện tốt các nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài. Mục tiêu chiến lược của cách mạng khoa học kỹ thuật là để "nhanh chóng thay đổi bộ mặt lạc hậu của nước ta, làm cho nước ta trở thành một nước chẳng những có chính trị tiên tiến, mà còn có kinh tế tiên tiến, văn hoá khoa học tiên tiến"¹.

Đại hội III của Đảng đã chỉ rõ: Đi đôi với cách mạng kỹ thuật, chúng ta phải làm cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá. Giải thích việc tất yếu phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng văn hoá, đồng chí Lê Duẩn nêu một cách khái quát: "tự nhiên có những quy luật riêng của tự nhiên, xã hội có quy luật riêng của xã hội, tư tưởng có quy luật riêng của tư tưởng. Tư tưởng có quy luật riêng, cho nên khi làm cách mạng tư tưởng và văn hoá phải nắm và vận dụng cho được những quy luật riêng của tư tưởng... Cuộc cách mạng tư tưởng của chúng ta phải nhằm xây dựng cho mỗi người có nhân sinh quan mới, phù hợp với điều kiện kinh tế mới, quan hệ sản xuất và

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 96

kỹ thuật sản xuất mới"¹. Đồng chí đã chỉ ra những yêu cầu và điều kiện để giành thắng lợi trong cuộc cách mạng tư tưởng văn hoá. Đó là phải có lý luận, phải nhận thức rõ bước đường tiến lên của xã hội; phải nắm vững những yêu cầu, điều kiện kinh tế của xã hội mới; phải hiểu rõ trong những tư tưởng ý thức của xã hội cũ những gì cần phải phá bỏ, có gì thích hợp cần chọn lọc và giữ gìn phát triển. Cách mạng tư tưởng và văn hoá là nhằm cải tạo lý trí, đồng thời cải tạo cả tình cảm, xây dựng hệ thống lý trí và tình cảm mới. Cách mạng tư tưởng văn hoá là việc làm lâu dài, phải phục vụ đúng yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng.

Phát biểu tại Hội nghị phổ biến Nghị quyết lần thứ tám của Trung ương Đảng về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất 1961- 1965 (18-5-1963), đồng chí Lê Duẩn đánh giá một cách toàn diện sự lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng kinh tế; nêu rõ những thuận lợi và những khó khăn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng chí khẳng định: "Nhìn lại quãng đường đã đi qua, chúng ta nức lòng phấn khởi thấy mình đã đi đúng đường lối và đã bước được một bước vững chắc trong cuộc tiến công vào nghèo nàn và lạc hậu. Khuếch trương những thắng lợi to lớn đã giành được, phát huy những

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 149-150.

thuận lợi rất cơ bản của chế độ ta và của nền kinh tế mới, chúng ta quyết đem hết tinh thần và lực lượng để khắc phục khó khăn, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất... Thắng lợi ngày mai sẽ vô cùng rực rỡ huy hoàng vì hôm nay chúng ta đang chiến đấu cực kỳ gay go gian khổ"¹.

Với cương vị Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn cùng với Trung ương Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc vượt qua khó khăn gian khổ, giành những thắng lợi bước đầu nhưng vô cùng quan trọng trong công cuộc xây dựng miền Bắc vững mạnh. Từ cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc, tháng 12-1964, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III đã bổ sung đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc. Đó là xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân vững mạnh, thực hiện nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hoá, trong đó lấy cách mạng kỹ thuật là then chốt. Đây cũng là cơ sở lý luận để Đảng ta xác định đường lối xây dựng đất nước nhiều năm sau đó.

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 339-340.

Đồn hết tâm lực cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta hoạch định đường lối, chủ trương chiến lược cho cách mạng Việt Nam, đồng thời, với cương vị và trọng trách của mình, đồng chí Lê Duẩn đã dành sự quan tâm sâu sắc đến hoạt động của các ngành, các giới. Đồng chí đã nhiều lần đi thăm các địa phương và có nhiều ý kiến chỉ đạo rất sâu sắc.

Ngày 29-6-1962, trong không khí vui vẻ của ngày Hội trường Đại học sư phạm Hà Nội, đồng chí Lê Duẩn đã tới dự và nói chuyện với thầy giáo và sinh viên nhà trường. Đồng chí căn dặn thầy trò nhà trường: "Càng yêu người bao nhiêu thì càng yêu nghề bấy nhiêu", "nghề thầy giáo là nghề nhiều bạn nhất, là nghề có đời sống tình cảm dồi dào và phong phú nhất... nghề thầy giáo cũng là nghề rất đẹp và rất cao quý. Những thầy giáo không yêu nghề cũng có nghĩa là các đồng chí đó không yêu người"¹. Chỉ rõ vai trò của giáo dục trong sự nghiệp xây dựng đất nước, đồng chí nói: "Chúng ta phải rất coi trọng việc xây dựng con người mới, con người của chủ nghĩa xã hội. Đảng và nhân dân trông cậy ở các thầy giáo và mong sao các thầy giáo làm tròn sứ mệnh vẻ vang là đào tạo một thế hệ mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội quang vinh"².

1, 2. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 183-184.

Quan tâm đặc biệt đối với thế hệ trẻ, ngày 7-9-1963, trong dịp tới thăm và nói chuyện tại Đại hội những người sản xuất giỏi trong phong trào xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, đồng chí Lê Duẩn căn dặn đoàn viên thanh niên "phải là người đứng mũi chịu sào, đi đầu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội"; hãy "lấy sự hy sinh phấn đấu cho cách mạng làm hạnh phúc cao nhất của đời mình".

Phấn khởi, tin tưởng vào sự nghiệp xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu, nhân dân miền Bắc đã đạt nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những thay đổi và thành tựu ấy đã đưa miền Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt Nam trong cả nước, với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng vững mạnh. Tính đến đầu năm 1965, gần 90% nông hộ đã vào hợp tác xã với 9 huyện và 125 hợp tác xã đạt năng suất bình quân 5 tấn thóc/ha. Trong sản xuất công nghiệp có 1.132 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh được xây dựng; sản lượng công nghiệp tăng bình quân 13,6% năm; sản lượng điện tăng gấp 10 lần so với năm 1955; một số khu công nghiệp mới như Việt Trì, Thái Nguyên đã hình thành.

Cùng với sự tăng trưởng về kinh tế, sự nghiệp y tế, giáo dục cũng có bước phát triển vượt bậc. 90% số xã ở đồng bằng, 70% số xã miền núi đã có trạm y tế; số thầy

thuốc các cấp tăng gấp 5 lần so với năm 1960 (trong đó có 1.525 bác sĩ, 8043 y sĩ). Tới năm 1965, trên miền Bắc có 18 trường đại học và cao đẳng với 34.000 sinh viên theo học; hơn 4,5 triệu người đi học; một số dân tộc thiểu số đã có chữ viết riêng. Nhờ phát triển hệ thống giáo dục đào tạo các cấp, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề được tăng lên rõ rệt. Đến năm 1965, trên miền Bắc có 2.615 cán bộ có trình độ đại học, trên đại học; hơn 11.000 cán bộ có trình độ trung cấp. Đây là vốn quý để nhân dân ta tiến những bước cao hơn trong sự nghiệp xây dựng miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước những năm sau đó.

Xây dựng quân đội dần dần tiến lên chính quy hiện đại để đủ sức bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa trên miền Bắc, giải phóng miền Nam và làm tròn nghĩa vụ quốc tế là một chủ trương chiến lược của Đảng ta. Trong những năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) cũng là khoảng thời gian thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai về xây dựng quân đội nhân dân theo quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Các lực lượng vũ trang đã có bước phát triển mới. Chỉ tính đến năm 1963, quân đội thường trực đã có 173.500 người; 1,4 triệu dân quân tự vệ, trong đó 20% được trang bị vũ khí. Để sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, miền Bắc đã có 1,2 triệu người đăng ký quân dự bị, trong đó có 180.000 người sẵn sàng nhận lệnh động viên

để tăng quân đội thường trực lên 350.000 người¹. Cùng với việc bổ sung quân số, trang thiết bị kỹ thuật cũng được tăng cường. Những đơn vị tập kết được tổ chức thành các lữ đoàn, có trang bị gọn nhẹ, hỏa lực mạnh đã sẵn sàng trở lại chiến trường; các sư đoàn chủ lực cơ động được biên chế đủ các đơn vị kỹ thuật; các quân binh chủng được củng cố và trang bị kỹ thuật tương đối hiện đại. Đến năm 1963, các công trình phòng thủ miền Bắc cơ bản đã xây dựng xong.

Nhận thức là một quá trình và chịu sự tác động chi phối của nhiều yếu tố khách quan. *Hạn chế lịch sử của Đại hội Đảng lần thứ III là chưa có dự kiến về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ*². Hạn chế đó có chi phối nhất định những vấn đề về quy mô, tốc độ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa; chi phối những vấn đề về cải tạo xã hội chủ nghĩa và tập thể hoá nông nghiệp, v.v..

Chiến tranh là sự thử thách cao nhất đối với một chế độ. Điều đó có tính quy luật.

Ngày 5-8-1964, giữa lúc toàn Đảng, toàn dân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thì giới cầm quyền Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất. Kể từ đó, đặc biệt là từ đầu

1, 2. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.2, tr.197-198, 145.

1965, cả nước là một chiến trường. Miền Bắc xây dựng trong khói lửa của chiến tranh phá hoại, đồng thời chi viện cho miền Nam chiến đấu. Miền Nam chiến đấu dũng cảm vì độc lập thống nhất và bảo vệ miền Bắc. Chế độ xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc bước vào thử thách và ngay từ những ngày tháng đầu tiên, sức sống và tính ưu việt đã được phát huy. Trong khói lửa chiến tranh, mọi sinh hoạt và đời sống xã hội vẫn bình thường; công cuộc xây dựng đất nước vẫn tiếp tục phát triển; sự chi viện cho cuộc kháng chiến ở miền Nam ngày càng lớn hơn. Năm 1963, hơn 4 vạn cán bộ, chiến sĩ; 1430 tấn vũ khí; 7000 tấn lương thực, 34 tấn thuốc men và dụng cụ y tế; hơn 2000 tấn vật tư khác đã được đưa vào phục vụ chiến trường miền Nam. Riêng năm 1964, 17.427 cán bộ, chiến sĩ; 3435 tấn vũ khí đã đến với các mặt trận. Đó là nguồn sức mạnh quan trọng để quân và dân miền Nam cùng quân đội cả nước đánh thắng chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai.

Lãnh đạo quân và dân ta đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ

Từ năm 1961, đế quốc Mỹ buộc phải chuyển sang áp dụng chiến lược "chiến tranh đặc biệt" để đối phó phong trào cách mạng miền Nam đã chuyển sang thế tiến công, từ những cuộc khởi nghĩa từng phần (1959-1960) chuyển sang chiến tranh cách mạng.

"Chiến tranh đặc biệt" là một trong ba loại hình trong chiến lược quân sự toàn cầu "phản ứng linh hoạt" của đế quốc Mỹ. Nội dung chủ yếu của nó là dùng lực lượng quân đội tay sai được Mỹ trang bị, huấn luyện và yểm trợ để đàn áp phong trào cách mạng. Ở miền Nam, nơi Mỹ chọn thí nghiệm chiến lược "chiến tranh đặc biệt", biện pháp chiến lược chủ yếu mà Mỹ áp dụng là mở hàng loạt cuộc càn quét, đánh phá gom dân vào các ấp chiến lược trên quy mô toàn miền Nam theo chiến thuật : "Tát nước, bắt cá", đồng thời mang quân chủ lực ngụy có sự yểm trợ của các đơn vị máy bay, xe tăng Mỹ tiến hành các cuộc hành quân nhằm tiêu hao, tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng của ta.

Mỹ - Diệm coi chương trình lập ấp chiến lược là "quốc sách", là "xương sống" của "chiến tranh đặc biệt". Chúng đặt chỉ tiêu lập được 16.000 ấp chiến lược trong tổng số 17.000 ấp ở toàn miền Nam và hoàn thành công cuộc bình định trong vòng 18 tháng theo kế hoạch Stalây Taylo (từ giữa năm 1961 đến hết năm 1962); và sau đó lại đặt kế hoạch hoàn thành trong hai năm (1963-1964), theo kế hoạch Giônxon-Mắc Namara.

Thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã đẩy cuộc chiến tranh Việt Nam lên một nấc thang mới. Để đối phó và đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt", đồng thời thúc đẩy phong trào cách mạng miền Nam tiến lên, trên cơ sở thế

mới và lực mới do phong trào Đồng khởi tạo ra, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chủ trương phát triển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ khởi nghĩa thành chiến tranh giải phóng - một cuộc chiến tranh cách mạng và tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo của Trung ương đối với cách mạng miền Nam.

Với tư cách là Bí thư thứ nhất, đồng chí Lê Duẩn đã cùng Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương có những biện pháp kịp thời chỉ đạo sự chuyển hướng cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 23-1-1961 quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam. Trung ương Cục là một bộ phận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chỉ đạo trực tiếp miền Nam - chủ yếu là Nam Bộ. Đây là một chủ trương rất đúng đắn và kịp thời nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương về mọi mặt, tại chỗ, đáp ứng những đòi hỏi mới của cuộc chiến tranh.

Tiếp đó ngày 31-1-1961, Bộ Chính trị ra chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam. Bộ Chính trị đã phân tích sâu sắc tình hình thế giới, tình hình khu vực, tình hình nước ta, những thuận lợi, khó khăn và khẳng định: "Thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ - Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu".

Tuy nhiên, với bản chất phản động và còn lực lượng,

chúng đang tìm đủ cách và dồn sức đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Sau khi nhận định tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam, Bộ Chính trị xác định phương hướng chiến lược, phương châm đấu tranh, những công tác cấp bách trước mắt của cách mạng miền Nam:

- Xây dựng lực lượng chính trị và phát động quần chúng đấu tranh;

- Xây dựng lực lượng vũ trang;

- Xây dựng mặt trận và chính quyền;

- Xây dựng căn cứ địa;

- Thống nhất cơ quan chỉ đạo cách mạng ở miền Nam, v.v..

Tháng 2-1961, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về nhiệm vụ quân sự trong 5 năm (1961-1965) và phương hướng nhiệm vụ của cách mạng miền Nam.

Tháng 12-1962, từ thực tiễn miền Nam và thực tiễn thắng lợi trên chiến trường Lào, Bộ Chính trị đã họp bàn biện pháp bổ sung chủ trương và phương hướng đấu tranh ở miền Nam. Phân tích tình hình, Bộ Chính trị nhận định: Từ khi trực tiếp can thiệp vũ trang vào miền Nam Việt Nam dưới "hình thức một loại chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ đã mở một cục diện chiến tranh thực sự với quy mô khá lớn ở miền Nam Việt Nam là một sự chuyển hướng lớn về chiến lược của chúng. "Nhưng nhìn chung về toàn cục, sự can

thiệt vũ trang của đế quốc Mỹ vào miền Nam Việt Nam mang tính chất phòng ngự"¹.

Từ nhận định trên, Bộ Chính trị kết luận, ta có khả năng thắng địch trong “chiến tranh đặc biệt” và đặt ra yêu cầu của chiến tranh cách mạng miền Nam là phải kiềm chế và thắng địch trong loại chiến tranh này, đồng thời phải hết sức đề cao cảnh giác đối phó với mọi hoạt động phiêu lưu, mạo hiểm do địch liêu lĩnh gây ra. Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ trước mắt và phương châm tác chiến của chiến tranh cách mạng miền Nam; quyết định nhanh chóng đưa lực lượng chiến đấu vào miền Nam, tăng cường hơn nữa công tác xây dựng lực lượng vũ trang ở miền Nam.

Tháng 11-1963, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ chín, bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng miền Nam. Nghị quyết của Hội nghị là căn cứ để Đảng ta chỉ đạo toàn dân ta đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.

Với cương vị người lãnh đạo Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn không chỉ cùng với Ban Chấp hành Trung ương hoạch định đường lối chiến lược, sách lược, phương pháp cách mạng mà

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 23, tr. 813.

còn thường xuyên góp ý, chỉ đạo chặt chẽ công tác lãnh đạo cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam.

Để thực hiện sự chuyển hướng lớn trên chiến trường, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 2-1961 và Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ chín, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với Ban Chấp hành Trung ương chỉ đạo các cấp bộ đảng và chỉ huy quân đội kịp thời triển khai nhiều biện pháp chiến lược quan trọng.

- Duy trì và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở cả nông thôn, thành thị; đưa đấu tranh quân sự lên ngang với đấu tranh chính trị, kịp thời giáng trả những hành động phản kích của địch; giữ vững thế trận vừa mở ra ở các vùng nông thôn.

- Đẩy nhanh việc xây dựng lực lượng vũ trang cả về số lượng, chất lượng, cả lực lượng tại chỗ và các khối cơ động, đồng thời củng cố một số căn cứ địa, xây dựng hậu phương tại chỗ tạo địa bàn đứng chân ngày càng vững chắc cho các khối chủ lực.

- Phát triển chiến tranh du kích rộng khắp. Đánh phá những nơi xung yếu như kho tàng, sân bay, bến cảng, đường giao thông huyết mạch, tăng cường hoạt động chiến đấu của các đơn vị chủ lực, nâng dần trình độ tác chiến tập trung.

- Vận dụng phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị phù hợp với đặc điểm của ba

vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng, thành thị. Kết hợp ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận, tập trung mũi nhọn đấu tranh vào nhiệm vụ chống càn quét làm phá sản chương trình lập ấp chiến lược để đẩy lùi và đánh bại chính sách bình định, giành dân của địch.

Trong thời kỳ 1961-1965, đồng chí Lê Duẩn đã viết nhiều thư, điện gửi các đồng chí lãnh đạo miền Nam, giải thích, hướng dẫn Đảng bộ miền Nam triển khai thực hiện các quyết định của Trung ương và Bộ Chính trị.

Trong các bức thư này, đồng chí nêu lên những vấn đề hết sức cơ bản về đường lối cách mạng miền Nam của Đảng nhằm đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Đồng chí chỉ rõ *mục tiêu của cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam* là lật đổ quyền tay sai, đánh bại chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam. Căn cứ vào lực lượng so sánh ở Đông Nam Á và thế giới, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: "chúng ta đã đề ra yêu cầu *đánh lùi đế quốc Mỹ, làm thất bại chính sách xâm lược và nô dịch của chúng, bằng cách đánh đổ chính quyền tay sai, thiết lập một chính quyền độc lập và trung lập ở miền Nam*"¹. Đó là chiến thuật hay, thích hợp, đúng mức. Cố gắng hạn chế

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.56.

và thắng địch ở chiến trường miền Nam không cho chiến tranh lan ra miền Bắc. Đó là một phương hướng phấn đấu theo đường lối chiến lược và sách lược đã định phù hợp với so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường và trên thế giới.

- Đồng chí khẳng định *con đường tiến lên của cách mạng miền Nam*. Đây là vấn đề cốt tử của cách mạng miền Nam mà Đảng ta đã dành nhiều năm nghiên cứu. Trong các bức thư chỉ đạo cách mạng miền Nam, đồng chí Lê Duẩn dành nhiều công sức giải thích rõ hơn những nội dung liên quan đến vấn đề này. Đồng chí khẳng định: "cách mạng miền Nam không tiến hành bằng cách trường kỳ đấu tranh vũ trang, lấy nông thôn bao vây thành thị, tiến lên dùng lực lượng quân sự giải phóng toàn bộ đất nước như Trung Quốc đã làm, mà đi *con đường của Việt Nam, nghĩa là có khởi nghĩa bộ phận, lập căn cứ địa, có chiến tranh du kích, rồi tiến lên tổng khởi nghĩa*, chủ yếu dùng lực lượng chính trị có phối hợp với lực lượng vũ trang để giành chính quyền về tay nhân dân. Ở đây, lực lượng chính trị đóng vai trò chính, có sự tham gia của lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang trong một mức độ nhất định, gần như trong Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 hoặc như Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của ta"¹.

1. Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 31-32.

Khi nêu lên khả năng giành thắng lợi bằng tổng khởi nghĩa - một khả năng còn được Đảng ta tính đến trong một thời gian dài về sau, đồng chí Lê Duẩn luôn nhắc nhở: Không thể quan niệm khởi nghĩa một cách giáo điều như trong Cách mạng Tháng Tám - nghĩa là phải diễn ra đồng loạt, nhanh, gọn - mà phải rút ra từ Cách mạng Tháng Tám cái nội dung cơ bản, cái cốt lõi của nó để vận dụng vào bước phát triển mới của cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam. Đồng chí nhắc lại kinh nghiệm lịch sử: trong cách mạng Nga, sau khởi nghĩa vũ trang, phải tiến hành chiến tranh suốt ba năm để quét sạch lực lượng phản động mới giành được toàn thắng. Ở Trung Quốc thì lập căn cứ nông thôn, đánh lâu dài, lấy tiêu diệt sinh lực địch làm chính, rồi tiến lên đánh chiếm thành thị. Ở Việt Nam, sau khi Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thành công, phải kháng chiến chín năm, đánh trận quyết định ở Điện Biên Phủ, làm thay đổi hẳn lực lượng so sánh, chúng ta mới giành được thắng lợi. Nhưng vì ta chưa mạnh tuyệt đối, và trong điều kiện quốc tế lúc bấy giờ, chúng ta mới chỉ giải phóng được nửa nước...

"Cách mạng miền Nam không thể phát triển ngoài quy luật chung ấy. Hình như các đồng chí chỉ thấy có một khả năng, khởi nghĩa xong là cách mạng thành công"¹.

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 35.

Trên cơ sở quan niệm về khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng như vậy, đồng chí Lê Duẩn nêu ra hàng loạt những vấn đề chiến lược, sách lược và phương pháp tiến hành chiến tranh cách mạng ở miền Nam.

Đồng chí yêu cầu các cấp lãnh đạo chiến trường cần phải nắm vững phương châm đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh quân sự. Đồng chí Lê Duẩn chỉ ra rằng, khởi nghĩa nhất thiết phải kết hợp với tổng công kích và tổng công kích phải đi trước một bước. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng sẽ là nội dung mới, hình thức mới của chiến tranh giải phóng ở miền Nam. Trong đó đấu tranh quân sự phải được đẩy lên ngang tầm với đấu tranh chính trị. Càng về sau thì đấu tranh quân sự càng trở thành cuộc đọ sức chủ yếu giữa ta và địch. Đồng chí nêu lên bài học kinh nghiệm rút ra từ các cuộc đấu tranh cách mạng trên thế giới là: khởi nghĩa không thể thành công được nếu địch không bị thất bại về quân sự, khi chúng còn sử dụng được công cụ bạo lực để chống lại cách mạng.

Cách mạng miền Nam nước ta diễn ra trong điều kiện không có cuộc chiến tranh thế giới dẫn đến sự thất bại và tan rã của quân đội địch như trong Cách mạng Tháng Mười Nga và Cách mạng Tháng Tám. Vì vậy, trong trường hợp của miền Nam, muốn tiến tới tổng khởi nghĩa thì phải làm cho quân đội địch bị đánh bại,

mà ở đây quân địch bị đánh bại chủ yếu là do lực lượng vũ trang cách mạng của ta¹.

Đánh giá thực lực quân ta và địch trên toàn chiến trường, trong bức thư gửi đồng chí Nguyễn Văn Linh và các đồng chí lãnh đạo Nam Bộ, ngày 7-2-1961, đồng chí Lê Duẩn nhận định: "Hiện nay, về lực lượng chính trị thì có thể nói ta chiếm ưu thế tuyệt đối so với Mỹ - Diệm. Nhưng về lực lượng vũ trang thì ta kém hơn địch nhiều. Chúng ta chưa đủ lực lượng làm chủ Tây Nguyên, một địa bàn trọng yếu đóng vai trò xương sống chiến lược của toàn bộ chiến trường miền Nam. Chúng ta cũng chưa làm chủ được đồng bằng Nam Bộ, đồng bằng Khu V, kể cả các thị trấn. Trong tình hình đó, nếu có điều kiện thuận lợi cho phép khởi nghĩa thành công, làm chủ thành thị, thì chúng ta cũng không thể giữ được mà phải rút ra để chiến đấu lâu dài. Chỉ khi nào ta tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, làm chủ hoặc có điều kiện làm chủ các vùng chiến lược thì cuộc tổng khởi nghĩa và tổng công kích mới chắc chắn giành được thắng lợi"².

Căn cứ vào nhận định trên, đồng chí Lê Duẩn đặt ra yêu cầu đối với các cấp bộ đảng và lãnh đạo quân đội trên chiến trường miền Nam là: nắm vững hai mặt đấu

1, 2. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 46-47, 35.

tranh chính trị và đấu tranh quân sự và kết hợp chặt hai mặt đấu tranh cơ bản đó.

Trong khi đánh giá cao vai trò năng lực cách mạng của quần chúng, của đấu tranh chính trị và nhấn mạnh phương hướng tiến tới khởi nghĩa bằng lực lượng chính trị là chính, có lực lượng vũ trang kết hợp, đồng chí Lê Duẩn luôn đánh giá cao vai trò của đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang. Đồng chí nêu lên *phương hướng xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang*: "Trong thời kỳ này, *đi đôi với xây dựng lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị, phải ra sức xây dựng lực lượng vũ trang* bao gồm dân quân, du kích ở thôn, xã, bộ đội địa phương tỉnh, huyện đến bộ đội chủ lực khu, miền, đồng thời phải đẩy mạnh đấu tranh quân sự của ba thứ quân để giúp sức đắc lực cho đấu tranh chính trị. Bộ đội địa phương của ta ở tỉnh, huyện phải mạnh cả về số lượng và chất lượng, đủ sức tiêu diệt lực lượng địch chiếm đóng trong thôn, xã, đủ sức tiêu hao, tiêu diệt bộ phận quân địch làm nhiệm vụ hành quân canh sát, buộc chúng phải chiến đấu và phải thường xuyên đối phó với ta, và như vậy thực hiện được nhiệm vụ kiểm chế lực lượng quân sự địa phương của địch, tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh giữ vững quyền làm chủ ở thôn, xã"¹. Một yêu cầu nữa của đấu tranh quân sự là phải

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 43.

tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, nhất là đánh những đòn thật mạnh vào bọn chỉ huy, binh lính hung ác, phải có những cuộc tiến công bằng chính trị, binh vận làm lung lay hơn nữa tinh thần binh sĩ địch, gây ra và khoét sâu tâm lý thất bại trong hàng ngũ chúng. Phải phấn đấu theo phương hướng ấy, làm cho địch suy yếu, nhằm đánh bại chúng. Đồng thời lôi kéo một bộ phận binh sĩ địch đi theo cách mạng ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân.

Trong cao trào đồng khởi, quần chúng đã sáng tạo ra hình thức đấu tranh ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) để khởi nghĩa từng phần. Trong thời kỳ chống chiến lược "chiến tranh đặc biệt", việc sử dụng ba mũi giáp công để chống càn, chống chính sách lập ấp chiến lược của địch lại càng cần thiết hơn nữa.

Trong lúc phối hợp đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị giành lấy những vùng nông thôn rộng lớn, chúng ta vẫn để cho quần chúng giữ thế hợp pháp với địch. Làm như vậy là vì ta thấy được tính chất quyết liệt và lâu dài của cuộc đấu tranh. Đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: Bằng quân sự, chính trị để tiến công địch là dùng gươm giáo; còn giữ thế hợp pháp cho quần chúng cũng giống như cái khiên. Nếu chỉ dùng gươm giáo mà không có khiên là không thấy hết sự tàn bạo của giặc. Nhưng nếu chỉ có khiên mà không dùng gươm giáo thì không bao giờ đè bẹp được sự điên cuồng và ngoan cố của giặc.

Để cho quần chúng có cả gương giáo, có cả khiên thì một mặt phải tổ chức thật mạnh, nắm thật vững, dùng thật khéo lực lượng chính trị của quần chúng. Mặt khác phải thấy hết tính chất quần chúng của lực lượng quân sự trong việc chống địch và thắng địch để ra sức xây dựng nó đủ về số lượng và vững về chất lượng.

Đấu tranh quân sự, chính trị phải được kết hợp cả trong việc phá áp chiến lược của địch. Đấu tranh chống chương trình lập áp chiến lược của địch là một nhiệm vụ hết sức cấp bách, đồng thời cũng là yêu cầu quan trọng hàng đầu trong đấu tranh lâu dài với địch. Bằng chương trình lập áp chiến lược mà địch coi là "quốc sách", chúng đánh ta rất quyết liệt cả về quân sự và chính trị. Muốn chống lại có kết quả, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: Điều cơ bản là phải dựa vào quần chúng, phải tranh thủ quần chúng; phải kết hợp hai chân, ba mũi của quần chúng với lực lượng vũ trang; kết hợp đấu tranh từ trong áp với tiến công từ ngoài vào, tránh hành động một cách cô lập, phải triển khai đánh phá từng mảng lớn, làm cho địch bị động không thể tập trung lực lượng để đối phó ở một nơi.

Phương châm đấu tranh quân sự, chính trị kết hợp phải được vận dụng một cách thích hợp với ba vùng chiến lược. Rừng núi là chiến trường quan trọng để tiêu diệt sinh lực địch, cho nên ở đó đấu tranh quân sự là chính, đấu tranh chính trị không đặt ngang như đấu

tranh quân sự, tuy nhiên vẫn cần được chú trọng việc giành dân, trong việc chống âm mưu chia rẽ dân tộc, chia rẽ người Kinh với đồng bào các dân tộc thiểu số. Ở nông thôn đồng bằng, đấu tranh quân sự, chính trị phải đi đôi và phải được coi trọng ngang nhau, chống càn quét, tiêu diệt một phần sinh lực địch vừa phát huy ưu thế chính trị để đấu tranh giữ vững những vùng dân đã vùng lên giành quyền làm chủ. Thành thị là địa bàn ta đẩy mạnh đấu tranh chính trị để làm rối loạn hậu phương của địch, luôn luôn tạo sức ép uy hiếp các cơ quan đầu não của địch. Đấu tranh quân sự trong giai đoạn này tiến hành có mức độ, chủ yếu là chiến tranh du kích, chiến tranh phá hoại, sử dụng lực lượng nhỏ nhưng đánh sâu, đánh hiểm vào kho tàng phương tiện chiến tranh và sinh lực cao cấp của địch.

Để đối phó với âm mưu và hành động mới của địch, hoặc đánh địch trong vùng chúng kiểm soát và giữ vững vùng ta đã mở ra, chúng ta phải kiên trì phương châm tiến lên bằng "hai chân" và "ba mũi giáp công". Song phải vận dụng phương châm đó thích hợp với tình hình mới, nhất là phải biết sử dụng linh hoạt đấu tranh chính trị để tiếp tục phát huy hiệu lực của nó. Đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ, trong tình hình hiện nay, tất nhiên phải đẩy mạnh đấu tranh quân sự, song mặt khác phải biết sử dụng đấu tranh chính trị để giằng co với địch, hạn chế sự tàn bạo của chúng. Không nên

nghĩ rằng trong lúc này chỉ cần xây làng chiến đấu, tăng cường đấu tranh vũ trang, coi đó là biện pháp duy nhất và đấu tranh chính trị không còn cần thiết nữa. Trong lúc địch đang ráo riết thực hiện phân tuyến rõ ràng giữa vùng ta và vùng chúng kiểm soát để dễ bề đánh phá vùng giải phóng..., dù địch có tuyên bố vùng ta là vùng "bất an ninh" quân chúng vẫn cần giữ thế hợp pháp, coi như còn thừa nhận chính quyền địch phần nào để duy trì đấu tranh chính trị, phát huy chỗ mạnh của ta, khoét sâu chỗ yếu của địch, buộc địch phải bảo vệ dân, khơi luồng buôn bán, không được tự do bắn phá, bao vây kinh tế. Tuyệt nhiên không được coi nhẹ hoặc buông lơi đấu tranh chính trị. Tóm lại, phải tìm mọi cách đấu tranh chính trị cho thích hợp hơn, có hiệu lực hơn.

Ở thành thị trong lúc này cần đẩy mạnh đấu tranh chính trị để góp sức cho phong trào nông thôn. Phải tìm cách đưa khẩu hiệu: "Không được bắn phá nhân dân" vào phong trào Phật giáo, học sinh, sinh viên, tiến tới vận động tổ chức các cuộc biểu tình đòi địch không được bắn bừa bãi vào nhân dân, lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ bọn tay sai, cần đưa quần chúng ra đấu tranh đòi bọn cầm quyền phải bảo vệ dân.

Đồng chí Lê Duẩn khẳng định: "Cách mạng miền Nam không chỉ đối phó với chính quyền và quân đội của Diệm mà phải đối phó với cả đế quốc Mỹ và tay sai của Mỹ

ở Đông Nam Á. Nếu bọn phản động bên trong còn ít nhiều thực lực thì kẻ thù bên ngoài sẽ tiếp sức cho bọn tay sai, xây dựng lại thực lực của chúng để chống phá cách mạng lâu dài. Phải đánh tan lực lượng bên trong mới có điều kiện ngăn chặn sự can thiệp của bên ngoài. Cố nhiên, không nhất thiết phải hoàn toàn tiêu diệt hết sinh lực địch thì cách mạng mới có điều kiện thắng lợi. Điều quan trọng là phải tiêu diệt được một bộ phận lớn lực lượng địch, do đó làm tan rã các bộ phận khác; đồng thời phải xây dựng thực lực của ta thật mạnh để có đủ điều kiện làm chủ tình thế. Xuất phát từ tình hình hiện nay và kinh nghiệm trước đây của cách mạng, chúng ta đề ra *chủ trương đánh địch bằng cả hai lực lượng chính trị và quân sự, tiến tới tổng khởi nghĩa, tổng công kích để giải phóng miền Nam*. Ta phải phát động quần chúng đấu tranh chính trị, phát triển lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang, đánh địch cả về chính trị và quân sự, thực hiện nhiệm vụ chiến lược quan trọng là tiêu diệt sinh lực địch, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Phải có thực lực, đồng thời chúng ta cũng phải biết *nắm thời cơ*, bất ngờ tiến công địch, khởi nghĩa từng phần, đánh thắng địch từng bước tiến lên đánh thắng địch trên toàn chiến trường, khởi nghĩa giành toàn bộ chính quyền"¹.

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 35-36.

Đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: Hiện nay chúng ta có điều kiện xây dựng thực lực cách mạng và phải qua chiến đấu tiêu diệt sinh lực địch để củng cố và phát triển thực lực của ta. Trong năm 1961, Trung ương giúp xây dựng 12 tiểu đoàn cho cả Khu V và Nam Bộ. Riêng đối với Nam Bộ, sẽ cung cấp đủ cán bộ cho 6 tiểu đoàn và 1 tiểu đoàn gồm cả cán bộ và chiến sĩ. Sắp tới ta phải phát triển gấp đôi, tạo ra một bước chuyển đáng kể về lực lượng quân sự. Phải tiến nhanh nhưng phải vững chắc, phải bảo đảm toàn thắng. Phải nhận rõ tính chất lâu dài của sự nghiệp cách mạng miền Nam, đồng thời phải hết sức tranh thủ thời gian.

Trong các bức thư gửi các đồng chí lãnh đạo miền Nam, đồng chí Lê Duẩn đặc biệt nhấn mạnh đến công tác xây dựng căn cứ địa - một công tác cực kỳ quan trọng trong điều kiện cách mạng miền Nam chuyển sang chiến tranh cách mạng và phải đối phó với chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Đồng chí cho rằng, việc xây dựng tốt các căn cứ địa sẽ bảo đảm cho việc xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, bảo đảm cho việc tiến công địch và bảo vệ phong trào, cho việc lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng toàn miền và từng vùng, bảo vệ lực lượng và cơ quan lãnh đạo. Đồng chí phê phán các đồng chí lãnh đạo Nam Bộ khi gửi báo cáo rất ít nói đến việc xây dựng căn cứ địa. Đồng chí nhận định: "Chính vì xem nhẹ việc xây dựng căn cứ, cho nên mặc dù quân số không ít Nam

Bộ vẫn không xây dựng nổi trung đoàn, sư đoàn, không tiêu diệt được sinh lực lớn của địch"¹. Đồng chí nhấn mạnh: Việc xây dựng căn cứ địa có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xây dựng thực lực cách mạng, tiêu diệt sinh lực địch, làm thay đổi tương quan lực lượng, bảo đảm cho cách mạng thành công. Đồng chí yêu cầu Trung ương Cục miền Nam phải tăng cường công tác xây dựng căn cứ địa. Ra sức xây dựng căn cứ địa thành địa bàn rộng lớn cho Trung ương Cục, các căn cứ địa nhỏ ở các khu khác cũng phải được xây dựng gấp. Cần mở rộng hơn nữa các căn cứ hiện có, tiêu diệt hoặc bức rút một số đồn bốt trong các căn cứ, bảo đảm các điều kiện cần thiết về kinh tế, chính trị, quân sự ở những nơi này.

Chấp hành các nghị quyết của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, với sự chỉ đạo sát sao, trực tiếp của Ban Bí thư đứng đầu là đồng chí Lê Duẩn, từ 1961-1964, Trung ương Cục miền Nam đã lãnh đạo đưa cuộc chiến tranh cách mạng của quân và dân ta ở miền Nam phát triển không ngừng và liên tục giành được những thắng lợi vang dội.

Nhờ sự chi viện kịp thời của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, sự chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, lực lượng vũ trang miền Nam chỉ trong vài năm đã có những bước phát triển quan trọng, làm thay đổi cán cân lực lượng

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 34-35.

trên chiến trường, phối hợp chặt chẽ với phong trào đấu tranh chính trị, giáng cho địch những đòn nặng nề; lần lượt đánh bại các kế hoạch quân sự của đế quốc Mỹ và tay sai. Trong đó tiêu biểu là chiến thắng Ấp Bắc (2-1-1963) và Bình Giã (từ 2-12-1964 đến 3-1-1965).

Nếu như chiến thắng Ấp Bắc báo trước cho đế quốc Mỹ thấy rằng chúng không thể thắng ta được thì đến chiến thắng Bình Giã, Mỹ thấy rằng sẽ thua ta trong "chiến tranh đặc biệt".

Những đòn tiến công quân sự của bộ đội chủ lực đã cổ vũ và đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, phong trào nổi dậy của quần chúng, phá tan từng mảng lớn ấp chiến lược ở miền Nam. Đô thị, vốn là hậu phương an toàn của địch cũng bị rối loạn, chấn động dữ dội vì những cuộc mít tinh, biểu tình của các tầng lớp nhân dân kể cả gia đình ngụy quân, ngụy quyền, vì những cuộc tiến công táo bạo của lực lượng đặc công, biệt động. Đến thời điểm cuối năm 1964 đầu năm 1965, nội bộ ngụy quyền Sài Gòn trở nên mâu thuẫn gay gắt và lung lay rệu rã.

Phối hợp với những thắng lợi của cách mạng miền Nam, quân và dân miền Bắc đã giáng trả những cuộc tiến công bằng không quân của đế quốc Mỹ những đòn đích đáng, gây cho chúng những tổn thất nặng nề.

Thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, đế quốc Mỹ tưởng có thể cứu vãn được tình thế thất bại của chúng và đàn áp được phong trào cách mạng

của nhân dân ta ở miền Nam nhưng chúng đã vấp phải tinh thần chiến đấu anh dũng của quân, dân ta ở cả hai miền Nam Bắc và cuối cùng đã bị phá sản hoàn toàn.

3. Chuyển hướng xây dựng hậu phương miền Bắc, đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ

Từ giữa năm 1965, cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ leo thang lên một bước mới. Trước sự phá sản của chiến lược "chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ chuyển sang dùng chiến lược "chiến tranh cục bộ", đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam trên quy mô lớn nhằm cứu chính quyền tay sai khỏi sụp đổ, từng bước phản công giành lại quyền chủ động, giành thắng lợi quyết định về chiến lược.

Mục tiêu chiến lược của "chiến tranh cục bộ" là đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25-30 tháng (giữa 1965 đến cuối năm 1967) qua ba giai đoạn. *Giai đoạn 1:* phá kế hoạch mùa mưa của ta, chặn chiều hướng thua của ngụy, bảo đảm triển khai nhanh quân Mỹ và quân một số nước phụ thuộc Mỹ. *Giai đoạn 2:* mở các cuộc phản công tìm diệt quân chủ lực ta, giành quyền chủ động trên chiến trường, bình định giành dân, triệt phá chiến tranh du kích. *Giai đoạn 3:* hoàn thành tiêu diệt những đơn vị chủ lực còn lại của quân giải phóng, tiêu diệt các căn cứ chiến lược và cơ quan đầu não lãnh đạo

cuộc kháng chiến ở miền Nam, hoàn tất chương trình "bình định" và rút quân về nước vào cuối năm 1967.

Về lực lượng tiến hành chiến tranh, đế quốc Mỹ dựa vào hai lực lượng chiến lược: Quân Mỹ và quân ngụy. Trong đó, quân Mỹ là nòng cốt làm chỗ dựa cho quân ngụy, là lực lượng cơ động chủ yếu để tìm diệt bộ đội chủ lực ta; nhưng quân ngụy vẫn là chỗ dựa chủ yếu của ngụy quyền ở trung ương và là lực lượng quan trọng được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình bình định, chiếm đóng nông thôn, kìm kẹp nhân dân.

Triển khai "chiến tranh cục bộ", đế quốc Mỹ đã ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và quân một số nước phụ thuộc Mỹ vào miền Nam Việt Nam, đồng thời ra sức củng cố, tăng cường quân ngụy. Quân Mỹ từ 81.000 tên vào tháng 7-1965 đã tăng lên 181.000 tên vào cuối năm 1965, 376.000 tên vào cuối năm 1966, và 480.000 tên vào cuối năm 1967. Năm 1968, Mỹ đã đưa chiến tranh Việt Nam đến nấc thang cao nhất, và trong cả giai đoạn này, sức người, sức của ở nước Mỹ đã được huy động nhiều nhất vào một cuộc chiến tranh xâm lược ở xa nước Mỹ nửa vòng trái đất. Đây cũng là lần đầu nhà cầm quyền Mỹ đưa quân viễn chinh ra nước ngoài đông nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Biện pháp chiến lược chủ yếu của "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam là "tìm diệt", sau đó là "tìm diệt" và "bình định". Với hai biện pháp này, đế quốc Mỹ quyết tăng cường cuộc chiến tranh trên bộ mà các nhà vạch

chiến lược Mỹ gọi là gọng kìm chính, hòng đánh thắng cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam. Đi đôi với gọng kìm này, Mỹ còn đẩy mạnh ném bom miền Bắc coi đây là gọng kìm phụ.

Sử dụng hai lực lượng chiến lược quân Mỹ và quân ngụy với số lượng đông, lúc cao nhất từ 1 triệu đến 1,2 triệu quân, với những phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, kể cả B52, Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn đã mở nhiều cuộc phản công chiến lược trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, hòng tìm diệt chủ lực Quân giải phóng, "bẻ gãy xương sống của Việt cộng"; đồng thời quân Mỹ mở hàng nghìn cuộc hành quân càn quét, hòng tiêu diệt các cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang cách mạng, giành lại toàn bộ vùng nông thôn do ta làm chủ. Đối với miền Bắc, Mỹ đã huy động một lực lượng lớn máy bay của không quân và hải quân tăng cường chiến tranh phá hoại hòng "đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá", ngăn chặn sự chi viện từ nước ngoài vào nước ta và từ Bắc vào Nam, làm lung lay quyết tâm kháng chiến của nhân dân ta.

Trong quá trình đẩy mạnh chiến tranh, nhà cầm quyền Mỹ còn kết hợp tiến hành những hoạt động ngoại giao xảo quyệt lừa bịp dư luận, tạo ra sức ép, hòng buộc ta phải nhân nhượng, khuất phục sức mạnh quân sự của chúng.

Việc Mỹ thay đổi chiến lược chiến tranh như trên đặt cách mạng miền Nam và công cuộc cứu nước của

nhân dân ta trước một thách thức hết sức nghiêm trọng. Đảng và nhân dân ta đối phó với thách thức này như thế nào, vận mệnh của Tổ quốc ta, tiền đồ cách mạng nước ta và trên một mức độ nào đó của cả phong trào cách mạng thế giới, phụ thuộc vào cách thức, loại hình chiến tranh được đề ra để chúng ta xử trí tình huống chiến lược này.

Đảng ta không bị bất ngờ về tình huống này. Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) (12 - 1963) về miền Nam đã nhận định: "chiến tranh đặc biệt" là thích ứng với chính sách thực dân mới. Tuy nhiên nếu dùng "chiến tranh đặc biệt" mà không thể thắng, thì trong những điều kiện nhất định, chúng có thể dùng "chiến tranh cục bộ".

Vào cuối năm 1964, sau khi Mỹ gây ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ, Đảng ta đã dự kiến Mỹ sẽ tăng cường chiến tranh ở miền Nam và mở rộng đánh phá miền Bắc. Tại Hội nghị Bộ Chính trị, ngày 25 tháng 9 năm 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: "Ta phải đánh lâu dài 10 năm đến 20 năm, đề phòng địch có hành động điên cuồng dù chúng bị cô lập; ta phải có kế hoạch phòng khi đột biến. Miền Nam phải mở rộng chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng thành quả đấm mạnh, gọn, nhanh"¹.

1. Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương.

Chấp hành chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn đã chỉ đạo Quân uỷ Trung ương nghiên cứu các phương án thúc đẩy chiến tranh nhân dân miền Nam phát triển cao hơn nữa nhằm đánh thắng địch trong "chiến tranh đặc biệt", đồng thời có phương án chuẩn bị cho cả hai miền Nam - Bắc chủ động đối phó với tình huống địch tiến hành "chiến tranh cục bộ". Những kiến nghị của Hội nghị Quân uỷ Trung ương, tháng 11-1964, nhằm thực hiện chủ trương trên đã được Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng, tháng 1-1965, chuẩn y.

Hội nghị lần thứ mười một (khoá III), tháng 3-1965 và Hội nghị lần thứ mười hai (khoá III) tháng 12-1965, Trung ương Đảng đã phân tích một cách toàn diện, sâu sắc chiến lược chiến tranh mới của Mỹ, đề ra chủ trương đối phó đúng đắn, chủ động, tạo được sự nhất trí cao, động viên được cả nước, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Trong thời điểm quyết định này, trên cương vị Bí thư thứ nhất, Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã đưa ra những nhận định tỉnh táo, sáng suốt, gợi mở nhiều chủ trương chiến lược độc đáo, sáng tạo.

Về tình huống chiến lược do Mỹ gây ra, đồng chí Lê Duẩn nhận định: "Đế quốc Mỹ quyết định trực tiếp đưa quân viễn chinh tham chiến ở miền Nam Việt Nam *trước hết* do chúng đã thất bại về cơ bản trong "chiến

tranh đặc biệt" đồng thời cũng thất bại nặng trong đánh phá miền Bắc, nhưng do bản chất rất ngoan cố, Mỹ quyết tâm giữ miền Nam chứ chưa chịu buông ra một cách dễ dàng". *Hai là*, qua thăm dò phản ứng quốc tế, Mỹ thấy rằng việc chúng đưa quân viễn chinh vào miền Nam trước mắt chưa có khả năng dẫn đến một cuộc chiến tranh lớn khiến chúng phải trực tiếp đối đầu với các nước lớn trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Lực lượng đối địch trực tiếp của chúng vẫn là nhân dân Việt Nam. *Ba là*, tuy ta đánh thắng chiến tranh đặc biệt nhưng ta chưa đủ mạnh để giáng cho quân ngụy những đòn đau, khiến cho chúng suy sụp nhanh hơn nữa.

Để hạ quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ trong giai đoạn này, ta phải bình tĩnh đánh giá cho đúng lực lượng so sánh giữa ta và Mỹ. Đúng trên quan điểm cách mạng, quan điểm phát triển, quan điểm tổng hợp, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: Trong bước leo thang đầu tiên, Mỹ có thể đưa thêm 10-15 vạn quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam. Sau này Mỹ còn có thể leo những nấc thang cao hơn nữa. Như vậy lực lượng quân sự Mỹ sẽ tăng lên một cách đáng kể, cả về số quân và về vũ khí, phương tiện chiến tranh. Chúng ta không đánh giá thấp sức mạnh đó của quân đội Mỹ. Song chúng ta quả quyết rằng "dù có đưa thêm 25-30 vạn quân Mỹ vào để đẩy "chiến tranh đặc biệt" lên thành "chiến tranh cục bộ" thì Mỹ cũng không thắng nổi cuộc chiến đấu cứu nước của 14 triệu quân và dân miền

Nam có sự tham gia tích cực và đầy đủ của miền Bắc. Một điều rất rõ ràng là trước năm 1959, phong trào cách mạng miền Nam đứng trước nguy cơ bị đè bẹp không gượng lên nổi, thế mà sau đó quần chúng đã vùng dậy được. Từ một nghìn tay súng đến nay ta đã có hàng vạn quân, có thể đánh những trận tiêu diệt cả ngàn quân địch. Nếu Mỹ chuyển sang "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam với 25-30 vạn quân, thì chúng sẽ vấp phải cuộc kháng chiến lâu dài của chúng ta. Chỗ yếu nhất của Mỹ là phải đánh lâu dài... ""Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam chỉ mới qua ba, bốn năm, Mỹ đã tỏ ra không thể kéo dài hơn nữa loại chiến tranh này"¹. Đó là nói về lực lượng. Còn về thế thì "Mỹ đưa ồ ạt mấy chục vạn quân với vũ khí tối tân vào miền Nam trong lúc cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta đang diễn ra rất mạnh mẽ và rộng khắp từ Quảng Trị đến Cà Mau, từ rừng núi, nông thôn đồng bằng đến thành thị; trong lúc nguy quân bị giáng những đòn chí tử, nguy quyền ngày càng suy sụp. Chính vì vậy, khi đưa quân Mỹ vào miền Nam, đế quốc Mỹ hy vọng trước hết là giữ cho nguy quân, nguy quyền không bị tan rã mau chóng và bảo vệ một số vị trí then chốt, để phòng những cuộc tiến công lớn của ta; đồng thời, với lực lượng có thêm, chúng sẽ *từng bước phản công*, hòng giành lại quyền chủ động và tạo ra thế

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 100.

mạnh mới. Nhưng rõ ràng tình hình không cho phép chúng làm được điều đó"¹. Leo thang trong thế thất bại, đế quốc Mỹ còn bộc lộ nhiều chỗ yếu khác, nhất là về chính trị. Dùng quân chiến đấu Mỹ để trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược thực dân mới là một mâu thuẫn lớn về chiến lược. Càng leo thang chiến tranh, mâu thuẫn này càng sâu sắc không sao khắc phục được. Quân Mỹ vào càng đông, bộ mặt xâm lược của Mỹ càng lộ rõ... Quân Mỹ càng bị đánh đau trên chiến trường, lòng tin của quân ngụy vào quân Mỹ càng giảm, mâu thuẫn giữa Mỹ - ngụy càng tăng, Mỹ lại càng lún sâu vào thế bị động về quân sự, chính trị, càng bị cô lập trong nước và trên thế giới.

Về ta, đồng chí Lê Duẩn nhận định, số lượng của quân ta ở miền Nam hiện nay ít hơn Mỹ - ngụy. Nhưng khi tỉ lệ đó còn là ta 1 địch 10, ta vẫn chống chọi nổi, lớn lên và đánh thắng; huống chi nay tỉ lệ ta địch đã là 1/3 đến 1/2 thì sức vóc ta đã khác trước. Điều đó đã được chứng minh qua cuộc độ sức trong "chiến tranh đặc biệt". Hơn nữa, hiện nay phải xét lực lượng so sánh trong phạm vi cả nước Việt Nam. Mỹ đã đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam, thì lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sao không thể từ Bắc tiến vào Nam? Về chất lượng quân đội ta có cách đánh của ta, cách đánh

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 117.

phù hợp với con người Việt Nam, với địa hình sông núi, với khí hậu thủy thổ Việt Nam, cách đánh phát huy được sở trường của ta, hạn chế được sở trường của Mỹ. Khắc phục chỗ yếu của ta, khoét sâu chỗ yếu của Mỹ. Bộ binh Mỹ, không quân Mỹ, hải quân Mỹ dù được trang bị hiện đại đến đâu cũng đã lộ rõ những nhược điểm trước cách đánh của ta, cách đánh của chiến tranh nhân dân ở cả hai miền nước ta. Lực đã vậy, còn thế thì ta đang trên đà chiến thắng, trên thế chủ động tiến công. Ở miền Nam, thế trận chiến tranh nhân dân đã được triển khai tương đối vững chắc..." ba thứ quân đã được hình thành; ba vùng chiến lược đã được xây dựng và củng cố. Dân quân du kích, bộ đội địa phương tỉnh, huyện đã đứng chân vững ở khắp nơi; bộ đội chủ lực đang được xây dựng thành những quả đấm mạnh và đã chiếm lĩnh các vị trí chiến lược trọng yếu. Trên khắp chiến trường, chiến tranh du kích phát triển cao; ta đã giành được thế chủ động và đang tiến công địch. Cho nên, dù bước đầu địch có cố gắng tập trung quân để phản công thì về sau chúng cũng buộc phải phân tán lực lượng để đối phó với ta và quay về thế phòng ngự"¹. Ở miền Bắc, ta đã đánh thắng hiệp đầu chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ và đang hoàn thiện thế trận để đánh thắng những bước leo thang mới của chúng. Trên cả hai miền,

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 118.

đã có sự chuẩn bị nhất định về tư tưởng và tổ chức để đối phó với "chiến tranh cục bộ" của Mỹ.

Từ sự phân tích đó, đồng chí Lê Duẩn đi tới kết luận:

1- Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta từ đây chuyển sang giai đoạn mới. Cả dân tộc ta đang bước vào một cuộc chiến đấu vô cùng gay go, gian khổ, quyết liệt. Cường độ chiến tranh sẽ tăng lên, gây cho ta những khó khăn lớn. *Song lực lượng so sánh địch ta trong cả nước cũng như ở miền Nam về cơ bản không thay đổi.* Vì thế ta cần và có thể giữ vững và phát huy thế chiến lược tiến công để đánh địch và thắng địch trên chiến trường chính miền Nam.

2- Từ nửa nước có chiến tranh nay chuyển thành cả nước có chiến tranh; *miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.* Để làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn, miền Bắc phải chuyển hẳn sang thời chiến, chuyển cả kinh tế và quốc phòng, tư tưởng và tổ chức, vừa đánh địch, vừa phòng tránh, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, đồng thời làm hết sức mình để chi viện kịp thời, đầy đủ cho miền Nam.

3- Trên chiến trường miền Nam, phát huy thế mạnh của chiến tranh nhân dân, ba thứ quân của ta phải tìm ra cách đánh có hiệu lực nhất và thích hợp với từng vùng chiến lược để tiến công và phản công địch; kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, đưa đấu tranh quân sự lên một tầm cao mới để nó đóng vai

trò quyết định trực tiếp đánh thắng chiến lược chiến tranh mới của Mỹ.

Những nhận định trên của đồng chí Lê Duẩn đã được khẳng định tại các Hội nghị Trung ương 11 (tháng 3-1965) và Hội nghị Trung ương 12 (tháng 12-1965).

Hội nghị Trung ương 11 quyết định chuyển hướng chỉ đạo đưa cuộc chiến đấu ở hai miền Nam Bắc vào giai đoạn mới, miền Nam phải tích cực kiểm chế và thắng địch trong "chiến tranh đặc biệt" ở mức độ cao nhất đồng thời sẵn sàng đối phó và quyết thắng trong "chiến tranh cục bộ", miền Bắc phải tiếp tục đánh thắng và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh phá hoại ở mức cao hơn và ác liệt hơn gấp bội, đồng thời chuẩn bị đối phó với trường hợp địch đưa lực quân ra Bắc. Bất kỳ trong tình huống nào, miền Bắc cũng phải làm tròn nhiệm vụ chi viện cho miền Nam và ra sức giúp cách mạng Lào. Nghị quyết Hội nghị còn nêu ra một tư tưởng chỉ đạo quan trọng: ra sức tranh thủ thời cơ, tập trung lực lượng của cả nước giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một thời gian tương đối ngắn; đồng thời chuẩn bị tinh thần và lực lượng quyết đánh và quyết thắng Mỹ trong một cuộc chiến đấu lâu dài.

Hội nghị Trung ương 12 đi sâu phân tích lực lượng so sánh địch ta, nhận định ý đồ và âm mưu quân sự, chính trị của địch, đã hạ quyết tâm chiến lược: đánh thắng đế quốc Mỹ trong mọi tình huống chiến tranh. Hội nghị khẳng định lại phương châm chiến lược chung

của chúng ta trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước là “đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính”; nhưng trong hoàn cảnh cụ thể hiện nay, “trên cơ sở tiếp tục quán triệt và vận dụng phương châm đánh lâu dài, chúng ta cần phải cố gắng đến cao độ, tập trung lực lượng của cả hai miền để tranh thủ thời cơ, giành thắng lợi quyết định trong một thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam”.

Hội nghị đề ra yêu cầu cơ bản trước mắt:

“- Tiêu diệt và tiêu hao một bộ phận quan trọng quân đội Mỹ, làm cho nó bị tổn thất nặng, không thể ngăn chặn được sự tan rã của ngụy quân, ngụy quyền và bản thân chúng cũng bị tổn thất nặng, làm cho chúng bị thất bại trong nhiệm vụ quân sự và chính trị của chúng.

- Tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận quân ngụy, tới mức nó không còn là một lực lượng mà đế quốc Mỹ có thể dựa vào để tiếp tục cuộc chiến tranh và khi chúng buộc phải chuyển sang giải pháp chính trị thì thế lực của ngụy quân, ngụy quyền không đủ sức để duy trì và giữ vững chế độ chính trị của chúng.

Do đó, mà đề bệp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, đạt được những mục tiêu về độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới thống nhất nước nhà”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t.26, tr. 638.

Hội nghị quyết định kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị và ngoại giao, tranh thủ cao độ sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc Á - Phi - Mỹ latinh và của nhân dân tiến bộ trên thế giới...

Bối cảnh quốc tế trong lúc này cũng rất phức tạp, vừa có thêm thuận lợi mới cho ta lại vừa có khó khăn mới. Ở Liên Xô, chủ nghĩa xét lại Khrushốp bị đánh bại. Đó là một bước ngoặt trong đời sống chính trị của Liên Xô và trong chính sách của Liên Xô đối với Việt Nam, có lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta. Liên Xô đã dành cho ta sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả hơn so với trước đó. Nhưng do đánh giá quá cao sức mạnh của Mỹ, Liên Xô tìm cách hướng ta đi vào thương lượng với Mỹ khi điều kiện chưa chín muồi. Ở Trung Quốc, cuộc cách mạng văn hoá là một tai hoạ lớn của cách mạng Trung Quốc và tác động ngày càng xấu đến chính sách của Trung Quốc đối với Việt Nam. Trung Quốc một mặt tích cực giúp ta kháng chiến chống Mỹ, mặt khác lại muốn lôi kéo ta theo đường lối của Trung Quốc.

Để phối hợp với cuộc chiến đấu trên chiến trường, Đảng ta chủ trương đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và đấu tranh ngoại giao. Chúng ta chủ động công bố lập trường 4 điểm của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và lập trường 5 điểm của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam; tăng cường tiếp xúc cả công khai và

bí mật với nhiều nước trên thế giới nhằm làm rõ chính nghĩa, nêu cao thiện chí của ta, góp phần hình thành từng bước trên thực tế một Mặt trận Nhân dân toàn thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược.

Đối với miền Bắc, nhận rõ vai trò của hậu phương, nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh, đồng chí Lê Duẩn rất quan tâm chỉ đạo xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững mạnh "có tiềm lực kinh tế và quốc phòng hùng hậu, có dự trữ dồi dào để cung cấp đủ lương thực, súng đạn, sức người, sức của cho tiền tuyến". Sau Hội nghị Trung ương 11, để triển khai nhanh việc chuyển hướng xây dựng miền Bắc trong tình hình cả nước có chiến tranh, đồng chí Lê Duẩn đã cùng Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng khẩn trương nghiên cứu và ra một số nghị quyết về các mặt công tác cụ thể, như Nghị quyết về tăng cường công tác giao thông vận tải trong thời chiến (tháng 5-1965), Chỉ thị về chuyển hướng công tác phụ nữ (8-6-1965), Chỉ thị về chuyển hướng công tác chính (14-6-1965). Tháng 7-1965, Ban Bí thư Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ bàn về biện pháp chuyển mọi hoạt động trên miền Bắc sang thời chiến.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh: Miền Bắc phải đem toàn lực đánh trả đích đáng các cuộc bắn phá bằng không quân và hải quân của địch, đồng thời ra sức tăng cường khả năng phòng thủ đất

nước về mọi mặt. Chúng ta phải xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh bao gồm những binh đoàn lục quân mạnh, được trang bị tương đối hiện đại, đồng thời phải xây dựng một lực lượng dân quân tự vệ và bộ đội địa phương thật hùng hậu, được củng cố vững chắc về chính trị, được huấn luyện thành thạo về quân sự và được trang bị khá. Các cấp uỷ đảng địa phương phải đem hết khả năng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và bộ đội địa phương của mình cho mạnh về mọi mặt, địch đến đâu thì nơi ấy có thể tự lực tác chiến được ngay.

Về chuyên hướng xây dựng kinh tế miền Bắc, đồng chí nêu rõ: Muốn có quốc phòng mạnh, phải có một nền kinh tế đủ sức đáp ứng những yêu cầu của chiến tranh. *Nông nghiệp* phải bảo đảm sản xuất đủ lương thực thực phẩm để nuôi quân đánh giặc và có dự trữ để đánh lâu dài. Phải tổ chức lao động chặt chẽ hơn, hợp lý hơn bảo đảm đủ nhân lực cho sản xuất nông nghiệp; đồng thời kết hợp với điều chỉnh lực lượng lao động trong các ngành phi nông nghiệp để có đủ người bổ sung cho quân đội, làm giao thông vận tải.

Về *công nghiệp*, phải tạm ngừng xây dựng một số nhà máy lớn, chỉ xây một số công trình nhỏ và vừa nhằm phục vụ đặc lực cho nông nghiệp và cùng với nông nghiệp bảo đảm giải quyết vấn đề hậu cần tại chỗ, góp phần ổn định sinh hoạt của nhân dân và đáp ứng kịp thời những nhu cầu trước mắt của sản xuất và chiến đấu.

Về *giao thông vận tải*, đồng chí Lê Duẩn đòi hỏi phải có quan tâm rất cao: "Dù thế nào cũng phải có đường xá, phải vận chuyển cho được hàng hoá. Đó là vấn đề sống chết; bí quyết thắng lợi trong một cuộc chiến đấu có khi chỉ là một con đường; do dự, chậm trễ sẽ bỏ lỡ thời cơ, cho nên phải tập trung toàn lực của đảng bộ, của nhân dân địa phương để làm cho kỳ được"¹.

Về *nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu*, đồng chí Lê Duẩn vạch rõ: Hai nhiệm vụ đó có quan hệ chặt chẽ với nhau, xem nhẹ nhiệm vụ nào cũng đều không đúng. "Phải đem toàn lực ra để đánh giặc và đem toàn lực ra để sản xuất. Có bao nhiêu khả năng đánh giặc, thì đem hết bấy nhiêu ra đánh giặc, có vũ khí gì đánh bằng vũ khí ấy, người có vũ khí thì đánh bằng vũ khí, người không có vũ khí thì làm những công việc trực tiếp phục vụ chiến đấu. Có bao nhiêu khả năng sản xuất thì đem hết bấy nhiêu ra sản xuất, người nào đánh giặc thì cứ đánh, người nào sản xuất thì cứ sản xuất; chỗ nào, khu nào có giặc thì đánh giặc, chỗ nào, khi nào chưa có giặc, thì sản xuất"²... phải biết kết hợp chiến đấu và chuẩn bị chiến đấu với công việc sản xuất, kết hợp trong từng chủ trương, từng việc làm cụ thể.

1, 2. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 511, 512.

Để hoàn thành sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu trên miền Bắc, đồng chí Lê Duẩn cho rằng điều quyết định là phải nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng. Các đảng bộ, các cấp uỷ đảng phải vững vàng, nhận rõ tình hình và nhiệm vụ, tin tưởng ở quần chúng, phải có cách suy nghĩ mới và phong cách lãnh đạo mới, tự mình vươn lên, tự mình xoay sở, tìm mọi cách để hoàn thành nhiệm vụ. Trong lãnh đạo và chỉ đạo phải kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức, bảo đảm sự nhất trí về chính trị, tư tưởng và về hành động trong Đảng. Phải tăng cường xây dựng chi bộ, củng cố nền nếp sinh hoạt, giữ vững nguyên tắc và kỷ cương, bảo đảm cho mọi đảng viên, cán bộ tuân thủ kỷ luật và làm tròn nhiệm vụ trong bất kỳ tình huống nào.

Đối với miền Nam, bước vào đầu năm 1965, tình hình biến chuyển rất mau lẹ. Trước và sau Hội nghị Trung ương 11, từ tháng 2 đến tháng 5, đồng chí Lê Duẩn viết hai bức thư gửi đồng chí Nguyễn Chí Thanh lúc bấy giờ là Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Tình thần cơ bản của hai thư đó là gợi ý về một kế hoạch kết hợp tổng công kích và tổng khởi nghĩa dưới ngọn cờ của một mặt trận trung lập, vào khoảng cuối năm 1965 đầu năm 1966, nhằm kiềm chế và thắng địch trong "chiến tranh đặc biệt", hạn chế khả năng Mỹ chuyển cuộc chiến tranh xâm lược của chúng sang "chiến tranh cục

bộ". Tuy nhiên, kế hoạch mà đồng chí Lê Duẩn dự liệu đã không diễn ra, vì từ tháng 7-1965, chính quyền Mỹ đã ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam.

Tiếp đó trong thư gửi Trung ương Cục miền Nam tháng 11-1965, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh nhiệm vụ *kiềm chế địch và thắng địch trên chiến trường chính miền Nam* coi đây là một chủ trương có tính hiện thực, trong khi ta vẫn chuẩn bị sẵn sàng đánh địch mở rộng chiến tranh bằng lực quân ra Bắc, tuy khả năng này có nhưng không nhiều.

Kiểm chế địch và thắng địch trên chiến trường chính miền Nam là chủ trương chiến lược lớn của ta, một chủ trương đúng đắn, sáng suốt và nhất quán trong cuộc đấu sức và đấu trí giữa ta và Mỹ.

Ngay từ đầu, khi vạch đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam, đồng chí Lê Duẩn đã nhấn mạnh yêu cầu phải hạn chế việc giải quyết mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với toàn thể nhân dân ta *trong phạm vi miền Nam*, và khi cuộc cách mạng miền Nam đã phát triển thành cuộc chiến tranh cứu nước, đồng chí lại đề ra yêu cầu "đánh địch và thắng địch một cách có lợi nhất trong tương quan lực lượng cụ thể giữa ta và địch, và trong bối cảnh quốc tế hiện nay"¹.

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 67.

Đến Hội nghị lần thứ chín (khoá III) năm 1963, Trung ương đề ra nhiệm vụ ra sức kiềm chế địch và đánh thắng địch trong "chiến tranh đặc biệt". Nhiệm vụ này là sự vận dụng chủ trương chiến lược: "kiềm chế và đánh thắng địch ở miền Nam" vào bối cảnh của chiến tranh giữa Mỹ và ta lúc bấy giờ. Đầu năm 1965, khi "chiến tranh đặc biệt" đã có thêm một số yếu tố của "chiến tranh cục bộ", đồng chí Lê Duẩn đặt ra yêu cầu chừng nào còn khả năng kiềm chế, đánh thắng địch trong "chiến tranh đặc biệt", thì ta còn tìm cách phấn đấu theo khả năng này. Đồng thời, đồng chí dự liệu rằng ta có biến được khả năng này thành hiện thực hay không điều đó còn tùy thuộc một phần ở sự đối phó của địch. Trong thư gửi Trung ương Cục miền Nam, tháng 11-1965, đồng chí Lê Duẩn nhận định: "... lực lượng cách mạng của miền Nam, với sự chi viện tích cực của miền Bắc, vẫn có thể và phải đánh bại đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trong cuộc "chiến tranh đặc biệt" trong đó đế quốc Mỹ không thể dùng hết sức mạnh của chúng và cuối cùng phải chịu thua có mức độ..."¹. Đường như chủ trương chiến lược nói trên chứa đựng mâu thuẫn, khó có khả năng trở thành hiện thực. Tuy nhiên, qua các giai đoạn khác nhau của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã kiên trì phấn đấu thực hiện và cuối cùng đã

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.123.

thực hiện được. Khi cuộc chiến tranh Việt Nam hoá của Mỹ đã thất bại về cơ bản, cuộc đàm phán ở Pari sắp kết thúc, người Mỹ vẫn còn quay lại quy chế Khu phi quân sự và vấn đề này đã trở thành một điều khoản của Hiệp định Pari được tranh cãi giữa các nhà ngoại giao của hai nước.

Sau này Mác Namara viện dẫn ý kiến các tham mưu trưởng liên quân Mỹ cho rằng "chúng ta (tức chính quyền Mỹ) và người Nam Việt Nam (tức ngụy quyền Sài Gòn) đã tiến hành một cuộc đấu tranh theo điều kiện của đối phương" và "đã ràng buộc chính chúng ta vào hạn chế do tự mình áp đặt"... Trong các hạn chế này có việc "*giữ cuộc chiến tranh trong phạm vi biên giới của Nam Việt Nam*" và "*tránh sử dụng trực tiếp lực lượng chiến đấu Mỹ*"¹.

Cuộc đấu trí, đấu sức đã kết thúc và người thắng cuộc là nhân dân Việt Nam.

Để kịp thời chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam, đánh bại một bước chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ, tháng 9-1965, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp bàn cụ thể hoá hơn nữa Nghị quyết Hội nghị Trung ương 11, trong tình hình mới. Hội nghị Bộ Chính trị đã quyết định duy trì

1. Mác Namara: *Nhìn lại quá khứ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.119.

phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận, gấp rút xây dựng bộ đội chủ lực thành những quả đấm mạnh và bố trí vững chắc trên các địa bàn chiến lược trọng yếu; chỉ thị cho các đơn vị chủ lực phải xây dựng quyết tâm cao, chuẩn bị sẵn sàng kế hoạch đánh bại các cuộc phản công lớn của địch, hết sức tranh thủ cơ hội kéo quân Mỹ lên vùng rừng núi để tiêu diệt chúng. Đồng thời, bố trí hợp lý lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị, củng cố và phát triển quyền làm chủ của ta ở rừng núi và đồng bằng để bao vây, chia cắt địch, phát triển mạnh chiến tranh du kích, buộc địch phải dàn mỏng lực lượng bị động đối phó với ta trên nhiều hướng, tạo điều kiện thuận lợi cho ta chủ động đẩy mạnh tiến công đánh bại các cuộc phản công của địch. Đi đôi với mặt trận quân sự, các đảng bộ địa phương phải ra sức tổ chức, lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở nông thôn đồng bằng và thành thị, làm rối loạn hậu phương địch. Trên cơ sở đó, đánh bại ý định của Mỹ giành quyền chủ động trên chiến trường, làm cho chúng thất bại cả về quân sự và chính trị.

Tháng 11-1965, đồng chí Lê Duẩn viết thư gửi Trung ương Cục miền Nam nhằm trao đổi với các đồng chí lãnh đạo và chỉ huy ở chiến trường về việc thực hiện những vấn đề cơ bản do Hội nghị Bộ Chính trị nêu ra.

Trong phần đầu của bức thư, căn cứ vào đặc điểm

mối của cuộc chiến tranh, đồng chí Lê Duẩn đi sâu phân tích sự thay đổi bằng lực lượng và ý định chiến lược của địch, đồng chí xác định đối tượng tác chiến trước mắt của quân và dân ta ở miền Nam không phải chủ yếu là quân ngụy mà là cả quân Mỹ và quân ngụy. Phải đánh quân Mỹ để tạo điều kiện diệt quân ngụy; ngược lại, diệt quân ngụy cũng để tạo điều kiện đánh và diệt quân Mỹ. Yêu cầu của ta là phải thắng địch cả về ba mặt: Diệt ngụy, diệt Mỹ để bẻ gãy lực lượng quân sự của địch; làm thất bại mục đích chính trị của chiến tranh xâm lược, và làm thất bại chiến lược quân sự của Mỹ.

Đánh quân Mỹ và đánh quân ngụy đều quan trọng. Tuy nhiên, phải xem xét tình hình của các chiến trường khác nhau mà đề ra đối tượng tác chiến là loại quân nào và định cách đánh của ta. Đồng chí nhấn mạnh, phải nêu cao quyết tâm tiêu diệt và làm tan rã quân ngụy càng nhiều càng tốt, vì quân ngụy đang trong tình trạng hoang mang, giảm sút ý chí chiến đấu. Mặt khác, phải nêu bật khẩu hiệu "tìm Mỹ mà diệt"; trong bố trí tác chiến, phải chọn những chỗ Mỹ yếu, những chiến trường, những trường hợp Mỹ yếu mà đánh. Đồng thời, phải tìm ra những hình thức chiến thuật, những phương thức tác chiến có hiệu quả để đánh bại những chỗ mạnh của Mỹ.

Trong phần thứ hai, đồng chí Lê Duẩn nêu ra một nhận định quan trọng: "Trong bối cảnh quốc tế hiện

nay, tương quan lực lượng cụ thể ở Việt Nam và ở Đông Nam Á, sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào độc lập dân tộc, phong trào hoà bình, dân chủ trên thế giới cũng như những mâu thuẫn sâu sắc trong hàng ngũ bọn đế quốc không cho phép Mỹ tùy ý mở rộng chiến tranh với bất cứ quy mô nào"¹. Từ nhận định đó, đồng chí dự kiến hai tình huống chiến tranh ở giai đoạn này và khả năng giành thắng lợi của ta trong hai tình huống ấy.

- Về tình huống thứ nhất, Mỹ đưa vài chục vạn quân Mỹ và quân một số nước phụ thuộc vào miền Nam, phối hợp với hơn nửa triệu quân ngụy để độ sức với ta. Đồng chí khẳng định: *"Trên cơ sở nắm vững phương châm đánh lâu dài, ta vẫn có khả năng giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn"*.

- Về tình huống thứ hai, Mỹ đưa vào trên dưới nửa triệu quân Mỹ, chuyển "chiến tranh đặc biệt" thành cuộc "chiến tranh cục bộ" quy mô lớn ở miền Nam và địch có thể đưa bộ binh đánh ra miền Bắc, tuy điều này trước mắt không nhiều, thì "trong hoàn cảnh hiện nay, xét khả năng của Mỹ cũng như của ta về tất cả các phương diện chính trị, quân sự, kinh tế, chúng ta tin chắc Mỹ không thể đánh lâu dài và thắng ta được, kháng chiến lâu dài thì chúng ta nhất

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.124.

định giành thắng lợi cuối cùng"¹.

Trên cơ sở những dự kiến nói trên, đồng chí đã phân tích thêm về khả năng đánh quân ngụy và quân Mỹ.

Đối với vấn đề đánh thắng quân ngụy, ta đã có kinh nghiệm và thấy rõ hướng giải quyết qua mấy năm chống "chiến tranh đặc biệt". Tuy vậy, cần thấy rằng sau khi quân Mỹ vào đông, quân ngụy sẽ dồn thêm lực lượng về các vùng nông thôn đồng bằng và được quân Mỹ yểm trợ ở mức rất cao. Cuộc chiến đấu giữa địch và ta sẽ gay go, ác liệt hơn xoay quanh vấn đề bình định và chống bình định. Cho nên muốn đánh thắng quân ngụy, vấn đề mấu chốt là phải xây dựng và bố trí thật hợp lý lực lượng vũ trang của ta trên chiến trường, từ huyện, tỉnh đến quân khu, phải tăng cường lực lượng, trang bị và trình độ tác chiến của bộ đội địa phương, dân quân du kích để phát triển mạnh chiến tranh du kích và kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị để đánh bại chính sách bình định của địch, giữ vững và mở rộng quyền làm chủ của ta ở nông thôn đồng bằng.

Về đánh Mỹ, ta chưa có kinh nghiệm. Song những

1. Tình huống thứ nhất nói ở đây gần giống tình hình chiến lược Đông Xuân Hè 1965-1966. Lúc này, Trung ương không đề ra yêu cầu giành thắng lợi quyết định, chỉ chú trọng đánh bại các cuộc phản công của Mỹ, không cho chúng giành quyền chủ động trên chiến trường.

trận thắng đầu tiên của chiến sĩ và đồng bào ta ở miền Nam cho thấy ba thứ quân của ta đã tìm ra cách đánh Mỹ có hiệu quả. Dân quân du kích đã đánh được Mỹ bằng các "vành đai diệt Mỹ" bao quanh các căn cứ của chúng. Bộ đội địa phương có thể đánh tiêu diệt những đại đội quân Mỹ như ở trận Núi Thành. Bộ đội chủ lực phối hợp với bộ đội địa phương và du kích đã chiến thắng oanh liệt ở Vạn Tường, và sau Vạn Tường đã có một loạt trận đánh rất xuất sắc ở Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ. Đánh giá cao những chiến thắng đó, đồng chí đặc biệt chú ý đến trận Vạn Tường, trận phản công đầu tiên của bộ đội chủ lực ta, đập tan một cuộc hành quân tìm diệt lớn của quân Mỹ trên một vùng đồng bằng ven biển, "chúng tỏ một cách hùng hồn khả năng của ta đánh bại được quân Mỹ trong điều kiện chúng có ưu thế tuyệt đối về binh khí, hỏa lực"¹.

Để đánh thắng địch trong mùa khô 1965 - 1966, đồng chí nêu ra một số gợi ý về cách đánh:

- Phải học và sử dụng một cách phổ biến lối đánh *phản công*, tức là đánh địch ngoài công sự, lúc chúng mở hành quân tìm diệt vào vùng rừng núi hoặc nửa rừng núi của ta. Muốn bẻ gãy các cuộc phản công đó, ta phải nắm chắc âm mưu và hành động của địch, chuẩn bị chu đáo về chiến trường, về lực lượng, chuẩn bị sẵn trận địa

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.131.

để dụ địch vào vùng ta, bám sát quá trình di chuyển vận động của địch, bất ngờ chủ động tiến công thì ta có thể phát huy tối đa ưu thế và cách đánh sở trường của bộ đội ta, hãm địch vào thế bất lợi, hạn chế ưu thế về phi pháo, xe tăng, cơ giới của địch. Đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh, đánh phản công như vậy có giá trị như là tiến công.

- Mở những chiến dịch *chủ động tiến công địch* như ta vẫn thường làm, kết hợp nhiều thứ quân, nhiều lực lượng, nhiều phương thức tác chiến nhằm những mục tiêu cụ thể về tiêu diệt địch, về giành dân, giành quyền làm chủ. Rút kinh nghiệm của các chiến dịch trong thời chống "chiến tranh đặc biệt", muốn đạt hiệu quả cao, nhất là trong tác chiến theo lối đánh điểm diệt viện mà ta thường sử dụng, phải chuẩn bị đầy đủ lực lượng dự bị để tung vào đoạn cuối chiến dịch, khi địch phản công lại, thì mới bảo đảm giành được thắng lợi lớn hơn.

- Tổ chức tốt việc *đánh các căn cứ* đóng quân, sân bay, bến cảng, kho xăng dầu, bom đạn, trận địa pháo, trận địa cơ giới, nơi ở của sĩ quan, giặc lái của Mỹ, ngụy... bằng bộ đội đặc công, bằng các đơn vị sử dụng thành thạo các loại pháo, cối, tên lửa... Đây là cách đánh lợi hại nhằm công phá chỗ mạnh của Mỹ, hạn chế khả năng Mỹ phát huy ưu thế về binh khí, kỹ thuật, đồng thời làm cho Mỹ lúng túng khó khăn hơn nữa trong việc phòng thủ các căn cứ, các cơ sở hậu cần của

chúng. Cách đánh này có giá trị quan trọng như là những trận đánh tiêu diệt những đơn vị lớn quân nguy, quân Mỹ.

- Phát triển các "*vành đai diệt Mỹ*" theo kinh nghiệm của những vành đai đầu tiên, xây dựng có chiều sâu, nhiều tầng, nhiều lớp, lấy việc bao vây, bắn tỉa, đánh lẻ làm cách đánh thường xuyên để tiêu diệt tiêu hao địch, đồng thời chuẩn bị các phương án đánh địch kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, nhằm hạn chế các cuộc càn quét, đánh phá của địch, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân.

Đặc điểm của chiến tranh cách mạng miền Nam đòi hỏi các lực lượng vũ trang của ta không chỉ lo tiêu diệt sinh lực địch mà còn phải cùng với lực lượng chính trị tạo ra và giữ cho được thế làm chủ, tức là phải đứng chân vững chắc, bám trụ vững chắc trên các chiến trường rừng núi cũng như đồng bằng để đánh địch, chứ không phải đánh xong rồi di chuyển đi nơi khác, vùng khác, bỏ dân, bỏ đất lại phía sau. Cho nên đánh địch phải gắn liền với xây dựng, củng cố và hoàn thiện thế làm chủ. Trước hết, phải làm chủ vững chắc vùng rừng núi, làm cho khắp rừng núi chỗ nào cũng có người, có sản xuất, có lực lượng nửa vũ trang, có buôn làng chiến đấu, biến miền núi thành chỗ đứng chân vững chắc, nơi cơ động của các khối chủ lực lớn của ta. Trong đó phải đặc biệt coi trọng việc xây dựng căn cứ địa, tạo ra một

chiến trường tiêu diệt địch ở Tây Nguyên, ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ và hai tỉnh Quảng Đức, Lâm Đồng.

Không ngừng củng cố, mở rộng thế làm chủ từ rừng núi đến *nông thôn đồng bằng*; tiến tới làm chủ với những mức độ khác nhau một số vùng chung quanh *thành thị và bên trong thành thị*, hình thành và giữ gìn được thế liên hoàn giữa các vùng làm chủ, các căn cứ lớn nhỏ của ta ở ba vùng chiến lược, tạo ra thế bao vây chia cắt. Đó là thế có lợi nhất để ta duy trì và phát triển chiến tranh du kích rộng khắp, đồng thời cũng thuận lợi cho ta tập trung và cơ động binh lực để đánh thắng các đơn vị lớn quân Mỹ và quân ngụy.

Đồng chí dành riêng một mục trong thư để nói về vấn đề khởi nghĩa, một hình thức đặc biệt của đấu tranh chính trị. Vận dụng và phát triển những luận điểm về khởi nghĩa vũ trang của Mác và Lênin vào hoàn cảnh và điều kiện của chiến tranh cách mạng miền Nam, đồng thời, xuất phát từ đặc điểm của khởi nghĩa ở miền Nam không phải như từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn trong Cách mạng Tháng Tám, đồng chí Lê Duẩn đã đưa ra nhiều ý kiến quan trọng về khởi nghĩa trong chiến tranh, kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh. Theo đồng chí, trong quá trình cách mạng miền Nam đã từng có các cuộc khởi nghĩa của quần chúng nhằm những yêu cầu khác nhau trong những thời kỳ khác

nhau. Các cuộc nổi dậy ở một số vùng đồng bằng Nam Bộ và vùng núi các tỉnh miền Trung cuối năm 1959 đầu năm 1960 nhằm bóc một lớp hệ thống kìm kẹp của Mỹ - ngụy, giành quyền làm chủ của nhân dân chủ yếu ở cơ sở là bước khởi đầu. Tiếp đến là cao trào nổi dậy của nông dân đồng bằng ven biển miền Trung năm 1964, sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, nhằm giành lại đại bộ phận nông thôn miền Nam, mở rộng chiến tranh du kích làm cho các chiến trường chủ yếu giữa Khu V và Nam Bộ phát triển đồng đều. Nhìn chung, phong trào quảng đại quần chúng nông dân vùng lên đánh địch phá ấp chiến lược, phá ách kìm kẹp giành được thắng lợi và phát triển cho đến ngày nay là vì nó được kết hợp chặt chẽ với các cuộc tiến công ngày càng mạnh của các lực lượng vũ trang cách mạng dưới hình thức chiến tranh du kích.

Ở thành thị, các cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân qua các phong trào học sinh, sinh viên, Phật giáo, quần chúng lao động đưa đến việc thay đổi chính quyền tay sai ngoài ý muốn của Mỹ là những hành động mang tính bạo lực có thể được xem như các cuộc tập dượt nhằm tiến tới khởi nghĩa ở thành thị. Tuy nhiên, những hành động bạo lực ấy đã không tiến triển thành khởi nghĩa giành chính quyền, chủ yếu là do thiếu sự phối hợp trực tiếp của các đòn công kích về quân sự làm cho quân ngụy bị tiêu diệt hoặc tan rã tới mức nghiêm

trọng; đồng thời các cuộc đấu tranh chính trị ấy còn thiếu sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng.

Về mối quan hệ giữa tổng công kích và tổng khởi nghĩa, nêu lên như một khả năng, đồng chí nói rõ thêm: "cuộc khởi nghĩa nào muốn giành được thắng lợi cũng phải đập tan sức đề kháng về quân sự của địch; ngược lại, trong chiến tranh cách mạng, muốn đánh thắng quân thù một cách triệt để, tổng công kích về quân sự phải được sự giúp sức bằng các cuộc khởi nghĩa ở mức độ khác nhau của quần chúng và binh lính địch"¹.

Hiện nay, hàng vạn quân Mỹ đã được đưa vào miền Nam, vậy các cuộc khởi nghĩa ở thành thị có còn là một khả năng nữa hay không? Theo đồng chí Lê Duẩn, không có lý do gì để khẳng định rằng quần chúng không thể khởi nghĩa. Trong hoàn cảnh miền Nam, quân Mỹ vào cũng không thể cứu được sự tan rã của ngụy quân, ngụy quyền và ngay cả quân Mỹ cũng sẽ bị đánh thiệt hại nặng. Trong trường hợp đó, nếu các đảng bộ địa phương lãnh đạo chặt chẽ phong trào đấu tranh chính trị và công tác binh vận, kết hợp hai mũi tiến công này với đấu tranh quân sự thì có thể tạo nên sức mạnh áp đảo để đánh thắng quân thù. "Và ta gọi sự phối hợp các đợt tiến công về quân sự với các cuộc nổi dậy của quần chúng ở thành thị và các cuộc binh biến của một số đơn

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.142.

vị quân nguy, để đánh đổ nguy quyền, chấm dứt chiến tranh, là tổng công kích, tổng khởi nghĩa"¹.

Đồng chí còn nhắc nhở không nên quan niệm một cách giáo điều rằng tổng khởi nghĩa sẽ diễn ra một lần, một đợt là xong như trong Cách mạng Tháng Tám. Ở các thành phố, thị xã kết hợp khởi nghĩa với công kích như thế nào, thì phải tùy tình hình cụ thể từng nơi mà quyết định... Riêng ở "Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, những thành phố dân đông mà quân địch cũng nhiều và mạnh, khi quân đội cách mạng kéo địch ra những nơi đã được chuẩn bị, mở những trận đánh lớn, thì quần chúng cách mạng có thể chớp thời cơ, dựa vào lực lượng có tổ chức của mình, được sự giúp sức tích cực của các lực lượng vũ trang nhân dân từ bàn đạp ở ngoại thành, và của các cuộc binh biến của một bộ phận quân nguy, có thể nổi dậy làm chủ từng phần thành phố, dựng lên chính quyền nhân dân dưới một hình thức thích hợp"².

Phương hướng tiến tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa nói trong thư này mãi đến tháng 1-1968 mới được nêu thành mục tiêu trong đợt hoạt động mở đầu bằng trận Tết Mậu Thân. Quyết tâm của chúng ta là khi có thời cơ, sẽ tung ra những cố gắng cao nhất nhằm giành thắng lợi tối đa cho cách mạng trong lực lượng so sánh

1, 2. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.144, 145.

cụ thể giữa ta và địch. Tuy nhiên, đồng chí cũng hiểu rõ sự hạn chế trong nhận thức của con người đối với sự vật khách quan. "Không phải lúc nào chúng ta cũng dự kiến đúng quá trình phát triển của sự vật"¹. Từ đó, đồng chí còn nêu ra một ý kiến quan trọng: Nếu vì những nguyên nhân không dự tính hết mà khởi nghĩa nửa chừng gặp khó khăn, ta vào thành phố rồi mà phải rút ra thì cũng không ngại, vì cả nông thôn đồng bằng và rừng núi là của ta, ở đây thế và lực của ta mạnh.

Trong phần ba của bức thư, đồng chí Lê Duẩn nêu lên một số công tác cụ thể như: Giành và nắm vững thế chủ động trên chiến trường, luôn luôn tiến công cho mạnh, đồng thời tự vệ cho tốt. Nắm vững đặc điểm của các vùng chiến lược, giao nhiệm vụ thích hợp cho từng chiến trường. Phối hợp chặt chẽ ba thứ quân, sử dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật và các phương thức tác chiến của ta. Nắm chắc lực lượng dự bị và biết thắng địch một cách bất ngờ. Quán triệt hơn nữa phương châm đánh địch bằng cả quân sự và chính trị. Nhanh chóng xây dựng lực lượng chính trị của ta ở thành thị và đẩy mạnh công tác thành thị. Đẩy mạnh hơn nữa công tác ngụy vận và địch vận. Xây dựng quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Động viên nhân dân đóng góp

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.146.

cho kháng chiến và chủ động bồi dưỡng sức dân để chiến đấu lâu dài.

Trong các công tác nói trên, có hai vấn đề được đồng chí Lê Duẩn phân tích rất kỹ và đưa ra những gợi ý rất cụ thể.

1. Biết thắng địch một cách bất ngờ là một trong những nhân tố quan trọng để giành thắng lợi quyết định, đòi hỏi phải có ý thức, có sự chuẩn bị trước. Đồng chí nhấn mạnh phải làm tốt việc xây dựng lực lượng dự bị, nhất là xây dựng lực lượng dự bị chiến lược trong quân chủ lực, quân cơ động, và cả lực lượng dự bị cho đội quân chính trị ở các thành phố lớn; phải huấn luyện thật kỹ các đơn vị chiến đấu về quân sự và chính trị; phải nắm thời cơ, tranh thủ thời cơ và đặc biệt phải giữ tuyệt đối bí mật về phương hướng và ý định chiến lược của ta.

2. Trong việc quán triệt hơn nữa phương châm đánh địch bằng cả quân sự và chính trị, đồng chí vạch rõ việc Mỹ đưa quân Mỹ và quân một số nước phụ thuộc Mỹ vào trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược miền Nam làm gay gắt thêm mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ, đồng thời làm cho nội bộ bọn cầm đầu ngụy quân, ngụy quyền thêm lục đục. Do đó, ta cần và có thể tranh thủ tập hợp quần chúng, tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, lôi kéo cả những người tiến bộ trong hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân thật rộng

rãi để cô lập và chĩa mũi nhọn đấu tranh vào Mỹ và bọn Việt gian bán nước. Đây là một vấn đề lớn liên quan đến việc đẩy mạnh công tác thành thị, đến việc phân hoá hàng ngũ sĩ quan và nhân viên ngụy quyền, đến vấn đề lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ địch.

Những vấn đề được đồng chí Lê Duẩn đề cập trong thư gửi Trung ương Cục miền Nam tháng 11-1965 đã được thể hiện cụ thể trong bài phát biểu của đồng chí tại Hội nghị lần thứ mười hai Ban Chấp hành Trung ương họp tháng 12-1965, là những vấn đề được đưa ra thảo luận và quyết định tại Hội nghị.

Sau khi đánh giá lực lượng so sánh địch ta, ý đồ và âm mưu quân sự, chính trị của địch, Hội nghị đã hạ quyết tâm chiến lược: đánh thắng đế quốc Mỹ trong mọi tình huống chiến tranh. Hội nghị khẳng định lại "phương châm chiến lược chung của ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính", nhưng "Trong hoàn cảnh cụ thể hiện nay, trên cơ sở tiếp tục quán triệt và vận dụng phương châm *đánh lâu dài*, chúng ta cần phải cố gắng đến cao độ, tập trung lực lượng của cả hai miền để tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t.26, tr. 637-638.

Đối với miền Bắc, Hội nghị khẳng định: Chiến tranh càng trở nên ác liệt ở miền Nam thì nhiệm vụ của miền Bắc đối với miền Nam càng nặng nề quan trọng, miền Bắc phải tiếp tục thực hiện những vấn đề mà Nghị quyết Trung ương lần thứ mười một đã vạch ra...

Hội nghị nêu lên những nhân tố bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam và kết luận: "Trong giai đoạn lịch sử vinh quang này của Tổ quốc, mỗi cán bộ, đảng viên cũng như toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải có tinh thần chiến đấu cao, dũng cảm phi thường, phải có chí khí anh hùng và quyết tâm dõng non lấp biển, đập bằng bất cứ trở ngại nào, hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào, đánh bại bất cứ kẻ thù nào"¹.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ mười hai có ý nghĩa lịch sử vô cùng quan trọng đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Hội nghị đã quyết định những vấn đề chiến lược cơ bản của cuộc kháng chiến. Nghị quyết Hội nghị là văn kiện chỉ đạo cách mạng sáng suốt và đúng đắn, kết tinh ý chí, trí tuệ và tài năng sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Các văn kiện của Hội nghị là ánh sáng soi đường cho quân và dân ta ở cả hai miền Nam Bắc tiến lên đánh bại đế quốc Mỹ trong chiến lược "chiến tranh cục bộ" bao gồm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t.26, tr. 650.

cuộc chiến tranh trên bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại, phong toả do Mỹ gây ra ở miền Bắc.

Ở miền Nam, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục và Khu uỷ Khu V, được sự tăng viện của hậu phương miền Bắc, các lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của ta đã phát triển nhanh chóng, củng cố thế bố trí chiến lược từ rừng núi, nông thôn đồng bằng đến vùng ven và bên trong các thành thị lớn, sẵn sàng bước vào những cuộc đọ sức quyết liệt với đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Sau chiến thắng Núi Thành (tháng 5-1965) và chiến thắng lớn ở Vạn Tường (tháng 8-1965), bước vào đợt hoạt động Thu Đông 1965, quân và dân miền Nam đã đánh những trận phủ đầu giành được thắng lợi giòn giã ở Plâyme, trên chiến trường Tây Nguyên và ở Đất Cuốc, Bầu Bàng, Dầu Tiếng thuộc miền Đông Nam Bộ, tiêu diệt một số tiểu đoàn thuộc các sư đoàn sừng sỏ của quân Mỹ. Phối hợp với bộ đội chủ lực đánh địch ở vòng ngoài, các lực lượng đặc công, biệt động liên tiếp đánh phá các căn cứ, kho tàng, sân bay, khách sạn, thu được kết quả lớn khiến cho giới cầm quyền Mỹ bàng hoàng khiếp sợ.

Qua đợt hoạt động Thu - Đông 1965, thế chủ động tiến công của ta trên chiến trường miền Nam được giữ vững, thế trận chiến tranh nhân dân được củng cố; ba thứ quân của ta đã đánh được quân Mỹ bằng những

cách đánh thích hợp, chẳng những đánh tiêu hao mà còn có khả năng đánh tiêu diệt một số đơn vị quân Mỹ, làm chủ chiến trường. Nổi bật khoản của quân và dân ta khi quân Mỹ mới ồ ạt vào miền Nam đã được giải quyết không chỉ bằng lý luận mà còn bằng cả thực tiễn.

Từ thắng lợi bước đầu đó, quân và dân miền Nam đã chủ động tiến lên đánh thắng cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất của đế quốc Mỹ vào mùa khô 1965-1966. Trong ba tháng đầu năm 1966, ta đã bẻ gãy hàng loạt cuộc phản công lớn của quân Mỹ, tiêu hao, tiêu diệt hàng chục nghìn tên địch, trong đó có cuộc hành quân “5 mũi tên” đánh vào các tỉnh ven biển miền Trung và ba cuộc hành quân tìm diệt đánh vào Củ Chi, Thủ Dầu Một, Tây Ninh hòng đẩy lùi và chọc thủng vành đai bao vây tiến công của ta quanh vùng Sài Gòn - Gia Định. Bị thiệt hại nặng nề về sinh lực và phương tiện chiến tranh, địch buộc phải kết thúc cuộc phản công chiến lược quy mô lớn lần đầu tiên sớm hơn kế hoạch dự định hai tháng.

Đi đôi với các đòn tiến công địch về quân sự, đồng bào những vùng nông thôn đã đẩy mạnh đấu tranh chính trị chống Mỹ dùng xe bọc thép càn quét giày xéo mùa màng cây trái, chống rải hoá chất độc xuống ruộng vườn, thôn xóm. Ở thành thị, công nhân, học sinh, sinh viên, tăng ni phật tử đã xuống đường chống chính sách xâm lược của Mỹ. Tại Đà Nẵng, lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ tay sai, đồng bào đã làm mất ổn định hậu

phương địch, tiến lên hầu như làm chủ thành phố 76 ngày đêm (từ 10-3 đến hết tháng 5-1966).

Mục tiêu chủ yếu của cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất của Mỹ không đạt được. "Mỹ không tiêu diệt được một đơn vị chính quy nào của Việt cộng, không ngăn chặn được du kích phát triển: lực lượng Mỹ không khắc phục được tình hình ngày càng xấu đi và quân đội Sài Gòn giảm chất lượng nhanh và vẫn bị động". Trong khi đó, trên miền Bắc, Mỹ không ngăn cản được sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam và không làm lay chuyển được quyết tâm kháng chiến cứu nước của nhân dân ta; hàng trăm máy bay Mỹ tiếp tục bị bắn rơi, sức người sức của không ngừng được chuyển ra tiền tuyến.

Như vậy, quân và dân ta đã đánh thắng "chiến tranh cục bộ" của Mỹ ngay từ hiệp đầu. Thắng lợi của ta trong mùa khô 1965 - 1966 là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược. Nó tạo đà cho quân và dân cả nước ta tiến lên giành những thắng lợi lớn hơn nữa.

Tháng 7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước lịch sử, Người tuyên bố: "Giờ này và bây giờ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không lay chuyển được ý chí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân

Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"¹.

Sau thất bại trong cuộc phản công lần thứ nhất, đế quốc Mỹ lại tăng quân để tiếp tục "tìm diệt" bộ đội chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta ở miền Nam, leo thang đánh phá miền Bắc mạnh hơn nữa. Đến mùa khô 1966-1967, với 98 vạn quân, trong đó có 39 vạn quân Mỹ, chúng tiến hành cuộc phản công chiến lược lần thứ hai. Lần này, chúng tập trung lực lượng đánh vào một hướng là miền Đông Nam Bộ, trọng điểm là Tây Ninh, nhằm chụp bắt "cơ quan Trung ương Cục, Bộ chỉ huy miền, cơ quan trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, tìm diệt các đơn vị chủ lực của ta, đánh phá căn cứ, kho tàng dự trữ của cuộc kháng chiến miền Nam. Về biện pháp chiến lược, từ tìm và diệt, chúng chuyển sang "tìm diệt" và "bình định", đồng thời chúng dùng thủ đoạn ngoại giao nhằm hạn chế sự giúp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 108.

đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa đối với cuộc kháng chiến, cứu nước của ta.

Với kinh nghiệm đánh Mỹ vừa tích lũy được trong hiệp đầu, với thế trận chiến tranh nhân dân được củng cố vững chắc hơn, tháng 6-1966, ta mở mặt trận Đường số 9 - Bắc Quảng Trị để thu hút và giam chân một lực lượng lớn lính thủy đánh bộ Mỹ vốn quen tác chiến ở vùng ven biển lên chiến trường miền núi hiểm trở, ở đây quân Mỹ khó có thể phát huy tối đa chỗ mạnh của chúng, còn ta thì có thể phát huy tối đa sở trường đánh rừng núi của bộ đội ta. Việc mở mặt trận Đường số 9 - Bắc Quảng Trị đã phá vỡ ý định của bộ chỉ huy quân sự Mỹ muốn đưa quân chiến đấu Mỹ vào vùng đồng bằng sông Cửu Long và ta chủ động phá kế hoạch của Mỹ đánh ra Nam Khu IV.

Trên chiến trường miền Nam, ta đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, kiên trì đấu tranh chính trị, tập trung lực lượng đánh bại liên tiếp ba cuộc hành quân lớn của quân viễn chinh Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, nhất là mở chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân Gianxon Xity, cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (45.000 quân trên địa bàn một huyện). Ta còn tiến hành thắng lợi nhiều cuộc tiến công trên nhiều hướng khác, nhất là các chiến dịch tiến công của bộ đội chủ lực ở chiến trường Bắc Tây Nguyên, Tây Khu V, Đường số 9; kết hợp tiến công cả về quân sự và chính trị ở các chiến trường đồng bằng Nam Bộ, Khu V,

Trị Thiên. Lực lượng đặc biệt tinh nhuệ của ta đánh nhiều mục tiêu trọng yếu trong các thành phố Sài Gòn - Đà Nẵng, Huế...

Thắng lợi trên mặt trận đấu tranh quân sự đã tác động mạnh phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân miền Nam ở thành thị cũng như ở nông thôn. Suốt mùa khô 1966-1967, hơn một triệu lượt người ở đồng bằng sông Cửu Long đã tham gia đấu tranh chống địch càn quét, bắn phá, rải hoá chất độc, bắt lính dôn quân. Ở các thành phố lớn, hàng nghìn học sinh, sinh viên, Phật tử và quần chúng lao động đã xuống đường tuần hành đòi Mỹ chấm dứt xâm lược, đòi ngay quyền từ bỏ chính sách lệ thuộc ngoại bang. Đó là một bước phát triển mới của phong trào đấu tranh ở các thành thị; từ khẩu hiệu dân sinh dân chủ trước đây nay các cuộc đấu tranh đã nêu ra những khẩu hiệu chính trị chống xâm lược, đòi độc lập cho dân tộc.

Trên miền Bắc, quân và dân ta đánh trả có hiệu quả ngày càng cao các cuộc tiến công bằng không quân và hải quân của Mỹ, vừa bắn rơi nhiều máy bay, bắt phi công, vừa tổ chức sơ tán phòng tránh tốt, hạn chế được tổn thất. Sản xuất vẫn giữ vững; đường vận chuyển chiến lược được phát triển và nâng cấp bảo đảm thông suốt liên tục, không ngừng chi viện sức người, sức của ngày càng tăng từ Bắc vào Nam trong điều kiện không quân Mỹ đánh phá quyết liệt.

Chưa lúc nào khí thế đánh Mỹ dâng cao như thời kỳ này trên cả hai miền Nam - Bắc. Ở miền Nam, nổi lên các phong trào: "Dũng sĩ diệt Mỹ", "Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt", "Bám thắt lưng địch mà đánh"... Ở miền Bắc, có phong trào "Phụ nữ ba đảm đang", "Thanh niên ba sẵn sàng", "Tay cày tay súng", "Tay búa tay súng", "Tiếng hát át tiếng bom", "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"... Trên các tuyến giao thông là phong trào "xe chưa qua, nhà không tiếc", "đánh địch mà đi, mở đường mà tiến"... Đó là khí phách của cả một dân tộc anh hùng sẵn sàng xả thân chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc với tinh thần "cả nước ra trận", "toàn dân đánh Mỹ".

Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đồng chí Lê Duẩn và Trung ương Đảng ta luôn quan tâm đến công tác đối ngoại. Đồng chí Lê Duẩn cho rằng, chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao là một nội dung quan trọng trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao gắn liền với những nhiệm vụ cụ thể của mỗi giai đoạn cách mạng. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế có những biến động phức tạp: xu hướng hoà hoãn giữa hai phe, sự bất đồng trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc... Tháng 12-1963, Hội

ng nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) ra Nghị quyết về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng. Hội nghị đã phân tích và nêu lên những quan điểm của Đảng ta về chiến tranh, hòa bình và cùng tồn tại hòa bình; về đẩy mạnh sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiếp tục xoá bỏ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc; về quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chuyên chính vô sản; về triệt để hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Hội nghị nhất trí cho rằng, để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang của mình, các đảng cộng sản và công nhân cần ra sức đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm vững nguyên tắc và vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện cụ thể của thế giới và của mỗi nước. Hội nghị khẳng định, để thực hiện chính sách đối ngoại, phải thực hiện những chủ trương và nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Khôi phục và tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế.

2. Tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

3. Tích cực ủng hộ phong trào đấu tranh vì dân chủ và chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân và nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa.

4. Góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Tháng 2-1964, đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng ta sang thăm Liên Xô. Trong cuộc hội đàm với các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng chí đã thông báo rõ quan điểm của Đảng ta về đường lối đối ngoại là không ngừng phấn đấu vì chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, có nghĩa có tình, vì tình đoàn kết trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa. Năm 1965, sau khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra cả nước, đồng chí Lê Duẩn trong bài phát biểu tại Hội nghị Trung ương lần thứ mười một đã nhận định, vấn đề Việt Nam đã trở thành một vấn đề quốc tế nghiêm trọng. Đồng chí chỉ rõ, trong chiến tranh ở miền Nam, không phải chỉ có mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Mỹ và tay sai, mà còn có mâu thuẫn giữa hai phe. Trong lúc chúng ta có khả năng đánh mạnh và thắng lợi hơn nữa thì phe xã hội chủ nghĩa không có quyết tâm đầy đủ để cùng chúng ta chiến thắng đế quốc Mỹ ở miền Nam. Còn đế quốc Mỹ cũng đã dần dần thấy rằng với việc đưa thêm mấy chục vạn quân vào miền Nam, tình hình trước mắt cũng chưa đẩy chúng phải mắc kẹt vào một cuộc chiến tranh cục bộ lớn hơn khiến chúng phải đương đầu với sự phản ứng lớn của phe xã hội chủ nghĩa và của nhân dân thế giới. Ở đây, chúng ta cũng rút ra một kết luận nữa là phải kiên quyết đoàn kết với phe ta và làm cho phe ta quyết tâm hơn nữa cùng chúng ta phối hợp hành động để

đánh bại đế quốc Mỹ ở miền Nam, giúp đỡ cách mạng Việt Nam một cách có hiệu quả nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho chúng ta hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước. Quan hệ quốc tế phức tạp, đường lối chiến lược của hai nước Xô - Trung vào thời điểm đó đã đặt cách mạng Việt Nam vào tình thế phải chịu sức ép rất lớn trong hoàn cảnh vừa thiếu về thực lực, lại vừa có nhu cầu nhận được viện trợ giúp đỡ toàn diện của cả Liên Xô và Trung Quốc. Nhất là khi mối quan hệ này thường xuyên bị tác động, chi phối bởi một tác nhân có thế lực và đầy mưu mô là đế quốc Mỹ. Mâu thuẫn Xô - Trung đã lập tức được đế quốc Mỹ tập trung khai thác nhằm phá hoại phong trào cộng sản quốc tế, đồng thời trên cơ sở khoét sâu ngăn cách Trung - Xô, hy vọng sẽ hạn chế được sự giúp đỡ của những nước này đối với Việt Nam, một nước đang đối đầu với Mỹ.

Quán triệt sâu sắc quan điểm ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải phát huy thực lực, thực lực như cái chiêng, ngoại giao như cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn, đồng chí Lê Duẩn luôn luôn nhấn mạnh phải đánh mạnh về quân sự thì đấu tranh ngoại giao mới giành được thắng lợi. Đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: "Ngoại giao thành một công tác quan trọng, nhưng ngoại giao chỉ thắng lợi khi cách mạng ta thắng lợi. Nói vậy để đề phòng sai lầm là không tin vào sức ta lại đi tìm ngoại giao cho cái gì thần bí về thương lượng. Định muốn đình chiến để cứu

quốc phòng của nó. Nhưng để chủ động, có thể lúc nào đó vừa đàm (miền Bắc) vừa đánh (miền Nam). Muốn thương lượng phe ta phải nhất trí hơn, ta phải làm từ bây giờ, gấp nhau nhiều hơn. Cố gắng hơn nữa để nhất trí với ta. Đó là vận mệnh của ta. Cố gắng làm cho Liên Xô giúp ta nhiều hơn, làm sao Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Liên xô, Cu Ba đánh nhau hơn. Ngoài ra, Nam Dương và các nước Phi châu cũng giúp đỡ ta"¹.

Là học trò và cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn cũng đau nỗi đau của sự chia rẽ trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhất là giữa hai đảng Liên Xô và Trung Quốc. Trong cuộc họp Bộ Chính trị, ngày 6-4-1965, bàn về các hội nghị cấp cao giữa ba nước Việt Nam, Trung Quốc, Liên Xô, đồng chí đã chỉ rõ, Đảng ta phải làm nhiệm vụ đoàn kết giữa các đảng anh em vì lợi ích chung của phong trào cộng sản, công nhân và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Đồng chí nói: "Tình hình của phe ta mà sơ hở, đế quốc Mỹ có thể làm mạnh hơn nữa. Như vậy rất hại cho phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Các nước dân tộc chủ nghĩa cũng không tin nữa"².

1. *Biên bản Hội nghị Trung ương lần thứ mười một*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

2. *Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị ngày 6- 4-1965*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Tháng 4 - 1965, đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa sang thăm hữu nghị Liên Xô và Trung Quốc. Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta đã được đón tiếp trọng thể. Hoạt động tích cực của đoàn, trước hết là của đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đã đem lại những kết quả quan trọng. Liên Xô, Trung Quốc tiếp tục tích cực ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống Mỹ xâm lược. Báo cáo kết quả chuyến đi thăm Liên Xô và Trung Quốc, đồng chí nói: "Trước khi đi ta có nhận định là việc ra tuyên bố chung ba Đảng có thể không thành công, do đó có đặt vấn đề tranh thủ yêu cầu với từng Đảng. Qua cuộc đi lần này, các đồng chí Liên Xô, Trung Quốc đều có biến chuyển. Các đồng chí Trung Quốc nói ta đánh mạnh nhưng cuối cùng cũng phải có thương lượng. Qua Liên Xô thì phải thuyết phục các đồng chí đó là phải đánh mạnh mới đi đến thương lượng được"¹. Hoạt động của đồng chí Lê Duẩn trên lĩnh vực đối ngoại không chỉ tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho cách mạng nước ta mà còn tích cực góp phần bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa quốc tế vô sản, hàn gắn sự chia rẽ giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Ngày 28-1-1966, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp

1. *Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị ngày 24-4-1965*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

bàn về đấu tranh ngoại giao. Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn đã nói rõ những khó khăn, phức tạp trong đấu tranh ngoại giao: "Đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao là cần thiết; muốn đấu tranh chính trị, ngoại giao mạnh thì phải lập một mặt trận chống Mỹ, nhưng trước hết thì Liên Xô và Trung Quốc phải đồng ý. Ý kiến của Trung Quốc về chỗ này còn găng. Tình hình chung cũng còn khó khăn. Nhưng ta cố gắng tranh thủ họp hội nghị rộng rãi nên gồm cả đoàn thể và chính phủ. Các đồng chí Trung Quốc coi lãnh đạo Liên Xô là bình phong của đế quốc cho nên không muốn hành động chung"¹. Tháng 1-1967, Hội nghị lần thứ mười ba Ban Chấp hành Trung ương đã họp bàn về việc đẩy mạnh đấu tranh chống Mỹ trên mặt trận ngoại giao. Hội nghị đã vạch rõ vị trí của đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện

1. *Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị ngày 28-1-1966*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

nay, với tính chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động. Hội nghị khẳng định: chúng ta tiến công địch về ngoại giao bây giờ là đúng lúc, vì ta đã và đang thắng địch, thế của ta là thế mạnh. Hội nghị đã nêu lên ba phương châm của đấu tranh ngoại giao là phải phát huy thế mạnh, thế thắng của ta; chủ động tiến công địch; giữ vững tính độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn nói: "Tiến công ngoại giao của ta có sách lược quan trọng là hạn chế chiến tranh ở miền Nam. Nên và vận dụng sức đấu tranh ở ngoài hơn nữa thì có thể buộc địch phải lừng chừng, làm cho bước leo thang của nó khó hơn. Ta chỉ thắng Mỹ ở miền Nam khi nào đánh bại Mỹ về quân sự. Ta có khả năng thắng Mỹ về quân sự. Toàn Đảng ta phải tập trung lực lượng thắng Mỹ về quân sự. Miền Bắc phải mạnh lên nữa. Các nước anh em ta đều hoài nghi, không tin ta thắng Mỹ về quân sự. Chúng ta phải tích cực chi viện miền Nam hơn nữa, miền Bắc phải được củng cố về kinh tế, chính trị, quân sự, có như thế ta mới tiến công địch về quân sự, chính trị, ngoại giao tốt được"¹. Quan điểm của đồng chí Lê Duẩn về chính sách đoàn kết quốc tế của Đảng luôn

1. *Biên bản Hội nghị Trung ương lần thứ mười ba*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

thể hiện sự thủy chung, tình nghĩa vì chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, có nghĩa, có tình, trân trọng, học tập kinh nghiệm các nước anh em, nhưng phải hết sức độc lập, tự chủ. Đồng chí nói: "Chúng ta nhớ ơn, chúng ta đoàn kết, nhưng không độc lập tự chủ không thắng được, điều đó anh em đã phát biểu nhiều lần rồi. Vì vậy cũng khẳng định lại một lần nữa là nhất thiết phải độc lập, tự chủ. Ý kiến này được Bộ Chính trị và Trung ương nhận định như vậy. Cái đó không có gì mâu thuẫn cả. Chúng tôi nghĩ, chúng ta có độc lập thì chúng ta mới có quốc tế được, chúng ta không nghe cái này, cái kia để rồi mất luôn cái độc lập"¹.

Việc Đảng ta quyết định mở mặt trận đấu tranh ngoại giao, coi đó như một mũi tiến công vào thời điểm năm 1967, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Chúng ta đã tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ sâu rộng và mạnh mẽ hơn nữa của thế giới, đồng thời khoét sâu thêm mâu thuẫn nội bộ kẻ thù, cô lập chúng cao độ, buộc chúng phải ngồi vào bàn đàm phán, mở ra cục diện vừa đánh vừa đàm có lợi cho ta.

Sau hai cuộc phản công chiến lược ở miền Nam và hơn hai năm tăng cường đánh phá miền Bắc, đế quốc

1. *Biên bản Hội nghị Trung ương lần thứ mười ba*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Mỹ đã không đạt được các mục tiêu đề ra khi quyết định điều quân Mỹ vào trực tiếp tham chiến ở Việt Nam. Quân và dân miền Nam giữ vững quyền chủ động chiến lược. Thế và lực của cách mạng được tăng cường. Niềm tin vào thắng lợi được củng cố. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta càng đoàn kết, nhất trí quyết tâm đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến toàn thắng.

Về phía địch, vùng kiểm soát của chúng tiếp tục bị thu hẹp. Ngụy quyền Sài Gòn vẫn chìm trong khủng hoảng, ngụy quân bị sa sút nghiêm trọng về ý chí chiến đấu. Mâu thuẫn trong nội bộ chúng càng bộc lộ sâu sắc. Quân Mỹ bị thương vong ngày càng tăng, những mục tiêu chúng đề ra trong các cuộc phản công chiến lược không thực hiện được. Kế hoạch giành "thắng lợi" trong 18 tháng hoặc 2 năm của Oétmolen bị phá sản. Điều đó tác động mạnh đến tình hình chính trị, quân sự, kinh tế và xã hội của Mỹ. Phong trào nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh xâm lược ngày càng phát triển ngay trong lòng nước Mỹ. Nhân dân thế giới phản đối Mỹ xâm lược Việt Nam ngày càng mạnh. Ở Mỹ, nội bộ quốc hội, chính quyền và ngay trong Đảng Dân chủ cầm quyền bắt đầu chia rẽ. Sự ngờ vực về mục đích, về khả năng giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh và cách thức tiến hành chiến tranh đã xuất hiện trong chính giới Mỹ.

Giới cầm quyền Mỹ đã bắt đầu dao động, lúng túng, nhưng vẫn ngoan cố tăng quân, chuẩn bị kế hoạch mở

cuộc phản công lần thứ ba với 120 vạn quân, có 50 vạn quân Mỹ, hòng giành thắng lợi quân sự để đi vào thương lượng với ta trên thế mạnh.

Tình hình trên chiến trường lúc này rất phức tạp. Mỹ đã thua to nhưng vẫn chưa từ bỏ âm mưu tiếp tục chiến tranh xâm lược Việt Nam. Ta đã thắng lớn nhưng chưa làm chuyển biến cơ bản cục diện chiến tranh có lợi cho ta.

Tháng 6-1967, Hội nghị Bộ Chính trị thảo luận và đi đến nhất trí với nhận định của đồng chí Lê Duẩn: Những thắng lợi toàn diện, to lớn mà quân và dân ta giành được trên cả hai miền Nam Bắc đã làm thất bại về quân sự lúc này của Mỹ sẽ tác động nặng nề tới tình hình chính trị nước Mỹ vốn đang nóng bỏng bởi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, đặc biệt khi nước Mỹ đang tiến tới bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ mới vào năm 1968. Bộ Chính trị cho rằng, chúng ta cần phải lợi dụng sự kiện bầu cử Tổng thống Mỹ, tích cực chuẩn bị lực lượng, phát huy những thắng lợi đã đạt được, đánh đòn quyết định tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân Mỹ, làm mất khả năng tiến công của chúng, đồng thời phải tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận quân ngụy, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh.

Trên cơ sở ý đồ chiến lược nói trên, sau khi nắm vững những điều kiện chính trị, quân sự của ta và của địch cả trong nước và trên thế giới, tháng 12-1967, dưới

sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn và Bộ Chính trị đã họp và ra Nghị quyết về tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào dịp Tết Mậu Thân 1968. Nghị quyết của Bộ Chính trị sau đó được Hội nghị lần thứ mười bốn Ban Chấp hành Trung ương, họp tháng 1-1968, thông qua và trở thành Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

Sau Hội nghị Bộ Chính trị tháng 12-1967 và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ mười bốn (18-1-1968), đồng chí Lê Duẩn viết thư gửi Trung ương Cục và Quân uỷ Cục miền Nam. Nội dung bức thư này nhằm phổ biến Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ mười bốn, đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản cần quán triệt trong quá trình thực hiện.

Phần đầu bức thư nói về vấn đề thời cơ. Đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ, cần “phải nắm thời cơ”, vì “thời cơ là hết sức quan trọng”. “Tình hình cơ bản hiện nay là ta đang ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi; địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn. Quân và dân ta đã đánh bại một bước quan trọng cuộc “chiến tranh cục bộ” của Mỹ đã phát triển tới mức rất cao ở miền Nam, và đang làm phá sản nghiêm trọng cuộc chiến tranh xâm lược của chúng trong cả nước ta.

Đế quốc Mỹ đang ở vào *tình thế tiến thoái lưỡng nan về chiến lược*. So với mục đích chính trị, kinh tế, xã hội của nước Mỹ, thì *những cố gắng chiến tranh của Mỹ ở*

Việt Nam hiện nay đã tới đỉnh cao nhất. Tình hình trên đây cho phép ta có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng sang thời kỳ giành thắng lợi quyết định. Đây là thời cơ chiến lược lớn để tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Ta lại chủ trương mở màn vào dịp Tết nên thời cơ này càng đặc biệt".

Trong phần hai của bức thư, đồng chí nêu rõ tổng công kích, tổng khởi nghĩa là giai đoạn phát triển cao nhất của cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam và giai đoạn này phải đạt tới những mục tiêu chiến lược sau đây:

"- Tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền các cấp, giành chính quyền về tay nhân dân.

- Tiêu diệt một phần quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của quân Mỹ, làm cho chúng không thực hiện được các nhiệm vụ chính trị, quân sự.

- Trên cơ sở đó, đập tan ý chí xâm lược của Mỹ, buộc chúng phải chịu thua, chấm dứt mọi hành động chiến tranh ở cả hai miền Nam Bắc, thực hiện những mục tiêu cơ bản là giành độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập cho miền Nam Việt Nam, tiến tới thống nhất nước nhà"¹.

Về đợt hoạt động trong dịp *Tết Mậu Thân*, đồng chí nêu lên các khả năng mà Trung ương đã dự đoán: 1. Ta

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.192.

thắng lớn, buộc Mỹ phải chịu thua và nhận thương lượng với ta để kết thúc chiến tranh. 2. Ta giành được thắng lợi ở nhiều nơi nhưng địch vẫn giữ được những vị trí quan trọng để tiếp tục chiến tranh. 3. Mỹ tăng thêm quân và dùng lực quân đánh ra miền Bắc... mở rộng chiến tranh ra cả Đông Dương. Đồng chí vạch rõ: *“Thực chất yêu cầu trước mắt đặt ra cho đợt hoạt động này là, đối với địch, giáng cho chúng những đòn tiến công sấm sét làm thay đổi cục diện chiến tranh, làm lung lay hơn nữa ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược, phải xuống thang chiến tranh”*¹.

Phần thứ ba của bức thư, đồng chí nêu lên hướng tiến công của ta trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy sắp tới:

- Căng địch trên khắp chiến trường miền Nam, kéo quân chủ lực địch ra các chiến trường có lợi, dùng những quả đấm chủ lực thật mạnh đánh gục các binh đoàn chủ lực địch. Hoặc phản công đánh những trận tiêu diệt lớn, bẻ gãy các cuộc hành quân tìm diệt của địch. Đó là đòn chính của cuộc tổng công kích, là một hướng tiến công của bộ đội chủ lực ta.

- Một đòn chính nữa phải nhằm vào là các thành thị. Ở đây, ta phải sử dụng một lực lượng quân sự tinh nhuệ và lực lượng chính trị của quần chúng cách mạng,

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.193.

kết hợp những mũi tiến công của lực lượng xung kích với những cuộc nổi dậy của quần chúng ở thành thị và vùng nông thôn kế cận, đồng thời vận động binh lính địch phản chiến, nhằm tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đánh sập các cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy, phá hủy các hậu cứ, kho tàng, trung tâm thông tin và phương tiện giao thông vận tải, vây hãm địch trong thành thị, mở rộng vùng kiểm soát của ta ở nông thôn.

Đây là một cách đánh mới, hiếm có trong lịch sử chiến tranh cách mạng khiến cho Mỹ - ngụy không hề nghĩ tới và cũng không thể nghĩ tới.

Yêu cầu hàng đầu của cuộc tiến công này vẫn là tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, nhưng có một số nội dung mới khác hẳn trước. Ngoài hướng tiến công của bộ đội chủ lực là hút địch vào chiến trường rừng núi, để đánh những trận tiêu diệt lớn, còn mở ra một hướng tiến công mới là thành thị, trọng điểm là Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, nơi địch đang sơ hở và cũng là nơi dễ nhạy cảm, dễ gây ra những chấn động lớn trong nước và trên thế giới. Mục tiêu tiến công ở thành thị là nhằm vào các cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy, các trung tâm chỉ huy, các hậu cứ, vừa để tiêu diệt sinh lực, vừa để phá hủy phương tiện chiến tranh. Đây là những chỗ hiểm yếu trong hệ thần kinh, hệ tuần hoàn của địch. Không gian tiến công không chỉ là một vài vùng, mà là toàn miền, tiến hành đồng loạt trên quy mô rộng lớn

nhất từ trước tới nay. Thời gian tiến công là vào đêm giao thừa Tết Nguyên đán, lúc bất ngờ nhất. Phương châm đánh địch vẫn là kết hợp tiến công về quân sự với nổi dậy của quần chúng nhưng trên diện rộng toàn miền, thực hiện kết hợp tổng công kích với tổng khởi nghĩa.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Chỉ thị của đồng chí Lê Duẩn từ đêm 20 rạng ngày 21-1-1968 ta mở đợt hoạt động lớn ở mặt trận Đường 9 - Khe Sanh, coi đây là một trong những mặt trận của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968, là một đòn chính của bộ đội chủ lực ta nhằm thu hút quân cơ động của Mỹ, tiêu diệt một bộ phận, vây hãm và giam chân tiêu hao chúng, tạo điều kiện cho các chiến trường khác, nhất là Huế, Đà Nẵng, tiến công và nổi dậy thắng lợi.

Trong lúc Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ra sức chống đỡ ở mặt trận Khe Sanh và phán đoán rằng ta có thể tập trung lực lượng tạo ra "một cái giống như Điện Biên Phủ" ở đây; thì đúng đêm giao thừa và đêm mồng 1 Tết Mậu Thân (30 và 31-1-1968), ta đồng loạt tiến công và nổi dậy trên toàn miền, đồng loạt tiến công địch ở 4 thành phố, 37 thị xã, hàng trăm thị trấn; đánh vào hầu hết các cơ quan đầu não trung ương, địa phương cả Mỹ lẫn ngụy, trong đó có 4 Bộ tư lệnh quân khu- quân đoàn, 8 Bộ tư lệnh sư đoàn, 2 Bộ tư lệnh biệt khu ngụy, 2 Bộ tư lệnh dã chiến, 30 sân bay, nhiều tổng kho lớn. Có những trận gây chấn động lớn như đánh Tòa đại sứ

Mỹ, dinh Độc lập ngụy, Bộ Tổng tham mưu ngụy ở Sài Gòn và 25 ngày đêm làm chủ thành phố Huế...

Trong khi chiến sự diễn ra sôi động trên toàn miền Nam, tại Huế và Sài Gòn-Gia Định, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình được thành lập, ra lời kêu gọi các tầng lớp nhân dân và giới trí thức đứng lên chống Mỹ và tay sai.

Nắm vững thời cơ do đòn tiến công đồng loạt về quân sự tạo ra, quần chúng nhân dân hầu khắp các vùng nông thôn được sự giúp sức của lực lượng vũ trang, đã nổi dậy, phá tan từng mảng hệ thống kìm kẹp của ngụy quyền ở cơ sở, giành quyền làm chủ. 100 xã và 600 ấp với 1.600.000 dân được giải phóng. Tuy nhiên, mục tiêu khởi nghĩa ở thành thị thì không địa phương nào đạt được. Trên thực tế đã không diễn ra tổng khởi nghĩa như kế hoạch dự kiến, mà chỉ có những cuộc nổi dậy như những mũi tiến công phối hợp với đòn tiến công về quân sự trên quy mô nhỏ.

Sau cuộc tiến công Tết Mậu Thân ta còn tiếp tục tổ chức một số đợt tiến công nữa vào các thành thị, nhưng kết quả hạn chế, trừ đợt tiến công Sài Gòn (tháng 5-1968) và cuộc vây hãm Khe Sanh.

Mặc dù có những hạn chế nhất định, trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trừ cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 toàn thắng sau này, chưa có một cuộc động binh và huy động lực lượng

nào có quy mô lớn và khí thế cao như cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân.

Thắng lợi của ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân - Xuân 1968 thật là to lớn, buộc tướng Oetmolen, Tổng chỉ huy quân Mỹ ở miền Nam, bị cách chức; Bộ trưởng quốc phòng Mác Namara từ chức, và Tổng thống Giônxon tuyên bố đơn phương ngừng ném bom đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pari và không ra tranh cử tổng thống nhiệm kỳ hai nữa... Đó là sự thừa nhận đầu tiên nhưng đầy đủ nhất về sự phá sản của chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ ở nước ta. Cùng với thắng lợi liên tiếp trong Đông - Xuân 1965-1966 và 1966-1967 đánh bại hai cuộc phản công mùa khô của địch, thắng lợi oanh liệt Tết Mậu Thân đã đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của đế quốc Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam. Bằng cuộc tổng tiến công chiến lược này, ta đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ, buộc chúng dù rất ngoan cố và còn gây cho ta nhiều khó khăn, vẫn phải bắt đầu quyết định xuống thang chiến tranh, chuyển sang chiến lược "phi Mỹ hoá chiến tranh" rồi "Việt Nam hoá chiến tranh", phải bắt đầu rút dần quân Mỹ về nước, chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc và cử người đàm phán với Chính phủ ta tại Hội nghị Pari. Từ đây, ta có điều kiện mở ra cục diện

"vừa đánh vừa đàm", thật sự kết hợp chặt chẽ ba mặt đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao để đánh thắng kẻ địch có tiềm lực quân sự to lớn.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân - Xuân 1968 đã tạo ra một *bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khởi đầu một quá trình đi xuống về chiến lược của cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.*

Tuy nhiên, ta cũng mắc một số khuyết điểm lớn như "chủ quan trong việc đánh giá tình hình, cho nên ta đã đề ra yêu cầu chưa thật sát với tình hình thực tế lúc đó; nhất là sau đợt tiến công Tết Mậu Thân, ta đã không kịp thời kiểm điểm và rút kinh nghiệm ngay, nhằm đánh giá lại tình hình và có chủ trương chuyển hướng kịp thời: ta chậm thấy những cố gắng mới của địch, những khó khăn lúc đó của ta, không đánh giá hết âm mưu địch trong kế hoạch bình định nông thôn nhằm thực hiện chính sách "Việt Nam hoá chiến tranh" của Níchxơn; cho nên ta đã gặp khó khăn trong một thời gian. Mặc dầu có những khuyết điểm, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) vẫn giữ một vị trí rất to lớn và oanh liệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t.34, tr. 215-216.

Ngày 1-11-1968, đế quốc Mỹ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom và bắn phá (lần thứ nhất) trên toàn bộ miền Bắc nước ta, đánh dấu sự phá sản hoàn toàn của chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ, nhưng chúng vẫn ngoan cố và xảo quyệt tiếp tục mưu đồ xâm lược Việt Nam bằng một chiến lược chiến tranh mới.

4. Đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Thất bại trong chiến lược "chiến tranh cục bộ", giới cầm quyền Mỹ buộc phải xuống thang. Tổng thống Hoa Kỳ L.Giôn-xơn và giới quân phiệt ở Nhà trắng và Lầu năm góc đưa ra thực hiện một chiến lược quân sự mới: "Phi Mỹ hoá chiến tranh" nhằm từng bước rút ra khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam trong "danh dự".

Nhưng chiến lược "phi Mỹ hoá" thực thi chưa được bao nhiêu thì ông ta đã phải nhường quyền lãnh đạo nước Mỹ cho người kế nhiệm R.Ních-xơn.

Tháng 1 - 1969, R.Ních-xơn bước vào Nhà trắng thay L.Giôn-xơn làm Tổng thống Hoa Kỳ và học thuyết mới mang tên ông ta được đưa ra với ba nguyên tắc cơ bản là: 1. Sức mạnh của Mỹ; 2. Chia sẻ trách nhiệm; 3. Thương lượng trên thế mạnh.

Sự ra đời của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh"

là thử nghiệm đầu tiên của "Học thuyết R.Níchxơn" và là sự mở đầu một kế hoạch chiến tranh mới xâm lược Việt Nam.

Sự giống nhau giữa "Phi Mỹ hoá" của L.Giônxon và "Việt Nam hoá" của R.Níchxơn là ở mục đích từng bước rút quân Mỹ về nước; duy trì, củng cố ngụy quân, ngụy quyền và giữ miền Nam Việt Nam trong quỹ đạo chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Giới cầm quyền Mỹ dự tính sẽ thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá" bằng ba bước:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu trên bộ cho quân ngụy Sài Gòn; làm suy yếu lực lượng cách mạng của ta bằng "bình định nông thôn"; rút quân bộ Mỹ về nước.

Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ trên không cho quân ngụy Sài Gòn; tổ chức và trang bị để quân ngụy đủ sức đương đầu với lực lượng chủ lực của ta, giữ vững được Nam Việt Nam và Đông Dương.

Bước 3: Củng cố các thành quả; hoàn thành "Việt Nam hoá chiến tranh" vào giữa năm 1972.

Để đạt được mục đích đó, giới cầm quyền Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn đã tiến hành ba biện pháp chiến lược mà họ gọi là "chiến tranh giành dân"; "chiến tranh bóp nghẹt" và "chiến tranh huỷ diệt"; đồng thời dùng những thủ đoạn ngoại giao xảo quyệt hòng gây sức ép buộc ta phải chấp nhận một giải pháp chính trị có lợi cho họ.

Ngày 3-11-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, "Hể còn một tên xâm lược

trên đất nước ta, thì chúng ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi". Ngày 1-1-1969, trong Thư chúc mừng năm mới, Người lại khẳng định quyết tâm kháng chiến của nhân dân cả nước ta:

"Vì độc lập, vì tự do,

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ quyết tâm và phương hướng đi lên của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

Đáp lời kêu gọi của Người, từ đêm 22-2-1969, quân và dân toàn miền Nam đã bất ngờ mở cuộc Tổng tiến công đồng loạt vào 36 thành phố, thị xã, nhiều thị trấn, quận lỵ và các căn cứ quân sự của Mỹ - ngụy. Đồng bào nhiều địa phương đã nổi dậy diệt ác, trừ gian, phá kìm kẹp, giành quyền làm chủ.

Sau 35 ngày đêm chiến đấu, quân và dân ta tiêu diệt và bắt sống hơn 160.000 tên địch, trong đó có hơn 74.000 tên lính Mỹ và chư hầu, nhiều phương tiện chiến tranh bị phá huỷ. Đây là đòn tiến công chiến lược phủ đầu của quân và dân ta ngay sau khi R.Níchxơn bước vào Nhà trắng và bắt đầu thực thi chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

Tháng 4-1969, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp để nhận định tình hình và âm mưu chiến lược mới của Mỹ. Nghị quyết Hội nghị khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta là phát triển chiến

lược tiến công, làm thất bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ; phải đánh cho Mỹ rút quân, cho ngụy phải suy sụp, tiến lên giành thắng lợi quyết định; nhân dân miền Bắc phải làm tốt nhiệm vụ chi viện cho miền Nam, đồng thời sẵn sàng cảnh giác, đập tan âm mưu gây lại chiến tranh phá hoại hoặc những hành động tập kích tiến công của địch.

Ngày 20-7-1969, trong Lời kêu gọi gửi đồng bào và chiến sĩ cả nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Nhân dân Việt Nam kiên quyết đòi tất cả quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ phải rút hết sạch, chứ không phải chỉ rút 25.000 hoặc 250.000 hay là 50 vạn, mà phải rút hết, toàn bộ, không điều kiện. Chỉ có như thế, mới lấy lại được danh dự của nước Mỹ và tránh cho hàng chục vạn thanh niên Mỹ phải tiếp tục chết một cách vô ích ở miền Nam Việt Nam, tránh cho hàng chục vạn gia đình Mỹ khỏi bị tang tóc, đau thương"¹.

Ngày 25-8-1969, Người gửi thư trả lời Tổng thống Mỹ R.Níchxơn và tuyên bố: Nếu Mỹ muốn hành động cho một nền hoà bình công bằng. Muốn vậy, Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam và dân tộc Việt Nam, không có sự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 478.

can thiệp của nước ngoài. Đó là cách đúng đắn để giải quyết vấn đề Việt Nam phù hợp với quyền dân tộc của nhân dân Việt Nam, với lợi ích của nước Mỹ và nguyện vọng hoà bình của nhân dân thế giới”¹.

Đường lối, quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn sức mạnh để đồng bào và chiến sĩ cả nước bước vào giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với niềm tin tất thắng.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta đang diễn ra quyết liệt thì toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta chịu một tổn thất vô cùng to lớn. Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, sáng lập Nhà nước ta, linh hồn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, từ trần. Đau thương càng lớn hơn vì Bác đi xa đúng ngày toàn Đảng, toàn dân ta kỷ niệm lần thứ 24 Quốc khánh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Đồng chí Lê Duẩn, tập thể Bộ Chính trị cùng các vị lãnh đạo Quốc hội, Nhà nước nhất trí thông báo ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần muộn hơn một ngày để đồng bào và chiến sĩ cả nước vui vẻ kỷ niệm ngày Quốc khánh. Mấy ngày trước khi từ trần, mặc dù mệt nặng, Bác vẫn hỏi các đồng chí trong Bộ Chính trị: "Hôm nay miền Bắc thắng ở đâu", "Quốc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 489.

khánh năm nay có bắn pháo hoa cho đồng bào xem hay không". Trong tháng 4 và tháng 5-1969, Bác phát biểu nhiều ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp Bộ Chính trị bàn về tình hình chiến trường và cuộc đấu tranh ngoại giao. Đây cũng là thời gian Bác tập trung hoàn thành bản *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta mà đồng chí Lê Duẩn và một số đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã được Bác tham khảo ý kiến.

Ngày 11-5-1969, được báo cáo rằng sẽ có cuộc gặp mặt của một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị với các cán bộ cao cấp toàn quân, Bác đề nghị để Bác tham gia. Các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng cùng đi với Bác. Hôm đó Bác đã yếu nhiều nhưng vẫn vui vẻ nói chuyện tại buổi gặp để mọi người có mặt yên lòng.

Trong những ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh mệt nặng, đồng chí Lê Duẩn cùng nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước thường xuyên túc trực bên giường Bác, nghe các thầy thuốc báo cáo về sức khỏe và diễn biến bệnh tình của Bác. Nghĩ về đề nghị của Bác với Bộ Chính trị đầu năm 1968 là thu xếp để Bác vào thăm miền Nam, "khi anh em trong đang chuẩn bị mở màn thứ ba"... chưa thực hiện được thì Bác đã đi xa, đồng chí Lê Duẩn thấy đó là công việc chưa hoàn thành với Bác.

Ngay sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, Bộ Chính trị đã triệu tập phiên họp toàn thể đặc biệt khẩn cấp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng để bàn việc

tổ chức lễ tang, thông qua Thông cáo đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Lời kêu gọi gửi cán bộ, đảng viên, đồng bào và chiến sĩ cả nước, kiều bào ở nước ngoài; thành lập Ban lễ tang do đồng chí Lê Duẩn làm Trưởng ban.

Trong những ngày đau thương đó, đồng chí Lê Duẩn cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Nhà nước luân phiên túc trực bên linh cữu Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sáng ngày 9-9-1969, tại lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh do Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, đồng chí Lê Duẩn nghẹn ngào xúc động đọc Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Điều văn đã nêu bật công lao to lớn của Hồ Chủ tịch và khẳng định: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta". Người qua đời là một tổn thất vô cùng to lớn của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, của cả loài người tiến bộ. Người đã để lại cho chúng ta một di sản rất quý báu. Đó là sự nghiệp vĩ đại; là tư tưởng, đạo đức và tác phong cao đẹp của Người. Thay mặt toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đồng chí Lê Duẩn với lòng tôn kính sâu sắc đã thề trước vong linh của vị lãnh tụ kính yêu của toàn dân tộc: Vĩnh biệt Người chúng ta thề: "Giương cao mãi mãi ngọn cờ độc

lập dân tộc, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước để thoả lòng mong ước của Người". Vĩnh biệt Người chúng ta thề: "Đem hết sức mình tiếp tục phấn đấu thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cao đẹp mà Người đã vạch ra cho giai cấp công nhân và nhân dân ta, đem lại phồn vinh cho đất nước, hạnh phúc cho đồng bào"...

Kể từ năm còn ở Nam Bộ, với tư cách là Ủy viên Bộ Chính trị được phân công trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam, tới Đại hội lần thứ III của Đảng (1960), được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng và cả thời gian sau đó, đồng chí Lê Duẩn luôn luôn là người cộng sự đắc lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã cùng với Người và Bộ tham mưu tối cao của Đảng xây dựng và hoàn thiện đường lối cách mạng, lãnh đạo nhân dân cả nước ta anh dũng chiến đấu vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Đoàn kết, nhất trí phát huy trí tuệ tập thể là truyền thống quý báu của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Truyền thống đó luôn luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước chăm lo bồi đắp, giữ gìn.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, kế tục sự nghiệp của Người, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục thực hiện

những quyết sách chiến lược đúng đắn, sáng tạo, đưa công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vượt qua một giai đoạn khó khăn mới, để tiến tới thắng lợi hoàn toàn. Hình ảnh đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất, đồng chí Tôn Đức Thắng, Chủ tịch nước và tập thể các Ủy viên Bộ Chính trị - những học trò xuất sắc của Bác Hồ: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Phạm Hùng, v.v. luôn luôn là nguồn cổ vũ to lớn, nguồn động viên mạnh mẽ đối với toàn dân, toàn quân ta quyết hăng hái vươn lên đập bằng mọi gian lao, thử thách, đưa lá cờ bách chiến bách thắng của Bác đến đích cuối cùng.

Tháng 2-1970, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Đảng và 80 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, theo quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã viết tác phẩm: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*. Đây là một tác phẩm lý luận quan trọng tổng kết những kinh nghiệm lớn của Đảng ta trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa và trong công tác xây dựng đảng.

Nội dung tác phẩm gồm ba phần chính: *Về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; Đảng ta, người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam*.

Mở đầu tác phẩm, đồng chí Lê Duẩn viết: "Dưới sự

lãnh đạo của Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chủ tịch vĩ đại, nhân dân cả nước ta đã viết nên những trang sử đẹp nhất của Tổ quốc ta... Mỗi bước đi lên của cách mạng nước ta và của nhân dân ta đều là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin, học thuyết cách mạng bách chiến bách thắng, chân lý sáng ngời của thời đại mới... Mỗi bước đi lên của nhân dân ta và của Đảng ta trong 40 năm qua đều gắn liền với cuộc đời cách mạng vô cùng sôi nổi và đẹp đẽ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Toàn bộ hoạt động của Người cùng với sự nghiệp của nhân dân ta và của Đảng ta là một thiên anh hùng ca bất diệt của cách mạng Việt Nam".

Trong phần nói về *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*, đồng chí Lê Duẩn nêu lên những kinh nghiệm lớn của Đảng về cách mạng nước ta trong 40 năm qua. Trong thời gian đó, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa nhân dân ta bước lên vũ đài thế giới như một trong những người đầu tiên ở các nước thuộc địa và phụ thuộc thực hiện thắng lợi cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền trong cả nước; là một trong những người đầu tiên đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ, mở đầu quá trình sụp đổ từng mảng của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc; là một chiến sĩ xung kích đang đánh bại chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ và tên sen đầm quốc tế.

Về đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân,

Đảng ta đã vận dụng một cách sáng tạo mối quan hệ thực tiễn của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Đồng chí Lê Duẩn khẳng định: “chân lý lớn nhất của thời đại là ngày nay độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội không thể tách rời nhau”¹. Vấn đề cốt tử đầu tiên là xác định đúng đắn và đầy đủ vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Đồng thời, phải xây dựng được khối liên minh công nông, một nguyên tắc chiến lược của cách mạng vô sản. Điều đó càng đặc biệt đối với nước ta, một nước mà nông dân chiếm đa số. Đồng chí chỉ rõ: Có Đảng, đội tiên phong của giai cấp công nhân, có khối liên minh công nông thì có tất cả. Trong một loạt những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, trước hết phải nêu lên *vai trò lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân và vai trò của khối liên minh công nông*. Trên cơ sở đó, trong mấy chục năm hoạt động, Đảng ta đã xây dựng được một lực lượng cách mạng hùng hậu, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất tiến hành cách mạng, thực hiện mục đích cao cả mà Đảng ta đã đề ra.

Một trong những vấn đề quan trọng của cách mạng dân tộc dân chủ là *phương pháp cách mạng*. Đây là vấn đề Đảng ta đã thành công trong mấy chục năm hoạt động và cũng là vấn đề nóng hổi, có tính thời sự đối với cách

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.425.

mạng thế giới: vận dụng những phương pháp cách mạng của Lênin, nhất là thẩm nhuần *quan điểm lịch sử* trong khi xem xét vấn đề hình thức đấu tranh, Đảng ta đã phát huy trí sáng tạo trong phương pháp tiến hành cách mạng. Thực tế cách mạng cho thấy: “phong trào cách mạng có khi giẫm chân tại chỗ, thậm chí thất bại nữa, không phải vì thiếu phương hướng và mục tiêu rõ ràng mà chủ yếu vì *thiếu phương pháp cách mạng thích hợp*”¹. Đồng chí Lê Duẩn đề cập đến những phương pháp cách mạng như: trên cơ sở nắm vững mục đích cách mạng, phải biết thắng từng bước cho đúng; vấn đề động viên và tập hợp lực lượng quần chúng, việc hình thành và phát triển đạo quân chính trị của cách mạng; tình thế cách mạng; bạo lực cách mạng; thời cơ cách mạng.

Thực tiễn cách mạng miền Nam cho phép Đảng ta nhận thức và đề ra được phương pháp cách mạng đúng đắn. Qua tiến trình của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, những vấn đề phương pháp cách mạng của cách mạng nước ta ngày càng phong phú và sáng tạo.

Trong phần nói về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng chí Lê Duẩn đã phân tích những vấn đề đặt ra trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội hầu như từ hai bàn tay trắng, lại phải trải qua mấy năm chống chiến tranh phá

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.440.

hoại và cùng miền Nam tiến hành sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Đồng chí kết luận: “đấu tranh giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta chủ yếu là *đấu tranh đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*: nắm vững *chuyên chính vô sản* để tiến hành đồng thời *ba cuộc cách mạng*, trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt, là *nội dung cơ bản của đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta*”¹.

Sau khi phân tích cụ thể ba cuộc cách mạng: Cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, đồng chí Lê Duẩn chỉ ra phương hướng cơ bản có tính chất quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta là: “*tăng cường chuyên chính vô sản, phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò tổ chức và quản lý của Nhà nước và tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng lao động nhằm thực hiện thắng lợi ba cuộc cách mạng trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt*”².

Trong quá trình phân tích một cách cụ thể các nhiệm vụ kinh tế trên bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng chí Lê Duẩn chú trọng phân tích nội dung cải tiến chế độ quản lý kinh tế ở miền Bắc nước ta. Đồng chí

1, 2. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.486, 496.

chỉ rõ: “Sau khi đã xác định được đường lối, phương hướng phát triển kinh tế thì việc xây dựng một chế độ quản lý thích hợp có ý nghĩa vô cùng quan trọng, quyết định sự thành công hay thất bại của bản thân đường lối”¹. Sai lầm về đường lối sẽ dẫn tới kết quả tai hại là làm chệch phương hướng phát triển của cách mạng, thủ tiêu chuyên chính vô sản. Song cũng sẽ không bao giờ có chủ nghĩa xã hội nếu chúng ta phạm sai lầm về tổ chức, quản lý kinh tế, đem những quan niệm và phương pháp quản lý của những người sản xuất nhỏ, lạc hậu vào hoạt động quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong phần nói về *Đảng ta, người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam*, đồng chí Lê Duẩn đề cập nhiều vấn đề cấp thiết nhằm tăng cường xây dựng đảng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo chính quyền. Điểm mấu chốt là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; Đảng phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu để phát triển, hoàn chỉnh và cụ thể hoá hơn nữa đường lối của Đảng. Đảng cần phải có công tác tổ chức rộng lớn hơn để huy động mọi lực lượng xã hội, mọi khả năng vật chất cũng như tinh thần để hướng vào giải quyết những nhiệm vụ cụ thể. Đồng chí nhấn mạnh: Đảng ta phải nắm chắc hơn nữa vũ khí lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, “phải mạnh trong toàn bộ cơ cấu tổ chức

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.525.

của mình, từ trên xuống dưới, từ các cấp uỷ đến các ban chuyên môn giúp việc”.

Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới là tác phẩm đặc sắc về lý luận cách mạng Việt Nam, là sự ghi nhận quá trình Đảng ta tổng kết kinh nghiệm cách mạng Việt Nam. Tác phẩm có tác dụng chỉ đạo đối với sự nghiệp cách mạng và soi sáng con đường đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Tác phẩm đã trở thành tài liệu học tập cho các tổ chức đảng, cho cán bộ, đảng viên và toàn dân ta. Tác phẩm trên đây của đồng chí Lê Duẩn còn có tác dụng góp phần bảo vệ và làm phong phú kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần phổ biến kinh nghiệm cách mạng cho phong trào cách mạng thế giới. Nhiều đảng cộng sản và công nhân trên thế giới đánh giá cao tác phẩm đó và một số đảng đã cho in giới thiệu rộng rãi trong đảng và nhân dân.

Nội dung tác phẩm *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới* là kết tinh trí tuệ của Đảng và nhân dân ta qua nhiều thập kỷ phấn đấu, hy sinh. Những tư tưởng của tác phẩm đã được khẳng định lại trong nhiều văn kiện, nghị quyết của Bộ Chính trị, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đã tỏ rõ tính đúng đắn, sáng tạo và hiệu quả trong chỉ đạo thực tiễn những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tháng 1-1970, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ mười tám dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Duẩn nhằm xác định phương hướng phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hội nghị nhận định: từ giữa năm 1968 và suốt năm 1969, vì ta chậm chuyển hướng tiến công bằng những phương pháp quân sự và chính trị thích hợp, trong khi lực lượng địch còn rất lớn, thủ đoạn biện pháp "quét và giữ" của địch quyết liệt nên ta gặp nhiều khó khăn và tổn thất. Tổng công kích là một quá trình lâu dài, gay go và phức tạp. Về phía địch, thực hiện "Việt Nam hoá chiến tranh", Mỹ dứt khoát phải rút quân về nước, đó là điều chúng không thể cưỡng lại được, nhưng chúng đang tính toán là rút bao nhiêu và rút trong bao lâu để nguy quyền và nguy quân không sụp đổ.

Về tình hình Lào và Campuchia, Hội nghị dự kiến có nhiều khả năng địch tăng cường "cuộc chiến tranh đặc biệt" ở Lào; mở rộng chiến tranh xâm lược sang Campuchia.

Hội nghị xác định: Nhiệm vụ của quân và dân ta trong giai đoạn mới là động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trên cả hai miền, phát huy thắng lợi đã đạt được, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tiếp tục phát triển thế chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ. Thời gian có tính chất quyết định là cuối năm 1970 đầu năm 1971, ta

phải đẩy mạnh tiến công toàn diện, đập tan âm mưu "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ. Nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc là tiếp tục sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, có kế hoạch chu đáo để thực hiện tốt nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn; luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi hành động phiêu lưu quân sự của đế quốc Mỹ và tay sai; chuẩn bị phối hợp với quân và dân Lào anh em, sẵn sàng đối phó với khả năng Mỹ và tay sai mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia.

Đúng như dự kiến của Hội nghị Trung ương lần thứ mười tám, ngày 18-3-1970, Mỹ đã chủ mưu làm cuộc đảo chính lật đổ chính quyền của Hoàng thân N.Xihanúc và đưa tập đoàn Lonnon lên cầm quyền, xoá bỏ nền hoà bình, trung lập của Campuchia, đưa nước này vào quỹ đạo chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Ngày 29-4-1970, Tổng thống Mỹ R.Níchxơn ra lệnh cho các lực lượng viễn chinh Mỹ và quân ngụy Sài Gòn tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Campuchia. Mục tiêu của cuộc hành quân này là tiêu diệt cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến ở miền Nam Việt Nam, phá huỷ các cơ sở hậu cần của ta ở Campuchia, đồng thời, ngăn chặn tuyến vận chuyển của ta chi viện cho các chiến trường Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Phán đoán trước những hành động phiêu lưu quân sự của địch, trong các ngày 27-3 và 4-4-1970, đồng chí

Lê Duẩn chỉ thị cho Trung ương Cục miền Nam, Bộ Tư lệnh miền, cho Khu uỷ và Quân khu uỷ Khu V đẩy mạnh các hoạt động quân sự nhằm mở rộng vùng giải phóng tiếp giáp với Campuchia, sẵn sàng chuẩn bị lực lượng và kế hoạch tác chiến phối hợp với các lực lượng nổi dậy ở Campuchia để khi bạn có yêu cầu có thể giúp bạn giành quyền làm chủ ở 10 tỉnh tiếp giáp với ta.

Thực hiện các chỉ thị đó, từ ngày 30-4, các lực lượng vũ trang ta ở miền Nam đã mở cuộc tiến công vào quân viễn chinh Mỹ và quân ngụy Sài Gòn trên đất Campuchia từ nhiều hướng. Sau hai tháng, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 17.000 tên Mỹ, ngụy, giúp các lực lượng cách mạng bạn giải phóng 4 triệu dân và giải phóng hoàn toàn 5 tỉnh nằm sát vùng của ta.

Đưa quân xâm lược Campuchia, mở rộng cuộc "chiến tranh đặc biệt" ở Lào, Mỹ đã nhảy vào cái vòng luẩn quẩn, "Việt Nam hoá chiến tranh" trở thành "Đông Dương hoá chiến tranh" và một cục diện mới đã hình thành, Đông Dương trở thành một chiến trường cùng có kẻ thù chung; lực lượng quân viễn chinh Mỹ và quân ngụy Sài Gòn vốn đã suy yếu ở miền Nam nay chiến trường trải rộng càng thêm suy yếu.

Ngày 19-6-1970, đồng chí Lê Duẩn chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng thảo luận và thông qua nghị quyết *Về tình hình mới ở Đông Dương và nhiệm vụ mới của chúng ta*. Trên cơ sở nhận định về thế và lực

của ta và địch, Hội nghị xác định: "Nhiệm vụ mới của chúng ta là: *động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cả hai miền nước ta, tăng cường khối đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương, trở thành một khối thống nhất có một chiến lược chung, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến cứu nước của nhân dân ba nước chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai*"¹.

Trong khi xác định "Đông Dương là một chiến trường", Hội nghị nêu rõ, "chiến trường quan trọng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ba nước Đông Dương là miền Nam Việt Nam"; "lực lượng xung kích của Đông Dương hoá chiến tranh là quân ngụy Sài Gòn"; Campuchia là chiến trường địch mới mở, có nhiều sơ hở, lúng túng và đó là khâu yếu nhất của chúng ở Đông Dương. Vì vậy, "*Vấn đề tiêu diệt quân ngụy miền Nam, lực lượng nòng cốt trên chiến trường này, là một vấn đề chiến lược rất quan trọng, cần được đặt ra và có chủ trương, biện pháp cụ thể để thực hiện*"².

Nhiệm vụ chính của ta ở chiến trường Lào là phối hợp với bạn, khuếch trương thắng lợi, giữ vững vùng giải phóng nối liền với miền Bắc Việt Nam, Đông Bắc Campuchia và vùng giải phóng ở miền Nam Việt Nam, tạo thành một hành lang chiến lược.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.31, tr.238-239, 254.

Nhiệm vụ cụ thể ở miền Nam Việt Nam là "kiên trì đẩy mạnh cuộc kháng chiến, kết hợp chặt chẽ hơn nữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận, tiếp tục xây dựng thế tiến công chiến lược ngày càng mạnh mẽ, tiêu diệt thật nhiều lực lượng của Mỹ, nguy và làm tan rã một bộ phận quan trọng quân nguy tay sai; tập trung lực lượng đập tan kế hoạch "bình định" và âm mưu "Việt Nam hoá chiến tranh", làm thất bại chiến lược phòng ngự kéo dài của chúng".

Nhân dân miền Bắc có nhiệm vụ vô cùng to lớn là: "Ra sức động viên sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần lớn nhất của mình vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ở miền Nam và của nhân dân hai nước Lào và Campuchia".

Nhận được báo cáo của các đồng chí Bí thư Trung ương Cục và Tư lệnh Bộ Chỉ huy quân sự miền về tình hình chiến trường miền Nam và Campuchia, cuối tháng 6 và tháng 7-1970, đồng chí Lê Duẩn đã hai lần gửi thư truyền đạt Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị; quán triệt nội dung cơ bản về quy luật phát triển của cách mạng miền Nam và Đông Dương, về phương pháp và đối tượng tác chiến; mối quan hệ giữa các chiến trường và những nhiệm vụ cụ thể của từng khu vực. Đồng chí viết: "Quy luật chiến tranh cách mạng ở nước ta cũng như các nước Đông Dương là nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy, đi đến tổng tiến công và nổi dậy để đánh bại

quân thù. Nói một cách khác, đây là một quá trình kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị (chính trị bao gồm cả binh vận và ngoại giao), là quá trình quần chúng đứng lên làm chủ để tiêu diệt địch, để củng cố và mở rộng quyền làm chủ, kết hợp khối nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, chiến tranh cách mạng với khối nghĩa của quần chúng, giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn".

Về đối tượng tác chiến, đồng chí Lê Duẩn nêu rõ: "Nhìn cả quá trình chiến tranh từ khi khởi sự cho đến khi kết thúc, thì rõ ràng muốn giành thắng lợi cuối cùng, ta phải đánh thắng cả quân Mỹ và quân ngụy; nhưng khi Mỹ đã xuống thang, "phi Mỹ hoá chiến tranh" thì ta phải đánh thắng quân ngụy miền Nam là chủ yếu"¹. Đồng chí phân tích: "Sự chỉ đạo chiến lược của ta là nhằm cuối cùng giành thắng lợi cho cách mạng của các nước Đông Dương, nhưng phải nhận rõ rằng miền Nam là chiến trường quyết định cho cả phong trào giải phóng toàn Đông Dương. Miền Nam Việt Nam là nơi tập trung lực lượng lớn quân Mỹ và lực lượng tay sai đắc lực nhất của chúng. Vì vậy, để giành thắng lợi to lớn cho cách mạng trên cả ba nước Đông Dương, chúng ta phải đánh cho quân Mỹ rút khỏi miền Nam, đánh cho quân ngụy miền Nam phải sụp đổ".

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 235.

Cùng với những ý kiến chỉ đạo toàn cục, trong nhiều thư, điện gửi các quân khu, các vùng chiến lược, đồng chí Lê Duẩn đã có những gợi ý, chỉ đạo sát hợp với diễn biến và yêu cầu cụ thể của tình hình với những dự đoán chiến lược.

Tháng 7-1970, trong một bức thư gửi đồng chí Phạm Hùng (Bảy Cường) và Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Lê Duẩn đã phán đoán: Phải nhận rõ âm mưu thâm độc của địch trên chiến trường hiểm yếu ở Trung, Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia. Ở đó, sắp tới địch có thể mở những trận đánh quyết liệt. Vì vậy, trong dự kiến tình hình, chuẩn bị chiến trường, bố trí lực lượng và kế hoạch cụ thể, chúng ta nhất thiết phải sẵn sàng về mọi mặt để kiên quyết đập tan âm mưu của địch, gây tổn thất nặng nề cho chúng. Làm như vậy là để giữ vững hành lang chiến lược từ Bắc vào Nam, xây dựng và củng cố một căn cứ rộng lớn của chiến trường Đông Dương, đồng thời để sẵn sàng đập tan hành động phiêu lưu mới của địch, bảo đảm thực hiện ý đồ chiến lược của ta. Những nhận định và chỉ thị trên của đồng chí Lê Duẩn được các chiến trường chấp hành và thực hiện rất chu đáo.

Cuộc hành quân của quân nguy Sài Gòn mang tên "Lam Sơn 719" tại khu vực Đường 9 - Nam Lào (từ 31-1 đến 25-3-1971) và cuộc hành quân "Toàn thắng 171" của chúng ở vùng ba biên giới đã diễn ra đúng như phán đoán của đồng chí Lê Duẩn. Đây là một cuộc thử nghiệm

diễn hình cho công thức binh lực nguy cộng với hỏa lực Mỹ của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

Sau 43 ngày đêm chiến đấu anh dũng, các lực lượng chủ lực của ta đã phối hợp với lực lượng tại chỗ và các lực lượng vũ trang Pathét Lào đập tan cuộc hành quân của địch ở Đường 9 - Nam Lào. Hơn 23.000 tên địch đã bị tiêu diệt, gần 500 máy bay các loại bị bắn rơi, ta thu 600 xe quân sự và 150 khẩu pháo cỡ lớn.

Trên chiến trường Đông Bắc Campuchia, cuộc hành quân "Toàn thắng 171" của Mỹ - nguy cũng bị đập tan. Hơn 17.000 tên địch bị tiêu diệt (gồm 1.800 tên Mỹ, 15.000 tên nguy Campuchia và nguy Sài Gòn, gần 500 tên nguy Sài Gòn bị các lực lượng ta bắt sống).

Một cục diện mới được mở ra sau chiến thắng trên các mặt trận Đường 9 - Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và các chiến trường phối hợp. Quân nguy Sài Gòn - chủ lực của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" - đang đứng trước nguy cơ suy sụp nghiêm trọng, khả năng làm thất bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" đã trở thành hiện thực.

Đứng trước cục diện mới này, tháng 5-1971, Hội nghị Bộ Chính trị do đồng chí Lê Duẩn chủ trì, đã xác định nhiệm vụ chiến lược 6 tháng cuối năm 1971 và cả năm 1972 là: "Kịp thời nắm lấy thời cơ, trên cơ sở phương châm chiến lược lâu dài, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao, phát triển thế tiến công chiến lược mới trên toàn chiến trường miền Nam

và trên cả chiến trường Đông Dương, làm thất bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ, bẻ gãy một bước quan trọng kế hoạch xâm lược của chúng ở Campuchia và Lào, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua, đồng thời sẵn sàng chuẩn bị kiên trì đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh còn kéo dài".

Theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị, ngày 26-9-1971, đồng chí Lê Duẩn đã viết thư cho Trung ương Cục miền Nam, nói rõ về phương hướng hoạt động trên chiến trường trong những tháng cuối năm 1971 và trong năm 1972.

Về tình hình địch, đồng chí nêu lên một cách khái quát bốn chỗ dựa chủ yếu của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ là: "Một là, một quân đội nguy mạnh, trong đó các sư đoàn chủ lực, được sự chi viện, yểm trợ, tối đa của Mỹ về không quân và hậu cần, đủ sức đương đầu với quân chủ lực của ta; Hai là, một hệ thống nguy quyền, nhất là nguy quyền trung ương, mạnh; Ba là, "bình định" cho được nông thôn và kiểm soát được đại bộ phận dân chúng; Bốn là, ổn định tình hình chính trị và kinh tế trong nước Mỹ, ngăn chặn phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ¹.

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.254.

Trong bốn chỗ dựa đó thì địch tạm thời giành được thế mạnh trong việc bình định một số vùng đồng bằng rộng lớn mà nguyên nhân chủ yếu là do khuyết điểm sai lầm của ta; còn ba chỗ dựa còn lại thì đang bị lung lay nghiêm trọng. "Chúng ta không đánh giá thấp những điều địch đã làm được, những chỗ còn mạnh hiện nay của chúng, không coi thường những khó khăn địch đã gây ra và còn có thể gây ra cho ta, cũng như những khuyết điểm, nhược điểm của chúng ta. Nhưng ta có cơ sở để khẳng định rằng, mặc dù địch đã thu được kết quả đáng kể trong việc "bình định" những vùng đồng bằng rộng lớn mà nguyên nhân chủ yếu là do khuyết điểm của ta - chính sách "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ đã thất bại một bước rất nghiêm trọng và nhất định sẽ thất bại hoàn toàn"¹.

Phương hướng nhiệm vụ sắp tới của chúng ta là phải nỗ lực vượt bậc, tranh thủ thuận lợi, đẩy mạnh hoạt động quân sự, mở nhiều chiến dịch lớn trong mùa Đông 1971 và cả năm 1972 trên toàn chiến trường Đông Dương. Trên chiến trường miền Nam là hướng tiến công chính, ta sẽ sử dụng tổng hợp ba đòn chiến lược. Đó là đòn tiến công của "sử dụng lực lượng thật mạnh bộ đội chủ lực ta đánh những trận tiêu diệt lớn và làm tan rã một bộ phận quan trọng quân chủ lực ngụy. Phát huy lực lượng quân

1 . Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 262.

sự và chính trị của ta ở đồng bằng, kết hợp tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công để đánh bại về cơ bản kế hoạch "bình định" của địch, giành lại thế làm chủ ở nông thôn. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị rộng lớn của quần chúng ở thành thị làm lung lay hơn nữa chế độ bù nhìn, kết hợp với hai đòn chiến lược nói trên, để đánh đổ chính quyền trung ương của ngụy. Trên cơ sở đó, làm cho chính quyền Níchxơn thất bại nặng nề hơn nữa trong nước Mỹ, nhanh chóng đập tan ý chí xâm lược và âm mưu kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam và cả ở Đông Dương"¹.

Đồng chí nhấn mạnh: Lúc này ta có khả năng kéo Mỹ xuống một bước nữa để giành một thắng lợi căn bản, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. "Chúng ta phải thấy hết tầm quan trọng của việc nắm vững thời cơ. Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của ta trong mùa Xuân năm 1971, việc Mỹ phải rút thêm quân cuối năm nay và cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 1972 là *những sự kiện do trùng hợp với nhau mà tạo nên thời cơ thuận lợi*. Thời cơ đó mở ra cho chúng ta triển vọng giành thắng lợi lớn trong năm sắp tới, đồng thời cũng đòi hỏi ta phải cố gắng đến mức cao nhất, giành lấy thắng lợi lớn nhất, làm cho Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, quân Mỹ phải rút hết và ngụy

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 263.

quân, nguy quyền phải suy yếu một bước nghiêm trọng. Mọi hoạt động của ta, nhất là hoạt động của bộ đội chủ lực, là phải tranh thủ thời cơ, giành cho được một thắng lợi thật lớn, có ý nghĩa quyết định. Mặt khác, cần nhận rõ rằng, sau khi giành được thắng lợi theo ý định chiến lược như trên, *ta còn phải tiếp tục đánh nguy để giành thắng lợi cuối cùng*¹.

Khi chiến dịch tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972 đang diễn ra quyết liệt, ngày 27-4-1972, đồng chí Lê Duẩn đã gửi thư cho Trung ương Cục và Bộ chỉ huy quân sự miền, đề nghị ngay trong tháng 5-1972 phải đưa nhanh lực lượng chủ lực của ta đứng chân trên biên giới Việt Nam - Campuchia về tăng cường cho Khu VIII, để đẩy mạnh đánh phá kế hoạch bình định của địch, tạo ra thế uy hiếp mạnh hơn nữa đối với Sài Gòn.

Cùng với các hoạt động tiến công quân sự, cuộc đấu tranh chính trị trong các thành thị trong thời gian này diễn ra rất sôi động với khẩu hiệu đòi hoà bình, hoà hợp dân tộc lôi kéo các tầng lớp, giai cấp tham gia rất đông đảo.

Góp ý kiến chỉ đạo cuộc đấu tranh chính trị ở các thành thị, trong thư gửi Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định (29-11-1971), đồng chí Lê Duẩn đã nêu 5 điểm rất cơ bản về nội dung, hình thức và biện pháp tiến hành. Đó là:

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 271-272.

"1. Tiến hành công tác chính trị sâu rộng trong quần chúng nhân dân, nhất là trong các tầng lớp lao động, lấy mục tiêu đuổi Mỹ, lật Thiệu, văn hồi hoà bình, hoà hợp dân tộc làm khẩu hiệu trung tâm"¹.

"2. Đẩy mạnh đấu tranh đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống bóc lột, vợ vét, chống đàn áp, khủng bố"².

"3. Ra sức tổ chức, tập hợp thật đông đảo quần chúng cơ bản vào phong trào đấu tranh chính trị, làm cho thực lực của cách mạng thay đổi một cách có ý nghĩa cả về số lượng và chất lượng"³.

"4. Kết hợp phong trào đấu tranh của quần chúng với việc khoét sâu mâu thuẫn nội bộ địch, mở rộng mặt trận liên hiệp hành động chống Mỹ - Thiệu"⁴.

"5. Đẩy mạnh công tác binh vận, thực hiện công, nông, binh liên hiệp nhằm đánh bại âm mưu "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ"⁵.

Đồng chí chỉ rõ: "Đấu tranh chính trị thành công hay không thành công, thành công nhiều hay thành công ít là tùy thuộc ở việc tập hợp, tổ chức lực lượng cách mạng trong quần chúng cơ bản"⁶. "Chúng ta coi trọng việc vận dụng sách lược khôn khéo để lôi kéo những tầng lớp bên trên, thúc đẩy họ tiến lên liên hiệp hành động với nhân dân lao động trong từng việc, từng

1, 2, 3, 4, 5, 6. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 285, 286, 289, 291, 292, 279.

thời gian nhất định, hoặc tranh thủ bộ phận tiến bộ làm mặt trận với ta"... "Phải nhớ rằng chỉ khi nào quần chúng cơ bản được tập hợp và tổ chức lại thành lực lượng mạnh mẽ thì mới có thể lôi cuốn, thúc đẩy các tầng lớp bên trên đi chung với cách mạng, mới có thể tạo ra được hiệu lực đấu tranh để đạt đến mục tiêu"¹.

Xây dựng và củng cố miền Bắc - hậu phương lớn của các chiến trường Đông Dương - là vấn đề được đồng chí Lê Duẩn hết sức quan tâm.

Phát biểu tại Hội nghị Trung ương lần thứ mười chín (2-1971), đồng chí đề cập đến nhiều nội dung quan trọng về lý luận và thực tiễn, phương hướng và nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc. Đồng chí nói: "Nhiệm vụ trước mắt là đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc, đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa". Đồng chí đã nêu 8 vấn đề cơ bản trong quá trình khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc là:

1. Quan hệ giữa cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội;
2. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý;
3. Phát triển kinh tế có kế hoạch;
4. Tăng năng suất lao động;
5. Coi trọng quy luật giá trị và vai trò của thị trường;

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 278.

6. Thực hiện tái sản xuất mở rộng không ngừng;
7. Xây dựng và hoàn thiện chế độ quản lý kinh tế;
8. Xây dựng nền kinh tế dân tộc tự chủ, kết hợp với mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế.

Nhấn mạnh đến công tác chăm lo cải thiện đời sống cán bộ, nhân dân, đồng chí Lê Duẩn nói: Hiện nay ở miền Bắc nước ta chế độ bóc lột không còn nữa, mọi người lao động đều bình đẳng, tự do. Nhưng quyền bình đẳng, tự do đó chưa thể coi là đầy đủ bởi vì đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân còn dựa trên một cơ sở vật chất rất thấp kém. Dưới chế độ ta, không ai được phép để dân đói, đảng viên để dân đói là có lỗi. Trung ương và các cấp bộ đảng, chính quyền đều phải lo.

Khẳng định tầm quan trọng của việc xây dựng hậu phương vững mạnh về kinh tế, chính trị, tư tưởng, đồng chí Lê Duẩn nói: "Không nên nghĩ rằng có nghèo mới có cách mạng, giàu lên thì hết cách mạng. Đừng nghĩ một cách ngây thơ như vậy. Làm chủ rồi mà còn nghèo là do bất lực, tự làm hại mình và làm hại con cháu mình"¹. Nhiệm vụ của những người ở hậu phương là "...phải lao động sản xuất như thế nào để xứng đáng với sự hy sinh dũng cảm của con em chúng ta đang xả thân nơi chiến trận, mặt giáp mặt với quân thù. Người ra đi tiên tuyến

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.2, tr. 391.

đánh giặc là để cho dân tộc và Tổ quốc sống còn. Người ở nhà sản xuất là làm hậu thuẫn cho tiền tuyến, làm thay đổi bộ mặt của đất nước, của xã hội"¹.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, ngày 30-3-1972, quân và dân ta ở miền Nam đồng loạt mở cuộc tiến công chiến lược trên khắp các chiến trường. Sau 3 tháng chiến đấu anh dũng, quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn tên địch, gồm cả một số đơn vị lớn; hơn một triệu dân đã giành được quyền làm chủ; thêm một vùng rộng lớn gồm cả tỉnh Quảng Trị, phần lớn tỉnh Kon Tum và nhiều khu vực rộng lớn ở Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long được giải phóng.

Trong cuộc đọ sức lần này, một lần nữa chủ lực quân nguy Sài Gòn được xây dựng theo công thức của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" từ đòn choáng váng và bị suy yếu sau cuộc phiêu lưu ở Đường 9 - Nam Lào đến giữa năm 1972 thực sự đứng trước nguy cơ suy sụp. Trong tình trạng nguy khốn đó, giới cầm quyền Mỹ buộc phải "Mỹ hoá" trở lại một phần cuộc chiến.

Ở miền Nam, không quân và hải quân Mỹ được huy động với cường độ cao trong việc chi viện cho các cuộc

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.2, tr. 391.

phản kích của quân ngụy; các cố vấn Mỹ trở lại nắm quyền điều khiển đến cấp trung đoàn.

Đối với miền Bắc, từ ngày 16-4-1972, giới cầm quyền Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai với quy mô lớn hơn và ác liệt hơn cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, đồng thời rải mìn phong toả cảng Hải Phòng, với hy vọng, chỉ sau 2-3 tháng, ta sẽ kiệt quệ và phải thương lượng với chúng trong thế suy yếu.

Trước tình hình diễn biến mới, tháng 6-1972, Bộ Chính trị họp và nhận định, việc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc và "Mỹ hoá" một phần cuộc chiến tranh ở miền Nam càng chứng tỏ sự suy yếu của chúng. Đây là những hành động nhằm cứu nguy cho chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" đang trên đường phá sản, đồng thời giữ cho cục diện chiến trường không xấu hơn trong khi cuộc chạy đua vào Nhà trắng nhiệm kỳ thứ hai của R. Níchxơn đã bắt đầu. Hội nghị quyết định chuyển mọi hoạt động của miền Bắc vào thời chiến; quyết tâm giữ vững tuyến vận chuyển chi viện Bắc - Nam và tiếp tục cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, sau hơn 6 tháng đánh trả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi hơn 600 máy bay, trong đó có 20 chiếc B52 của giặc Mỹ, bắt sống nhiều giặc lái.

Trên chiến trường miền Nam, cuộc tiến công chiến

lược vẫn có những bước phát triển và thắng lợi mới trên khắp các chiến trường. Quân và dân Lào cũng thắng lớn trong chiến dịch phòng ngự ở Cánh đồng Chum-Xiêng Khoang.

Phối hợp với cuộc chiến đấu trên cả hai miền đất nước, khuếch trương thành quả của các chiến thắng quân sự, đồng chí Lê Duẩn chỉ đạo phái đoàn thương lượng của ta tại Pari mở một đợt tiến công mới trên mặt trận ngoại giao. Ngày 8-10-1972, phái đoàn ta đưa ra Dự thảo Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Phải xuống thang trong thế yếu, ngày 20-10-1972, giới cầm quyền Mỹ tuyên bố chấp nhận bản Dự thảo Hiệp định của phái đoàn ta và thoả thuận sẽ ký kết vào ngày 31-12-1972. Nhưng đây là mưu đồ xảo quyệt đánh lừa dư luận để Tổng thống Nixon thắng cử và bước vào Nhà trắng nhiệm kỳ thứ hai.

Nắm được ý đồ đó, ngày 26-10-1972, ta công bố trước dư luận quốc tế nội dung chủ yếu của bản Dự thảo Hiệp định hai bên đã đồng ý, đang chờ ký kết và những thủ đoạn lật lọng của giới cầm quyền Mỹ.

Đúng như tổ cáo của ta, sau khi tái đắc cử Tổng thống nước Mỹ, tập đoàn Níchxơn công khai xoá bỏ những điều đã thoả thuận, lao vào cuộc đọ sức cuối cùng. Họ mở một cuộc tập kích bằng không quân chiến lược chưa từng có trong lịch sử chiến tranh đánh vào các trọng điểm trên miền Bắc, đặc biệt là Hà Nội, Hải

Phòng. Chỉ riêng ở Hà Nội, trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, Mỹ đã tập trung tới 444 lần chiếc B52, hơn 1000 lần chiếc máy bay cường kích các loại đánh phá liên tục ngày đêm vào các cơ sở kinh tế, y tế, trường học và các khu vực đông dân. Nhưng quân và dân Hà Nội cùng với quân và dân miền Bắc đã ngoan cường giáng trả cuộc tập kích chiến lược này. Trong 12 ngày đêm chiến đấu, quân và dân miền Bắc bắn rơi 81 máy bay Mỹ, trong đó có 34 máy bay chiến lược B52, nhiều giặc lái bị bắt sống. Cuộc tập kích chiến lược đường không của Mỹ đối với miền Bắc hoàn toàn bị đập tan. Phía Mỹ chấp nhận trở lại bàn đàm phán.

Ngày 8-1-1973, H. Kítxinhgơ - trong lần đầu tiên gặp lại phái đoàn ta, cay đắng thốt lên: "Các ngài không những anh hùng lại thông minh".

Ngày 27-1-1973, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết với bốn nội dung mà phái đoàn ta đã kiên nhẫn đấu tranh và giữ vững:

- Mỹ phải rút hết quân Mỹ và quân các nước phụ thuộc Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam; phá huỷ các căn cứ quân sự.

- Mỹ cam kết không dính líu về quân sự, hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải công nhận một thực tế ở miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội và hai vùng kiểm soát.

- Mỹ cam kết tham gia hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế ở Việt Nam.

Ngày 29-3-1973, Bộ chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam cuốn cờ và viên Tư lệnh quân viễn chinh Mỹ nhập với những đơn vị cuối cùng của Mỹ lặng lẽ rời khỏi miền Nam Việt Nam dưới sự kiểm soát của các sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên.

Sau gần 18 năm chiến đấu gian khổ, quân và dân cả nước ta đã hoàn thành nhiệm vụ "Đánh cho Mỹ cút" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra. Với việc rút quân của Mỹ, học thuyết Níchxơn mà công thức thử nghiệm là chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ về căn bản đã bị phá sản. Quân và dân cả nước ta có điều kiện mới, thuận lợi mới và thời cơ mới để "đánh cho ngụy nhào", tiến tới thống nhất đất nước.

Những quyết định lịch sử

Ngừng chiến nhưng chưa có ngừng bắn, đó là đặc điểm lớn nhất ở miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Pari. Nguyên nhân là do giới cầm quyền Mỹ vẫn chưa từ bỏ việc thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới ở miền Nam với tiền của và vũ khí của nước Mỹ, với sự chỉ huy của các cố vấn quân sự Mỹ mặc áo dân sự.

Nhận định chính xác đặc điểm tình hình, đánh giá đúng so sánh lực lượng trên chiến trường để đi đến

những quyết định đúng đắn là một yêu cầu lịch sử đối với bộ chỉ huy tối cao của Đảng và dân tộc ta.

Đầu tháng 4-1973, để chuẩn bị cho Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng và Hội nghị Trung ương lần thứ 21, dự kiến sẽ họp trong tháng 6-1973, đồng chí Lê Duẩn đã có nhiều cuộc gặp gỡ và làm việc với Quân uỷ Trung ương, Bộ Tổng tham mưu và chỉ huy các chiến trường, các quân khu để đánh giá thắng lợi của ta trong việc ký Hiệp định Pari; việc chuyển giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; đường lối chỉ đạo chuyển hướng chiến lược và nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Trong các cuộc làm việc, đồng chí Lê Duẩn nêu những nội dung yêu cầu để các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương, Bộ Tổng tham mưu và chỉ huy các chiến trường suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến trước, sau đó cùng trao đổi, nghiên cứu. Vì vậy, những nội dung, quyết định tại các hội nghị toàn thể nhanh chóng đạt được sự nhất trí cao.

Ngày 25-5-1973, Hội nghị Bộ Chính trị họp mở rộng với sự tham dự của các đồng chí trong Quân uỷ Trung ương, Bộ Tổng tham mưu và chỉ huy các chiến trường. Phát biểu tại Hội nghị, sau khi phân tích những thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ kể từ năm 1954 đến năm 1973, đồng chí Lê Duẩn nói: "Trước đây Mỹ vào, ta đã thắng, nay Mỹ đã thua, phải rút hết quân, chỉ còn lại quân nguy. Tuy hiện nay nguy quyền Nguyễn Văn

Thiệu vẫn còn được Mỹ viện trợ, nhưng rõ ràng là ta đã có những điều kiện thuận lợi rất lớn và nhất định ta sẽ thắng. Nhưng thắng thế nào, bao giờ thắng?". Đồng chí khẳng định: "Nhất định phải tiến lên bằng con đường bạo lực, không có con đường nào khác. Vấn đề quân sự phải được đặt lên hàng đầu". Đồng chí đề nghị tất cả các đồng chí chỉ huy các chiến trường "phát biểu trước"; các đồng chí trong Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tham mưu phát biểu bổ sung; Hội nghị thảo luận, kết luận và báo cáo tại Hội nghị Trung ương lần thứ 21.

Sau một tuần nghe các báo cáo, các ý kiến thảo luận, ngày 1-6-1973, đồng chí Lê Duẩn kết luận: "Ở miền Nam chưa có ngừng bắn, chưa có hoà bình thực sự", "Hiệp định Pari đang bị địch vi phạm rất nghiêm trọng và trắng trợn", "kẻ thù chính của cách mạng miền Nam hiện nay là Mỹ, ngụy, ngụy quyền Sài Gòn là kẻ thù trực tiếp của cách mạng miền Nam". Sau khi ký Hiệp định Pari, ta dự kiến có hai khả năng. Khả năng thứ nhất là: Do sức mạnh của ta và sức ép của dư luận quốc tế, địch buộc phải thi hành Hiệp định Pari; Khả năng thứ hai là chiến tranh có thể diễn lại, ta phải tiếp tục cuộc chiến tranh cách mạng một thời gian nữa. Đồng chí khẳng định: "Dù phát triển theo khả năng nào, con đường của cách mạng miền Nam cũng chỉ có thể giành được thắng lợi bằng con đường bạo lực. Bất kỳ trong tình huống nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ,

giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên"¹. Đồng chí chỉ rõ, nhiệm vụ cấp thiết trước mắt của cách mạng miền Nam là: "Đoàn kết toàn dân, đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao, tùy từng lúc, từng nơi mà kết hợp các mặt trận với nhau một cách hết sức chủ động, linh hoạt, nắm vững và giương cao ngọn cờ hoà bình, độc lập, hoà hợp dân tộc, kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và hành động của địch phá hoại Hiệp định Pari. Đồng thời giữ vững và phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt, thắng địch từng bước, chuẩn bị điều kiện đầy đủ nhất để có thể chủ động đối phó với địch trong mọi tình huống, sẵn sàng đưa cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn"².

Kết luận của đồng chí Lê Duẩn đã được toàn thể hội nghị nhất trí và là những nội dung chủ yếu trong Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương lần thứ 21 (7-1973). Trong những tháng cuối năm 1973 đầu năm 1974, quân và dân ta đã đánh thắng hầu hết các cuộc hành quân lấn chiếm và bình định của địch. Cục diện mới trên chiến trường hình thành rõ khả năng các lực

1. Dẫn theo Đại tướng Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr. 76.

2. Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Hà Nội, 1985, tr. 77.

lượng chủ lực ta có thể đánh thắng hoàn toàn quân chủ lực ngụy.

Tháng 3-1974, Quân uỷ Trung ương họp để kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 và ra Nghị quyết về các công tác lớn cần tiếp tục triển khai. Đồng chí Lê Duẩn đã tới thăm và nói chuyện với Hội nghị cán bộ cao cấp toàn quân (4-1974). Tại Hội nghị, đồng chí đã chỉ thị: Bộ Tổng tham mưu khẩn trương hoàn thành việc soạn thảo phương án tác chiến để trình Bộ Chính trị.

Theo đề nghị của Bộ Quốc phòng và Quân uỷ Trung ương, Bộ Chính trị chuẩn y việc thành lập thêm các quân đoàn chủ lực, củng cố các đơn vị ở các quân khu, tỉnh nhằm bảo đảm sức chiến đấu mạnh, cơ động nhanh.

Để bảo đảm việc chi viện cho các chiến trường, tuyến vận chuyển Bắc - Nam được mở rộng và hoàn thiện. Từ một tuyến Tây Trường Sơn, ta mở thêm tuyến Đông Trường Sơn với 5560km đường mới. Bộ Tư lệnh Trường Sơn được thành lập. Trên miền Bắc, cuối năm 1973 và năm 1974 có thêm 150.000 thanh niên nhập ngũ; nền kinh tế có bước phát triển mới. Năm 1973, tổng sản phẩm quốc dân đã bằng năm 1965; năm 1974, sản lượng lương thực tăng 21,4%, công nghiệp và thủ công nghiệp tăng 15% so với năm 1973. Mọi yêu cầu chi viện về người và của đều được đáp ứng.

Ngày 20-7-1974, tại Đồ Sơn, đồng chí Lê Duẩn đã

trực tiếp hướng dẫn Bộ Tổng tham mưu và Cục tác chiến khởi thảo kế hoạch giải phóng miền Nam. Qua mấy lần trao đổi ý kiến, kế hoạch giải phóng miền Nam sơ bộ được hình thành. Sau đó, đồng chí còn làm việc nhiều lần với các đồng chí trong Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tham mưu. Vấn đề trọng tâm mà đồng chí nêu lên trong các cuộc trao đổi là: "Phải chuẩn bị như thế nào để sang năm 1975 có thể đánh được quy mô vừa, cũng có thể đánh được quy mô lớn, diệt từng sư đoàn địch. Phải có cách đánh như thế nào để vừa tiêu diệt được địch, vừa làm tan rã lực lượng của chúng. Cần xem xét chỗ nào có điều kiện thắng lớn thì làm tới". Đồng chí chỉ thị: "Bộ Tổng tham mưu tiếp tục rà soát và điều chỉnh phương án tác chiến, trình Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương"¹.

Ngày 26-8-1974, Dự thảo kế hoạch tác chiến (sửa chữa bổ sung lần thứ bảy) đã được gửi tới đồng chí Lê Duẩn, các Uỷ viên Bộ Chính trị và Thường trực Quân uỷ Trung ương.

Từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974, Hội nghị Bộ Chính trị (mở rộng) với sự tham gia của các đồng chí trong Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tham mưu họp đợt 1.

1. Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr. 131.

Sau khi nghe báo cáo của Bộ Tổng tham mưu về Dự thảo kế hoạch tác chiến hai năm 1975 - 1976, Hội nghị đã thảo luận và phân tích kỹ các vấn đề: Thời cơ lịch sử giải phóng miền Nam; lực lượng so sánh địch ta trên chiến trường; việc chuẩn bị thể và lực của ta; khả năng can thiệp trở lại của Mỹ, v.v.. Đồng chí Lê Duẩn kết luận: *"chúng ta khẳng định đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ, đồng thời giúp Lào và Campuchia hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc"*¹.

*"Quyết tâm của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa cuộc chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy, đánh chiếm Sài Gòn, sào huyệt trung tâm của địch cũng như tất cả các thành thị khác, đánh đổ quyền ở trung ương và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà"*². Đồng chí nhấn mạnh: Ngay từ bây giờ, phải tiến hành mọi công việc chuẩn bị thật khẩn trương, tạo

1, 2. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.362, 368.

điều kiện và cơ sở vật chất đầy đủ nhất để đánh mạnh, đánh nhanh, thắng gọn và thắng triệt để nhất trong thời gian hai năm 1975 - 1976. Thời cơ này không cho phép lừng chừng do dự.

Toàn thể Hội nghị đã biểu thị sự nhất trí với kết luận của đồng chí Bí thư thứ nhất bằng một hồi vỗ tay nhiệt liệt. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân uỷ Trung ương, Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam thay mặt toàn quân đã hứa với đồng chí Bí thư thứ nhất, với Bộ Chính trị. Đồng chí nói: "Anh Ba đã kết luận Hội nghị, một cuộc Hội nghị lịch sử. Anh Ba đã thay mặt Đảng trao nhiệm vụ cho quân đội. Quân đội sẽ quyết tâm thực hiện bằng được nhiệm vụ lịch sử của Đảng trao cho"¹.

Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Bộ Chính trị (đợt 1), hàng loạt công việc chuẩn bị cho kế hoạch tác chiến hai năm được tiến hành rất khẩn trương.

Ngày 28-10-1974, kế hoạch tác chiến được Bộ Tổng tham mưu bổ sung lần thứ chín đã được Bộ Chính trị thông qua.

Trong những ngày cuối năm 1974 và hai tháng đầu 1975, miền Bắc đã huy động 57.000 quân trong tổng số 108.000 quân của kế hoạch động viên năm 1975 và gấp

1. Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, 1985, tr. 132.

rút huấn luyện để tăng cường cho các mặt trận; nhiều đoàn cán bộ của Bộ Tổng tham mưu, các Tổng cục, các quân binh chủng; hàng vạn tấn vũ khí, khí tài, lương thực, thuốc men được gấp rút chuyển vào các chiến trường.

Để chuẩn bị cho Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp đợt 2, từ đầu tháng 12-1974, các đồng chí Bí thư Trung ương Cục, Tư lệnh Bộ chỉ huy quân sự miền và chỉ huy các chiến trường đã có mặt ở Hà Nội. Cùng với các đồng chí trong Bộ Chính trị và Thường trực Quân uỷ Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đã làm việc với chỉ huy từng chiến trường, nắm vững tình hình mọi mặt và yêu cầu của từng chiến trường, nghe các đồng chí báo cáo về ý đồ và kế hoạch tác chiến của chiến trường do mình phụ trách.

Ngày 18-12-1974, Hội nghị Bộ Chính trị (mở rộng) họp đợt 2 khi những trận đánh đợt 1 của cuộc tiến công năm 1975 đã bắt đầu.

Giữa lúc Bộ Chính trị đang họp thì tin vui thắng trận bay về: Ngày 6-1-1975, Chiến dịch Đường số 14 Phước Long thắng lớn, hơn 3.000 tên địch bị tiêu diệt, tỉnh Phước Long hoàn toàn được giải phóng. Tin tức về phản ứng của giới cầm quyền Mỹ cũng được các đồng chí trong Bộ Tổng tham mưu tổng hợp báo cáo lên đồng chí Lê Duẩn và toàn thể Hội nghị. Người phát ngôn của Nhà trắng nói: "Tổng thống G.Pho không có ý định vi phạm những điều cấm chỉ của Quốc hội về việc sử dụng

lực lượng Hoa Kỳ ở Việt Nam". Bộ trưởng Quốc phòng Slesinghior phớt lờ lời kêu gào thảm thiết của chính quyền Sài Gòn và cho rằng, "Đây chưa phải là một cuộc tiến công ồ ạt của Bắc Việt Nam"; còn Martin, đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, thì nói với Nguyễn Văn Thiệu: "Việc yểm hộ của Mỹ lúc này là chưa được phép". Không khí Hội nghị vô cùng sôi nổi bởi quyết định của Hội nghị lần này sẽ được bổ sung những yếu tố mới.

Ngày 7-1-1975, sau 20 ngày trao đổi, thảo luận, đồng chí Lê Duẩn kết luận: "Chúng ta đều nhất trí phải chuẩn bị mọi mặt để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh cứu nước trong năm 1975 hoặc năm 1976".

"Nhiệm vụ sắp tới của chúng ta là nắm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp đánh những trận quyết định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc"¹. Đồng chí Lê Duẩn nói tiếp: "Tình hình đã sáng rõ, chúng ta quyết tâm hoàn thành kế hoạch hai năm. Hai năm là ngắn; nhưng cũng là dài. Cuộc chiến đấu ở miền Nam được thực lực mạnh ở miền Bắc đẩy lên thành sức mạnh cả nước. Bây giờ quân Mỹ đã rút ra rồi, quân đội ta đã có sẵn trong Nam, quần chúng lại có khí thế. Đây là nội dung của thời cơ. Ta phải nắm vững và đẩy mạnh

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 375.

dấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, đó là đặc điểm Việt Nam"¹.

Về hướng tiến công chiến lược, đồng chí Lê Duẩn nói: "Ta phải giáng đòn chiến lược trong năm 1975... Chúng ta đồng ý năm nay mở đầu bằng đánh Tây Nguyên... Cần đánh mở ra Buôn Ma Thuột và Tuy Hoà. Ở Khu V, ta phải giải phóng từ Bình Định trở ra. Ở Trị Thiên, ta phải làm chủ từ Huế đến Đà Nẵng". Tin tưởng ở thế và lực của cách mạng, đồng chí Lê Duẩn nói tiếp: "Bất cứ thời cơ nào ta cũng thắng. Phải xem có cách gì đánh nhanh hơn nữa". Bộ Chính trị cũng đã dự kiến một phương án cực kỳ quan trọng là, nếu có thời cơ, thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Sau Hội nghị Bộ Chính trị, nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị, một số tướng lĩnh lên đường ra mặt trận. Tháng 2 - 1975, đại diện của Bộ Chính trị, cơ quan đại diện của Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tham mưu ở miền Nam được thành lập để cùng Trung ương Cục và Bộ chỉ huy quân sự miền chỉ đạo tác chiến.

Đầu tháng 3-1975, cơ quan Bộ Tổng tham mưu thật náo nhiệt. Chiều ngày 9-3-1975, bức điện của đồng chí Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên: "Ngày 10-3 ta sẽ đánh Buôn Ma Thuột" được chuyển tới các đồng chí Uỷ viên

1. Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa xuân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, tr. 32, 32-33.

Bộ Chính trị và Thường trực Quân uỷ Trung ương. Cả Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương dõi theo nhịp thở của Buôn Ma Thuột qua từng chi tiết do trực ban tác chiến ghi trên bản đồ.

Sáng sớm 11-3, đồng chí Lê Duẩn, các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đã có mặt tại cơ quan Bộ Tổng tham mưu để nhận tin sớm về Buôn Ma Thuột và tiến hành một cuộc họp quan trọng. Cuộc họp đang thảo luận về tình hình diễn biến của chiến dịch Tây Nguyên thì đồng chí Bí thư Quân uỷ báo tin: Quân ta đã hoàn toàn làm chủ Buôn Ma Thuột và đang tích cực chuẩn bị chống địch phản kích.

Sau khi nghe Bộ Tổng tham mưu báo cáo tình hình 10 ngày đầu của chiến dịch Tây Nguyên và các chiến trường phối hợp, nghe những ý kiến trao đổi tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn nói: "Cái mới là chiến thắng Buôn Ma Thuột diễn ra nhanh gọn... vừa qua có Phước Long, nay có Buôn Ma Thuột. Vậy ta có thể đẩy nhanh hơn nữa được không?"¹.

Đến ngày 17-3, các cuộc phản kích của địch nhằm chiếm lại Buôn Ma Thuột bị quân ta bẻ gãy. Có nhiều tin tức về địch rút bỏ Tây Nguyên và có thể rút bỏ cả Trị Thiên. Bộ Tổng tham mưu đã tổng hợp tình hình báo cáo lên Bộ Chính trị.

1. Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr. 197.

Ngày 18-3, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương họp nhận định diễn biến tình hình thực hiện kế hoạch hai năm. Trong không khí vui vẻ, chiến thắng, đồng chí Lê Duẩn phát biểu, chỉ ra những bất ngờ lớn của địch. Thất bại ở Tây Nguyên buộc chúng phải lùi về thế phòng ngự và co cụm. Thế thua của chúng đã rõ ràng. Đồng chí đề nghị cuộc họp thảo luận và hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch 2 năm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Với tinh thần "năm thời cơ", "quyết giành thắng lợi, càng nhanh càng tốt"¹.

Sau thất bại ở Buôn Ma Thuột, tình hình diễn biến hết sức mau lẹ, nguy quân, nguy quyền não loạn. Ngày 16-3, chúng rút chạy khỏi Gia Lai - Kon Tum, quân ta truy kích quyết liệt.

Ngày 25-3, Tây Nguyên sạch bóng quân thù, chiến trường Trị Thiên đã bước vào đợt 2 của chiến dịch và cũng đang thắng lớn.

Làm việc với các đồng chí trong Bộ Tổng tham mưu và Quân uỷ Trung ương, mấy ngày trước đó, đặc biệt là buổi làm việc chiều 24-3, đồng chí Lê Duẩn nêu vấn đề phải suy nghĩ tập trung vào mục tiêu chiến lược là Sài Gòn, dự kiến các khả năng về việc giải phóng Trị Thiên, Huế, Đà Nẵng và Khu V. Tất cả các dự kiến,

1. Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr. 198.

suy nghĩ này đều được đưa ra thảo luận. Đồng chí nhấn mạnh phải khẩn trương chuẩn bị điều kiện cho quần chúng ở các thành thị nổi dậy. Đồng chí kết luận: "Thời cơ chiến lược đã tới, trong suốt 20 năm chiến đấu mới có thời cơ này".

Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương nhất trí hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn và hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước trước mùa mưa năm 1975. Đây là một quyết định lịch sử, chuyển cuộc tiến công chiến lược thành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giành toàn thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Những ngày cuối tháng 3-1975, cả nước nhận nhiệm vụ ra mặt trận trong không khí chiến thắng.

Ngày 25-3, cố đô Huế được giải phóng, Trị Thiên sạch bóng quân thù. Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương nhận định: địch mất thế, Quảng Ngãi và căn cứ Chu Lai, muốn giữ Đà Nẵng, cũng không thể giữ nổi. Quyết tâm giải phóng Đà Nẵng được truyền tới cán bộ, chiến sĩ mặt trận Khu V.

Giữa lúc tiếng súng ở mặt trận Đà Nẵng đang nổ thì tướng Mỹ Uaien- tham mưu trưởng lục quân Mỹ, viên tư lệnh quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam, kẻ đã cuốn lá cờ của Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ, ngày 26-3-1972 - trở lại miền Nam bày mưu tính kế cùng ngụy quân, ngụy quyền vạch kế hoạch cố phòng thủ cho đến

mùa mưa, một kế hoạch viện trợ khẩn cấp được thảo ra trong cơn bối rối, hoảng loạn.

Ngày 29-3, thành phố Đà Nẵng được giải phóng, hơn 100.000 tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu. Thế chiến lược của cuộc Tổng công kích giải phóng Sài Gòn hình thành. Hoạt động của Bộ chỉ huy tối cao cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước càng thêm náo nhiệt.

Ngày 31-3, Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương họp để nhận định tình hình và quyết định những vấn đề cấp bách. Đây là phiên họp thứ tư được tiến hành trong tháng Ba. Nhiều tướng lĩnh tham gia chiến dịch Tổng tiến công nói rằng: Tháng 3-1975 có thể nói là tháng kỳ diệu trong lịch sử cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam, một tháng có những bước tiến thần tốc một ngày bằng 20 năm. Hội nghị nhận định: Thế và lực của ta đã có sức mạnh áp đảo đối với địch; chúng đã mất Tây Nguyên, Trị Thiên, Đà Nẵng với hơn 35% binh lực. Cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt mà thời cơ chiến lược để mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy tại Sài Gòn - Gia Định đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu. Hội nghị quyết định: "Năm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với những tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc chiến tranh giải phóng trong thời gian

ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng Tư năm nay, không thể để chậm. Chậm trễ, bỏ lỡ thời cơ lúc này là có tội". Hội nghị quyết định thành lập Bộ Chỉ huy và Đảng uỷ mặt trận Sài Gòn để tập trung chỉ đạo thống nhất cho chiến trường trọng điểm.

Ngay sau hội nghị, đồng chí Lê Duẩn đã gửi liền hai bức điện cho các đồng chí Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng, quán triệt những quyết định của Bộ Chính trị và chỉ thị một số vấn đề cần kíp trước mắt như: tăng thêm lực lượng, triệt hẳn đường số 4, bao vây chia cắt Sài Gòn từ phía tây, đánh chiếm một số mục tiêu quan trọng, hình thành thế bao vây, cô lập Sài Gòn từ phía Long Khánh, Bà Rịa - Vũng Tàu, thành lập ngay các đơn vị chủ lực thật mạnh chuẩn bị sẵn sàng đánh chiếm các mục tiêu ở trung tâm thành phố; kịp thời đẩy mạnh tiến công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long, v.v..

Ngày 4-4, trao đổi cùng các đồng chí thường trực Quân uỷ Trung ương, đồng chí Lê Duẩn chỉ thị Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tham mưu nghiên cứu để chuyển ba sư đoàn cùng lực lượng các binh chủng hợp thành đang ở Nam Trung Bộ tăng cường cho mặt trận Sài Gòn ở hướng Đông - Đông Nam. Những quyết định trên đây trùng hợp với những dự kiến đề nghị của các cán bộ trực tiếp chỉ huy ở chiến trường.

Với phương châm chắc thắng, ngày 9-4-1975, khi trao đổi với các đồng chí Thường trực Quân uỷ Trung

ương và thống nhất với Bộ Tổng tham mưu, đồng chí Lê Duẩn lại gửi điện cho các đồng chí đại diện Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương ở mặt trận, các đồng chí Bí thư Trung ương Cục và Tư lệnh Bộ chỉ huy quân sự miền, yêu cầu chuẩn bị chu đáo thêm, chờ lực lượng tăng cường vào mới được mở cuộc tổng công kích. Đồng chí nhấn mạnh: "Cần bảo đảm một khi đã phát động tiến công thì phải công kích thật mạnh và liên tục, dồn dập cho đến toàn thắng"¹.

Ngày 13-4-1975, tại Tổng hành dinh của Bộ chỉ huy tối cao, đồng chí Lê Duẩn nhận được bức điện của Tư lệnh chiến dịch giải phóng Sài Gòn trình bày nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ mặt trận đề nghị: Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên Bác Hồ vĩ đại.

Ngày 14-4-1975, đồng chí Lê Duẩn chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị để thông qua kế hoạch chiến dịch Tổng công kích giải phóng Sài Gòn do Bí thư Quân uỷ trình bày. Tại cuộc họp, đồng chí Lê Duẩn thông báo với Bộ Chính trị nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ ngoài mặt trận. Bộ Chính trị hoàn toàn nhất trí đáp ứng nguyện vọng nói trên. 17 giờ 30, ngày 14-4-1975, thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Lê Duẩn gửi điện tới Tư lệnh và Bí thư Đảng uỷ chiến dịch, thông báo: Bộ Chính trị đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là *Chiến dịch Hồ*

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 389.

Chí Minh. 19 giờ cùng ngày, quyết định trên được thông báo cho toàn mặt trận.

Đến giữa tháng 4-1975, gần như toàn bộ lực lượng của cả nước ra trận, trừ một sư đoàn chủ lực được giao nhiệm vụ bảo vệ hậu phương lớn, cả 4 quân đoàn và các binh chủng hợp thành đã xung trận với khí thế thần tốc, táo bạo, chắc thắng.

Những tuần cuối cùng của tháng Tư, nhiều tin tức bay về Tổng hành dinh của Bộ chỉ huy tối cao.

Ngày 15-4, Mỹ bỏ rơi ngụy quyền Campuchia; ngày 17-4, các lực lượng cách mạng đã giải phóng thủ đô Phnôm Pênh.

Ngày 18-4, Tổng thống Mỹ G.Pho ra lệnh thực hiện cuộc di tản người Mỹ và những người thân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam. Cùng ngày, các công ty, hãng và các sứ quán nước ngoài ở Sài Gòn cũng bắt đầu di tản.

Ngày 21-4, Nguyễn Văn Thiệu từ chức và chuyển giao quyền lực cho Trần Văn Hương và đề nghị ngừng bắn để tìm giải pháp chính trị. Tin tức về sự qua lại giữa các thế lực phản động quốc tế với Mỹ và tay sai nhằm kế hoãn binh để làm chậm bước tiến của quân ta vào giải phóng Sài Gòn, với hy vọng đi đến một giải pháp chính trị, cứu vớt tình thế bị thất bại hoàn toàn.

Tình thế có thể diễn biến phức tạp nếu như lòng chùng, do dự. Sau khi trao đổi ý kiến với các đồng chí trong Bộ Chính trị, ngày 22-4-1975, đồng chí Lê Duẩn điện chỉ thị cho các đồng chí chỉ huy ở mặt trận: "Thời

cơ để mở cuộc tiến công về quân sự và chính trị vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày để kịp thời phát động tiến công. Hành động trong lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn. Nếu để chậm sẽ không có lợi cả về quân sự và chính trị.

Các anh ra mệnh lệnh ngay cho các hướng hành động kịp thời, đồng thời chỉ thị cho Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định sẵn sàng phát động quần chúng nổi dậy kết hợp với các cuộc tiến công của quân đội. Sự hợp đồng giữa các hướng cũng như giữa tiến công và nổi dậy sẽ thực hiện trong quá trình hành động"¹.

Ngày 16-4, tuyến phòng ngự từ xa của địch ở Phan Rang bị đập tan. Các tỉnh cực Nam Trung Bộ sạch bóng quân thù. Ngày 20-4, Xuân Lộc được giải phóng; cánh cửa phía đông Sài Gòn đã mở. Ngày 25-4, các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể đã được giao cho các đơn vị tham gia chiến dịch, các cánh quân tiến về Sài Gòn đã vào vị trí tập kết. Đây cũng là ngày Tổng thống Mỹ G.Pho tuyên bố "cuộc chiến tranh đã kết thúc đối với Mỹ".

Ngày 26-4, Trần Văn Hương tuyên bố từ chức, nhường ghế Tổng thống ngụy quyền cho tướng Dương Văn Minh. 17 giờ cùng ngày hôm đó, các hướng tiến công của Chiến dịch giải phóng Sài Gòn bắt đầu nổ súng. Đến hết ngày 28-4, các cơ quan chỉ huy chiến lược, Bộ Tổng tham mưu của địch tan rã.

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 393.

Ngày 29-4, các cánh quân của ta tổng công kích trên toàn mặt trận.

Từ ngày 26-4, trong các cơ quan của Bộ chỉ huy tối cao nhận nhịp hân lên. Nhận được điện báo, 17 giờ chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn đã bắt đầu, đồng chí Cao Văn Khánh điện báo ngay với đồng chí Lê Duẩn. Việc theo dõi chỉ đạo cho Chiến dịch được duy trì từng phút, từng giờ.

Sáng sớm ngày 29-4, đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí trong Bộ Chính trị tối cơ quan Bộ Tổng tham mưu họp với Quân uỷ Trung ương bàn việc chuẩn bị thực hiện những công việc cấp bách ngay sau khi Sài Gòn được giải phóng, đồng thời để theo dõi diễn biến chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Sau khi nghe báo cáo và tham khảo ý kiến các đồng chí có mặt tại phòng họp, đồng chí Lê Duẩn đọc bức điện và chỉ thị phải chuyển gấp cho các đồng chí trong Bộ chỉ huy Chiến dịch: "Các anh ra lệnh cho quân ta tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch; tiến công với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng"¹. Bức điện được đọc lúc 10 giờ ngày 29-4.

Tối hôm đó, gần như toàn bộ các đồng chí trong Bộ

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 394.

chỉ huy tối cao của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không ngủ. Khoảng 22 giờ, đồng chí Lê Duẩn được đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo bằng điện thoại, 2 quân đoàn đã đánh vào nội đô từ 16 giờ ngày 29. Đồng chí yêu cầu đồng chí Võ Nguyên Giáp điện lệnh cho 2 quân đoàn đang ở nội đô: Các hướng khác phát triển thuận lợi, hành động càng nhanh càng tốt, hãy căn cứ vào tình hình cụ thể mà quyết định.

Sáng ngày 30-4, đồng chí Lê Duẩn trở lại cơ quan Quân uỷ Trung ương từ rất sớm, cuộc họp của Bộ Chính trị vẫn tiếp tục. Trước khi bước vào cuộc họp, các đồng chí đã thống nhất Bộ Chính trị gửi điện khen ngợi các chiến sĩ ở mặt trận đã lập công lớn và kêu gọi cán bộ, chiến sĩ cố gắng giành thắng lợi hoàn toàn cho Chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại. Diễn biến của tình hình được thông báo từng giờ tới đồng chí Lê Duẩn và cả Hội nghị. Mọi tình huống vẫn được dự tính và chuẩn bị chu đáo.

Khoảng 11 giờ 30, tin báo về phòng họp, quân ta đã cắm cờ trên dinh Độc lập, cả cuộc họp đổ dồn ra các hành lang và buổi chiều hôm đó, cuộn băng thu lại tiếng nói của Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện và kêu gọi binh sĩ ngụy quân bỏ súng, thu qua Đài Sài Gòn, được chuyển tới để báo cáo với Bộ Chính trị. Nghe xong, đồng chí Lê Duẩn vui vẻ hỏi lại: "Có đúng họ tuyên bố đầu hàng vô điều kiện không? Phải bắt họ

tuyên bố như vậy". 16 giờ chiều, tin chính thức của Bộ chỉ huy Chiến dịch điện về cho Bộ Chính trị thông báo tin chiến thắng có nói về lời tuyên bố của Dương Văn Minh. Cũng chiều hôm đó, Điện khen của Bộ Chính trị do Bí thư thứ nhất, thay mặt Bộ Chính trị ký tên được phát đi từ Hà Nội: "... Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài Gòn - Gia Định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên thuộc các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội tinh nhuệ, dân quân tự vệ đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc ngụy quyền Sài Gòn phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, đưa chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng".

Phối hợp chặt chẽ với mặt trận Sài Gòn - Gia Định, từ 27-4-1975, dưới sự lãnh đạo và chỉ huy của Khu uỷ Khu VIII, IX và Bộ Tư lệnh Hải quân, các lực lượng vũ trang cách mạng và đồng bào các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, kể cả các đảo lớn nhỏ, đã đồng loạt tiến công và nổi dậy mạnh mẽ. Thực hiện phương châm tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã bằng lực lượng của bản thân, tiêu diệt và làm tan rã nốt những lực lượng địch còn lại thuộc Quân đoàn 4 ngụy. Tính đến ngày 1-5-1975, toàn bộ vùng đồng bằng sông Cửu Long được giải phóng.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mở đường cho nhân dân ta thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Ít ngày sau chiến thắng, đồng chí Lê Duẩn cùng đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước từ Thủ đô vào Sài Gòn trong sự hân hoan chào đón của các đoàn quân chiến thắng và của cả miền Nam ruột thịt. Lời đầu tiên khi bước xuống cầu thang máy bay, đồng chí nói: ***Thắng lợi này là thắng lợi của cả dân tộc Việt Nam chứ không của riêng ai.***

Chương V

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CẢ NƯỚC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976 - 1986)

Với đại thắng mùa Xuân năm 1975, các thế lực đế quốc xâm lược nước ta đã bị quét sạch, non sông gấm vóc được thu về một mối. Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong gần ba thập kỷ, từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945, đã giành được thắng lợi vẻ vang. Sự kiện đó là cột mốc trọng đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, mở đầu kỷ nguyên phát triển rực rỡ của cách mạng Việt Nam - Kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Do nhu cầu thực tiễn đặt ra một cách trực tiếp, mười năm cuối đời (1976 - 1986), đồng chí Lê Duẩn tập trung suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo nhằm hoàn chỉnh đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã được trình bày tại Đại hội lần thứ III của Đảng (1960). Trên cả hai

bình diện: lý luận về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn chỉ đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng chí Lê Duẩn đã có những đóng góp quan trọng. Đánh giá giai đoạn này trong toàn bộ cuộc đời đồng chí Lê Duẩn, Đảng ta đã khẳng định: "Từ khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng chí đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm xác định, hoàn chỉnh đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng chí đã kiên trì nguyên tắc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"¹.

1. Hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước về mặt nhà nước

Sau khi đất nước được giải phóng, tình hình hai miền Nam - Bắc Việt Nam có nhiều đặc điểm khác biệt trên tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

1. "Điều văn do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đọc tại lễ truy điệu đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn", ngày 15-7-1986, Báo *Nhân Dân* ngày 16-7-1986.

Miền Bắc trải qua hai chục năm (1954 - 1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhưng chỉ nửa thời gian ấy là tương đối hòa bình, còn lại trong tình trạng chiến tranh, phải hai lần đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ.

Miền Bắc xã hội chủ nghĩa được xây dựng và không ngừng củng cố. Đó là kết quả của lao động cần cù, sáng tạo, chiến đấu kiên cường, dũng cảm của quân dân cả nước, trực tiếp là của quân dân miền Bắc. Nhưng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ kéo dài và hết sức ác liệt (tập trung trong hai lần, tổng cộng gần 5 năm), đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài với miền Bắc. Cuộc chiến tranh của Mỹ đã phá hoại hầu hết những thành quả mà nhân dân ta tốn biết bao công sức để xây dựng nên, làm cho quá trình tiến lên sản xuất lớn bị chậm lại vài ba kế hoạch 5 năm và làm đảo lộn cả nền nếp quản lý kinh tế.

Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, cơ đồ chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ cùng với bộ máy ngụy quyền tay sai ở trung ương bị sụp đổ, nhưng cơ sở của ngụy quyền tay sai ở địa phương mà chúng dày công xây dựng trong hơn hai chục năm, có ngót triệu người vẫn còn tồn tại.

Chỉ có một số ít tướng lĩnh, nhân viên ngụy quyền cao cấp chạy ra nước ngoài, còn số đông vẫn ở lại địa

phương. Phần lớn trong số họ thấy không có con đường nào khác phải đứng về phía nhân dân, chấp hành các chính sách của cách mạng. Nhưng không phải tất cả nhân viên nguy quyền cũ đều ủng hộ chế độ mới. Một số nằm im chờ thời. Một số lợi dụng Nhà nước gặp khó khăn để kích động, lôi kéo quần chúng nhẹ dạ, móc nối với bọn phản động bên ngoài hòng gây rối loạn trong nước.

Chế độ thực dân mới của Mỹ đã bị đánh đổ, nhưng vẫn để lại bao di hại xã hội, như xì ke, ma túy, lưu manh, bụi đời, mại dâm... ở Sài Gòn, số người mù chữ chiếm tỷ lệ lớn trong dân cư; đội ngũ thất nghiệp lên tới 1,5 triệu người.

Trong hơn hai chục năm là xã hội thuộc địa kiểu mới của Mỹ, miền Nam có nền kinh tế, trong chừng mực nhất định, phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa, nhưng vẫn mang tính chất của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến, phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài, cơ sở vật chất không nhiều và không đồng bộ.

Trong bối cảnh đó, vấn đề hoàn thành thống nhất đất nước mà trước hết là hoàn thành thống nhất về mặt Nhà nước được đặt ra một cách trực tiếp, bức xúc. Nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là giành độc lập. Với việc "Mỹ cút" (29-3-1973) rồi "ngụy nhào" (30-4-1975),

nguồn gốc của sự chia cắt đất nước bị gạt bỏ. Trên thực tế, Tổ quốc Việt Nam về mặt lãnh thổ đã được thống nhất từ sau ngày lịch sử 30-4-1975.

Tuy nhiên, do đất nước ta bị chia cắt làm hai miền trong thời gian tương đối dài với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Quốc hội cũng như Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là kết quả cuộc phổ thông đầu phiếu của nhân dân cả nước năm 1946, nhưng từ sau khi có Hiệp định Giơnevơ 1954, nó chỉ còn hiệu lực thực tế đối với nhân dân miền Bắc; còn ở miền Nam, những ủy ban quân quản thay thế chế độ Mỹ - ngụy đã bị đánh đổ, lại không do nhân dân miền Nam quyết định thông qua phổ thông đầu phiếu. Do đó, sau khi đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, một trong những nguyện vọng tha thiết trước mắt, đồng thời là tình cảm thiêng liêng nhất của nhân dân cả nước là hai miền Nam - Bắc được sum họp trong một đại gia đình, mong muốn có một Chính phủ thống nhất, một cơ quan đại diện quyền lực chung của nhân dân cả nước. Nói cách khác, mong muốn chung của nhân dân cả nước lúc này là việc thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ đã được khẳng định cùng với việc đất nước đã giành được độc lập, có chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ phải được khẳng định về mặt pháp lý, được thể chế hóa về mặt chính trị, tức phải được thống nhất về mặt nhà nước. Sự thống nhất không phải thực hiện bằng cách áp đặt, mà bằng ý chí của nhân dân

thông qua sử dụng quyền dân chủ, quyền làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc.

Là một nhà lãnh đạo nhạy bén chính trị, đứng đầu Đảng ta lúc đó, đồng chí Lê Duẩn nhận thức rất rõ sự thống nhất về mặt nhà nước không chỉ là nguyện vọng chính đáng của nhân dân hai miền, mà còn là nhu cầu khách quan của sự chấn hưng và phát triển dân tộc. Bằng những việc làm cụ thể ở tầm chỉ đạo vĩ mô, đồng chí đã có đóng góp thiết thực để hoàn thành sự nghiệp quan trọng này. Tháng 9-1975, đồng chí Lê Duẩn chủ trì Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III). Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất Tổ quốc. Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: "Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng tha thiết bậc nhất của đồng bào cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam. Cách mạng thắng lợi trong cả nước, chế độ thực dân mới do đế quốc Mỹ áp đặt ở miền Nam bị đập tan, nguyên nhân chia cắt đất nước ta hoàn toàn bị thủ tiêu, thì đương nhiên cả nước ta độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội

Thống nhất đất nước tạo ra sức mạnh mới, những thuận lợi mới để phát triển kinh tế, văn hóa và củng cố quốc phòng. Thống nhất đất nước càng tăng cường ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế. Vì vậy, *thống nhất càng sớm thì càng phát huy nhanh sức mạnh toàn*

diện của Tổ quốc"¹. Từ đó, những công việc nhằm tiến tới hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước được gấp rút triển khai.

Trong hai ngày 5 và 6-11-1975, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Hội đồng cố vấn Chính phủ và đại diện các nhân sĩ, trí thức yêu nước, dân chủ đã mở Hội nghị liên tịch tại Sài Gòn. Hội nghị tiến hành thảo luận và đi đến nhất trí về sự cần thiết sớm hoàn thành thống nhất đất nước, trước hết là về mặt nhà nước. Hội nghị cũng đã đề xuất những nguyên tắc và biện pháp tiến hành hiệp thương giữa hai miền Nam - Bắc và cử đoàn đại biểu miền Nam tham dự Hội nghị hiệp thương với đoàn đại biểu miền Bắc.

Từ ngày 15 đến 21-11-1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước đã họp tại Sài Gòn. Đồng chí Lê Duẩn theo dõi sát sao tiến trình diễn ra Hội nghị. Hai đoàn đại biểu đại diện cho hai miền tham dự Hội nghị. Đoàn miền Bắc gồm 25 đại biểu do đồng chí Trường Chinh làm Trưởng đoàn. Đoàn miền Nam gồm 25 đại biểu do Phạm Hùng làm Trưởng đoàn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.36, tr.395.

Thông cáo của Hội nghị khẳng định, nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một; nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt nhà nước; cần sớm tổ chức cuộc Tổng tuyển cử trên toàn quốc theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín, bầu ra Quốc hội chung của cả nước.

Hội nghị Hiệp thương chính trị với chủ trương, nghị quyết được thông qua là một thắng lợi lớn trên con đường tiến tới hoàn thành thống nhất đất nước. Hội nghị không chỉ đạt được sự nhất trí cao về chủ trương, phương hướng mà còn đề ra được những biện pháp cụ thể để thực hiện ý nguyện của toàn dân. Chủ trương, nghị quyết của Hội nghị được triển khai sau khi Hội nghị kết thúc.

Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị ra Chỉ thị *Về việc lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung* của cả nước và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử. Từ tháng 2-1976, công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tiến tới cuộc Tổng tuyển cử được triển khai trong phạm vi cả nước. Tất cả các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình được huy động phục vụ cuộc Tổng tuyển cử và coi đây là một công tác trọng tâm của ngành mình. Các lớp huấn luyện cán bộ làm công tác bầu cử được tổ chức ở khắp các cấp, các địa phương trong cả nước, đặc biệt là ở miền Nam, nơi lần đầu sau 30 năm không được hưởng chế độ bầu cử mới.

Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trong cả nước. Đây là lần thứ hai cuộc Tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước sau lần đầu tổ chức ngày 6-1-1946. Hơn 23 triệu cử tri tham gia (98,8% tổng số cử tri; miền Bắc 99,4%, miền Nam 98,4%) và bầu ra 492 đại biểu. Đồng chí Lê Duẩn đi bầu cử Quốc hội tại khu vực bỏ phiếu số 30, khu Ba Đình, Hà Nội. Kết quả của cuộc Tổng tuyển cử là một thắng lợi có ý nghĩa quyết định trên con đường tiến tới hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất (được gọi là Quốc hội khóa VI với ý nghĩa kế tục sự nghiệp của 5 khóa Quốc hội trước kể từ Cách mạng Tháng Tám 1945) đã được tiến hành tại Hà Nội. Đồng chí Lê Duẩn dự và tham gia Đoàn Chủ tịch kỳ họp thứ nhất Quốc hội chung cả nước. Kỳ họp lịch sử này của Quốc hội là kỳ họp hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Ngày 25-6-1976, đồng chí Lê Duẩn đọc báo cáo về đường lối và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trước Quốc hội chung của cả nước, định hướng cho hoạt động của Quốc hội trong nhiệm kỳ tới. Nội dung báo cáo của đồng chí Lê Duẩn được Quốc hội quán triệt để thảo luận và thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất. Về nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, Quốc hội nêu rõ:

Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, miền Nam phải đồng thời cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng; Quốc ca là bài *Tiến quân ca*; Quốc huy mang dòng chữ "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"; Hà Nội là Thủ đô của nước Việt Nam thống nhất; thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

Quốc hội bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Chính phủ, Hội đồng Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Tôn Đức Thắng được bầu làm Chủ tịch nước, Trường Chinh làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ. Ngày 3-7-1976, đồng chí Lê Duẩn được Quốc hội bầu làm Ủy viên Hội đồng Quốc phòng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là một trọng trách quan trọng nữa về mặt nhà nước mà nhân dân ủy quyền và đồng chí phải gánh vác.

Ở địa phương, Quốc hội quyết định tổ chức thành ba

cấp chính quyền: Cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương; cấp huyện và tương đương; cấp xã và tương đương. Ở mỗi cấp chính quyền này đều có Hội đồng nhân dân được bầu theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp, bỏ phiếu kín, và Ban Chấp hành của Hội đồng nhân dân, tức là Ủy ban nhân dân.

Quốc hội còn bầu Ủy ban dự thảo Hiến pháp và quyết định trong khi chưa có Hiến pháp mới thì nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp năm 1959 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Và Hiến pháp chính thức của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính thức được Quốc hội thông qua ngày 18-12-1980. Hiến pháp mới đã kế thừa và phát triển Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959. Đây là Hiến pháp đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là đồng chí Lê Duẩn, với kết quả của kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI, công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành. Từ đây, việc tiếp tục hoàn thành thống nhất đất nước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội sẽ gắn liền với việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước.

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước là yêu cầu tất yếu, khách quan của sự phát triển cách

mạng Việt Nam; kết quả đó thể hiện lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, ý chí thống nhất Tổ quốc, quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam độc lập, thống nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam.

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước đồng thời đã tạo ra những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

Cùng với việc lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện các chính sách thúc đẩy quá trình thống nhất đất nước về nhiều mặt, tạo nên cuộc sống hòa hợp dân tộc, bước đầu cải tạo các thành phần kinh tế ở miền Nam, đưa miền Nam cùng cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng chí Lê Duẩn còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, lãnh đạo nhân dân đánh thắng hai cuộc chiến tranh biên giới.

Sau chiến thắng tháng 4-1975, trong hoàn cảnh thuận lợi, Đảng và Nhà nước ta đã tích cực mở rộng và tăng cường mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới. Chúng ta tiếp tục góp phần khôi phục và bảo vệ sự đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các đảng cộng sản trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản có lý, có tình.

Đối với ba nước trên bán đảo Đông Dương, Việt Nam chủ trương tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết giữa ba nước trên cơ sở các quyền dân tộc được tôn trọng, đường lối độc lập, tự chủ, đoàn kết, hợp tác lâu dài, nhằm giúp nhau trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước phồn vinh theo con đường mà mỗi nước lựa chọn.

Đông Nam Á là một khu vực có tầm quan trọng đặc biệt với nền an ninh và sự phát triển của Việt Nam. Chúng ta chủ trương tăng cường quan hệ với các nước này, từng bước tổ chức quan hệ hợp tác kinh tế, trao đổi văn hóa theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi. Việt Nam coi việc tiếp tục đoàn kết với phong trào độc lập dân tộc và phong trào công nhân quốc tế là một nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa về nguyên tắc.

Đối với các nước tư bản phát triển, Việt Nam chủ trương thiết lập quan hệ chính trị và kinh tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, bình đẳng, hai bên cùng có lợi và chung sống hòa bình.

Đường lối đối ngoại đó của Việt Nam được triển khai ngày càng rộng rãi và được phản ánh trong nhiều bài nói, bài viết của đồng chí Lê Duẩn thời kỳ từ tháng 7-1975 đến tháng 12-1976. Bản thân đồng chí cũng nhiều lần dẫn đầu các đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước đi thăm hữu nghị các nước trên thế giới.

Tháng 7-1975 đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam thăm chính thức Campuchia.

Từ ngày 22 đến 28-9-1975, đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta đồng chí do Lê Duẩn dẫn đầu đi thăm hữu nghị nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Từ ngày 3-10 đến 18-11-1975 đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta thăm hữu nghị một số nước xã hội chủ nghĩa: Hunggari (từ 3 đến 8-10), Bungari (từ 8 đến 15-10), Tiệp Khắc (từ 19 đến 27-10), Liên Xô (từ 27 đến 31-10), Ba Lan (từ 8 đến 13-11), Rumani (từ 13 đến 18-11).

Những chuyến viếng thăm do đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu đã thắt chặt tình hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với các nước trên thế giới, đáp ứng đòi hỏi của nhân dân ta mong muốn được sống trong hòa bình xây dựng đất nước. Nhưng thực hiện mong muốn đó không dễ dàng một chút nào!

Do có sẵn âm mưu từ trước, tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xari - Khiêu Xăm Phon, đại diện cho phái "Khờm đỏ" ở Campuchia, lên nắm quyền, sau thắng lợi cuộc đấu tranh chống Mỹ, đã quay súng bắn vào nhân dân ta, những người bạn chiến đấu thân thiết, thủy chung, vừa góp nhiều xương máu làm nên chiến thắng ngày 17-4-1975 của nhân dân Campuchia; sau đó chúng mở những cuộc hành quân khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ nước ta.

Từ ngày 3-5 đến ngày 10-5-1975, tập đoàn Pôn Pốt cho quân đổ bộ đánh chiếm đảo Phú Quốc, đảo Thổ Chu, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ của ta dọc biên giới từ Hà Tiên đến Tây Ninh.

Từ tháng 4-1977, tập đoàn Pôn Pốt tăng cường những cuộc hành quân lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam, từ những cuộc xung đột vũ trang lẻ tẻ, chúng mở rộng thành cuộc chiến tranh lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam nước ta. Ý đồ của chúng là tiến hành một cuộc chiến tranh lâu dài, xâm chiếm từng bộ phận kết hợp với gây bạo loạn trong nội địa, tiến tới xâm chiếm toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Tiến công xâm lược Việt Nam, chúng còn nhằm tạo cơ để thanh trừ nội bộ, đàn áp những cuộc nổi dậy ở trong nước, thực hiện một chế độ chính trị tàn bạo ở Campuchia.

Giữa năm 1977, tập đoàn Pôn Pốt huy động lực lượng cơ sở đoàn bất ngờ tiến công vào 13 trong số 15 xã biên giới thuộc tỉnh An Giang, chính thức mở đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam. Quân dân ta, trực tiếp là quân dân các tỉnh biên giới Tây Nam đã đánh trả quyết liệt, bảo vệ từng tấc đất Tổ quốc.

Trong các tháng 9, 10, 11 năm 1977, chúng huy động lực lượng ngày càng lớn từ 3 đến 5 sư đoàn tấn công dọc biên giới nước ta từ nhiều hướng. Phối hợp với Pôn Pốt, tay sai của bọn phản động quốc tế hoạt động mạnh tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh Nam

Bộ chuẩn bị tiến tới bạo loạn. Nhưng tất cả âm mưu và hành động đó của chúng đều bị quân dân ta ngăn chặn và làm thất bại.

Năm 1978, với thiện chí hòa bình, mong muốn sớm chấm dứt xung đột bằng thương lượng, Đảng ta do đồng chí Lê Duẩn đứng đầu, đã chủ động đưa ra đề nghị ba điểm:

Thứ nhất, chấm dứt ngay các hoạt động quân sự thù địch dọc biên giới; lực lượng vũ trang của mỗi bên đóng sâu trong lãnh thổ của mình cách đường biên 5km.

Thứ hai, hai bên gặp nhau và ký một hiệp ước hữu nghị không xâm lược nhau và một hiệp ước về biên giới giữa hai nước.

Thứ ba, hai bên thỏa thuận một hình thức thích hợp về thể thức nhằm bảo đảm và giám sát quốc tế vùng biên giới giữa hai nước.

Để tỏ thiện chí, đêm 5-11-1978, Việt Nam đơn phương thu quân vào cách biên giới 5km.

Đáp lại thiện chí đó, tập đoàn Pôn Pốt lại tăng cường hơn nữa quân chủ lực dọc biên giới, chuẩn bị tiến tới các cuộc tấn công lớn. Ngày 22-12-1978, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 trong tổng số 23 sư đoàn bộ binh, cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng... đến biên giới phía Đông, tiến vào khu Bến Sỏi thuộc tỉnh Tây Ninh, bắt đầu cuộc tấn công quy mô lớn với ý đồ đánh chiếm thị xã Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam.

Đồng chí Lê Duẩn đã cùng Bộ Chính trị lãnh đạo toàn quân, toàn dân thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, tổ chức các cuộc phản công, tiến công mạnh, tiêu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược vừa tiến vào đất ta. Tiếp đó, quân ta thừa thắng phát triển cuộc tấn công tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực của địch tại nơi xuất phát. Cuộc tấn công quy mô lớn của tập đoàn Pôn Pốt hoàn toàn bị đập tan. Toàn bộ quân xâm lược bị quét khỏi bờ cõi nước ta, hòa bình lập lại trên biên giới Tây Nam Tổ quốc.

Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta đã tạo thời cơ hết sức thuận lợi cho cách mạng Campuchia giành thắng lợi. Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia (thành lập 3-12-1978), được sự phối hợp chiến đấu, sự ủng hộ và giúp đỡ hết lòng của quân dân ta, quân dân Campuchia đồng loạt tấn công và nổi dậy đập tan chính quyền phản động Pôn Pốt - Iêng Xari - Khiêu Xam Phon từ trung ương đến cơ sở. Ngày 7-1-1979, Phnôm Pênh hoàn toàn giải phóng, Nước Cộng hòa nhân dân Campuchia và Hội đồng nhân dân cách mạng Campuchia được tuyên bố thành lập.

Những thắng lợi lịch sử đó đã khôi phục lại mối tình đoàn kết chiến đấu, tình hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia, đồng thời góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Để thắt chặt mối tình hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu giữa hai nước trong giai đoạn cách mạng mới, một đoàn đại biểu của Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng dẫn đầu chính thức thăm nước Cộng hòa nhân dân Campuchia từ ngày 16 đến ngày 18-2-1979. Kết quả của cuộc viếng thăm là hai nước đã cùng nhau ký kết Hiệp ước hòa bình, hữu nghị, hợp tác ngày 18-2-1979. Căn cứ vào Hiệp ước đó và thể theo yêu cầu của phía bạn, quân đội Việt Nam tiếp tục có mặt ở Campuchia với số lượng và trong thời hạn cần thiết để cùng với nhân dân Campuchia bảo vệ thành quả cách mạng ngày 17-4-1975 và ngày 7-1-1979, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của hai nước.

Cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam kết thúc không được bao lâu thì chúng ta lại phải đối phó với cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc. Ngày 17-2-1979, Trung Quốc đã sử dụng một lực lượng lớn quân đội và phương tiện chiến tranh đồng loạt mở cuộc tiến công dọc theo biên giới phía Bắc nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

Đồng chí Lê Duẩn và Đảng ta đã vững vàng lãnh đạo toàn quân, toàn dân ta kiên quyết chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Trước tình thần chiến đấu ngoan cường của quân và dân ta và sự phản đối mạnh mẽ của dư luận trong

nước và quốc tế, từ ngày 5-3-1979, phía Trung Quốc buộc phải rút quân khỏi lãnh thổ nước ta.

Ngay sau khi quân Trung Quốc rút ra khỏi biên giới nước ta, ngày 18-3-1979, đồng chí Lê Duẩn đã triệu tập Hội nghị Ban Bí thư, nghe báo cáo tình hình và nêu ra những ý kiến chỉ đạo kịp thời để khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân các tỉnh biên giới sau chiến tranh. Cuối tháng 3-1979, đồng chí Lê Duẩn về thăm quân, dân tỉnh Lạng Sơn. Đồng chí đã nghe đồng chí Trường Minh, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, đồng chí Đàm Quang Trung, Tư lệnh Quân khu I, báo cáo tình hình chiến đấu của nhân dân Lạng Sơn và các tỉnh biên giới, công tác ổn định tình hình biên giới. Đồng chí nhắc nhở Đảng bộ và nhân dân Lạng Sơn nêu cao cảnh giác, đoàn kết, nhanh chóng ổn định tình hình, làm tốt công tác xây dựng kinh tế, ổn định quốc phòng, tổ chức tốt đời sống nhân dân, đặc biệt coi trọng xây dựng huyện vững mạnh.

Cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây Nam nước ta chấm dứt, hòa bình và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc được giữ vững. Trên cơ sở đó, với sự cố gắng của các bên, tình cảm láng giềng thân thiện, tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác vốn có từ lâu giữa Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Campuchia dần dần được khôi phục. Trong thắng lợi chung đó của dân tộc, sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, vững vàng, kịp thời của đồng chí Lê Duẩn giữ vai trò quan trọng.

2. Đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội

Ở tuổi 69, với trọng trách là Tổng Bí thư, đồng chí Lê Duẩn cùng tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Vai trò lãnh đạo của đồng chí Lê Duẩn đối với cách mạng Việt Nam thể hiện rất rõ qua các văn kiện mà đồng chí chủ trì soạn thảo được thông qua tại các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, trước hết là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976 tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trong cả nước và 29 đoàn đại biểu của các tổ chức đảng và tổ chức quốc tế. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu kế hoạch năm năm lần thứ hai (1976 - 1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tại Đại hội, đồng chí Lê Duẩn đã trình bày bản Báo cáo chính trị dài 211 trang, trong đó chứa đựng một hệ thống các quan điểm lý luận nền móng cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.

Trước hết, Báo cáo chính trị đánh giá thắng lợi của công cuộc kháng chiến chống Mỹ mãi mãi đi vào lịch sử

dân tộc ta như một trong những trang sử chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, để lại cho chúng ta nhiều bài học có giá trị to lớn. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo của Đảng; là thắng lợi của sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau ở hai miền trong phạm vi một quốc gia; thắng lợi của chiến lược hòa hợp, đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế. Trong các nguyên nhân dẫn đến thắng lợi vĩ đại của dân tộc, sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò quyết định.

Trong Báo cáo chính trị, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ những đặc điểm nổi bật của sự phát triển đất nước trong điều kiện mới, đó là:

- Nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền sản xuất kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

- Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân gây ra.

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh

"ai thắng ai" giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới diễn ra gay go, quyết liệt.

Đồng chí Lê Duẩn khẳng định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng đề ra là đúng. Vì vậy, sau 20 năm cải tạo và xây dựng, miền Bắc đã bắt đầu kiến lập được một hình thái kinh tế - xã hội với quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đã chuyển miền Bắc từ chế độ thuộc địa và nửa phong kiến với một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu sang chế độ xã hội chủ nghĩa một cách tương đối thuận lợi; chế độ người bóc lột người được xóa bỏ.

Đồng chí cũng nêu những thiếu sót, khuyết điểm của Đảng và Nhà nước ta trong lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý kinh tế, trong đó, "những nguyên tắc cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là những vấn đề có tính quy luật của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nói chung chưa được nhận thức một cách sâu sắc" "Nông nghiệp và công nghiệp nhẹ chưa được coi trọng đúng mức, nhiều phương hướng và biện pháp lớn đề ra để phát triển nông nghiệp chưa được thi hành tích cực, khẩn trương"¹.

Về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đồng chí Lê Duẩn khẳng định sự tiếp tục con đường riêng của Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.496.

chí nhận thức được nước ta sau khi thống nhất vẫn đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Luận điểm này đã được nêu lên từ năm 1960. Đồng chí coi đó là đặc điểm lớn nhất nói lên thực chất của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và quy định nội dung chủ yếu của quá trình đó. Vì vậy, đồng chí trình bày đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là dựa vào chuyên chính vô sản, mà thực chất là phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng chí nhấn mạnh việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể, chuyển chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng sang cuộc đấu tranh nhằm vươn tới những đỉnh cao mới của sự phát triển là động lực quan trọng của cách mạng trong giai đoạn mới.

Muốn khắc phục sự chậm trễ của nước ta trong quá trình chỉ đạo phát triển kinh tế, đồng chí nhấn mạnh đến việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng quy mô lớn của các đơn vị kinh tế, tiến thẳng vào quá trình hiện đại hóa.

Đại hội IV quyết định bổ sung Điều lệ Đảng, đặt chức danh Tổng Bí thư thay chức danh Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 101 ủy viên chính thức, Bộ Chính trị gồm 14 ủy viên chính thức, Ban Bí thư gồm 9 đồng chí. Đồng chí Lê Duẩn được Đại hội bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Ban Chấp hành Trung ương bầu đồng chí làm Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội, đồng chí Lê Duẩn cùng Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, căn cứ vào sự phát triển của tình hình, từng bước bổ sung và cụ thể hóa đường lối, chủ trương, vạch ra những nhiệm vụ cụ thể về kế hoạch kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh, quốc phòng qua các kỳ Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương.

Đồng chí Lê Duẩn tham dự và chủ trì các Hội nghị Trung ương khóa IV: Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7-1977) bàn về phát triển nông nghiệp; Hội nghị lần thứ ba (1-1978), Hội nghị lần thứ tư (7-1978), Hội nghị lần thứ năm (12-1978) vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp thực hiện kế hoạch nhà nước hàng năm. Tại các Hội nghị này, đồng chí Lê Duẩn đã cùng Ban Chấp hành Trung ương phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm của Nhà nước, biểu dương những cố gắng và thành tích đã đạt được về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục...;

phát hiện những nhân tố mới hình thành và phát triển trong phong trào cách mạng của quần chúng; đồng thời phê phán những thiếu sót, khuyết điểm trong chỉ đạo tổ chức quản lý kinh tế và xã hội, phân tích những nguyên nhân khách quan, nhất là nguyên nhân chủ quan làm cho kinh tế - xã hội nước ta gặp nhiều khó khăn, trì trệ.

Vào những năm cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, kinh tế - xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng ngày càng nặng nề. Kinh tế sa sút, làm không đủ ăn, thu không đủ chi, xuất không đủ nhập. Lương thực và những hàng hóa tiêu dùng thiết yếu đều vô cùng thiếu thốn. Năm 1979, ta phải nhập khẩu 1,8 triệu tấn lương thực nhưng vẫn không đủ để cung cấp cho nhu cầu của nhân dân, nhất là nhân dân các thành phố và khu công nghiệp. Lạm phát phi mã, giá cả leo thang chóng mặt, một số cơ quan và xí nghiệp nhà nước có lúc nợ lương công nhân, viên chức vài ba tháng. Đời sống của nhân dân, nhất là của những người làm công ăn lương, hoặc sống bằng lương hưu hết sức khó khăn. Nhu cầu chi quốc phòng tăng đột biến, tích lũy trong nước giảm sút, nguồn vay và viện trợ từ bên ngoài thì ít dần, trong khi nhu cầu khôi phục và xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội rất lớn và cấp bách. Một mặt khác không kém phần nghiêm trọng của tình hình là người lao động không hăng hái làm việc, nhiều nguồn lực trong xã hội bị bỏ phí, nông dân để nhiều đất hoang hóa, chỉ lo chăm bón trên đất

5%¹, năng suất cây trồng trên phần ruộng hợp tác rất thấp; hiệu suất sử dụng công suất thiết bị của nhiều xí nghiệp chỉ đạt dưới 50%. Tình trạng lãng phí, tiêu cực, lợi dụng chênh lệch giá lấy cấp của cải nhà nước, của quyền, sách nhiễu diễn ra phổ biến ở nhiều nơi. Nhân dân lo lắng, giảm sút lòng tin.

Một câu hỏi lớn đặt ra cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta lúc này là vì sao có tình hình trên đây, nguyên nhân của tình hình ấy là gì và đâu là những giải pháp để ra khỏi bế tắc. Nguyên nhân khách quan có nhiều, khó khăn khách quan là rất lớn, nhưng mọi người cũng cảm nhận thấy rằng chính sách kinh tế của Đảng có gì đó sai lầm, không phù hợp, không được lòng dân, vừa cản trở sản xuất, vừa gây khó khăn cho đời sống.

Trong bối cảnh đó, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IV họp vào tháng 8-1979 lúc đầu dự định chỉ bàn về đề án phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, sau đã bổ sung chủ đề thảo luận, trước hết bàn về tình hình và nhiệm vụ cấp bách. Lúc này, trước yêu cầu bức bách của cuộc sống, lãnh đạo của một số tỉnh đã cùng một số đơn vị cơ sở mạnh dạn thí điểm thực hiện một số chủ trương về quản lý kinh tế khác với chủ trương chung của Trung

1. Tỷ lệ diện tích đất canh tác được các hợp tác xã dành lại để xã viên làm riêng, phục vụ cho nhu cầu của gia đình.

ương, như: khoán sản phẩm cuối cùng cho xã viên trong hợp tác xã nông nghiệp, cho phép xí nghiệp nhà nước được mua thêm vật tư ngoài thị trường tự do. Hầu hết những nơi tiến hành thử nghiệm đều thu được một số kết quả khả quan đối với sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, trong Trung ương vẫn còn tranh luận về tính đúng sai của những cách làm này.

Sự nhảy bèn chính trị và tầm chỉ đạo chiến lược, dấu ấn của đồng chí Lê Duẩn thể hiện rất rõ trong quá trình thảo luận cũng như trong kết luận của Hội nghị Trung ương lần này. Trong Hội nghị, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đọc báo cáo về *Cần xem xét sửa đổi chính sách kinh tế*. Hội nghị đã tập trung thảo luận báo cáo của đồng chí Phạm Văn Đồng. Có nhiều ý kiến rất khác nhau. Đồng chí Lê Duẩn cùng Bộ Chính trị ủng hộ việc cần sửa đổi chính sách kinh tế. Hội nghị Trung ương hoan nghênh và đánh giá cao ý kiến của Tổng Bí thư Lê Duẩn. Hội nghị thảo luận và thông qua hai văn kiện: Nghị quyết số 20-NQ/TW *Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách*. Nghị quyết số 21-NQ/TW *Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương*.

Hội nghị xác định những nhiệm vụ cấp bách trước mắt:

1. Cải thiện đời sống trước mắt của nhân dân, ổn định sản xuất.
2. Củng cố quốc phòng, an ninh và sẵn sàng chiến đấu.

3. Phát động phong trào cách mạng, đẩy mạnh sản xuất phát triển; kiên quyết đấu tranh chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Hội nghị chỉ rõ: “Nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là động viên cao độ toàn dân, toàn quân trong cả nước *đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp*, nhằm thực hiện ba nhiệm vụ: bảo đảm lương thực, thực phẩm; cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp, tạo nguồn cho xuất khẩu lớn. Phải thấy rằng sản xuất nông nghiệp phát triển được là một điều quan trọng để cải thiện đời sống, cân đối được nền kinh tế”¹.

Hội nghị đề ra một loạt chủ trương về kinh tế và đời sống đáp ứng đòi hỏi của tình hình lúc đó. Hội nghị nhấn mạnh, để thúc đẩy sản xuất phát triển, phải sử dụng nhiều thành phần kinh tế, trong đó có cả kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân. Phát triển kinh tế có kế hoạch, đồng thời phải coi trọng, vận dụng quy luật giá trị. Nhà nước phấn đấu nắm lấy hầu hết lương thực, hàng hóa để bảo đảm đáp ứng nhu cầu người dân không sản xuất lương thực. Nhưng thực hiện mục tiêu này phải có một quá trình và phải dùng giải pháp kinh tế, không thể nóng vội, chỉ dùng biện pháp hành chính. Trước mắt, Nhà nước phải bảo đảm thu thuế, làm tốt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.40, tr. 348.

việc mua lương thực, bán hàng hóa, vật tư theo hợp đồng hai chiều, ra sức mua thêm lương thực ngoài hợp đồng bằng giá thỏa thuận; trước hết bảo đảm nhu cầu lương thực cho công nhân viên chức, những người có hợp đồng kinh tế với Nhà nước và gia đình họ; đồng thời để nông dân được bán phần lương thực còn dư thừa ra thị trường, chấp nhận lưu thông tự do và thị trường tự do về lương thực để khuyến khích nông dân hăng hái sản xuất và để người không sản xuất lương thực có thể tìm mua bổ sung trên thị trường phần lương thực họ cần mà Nhà nước chưa thể cung ứng đủ.

Với chủ trương đổi mới chính sách lương thực và nhiều chủ trương khuyến khích sản xuất, mở rộng lưu thông, tạo điều kiện cho sản xuất “bung ra”, chấp nhận thị trường, đặc biệt là thị trường tự do về lương thực mà cho đến lúc này trên thực tế vẫn còn bị nhiều cấm đoán, Nghị quyết Trung ương 6 năm 1979 đã đánh dấu bước đột phá đầu tiên về đổi mới tư duy kinh tế của Đảng ta.

Thời gian từ năm 1976 đến năm 1981, Tổng Bí thư Lê Duẩn rất quan tâm đến vấn đề nông nghiệp và đề xuất nhiều quan điểm nhằm giải quyết vấn đề nông nghiệp phù hợp với điều kiện nước ta.

Đồng chí Lê Duẩn nhận định công nghiệp nặng, cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, nhưng nông nghiệp và công nghiệp nhẹ lại là cơ sở của phát triển công nghiệp.

Sau Đại hội IV, đồng chí Lê Duẩn và Trung ương tập trung suy nghĩ vấn đề phát triển nông nghiệp. Đồng chí đi khảo sát tình hình một số địa phương, tham khảo ý kiến của các chuyên gia nông nghiệp và trình bày trước Hội nghị Trung ương 2 khóa IV, ngày 24-8-1977, về mục tiêu phát triển nông nghiệp ở nước ta trong điều kiện công nghiệp chưa phát triển. Đồng chí coi phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu trong những năm trước mắt; chủ yếu tập trung giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm, bảo đảm lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội và có lương thực dự trữ; phát triển các loại cây công nghiệp; đẩy mạnh trồng cây, gây rừng, bảo vệ rừng; tạo ra những vùng chuyên sản xuất nông, lâm nghiệp để xuất khẩu. Biện pháp chủ yếu để phát triển nông nghiệp là hoàn thành công tác quy hoạch vùng nông, lâm nghiệp, đẩy mạnh thâm canh; mở thêm diện tích canh tác; phân bố lại lao động và tăng năng suất lao động xã hội; tăng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp; đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật; củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam; tăng cường công tác tư tưởng và văn hóa trong nông thôn; xây dựng huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện; thực hiện kế hoạch hóa và chính sách trong nông thôn; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo của Chính phủ đối với nông nghiệp.

Muốn cải thiện đời sống nhân dân, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, phải phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, tiết kiệm tiêu dùng, để có nhiều hàng hóa xuất khẩu. Nhà nước tập trung sức xây dựng cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, và những công trình công nghiệp hiện đại, các tỉnh phải xây dựng kinh tế địa phương nhằm bảo đảm phần lớn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Nhận định của đồng chí Lê Duẩn và Ban Chấp hành Trung ương khóa IV về đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, thực chất là sự điều chỉnh một bước đường lối ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trước đó.

Sau khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa IV, tình hình kinh tế nông nghiệp có nhích lên chút ít, song nhìn chung, vấn đề lương thực, thực phẩm của xã hội vẫn còn nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị bàn vấn đề lương thực và kết luận rằng sản xuất nông nghiệp phát triển chậm là do chính sách lương thực chưa phù hợp. Vì vậy, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 19-9-1978 *Về chính sách lương thực trước mắt*. Nghị quyết nêu rõ: "Giải quyết vấn đề lương thực, bảo đảm cho cả nước đủ lương thực tiêu dùng và có dự trữ là mục tiêu cấp bách hiện nay"¹. Đảng và Nhà nước "phải tập trung chỉ đạo phát triển nông nghiệp toàn diện, trong bất cứ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.39, tr.398.

tình hình nào cũng phải đạt cho được các mục tiêu về *sản xuất lương thực*"¹. Bộ Chính trị nêu những biện pháp giải quyết vấn đề lương thực là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, coi đó là khâu quyết định; đồng thời phải tăng cường tổ chức thu mua, có chính sách thích hợp về huy động, phân phối, quản lý thị trường lương thực. Cần làm tốt chính sách phân phối lương thực, chính sách thuế nông nghiệp, chính sách thu mua lương thực. Chấn chỉnh việc quản lý vật tư, hàng hóa, đưa vật tư, hàng hóa đến tận tay người sản xuất đúng hợp đồng đã ký; kiên quyết chống tham ô, chống để hư hỏng, mất mát lương thực, thực phẩm; tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, đặc biệt chú ý những mặt hàng như vật liệu xây dựng, xuống, ghe, đồ gỗ, máy kéo..., đáp ứng yêu cầu của nông dân ở các vùng khác nhau.

Cái mới mà Bộ Chính trị nêu trong Nghị quyết 12 là "sau khi đã nộp đủ thuế và bán đủ lương thực cho Nhà nước theo hợp đồng, các hợp tác và hộ nông dân được lưu thông tự do số lương thực còn lại"². Đi đôi với việc mở rộng quyền tự do lưu thông cho người sản xuất, Nhà nước phải có biện pháp kiên quyết nhằm ngăn chặn hoạt động đầu cơ, tích trữ của tư thương.

Nghị quyết 12 ra đời được giai cấp nông dân đón nhận như một luồng gió mới thổi vào nông thôn. Tuy vậy,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.39, tr. 398, 400.

qua thực tiễn sản xuất, nông nghiệp đã nảy sinh vấn đề trách nhiệm của người nông dân đối với ruộng đất chưa thực sự được giải tỏa. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Tổng Bí thư dần dần thấy rõ hơn vấn đề này. Qua nhiều lần khảo sát thực tế, tham khảo ý kiến của các bộ, ban và chuyên gia, đồng chí Lê Duẩn triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị và bàn về một số chủ trương, biện pháp nhằm khắc phục khó khăn về lương thực. Những ý kiến của đồng chí Lê Duẩn là cơ sở quan trọng để Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 1-4-1980. Trong Nghị quyết này, Bộ Chính trị quyết định một số chủ trương, biện pháp nhằm giải quyết khó khăn về lương thực trong thời gian tới là phải ra sức đẩy mạnh sản xuất lương thực, phấn đấu đạt tối thiểu 15 triệu tấn lương thực quy ra thóc trong năm 1980. Muốn vậy, phải tập trung chỉ đạo sản xuất lương thực một cách toàn diện, đồng bộ, liên tục, bám sát từng mùa; thu đủ thuế nông nghiệp; các khoản nợ nông dân vay của Nhà nước đều phải trả sòng phẳng; hợp đồng hai chiều và theo giá thỏa thuận; quản lý chặt chẽ lương thực; triệt để tiết kiệm lương thực; kiên quyết trừng trị bọn đầu cơ, tích trữ, buôn bán, vận chuyển lương thực trái phép, những bọn trộm cắp lương thực của Nhà nước trong các khâu giao nhận, vận chuyển, bảo quản và phân phối. Để lương thực lưu thông thuận tiện, các tỉnh và thành phố nhất thiết không để các huyện và nhất là các xã tự động đặt các trạm kiểm

soát dọc các đường giao thông, gây khó khăn, phiền phức cho việc đi lại và lưu thông hàng hóa.

Đồng chí Lê Duẩn lưu ý các ngành, các cấp phải hết sức quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết 25, chủ yếu là tăng cường các biện pháp giáo dục, kinh tế, hành chính và tổ chức, đồng thời vận dụng đồng bộ các đòn bẩy kinh tế như giá cả, cung ứng vật tư, hàng hóa, tín dụng, thanh toán, nhằm khuyến khích nông dân sản xuất, bán nhiều lương thực cho Nhà nước.

Nghị quyết 25 ra đời, đất nước đã khắc phục được cảnh "ngăn sông cấm chợ". Chính sách tự do lưu thông sản phẩm nông nghiệp được thực hiện trong cả nước, gây niềm phấn khởi không chỉ cho bà con nông dân mà còn cho cả những người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp.

Sau khi có Nghị quyết 12, Nghị quyết 25 của Bộ Chính trị, tình hình nông nghiệp trong phạm vi cả nước có bước phát triển mới. Không khí sản xuất ở nông thôn phấn chấn hẳn lên. Một số mặt của đời sống xã hội được đẩy lên một bước. Song qua thực tiễn phản ánh cho thấy, sức sản xuất ở nông thôn vẫn chưa thực sự được giải phóng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Tổng Bí thư thấy rõ vấn đề này. Qua nhiều cuộc trao đổi giữa đồng chí Lê Duẩn với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thành viên Hội đồng Bộ trưởng, đã bật lên vấn đề khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Những ý kiến đóng góp từ nhiều

nguồn là cơ sở quan trọng để Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 13-1-1981 *Về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp*¹.

Chỉ thị 100 nêu rõ, công tác khoán trong nông nghiệp “phải đạt được *mục đích*: bảo đảm *phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế* trên cơ sở *lôi cuốn* được mọi người hăng hái lao động, *kích thích tăng năng suất lao động*, sử dụng tốt đất đai và các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất; *củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa* ở nông thôn; không ngừng nâng cao *thu nhập và đời sống* của xã viên, tăng tích lũy của hợp tác

1. Theo Chỉ thị 100, cơ chế hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp có thay đổi lớn: hợp tác xã chuyển từ lao động tập thể, sử dụng chung đất đai sang giao ruộng đất về cho từng hộ xã viên canh tác theo kế hoạch của hợp tác xã, hợp tác xã chỉ tổ chức làm một số khâu mà từng hộ xã viên làm riêng lẻ có khó khăn hoặc kém hiệu quả; chuyển cách phân phối trong hợp tác xã từ căn cứ vào số công lao động từng xã viên bỏ ra để tham gia thực hiện các việc được hợp tác xã giao làm (khoán việc) sang căn cứ vào kết quả từng hộ thực hiện mức sản lượng sản phẩm được hợp tác xã khoán (trừ bớt số công các dịch vụ mà hộ được hợp tác xã cung ứng); nếu đạt sản lượng cao hơn mức khoán thì phần lớn hoặc toàn bộ sản phẩm vượt khoán được để lại cho hộ xã viên hưởng thụ (khoán sản phẩm).

xã, làm tròn nghĩa vụ và không ngừng tăng khối lượng nông sản cung ứng cho Nhà nước”¹.

Về nguyên tắc khoán, Chỉ thị nêu rõ: “Hợp tác xã nông nghiệp phải quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất, trước hết là ruộng đất, sức kéo, phân bón, các công cụ; tổ chức tốt việc quản lý và điều hành lao động; xây dựng kế hoạch và quy hoạch sản xuất nông nghiệp; kết hợp đúng đắn và hài hòa ba lợi ích (lợi ích của Nhà nước, của tập thể, của người lao động) và thực hiện tốt việc phân phối theo lao động cho xã viên; phát huy quyền tự chủ của hợp tác xã và quyền làm chủ tập thể của xã viên, khắc phục tệ mệnh lệnh, gò ép, trái với nguyên tắc “tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ”².

Phương hướng chủ yếu để cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp là khuyến khích hơn nữa lợi ích chính đáng của người lao động, làm cho người lao động thật sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng, do đó mà đem hết nhiệt tình và khả năng ra lao động sản xuất.

Đồng chí Lê Duẩn dành nhiều thời gian đi một số địa phương vùng đồng bằng sông Hồng để kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị 100. Đồng chí nhắc nhở các địa phương cần ra sức cải tiến các hình thức

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.42, tr.26, 26-27.

khoán, mở rộng khoán sản phẩm; tham gia ý kiến với Trung ương để hoàn chỉnh hơn nữa chế độ "ba khoán" (khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm, khoán sản phẩm), thưởng, phạt công minh; kiên quyết thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động (gọi tắt là khoán sản phẩm) và khoán việc. Xác định mức khoán hợp lý. Kiên quyết ngăn ngừa và khắc phục tình trạng "khoán trắng" cho xã viên. Đồng chí nhắc nhở các cấp tỉnh, huyện phải chú trọng phát huy quyền làm chủ tập thể của hợp tác xã và xã viên.

Sau khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị 100 về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, vấn đề sản xuất nông nghiệp được đẩy lên một bước đáng kể. Diện tích đất hoang hóa được thu hẹp dần. Nông dân ra sức tận dụng đất đai trồng lúa, trồng màu, làm đúng thời vụ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, đưa sản lượng lương thực tăng cao. Nhờ điều chỉnh giá thu mua hợp lý, Nhà nước đã thu mua được một khối lượng lương thực, thực phẩm và nông sản nhiều hơn trước.

Trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100, đồng chí Lê Duẩn nhận ra vấn đề phân phối ruộng đất ở các tỉnh Nam Bộ là chưa hợp lý. Qua những chuyến đi công tác ở một số tỉnh Nam Bộ và nghe báo cáo của các cấp ủy địa phương, đồng chí càng thấy rõ vấn đề này. Vì vậy, trong một số

cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí nêu vấn đề cần phải hoàn thành điều chỉnh ruộng đất ở các tỉnh Nam Bộ. Đồng chí đặt ra yêu cầu cần phải vận động những hộ tư sản, phú nông và địa chủ hiến ruộng để chia cho những hộ nông dân thiếu đất canh tác. Nếu họ không chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương này thì trưng thu số đất đó, chỉ để lại cho họ một phần diện tích thích ứng với khả năng lao động để thâm canh, bảo đảm đời sống. Thuyết phục những hộ trung nông lớp trên nhường bớt số ruộng đất vượt quá mức lao động của gia đình. Kiểm tra số ruộng đất do các cơ quan đang sử dụng, quy định rõ phần đất cơ quan được sử dụng. Phần ruộng đất thừa ra, phải giao lại cho chính quyền cơ sở để chia cấp thêm cho nông dân nghèo. Trước hết cần kiểm tra ngay những cán bộ, đảng viên và gia đình còn chiếm hữu ruộng đất để bóc lột. Những trường hợp này, cần tiến hành giáo dục và xử lý theo đúng chính sách của Nhà nước và kỷ luật của Đảng, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên ngoan cố dùng thủ đoạn che giấu sự bóc lột, không thi hành chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tổng Bí thư Lê Duẩn yêu cầu việc điều chỉnh ruộng đất phải được bàn bạc dân chủ trong nội bộ làng xóm và phải theo tinh thần "nhường cơm sẻ áo", ổn định và đẩy mạnh sản xuất, khuyến khích thâm canh; phải đoàn kết được nông dân để tiến hành điều chỉnh ruộng đất.

Những ý kiến của đồng chí Lê Duẩn là cơ sở quan

trọng để sau đó Ban Bí thư ra Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 3-5-1983 *Về hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ.*

Những ý kiến có tính định hướng về đường lối phát triển nông nghiệp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của đồng chí Lê Duẩn tạo tiền đề để Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI ra Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 5-4-1988 *Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp.*

Như vậy, Chỉ thị 100, Nghị quyết 10 của Đảng đã cơ bản tháo gỡ được những vướng mắc trong nông nghiệp và nông thôn Việt Nam, từng bước đưa nông nghiệp của đất nước phát triển. "Khoán 100", "khoán 10", những từ ngữ đó đã ăn sâu vào tiềm thức người nông dân. Lòng tin của giai cấp nông dân đối với Đảng và Nhà nước được củng cố khi Đảng đề ra được đường lối, chính sách đúng đối với nông nghiệp và nông thôn.

Cùng với các hoạt động đối nội, đồng chí Lê Duẩn trực tiếp chỉ đạo và tham gia nhiều hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước. Nhờ chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác đúng đắn, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định và nâng cao.

Ngày 20-9-1977, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc và thành viên của 20 tổ chức quốc tế khác. Đến

cuối năm 1980, đã có 106 nước lập quan hệ ngoại giao với nước ta. Tháng 11-1978, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Liên Xô được ký kết. Đồng chí Lê Duẩn cùng với Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký Hiệp ước này với L.I. Brêgionép và A.N.Côxưghin tại điện Cremlin, Thủ đô Mátxcơva.

Tháng 4-1980, một vinh dự đến với đồng chí Lê Duẩn: Ủy ban giải thưởng quốc tế Lênin "Vì củng cố hòa bình giữa các dân tộc" đã công bố quyết định trao giải thưởng quốc tế Lênin năm 1979 cho đồng chí Lê Duẩn vì những cống hiến xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ và củng cố hòa bình. Ngày 20-6-1980, ông N.N. Blôkhin, Chủ tịch Ủy ban giải thưởng, đã trao tặng đồng chí Lê Duẩn giải thưởng cao quý này tại Thủ đô Hà Nội.

Ngày 21-6-1980, đồng chí Lê Duẩn đã chuyển cho Thành phố Hà Nội toàn bộ số tiền 25.000 rúp giải thưởng quốc tế Lênin vào quỹ phúc lợi thiếu nhi Thủ đô.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đi vào cuộc sống. Với sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân, các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, văn hóa từng bước được giải quyết, tạo điều kiện thực hiện các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc các khóa tiếp theo. Ngày 10-12-1980, đồng chí Lê Duẩn ký văn bản Nghị quyết số 33 NQ/TW của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng. Nội dung của Đại hội đã được

ghi rõ trong Nghị quyết 33 là thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Trung ương Đảng về kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV; về phương hướng, nhiệm vụ các mặt công tác trong thời gian tới; thảo luận và thông qua Báo cáo về những vấn đề lớn trong công tác xây dựng đảng và quyết định một số điều sửa đổi cụ thể trong Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa V.

Từ khi có Nghị quyết 33 đến khi khai mạc Đại hội V của Đảng, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã rà soát lại mọi mặt tình hình trong Đảng và tình hình đất nước, qua đó mà rút ra những vấn đề có tính nguyên tắc nhằm đưa đất nước tiến lên. Trong những vấn đề mà đồng chí tổng kết có phần chưa phản ánh đầy đủ những khó khăn lớn của nền kinh tế và đời sống xã hội cũng như những hậu quả nhiều mặt của mấy chục năm chiến tranh.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp từ ngày 27-3-1982 đến ngày 31-3-1982, tại Hà Nội. Đại hội thảo luận và thông qua "*Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng*" do Tổng Bí thư Lê Duẩn trình bày, ngày 27-3-1982; *Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981 - 1985) và những năm 1980"* do Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng trình bày, ngày 27-3-1982.

Báo cáo chính trị gồm 6 phần, dài 181 trang: Tình hình và nhiệm vụ chung; những nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội trong 5 năm 1981 - 1985 và những năm 1980; những nhiệm vụ văn hóa, xã hội; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát động phong trào cách mạng của quần chúng; tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Báo cáo nhận định: "Thành công rực rỡ của Đảng và nhân dân ta là đã nhanh chóng thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước"¹. Tiếp đó đã kịp thời giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế, làm cho năng lực sản xuất của các ngành kinh tế được tăng cường một bước. Mặt trận văn hóa và sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển, xây dựng được Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tổng Bí thư Lê Duẩn nêu rõ nguyên nhân giành được thắng lợi "là nhờ có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng ta, Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện"²; do phẩm chất tốt đẹp của dân tộc ta và của các lực lượng vũ trang nhân dân nước ta; do sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình và ủng hộ của các lực lượng cách mạng và hòa bình trên thế giới.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, t.1, tr. 23, 32.

Về khó khăn, Trung ương Đảng nhận định là kinh tế nước ta đang đứng trước nhiều vấn đề gay gắt. Kết quả thực hiện các kế hoạch kinh tế trong 5 năm (1976 - 1980) chưa thu hẹp được những mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế quốc dân. Sản xuất phát triển chậm trong khi số dân tăng nhanh; chưa tạo ra được tích lũy, hàng tiêu dùng, lương thực đều thiếu, cung ứng năng lượng, vật tư, giao thông vận tải rất căng thẳng, năng suất thấp, thu chi tài chính mất cân đối, thị trường và vật giá không ổn định, lao động chưa được sử dụng còn nhiều, đời sống nhân dân lao động còn gặp nhiều khó khăn. Vấn đề văn hóa - xã hội có những biểu hiện tiêu cực kéo dài. Nhiều chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm chỉ đạt được mức thấp; nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng.

Với tinh thần tự phê bình nghiêm túc, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã chỉ ra những nguyên nhân của tình hình khó khăn nói trên là: Kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ, công tác quản lý kinh tế, xã hội lại non kém; Tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, bảo thủ, trì trệ, duy trì quá lâu chế độ quản lý hành chính quan liêu bao cấp, chậm thay đổi các chính sách, chế độ kìm hãm sản xuất; pháp chế xã hội chủ nghĩa chậm được tăng cường, pháp luật, kỷ luật bị buông lỏng, việc đấu tranh chống những hành vi phạm pháp và tệ nạn xã hội thiếu kiên quyết và triệt để.

Về nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới, Trung ương Đảng nêu cao quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc với khẩu hiệu: "Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân".

Về những nhiệm vụ kinh tế - xã hội chủ yếu trong 5 năm (1981 - 1985) và những năm 1980, Trung ương nhấn mạnh sự kết hợp đúng đắn công nghiệp và nông nghiệp; xây dựng kinh tế trung ương với phát triển mạnh kinh tế địa phương; bảo đảm sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, tạo thành phương thức sản xuất mới. Trong một thời gian nhất định, ở miền Bắc có ba thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, cá thể); ở miền Nam còn năm thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể và tư bản tư nhân); kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế; mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài; mở rộng việc phân công lao động, phân bố lại và sử dụng tốt lao động trong cả nước để tăng năng suất lao động xã hội; đẩy mạnh công tác khoa học, kỹ thuật; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng; thiết lập trật tự mới, xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông; xác lập chế độ quản lý và kế hoạch hóa đúng đắn.

Báo cáo chính trị chỉ rõ, trong 5 năm 1981 - 1985, cần tập trung vào giải quyết những vấn đề cấp bách nhất

để ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, phát triển và sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại xây dựng cơ bản, cải tiến công tác phân phối, lưu thông, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, thực hiện tiết kiệm nghiêm ngặt, ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi thành tựu khoa học, tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống nhân dân, đổi mới một bước hệ thống quản lý kinh tế, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, y tế, tăng cường quản lý xã hội và bảo đảm các nhu cầu về kinh tế của công cuộc củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ đất nước.

Về những nhiệm vụ văn hóa, xã hội, Trung ương coi việc xây dựng con người mới, con người có lòng "thương nước, thương nhà, thương người, thương mình" là tiêu chí của văn hóa mới Việt Nam. Trên lĩnh vực văn nghệ, Đảng yêu cầu văn nghệ sĩ nắm vững phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, nêu cao tính đảng và trách nhiệm của người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, tư tưởng trong giai đoạn mới của cách mạng.

Báo cáo chính trị nhấn mạnh, vấn đề tăng cường nhà nước là nhiệm vụ cấp bách để phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, cải tiến phương pháp hoạt động, đổi mới phong cách làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và làm tốt công tác vận động và tổ chức quần chúng, vận động công nhân, nông dân, trí thức.

Đại hội quyết định điều chỉnh lại các chỉ tiêu kinh tế, nhất là tập trung vốn đầu tư vào một số công trình công nghiệp trọng điểm, dành thêm tiền đầu tư cho nông nghiệp và những cơ sở công nghiệp hiện có.

Báo cáo chính trị cũng phân tích những vấn đề mới nảy sinh trong tình hình thế giới, bổ sung chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Đảng chủ trương thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt Nhà nước, về kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị, xã hội trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Quan điểm đó đã được Đảng ta thể hiện ngay trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Vào thời điểm ác liệt nhất của cuộc kháng chiến, đồng chí Lê Duẩn vẫn chủ trương chỉ nhận viện trợ vũ khí, thiết bị quân sự, quân trang, quân dụng, lương thực thực phẩm của các nước anh em, còn việc chiến đấu phải là lực lượng của chính mình. Đồng chí Lê Duẩn đã phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh: "Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Trong công cuộc xây dựng đất nước càng phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, xác định con đường riêng phù hợp với điều kiện đất nước, con người Việt Nam, phát huy cao độ tinh thần dựa vào sức mình là chính.

Báo cáo chính trị dành một phần đáng kể để trình bày về công tác xây dựng đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức và khẳng định đây là vấn đề then

chốt nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng. Báo cáo chính trị chỉ rõ, muốn nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cho Đảng ta luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một Đảng thật trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng, nhất thiết phải đổi mới công tác xây dựng đảng.

Ngày 31-3-1982, Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới và bổ nhiệm. Một lần nữa, đồng chí Lê Duẩn được Đại hội bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trung ương bầu đồng chí làm Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng Bí thư của Đảng.

Trong những năm 1980-1985, đồng chí Lê Duẩn dành nhiều thời gian suy nghĩ nhằm tập trung giải quyết nhiều vấn đề kinh tế khó khăn của đất nước. Đồng chí đã cùng với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị chỉ đạo thực hiện nhiều bước điều chỉnh các chính sách về giá, lương, tiền theo hướng bỏ dần quan liêu, bao cấp, giảm bớt số mặt hàng mà Nhà nước cung cấp hiện vật theo mức giá rất thấp và ổn định, đưa hệ thống giá của Nhà nước ngày càng tiếp cận gần hơn với giá thị trường, mở rộng việc vận dụng quan hệ tiền tệ và quy luật giá trị trong nền kinh tế. Những cuộc thử nghiệm của một số tỉnh phía Nam áp dụng giá thị trường thay cho sự trao đổi hiện vật theo giá thấp trong quan hệ hai chiều giữa Nhà nước với nông dân cũng

như trong việc cung cấp hàng định lượng theo tem phiếu (bù giá vào lương) đạt được kết quả tốt, dần dần mở rộng ra một số địa phương khác.

Ngày 23-6-1980, đồng chí Lê Duẩn ký văn bản Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị *Về cải tiến công tác phân phối, lưu thông (tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương, thương nghiệp và quản lý thị trường)*.

Bộ Chính trị chỉ rõ: "khó khăn lớn nhất trong nền kinh tế là sản xuất phát triển chậm; trên một số ngành và địa phương có tình trạng trì trệ và giảm sút; năng suất lao động và hiệu quả kinh tế thấp; các mặt mất cân đối ngày càng trầm trọng. Đó là nguồn gốc cơ bản gây ra những khó khăn trên lĩnh vực phân phối và lưu thông"¹.

Lúc này nền tài chính quốc gia thiếu hụt kéo dài. Ngành nào, địa phương nào cũng thiếu tiền. Ngân sách bội chi liên tục. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó là do công tác thu, chi tài chính có nhiều thiếu sót, rõ nhất là việc thu thuế đối với khu vực kinh tế tập thể và kinh tế cá thể bị buông lỏng, thất thu triền miên. Hiệu quả của đồng vốn thấp chưa từng thấy. Chi cho tiêu dùng thì bao cấp, không làm đúng nguyên tắc phân phối theo lao động.

1. *Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải tiến công tác phân phối, lưu thông*, số 26-NQ/TW, ngày 23-6-1980, do Tổng Bí thư Lê Duẩn ký. Tài liệu lưu trữ tại Ban Tổ chức Trung ương.

Tình trạng ngân sách nhà nước bội chi đã làm cho lưu thông tiền tệ bị rối loạn. Tiền mặt phần lớn do tư nhân nắm, đẩy Nhà nước vào "cơn khát tiền". Vì "khát tiền", Nhà nước buộc phải liên tục in thêm tiền mặt, dẫn đến lạm phát, sức mua của đồng tiền giảm sút, giá cả trên thị trường tăng vọt và mỗi lần điều chỉnh giá thì giá lại tăng thêm. Giá càng tăng, lạm phát càng lớn.

Hai khâu quan trọng của nền kinh tế là tiền và hàng, Nhà nước đều không nắm được.

Tình hình khó khăn của nền kinh tế phản ánh vào Nghị quyết của Đảng. Bộ Chính trị và Chính phủ quyết định mở khâu đột phá cải tiến công tác phân phối, lưu thông nhằm tháo gỡ những khó khăn của nền kinh tế. Bộ Chính trị đặt vấn đề phải kiên quyết sửa chữa những sai lầm và khuyết điểm trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, kìm hãm lạm phát, thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo đảm đời sống nhân dân.

Mục tiêu của việc cải tiến công tác lưu thông phân phối là thúc đẩy sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp; ổn định tài chính, lưu thông tiền tệ và thị trường bằng biện pháp củng cố và phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa; phân phối hợp lý sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân. Trong ba mục tiêu trên, mục tiêu số một và mục tiêu số hai là quan trọng hơn.

Hàng loạt biện pháp nhằm cải tiến phân phối, lưu

thông đã được vạch ra: phân phối hợp lý thu nhập của nhân dân, cân đối tài chính; tăng cường kiểm kê, kiểm soát, kiểm tra; cải tiến hệ thống thu mua; điều chỉnh giá cả; bảo đảm nhu cầu tối thiểu về hàng hóa thiết yếu cho nhân dân.

Phải giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông một cách cơ bản, đồng bộ, từng bước; chú trọng giữ ổn định giá bán lẻ đối với các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân bằng chính sách hai giá; bảo đảm đời sống cán bộ, công nhân, viên chức bằng tiền lương thực tế. Trong lúc chưa làm kịp các phương án cải cách hệ thống tiền lương, cần thực hiện chế độ tiền lương, trợ cấp khó khăn cho cán bộ, công nhân, viên chức.

Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị được phổ biến trong các cấp ủy đảng. Tổng Bí thư Lê Duẩn yêu cầu Hội đồng Chính phủ phải có kế hoạch tổ chức thực hiện và đôn đốc, kiểm tra một cách chu đáo và cụ thể. Hội đồng Chính phủ cần chuẩn bị những dự thảo văn bản pháp quy để trình Quốc hội ban hành hoặc Chính phủ ban hành cho kịp thời; chú ý ban hành các chính sách mới về thuế, quản lý thị trường...

Nghị quyết 26 ra đời chưa được bao lâu, tình hình giá - lương - tiền càng diễn biến phức tạp. Đồng tiền tiếp tục mất giá, giá cả vẫn tăng, lạm phát vẫn lớn. Nguyên nhân là hàng trong nước sản xuất còn thiếu, sản xuất nông nghiệp còn gặp khó khăn. Nhiều chính

sách cụ thể chưa được thay đổi. Ý muốn phát triển nhanh với quy mô lớn của mấy năm trước đó chưa được khắc phục. Một số địa phương xem trọng cải tạo, coi nhẹ khôi phục kinh tế. Một số nơi vẫn tiếp tục phá bung bờ vùng bờ thửa. Có một số cơ sở ở các tỉnh ven biển bắt ngư dân phải bán cá cho Nhà nước, không được bán cho tư thương, trong lúc cơ sở chế biến của Nhà nước yếu kém, dẫn đến tình trạng cá mua về không chế biến được, làm cho thối rữa.

Tình hình đó được báo cáo lên Tổng Bí thư. Lúc này sức khỏe của đồng chí đã giảm sút. Đồng chí càng nóng ruột trước những khó khăn chồng chất. Đồng chí cho rằng, mọi cái trì trệ đều bắt nguồn từ vấn đề giá - lương - tiền. Giải quyết được vấn đề này sẽ tháo gỡ được tất cả. Là một người đã trải qua nhiều năm với phong trào cách mạng, nếm đủ mùi cay đắng trong các nhà tù đế quốc, thông cảm sâu sắc với nhân dân lao động, Tổng Bí thư của Đảng rất muốn làm ngay cái gì đó để "xốc tới", tiến ngay đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Tuy nhiên, mong muốn tốt đẹp của đồng chí đã không vượt qua được sự vận động của quy luật khách quan.

Nhân dân ta lại phải chi viện sức người sức của giúp nhân dân Campuchia chống lại chủ nghĩa diệt chủng, bảo vệ nền an ninh của đất nước, chống chính sách phục thù của chủ nghĩa đế quốc quốc tế bao vây, cấm vận đối với nước ta.

Một vấn đề khó mà đồng chí luôn trần trở, dồn tâm lực giải quyết là vấn đề lưu thông phân phối và giá - lương - tiền. Ở đây, đồng chí đã gợi ý nhiều cách tháo gỡ thiết thực, cụ thể. Trước hết là giải quyết được vấn đề là giá cả. Theo chính sách bấy giờ, tất cả mọi giá cả đều do Nhà nước quyết định; những sản phẩm chủ yếu cho đời sống đều do Nhà nước phân phối theo chế độ tem phiếu. Trong chiến tranh thì chế độ tem phiếu là cần thiết, nhưng sang thời bình thì tỏ ra không thích hợp, nảy sinh nhiều vấn đề. Nhà nước định giá và chế độ tem phiếu nghĩa là triệt tiêu thị trường buôn bán, mà chỉ có thương nghiệp nhà nước. Do chính sách như vậy nên trong sản xuất công nghiệp, công nhân chỉ được hưởng lương nhất định, lợi nhuận của doanh nghiệp nộp hết vào ngân sách nhà nước. Nông dân sản xuất cũng phải bán sản phẩm cho Nhà nước nên thu nhập thấp, vì giá bán cung cấp cho mọi người rất rẻ nên buộc các xí nghiệp và nông dân phải bán rẻ cho Nhà nước theo giá thành sản xuất. Chế độ cung cấp còn nảy sinh ra các bất hợp lý và tiêu cực. Chẳng hạn:

- Nhu cầu của mỗi người không hoàn toàn giống nhau. Có người cần thứ này lại không có tem phiếu; người không cần lại có tem phiếu. Từ đó sinh ra tích trữ hàng hóa ở hầu hết các gia đình, trong lúc xã hội rất thiếu hàng tiêu dùng.

- Sinh ra nạn mua bán, đầu cơ tem phiếu.

- Gây trì trệ trong sản xuất và ách tắc lưu thông, dẫn đến đời sống người lao động khó khăn.

Nhiều cán bộ có ý kiến phải giữ chính sách giá cả do Nhà nước quyết định, nếu thay đổi thì sẽ sai với đường lối xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình đó, đồng chí Lê Duẩn đã triệu tập Hội nghị họp tại Đồ Sơn để bàn về vấn đề giá¹. Hội nghị đã tranh luận sôi nổi, nhưng vẫn không giải quyết được vì chưa xác định được phương hướng thay đổi cụ thể. Sau Hội nghị, tỉnh Long An đã mạnh dạn bỏ tem phiếu, thương nghiệp tỉnh được bán tự do lương thực, thực phẩm cho mọi người theo giá thỏa thuận. Hành động này đạt kết quả rất tốt.

Nhưng vẫn còn cán bộ cho rằng, Long An là tỉnh có thừa lương thực, thực phẩm mới làm được, các tỉnh khác vì thiếu lương thực, thực phẩm thì không thể làm được. Sau khi trực tiếp nghe tỉnh Long An báo cáo kỹ về kinh nghiệm trên, đồng chí Lê Duẩn đã đánh giá đây là một sáng tạo, cần phổ biến để nhân rộng trên toàn quốc.

Từ thực tiễn thử nghiệm việc giải quyết vấn đề giá cả và lưu thông phân phối ở một số địa phương, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với tập thể Bộ Chính trị xây dựng đề án giá - lương - tiền. Nội dung Đề án là giải quyết trước

1. Xem: *Lê Duẩn - một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 229.

hết các vấn đề giá bán lẻ, giá bán buôn, giá nguyên liệu; tiếp theo là giải quyết chế độ tiền lương. Cuối cùng mới cải cách tiền tệ. Đề án này thể hiện tầm nhìn xa trông rộng, ý chí cách mạng tiến công, quan điểm thực tiễn của Tổng Bí thư Lê Duẩn. Trên cơ sở nội dung bản đề án trên, ngày 17-6-1985, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V đã ra Nghị quyết số 25 NQ/TW *Về vấn đề giá - lương - tiền*.

Để đi đến những kết luận thể hiện trong Nghị quyết này, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nghe báo cáo trực tiếp nhiều lần và có một thời gian suy nghĩ khá lâu mới đưa ra Bộ Chính trị quyết định. Khi làm việc với cán bộ, đồng chí đã khen ngợi: "Tôi không ngờ anh em ta đã có trình độ nghiên cứu cao để đạt được đề án này. Chúng ta cần phải suy nghĩ độc lập, tự mình tìm tòi; hiểu đất nước mình, tình hình nước mình không ai bằng chính chúng ta"¹.

Trung ương Đảng nhận định rằng từ sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước thống nhất, điều kiện kinh tế - tài chính của nước ta thay đổi căn bản: viện trợ không hoàn lại hầu như không còn nữa, số vốn vay dài hạn của các nước giảm nhiều. Mặc dù chúng ta đã ra

1. *Lê Duẩn - một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 230.

sức phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất, nhập khẩu, song của cải tăng thêm vẫn chưa nhiều. Hai cuộc chiến tranh xâm lược gây ra ở biên giới tây nam và phía bắc nước ta cùng những hoạt động phá hoại của kẻ thù đã gây cho ta nhiều thiệt hại. Dân số tăng quá nhanh, làm cho nhu cầu tiêu dùng tăng, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

Đảng và Nhà nước chưa kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu bao cấp để chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Do bảo thủ, tập trung quan liêu, thiếu linh hoạt, nhay bén, chỉ đạo và điều hành có nhiều khuyết điểm, tư tưởng ỷ lại vào viện trợ bên ngoài còn nặng, cho nên chúng ta đã chậm đổi mới chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế. Các chính sách và biện pháp của Đảng và Nhà nước về phân phối, lưu thông vẫn chưa được giải quyết về cơ bản vì vẫn tiếp tục duy trì các vấn đề giá, lương và các vấn đề kinh tế trên cơ sở cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp.

Đồng chí Lê Duẩn nhận định về giá - lương - tiền tuy đã tiến hành cải cách nhưng là cải cách nửa vời; hạch toán kinh tế hình thức; duy trì giá mua và giá bán thấp; diện bao cấp còn quá rộng; Nhà nước không làm chủ được giá, làm cho tình hình giá cả tiếp tục diễn biến xấu, để cho giá nhà nước định trở nên thấp dưới giá trị quá nhiều, gây nên những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng

xấu đến tiền lương của cán bộ, công nhân, viên chức.

Để giải quyết vấn đề giá, lương, tiền, Trung ương Đảng chủ trương tập trung thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định đời sống nhân dân lao động, tạo dần nguồn tích lũy, hoàn thành việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, phát triển kinh tế gia đình, góp phần tăng cường quốc phòng và an ninh. Cái chốt của vấn đề cần phải tháo gỡ là tập trung xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong giá, lương, coi đó là yêu cầu cấp bách, là khâu đột phá có tính quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Yêu cầu xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong giá, lương, tiền là phải tính đủ chi phí hợp lý trong giá thành sản phẩm; xóa bỏ tình trạng Nhà nước mua giá thấp, bán giá thấp và bù lỗ bất hợp lý; thực hiện cơ chế một giá thay cho cơ chế hai giá trước đó; tăng cường việc quản lý giá. Thực hiện phân phối theo lao động; tiền lương thực tế phải thực sự bảo đảm cho người ăn lương sống chủ yếu bằng tiền lương. Xác lập quyền tự chủ về tài chính của các ngành kinh tế, kỹ thuật, các địa phương và đơn vị cơ sở gắn liền với sửa đổi cơ chế kế hoạch hóa và quản lý. Nhanh chóng chuyển hẳn công tác ngân hàng sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy hiệu quả kinh tế của đồng vốn làm tiêu chuẩn hàng đầu trong hoạt động tín dụng của ngân hàng.

Những chuyên gia xây dựng Nghị quyết 25 đề nghị Tổng Bí thư Lê Duẩn phát biểu cho một số biện pháp lớn trong việc giải quyết vấn đề giá, lương, tiền. Tổng Bí thư Lê Duẩn nêu vấn đề trước hết phải xác định giá phù hợp với giá trị và với sức mua thực tế của đồng tiền; phải biết vận dụng quy luật giá trị và quan hệ cung cầu.

Có người hỏi: Trong khi định giá thì lấy cái gì làm chuẩn? Tổng Bí thư nói: Lấy thóc làm chuẩn. Câu nói này đã được đưa vào Nghị quyết 26. Thực ra lấy thóc làm chuẩn chỉ là cách định tương đối. Nhưng ngoài thóc ra, những cái khác kể cả như vàng, cũng không thể thông dụng bằng thóc. Vì vậy, việc lấy thóc làm chuẩn là có cơ sở.

Đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh, chính sách tiền lương phải quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động, xóa bỏ bao cấp, từng bước khắc phục chủ nghĩa bình quân, chênh lệch bất hợp lý; bãi bỏ chế độ tem phiếu và trả lương bằng tiền; sắp xếp lại các mức lương, thang lương, phụ cấp, tiền thưởng, điều chỉnh chế độ trợ cấp xã hội.

Về chính sách tài chính tiền tệ, cần coi trọng việc điều chỉnh mối quan hệ giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, thực hiện chế độ phân cấp ngân sách trên cơ sở ba cấp cùng làm chủ, bảo đảm sự nhất trí giữa ba lợi ích (toàn xã hội, tập thể, cá nhân người lao động). Thực hiện việc cải tiến lưu thông tiền tệ, tăng

cường sự kiểm soát tài chính, tiền mặt, nghiêm trị mọi hành vi tham ô, lập quỹ đen.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khóa V) thể hiện sự đột phá trong tư duy kinh tế của Đảng, đưa nền kinh tế nước ta vào quỹ đạo mới, phù hợp với những quy luật khách quan trong chặng đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nghị quyết Trung ương 8 thể hiện quyết tâm của Đảng ta trong việc đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện, chúng ta đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng trong bước đi và biện pháp tổ chức thực hiện.

Nghị quyết số 25 ra đời được ít lâu, Bộ Chính trị và Chính phủ chủ trương đổi tiền cùng một lúc với việc điều chỉnh giá cả và tiền lương.

Ngày 13-9-1985, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước công bố lệnh đổi tiền trong cả nước với tỷ lệ mười đồng tiền cũ lấy một đồng tiền mới. Cuộc đổi tiền đã gây không khí căng thẳng trong nhân dân. Lạm phát tăng vọt. Năm 1986, tỷ lệ lạm phát lên tới 774%. Giá trị của đồng tiền mới xuống thấp ngang với giá trị của đồng tiền cũ trước đó. Nhiều gia đình gom góp được ít tiền, sau khi đổi gần như mất sạch. Đời sống cán bộ, công nhân, viên chức gặp rất nhiều khó khăn. Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.

Từ thực tiễn đổi tiền năm 1985 chúng ta đã rút ra bài

học kinh nghiệm là khi chưa chuẩn bị đủ điều kiện mà đổi tiền, đồng thời tổng điều chỉnh giá và lương một cách vội vàng, nhất là không có đủ số lượng hàng hóa cần thiết bảo đảm thì hậu quả rất nặng nề. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng nhận định: "Việc giải quyết vấn đề giá, lương, tiền đã phạm sai lầm. Thiếu biện pháp đồng bộ, có hiệu quả để Nhà nước nắm được hàng và tiền. Các giải pháp cụ thể về định mức giá và quản lý giá, về định mức lương và quản lý quỹ lương, về đổi tiền và bước đi trong việc điều chỉnh giá, lương, tiền được tiến hành thiếu chuẩn bị chu đáo, không phù hợp với tình hình thực tế.

Sai lầm trong lĩnh vực phân phối, lưu thông là sai lầm rất nghiêm trọng trong lãnh đạo và quản lý kinh tế 5 năm qua"¹. Những sai lầm nói trên là trách nhiệm của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, trong đó có trách nhiệm của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn .

Cùng với việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, đồng chí Lê Duẩn rất chú trọng chỉ đạo giải quyết vấn đề xây dựng đảng, tổ chức bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Trong các năm 1981, 1982, 1983, 1984, đồng chí Lê Duẩn đã liên tiếp phát biểu nhiều ý kiến xoay quanh hiện tượng tiêu cực và chống tiêu cực trong Đảng và trong bộ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr. 359.

máy chính quyền các cấp. Tại các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, đồng chí thường đề cập đến vấn đề này. Đồng chí muốn cho phép nước nghiêm và kỷ luật trong Đảng được chặt chẽ.

Ngày 14-5-1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 108-CT/TW, *Về việc tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong năm 1981*. Ngày 29-6-1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 111-CT/TW *Về việc lãnh đạo bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ*. Ngày 13-9-1982, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 07-CT/TW *Về việc lãnh đạo thi hành pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép*.

Ngày 28-10-1983, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 27-CT/TW *Về một số chính sách xử lý đối với cán bộ, đảng viên phạm sai lầm*. Ngày 25-10-1984, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 51-CT/TW *Về việc tăng cường lãnh đạo cuộc vận động thực hiện nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, xóa bỏ tệ nạn xã hội, quét sạch văn hóa phản động, đồi trụy, v.v..* Các chỉ thị của Ban Bí thư đều mang tính chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và của Tổng Bí thư.

Lúc này, các hiện tượng tiêu cực phát sinh phổ biến. Tài sản xã hội chủ nghĩa bị lấy cắp, mất mát nhiều. Tệ hối lộ xảy ra ở nhiều ngành, nhiều cấp, vừa tinh vi vừa trắng trợn. Tệ ức hiếp quần chúng phát sinh ở nhiều cơ sở. Việc làm ăn phi pháp, đầu cơ, buôn lậu chưa bị đẩy lùi, có mặt phát triển, phức tạp.

Đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác lo lắng trước tình hình nói trên. Trung ương đòi hỏi các tỉnh ủy, thành ủy, các bộ, ban, ngành cùng các đoàn thể ở Trung ương và các cấp ủy đảng trong quân đội, công an phải nêu cao ý thức trách nhiệm, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, làm trong sạch các cơ sở đảng, chính quyền, công an, quân đội, các đoàn thể. Phải bằng mọi cách quản lý tài sản xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn và khắc phục có hiệu quả tệ ăn cắp của công. Phải tìm cách chặn đứng tệ hối lộ, úc hiếp quần chúng. Cần phải kiên quyết đấu tranh loại trừ tệ tham nhũng ra khỏi đời sống xã hội, bảo vệ uy tín của Đảng, Nhà nước, bảo vệ lợi ích của nhân dân. Phải kiểm tra lại tổ chức, đặc biệt là những cơ quan quản lý, phân phối vật tư, hàng hóa, giữ tiền, những cơ quan giải quyết về việc nhà đất, việc làm, cho đi học nước ngoài, khám xét, đăng ký kinh doanh, đăng ký hộ khẩu, thuế vụ, hải quan, xử án... Cần phải điều chuyển ngay những người đã vi phạm trong khi chờ bị xử lý và bố trí người tin cậy để thay thế. Ở những cơ quan cấp trên, trong sinh hoạt thường kỳ của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể phải tập trung kiểm điểm tình hình đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, phê phán những sơ hở, thiếu sót, những hiện tượng hối lộ, kịp thời phát hiện và chủ động ngăn ngừa những hiện tượng vi phạm, nhằm tăng cường quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức. Trung ương và

Chính phủ yêu cầu các báo, tạp chí phải đăng lên báo, tạp chí những vụ án hối lộ nghiêm trọng.

Bên cạnh việc trừng trị tội hối lộ, phải trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép. Phải làm cho cán bộ, đảng viên nhận rõ cuộc đấu tranh chống các tội phạm thực chất là cuộc đấu tranh trong lĩnh vực lưu thông phân phối. Phải tập trung khả năng chống đầu cơ, buôn lậu những mặt hàng chiến lược lương thực, xăng dầu, vàng bạc, đá quý, ngoại tệ, hàng tiêu dùng thiết yếu. Phải tuyên chiến với những bọn đầu cơ, buôn lậu. Cần phát hiện và đánh trúng bọn gian thương lớn, bọn cầm đầu những tổ chức đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, nghiêm trị bọn có hành động phạm các tội trên mang tính chất phá hoại kinh tế và tiếp tay cho những kẻ làm ăn phi pháp. Phải xử lý kỷ luật thật nghiêm với bất cứ ai trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức, chiến sĩ quân đội, công an phạm pháp và bao che cho người phạm pháp. Tập trung kiểm tra, kết luận để xử lý các trường hợp thoái hóa, biến chất, lợi dụng chức quyền để ăn cắp của công, ăn hối lộ, thông đồng với gian thương để làm giàu, ức hiếp quần chúng. Phải kiên quyết đưa ra truy tố trước pháp luật những cán bộ lợi dụng chức quyền để làm những việc sai trái, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước. Đối với cán bộ, đảng viên có cuộc sống xa hoa,

nghe có nguồn thu nhập bất minh thì đảng ủy, chi bộ yêu cầu báo cáo rõ nguồn thu nhập. Trung ương chỉ thị nếu ai không báo cáo rõ nguồn thu nhập chính đáng, thì phải xét ngay tư cách đảng viên và tùy theo mức độ sai phạm có thể xử lý theo pháp luật hoặc thi hành kỷ luật của Đảng. Cần kết hợp chặt chẽ giữa động viên tính tự giác của cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, lắng nghe ý kiến phát hiện của quần chúng với công tác kiểm tra, thanh tra để có kết luận chính xác, xử lý đúng.

Tình hình ăn hối lộ, úc hiếp quần chúng, tham nhũng, đầu cơ tích trữ, buôn lậu, phạm pháp phát sinh đồng thời với những tệ nạn xã hội, hủ tục, mê tín dị đoan, văn hóa phản động, đồi trụy.

Trung ương và Chính phủ coi việc xây dựng nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan là một bộ phận trọng yếu của cách mạng tư tưởng và văn hóa nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có nếp sống lành mạnh, tiến bộ, văn minh. Phải kiên quyết bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, chống các tệ nạn xã hội.

Đi đôi với chống kiên quyết, phải xây dựng các mặt tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hóa. Thực hiện nghiêm ngặt chế độ trách nhiệm và chế độ kỷ luật đối với việc quản lý cán bộ, đảng viên.

Những chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn trên tất cả các mặt công tác đối nội và đối ngoại đều nhằm một mục đích: Kiên quyết đi theo phương hướng, chiến lược đã

vạch ra, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Ngày 26-8-1982, đồng chí Lê Duẩn đến thăm tỉnh Tiền Giang. Tại đây, đồng chí có bài nói chuyện quan trọng xoay quanh chủ đề *kiên quyết tiến bước theo phương hướng chiến lược đã vạch ra*. Tình hình sức khỏe ngày càng suy giảm làm cho đồng chí suy nghĩ nhiều về một đảng lãnh đạo chính quyền. Đồng chí biết rõ quỹ thời gian của mình không còn nhiều. Vì vậy, suốt bốn năm cuối đời, đồng chí tập trung suy nghĩ về đường lối chiến lược của Đảng, muốn góp thêm tiếng nói với những người kế tục sự nghiệp của mình sau khi đồng chí qua đời. Bài nói tại Tiền Giang là sự mở đầu cho một tìm tòi về đường lối chiến lược mới của Đảng.

Đồng chí Lê Duẩn khẳng định lại một lần nữa tính đúng đắn, sáng tạo của con đường mà Bác Hồ và Đảng ta đã lựa chọn : độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng chí coi đó là bài học lớn nhất của cách mạng nước ta, chẳng những đúng trong cách mạng dân tộc, dân chủ trước đây mà còn đúng cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Cái mới ở đây chính là tiếp tục khẳng định cái cũ còn nguyên giá trị.

Về kinh tế, đồng chí Lê Duẩn nhận định, chúng ta đang gặp rất nhiều khó khăn vấp vấp trong quản lý và điều hành nền kinh tế. Điều quan trọng là phải từ thực

tiến cách mạng mà rút ra bài học để thấy sáng đường đi của mình, vững vàng tiến bước theo phương hướng chiến lược đã được vạch ra. Đó là phương hướng phát triển kinh tế “gắn ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp, để tiến lên hình thành trong cả nước cơ cấu công-nông nghiệp hiện đại, phải xây dựng kinh tế trung ương, đồng thời phát triển kinh tế địa phương, kết hợp hai bộ phận đó thành một thể thống nhất trong nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa”¹. Đồng chí chỉ rõ: trong chặng đường đầu tiên hiện nay, ta phải từ nông nghiệp mà đi lên, coi việc phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu; đồng thời, từng bước xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Để phục vụ nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, phải tìm mọi cách đẩy mạnh xuất, nhập khẩu. Đồng chí xem đó như một quy luật kinh tế tất yếu của Việt Nam trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Nhấn mạnh vấn đề phát triển nông nghiệp và đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, đồng chí Lê Duẩn đồng thời đặt vấn đề phải từng bước xây dựng các ngành công nghiệp nặng then chốt, nhất là năng lượng, luyện kim, cơ khí.

Tổng Bí thư Lê Duẩn tiếp tục chủ trương xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Lần này đồng chí nói cụ thể hơn là “làm chủ tập thể ở ba cấp cơ

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, t.4, tr. 505.

bản: làm chủ trong cả nước, làm chủ trong địa phương (tức là ở tỉnh, huyện), làm chủ cơ sở (tức là trong xí nghiệp, hợp tác xã) và làm chủ trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế¹. Cần phải thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đồng chí nêu vấn đề: sẽ sai lầm trong lãnh đạo, chỉ đạo kinh tế - xã hội nếu không chú trọng xây dựng địa phương (tỉnh, huyện, xã, thôn và cấp tương đương). Có người hỏi: Trong điều kiện hiện nay, vốn, vật tư của Trung ương có hạn, không thể đáp ứng được tất cả mọi yêu cầu, vậy phải làm thế nào? Đồng chí trả lời: Đúng là có tình hình như vậy. Vấn đề đặt ra là địa phương phải chủ động dựa vào lao động, ruộng đất của mình và tự tạo thêm vốn đầu tư thông qua đẩy mạnh xuất khẩu và huy động lực lượng nhân dân đóng góp sức người, sức của một cách hợp lý vào việc xây dựng kinh tế, văn hoá.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng chí Lê Duẩn cho rằng cần phải tạo ra cao trào thi đua lao động sản xuất và xây dựng. Đồng chí kêu gọi phải đưa khẩu hiệu: “Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân” vào hành động của mọi người. Cần làm cho ai cũng tin rằng, người Việt

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, t.4, tr. 506.

Nam ta chẳng những có đủ sức tự giải phóng mà còn có năng lực nắm bắt những thành tựu khoa học, kỹ thuật hiện đại để đưa nước nhà tiến kịp trình độ các nước công nghiệp phát triển.

Trung tâm để giải quyết mọi vấn đề trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, theo đồng chí Lê Duẩn chính là vấn đề Đảng và xây dựng đảng. Đồng chí quan niệm khắc phục những khó khăn và khuyết điểm, sai lầm, chuyển được tình hình không phải là vấn đề đơn giản, một sớm, một chiều. Muốn tạo ra sự chuyển biến, cần phải phấn đấu trên nhiều mặt, phải chuyển toàn diện, chuyển trên tất cả các lĩnh vực, từ cụ thể hoá đường lối đến hệ thống quản lý và tổ chức thực hiện, từ Trung ương đến cơ sở. Đặc biệt là bản thân Đảng phải chuyển, chú ý củng cố cơ sở đảng, không coi nhẹ sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp, các ngành.

Một lần nữa, đồng chí Lê Duẩn nhắc đến vấn đề quyết định nhất trong công tác xây dựng đảng là vấn đề cán bộ. Phải kiên quyết, khẩn trương bố trí, sắp xếp lại cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các cấp uỷ, các ban của đảng, các cơ quan của Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh; đưa những người thực sự có tinh thần trách nhiệm và năng lực lên làm việc; có kế hoạch đồng bộ và kiên quyết bồi dưỡng đội ngũ kế thừa. Phải kết hợp cho đúng ba loại cán bộ: cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật. Đào tạo và bồi dưỡng

nhanh đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế. Phải thực hiện ngay và thực hiện đều đặn chế độ bắt buộc cán bộ các cấp học tập về lý luận kinh tế, về tổ chức và quản lý kinh tế, về chế độ đi xuống cơ sở để nắm tình hình. Đồng chí chủ trương đưa một số cán bộ cấp chiến lược có trình độ lý luận vào những vị trí trọng trách của Đảng và Nhà nước. Nhưng trước đó, những cán bộ này cần phải được điều động về phụ trách một số địa phương để thâm nhập thực tế.

Bài nói của đồng chí Lê Duẩn ở tỉnh Tiền Giang là lời tâm huyết của người lãnh đạo trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng suốt 26 năm.

Là một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam, cho đến những ngày cuối đời, đồng chí Lê Duẩn vẫn nung nấu, tâm huyết suy nghĩ để hoàn chỉnh quan niệm của mình về chủ nghĩa xã hội, con đường quá độ lên chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong đó, vấn đề mà đồng chí coi là "cốt tử", điều kiện quyết định đảm bảo thành công sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là xây dựng đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, có phương thức thích hợp để lãnh đạo chính quyền nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo động lực vĩ đại cho sự phồn vinh dân tộc. Rất tiếc, do sức khỏe giảm sút nhanh chóng, đồng chí không kịp đưa ra lời giải cho hàng loạt vấn đề mà đồng chí đã đặt ra và dày công suy nghĩ.

Vào hồi 3 giờ 3 phút, ngày 10-7-1986, do tuổi cao, bệnh nặng, đồng chí Lê Duẩn đã từ trần, thọ 79 tuổi. Sự ra đi của đồng chí để lại niềm đau buồn, tiếc thương vô hạn cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và bạn bè quốc tế.

Chương VI

LÊ DUẨN - NHÀ LÃNH ĐẠO KIỆT XUẤT CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Đồng chí Lê Duẩn, hay Anh Ba - như cách gọi trìu mến và kính trọng của đồng chí, đồng bào - là một nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và nhân dân ta, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lý luận cách mạng sáng tạo, người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cho tự do, hạnh phúc của nhân dân và lý tưởng cộng sản.

Cuộc đời đồng chí Lê Duẩn là một tấm gương cao đẹp của một chiến sĩ cộng sản, kiên cường, quả cảm, luôn nêu cao tinh thần cách mạng tiến công; một nhà lãnh đạo có bản lĩnh và tài năng; một con người trung thực và giản dị, có tình cảm sâu sắc đối với đồng chí, đồng bào.

Đồng chí Lê Duẩn - người cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam

Xuất thân từ một gia đình lao động, có truyền

thống yêu nước, đồng chí Lê Duẩn sớm giác ngộ cách mạng, đến với *Đường cách mệnh* của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tham gia *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* từ đầu năm 1929 và trở thành một trong những đảng viên lớp đầu của Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuộc đời hoạt động gần 60 năm của đồng chí gắn liền với quá trình cách mạng nước ta từ những năm hai mươi đến những năm tám mươi của thế kỷ XX.

Là một người cộng sản trưởng thành qua các cuộc đấu tranh cách mạng khốc liệt của dân tộc ta, đồng chí Lê Duẩn luôn thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác-Lênin, với lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đồng chí đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Cũng như nhiều chiến sĩ cộng sản lớp đầu tiên của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã hai lần bị địch bắt, bị tra tấn, hành hạ và bị giam cầm hơn 10 năm ở nhiều nhà tù của đế quốc, thực dân.

Sự hung dữ, tàn bạo của kẻ thù không khuất phục được đồng chí, ngược lại, càng tôi luyện thêm ý chí cách mạng, rèn đúc thêm trí tuệ, phẩm chất và tài năng, làm cho đồng chí sau này trở thành người lãnh đạo được quần chúng tin yêu, đồng chí, bạn bè cảm phục.

Trong hoàn cảnh khắc nghiệt của ngục tù, đồng chí đã cùng với các đồng chí của mình biến nhà tù đế quốc

thành trường học cách mạng. Đồng chí là tấm gương sáng về tự học - tự rèn luyện, không ngừng vượt qua gian khổ, hy sinh để trở thành một người cộng sản có trí tuệ lớn, tài năng lớn. Sau mỗi lần thoát khỏi nhà tù đế quốc, đồng chí lại có mặt ngay ở những nơi khó khăn, gian khổ nhất để hoạt động, tuyên truyền cách mạng.

Năm 1936, rời Nhà tù Côn Đảo trở về, bất chấp sự đe dọa, quản thúc của kẻ thù, mặc dù sức khoẻ giảm sút sau những năm tháng bị tù đầy, đồng chí lặn lội khắp các nẻo đường miền Trung để chấp nối liên lạc, tuyên truyền, vận động cách mạng. Chỉ sau một thời gian ngắn, các cơ sở cách mạng của Đảng dần dần được khôi phục. Cơ quan lãnh đạo của Đảng từ cấp cơ sở đến huyện, tỉnh và Xứ uỷ từng bước được lập lại. Vận dụng Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và Chỉ thị của Trung ương trước tình hình mới, trong vai trò Bí thư Xứ uỷ, đồng chí đã lãnh đạo các tổ chức đảng phát động quần chúng đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, xuất bản báo chí, lợi dụng nghị trường làm diễn đàn đấu tranh. Nhờ vậy, phong trào cách mạng được duy trì và phát triển sâu rộng ở miền Trung, góp phần vào những thắng lợi quan trọng trong cao trào đấu tranh cách mạng trên cả nước thời kỳ 1936-1939.

Năm 1945, lần thứ hai rời Nhà tù Côn Đảo, đồng chí trở về Nam Bộ. Sự tham gia của đồng chí Lê Duẩn và các cựu tù chính trị Côn Đảo đã góp phần không nhỏ

vào việc củng cố và tăng cường cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Nam Bộ cả về tư tưởng và tổ chức.

Lúc này, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đang trong thời kỳ gay go, lực lượng cách mạng còn mỏng, lại phân tán. Đại hội Đảng bộ Xứ được triệu tập, đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư Xứ uỷ. Trên cương vị này, đồng chí đã đề ra một loạt chủ trương quan trọng: mở rộng chiến tranh nhân dân; thực hiện dân chủ ở nông thôn, tịch thu ruộng đất của bọn thực dân Pháp và địa chủ Việt gian phản động, tạm cấp cho dân cày nghèo; chỉ đạo phong trào đấu tranh ở đô thị; giải quyết thành công vấn đề tôn giáo, làm tốt công tác vận động nhân sĩ, trí thức, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; đặc biệt là tăng cường công tác xây dựng đảng. Nhờ giải quyết tốt vấn đề nông dân và liên minh công - nông - trí trong cách mạng dân tộc dân chủ, nên cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ không ngừng được đẩy mạnh, vùng giải phóng ngày càng được mở rộng.

Hình ảnh người chiến sĩ cách mạng đáng cao gầy, trong bộ quần áo nâu, đi chân đất, chèo thuyền đi khắp các vùng kênh rạch Nam Bộ để chỉ đạo phong trào, cho đến nay vẫn còn in đậm trong tâm trí nhiều người dân Nam Bộ.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951), đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Trên cương vị Bí thư Trung ương

Cục miền Nam, đồng chí đã thay mặt Trung ương Đảng và Bác Hồ, trực tiếp lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Nam Bộ, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cả nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng chí tiếp tục ở lại miền Nam để lãnh đạo phong trào cách mạng. Trong những năm tháng vô cùng gian khổ, khó khăn dưới chế độ độc tài Mỹ-Diệm, sống trong lòng nhân dân và được nhân dân bảo vệ, đồng chí đã vượt qua bao gian nan, nguy hiểm, đi khắp các địa bàn Nam Bộ, từ bưng biển Đồng Tháp đến trung tâm Sài Gòn - Chợ Lớn để nắm bắt tình hình, củng cố các cơ sở cách mạng, suy nghĩ và dự thảo *Đề cương cách mạng miền Nam*. *Đề cương* khẳng định: “Trong hoàn cảnh đó, nhân dân ta ở miền Nam *chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng*. Ngoài con đường đó, không có con đường nào khác”¹. Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn của cách mạng miền Nam lúc đó, *Đề cương* đã dấy lên niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng trong đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân, và là cơ sở để Đảng ta đề ra đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam trong những năm tiếp theo.

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr. 78.

Giữa năm 1957, đồng chí được Trung ương điều ra Hà Nội công tác bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

Tình hình trong nước và quốc tế thời gian này hết sức phức tạp. Miền Bắc đang phải khắc phục hậu quả chiến tranh, sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất. Miền Nam, đồng bào ta phải đương đầu với cuộc chiến tranh đơn phương hết sức tàn bạo do Mỹ - Diệm gây ra. Khắp nơi đầu rơi, máu chảy. Khả năng hoà bình thống nhất nước nhà không còn nữa.

Trên thế giới, trong khi các cường quốc thực dân cũ bị suy yếu, thì Mỹ trở thành tên đế quốc siêu cường, mưu toan làm bá chủ toàn cầu. Nhiều liên minh quân sự được thiết lập, nhằm ngăn chặn trào lưu cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ. Trong phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế đã xuất hiện nhiều bất đồng về đường lối dẫn đến sự đối lập công khai.

Được Trung ương phân công phụ trách công việc chung của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã hoàn thành một cách xuất sắc vai trò người lãnh đạo công tác chuẩn bị những quyết sách chiến lược về nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước cũng như nhiệm vụ cụ thể của cách mạng hai miền để báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị trước khi đưa ra trình Hội nghị Trung ương 15 (khóa II) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

Với cương vị là người đứng đầu Ban Chấp hành Trung ương suốt 26 năm liền, đồng chí Lê Duẩn đã góp phần quan trọng cùng với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoạch định, hoàn thiện đường lối và phương pháp cách mạng, đường lối và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh nhân dân của Đảng ta. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời (1969), đồng chí đã cùng với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng kế tục và hoàn thành xuất sắc tâm nguyện của Người: đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, làm nên một kỳ tích của dân tộc ta, một trong những sự kiện vĩ đại của lịch sử cận đại thế giới trong thế kỷ XX.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của trí tuệ và văn hoá dân tộc được phát huy trong suốt 30 năm đấu tranh anh dũng, đầy gian khổ hy sinh của quân và dân hai miền Nam - Bắc. Thắng lợi đó gắn liền với sự lãnh đạo tài trí, sáng suốt, kiên quyết, dũng cảm của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đồng thời cũng gắn liền với Bộ Tư lệnh tối cao của cách mạng Việt Nam, gồm những học trò xuất sắc của Bác Hồ, những nhà chính trị, nhà quân sự tài năng, mưu lược, dũng cảm, mà người đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn.

Cùng với sự chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương tập trung suy nghĩ về con đường đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu, cơ sở vật chất - kỹ thuật nhỏ bé, để tìm ra hình thức, biện pháp, bước đi thích hợp. Sau khi đất nước thống nhất, cả nước cùng bước vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, tại các Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ IV (1976), lần thứ V (1982) và nhiều Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với Đảng ta từng bước xây dựng một hệ thống quan điểm về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Hoài bão của đồng chí là tìm ra những quy luật khách quan từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Ước mơ cháy bỏng của đồng chí là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, để nhân dân ta sớm có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Cần làm nhanh để tranh thủ thời cơ lớn sau chiến thắng chống xâm lược.

Đánh giá cuộc đời cách mạng lâu dài và phong phú cùng những phẩm chất cách mạng cao quý của đồng chí Lê Duẩn, Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã viết: “Đó là lòng trung thành vô hạn vì lợi ích tối cao của Tổ quốc và nhân dân, với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cao cả. Phẩm chất cách mạng cao

quý của đồng chí được thể hiện ở tinh thần cách mạng tiến công không ngừng. Bất chấp mọi thử thách của nhà tù đế quốc, của cuộc sống gian khổ kéo dài ở các chiến khu, cũng như những năm tháng hoạt động trong vùng địch tạm kiểm soát, đồng chí luôn luôn nêu cao nghị lực kiên cường, sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân”.¹

Đồng chí Lê Duẩn - nhà lý luận xuất sắc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam

Sinh thời, đồng chí Lê Duẩn hay nhắc tới luận điểm nổi tiếng của Lênin: *"Chân lý là cụ thể"*, và theo đồng chí, chân lý là cụ thể nên cách mạng là sáng tạo. Bản thân đồng chí là sự thể hiện xuất sắc luận điểm đó trong tư duy và hoạt động thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam để trở thành một nhà lý luận lớn, nhà lý luận có tầm cỡ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

“Là một nhà mácxít - lêninnít chân chính, đồng chí Lê Duẩn luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, xuất phát từ tình hình thực tế, phân tích, giải quyết những vấn đề

1. "Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đọc tại lễ truy điệu đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn", báo *Nhân Dân*, ngày 16-7-1986.

mới do cuộc sống đề ra. Sự sáng suốt của đồng chí thể hiện nổi bật trước những bước ngoặt của lịch sử và những tình huống phức tạp”¹. Được rèn luyện trong thực tiễn cách mạng trên cả ba miền của đất nước, với tư duy độc lập, sáng tạo, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đồng chí Lê Duẩn đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần rất quan trọng trong việc hình thành đường lối chiến lược và phương pháp cách mạng của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ, trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc cũng như trong tìm tòi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tư duy lý luận độc lập, sáng tạo của đồng chí Lê Duẩn được thể hiện từ rất sớm. Tiêu biểu là những đóng góp của đồng chí cùng với đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ vào Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (11-1939) về *vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc*. Chiến tranh thế giới thứ hai vừa bùng nổ, Đảng ta đã kịp thời chỉ đạo chuyển hướng chiến lược “... liên hiệp tất cả các dân tộc, các giai cấp, các đảng phái phản đế để đánh đổ đế quốc làm cách mệnh giải

1. "Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn", báo *Nhân Dân*, ngày 16-7-1986.

phóng dân tộc” và kêu gọi “công nông phải đưa cao cây cờ dân tộc lên”¹. Chủ trương này đã được Hội nghị Trung ương 8 kế thừa, phát triển và hoàn thiện, từ đó dẫn đến thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 lịch sử.

Tháng 2-1951, Đảng ta tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II. Không ra dự Đại hội được, đồng chí Lê Duẩn đã viết bản kiến nghị quan trọng gửi Đại hội. Từ tổng kết những bài học kinh nghiệm của Đảng qua các thời kỳ lịch sử và nhất là từ thực tiễn kháng chiến ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn đã đề xuất nhiều kiến nghị quan trọng bổ sung và phát triển đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam.

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, đồng chí Lê Duẩn trở lại trực tiếp chỉ đạo cách mạng miền Nam. Từ tổng kết bài học xương máu thời kỳ này, đồng chí Lê Duẩn đã cùng Xứ uỷ Nam Bộ thảo ra “*Đề cương cách mạng miền Nam*”. Tinh thần cốt lõi của “*Đề cương*” sau này được thể hiện đầy đủ trong Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 (1959), mở ra bước ngoặt cho cách mạng miền Nam. Những tư tưởng ấy tiếp tục được bổ sung, phát triển trong những năm 1960, 1970, là những đóng góp có ý nghĩa quyết định, dẫn đến đại thắng mùa Xuân 1975.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr. 533 và 540.

Những cống hiến lý luận của đồng chí Lê Duẩn vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc được thể hiện trong những tư tưởng chiến lược chủ yếu sau đây:

- Tư tưởng dám đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ. Quyết tâm chiến lược này thể hiện ý chí kiên cường, bất khuất của toàn dân tộc đồng thời là kết quả của tư duy cách mạng, khoa học, sáng tạo trong đánh giá đúng tương quan lực lượng, năng lực lãnh đạo và khả năng biết khởi đầu, biết điều khiển và biết kết thúc chiến tranh đúng lúc và có lợi nhất cho cách mạng.

- Tư tưởng chiến lược tiến công và nghệ thuật đánh thắng từng bước, đánh bại từng âm mưu, đánh đổ từng bộ phận tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Tư tưởng chiến lược này là sản phẩm của sự kế thừa và tiếp tục bản chất cách mạng của học thuyết Mác-Lênin về cải tạo thế giới, đồng thời kế thừa và nâng lên đỉnh cao nghệ thuật quân sự truyền thống của một dân tộc nhỏ trong lịch sử đã luôn luôn phải đương đầu và đánh thắng những thế lực xâm lược hung bạo nhất.

- Quan điểm sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, với hai hình thức đấu tranh cơ bản: đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

- Tư tưởng chiến lược đánh địch và thắng địch bằng sức mạnh tổng hợp. Đó là sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, sức mạnh của cả nước đánh giặc, sức

mạnh của ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; sức mạnh dân tộc gắn liền với sức mạnh ba dòng thác cách mạng của thời đại. Đó là tư tưởng chiến lược đánh địch trên ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao; trên ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị; bằng ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận.

Những tư tưởng chiến lược nói trên của Đảng - mà người thiết kế chủ yếu là đồng chí Lê Duẩn, là nhân tố quan trọng hàng đầu để dân tộc ta lập nên những chiến công lịch sử có ý nghĩa thời đại trong thế kỷ XX.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm đưa nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa - một sự nghiệp vĩ đại nhất chưa từng có trong lịch sử dân tộc, đồng chí Lê Duẩn đã có những suy nghĩ, trăn trở, tìm tòi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện của Việt Nam, với lịch sử - văn hoá, kinh tế - xã hội và con người Việt Nam. Những quan điểm cơ bản của đường lối đó là:

- Tư tưởng giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đó là điều cơ bản nhất trong đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là con đường đảm bảo chắc chắn cho độc lập dân tộc.

- Tư tưởng về phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, nhằm xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Quan niệm về thực chất của chuyên chính vô sản là chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nòng cốt là khối liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, thông qua Nhà nước - một Nhà nước do chính nhân dân lập ra và tự mình nắm quyền điều khiển. Đó là chế độ làm chủ của nhân dân lao động mà Cương lĩnh năm 1991 của Đảng đã khẳng định. Đây là đặc trưng bao trùm của chế độ xã hội mà nhân dân ta xây dựng. Đó là chế độ làm chủ của nhân dân trên cả ba mặt: làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Chế độ làm chủ đem lại cho nhân dân ba công cụ mạnh nhất: quyền lực chính trị, sức mạnh của kinh tế, khoa học - kỹ thuật và sức mạnh của tư tưởng - văn hoá. Chế độ làm chủ kết hợp được sức mạnh của cả ba cấp làm chủ: cả nước, địa phương và cơ sở; đồng thời kết hợp được hài hoà cả ba lợi ích: lợi ích toàn xã hội là lợi ích tối cao, lợi ích của tập thể là rất quan trọng và lợi ích cá nhân người lao động là trực tiếp. Kết hợp hài hoà ba lợi ích sẽ tạo nên động lực to

lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Chế độ làm chủ vừa phát huy sức mạnh của cả cộng đồng vừa phát huy sức mạnh của từng cá nhân được giải phóng. Quan điểm về cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta, nhằm mục tiêu thực hiện quyền làm chủ thực sự của nhân dân.

- Quan niệm về thời kỳ quá độ, bước đi ban đầu, chặng đường đầu tiên và nhiệm vụ lịch sử của chặng đường này.

- Quan điểm về công nghiệp hoá là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ và nhiệm vụ chủ yếu của công nghiệp hoá trong chặng đường đầu tiên là đưa nông nghiệp lên một bước sản xuất lớn.

- Tư tưởng chiến lược về tranh thủ thời gian xây dựng những cơ sở vật chất - kỹ thuật trọng yếu, nhằm từng bước hình thành nền kinh tế độc lập, tự chủ. Chính từ tư tưởng chỉ đạo này mà trong thập niên 70 - 80 của thế kỷ XX, dù phải đương đầu với bao vây cấm vận của kẻ thù, dù phải dồn sức khắc phục hậu quả chiến tranh, Nhà nước ta vẫn dành một phần quan trọng để xây dựng những công trình quan trọng về dầu khí, khai khoáng, sắt thép, điện, xi măng, cơ khí, phân bón, vải, giấy,... Từ đó đã ra đời các công trình lớn như thuỷ điện Sông Đà, Trị An, nhiệt điện Phả Lại, xi măng Bỉm Sơn, Hoàng Thạch, đóng tàu Bạch Đằng, dầu khí

Vietsovpetro Ngày nay, những công trình này đang phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, cùng với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đã lãnh đạo Đảng ta khởi động quá trình đổi mới tư duy kinh tế, bắt đầu từ Hội nghị Trung ương 6 khoá IV và được phát triển một bước trong những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX với những chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế phân phối lưu thông mà trước hết là chính sách giá - lương - tiền.

Với tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tiến công, tình cảm cách mạng sâu sắc và mong muốn cháy bỏng sớm “đưa nước ta hùng mạnh ngang tầm với các nước giàu có trên thế giới”, đồng chí Lê Duẩn rất tâm huyết trong việc tìm tòi con đường đi riêng của Việt Nam để quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tư duy sáng tạo của đồng chí Lê Duẩn luôn luôn bắt rễ từ thực tiễn Việt Nam, từ truyền thống văn hoá - tinh thần Việt Nam, từ thực tiễn đi tới lý luận, dùng lý luận để soi sáng thực tiễn. Tư duy lý luận của đồng chí Lê Duẩn không chấp nhận mọi biểu hiện xơ cứng, máy móc, giáo điều.

Trên hướng tìm tòi đúng đắn đó, có nhiều vấn đề đã được đồng chí làm sáng tỏ về mặt lý luận, đã được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn, sáng tạo; cũng có nhiều vấn đề còn quá mới, còn ở bước đầu khai phá, thử

nghiệm, chưa thật đủ, chưa thật sáng, còn đòi hỏi có thời gian để bổ sung, phát triển, hoàn thiện thêm. Có những vấn đề cũng chưa vượt lên khỏi mô hình kinh tế đang bao trùm cả phe xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ.

Điều chủ yếu toát lên từ tấm gương của đồng chí Lê Duẩn, đó là một nhà lãnh đạo suốt đời say mê tìm tòi, sáng tạo, luôn luôn nêu cao phong cách tư duy độc lập, tự chủ, luôn luôn xối lật vấn đề, khuyến khích tranh luận để tiếp cận chân lý. Đồng chí đặc biệt nhấn mạnh đến việc phát hiện quy luật, vận dụng cho được quy luật (quy luật chiến tranh nhân dân, quy luật từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, quy luật kinh tế, văn hoá, tư tưởng,...) vào thực tiễn đời sống, lấy thực tiễn để kiểm nghiệm chân lý. Nhờ đó, trên bình diện nhà lý luận, đồng chí Lê Duẩn đã thực sự có đóng góp quan trọng, làm phong phú lý luận của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX.

Đồng chí Lê Duẩn - con người của tình thương và lẽ phải

Sinh thời, đồng chí Lê Duẩn thường nói, *con người sống là phải lao động, có tình thương và lẽ phải. Đó là đạo lý cuộc sống*. Ước mong của đồng chí là xây dựng thành công một xã hội xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, nhân dân no đủ, hạnh phúc, trong đó con người giàu tình thương yêu đối với nhau.

Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng chí Lê Duẩn luôn coi

việc xây dựng và phát triển văn hoá và con người là nhiệm vụ trọng yếu. Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá phải nhằm xây dựng cho mỗi người có nhân sinh quan mới, phù hợp với điều kiện kinh tế mới, quan hệ sản xuất mới. Đó là nhân sinh quan xã hội chủ nghĩa. Đồng chí cho rằng: con người ta không chỉ sống với miếng cơm và manh áo, mà còn có đời sống tình cảm, đời sống văn hoá, những cái đó gắn liền với lịch sử và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đồng chí dành nhiều thời gian nghiên cứu về con người, văn hoá, lịch sử Việt Nam, truyền thống dân tộc Việt Nam. Qua đó, đồng chí khái quát một trong những phẩm chất tốt đẹp nhất của con người Việt Nam là: “Thương nước, thương nhà, thương người, thương mình”.

Theo đồng chí Lê Duẩn, làm cách mạng tư tưởng và văn hoá là nhằm cải tạo lý trí đồng thời cải tạo cả tình cảm, xây dựng hệ thống lý trí và tình cảm mới. Để hiểu một sự việc gì, con người phải dùng lý trí, nhưng khi hành động thì phải có tình cảm. Khi tình cảm cách mạng giảm sút thì con người ta cũng nguội dần lý tưởng và không còn hành động cách mạng. Vì vậy, công tác tư tưởng không phải chỉ nhằm bồi dưỡng lập trường, quan điểm - trên lý trí - mà phải không ngừng chăm lo xây dựng tình cảm mới cho người lao động.

Nói đến xây dựng, bồi dưỡng tình cảm cho con người, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh trước hết đến *giáo*

dục lòng nhân ái, vì theo đồng chí, “*lòng thương người* là đạo lý của cuộc sống, là đạo lý làm người”, “cái gốc của đạo đức, của lý luận là lòng nhân ái”. Sức mạnh của người cách mạng là ở *lý tưởng* của mình đồng thời còn ở khát vọng về *tình thương* đối với đồng bào mình, nghĩa là yêu nước phải gắn với thương dân, phải có *tình thương* và *trách nhiệm* đối với dân. Đối với thanh niên, đồng chí Lê Duẩn yêu cầu phải rèn luyện lối sống nhân nghĩa, biết trọng tình thương và lẽ phải. Nói chuyện với các đảng viên trong ngành giáo dục, đồng chí Lê Duẩn nhắc nhở: muốn dạy học sinh nên người thì các thầy cô phải thực sự yêu con người, “càng yêu người bao nhiêu, càng yêu nghề bấy nhiêu”.

Những ý kiến của đồng chí Lê Duẩn về chủ nghĩa nhân đạo của con người Việt Nam trong lịch sử, về hình ảnh của các bà mẹ Việt Nam anh hùng, về lòng từ bi, bác ái của đạo Phật đã thấm sâu vào truyền thống dân tộc, v.v. là những ý kiến rất mới mẻ và sâu sắc.

Những điều tâm huyết đồng chí Lê Duẩn nói về *con người - tình thương và trách nhiệm* cũng là những điều đã được đồng chí thể hiện nhất quán trong cuộc sống của mình. Về trí tuệ, đồng chí từng được mệnh danh là “con người hai trăm ngôn ngữ”. Về tình cảm, đồng chí là một người nhân ái, cởi mở, dễ gần. Đối với nhân dân, với quần chúng, với con người nói chung, đồng chí có sự thông cảm, thương yêu, hoà hợp, có sức thuyết phục và động viên rất

lớn. Đối với cán bộ giúp việc, đồng chí có sự gắn bó, chăm sóc tận tình như đối với người thân trong gia đình.

Trong công việc, đồng chí là người quyết đoán, mạnh mẽ. Nhưng trong đời thường, đồng chí lại là người sống rất tình cảm, dễ xúc động trước những hoàn cảnh khó khăn, mất mát của đồng chí, đồng bào. Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, đồng chí Lê Duẩn nhận nhiệm vụ trở về Nam Bộ. Dọc đường từ Quảng Ngãi vào Bình Định, đồng bào phấn khởi chào đón, nhiệt liệt hoan hô đoàn. Nhiều người giơ hai ngón tay như muốn nói trong vòng hai năm nữa nước nhà sẽ thống nhất. Nhìn đồng bào hồ hởi vui mừng, đồng chí Lê Duẩn bỗng trào nước mắt, không sao cầm lòng được, vì đồng chí biết sau hai năm nữa chưa thể có tổng tuyển cử, nghĩa là biết đồng bào sẽ còn phải tiếp tục sống trong cảnh kìm kẹp dã man, khủng bố tàn bạo của kẻ thù nhiều năm nữa.

Trong những năm tháng cùng dân tộc tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trái tim đồng chí Lê Duẩn luôn nung nấu một điều: làm sao mau chóng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, để cho đồng bào ta đỡ mất mát, khổ đau. Tình cảm ấy đã ngày đêm chi phối suy nghĩ và việc làm của đồng chí. Đối với đồng chí, giải phóng miền Nam là mệnh lệnh của trái tim, là tâm huyết, là máu thịt, là lời thề thiêng liêng mà đồng chí đã thay mặt toàn Đảng, toàn dân ta, nghen ngào, xúc động hứa trước anh linh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại trong Lễ tang của Người năm 1969.

Trưa ngày 30-4-1975 lịch sử, khi Đài phát thanh đưa tin quân đội ta đã chiếm được dinh Độc lập, chính quyền Sài Gòn đã đầu hàng không điều kiện, miền Nam đã được hoàn toàn giải phóng, đồng chí lặng lẽ ngồi trong phòng riêng, dòng nước mắt chảy dài trên má, nhưng khuôn mặt vẫn nở nụ cười tốt cùng hạnh phúc.

Sau ngày chiến thắng, đồng chí Lê Duẩn nhiều lần trở lại miền Nam, thăm các gia đình cơ sở đã từng nuôi giấu, bảo vệ đồng chí ở Cà Mau, Rạch Giá, Bến Tre, trong nội thành Sài Gòn,... vào những thời điểm khó khăn nhất. Đồng chí nói: “Lúc đó, ai dám nuôi giấu cán bộ cách mạng là chấp nhận một sự hy sinh to lớn nếu bị địch phát hiện. Bây giờ thành công rồi, chúng ta phải nhớ ơn những gia đình dám sống chết với cách mạng”.

Năm 1976, đồng chí về thăm quê hương Quảng Trị sau nhiều năm xa cách. Đồng chí đến thăm từng nhà, bắt tay các cụ già, ôm hôn các cháu nhỏ. Đồng chí xúc động, không cầm được nước mắt trước cảnh nhà cửa đổ nát, ruộng vườn đồng khô cỏ cháy, làng mạc bị tàn phá tiêu điều... Đồng chí cảm thấy đau buồn trước những hy sinh, mất mát của đồng bào trong kháng chiến, nay đã được giải phóng mà vẫn chưa đủ cơm ăn, áo mặc...

Là một nhà lãnh đạo kiên cường luôn giữ đúng nguyên tắc, đồng chí Lê Duẩn còn là một người đồng chí, người bạn thủy chung sâu sắc tình nghĩa. Sau mấy năm ốm nặng, đến một ngày biết mình không qua khỏi, đồng chí cho mời đồng chí Trường Chinh đến nhà. Đang

nằm trên tầng 2, dù đã yếu mệt nhiều, đồng chí vẫn yêu cầu giúp mình mặc quần áo chỉnh tề, đòi diu xuống phòng khách để tỏ lòng tôn trọng đối với đồng chí Trường Chinh - một nhà lãnh đạo hàng đầu của Đảng mà đồng chí đã gắn bó trong suốt mấy chục năm hoạt động cách mạng. Trong cuộc nói chuyện, đồng chí Lê Duẩn đã gửi gắm vào đồng chí Trường Chinh với lòng tin cậy sâu sắc về công việc của Đảng, về tất cả những gì mình muốn làm mà chưa làm được cho đến lúc sắp đi xa.

Sinh thời, đồng chí Lê Duẩn có nhiều khát vọng cao cả, muốn làm điều tốt hơn nữa cho dân, cho nước, cho sự nghiệp cách mạng của Đảng. Do hạn chế của lịch sử và giới hạn của đời người, đồng chí chưa thể làm được hết những điều mình mong muốn. Nhưng cho đến những giây phút cuối cùng trên giường bệnh, đồng chí vẫn thể hiện là một con người trung thực, sáng suốt, đầy tình cảm, luôn luôn hướng về *lẽ phải, tình thương* và *trách nhiệm*.

Đồng chí Lê Duẩn - chiến sĩ quốc tế trong sáng

Là một nhà yêu nước lớn, đồng chí Lê Duẩn còn là một chiến sĩ quốc tế trong sáng, suốt đời trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chăm lo củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các đảng anh em, giữa các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đồng chí đã thay mặt Đảng ta đề xuất với các đảng cộng sản anh em, với phong trào cách mạng thế giới những luận điểm quan

trọng về giải quyết các mối quan hệ mang tính thời đại như: chiến tranh và hoà bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về tình hữu nghị giữa các dân tộc,... Năm 1960, đồng chí đã cùng một số đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta hai lần tham dự Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân quốc tế họp ở Bucarét và Mátxcơva. Tại các diễn đàn này, đồng chí Lê Duẩn luôn kiên định lập trường quốc tế của Đảng ta: Cùng tồn tại hoà bình phải đi đôi với đấu tranh chống đế quốc - nguồn gốc gây ra chiến tranh, hai mặt đó có tác động qua lại với nhau. Vì vậy, muốn bảo vệ hoà bình phải dập tắt lò lửa gây ra chiến tranh là chủ nghĩa đế quốc và đó chính là biện pháp bảo vệ hoà bình hữu hiệu nhất. Đồng chí khẳng định: "Chiến lược đấu tranh cho hoà bình bao gồm một cách tất yếu chính sách cùng tồn tại hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau. Chính sách cùng tồn tại hoà bình phải là và chỉ có thể là một bộ phận nằm trong toàn bộ chiến lược đấu tranh cho hoà bình"¹.

Những luận điểm và thái độ đúng đắn của Đảng ta về chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, về sự cần thiết phải đoàn kết phong trào cộng sản, thành lập Mặt trận Nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, v.v. là những đóng góp quan

1. Lê Duẩn: *Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, tr. 33.

trọng, góp phần củng cố và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong Mặt trận Nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, bảo vệ hoà bình.

Trong hoạt động đối ngoại, trước sự bất đồng giữa các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là giữa Liên Xô và Trung Quốc trong những năm 60 của thế kỷ XX, đồng chí Lê Duẩn cho rằng chỉ có một cách là Đảng ta phải giữ được độc lập, tự chủ, nếu ngã về một bên nào thì không thể góp phần vào việc khôi phục tình đoàn kết ấy được. Sự chia rẽ trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong những năm 60 của thế kỷ XX, là trở ngại lớn nhất đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, tạo điều kiện cho đế quốc Mỹ lợi dụng để chống phá cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Đảng ta cần phải có một đường lối đối ngoại đúng đắn, độc lập, tự chủ, vừa đáp ứng được lợi ích dân tộc, vừa đáp ứng yêu cầu cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Kiên định lập trường quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, Đảng ta đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới. Hàng loạt phái đoàn ngoại giao của Đảng, Nhà nước ta được cử ra nước ngoài để thực thi sứ mệnh vô cùng quan trọng nói trên. Riêng đồng chí Lê Duẩn,

nếu không kể những lần dưới danh nghĩa dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Quốc khánh Liên Xô, Trung Quốc và một số nước khác, đã có rất nhiều cuộc tiếp xúc công khai hoặc bí mật, gặp gỡ lãnh đạo Đảng và nguyên thủ của các nước này¹. Qua đàm phán, nhiều nguồn viện trợ đã được ký kết, nhiều tổ chức đoàn kết với Việt Nam (kể cả tổ chức chính phủ hoặc phi chính phủ), các đoàn thể chính trị ở nhiều nước bạn bè, anh em trên khắp thế giới đã được thành lập để ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam. Đó không chỉ là thắng lợi về chính trị, ngoại giao, kinh tế, quốc phòng, mà còn tạo được sự hậu thuẫn lớn cả về vật chất và tinh thần cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Chủ trương tăng cường hoạt động đối ngoại, tìm kiếm sự ủng hộ quốc tế, đồng thời đồng chí Lê Duẩn cũng luôn nhắc nhở các cấp, các ngành, các địa phương phải nâng cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh, tránh ỷ lại. Đồng chí khẳng định: "Chúng ta cần nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, chống tư tưởng sợ Mỹ, tư tưởng đàm phán khi chưa có điều kiện có lợi, muốn kết thúc chiến tranh với bất cứ giá nào, tư tưởng

1. Bộ Tổng Tham mưu Bộ Quốc phòng: *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc 1954-1975*. Tài liệu đánh máy, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ Đảng.

ỷ lại vào sự giúp đỡ của nước ngoài, không tin tưởng vào sức mình"¹.

Quan triệt sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “giúp bạn là tự giúp mình”, trong quá trình chỉ đạo công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, đồng chí Lê Duẩn luôn dành sự quan tâm đến các phong trào cách mạng trên thế giới, thể hiện trách nhiệm của Đảng và dân tộc ta đối với cuộc chiến đấu của ba nước Đông Dương trong thời kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Quan điểm và những hoạt động quốc tế của đồng chí Lê Duẩn không chỉ góp phần quan trọng đối với thành công của Đảng và Nhà nước ta trên mặt trận đối ngoại mà còn góp phần vào việc củng cố tình đoàn kết giữa các lực lượng hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới, đặc biệt là góp phần củng cố tình đoàn kết giữa các Đảng và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt giữa nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

Đồng chí Lê Duẩn - người học trò xuất sắc, người cộng sự gần gũi và tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tuy không có điều kiện tham dự các lớp huấn luyện chính trị do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp tiến hành ở Quảng Châu (Trung Quốc), nhưng tư tưởng, quan điểm của Người qua tác phẩm *Đường cách mệnh* và

1. *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước 1975*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, t.2, tr. 123.

sách báo cách mạng khác đã giác ngộ đồng chí Lê Duẩn. Cả cuộc đời đồng chí đã chiến đấu dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh. Được làm việc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, những tư tưởng lớn của Người đã được đồng chí Lê Duẩn tiếp thụ, phát triển và cụ thể hoá bằng đường lối, chính sách của Đảng, bằng hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, dù ở cương vị nào, đồng chí Lê Duẩn cũng luôn vận dụng, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Ngay từ những năm 1930, mặc dù chưa một lần được gặp Bác Hồ, nhưng tư tưởng của Người về cách mạng giải phóng dân tộc, về mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc..., đã được đồng chí Lê Duẩn tiếp thu vận dụng một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo. Đồng chí Lê Duẩn, với tư cách là người lãnh đạo cao nhất của Đảng ở Nam Bộ trong những năm 1946 - 1957, không chỉ đã thống nhất được tổ chức đảng mà còn xây dựng thành công khối đại đoàn kết dân tộc, huy động được sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, các nhân sĩ trí thức vào cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc. Từ giữa năm 1957, được Trung ương điều động ra Hà Nội công tác, mối quan hệ giữa đồng chí Lê Duẩn với Chủ tịch Hồ Chí Minh càng trở nên gần gũi, thân thiết. Mối quan hệ đó không chỉ được thể hiện trong công tác hàng ngày mà chủ yếu được thể hiện ở sự nhất trí về tư tưởng và

phong cách làm việc. Những thành công của đồng chí Lê Duẩn trong lĩnh vực lý luận và chỉ đạo thực tiễn đều gắn liền với uy tín và ảnh hưởng của người thầy vĩ đại - Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính sự nhất trí đó là cơ sở tạo nên sự thống nhất ý chí của toàn Đảng và của toàn dân tộc. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, với cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, lãnh đạo toàn dân, toàn quân ta biến đau thương thành hành động cách mạng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, thực hiện xuất sắc *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Là học trò, người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn học tập và làm theo những đức tính cao quý của Người: *Tận trung với nước, tận hiếu với dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, trung thực, giản dị, nhân ái, bao dung*. Nhờ rèn luyện theo tấm gương của người THẦY vĩ đại, đồng chí Lê Duẩn đã trở thành một nhân cách lớn: sống trung thực và giản dị, không ham danh lợi, địa vị, ghét phô trương hình thức. Đồng chí luôn luôn gần gũi đồng bào, đồng chí, dễ hòa mình với nhân dân lao động. Đồng chí đến với mọi người bằng tình thân yêu, chân thành, bằng lòng nhân hậu, khoan dung, do đó mà có sức cảm hóa và thuyết phục đối với quần chúng.

Cuộc đời chiến đấu kiên cường gần 60 năm của đồng chí Lê Duẩn cho độc lập, thống nhất của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân, cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, là một tấm gương sáng chói về lòng trung thành vô hạn với lý tưởng, về ý chí và tinh thần cách mạng tiến công, về tình cảm nồng nàn, tha thiết với Tổ quốc và nhân dân, với đồng chí và đồng bào, về một tư duy không ngừng nghỉ để tìm tòi, sáng tạo trong đấu tranh và xây dựng,... Nhờ một trí tuệ thiên bẩm, nhưng cái chính là nhờ biết không ngừng học hỏi trong trường học nhà tù, trường học của thực tiễn cách mạng qua các thời kỳ lịch sử, nhờ giỏi tổng kết, biết rút ra bài học kinh nghiệm, nâng lên thành lý luận, tìm ra quy luật để rồi lại đưa vào vận dụng trong thực tiễn, đồng chí Lê Duẩn đã từ một thanh niên yêu nước bước vào con đường cách mạng chuyên nghiệp, sớm được trao những trọng trách cao trong Đảng, cuối cùng trở thành nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng, kế tục sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta thực hiện thắng lợi Di chúc thiêng liêng của Người “dù khó khăn gian khổ đến mấy”, “chúng ta phải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”! Qua đó, có thể thấy đồng chí Lê Duẩn là sản phẩm của trí tuệ cách mạng Việt Nam, của giá trị lịch sử - văn hoá Việt Nam, của ý chí độc lập, tự chủ Việt Nam, được thăng hoa lên dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Công lao, cống hiến của đồng chí Lê Duẩn đóng góp cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đặc biệt những sáng tạo của đồng chí về lý luận và đường lối cách mạng trong đấu tranh chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đã nâng trình độ tư duy lý luận của Đảng ta, dân tộc ta lên một tầm cao mới, góp phần làm phong phú kho tàng lý luận của cách mạng thế giới.

Tiến hành hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống lại những đế quốc khổng lồ và hung bạo nhất trong thế kỷ XX; xây dựng lại đất nước từ một thực trạng nghèo nàn, lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá, bỏ qua chế độ tư bản, đi lên chủ nghĩa xã hội,... đó là một sự nghiệp đầy gian khổ, khó khăn, khó ai tránh khỏi những thiếu sót, sai lầm trên con đường đi tới thắng lợi cuối cùng. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, đồng chí Lê Duẩn không ngừng phấn đấu, vượt qua khó khăn, thử thách để đi vào lịch sử đương đại của dân tộc như là **một trí tuệ lớn, một tài năng lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam.**

Lịch sử nước ta mãi khẳng định công lao và cống hiến xuất sắc của đồng chí Lê Duẩn.

Hình ảnh của đồng chí sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I . Các tác phẩm của đồng chí Lê Duẩn

1. Lê Duẩn: *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959.
2. Lê Duẩn: *Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959.
3. Lê Duẩn: *Nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và công tác khoa học*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
4. Lê Duẩn: *Giai cấp công nhân và công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1961.
5. Lê Duẩn: *Tạo một chuyển biến mạnh mẽ về công tác tư tưởng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1962.
6. Lê Duẩn: *Tập trung lãnh đạo, củng cố hợp tác xã, quyết giành thắng lợi quyết định trên mặt trận nông nghiệp trong những năm tới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1962.
7. Lê Duẩn: *Tất cả để sản xuất, để công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1962.
8. Lê Duẩn: *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963.
9. Lê Duẩn: *Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp*, Nxb. Sự thật, H. 1963.

10. Lê Duẩn: *Giương cao ngọn cờ cách mạng của chủ nghĩa Mác sáng tạo, đưa sự nghiệp cách mạng của chúng ta đến toàn thắng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963.
11. Lê Duẩn: *Hăng hái tiến lên hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963.
12. Lê Duẩn: *Tạo một chuyển biến cách mạng sâu sắc để giành thắng lợi trong cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963.
13. Lê Duẩn: *Một vài vấn đề trong nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1964.
14. Lê Duẩn: *Giai cấp công nhân và liên minh công nông*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1965.
15. Lê Duẩn: *Ta nhất định thắng, địch nhất định thua*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1965.
16. Lê Duẩn: *Về những vấn đề quốc tế*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1965.
17. Lê Duẩn: *Hăng hái tiến lên dưới ngọn cờ vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1967.
18. Lê Duẩn: *Phải đứng trên quan điểm giai cấp mà nhận xét vấn đề phụ nữ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1967.
19. Lê Duẩn: *Nắm vững đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến lên xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1968.
20. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1968.

21. Lê Duẩn: *Thanh niên trong lực lượng vũ trang hãy vươn lên hơn nữa phấn đấu cho lý tưởng cách mạng, đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước* (Bài nói trong Đại hội quyết thắng toàn quân ngày 18-5-1966), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1969.
22. Lê Duẩn: *Xây dựng tư tưởng làm chủ tập thể trên lập trường giai cấp vô sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1969.
23. Lê Duẩn: *Phát huy thắng lợi 40 năm qua tiến lên hoàn thành nhiệm vụ mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970.
24. Lê Duẩn: *Chủ nghĩa Lênin soi sáng mục tiêu cách mạng của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970.
25. Lê Duẩn: *Học tập và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lênin*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970.
26. Lê Duẩn - Trường Chinh - Phạm Văn Đồng - Tố Hữu: *Thấu suốt đường lối của Đảng đưa sự nghiệp giáo dục tiến lên mạnh mẽ, vững chắc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1972.
27. Lê Duẩn: *Người công nhân làm chủ phải lao động quên mình, lao động với năng suất cao*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1972.
28. Lê Duẩn: *Mấy vấn đề về cán bộ và về tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1973.
29. Lê Duẩn: *Giai đoạn mới của cách mạng và nhiệm vụ của công đoàn*, Nxb. Sự thật, H. 1974.
30. Lê Duẩn - Phạm Văn Đồng: *Về tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974.

31. Lê Duẩn: *Vai trò giai cấp công nhân Việt Nam và nhiệm vụ công đoàn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975.
32. Lê Duẩn: *Đảng Lao động Việt Nam, người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975.
33. Lê Duẩn: *Quyết tâm xây dựng Việt Nam thành một nước văn minh, giàu mạnh, vươn lên đỉnh cao của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975.
34. Lê Duẩn: *Con đường tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của thanh niên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
35. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
36. Lê Duẩn: *Tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của chúng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
37. Lê Duẩn: *Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
38. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* (Tác phẩm chọn lọc), tập I, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
39. Lê Duẩn: *Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt Nam thống nhất xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
40. Lê Duẩn: *Một vài vấn đề trong công tác thương nghiệp và giá cả*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977.

41. Lê Duẩn: *Nhân dân lao động làm chủ tập thể là sức mạnh, là lực đẩy của chuyên chính vô sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977.
42. Lê Duẩn - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng: *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977.
43. Lê Duẩn: *Tiến lên dưới ngọn cờ Cách mạng Tháng Mười vĩ đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977.
44. Lê Duẩn: *Xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977.
45. Lê Duẩn: *Xây dựng Côn Đảo thành viên ngọc quý của Tổ quốc ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977.
46. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1978.
47. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* (Tác phẩm chọn lọc), tập II, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
48. Lê Duẩn: *Hăng hái vươn lên xứng đáng với truyền thống cao đẹp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
49. Lê Duẩn: *Một số vấn đề cơ bản về công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
50. Lê Duẩn: *Xây dựng Cao Bằng thành một tỉnh giàu có về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
51. Lê Duẩn: *Làm chủ tập thể là bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.

52. Lê Duẩn: *Ra sức xây dựng Tây Bắc giàu mạnh*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
53. Lê Duẩn: *Phát huy quyền làm chủ tập thể xây dựng nhà nước vững mạnh*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
54. Lê Duẩn: *Phát huy quần chúng xây dựng quyền làm chủ tập thể*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
55. Lê Duẩn: *Tây Nguyên đoàn kết tiến lên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
56. Lê Duẩn: *Luôn luôn làm tròn nghĩa vụ với Đảng, với dân*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
57. Lê Duẩn: *Về xây dựng Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
58. Lê Duẩn: *Tiếp tục nghiên cứu xây dựng lý luận quân sự Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
59. Lê Duẩn: *Phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu đẹp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
60. Lê Duẩn - Trường Chinh: *Về đường lối giáo dục xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
61. Lê Duẩn: *Về hợp tác hoá nông nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
62. Lê Duẩn: *Mấy vấn đề về kinh tế địa phương*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
63. Lê Duẩn: *Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
64. Lê Duẩn: *Phải làm tốt công tác cán bộ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
65. Lê Duẩn: *Tiếp tục nghiên cứu xây dựng lý luận quân sự Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.

66. Lê Duẩn: *Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
67. Lê Duẩn: *Tuổi trẻ anh hùng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
68. Lê Duẩn: *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980.
69. Lê Duẩn: *Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
70. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* (Tác phẩm chọn lọc), tập III, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
71. Lê Duẩn: *Tiến lên dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
72. Lê Duẩn: *Phát huy thắng lợi vĩ đại, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
73. Lê Duẩn: *Hiến pháp mới, Hiến pháp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.
74. Lê Duẩn: *Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.
75. Lê Duẩn: *Về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, H. 1981.
76. Lê Duẩn: *Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.
77. Lê Duẩn: *Chủ nghĩa Lênin và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.

78. Lê Duẩn: *Vì cả nước, cùng cả nước, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long hăng hái vươn lên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.
79. Lê Duẩn: *Bảo đảm cho đất nước đánh thắng kẻ thù xâm lược*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1981.
80. Lê Duẩn: *Xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.
81. Lê Duẩn: *Mấy vấn đề về đảng cầm quyền*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.
82. Lê Duẩn: *Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và tình cảm của chúng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.
83. Lê Duẩn: *Các dân tộc đoàn kết, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.
84. Lê Duẩn: *Thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983.
85. Lê Duẩn: *Thấu suốt hơn nữa đường lối của Đảng trong chặng đầu của thời kỳ quá độ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983.
86. Lê Duẩn: *Ngọn cờ của Lênin và của Bác Hồ sẽ mang đến đích thắng lợi cuối cùng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983.
87. Lê Duẩn: *Tiến bước theo phương hướng chiến lược đã vạch ra*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984.
88. Lê Duẩn: *Nắm vững quy luật đổi mới quản lý kinh tế*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984.

89. Lê Duẩn: *Cách mạng Tháng Mười với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984.
90. Lê Duẩn: *Xây dựng Thủ đô Hà Nội xứng đáng với niềm tin của cả nước*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984.
91. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* (Tác phẩm chọn lọc), tập IV, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.
92. Lê Duẩn: *Vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa vững mạnh, phồn vinh*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.
93. Lê Duẩn: *Vươn lên hoàn thành sứ mệnh lịch sử trong giai đoạn mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.
94. Lê Duẩn: *Chiến thắng của sức mạnh tổng hợp, sức mạnh dân tộc và thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.
95. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, H. 1985.
96. Lê Duẩn: *Nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và công tác khoa học*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986.
97. Lê Duẩn: *Chủ tịch Hồ Chí Minh: Lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986.
98. Lê Duẩn: *Tuyển tập, tập I (1950-1975)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
99. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
100. *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

II. Những tài liệu liên quan đến đồng chí Lê Duẩn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia.
3. *Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội*, Nxb. Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1985.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
6. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng, tập 1*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
7. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng, tập 2*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
8. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng, tập 3*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.
9. *Việt Nam những sự kiện, tập 1*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975.
10. *Việt Nam những sự kiện, tập 2*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976.
11. *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, tập 1*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.

12. *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, tập 2*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
13. Ban Chấp hành Thành đoàn Hà Nội: *Lịch sử Đoàn Thanh niên Thành phố Hà Nội*, Hà Nội, 1987.
14. *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tập 1*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.
15. *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tập 2*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.
16. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, tập 1, Nguyên nhân chiến tranh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
17. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, tập 2, Chuyển hướng chiến lược*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
18. *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1975)*. Tài liệu tham khảo.
19. *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ*, 1971, Thông tấn xã Việt Nam dịch.
21. *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002
22. *Nhân dân ta rất anh hùng* (Hồi ký cách mạng), Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960.
33. Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa Xuân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976.
24. Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985.

25. Hồi ký của các vị lão thành cách mạng, những người đã từng công tác bên cạnh đồng chí Lê Duẩn: Võ Nguyên giáp, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Văn Tạo, Hà Huy Giáp, Vũ Thiện Chân, Nguyễn Văn Hoan, Đào Duy Kỳ, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Hoàn, Trần Hoàn, Huỳnh Hùng Lý, Trần Bạch Đằng, Đặng Thới, Nguyễn Khánh, Đỗ Quốc Hùng, Võ Nghiêm
26. *Gia phả tộc họ Lê Văn.*

III. Tài liệu lưu trữ

1. *Biên bản các cuộc họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội nghị Trung ương từ 1957-1986, có ghi lời phát biểu của đồng chí Lê Duẩn, lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.*
2. Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ: *Biên bản hội nghị ngày 25-5-1948 để giải quyết vấn đề Khu VII.*
3. Xứ uỷ Nam Bộ: *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Xứ uỷ mở rộng từ ngày 16 đến 20-2-1951.*
4. Trung ương Cục miền Nam: *Nghị quyết về củng cố chính quyền dân chủ nhân dân ở Nam Bộ, 28-10-1952.*
5. Bộ Quốc phòng: *Tập tài liệu về quan hệ Việt - Trung (1988).*
6. Công điện số 43/NB, ngày 21 tháng 4 năm 1951, của Trung ương gửi Xứ uỷ Nam Bộ về cuộc họp gửi Trung ương và đoàn đại biểu Nam Bộ.

7. *Nghị quyết số 37/NQ-TƯ, ngày 28 tháng 10 năm 1952, về củng cố chính quyền dân chủ nhân dân chuyên chính ở Nam Bộ.*
8. *Phong trào cách mạng và Mặt trận dân tộc Nam Bộ (1952).* Tư liệu lưu tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
9. *Thư gửi Trung ương số 120/PN, ngày 11 tháng 12 năm 1952.*
10. *Nghị quyết số 28/NQ-XU, Hội nghị Thường vụ Xứ uỷ mở rộng từ ngày 16 đến 20 tháng 2 năm 1951.*
11. *Bài nói chuyện của đồng chí Lê Duẩn về tình hình miền Nam tại Trường Nguyễn Ái Quốc khoá I, năm 1959.*
12. *Biên bản Hội nghị ngày 26 tháng 5 năm 1948 để giải quyết vấn đề Khu VII.*
13. *Phát biểu ý kiến của đồng chí Lê Duẩn trong Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng).*
14. *Sơ kết những ý kiến chính về vấn đề thảo luận trong Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng đến ngày 19 tháng 1 năm 1959).*
15. *Báo cáo của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị tuyên huấn tháng 6-1959 về vấn đề đấu tranh thống nhất.*
16. *Biên bản thảo luận phân cách mạng ở miền Nam.*
17. *Dự thảo chỉ thị về công tác miền Nam.*
18. *Điện gửi Xứ uỷ Nam Bộ về công tác miền Nam.*
19. *Ý kiến của đồng chí Lê Duẩn về cải tạo đối với tư sản (miền Bắc).*

20. *Ý kiến của đồng chí Lê Duẩn phát biểu trong cuộc họp của Ban Bí thư thông qua đề án báo cáo năm 1965 và phương hướng công tác tài chính thương nghiệp trong năm 1966.*
21. *Bài nói của đồng chí Lê Duẩn ở Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 bàn về kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ngày 8-4-1963.*
22. *Bài nói của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị Bộ Chính trị về vấn đề nông nghiệp, ngày 24-5-1977.*
23. *Lược ghi ý kiến của đồng chí Ba về giá cả và tiền lương.*
24. *Đề cương kết luận Hội nghị Trung ương 4 (Khoá IV), từ ngày 14 đến 24-7-1977.*
25. *Đề cương phát biểu của đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hậu Giang, ngày 13-10-1978.*
26. *Lê Duẩn: Đẩy mạnh cải tạo kết hợp với xây dựng (Bài nói tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4-3-1978).*
27. *Lê Duẩn: Lược ghi bài nói của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị Trung ương lần thứ 22 (khoá III), Trường Đảng Cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Hà Nội, 1978.*
28. *Đề cương kết luận Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 27-8-1979.*
29. *Tóm tắt ý kiến của anh Ba trong buổi làm việc với Tiểu ban chuẩn bị Hội nghị Trung ương về quản lý kinh tế trong 2 ngày 19 và 20-9-1979.*

30. *Đề cương kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị về phương hướng kế hoạch 5 năm 1981-1985.*
31. *Đề cương kết luận Hội nghị Bộ Chính trị bàn về phân phối lưu thông.*
32. *Lời phát biểu của đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, sau khi nghe báo cáo của đoàn cố vấn kinh tế Liên Xô trong hai ngày 12 và 13- 9-1980.*
33. *Bài phát biểu của đồng chí Lê Duẩn kết thúc Hội nghị Bộ Chính trị về phân phối, lưu thông, từ ngày 13 đến 17-2-1981.*
34. *Bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn với các trưởng đoàn đại biểu dự Hội nghị Hội đồng Tương trợ kinh tế, ngày 11-1-1986.*
35. *Các tài liệu liên quan đến Lịch sử Đảng, Lịch sử Biên niên Xứ uỷ Nam Bộ, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh.*
36. *Các tài liệu, ảnh tư liệu liên quan đến đồng chí Lê Duẩn, lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Trị, Bảo tàng tỉnh Quảng Trị, Nhà lưu niệm đồng chí Lê Duẩn tại Triệu Phong, Quảng Trị.*

IV. Tài liệu viết về đồng chí Lê Duẩn

1. *Lê Duẩn và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

2. Lê Duẩn: *Một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam* (Hồi ký), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
3. GS. Trần Nhân: *Lê Duẩn - Trường Chinh: Hai nhà lý luận xuất sắc của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
4. *Lê Duẩn với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Trị*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
 <i>Chương I: QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH – TUỔI TRẺ</i> (1907-1927)	 9
 <i>Chương II: TRƯỞNG THÀNH TRONG ĐẤU TRANH</i> <i>CÁCH MẠNG (1928-1945)</i>	 37
1. Đi theo con đường cách mạng vô sản	37
2. Trưởng thành trong nhà tù đế quốc	45
3. Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ	85
4. Kiên định con đường đã chọn	108
 <i>Chương III: NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG</i> <i>Ở NAM BỘ (1946-1957)</i>	 124
1. Tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ	124
2. Đấu tranh bảo toàn lực lượng - Xây dựng Đề cương đường lối cách mạng miền Nam	197

<i>Chương IV: LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1957 - 1975)</i>	231
1. Tiến hành xây dựng miền Bắc, củng cố, phát triển lực lượng, đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam	231
2. Lãnh đạo xây dựng miền Bắc và đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ và tay sai	275
3. Chuyển hướng xây dựng hậu phương miền Bắc, đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ	317
4. Đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	377
<i>Chương V: LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CẢ NƯỚC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976 - 1986)</i>	434
1. Hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước về mặt nhà nước	435
2. Đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội	453
<i>Chương VI: LÊ DUẨN - NHÀ LÃNH ĐẠO KIẾT XUẤT CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM</i>	503
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	533

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung:

NGUYỄN VĂN TRỌNG

NGUYỄN ĐÌNH THỰC

NGUYỄN TUYẾT NGÀ

Vẽ bìa:

NGUYỄN THỊ HOÀ

Chế bản vi tính:

PHẠM NGUYỆT NGÀ

Sửa bản in, đọc sách mẫu:

NGUYỄN TUYẾT NGÀ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 9422008 FAX: 84-4-9421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn

Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Viện Hồ Chí Minh

* **HỒ CHÍ MINH - BIÊN NIÊN TIỂU SỬ** (Gồm 10 tập)

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

* **HỒ CHÍ MINH - TIỂU SỬ**

**Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo
của Đảng và Nhà nước**

* **TRẦN PHÚ - TIỂU SỬ**

* **LÊ HỒNG PHONG - TIỂU SỬ**

* **HÀ HUY TẬP - TIỂU SỬ**

* **NGUYỄN VĂN CỪ - TIỂU SỬ**

* **TRƯỜNG CHINH - TIỂU SỬ**

* **LÊ DUẨN - TIỂU SỬ**

* **NGUYỄN VĂN LINH - TIỂU SỬ**

* **TÔN ĐỨC THẮNG - TIỂU SỬ**

* **PHẠM VĂN ĐỒNG - TIỂU SỬ**

* **PHẠM HÙNG - TIỂU SỬ**